THÁNH NHÂN KÝ SỰ
(*APADĀNA*)

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ

Apadānapāḷi là tựa đề của tập thứ 13 thuộc *Tiểu bộ* (*Khuddakanikāya*). Chúng tôi đề nghị tựa đề tiếng Việt là *Thánh nhân ký sự. Chú giải* của tập *Apadānapāḷi* có tên là *Visuddhajanavilāsinī*, nhưng các chi tiết liên quan đến vị Chú giải sư không được tìm thấy.

Apadānapāḷi gồm có bốn phần:

Buddhāpadāna (liên quan đến Phật Toàn Giác)

Paccekabuddhāpadāna (liên quan đến Phật Độc Giác)

Therāpadāna (559 câu chuyện về các vị Trưởng lão)

Therīapadāna (40 câu chuyện về các vị Trưởng lão Ni)

Phần thứ nhất *Buddhāpadāna* đề cập đến câu chuyện của tiền thân đức Bồ-tát khi Ngài là đấng Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (*ApA*. 109). Vị này đã dùng năng lực của tâm tạo nên tòa lâu đài bằng châu báu và đã cúng dường đến vô số chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác và chư vị Thinh văn đệ tử bằng tác ý. Điểm đáng chú ý ở đây là tất cả các chi tiết ở cuộc lễ cúng dường này chỉ là những diễn tiến trong tâm thức của vị Chuyển Luân Vương Tilokavijaya, và không nên hiểu rằng đã có diễn ra một cuộc hội họp của các vị đã chứng quả giác ngộ trong hai thời quá khứ và hiện tại, tức là chư Phật gồm ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn (câu kệ 22 và 52). Hơn nữa, chính đức Phật Gotama thời hiện tại của chúng ta cũng đã xác nhận rằng quả báo của sự cúng dường ở trong tâm này đã giúp cho tiền thân của Ngài được sanh về cõi trời Đạo-lợi (câu kệ 53).

Trái lại, phần thứ nhì *Paccekabuddhāpadāna* không đề cập đến các hành động quá khứ đã có liên quan đến sự giải thoát trong thời hiện tại của chư Phật Độc Giác theo như chủ đề chính của bộ kinh, mà là "những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakya, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp" (câu kệ 138). Những lời kệ này của chư Phật Độc Giác còn được tìm thấy ở phẩm I, phần 3, *Suttanipāta* (*Kinh tập*), là tập kinh thứ 5 thuộc *Khuddakanikāya*. Điều cần lưu ý ở đây là do nhân duyên lời thỉnh cầu của Ngài Ānanda mà đức Phật Gotama đã thuyết giảng hai phần *Buddhāpadāna* và *Paccekabuddhāpadāna* này.

Hai phần cuối, *Therāpadāna* gồm có 559 câu chuyện về các vị Trưởng lão được chia làm 56 phẩm (*vagga*), và *Therīapadāna* (*Trưởng lão Ni ký sự*) gồm có 40 câu chuyện về các vị Trưởng lão Ni được chia làm 4 phẩm. Các câu chuyện này đề cập đến những hành động đã được tiền thân của các vị này thực hiện trong thời quá khứ. Đối tượng của các việc phước thiện này có tính chất đa dạng, có thể là các vị Phật Toàn Giác, Độc Giác hoặc Thinh văn. Thậm chí việc lễ bái cúng dường các vật có liên quan đến các Ngài như là cội Bồ-đề, ngôi bảo tháp, tấm y ca-sa, và ngay cả dấu chân đã được đức Phật để lại trên nền đất, v.v... cũng đã làm sanh khởi niềm tin đưa đến việc hành thiện của tiền thân các vị này, cuối cùng đem lại sự thành tựu Niết-bàn cho các vị trong kiếp sống cuối cùng. Một số tiền thân có sự phát nguyện thành tựu vị thế tối thắng và đã nhận được chú nguyện thành tựu của các vị Phật đương thời. Thêm vào đó, các ký sự này còn đề cập đến việc thành tựu về phước báu nhân thiên và các sự thành công trong các kiếp sống kế tiếp trước khi gặp được đức Phật Gotama, rồi việc xuất gia trở thành Tỳ-khưu hay Tỳ-khưu-ni, sau đó thành tựu quả vị Thinh văn A-la-hán, chứng đắc các pháp thù thắng là bốn (tuệ) phân tích, tám giải thoát, sáu thắng trí và Niết-bàn. Các chi tiết được trình bày ở mỗi ký sự đã được chư Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni đích thân thuật lại, dài ngắn cũng không chừng đỗi, đôi lúc có xen lẫn một vài dòng kệ chú thích của người sưu tập, câu chuyện ngắn nhất chỉ có vài ba câu kệ (*gāthā*), câu chuyện dài nhất có hơn hai trăm câu kệ (400 dòng).

Xét rằng 139 câu kệ của hai phần đầu tức là *Buddhāpadāna* và *Paccekabuddhāpadāna* chỉ là một phần rất khiêm tốn so với gần 7.800 câu kệ của toàn thể bộ kinh này, cho nên có thể nói rằng chủ đề chính của bộ kinh hướng đến các vị Thánh Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni. Đặc biệt, đối với những vị Thinh văn có được sự thành tựu về các vị thế tối thắng vào thời đức Phật Gotama, thì tiền thân của các vị này trong quá khứ cũng đã có sự phát khởi ước muốn thành tựu vị thế ấy, cũng có làm việc phước thiện thù thắng và cũng được chú nguyện bởi vị Phật của thời kỳ ấy. Có giả thuyết cho rằng hai phần đầu *Buddhāpadāna* và *Paccekabuddhāpadāna* đã được thêm vào nhằm để khẳng định rằng con đường giải thoát gồm có ba hạng: Toàn Giác, Độc Giác và Thinh văn. Dầu hạnh nguyện và sự thực hành của ba hạng Phật là không đồng đẳng cấp, nhưng cứu cánh giải thoát đều giống nhau là sự đoạn tận các lậu hoặc, chấm dứt các khổ đau và Niết-bàn.

Có thể đưa ra nhận xét rằng bộ *Apadāna* chủ yếu nói về vai trò của nghiệp (*kamma*) trong quá trình luân hồi (*saṃsāra*), về sự gặt hái kết quả (*phala*) của hành động đã làm trong các kiếp quá khứ (*pubbakamma*). *Apadāna* không chỉ nêu lên các thiện nghiệp có quả thành tựu tốt đẹp mà còn có nhắc đến một số ác nghiệp đưa đến kết quả xấu xa. Ví dụ như ký sự của Trưởng lão Upāli (*Upālittherāpadāna*) kể lại câu chuyện tiền thân của vị này đã thực hiện hành động cung kính đến đức Phật Padumuttara và đã ước

nguyện trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu về Luật. Tuy nhiên, vào kiếp sanh làm vị Hoàng tử tên Candana, do việc đã dùng voi khuấy rối đến một vị Phật đang đi khất thực, cho nên trong kiếp cuối cùng dẫu bị sanh làm người thợ cạo thuộc dòng dõi thấp kém nhưng vị Trưởng lão Upāli này vẫn trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu về Luật trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

Điểm đặc biệt là các việc quét dọn, xây dựng viền rào, cúng dường đến cội cây Bồ-đề, hay là các hành động xây dựng và quét vôi bảo tháp, dâng hoa đến bảo tháp, cúng dường Xá-lợi cũng là nhân tố cho những thành tựu phước báu lớn lao và còn đưa đến thành tựu quả vị A-la-hán trong thời đức Phật nữa. Nói đến Xá-lợi, điểm đáng lưu ý là ngay cả đức Phật cũng tỏ lòng tôn trọng đến Xá-lợi của các vị Thinh văn. Ký sự 50 về Trưởng lão Cunda mô tả đức Thế Tôn đã nhận lấy Xá-lợi của vị Trưởng lão Sāriputta bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy đã tán dương vị Thinh văn đệ nhất này. Tương tợ như thế, Ngài cũng đã nâng Xá-lợi của vị Trưởng lão Ni Mahāpajāpati Gotamī bằng hai tay khi nhắc đến công hạnh của bà. Và nhiều ký sự nói về các vị Thinh văn được giải thoát Niết-bàn do công hạnh cúng dường Xá-lợi trong quá khứ. Thêm vào đó, việc cúng dường thực phẩm và các vật dụng cần thiết đến đức Phật và hội chúng Tỳ-khưu là có được thành quả lớn lao cũng được khẳng định qua nhiều ký sự ở bộ kinh này.

Đặc biệt, có phần ký sự tên *Pubbakammapilotiapadāna* đề cập đến các nghiệp xấu do tiền thân đức Phật Gotama đã tạo nên trong 12 kiếp sống quá khứ. Các nghiệp này đã trổ quả vào lúc Ngài đã thành tựu quả vị Phật Toàn Giác. Ví dụ như việc nữ du sĩ ngoại đạo Sundarikā đã vu cáo Ngài trong thời hiện tại là do tiền thân của Ngài, lúc sanh làm kẻ vô lại Munāḷī, đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhu, và vào một kiếp khác đã bôi nhọ vị ẩn sĩ Bhīma có năm thắng trí, có đại thần lực là người vẫn còn đắm say dục lạc; về việc nàng Ciñcamānavikā vu cáo sự liên hệ thân mật giữa nàng và đức Phật do nhân của hành động vu cáo vị Thinh văn tên Nanda của đức Phật Sabbābhibhū; về việc voi Nālāgirī chạy đến Ngài với ý muốn hãm hại do việc tiền thân đã cỡi voi công kích một vị Phật Độc Giác đang đi khất thực. Và về các chứng khó chịu ở thân cũng do tác động của nghiệp quá khứ ví dụ như chứng nhức đầu do đã có tâm hoan hỷ khi trông thấy các con cá bị giết chết; về chứng đau lưng do đã đánh gục đối thủ trong một cuộc giao đấu; về bệnh tiêu chảy do trong thời quá khứ làm một vị thầy thuốc đã cố ý cho thuốc xổ đến con trai nhà triệu phú, v.v... Có điều thắc mắc là các ký sự *Pubbakammapilotika* này có liên quan đến đức Phật, nhưng tại sao lại không được xếp vào *Buddhāpadāna*, mà lại được sắp vào phần của các vị Thinh văn *Therāpadāna*?

Một điều khác cũng đã được ghi nhận như sau: Trong các tập thuộc *Tiểu bộ* (*Khuddakanikāya*), chủ đề về nghiệp đã được trình bày theo các sự sắp xếp khác nhau:

– *Jātaka* (*Bổn sanh*), *Buddhavaṃsa* (*Phật sử*), *Cariyāpiṭaka* (*Hạnh tạng*) nói về các tiền thân của đức Phật Gotama.

– *Apadāna* (*Thánh nhân ký sự*) liên quan đến các vị Thinh văn Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni.

– *Vimānavatthu* (*Chuyện Thiên cung*) và *Petavatthu* (*Chuyện Ngạ quỷ*) thì đề cập đến nghiệp quả của nhiều hạng người.

Về hình thức, bộ *Apadāna* được viết theo thể kệ thơ (*gāthā*), mỗi câu kệ gồm có bốn *pāda* được trình bày thành hai dòng. Đa số các câu kệ của tập kinh này làm theo thể thông thường gồm có tám âm cho mỗi *pāda*. Chúng tôi chủ trương ghi lại lời dịch Việt theo lối văn xuôi hầu ý nghĩa chuyển dịch được phần trọn vẹn. Đôi chỗ hai câu kệ được dịch chung thành một đoạn dựa theo tính chất hoàn chỉnh về văn phạm hoặc về ý nghĩa của chúng.

Về phương diện dịch thuật và trình bày văn bản tiếng Việt, có một số điều cần lưu ý như sau: Mặc dầu toàn bộ văn bản là các lời tự thuật, tuy nhiên chúng tôi chỉ trình bày ở dạng chữ nghiêng cho những đoạn có tính chất đối thoại trực tiếp hoặc những điều ước nguyện, suy nghĩ. Về từ xưng hô của hàng đệ tử đối với đức Phật, chúng tôi sử dụng từ "con" ở ngôi thứ nhất cho những trường hợp trực tiếp, và "tôi" cho những trường hợp xét rằng người nghe là các đối tượng khác. Về văn phong của lời dịch, chúng tôi chủ trương ghi lại lời tiếng Việt sát theo văn bản gốc và cố gắng không bỏ sót từ nào không dịch. Lời văn tiếng Việt của chúng tôi có chứa đựng những mẩu chốt giúp cho những ai có ý thích nghiên cứu Pāḷi thấy ra được cấu trúc của loại ngôn ngữ này. Việc làm này của chúng tôi không hẳn đã được hoàn hảo, dẫu sao cũng là bước khởi đầu nhằm thúc đẩy phong trào nghiên cứu cổ ngữ Phật học của người Việt Nam. Tuy nhiên, một số sai sót trong quá trình phiên dịch đương nhiên không thể tránh khỏi, chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về trình độ yếu kém.

Cuối cùng, ngưỡng mong phước báu phát sanh trong công việc soạn thảo tập kinh này được thành tựu đến Thầy Tổ, song thân và tất cả chúng sanh trong tam giới. Nguyện cho hết thảy đều được an vui, sức khỏe, có trí tuệ và tinh tấn tu tập ngõ hầu thành đạt cứu cánh giải thoát, chấm dứt khổ đau.

Kính bút,

Ngày 01 tháng 6 năm 2008

Tỳ-khưu Indacanda (Trương Đình Dũng)

PHẦN THỨ NHẤT
(*PAṬHAMO BHĀGO*)

I. PHẨM ĐỨC PHẬT
(*BUDDHAVAGGO*)

A. PHẬT TOÀN GIÁC KÝ SỰ
(*BUDDHĀPADĀNAṂ*)

1. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiền trí xứ Videha[1] đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Toàn Tri, các vị ấy được thành tựu là do các nguyên nhân nào?"

2. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vị Hiền nhân Ānanda bằng âm điệu ngọt ngào rằng: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thực hiện đến chư Phật quá khứ, [nhưng] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong các giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

3. Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy đối với phẩm vị Giác ngộ, đồng thời nhờ vào sự quyết định, nhờ vào năng lực lớn lao và nhờ vào quyền lực của tuệ, những vị sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén thành tựu phẩm vị Toàn tri.

4. Các đấng Pháp Vương là không thể đếm được. Ta cũng đã phát nguyện về bản thể giác ngộ ở nơi các vị Phật quá khứ, và đã được thành tựu dầu chỉ bằng tâm ý.

5. Giờ đây, các ngươi với tâm ý thanh tịnh hãy lắng nghe các ký sự về chư Phật Toàn Giác: Các đấng Pháp Vương đã được tròn đủ ba mươi pháp toàn hảo là không thể đếm được.[2]

6. Ta đã cung kính chắp mười ngón tay lại đê đầu đảnh lễ phẩm vị Toàn giác của chư Phật Tối Thượng, [đảnh lễ] các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với các hội chúng [Thinh văn].[3]

7. Cho đến các châu báu vô số kể được tìm thấy ở trên bầu trời và ở dưới

---

[1] Đây chính là Ngài Ānanda. *Chú giải* của *Apadāna* giải thích *vedehamuni* là vị Hiền trí, con trai của một người phụ nữ sanh ra ở xứ sở Vedeha (*ApA*. 128).

[2] Đức Phật Gotama kể về thời kỳ Bồ-tát là vị Chuyển Luân Vương Tilokavijaya (*ApA*. 103).

[3] *Sasaṅghe sāvakasaṅghasahite* (*Sđd*. 103).

mặt đất tại các địa phận của chư Phật [trong mười ngàn thế giới],[4] Ta đã mang lại toàn bộ [châu báu ấy] bằng tâm [chú nguyện].

8. Tại nơi ấy ở trên mặt đất bằng bạc, Ta đã hóa hiện ra tòa lâu đài làm bằng châu báu, có nhiều tầng lầu, có chiều cao vươn tận không trung.

9. [Tòa lâu đài] có trụ cột được tô điểm, khéo được thực hiện, khéo được phân bố, có giá trị lớn lao, có chỗ nối liền làm bằng vàng, được tô điểm bằng các cổng chào và các lọng che.

10. Tầng thứ nhất bằng ngọc bích xinh đẹp tương tợ bầu trời không chút bợn nhơ. Ở tầng lầu bằng vàng cao quý có hồ sen với những đóa hoa sen chen chúc.

11. Có tầng lầu làm bằng san hô với màu sắc của san hô, có tầng lầu màu đỏ xinh đẹp, có tầng lầu với ánh sáng màu cánh kiến đang chiếu sáng các phương.

12. Có tiền sảnh khéo được phân bố, có các tháp nhọn, có các cửa ra vào hình sư tử, có bốn viền rào làm thích ý với những mạng lưới vòng hoa có hương thơm.

13. Có các nhà mái nhọn cao quý màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng và màu đen thuần khiết được điểm tô bằng bảy loại châu báu.

14. Có mặt tiền ở phần trên được rạng rỡ với các đóa hoa sen cùng với [hình ảnh] các loài thú dữ và chim muông, được trải ra với các chòm tinh tú và các vì sao, được điểm tô với mặt trăng và mặt trời.

15. [Các tầng lầu] được che phủ bởi màn lưới bằng vàng có các chuông lục lạc bằng vàng. Các tràng hoa bằng vàng quyến rũ vang lên âm thanh nhờ vào sức đẩy của làn gió.

16. Có dãy cờ hiệu khéo nhuộm với các màu khác nhau là màu đỏ tía, màu đỏ, màu vàng, màu hồng được dựng lên.

17. Được tô điểm với nhiều kiểu giường được lót trải bằng các tấm vải mịn màng của xứ Kasi, có đến hàng trăm chiếc giường làm bằng ngọc pha lê, bằng bạc, bằng ngọc ma-ni, bằng hồng ngọc và bằng đá quý tương tợ như thế.

18. Có những tấm mền lông thú màu vàng úa được làm ở các xứ Dukūla, xứ Trung Hoa và xứ Pattuṇṇa. Bằng tâm ý, Ta đã sắp xếp tất cả [các chiếc giường] với các tấm trải đủ các loại.

19. Ở khắp các tầng lầu, có những người đứng nghiêm cầm các ngọn đuốc làm bằng ngọc ma-ni đỏ được điểm tô bằng châu báu ở chóp nhọn.

20. Những cột trụ dựng đứng [ở cổng], những cổng chào xinh đẹp làm bằng vàng [được khai thác từ sông] Jambu, làm bằng lõi gỗ [cây khira], và còn làm bằng bạc nữa, [tất cả đều] chói sáng.

21. Có nhiều gian tiếp giáp được khéo phân bố, được tô điểm với những cánh cửa và chốt khóa. Cả hai phía [của tòa lâu đài] đều có nhiều chậu chứa đầy những đóa sen đỏ và sen xanh.

---

[4] *Yāvatā buddhakhettesūti dasasahassacakkavāḷesu buddhakhettesu* (*Sđd.* 104).

22. Ta đã hóa hiện ra tất cả chư Phật thời quá khứ là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng hội chúng, với các vị Thinh văn trong dáng vóc tự nhiên.

23. Chư Phật cùng các vị Thinh văn sau khi đi vào bằng cánh cửa ấy đã ngồi xuống ở ghế ngồi toàn bộ đều làm bằng vàng, [hình thành] đoàn thể các bậc Thánh nhân.

24. Và có những vị trong lúc này là các vị Phật vô thượng ở thế gian. [Chư Phật] quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài.

25. Hàng trăm vị Phật Độc Giác, các đấng Tự Chủ, là các bậc không bị khuất phục trong quá khứ và hiện tại, tất cả các vị đã bước lên tòa lâu đài.

26. Có nhiều cây Như Ý thuộc cõi trời và thuộc loài người, [từ các cây ấy] Ta đã mang lại toàn bộ vải vóc và đã khoác ba lá y lên [các vị ấy].

27. Ta đã chứa đầy các bình bát xinh đẹp làm bằng ngọc ma-ni với các vật thực cứng mềm đáng được thưởng thức, có đầy đủ nước uống và thức ăn, rồi đã dâng cúng [đến các vị ấy].

28-29. Tất cả các vị ấy, đoàn thể các bậc Thánh nhân, đều đồng đẳng về thiên nhãn [và] gắn bó với tấm y thanh bạch. Được toại ý với vật thực tối thắng [của Ta] gồm có mật ong, đường thô, luôn cả dầu ăn và mật mía, [các vị] đã đi vào gian phòng làm bằng châu báu tợ như những con sư tử cư ngụ ở hang động.

30. Các vị đã nằm xuống với tư thế của loài sư tử ở chiếc giường vô cùng giá trị, có sự tỉnh thức, rồi ngồi dậy và đã xếp vào tư thế kiết-già ở trên chiếc giường, thể nhập vào sự thỏa thích trong thiền là hành xứ của tất cả chư Phật.

31. Một số vị khác thuyết giảng giáo pháp, một số vị khác tiêu khiển bằng thần thông, một số vị khác đã phát triển được năng lực của các thắng trí thì hướng tâm vào các thắng trí, hàng ngàn vị khác thể hiện các sự biến hóa về thần thông.

32. Chư Phật cũng chất vấn chư Phật về chủ đề liên quan đến cảnh giới của các đấng Toàn Tri. Nhờ vào tuệ, các vị giác ngộ rốt ráo về sự việc một cách sâu sắc và hoàn hảo.

33. Các vị Thinh văn chất vấn chư Phật, chư Phật chất vấn các vị Thinh văn. Các vị ấy chất vấn lẫn nhau và trả lời cho nhau.

34. Chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn và tín chúng, các vị ấy vui thích ở tòa lâu đài tùy theo sự thỏa thích của bản thân như vầy:

35. 'Nguyện cho những chiếc lọng che bằng châu báu với những chuỗi vòng hoa bằng vàng và những mạng lưới ngọc trai viền quanh được tồn tại, nguyện cho tất cả hãy duy trì ở trên đỉnh đầu [của tôi].'

36. 'Nguyện cho những mái che bằng vải được tô điểm với những ngôi sao bằng vàng [và] những mái che được tô điểm với những tràng hoa hãy xuất hiện, nguyện cho tất cả hãy duy trì ở trên đỉnh đầu [của tôi].'

37. [Tòa lâu đài có hồ nước] được trải dài với những vòng hoa và chuỗi

bông, được rạng rỡ với những chuỗi bông hoa thơm ngát, được viền quanh bằng những chuỗi vải vóc, được tô điểm bằng những chuỗi châu báu.

38. [Hồ nước] được tô điểm với các đóa hoa chen chúc, được tỏa lên mùi hương thơm ngào ngạt, được thể hiện bởi năm loại hương thơm tổng hợp lại, được phủ lên bằng tấm che bằng vàng.

39. 'Nguyện cho bốn phía của hồ nước hãy biểu hiện màu sắc vàng chói với những sen hồng sen xanh được phơi bày, với các bụi phấn của hoa sen được tỏa ra.'

40. 'Nguyện cho tất cả cây cối ở xung quanh tòa lâu đài hãy trổ hoa.' Và các bông hoa đã tự mình phóng thích, đi đến và rải rắc ở tòa lâu đài.

41. 'Nguyện cho các con chim công ở tại nơi ấy hãy nhảy múa, các con thiên nga hãy líu lo, các con chim Ca-lăng-tần-già và các bầy chim ở xung quanh hãy cất tiếng hót.'

42. 'Nguyện cho tất cả các chiếc trống hãy vang lên, tất cả các cây đàn vīṇā ấy hãy tấu nhạc. Nguyện cho tất cả các cuộc trì tụng [được] tiến hành ở xung quanh của tòa lâu đài.'

43-44. 'Nguyện cho những chiếc ghế bành bằng vàng khổng lồ, hội đủ hào quang, không bị hỏng hóc, làm bằng châu báu hãy tồn tại từ thế giới này đến thế giới khác cho đến địa phận của chư Phật. Nguyện cho những cây đèn ấy hãy chói sáng. Nguyện cho hệ thống mười ngàn [thế giới] hãy trở thành [sáng chói như là] một ngọn đèn.'

45. 'Nguyện cho các kiều nữ luôn cả các vũ công, các toán mỹ nhân hãy nhảy múa. Nguyện cho các màn trình diễn đa dạng hãy được phô diễn ở xung quanh của tòa lâu đài.'

46. [Khi ấy] Ta dựng lên ngọn cờ hiệu ở ngọn cây, ở chóp núi, ở đỉnh ngọn núi Sineru, tất cả [các ngọn cờ] đều được tô điểm, có năm màu.

47. 'Nguyện cho loài người, loài rồng, càn-thát-bà và tất cả chư thiên ấy hãy đi đến.' Các vị đã đến quây quần xung quanh tòa lâu đài, chắp tay lễ bái.

48. 'Bất cứ thiện nghiệp nào là việc cần phải thực hiện để sanh lên cõi trời đều đã được tôi thực hiện tốt đẹp bằng thân, bằng lời nói, bằng ý.

49. Có những chúng sanh là hữu tưởng và có những chúng sanh là vô tưởng, nguyện cho tất cả các vị ấy đều được hưởng phần chia sẻ quả báo phước thiện đã được thực hiện của tôi.

50. Quả báo phước thiện của tôi đã được thực hiện, đã được biết chắc chắn, đã được ban phát đến những vị ấy, còn những vị nào chưa biết về điều ấy thì chư thiên đã đi đến và thông báo.

51. Các chúng sanh nào [sống] nhờ vào vật thực ngụ ở tất cả các thế giới, do oai lực của tôi nguyện cho tất cả đều thọ lãnh vật thực hợp ý.'

52. Vật cúng dường đã được Ta cúng dường bằng tâm ý, Ta đã làm hóa hiện

ra tòa lâu đài bằng tâm ý. Tất cả chư Phật Toàn Giác, chư Phật Độc Giác, chư Thinh văn của các đấng Chiến Thắng đã được cúng dường.

53. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, Ta đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

54. Ta nhận biết hai cõi tái sanh, ở bản thể thiên nhân và loài người, Ta không biết đến cảnh giới khác; điều này là quả báo của ước nguyện bằng tâm ý.

55. [Nếu sanh ra ở cõi trời] Ta vượt trội chư thiên; [nếu sanh làm người] Ta là vị thống lãnh nhân loại, Ta được hội đủ tướng mạo về sắc thân, trong cõi hữu không ai sánh bằng [Ta] về trí tuệ.

56. Vật thực tối thượng đủ các loại và châu báu không phải là ít ỏi, [cùng với] vô số các loại vải từ trên không tức thời hiện đến cho Ta.

57. Ở đất liền, luôn cả ở ngọn núi, ở trên hư không, ở trong nước, ở trong rừng, mỗi khi Ta vươn tay ra thì các thức ăn của cõi trời hiện đến cho Ta.

58. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi châu báu hiện đến cho Ta.

59. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi vật thơm hiện đến cho Ta.

60. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi xe, thuyền hiện đến cho Ta.

61. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi tràng hoa hiện đến cho Ta.

62. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì đồ trang sức hiện đến cho Ta.

63. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì tất cả thiếu nữ hiện đến cho Ta.

64. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mật và đường hiện đến cho Ta.

65. Ở đất liền,... (nt)... Ta vươn tay ra thì mọi vật thực hiện đến cho Ta.

66. Nhằm đạt được phẩm vị Toàn giác cao quý, Ta [đã] bố thí tặng phẩm quý giá đến những kẻ không có tài sản, những người lữ khách, những kẻ ăn xin và những người bộ hành.

67. Ta trở thành đức Phật ở trên đời khiến cho ngọn núi gào thét, khiến cho tảng đá gầm lên tiếng vang ầm ĩ, khiến cho thế gian luôn cả chư thiên vui cười.

68. Mười phương ở thế giới vũ trụ đối với người đang du hành là không có điểm tận cùng. Và ở mỗi phương [thế giới] ấy, các địa phận của chư Phật là không thể đếm được.

69. [Khi là đấng Chuyển Luân Vương] Ta có hào quang được nổi danh với [hình thức] tia ánh sáng di chuyển thành từng đôi. Mạng lưới hào quang đã là ánh sáng vĩ đại hiện hữu ở khoảng giữa mười ngàn thế giới.

70. 'Nguyện cho tất cả mọi người ở chừng ấy thế giới đều nhìn thấy Ta. Nguyện cho tất cả đều có tâm ý vui mừng và tất cả đều tiến bước theo Ta. [Nguyện cho tất cả đều tiến bước theo Ta đến tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên].'[5]

71. Ta đã vỗ vào chiếc trống bất tử với tiếng vang ngọt ngào được phát ra.[6]

---

[5] Câu 1 và 2 được thấy ở tạng Thái Lan và PTS. Câu 1 và 3 được thấy ở tạng Miến Điện. (ND)

[6] Ta đã thuyết giảng giáo pháp bất tử với âm thanh vi diệu được phát ra. (ND)

'Nguyện cho tất cả mọi người ở khoảng giữa mười ngàn thế giới hãy lắng nghe âm thanh ngọt ngào.

72. Trong khi đám mây giáo pháp đang đổ mưa, nguyện cho tất cả không còn lậu hoặc.[7] Những chúng sanh nào là hạng thấp kém ở nơi đây, nguyện cho những người ấy được là bậc Nhập lưu.'

73. Sau khi bố thí những gì cần được bố thí, sau khi làm viên mãn giới hạnh không thiếu sót, sau khi đi đến sự toàn hảo về pháp xuất ly, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

74. Sau khi đã vấn hỏi các bậc trí tuệ, sau khi đã thể hiện sự tinh tấn tối thượng, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp nhẫn nại, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

75. Sau khi đã thực hành pháp quyết định một cách bền vững, sau khi đã làm tròn đủ sự toàn hảo về pháp chân thật, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về pháp từ ái, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

76. Sau khi đã là bình đẳng trong mọi trường hợp đối với lợi lộc và không lợi lộc, đối với an lạc và khổ đau, đối với sự kính trọng và chê bai, Ta đã đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng.

77. Sau khi thấy được sự biếng nhác là nguy hiểm và thậm chí [thấy được] sự tinh tấn là an toàn, các ngươi hãy có sự nỗ lực tinh tấn; điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

78. Sau khi thấy được sự tranh cãi là nguy hiểm và sự không tranh cãi là an toàn, các ngươi hãy có sự hợp nhất, thân thiện; điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

79. Sau khi thấy được sự xao lãng là nguy hiểm và sự không xao lãng là an toàn, các ngươi hãy tu tập đạo lộ có tám chi phần; điều này là lời giáo huấn của chư Phật.

80. Tất cả chư Phật và các bậc A-la-hán đã tụ hội lại. Các ngươi hãy tôn kính đảnh lễ chư Phật Toàn Giác và các bậc A-la-hán."

81. Như vậy, chư Phật là không thể nghĩ bàn. Giáo pháp của chư Phật là không thể nghĩ bàn. Đối với những ai tịnh tín vào những điều không thể nghĩ bàn, quả thành tựu cho những người ấy là không thể nghĩ bàn.

Trong khi trình bày về phẩm hạnh Phật của bản thân, đức Thế Tôn đã nói về bản thể của giáo pháp tên là Buddhāpadāniyaṃ như thế ấy.

"Ký sự về Phật Toàn Giác" được đầy đủ.

---

[7] *Chú giải* ghi rằng: "*Sabbe bhikkhubhikkhunī-ādayo*" nghĩa là "tất cả là Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni", v.v... (*Sđd.*).

B. PHẬT ĐỘC GIÁC KÝ SỰ
(*PACCEKABUDDHĀPADĀNAṂ*)

Giờ xin thỉnh các vị hãy lắng nghe ký sự về Phật Độc Giác:

82. Trong khi đức Như Lai ngự tại Jetavana, bậc Hiền trí xứ Videha đã cúi mình hỏi Ngài rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, nghe nói có các vị được gọi là đức Phật Độc Giác, các vị ấy được thành tựu là do các nguyên nhân nào?"

83. Khi ấy, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri Cao Quý đã nói với vị Hiền nhân Ānanda bằng âm điệu ngọt ngào rằng: "Những vị nào có hành động hướng thượng đã được thể hiện đến chư Phật quá khứ, [nhưng] có sự giải thoát chưa được thành đạt trong [thời kỳ] giáo pháp của các đấng Chiến Thắng.

84. Chính nhờ vào yếu tố đầu tiên ấy về sự chấn động của tâm, các vị sáng suốt có trí tuệ vô cùng sắc bén vẫn thành tựu phẩm vị Độc Giác chỉ nhờ vào đối tượng nhỏ nhoi, mặc dầu [ở vào thời kỳ] không có các vị Phật [Toàn Giác].

85. Trong toàn bộ thế gian, ngoại trừ Ta không có ai sánh bằng các vị Phật Độc Giác. Hạnh này của các bậc Đại Hiền Trí ấy.

86. Là những người đang mong mỏi phương thuốc vô thượng [Niết-bàn], tất cả các ngươi, với tâm khéo tín thành, hãy lắng nghe những lời nói tốt đẹp như là viên mật về các bậc Đại Ẩn Sĩ đã được tự chính mình giác ngộ.

87. [Hãy lắng nghe] những lời thuật lại theo tuần tự của các vị Phật Độc Giác đã tụ hội lại,[8] và [hãy lắng nghe] về sự tai hại và nền tảng của sự xa lìa tham ái, theo đó các vị đã thành tựu quả vị Giác ngộ.

88. Với sự nghĩ tưởng về ly tham ái đối với các sự việc có tham ái, với chướng ngại [toàn bộ phiền não] và chiến thắng các loạn tưởng [sáu mươi hai tà kiến], theo đúng như thế các vị đã thành tựu quả vị Giác ngộ."

89. Buông bỏ sự trừng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong số họ, với tâm từ ái người có sự thương tưởng đến điều lợi ích hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].[9]

90. Buông bỏ sự trừng phạt đối với tất cả chúng sanh và không hãm hại bất cứ ai trong số họ, không nên mong mỏi về con trai, sao lại [mong mỏi] về bạn bè? Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

---

[8] *Chú giải* nêu tên một số các vị Độc Giác Phật như là: Ariṭṭha, Upariṭṭha, Tagarasikhi, Yasassī, Sudassana, Piyadassī,... Sumaṅgala, Dibbila, v.v... (*ApA*. 129).

[9] *Yathā khaggassa nāma visāṇaṃ ekameva hoti adutiyaṃ, evameva so paccekasambuddho takkappo tassadiso tappaṭibhāgo* (*ApA*. 133).

91. Các sự ái luyến hiện diện ở người có sự thân cận đã được tạo nên, theo sau sự ái luyến là khổ đau này được thành lập. Trong khi xem xét thấy điều tai hại sanh lên từ sự ái luyến, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

92. Trong khi thương tưởng đến bạn bè thân hữu, [thời] xao lãng mục đích, có tâm bị ràng buộc. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này ở sự giao du, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

93. Sự mong mỏi ở các con và những người vợ tương tợ như lùm tre rậm bị vướng víu. Trong khi không bị vướng víu như là mụt măng tre, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

94. Tương tợ như con nai ở trong rừng không bị trói buộc, đi đến nơi nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

95. Có sự mời gọi giữa bạn bè về chuyện nghỉ ngơi, về việc đứng gần, về sự ra đi, ở cuộc du hành, trong khi xem xét về sự tự do không được [kẻ khác] ham thích,[10] hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

96. Sự vui đùa thích thú ở giữa đám bạn bè và lòng thương yêu đối với con cái là bao la, trong khi chán ghét sự tách lìa khỏi những người yêu dấu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác.

97. Người không lòng bất bình trải khắp bốn phương, tự hài lòng với thứ này thứ nọ, chịu đựng mọi hiểm nghèo không lòng hoảng sợ, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

98. Ngay cả các vị đã xuất gia cũng khó đồng thuận, những kẻ tại gia sống dưới mái gia đình cũng vậy, đã là người ít bị bận tâm về con cái của kẻ khác, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

99. Hãy cởi bỏ hình tướng tại gia như loài cây koviḷāro có lá được rũ bỏ, là người anh hùng, sau khi cắt đứt mọi sự ràng buộc của gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

100. Nếu có thể đạt được bạn là kẻ đồng hành cẩn trọng, sáng suốt, sống ngay thẳng, sau khi khắc phục mọi hiểm nghèo hãy nên du hành với vị ấy, có sự hoan hỷ, có niệm.

101. Nếu không thể đạt được bạn là kẻ đồng hành cẩn trọng, sáng suốt, sống ngay thẳng, tương tợ như vị vua từ bỏ lãnh địa đã xâm chiếm được, hãy nên sống một mình như là con long tượng cư ngụ đơn độc ở trong khu rừng.

102. Quả vậy, chúng ta ca ngợi sự thành tựu bạn bè. Những bạn bè vượt trội [hoặc] tương đương là nên giao thiệp. [Nếu] những người này là không đạt được, [chỉ nên] thọ hưởng những gì không bị chê trách, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

103. Sau khi nhìn thấy những [vòng] vàng sáng chói khéo được hoàn thành bởi con trai người thợ kim hoàn, [chúng] đang va chạm vào nhau khi hai vòng

[10] "Sự tự do không được [kẻ khác] ham thích" là nói về sự xuất gia (*ApA.* 167).

ở trên cùng cánh tay, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

104. Tương tợ như thế, cùng với người thứ hai có thể xảy ra sự chuyện vãn bằng lời nói và sự quyến luyến sâu đậm cho tôi. Trong khi xem xét thấy mối nguy hiểm này trong tương lai, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

105. Bởi vì các dục là đa dạng, ngọt ngào, làm thích ý, chúng khuấy động tâm bằng nhiều hình thức ẩn hiện. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

106. Điều này là tai họa, là mụt nhọt, là bất hạnh, là tật bệnh, là mũi tên, và là sự nguy hiểm cho tôi. Sau khi nhìn thấy mối nguy hiểm này ở trong các loại dục, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

107. Lạnh, nóng, đói, khát, gió và sức nóng, muỗi mòng và rắn rết, sau khi đã khắc phục tất cả những điều này, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

108. Tợ như con voi có thân hình khổng lồ, có đốm hoa sen, cao thượng, đã lìa bỏ các bầy đàn, đang sống trong rừng theo như ý thích, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

109. Người ưa thích sự tụ hội có thể chạm đến sự giải thoát tạm thời[11] là điều không có cơ sở. Sau khi cân nhắc lời nói của đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

110. [Nghĩ rằng:] "Tôi đã vượt lên trên các sự trái khuấy của tà kiến, đã đạt đến quy luật, đã tiếp thâu đạo lộ, có trí đã được sanh khởi, không cần người khác dẫn dắt", hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

111. Không tham lam, không lừa gạt, không khao khát, không chê bai, có tật xấu và sự mê muội đã được loại trừ, không còn ước ao [tham vọng] về toàn thể thế giới, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

112. Nên lánh xa hẳn bạn bè ác xấu, kẻ không nhìn thấy mục đích đã dấn sâu vào sở hành sai trái. Không nên chính mình giao thiệp với kẻ bám víu [vào tà kiến] bị xao lãng. Hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

113. Nên cộng sự với vị nghe nhiều [học rộng], nắm giữ giáo pháp, là người bạn cao thượng, có biện tài. Sau khi nhận biết các mục đích, nên lìa bỏ điều nghi hoặc, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

114. Trong khi không chú trọng và không mong mỏi sự vui đùa, sự thích

---

[11] "*Sāmayikaṃ vimuttinti lokiyasamāpattiṃ*" (*ApA*. 182): "Sự giải thoát tạm thời là sự thể nhập hiệp thế" (các tầng thiền và ngũ thông - ND).

thú, và khoái lạc ngũ dục ở trên đời, đã lánh xa việc trang sức, có sự nói lời chân thật, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

115. Sau khi từ bỏ con và vợ, cha và mẹ, các tài sản và lúa gạo, các quyến thuộc và các dục đúng theo giới hạn [về năng lực của bản thân], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

116. Điều này [ngũ dục] là sự ràng buộc, hạnh phúc ở đây là sự khoái lạc nhỏ nhoi, chính sự khổ đau ở đây là nhiều hơn. Người có trí, sau khi biết được điều này là móc câu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

117. Tợ như loài thủy tộc phá tan chiếc lưới ở trong nước, tợ như ngọn lửa không còn quay lại nơi đã bị đốt cháy, sau khi đã tự phá tan các sự ràng buộc, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

118. Có mắt nhìn xuống và không có sự buông thả ở bước chân đi, có các căn được hộ trì, có tâm ý được canh phòng, không bị ngập tràn [bởi dục vọng], trong khi không bị thiêu đốt [bởi phiền não], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

119. Sau khi trút bỏ các biểu tượng gia chủ tương tợ như cây san hô có lá được rũ bỏ, sau khi đã ra đi, mặc y ca-sa, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

120. Sự tham đắm trong các vị nếm là việc không làm, không có sự buông thả, không có sự nuôi dưỡng kẻ khác, có sự đi khất thực theo tuần tự từng nhà, có tâm không quyến luyến ở các gia đình, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

121. Sau khi dứt bỏ năm pháp che lấp của tâm, sau khi xua đuổi hẳn tất cả các tùy phiền não, không bị lệ thuộc [tà kiến], sau khi cắt đứt ái luyến và sân hận, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

122. Sau khi đã bỏ lại sau lưng lạc và khổ cùng với hỷ và ưu ngay trước đây, sau khi đạt được xả [của tứ thiền], sự vắng lặng [của định ở tứ thiền], và sự thanh tịnh [của giải thoát], hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

123. Có sự nỗ lực tinh tấn để đạt đến chân lý tuyệt đối, có tâm không thụ động, có sự thực hành không biếng nhác, có sự cố gắng bền bỉ, có được sức mạnh và năng lực, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

124. Trong khi không bỏ phế việc ẩn cư tham thiền, là người thường xuyên hành trì thuận pháp đối với các pháp,[12] là người nhận chân được sự tai hại trong các hữu, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

---

[12] Theo *Chú giải*, có hai cách giải thích: "Thực hành pháp minh sát tùy thuận theo sự diễn biến của các pháp như là ngũ uẩn, v.v...", hoặc là "hành tuần tự theo chín pháp siêu thế là bốn Đạo, bốn Quả và Niết-bàn" (*ApA*. 196).

125. Trong khi ước nguyện sự đoạn diệt ái [Niết-bàn], không xao lãng, không ngây ngô khờ khạo, có sự nghe nhiều, có niệm, đã hiểu rõ giáo pháp, được quả quyết, có sự tinh tấn, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

126. Trong khi không kinh hãi tợ như con sư tử không kinh hãi đối với các tiếng động, trong khi không dính mắc tợ như làn gió không bị dính mắc ở tấm lưới, trong khi không vấy bẩn tợ như đóa sen không bị vấy bẩn bởi nước, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

127. Tợ như con sư tử có sức mạnh của các răng nanh, là vua của các loài thú, có cuộc sống khuất phục và chế ngự [các con thú], hãy nên lai vãng các trú xứ xa vắng, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

128. Vào thời điểm đang rèn luyện từ, bi, hỷ, xả và giải thoát, trong khi không bị chống đối bởi toàn bộ thế gian, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

129. Trong khi từ bỏ tham ái, sân hận và si mê, trong khi tự phá tan các sự ràng buộc, trong khi không kinh hãi về sự đoạn tận mạng sống, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

130. Người ta cộng sự và phục vụ có động cơ và chủ đích [lợi lộc], ngày nay những người bạn không có động cơ [lợi lộc] là khó đạt được, những người [chỉ] biết đến lợi ích của chính mình là những người không trong sạch, hãy nên sống một mình tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

131. "Những vị có giới thanh tịnh, có tuệ hoàn toàn thanh tịnh, định tĩnh, gắn bó với sự tỉnh thức, là người hành pháp minh sát, có sự thấy biết đặc biệt về các pháp, nhận biết rõ ràng về các chi phần của đạo và các yếu tố đưa đến giác ngộ.[13]

132. Sau khi rèn luyện không tánh [giải thoát], vô nguyện [giải thoát], và vô tướng [giải thoát] trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng, những bậc trí tuệ nào không tiến đến bản thể Thinh văn [sẽ] trở thành các đấng Tự Chủ, các bậc Chiến Thắng đơn độc.

133. Là những vị có các yếu tố cao thượng, có sự tập hợp của nhiều bản chất tự nhiên, cai quản được các tâm, đã vượt qua dòng lũ của tất cả khổ đau, có tâm phấn chấn, có sự thấy biết chân lý tuyệt đối, tương đương loài sư tử, tợ như sừng của loài tê giác [chỉ là một không hai].

134. Có các giác quan an tịnh, có tâm ý an tịnh, có định, có sự hành xử trí tuệ thâm sâu của tự thân, là những ngọn đèn đang soi sáng mục đích cho các kẻ khác ở thế giới này, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm.

135. Có tất cả các pháp ngăn che đã được dứt bỏ, là vị Chúa của mọi người,

[13] Chúng tôi hiểu rằng từ câu 131-37 là lời giảng dạy của đức Phật Gotama. (ND)

là những ngọn đèn của thế gian có ánh sáng của vàng khối, hiển nhiên là những bậc xứng đáng được cúng dường ở thế gian, những vị Phật Độc Giác này được quý trọng vào mọi thời điểm.

136. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác lưu truyền ở thế gian luôn cả chư thiên. Sau khi đã nghe được như thế, những kẻ ngu nào không hành theo, những kẻ ấy quẩn quanh trong những khổ đau lượt này đến lượt khác.

137. Lời khéo được giảng dạy của chư Phật Độc Giác tương tợ như mật ong đang nhỏ xuống từng giọt. Sau khi đã nghe được như thế, những ai gắn bó với sự thực hành, những người ấy [sẽ] trở thành những người thấy được chân lý, có được trí tuệ."

138. Sau khi đã ra đi [đạt được quả vị Giác ngộ], những kệ ngôn cao thượng đã được chư Phật Độc Giác là các đấng Chiến Thắng nói lên, những kệ ngôn ấy đã được đấng Sư Tử dòng Sakya, bậc Tối Thượng Nhân giảng giải vì mục đích của việc nhận thức giáo pháp.

139. Vì lòng thương tưởng thế gian, đấng Sư Tử, bậc Tự Chủ [Gotama] đã thực hiện, đã giảng giải những kệ ngôn này của chư Phật Độc Giác ấy nhằm mục đích làm tăng trưởng sự chấn động tâm, sự không quyến luyến và sự khôn ngoan vượt bực [của các bậc thiện trí].

"Ký sự về Phật Độc Giác" được đầy đủ.

C. TRƯỞNG LÃO KÝ SỰ
(*THERĀPADĀNAṂ*)

Giờ xin thỉnh các vị hãy lắng nghe ký sự về các vị Trưởng lão:

1. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀRIPUTTA (*Sāriputtattherāpadānaṃ*)

140. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

141. Ở không xa khu ẩn cư của tôi là con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh đẹp được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý.

142. Con sông nhỏ chảy qua tại nơi ấy, không có cát, không có hố sâu, [có nước] dịu ngọt, không có mùi khó chịu, điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

143. Tại nơi ấy có con sông nhỏ và có các con cá sấu kumbhīla, cá lưỡi kiếm, cá sấu suṃsumāra và các con rùa lớn vởn ở nơi này đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

144. Có các loại cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita, cá maggura đang vượt dòng nước, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

145. Ở hai bên bờ của con sông có những giống cây được đơm hoa, kết trái đang trĩu xuống từ cả hai phía, chúng điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

146. Có các cây xoài, cây sāla, cây tilaka, cây pāṭalī, cây sinduvāraka tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

147. Có các cây campaka, cây salala, cây nīpa, cây nāga, cây nguyệt quế, cây dứa hoang tỏa ra hương thơm của cõi trời được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

148. Có các cây atimutta, cây asoka và cây bhaginimālā được nở rộ hoa, có các cây aṅkola và các cây imbijāla được nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

149. Có các cây dừa dại và luôn cả cây kandalī, các cây godhuka, các bụi cây tiṇasūlika tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

150. Có nhiều cây kaṇikāra, cây kaṇṇika, cây asana và cây ajjuna tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

151. Có các cây nguyệt quế, cây nguyệt quế núi, cây koviḷāra được nở rộ hoa, tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

152. Có nhiều cây bã đậu, cây kuṭaja, cây kadamba, cây vakula tỏa ra hương thơm của cõi trời đang điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

153. Các cây āḷaka, các cây isimugga, các cây chuối và các cây chanh được phát triển nhờ vào làn nước thơm, chúng trĩu những quả.

154. Một số sen hồng trổ hoa, một số khác đơm nhụy, một số khác nữa đã úa tàn; các đóa sen hồng luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước.

155. Chen chúc với những lá cây siṅghāṭaka, những đóa sen hồng đang tượng hình có những rễ sen đang cắm xuống luôn luôn rực rỡ ở trong hồ nước.

156. Được đem lại các cây ambagandhī, các cây uttāla, các cây bandhujīvaka tỏa ra hương thơm của cõi trời luôn luôn được nở rộ ở trong hồ nước.

157. Các loài cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá palaja, cá muñja, cá rohita, cá aṅgula và cá maṅgura nữa luôn luôn sống ở trong hồ nước.

158. Các con cá sấu loại kumbhīla, loại suṃsumāra, loại cá tantigāha, các hạng quỷ sứ, các loài rắn và các loài mãng xà luôn luôn sống ở trong hồ nước.

159. Các chim bồ câu, các loài ngỗng trời, ngỗng đỏ, các loài sống ở sông, các chim cu cu, chim két, chim sáo sống nương tựa vào hồ nước ấy.

160. Các loài chim kukutthaka, chim kulīraka, chim pokkharasātaka ở rừng, chim le le và chim suvapota sống nương tựa vào hồ nước ấy.

161. Các chim thiên nga, chim cò, chim công, chim cu cu, gà rừng, chim pampaka và chim jīvaṃjīva sống nương tựa vào hồ nước ấy.

162. Nhiều loài chim [ở đất liền] như chim cú mèo, chim gõ kiến, chim kurara, chim diều hâu và chim mahākāla sống nương tựa vào hồ nước ấy.

163. Nhiều con hươu, heo rừng, chó sói, chó rừng, nai và loài thú suggapota sống nương tựa vào hồ nước ấy.

164. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu và các con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi sống nương tựa vào hồ nước ấy.

165. Các hạng Kim Sí điểu luôn cả các loài khỉ, và cũng có những người thợ rừng, các người phục vụ, luôn cả các thợ săn sống nương tựa vào hồ nước ấy.

166. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây tinduka, cây piyāla, cây cam thảo và cây kāsumārī thường xuyên trĩu những trái.

167. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có các cây kosumbha, cây salala, cây nīpa có trái ngọt thường xuyên trĩu những trái.

168. Các cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhīṭaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa, chúng trĩu những trái.

169. Ở khu ẩn cư của tôi, có nhiều loại [rễ củ] như là củ āluva, củ kalamba, củ biḷālī, củ takkaḷa, củ jīvaka và củ sutaka nữa.

170. Ở không xa khu ẩn cư của tôi, có những hồ nước khéo được tạo lập, có nước trong, có nước mát, có những bến nước cạn xinh đẹp làm thích ý.

171. Có hương thơm của cõi trời tỏa ra từ [hồ nước] được che phủ bởi những sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la.

172. Khi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư đáng yêu, khéo được xây dựng ở trong khu rừng được đơm hoa, được kết trái, được hội đủ tất cả các yếu tố như thế.

173. [Tôi] là vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī có giới hạnh, thành tựu về phận sự, chứng thiền, luôn luôn thỏa thích về thiền, đã đạt được năng lực về năm thắng trí.

174. Hai mươi bốn ngàn học trò đã phục vụ tôi. Tất cả những vị này đều là Bà-la-môn, có dòng dõi [cao quý], có danh vọng.

175. Họ đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức, về từ ngữ, về văn phạm và về giáo lý [của Bà-la-môn].

176. Những người học trò của tôi là khéo được học tập, và rành rẽ về các hiện tượng thiên nhiên, về các điềm báo hiệu, về các tướng mạo, về địa lý, về trái đất và về không gian.

177. Là những người ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị này luôn luôn hầu cận tôi.

178. Là những bậc trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, không mong mỏi bất cứ điều gì, các vị luôn luôn hầu cận tôi.

179. Là những bậc trí tuệ đã đạt được sự toàn hảo về các thắng trí, vui thích trong hành xứ của mình, có sự đi lại ở không trung, các vị luôn luôn hầu cận tôi.

180. Các vị ấy là các bậc trí tuệ đã thu thúc ở sáu căn môn, không có dục vọng, có các giác quan được phòng hộ và không quyến luyến; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

181. Các vị ấy trải qua đêm với việc ngồi xuống bằng thế kiết-già, với việc đứng và đi kinh hành; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

182. Các vị không ái luyến những gì cám dỗ, không nổi giận những gì khiêu khích, không mê muội những gì mê hoặc; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

183. Trong khi thử nghiệm, các vị ấy thường xuyên thể hiện phép thần thông, các vị ấy làm rung chuyển trái đất; bằng sự đối nghịch khó mà tiếp cận.

184. Và trong khi giải trí, những người học trò ấy giải trí với trò chơi của thiền, các vị đem lại trái cây từ cây mận đỏ; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

185. Một số khác đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số khác đến Đông Thắng-thần châu và một số khác đến Bắc Cu-lô châu, bằng sự tìm kiếm khó mà tiếp cận.

186. Các vị ấy chuyển đi túi đồ dùng ở phía trước và tiến lên ngay ở phía sau, bầu trời bị che lấp bởi hai mươi bốn ngàn vị.

187. Một số vị dùng vật thực là trái cây đã rụng xuống, có vị nấu bằng lửa, có vị không dùng lửa [ăn sống], có vị dùng răng và cũng có vị dùng cối giã, có vị nghiền nát bằng đá.

188. Một số vị ưa thích sự tẩy sạch [tội] bằng cách lội xuống nước sáng tối, một số vị thực hiện việc rải rắc nước [ở cơ thể]; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

189. [Một số vị] có lông ở nách và móng tay chân được để dài, có răng dính bựa, có đầu vấy bụi, được tẩm hương bằng hương thơm của giới hạnh; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

190. Vào sáng sớm, các vị đạo sĩ tóc bện có khổ hạnh cao tột sau khi tụ hội lại đã nói về sự thành công và thất bại, rồi ra đi ở trên không trung.

191. Trong khi những vị này ra đi, có tiếng động ồn ào phát ra bởi âm thanh của các tấm da dê khiến chư thiên được hoan hỷ.

192. Có sự di chuyển ở không trung, các vị ẩn sĩ ra đi phương này phương khác. Được nâng đỡ bởi năng lực của mình, các vị ấy ra đi theo như ước muốn.

193. Chính tất cả các vị di chuyển ở hư không này là những vị làm rung chuyển trái đất, có oai lực nổi bật, khó mà khuất phục, tợ như biển cả không bị xao động.

194. Một số vị ẩn sĩ có hạnh đứng và đi kinh hành, một số vị có hạnh ngồi, một số vị có vật thực đã được rơi xuống; những người học trò của tôi khó mà tiếp cận.

195. Những vị này an trú tâm từ, tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Tất cả các vị ấy không ca ngợi về bản thân và không khinh miệt bất cứ ai.

196. Không bị hãi sợ như là sư tử chúa, có sức mạnh như là voi chúa, khó mà tiếp cận như là loài hổ, các vị đi đến gặp tôi.

197. Các thầy về pháp thuật, chư thiên, các loài rồng, càn-thát-bà, và loài quỷ sứ, các ác thần, những người khổng lồ, các loài nhân điểu sống nương tựa vào hồ nước ấy.

198. Các vị ấy mang búi tóc và túi vật dụng, có y choàng là tấm da dê, có sự di chuyển ở không trung; tất cả sống nương tựa vào hồ nước ấy.

199. Các vị này luôn luôn [có hành vi] đúng đắn, có sự kính trọng lẫn nhau. Trong số hai mươi bốn ngàn vị, tiếng động hỉ mũi không xảy ra.

200. Trong khi đặt xuống từng bước từng bước chân, các vị khéo thu thúc, ít có tiếng động. Sau khi đến gần, hết thảy tất cả đều đê đầu đảnh lễ tôi.

201. Được vây quanh bởi những người học trò thanh tịnh và khổ hạnh ấy, tôi sống tại nơi ấy, ở khu ẩn cư, có thiền chứng, được thỏa thích về thiền.

202. Khu ẩn cư được tỏa hương với hương thơm trái cây của các cây cho quả và hai loại hương thơm giới hạnh của các vị ẩn sĩ và hương thơm của các bông hoa.

203. Tôi không biết đến ngày và đêm, sự thù hận ở tôi không được biết đến. Trong khi giáo huấn những người học trò của mình, tôi đạt được niềm vui dào dạt.

204. Trong khi các bông hoa đang trổ hoa và những trái cây đang kết trái, các hương thơm của cõi trời tỏa ra điểm tô khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

205. Khi ấy, là người có nhiệt tâm, cẩn trọng, sau khi xuất khỏi định, tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đi sâu vào rừng.

206. Khi ấy, tôi đã khéo được học tập về các hiện tướng và luôn cả về giấc mơ đã được khởi lên, tôi duy trì câu chú thuật đang được hiện hành.

207. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

208. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống.

209. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác có vẻ ngời sáng làm thích ý, tợ như bông hoa súng được tỏa sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực.

210. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây đèn đang chiếu sáng, như là tia chớp ở bầu trời, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

211. Bậc Cao Quý này là đấng Đại Hùng, vị Đoạn Tận Khổ Đau, bậc Hiền Trí. Do việc nhìn thấy Ngài, toàn bộ khổ đau được phóng thích.

212. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã suy xét về tướng mạo: "Là đức Phật hay không phải là đức Phật? Vậy ta hãy quan sát bậc Hữu Nhãn."

213. Những bánh xe có ngàn căm được nhìn thấy ở lòng bàn chân cao quý. Sau khi nhìn thấy những tướng mạo của Ngài, tôi đã đi đến quyết định [Ngài là] đức Như Lai.

214. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc chổi và quét dọn. Rồi tôi đã tự mình mang lại những đóa hoa và cúng dường đến đức Phật tối thượng.

215. Sau khi đã cúng dường đến bậc Toàn Giác, vị đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi lễ bái đấng Lãnh Đạo Thế Gian [và đã nói rằng]:

216. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc đã an trú với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói.

217. Bạch đấng Tự Chủ có sự tấn hóa vô lượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này. Sau khi đi đến nhìn thấy Ngài, những người ấy vượt qua dòng nước nghi hoặc.

218. Bạch đấng Tối Thượng Của Loài Người, Ngài là bậc Thầy, là cờ hiệu, là biểu tượng, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ và là ngọn đèn của chúng sanh.

219. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo lường nước ở biển cả bằng vật chứa, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài.

220. Bạch đấng Toàn Tri, có thể nắm lấy trái đất đặt vào đĩa cân, nhưng không thể nào nắm lấy trí tuệ của Ngài.

221. Bạch đấng Toàn Tri, có thể đo đạc bầu trời bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, nhưng không thể nào đo lường trí tuệ của Ngài.

222. [Trí tuệ của đức Phật] vượt hẳn nước trong đại dương và đất liền rắn rỏi. So sánh với trí tuệ của đức Phật không gì được xem là tương đương.

223. Bạch đấng Hữu Nhãn, ở thế gian luôn cả chư thiên, những ai có tâm [được] vận hành, họ đều đi vào trong màng lưới trí tuệ của Ngài.

224. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ nào Ngài [đã] chứng đạt sự Giác ngộ tối thượng toàn vẹn thì bằng trí tuệ ấy Ngài [đã] chế ngự các ngoại đạo khác."

225. Sau khi ngợi ca bằng các câu kệ này, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Surucī ấy đã trải ra tấm da dê ở trên mặt đất rồi ngồi xuống.

226. Được truyền tụng rằng ngọn núi chúa [Neru] đã chìm sâu vào trong đại dương tám mươi bốn ngàn [do-tuần] và đã vươn cao cũng với khoảng cách như thế.

227. Ngọn núi Neru ấy đã vươn cao đến chừng ấy về chiều dài và chiều rộng. Nó đã bị nghiền nát thành trăm ngàn *koṭi* mảnh vụn nhỏ.

228. "Bạch đấng Toàn Tri, trong khi được xếp thành từng nhóm một trăm ngàn những mảnh vụn nhỏ ấy đã đi đến sự chấm dứt, nhưng trí tuệ của Ngài vẫn không thể nào đo lường được.

229. Nếu người nào rào quanh nước bằng tấm lưới có lỗ nhỏ, thì bất cứ các chúng sanh ở trong nước đều có thể rơi vào trong tấm lưới.

230. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, những người nào là phàm phu ngoại đạo đang lao theo việc nắm bắt tà kiến đều đã bị mê muội do sự vướng mắc [vào mạng lưới tà kiến].

231. Do trí tuệ trong sạch và tầm nhìn không bị che lấp của Ngài, những người đã đi vào trong mạng lưới không vượt hơn trí tuệ của Ngài."

232. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Anomadassī, đấng Chiến Thắng có danh vọng lớn lao, sau khi xuất khỏi thiền định, đã quan sát phương hướng.

233-34. Vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī tên là Nisabha được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị có tâm an tịnh như thế ấy, là các bậc Vô lậu, được trong sạch, có sáu thắng trí, có thiền chứng. Sau khi biết được tâm của đức Phật, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

235. Tại nơi ấy, đứng ở trên không trung, các vị ấy đã đi nhiễu quanh, tay chắp lên lễ bái, rồi đã đáp xuống gần bên đức Phật.

236. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã để lộ nụ cười.

237. Vị thị giả của đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ, có tên là Varuṇa, sau khi đắp y một bên vai, đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

238. "Bạch đức Thế Tôn, điều gì là nguyên nhân của việc nở nụ cười của bậc Đạo sư? Bởi vì chư Phật, không có nguyên nhân các Ngài không để lộ nụ cười."

239. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở giữa hội chúng và đã nói lên lời kệ này:

240. "Người nào đã cúng dường Ta bằng bông hoa và cũng đã ngợi ca trí tuệ [của Ta], Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói."

241. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Có ước muốn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác.

242. Chư thiên có đại thần lực ở tất cả các thế giới, các vị nào có ước muốn được nghe Chánh pháp, các vị ấy đã đi đến gần đấng Toàn Giác.

243. "Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

244. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

245. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

246. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

247. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần.

248. Và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

249. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại. Người nữ Bà-la-môn tên Sāriyā sẽ mang bào thai [vị này].

250. Người nam này sẽ được biết đến với danh hiệu dòng họ của người mẹ, và sẽ có trí tuệ sắc bén với tên là Sāriputta.

251. Sau khi lìa bỏ tám mươi *koṭi*, người này sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong khi tầm cầu vị thế an tịnh, người này sẽ lang thang ở trái đất.

252. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

253. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống,[14] được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu với tên là Sāriputta.

---

[14] *Orasoti urasi jāto = oraso* nghĩa là được sanh ra từ ngực (*ApA*. 278). Lúc thuyết pháp, sự phát âm ở ngực đã được đức Phật sử dụng đến. Do việc lắng nghe giáo pháp, các vị này sẽ thành tựu các đạo, quả nên được gọi là "sanh ra từ ngực".

254. Được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, con sông Bhāgīrathī này đổ về biển cả, làm thỏa mãn đại dương.

255. Tương tợ y như thế, vị Sāriputta này được tự tin vào ba bộ Vệ-đà, sẽ đạt đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ làm thỏa ý các chúng sinh.

256. Bắt nguồn từ núi Hy-mã-lạp cho đến biển cả và đại dương, số lượng cát ở vào khoảng giữa ấy là vô số kể bằng cách tính đếm.[15]

257. Mặc dầu có thể tính toán toàn bộ số lượng cát ấy bằng cách tính đếm, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta.

258. Trong khi đang được tồn tại ở dạng hạt nhỏ, cát của dòng sông có thể bị cạn kiệt, nhưng sẽ không có mức tận cùng ở trí tuệ của Sāriputta.

259. Các làn sóng của biển cả là không thể ước lượng bằng cách tính đếm, tương tợ y như thế, sẽ không có điểm tận cùng về trí tuệ của Sāriputta.

260. Người này sẽ làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sẽ đi đến sự toàn hảo về trí tuệ và sẽ trở thành vị Thinh văn hàng đầu.

261. Trong khi làm đổ những cơn mưa giáo pháp, người này sẽ tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakya như thế ấy.

262. Sau khi biết rõ tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

263. Ôi, việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đến bậc Đạo sư Anomadassī! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện.

264. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiếp [trước đây] đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

265. Lúc bấy giờ, trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vị thế không bị lay chuyển, trong lúc xem xét tất cả các ngoại đạo, tôi đã luân hồi ở cõi hữu.

266. Cũng giống như người bị bệnh nên tìm kiếm phương linh dược, nên xem xét toàn bộ khu rừng nhằm thoát khỏi cơn bệnh.

267. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác Niết-bàn là vị thế bất tử, tôi đã xuất gia vào đời tu ẩn sĩ liên tục năm trăm kiếp sống.

268. Tôi đã duy trì búi tóc bện, có y choàng là tấm da dê, tôi đã đạt đến sự toàn hảo của các thắng trí và đã đi đến thế giới Phạm thiên.

269. Ngoại trừ giáo pháp của đấng Chiến Thắng, không có sự thanh tịnh ở ngoại giáo. Thật vậy, bất cứ chúng sanh nào có trí giác ngộ đều được trở nên thanh tịnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

270. Pháp [thanh tịnh] này là sự tạo thành do hành động của bản thân, pháp

[15] Hằng hà sa số: Nhiều như cát sông Hằng.

này không là sự truyền tụng. Trong lúc tầm cầu pháp không tạo tác, tôi đã lai vãng bến bãi tồi tệ.

271. Giống như người tầm cầu lõi cây, sau khi đốn ngã cây chuối rồi chẻ hai, không thể tìm thấy lõi cây ở nơi ấy bởi vì cây chuối thì không có lõi.

272. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian và số đông người với những tà kiến khác nhau là vắng bóng Niết-bàn, giống như cây chuối thì không có lõi.

273. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã là thân quyến của Phạm thiên.[16] Sau khi từ bỏ của cải lớn lao, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

(Dứt tụng phẩm thứ nhất).

274. Vị Bà-la-môn tên Sañjaya là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống dưới sự hướng dẫn của vị ấy.[17]

275. Bạch đấng Đại Hùng, vị Bà-la-môn tên Assaji là Thinh văn của Ngài, khó mà tiếp cận, có oai lực nổi bật, khi ấy [đang] đi khất thực.

276. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền trí ấy, có trí tuệ, được định tĩnh trong sự sáng suốt, có tâm thanh tịnh, là bậc Long tượng, tợ như đóa sen khéo được nở rộ.

277. Sau khi nhìn thấy vị anh hùng ưu tú, cao quý, khéo được rèn luyện, có tâm ý thanh tịnh, tâm của tôi đã khởi lên rằng: "Phải chăng vị này là A-la-hán?

278. Phải chăng con người đáng mến, biết cách xử trí, có dáng vóc lịch sự, khéo thu thúc, đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, là người nhìn thấy sự bất tử?

279. Hay là ta nên hỏi về mục đích tối thượng với tâm ý hớn hở? Được ta hỏi, vị ấy sẽ trả lời. Khi ấy, ta hãy hỏi tiếp."

280. Trong khi vị ấy đang đi khất thực, tôi đã đi ở phía sau chờ đợi cơ hội để hỏi về vị thế bất tử.

281. Khi vị ấy đi đến giữa đường, tôi đã đi đến gần và đã hỏi rằng: "Thưa vị Anh hùng, Ngài có dòng họ thế nào? Thưa Ngài, Ngài là học trò của vị nào?"

282. Được tôi hỏi, vị ấy tợ như con sư tử không bị hãi sợ đã trả lời rằng: "Này đạo hữu, đức Phật đã xuất hiện ở thế gian, tôi là học trò của Ngài ấy."

283. "Thưa vị Đại Anh hùng, người nối dõi, bậc có danh vọng lớn lao, giáo pháp lời dạy của đức Phật của Ngài là như thế nào? Thưa Ngài, xin Ngài hãy thuyết giảng tận tường cho tôi."

284. Được tôi hỏi, vị ấy đã thuyết giảng về toàn bộ đạo lộ thâm sâu vi tế, là pháp tiêu diệt mũi tên tham ái, có sự xua đi tất cả khổ đau [như vầy]:

285. "Các pháp nào có nguồn sanh khởi do nhân, đức Như Lai đã nói về nhân của chúng và về sự diệt tắt của chúng, bậc Đại Sa-môn đã có lời dạy như thế."

---

[16] Nghĩa là đã sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn (*ApA.* 230).

[17] Xem thêm chi tiết về sự kiện này ở *Luật tạng, Đại phẩm* (chương I, tụng phẩm 4).

286. Khi câu hỏi vừa được trả lời, tôi đây đã chứng đắc quả vị thứ nhất. Sau khi lắng nghe lời dạy của đấng Chiến Thắng, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn.

287. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, sau khi nhìn thấy giáo pháp tối thượng, với Chánh pháp đã được thâm nhập tôi đã nói lên lời kệ ngôn này:

288. "Đây chính là giáo pháp, nếu chỉ bấy nhiêu thôi đã thấu triệt được Niết-bàn không sầu muộn, [là pháp] đã không được nhìn thấy, đã bị trôi qua trong hàng vạn kiếp sống."

289. Trong lúc tầm cầu giáo pháp, tôi đây đã lai vãng bến bãi tồi tệ. [Giờ đây] mục đích ấy của tôi đã được đạt đến, tôi không còn thời gian để xao lãng.

290. Tôi đã được vị Assaji làm cho hoan hỷ. Sau khi đạt đến vị thế bất động, trong khi tìm kiếm người bạn, tôi đã đi đến khu ẩn cư.

291. Sau khi nhìn thấy tôi ngay từ đàng xa, bạn của tôi, là người khéo được học tập và được thành tựu bốn oai nghi, đã nói lên lời nói này:

292. "Bạn có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, dường như bản thể hiền trí đã được [bạn] nhìn thấy. Phải chăng bạn đã chứng đắc sự bất tử, Niết-bàn, vị thế trường cửu?

293. Dường như bạn [đã] đạt đến điều xứng đáng với sự tốt đẹp và đã được làm cho trở thành điềm đạm, tợ như con voi đã được chế ngự trong giai đoạn thuần hóa. Này người Bà-la-môn, phải chăng bạn được an tịnh?"

294. "Bất tử là sự xua đi mũi tên sầu muộn đã được tôi chứng đắc. Bạn cũng vậy, hãy chứng đắc điều ấy. Chúng ta hãy đi đến gặp đức Phật."

295. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay!", bạn của con là người khéo được học tập đã dùng tay nắm lấy tay con và đã đi đến gặp Ngài.

296. Bạch người con trai dòng Sakya, cả hai chúng con cũng sẽ xuất gia trong sự chứng minh của Ngài. Sau khi đi đến giáo pháp của Ngài, chúng con sống không còn lậu hoặc.

297. Kolita là đứng đầu về thần thông, còn con có sự đạt đến bờ kia về trí tuệ. Chính cả hai chúng con đã hợp nhất làm rạng rỡ giáo pháp.

298. Có ước nguyện chưa được hoàn thành, con đã lai vãng bến bãi tồi tệ. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, ước nguyện của con đã được tròn đủ.

299. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các cây cối nở hoa lúc vào mùa. Chúng tỏa ra các hương thơm của cõi trời và làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

300. Bạch đấng Đại Hùng, bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, tương tợ như thế ấy, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, con tầm cầu thời điểm để trổ hoa.

301. Trong lúc tầm cầu bông hoa giải thoát là việc ra khỏi sự luân hồi ở các cõi, với sự đạt được bông hoa giải thoát, con làm cho tất cả chúng sinh được vui lòng.

302. Bạch đấng Hữu Nhãn, cho đến địa phận của chư Phật, không gì sánh bằng tuệ của người con trai của Ngài, ngoại trừ bậc Hiền trí.

303. Được thuần phục trong sự thuần hóa tối thượng, những người học trò đã khéo được huấn luyện của Ngài và hội chúng đã khéo được học tập luôn luôn tháp tùng Ngài.

304. Là những bậc Trí tuệ, chứng thiền, thỏa thích về thiền, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, các bậc Hiền trí được thành tựu sự tốt đẹp về đạo đức luôn luôn tháp tùng Ngài.

305. Là những bậc Trí tuệ, ít đòi hỏi, cẩn trọng, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

306. Là những bậc Trí tuệ chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giũ bỏ (Đầu-đà), chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

307. Là những vị thực hành [bốn đạo] trú vào quả vị [A-la-hán], và những vị Hữu học có thành tựu quả vị, các vị tầm cầu mục đích tối thượng luôn luôn tháp tùng Ngài.

308. Các vị là bậc Nhập lưu không còn nhơ bẩn, các vị là bậc Nhất lai, các vị Bất lai và các vị A-la-hán luôn luôn tháp tùng Ngài.

309. Các bậc Thinh văn ấy, có nhiều vị được thiện xảo về các pháp thiết lập niệm, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tất cả các vị luôn luôn tháp tùng Ngài.

310. Các vị được thiện xảo về các nền tảng của thần thông, được thỏa thích trong việc tu tập định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, luôn luôn tháp tùng Ngài.

311. Các vị có ba minh và sáu thắng trí, đã đi đến sự toàn hảo về thần thông, đã đạt được sự toàn hảo về tuệ, luôn luôn tháp tùng Ngài.

312. Bạch đấng Đại Hùng, các vị học trò như thế ấy của Ngài đã khéo được học tập, khó mà tiếp cận, có oai lực nổi bật, luôn luôn tháp tùng Ngài.

313. Được tháp tùng bởi những người học trò thu thúc, nhiệt tình ấy, Ngài tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi sợ, tợ như [mặt trăng], vua của các vì sao chiếu sáng rực rỡ.

314. Sau khi đã mọc vững vàng ở trên trái đất, các loài thảo mộc phát triển. Chúng đạt được sự lớn mạnh và phô bày sự kết trái.

315. Bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, Ngài là tương tợ trái đất. Sau khi thiết lập ở giáo pháp, các vị ấy đạt được quả vị bất tử.

316. Có các con sông Sindhu, luôn cả sông Sarassatī, sông Candabhāgikā, sông Gaṅgā, sông Yamunā, luôn cả sông Sarabhū và sông Mahī.

317. Khi những con sông này trôi chảy và biển cả tiếp nhận, những con sông này từ bỏ tên gọi trước đây và chỉ được biết đến là "biển cả" mà thôi.

318. Tương tợ y như thế, bốn giai cấp này sau khi xuất gia trong sự chứng

minh của Ngài, các vị từ bỏ tên gọi trước đây và được biết đến là "con trai của đức Phật".

319. Cũng giống như mặt trăng không bị vết nhơ trong lúc đang di chuyển ở bầu không gian thì vượt trội tất cả các quần thể tinh tú ở thế giới về ánh sáng.

320. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, được tháp tùng bởi chư thiên và nhân loại, Ngài vượt lên trên tất cả các hạng này và chói sáng vào mọi lúc.

321. Được khởi lên từ dưới sâu, sóng không thể vượt qua được bờ biển. Tất cả các đợt sóng chạm đến bờ biển thì chúng tan tác trở thành bọt nước.

322. Tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở trên thế gian và nhiều người với các quan điểm khác nhau có ý định nói về giáo lý, bọn họ không vượt qua Ngài là bậc Hiền Trí.

323. Và bạch đấng Hữu Nhãn, nếu họ gặp Ngài, xin Ngài hãy đáp lại. Sau khi đi đến gặp Ngài, những người ấy trở thành như là bọt nước.

324. Cũng giống như giống cây kumuda, cây mandālaka và nhiều loài cây khác được sanh ra ở trong nước, chúng bị lấm nhơ bởi nước và bùn lầy.

325. Tương tợ y như thế, nhiều chúng sanh được sanh ra lớn lên ở trên đời bị sầu khổ bởi tham ái, sân hận giống như cây kumuda ở bãi bùn vậy.

326. Cũng giống như đóa hoa sen là loài được sanh ra ở trong nước, lớn lên ở giữa làn nước, nó không bị lấm nhơ bởi nước, có tua nhị cũng được trong sạch.

327. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bậc Đại Hiền Trí được sanh ra ở trên thế gian, Ngài không bị lấm nhơ bởi thế gian như là đóa hoa sen không bị lấm nhơ bởi nước.

328. Cũng giống như nhiều loài hoa mọc trong nước trổ hoa vào tháng Rammaka, chúng không vượt quá tháng ấy, khi ấy là thời điểm của việc trổ hoa.

329. Bạch người con trai dòng Sakya, Ngài đã trổ hoa bằng sự giải thoát, tương tợ y như thế các vị ấy [cũng vậy]. Các học trò không vượt quá lời dạy như là đóa hoa sen, là loài được sanh ra ở trong nước [không trổ hoa trễ thời hạn].

330. Cây sāla chúa khéo được trổ hoa tỏa ra hương thơm của cõi trời. Được vây quanh bởi những cây sāla khác, cây sāla chúa tỏa sáng.

331. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài đã trổ hoa bằng trí tuệ của vị Phật. Được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, Ngài tỏa sáng như là cây sāla chúa.

332. Cũng giống như núi Hy-mã-lạp bằng đá là nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh, là chốn cư ngụ của các loài rồng, các a-tu-la và chư thiên.

333. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, Ngài ví như nguồn dược liệu cho tất cả chúng sinh. Các vị có được ba minh, sáu thắng trí và đã đi đến sự toàn hảo về thần thông [nhờ nương tựa vào Ngài].

334. Bạch đấng Đại Hùng, được Ngài chỉ dạy với lòng bi mẫn, các vị ấy thỏa thích với sự thỏa thích trong giáo pháp, các vị sống theo lời dạy của Ngài.

335. Giống như con sư tử, vua của loài thú, sau khi rời khỏi chỗ ngụ, nó quan sát bốn phương và rống lên ba lần.

336. Khi chúa của loài thú gầm thét, mọi thú vật đều kinh hoàng. Bởi vì nó có dòng dõi như thế, nó luôn luôn làm các loài thú run sợ.

337. Bạch đấng Đại Hùng, khi Ngài thuyết pháp thì trái đất rúng động, những ai có khả năng giác ngộ được giác ngộ, phe đảng của Ma vương run sợ.

338. Bạch đấng Đại Hiền Trí, khi Ngài thuyết pháp tất cả các ngoại đạo run sợ, tợ như bầy chim quạ bay tán loạn, như là các con thú run sợ đối với [sư tử] chúa của loài thú.

339. Những vị có đồ chúng ở trên thế gian được gọi là "các bậc thầy". Các vị ấy thuyết giảng đến đám đông học thuyết đã được tuần tự truyền thừa.

340. Bạch đấng Đại Hùng, tuy nhiên Ngài không là như vậy. Ngài thuyết giảng giáo pháp đến các chúng sinh sau khi đã tự thân giác ngộ về các chân lý và toàn bộ các pháp thuộc về giác ngộ.

341. Sau khi biết được tánh khí bộc lộ và tiềm ẩn về sự mạnh và yếu của các quyền, sau khi hiểu rõ về tính chất có hay không có khả năng, Ngài thuyết pháp tợ như là cơn mưa lớn [gào thét].

342-43. Đám đông có các quan điểm khác nhau, trong khi đang suy xét, có thể ngồi đến tận cùng thế giới vũ trụ. Nhằm cắt đứt sự nghi hoặc ấy, bậc Hiền trí, vị thiện xảo về sự so sánh đối chiếu, sau khi biết được tâm của tất cả, Ngài cắt đứt sự nghi hoặc của chúng sinh ngay trong khi đang giảng giải về một câu hỏi.

344. Trái đất là được tràn đầy bởi chính các vị như là Upatissa [Sāriputta]. Chính tất cả các vị ấy, tay chắp lên, đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

345. Trong khi ngợi ca đến trọn kiếp, họ đã ngợi ca về những đức hạnh khác nhau. Họ đã không thể nào ước lượng được, các đấng Như Lai là vô lượng.

346. Giống như tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng bằng sức mạnh của mình, trong khi ngợi ca đến một *koṭi* (mười triệu) kiếp, họ cũng đã ca ngợi y như vậy.

347. Nếu có vị thiên nhân hoặc người nào đó đã được học tập rành rẽ, có ý định đo lường [các đức hạnh ấy], vị ấy chỉ có thể gánh lấy nỗi phiền muộn mà thôi.

348. Bạch người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao, sau khi đã thiết lập ở trong giáo pháp của Ngài, sau khi đã đi đến sự toàn hảo về tuệ, con sống không có lậu hoặc.

349. Con hoàn toàn chế ngự các ngoại đạo, con vận hành giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Hôm nay con là vị Tướng quân Chánh pháp trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

350. Việc làm đã được thực hiện ở vô lượng kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

351. Nếu người nào đó có thể mang vác vật nặng thường xuyên ở trên đầu, người ấy sẽ bị khổ sở bởi vật nặng, tương tợ y như thế, tôi phải gánh chịu các vật nặng.

352. Trong khi đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, tôi đã luân hồi ở các cõi. Tôi đã chịu đựng gánh nặng của hữu giống như tôi đã phải nâng lên ngọn núi Neru.

353. Và gánh nặng đã được tôi đặt xuống, các hữu đã được tôi hủy diệt, mọi việc cần làm trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya đã được làm xong.

354. Cho đến địa phận của chư Phật, ngoại trừ bậc Cao Quý dòng Sakya, tôi là đứng đầu về tuệ, người sánh bằng tôi không tìm thấy.

355. Được khéo thiện xảo về định, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông. Và hôm nay, trong khi mong muốn, tôi có thể biến hóa thành ngàn người.

356. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho con. Con có được năng lực đối với sự an trú theo tuần tự, Diệt [thọ tưởng] định là nơi an nghỉ của con.

357. Thiên nhãn của con được thanh tịnh, con thiện xảo về định, được gắn bó vào chánh tinh tấn, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ.

358. Bởi vì pháp gì vị Thinh văn cần phải đạt đến, toàn bộ tất cả đã được tôi thực hiện. Ngoại trừ đấng Bảo Hộ Thế Gian, người sánh bằng tôi không tìm thấy.

359. Được thiện xảo về việc thể nhập định, có sự đạt được nhanh chóng đối với các thiền giải thoát, được thỏa thích trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, tôi đã đạt đến sự toàn hảo về các đức hạnh của vị Thinh văn.

360. Với đức hạnh tốt lành của vị Thinh văn, với trí giác ngộ, do sự tôn kính đối với bậc Tối Thượng Nhân, với đức tin, tâm [của tôi] luôn luôn được gắn liền ở các việc thực hành Phạm hạnh.

361. Như là con rắn có nọc độc đã được lấy đi, như là trâu rừng có sừng đã bị cắt lìa, có sự ngã mạn kiêu ngạo đã được quăng bỏ, tôi đến gần hội chúng với sự vô cùng tôn kính.

362. Nếu trí tuệ của tôi có hình dạng thì trái đất không thể sánh bằng, điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ của đức Thế Tôn Anomadassī.

363. Tôi tiếp tục vận hành đúng đắn bánh xe pháp đã được chuyển vận bởi người con trai dòng Sakya như thế ấy; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

364. Vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ nơi đâu, mong rằng kẻ có ước muốn xấu xa, biếng nhác, có sự tinh tấn kém cỏi, ít học hỏi, có hành vi sai trái chớ đến gần tôi.

365. Và mong rằng bậc nghe nhiều [học rộng], có sự sáng suốt, khéo được định tĩnh trong các giới, được gắn liền với sự tịnh lặng của tâm đứng [với tôi], dầu là [đứng] ở trên đầu.

366. Tôi nói điều này với các vị là hết thảy chư Đại đức đã tụ hội lại nơi đây, các vị chớ có ước muốn xấu xa, hãy tự hài lòng [với vật có được], có thiền chứng, luôn luôn thỏa thích trong thiền.

367. Sau khi nhìn thấy vị Thinh văn tên Assaji ấy lần đầu tiên, tôi đã trở nên không còn vấy bụi, không còn nhơ bẩn; bậc Trí tuệ ấy là người thầy của tôi.

368. Nhờ vào tác động của điều ấy, giờ đây tôi đã trở thành vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện, tôi sống không còn lậu hoặc.

369. Vị Thinh văn tên Assaji ấy đã là người thầy của tôi. Vị ấy cư ngụ ở phương nào, tôi thực hiện việc nằm quay đầu [hướng về phương ấy].

370. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát [bốn đạo và bốn quả] và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sāriputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sāriputta" là phần thứ nhất.

2. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀMOGGALLĀNA
(*Mahāmoggallānattherāpadānaṃ*)

374. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp, đứng đầu hội chúng chư thiên.

375. Lúc bấy giờ, tôi là Long vương có tên là Varuṇa. Tôi biến hóa thành dáng vóc theo như ước muốn. Tôi đã cư ngụ ở đại dương.

376. Sau khi giải tán đám tùy tùng, tôi đã tổ chức tấu nhạc. Khi ấy, tôi đã tháp tùng đấng Toàn Giác và đã bảo các long nữ ca hát.

377. Trong khi các nhạc cụ [của long cung] đang được tấu lên, chư thiên đã trình tấu các nhạc cụ [của cõi trời]. Đức Phật cũng đã lắng nghe âm thanh của cả hai và đã tự mình nhận biết.

378. Sau khi thỉnh mời đấng Toàn Giác, tôi đã đi đến cung điện của mình. Sau khi cho sắp đặt chỗ ngồi, tôi đã thông báo về thời gian.

379. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến cung điện của tôi, được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu.

380. Vào lúc đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu

cùng với hội chúng Tỳ-khưu đã ngồi xuống, khi ấy tôi đã làm toại ý các vị với cơm ăn và nước uống.

381. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

382. "Người nào đã cúng dường đến đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian và hội chúng, với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy sẽ đi đến thế giới chư thiên.

383. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bảy lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

384. Người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi lăm lần. Trong thời gian ấy, các của cải không thể ước lượng được sẽ sanh lên cho người ấy.

385. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

386. Sau khi mệnh chung từ địa ngục, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kolita.

387. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị Thinh văn thứ nhì của đức Thế Tôn Gotama.

388. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

389. Lệ thuộc vào bạn ác xấu, tôi đã chịu sự khống chế của ái dục. Với tâm ý tồi bại, tôi đã giết chết người mẹ và cả người cha nữa.

390. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là địa ngục hay nhân loại, do bị liên đới đến ác nghiệp, tôi chết với đầu bị vỡ.

391. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí ở đây, sự việc như thế cũng sẽ xảy ra vào thời điểm tử biệt của tôi.

392. Được gắn bó với sự cô tịch, được thỏa thích trong sự tu tập về định, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

393. Đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, [chỉ] bằng ngón chân cái tôi có thể làm lay động ngay cả trái đất vô cùng sâu thẳm, dày đặc, khó có thể hủy hoại.

394. Tôi không nhìn thấy bản ngã, sự ngã mạn của tôi không được biết đến, tôi thể hiện tâm tôn trọng đến các vị Sa-di.

395. Về việc làm mà tôi đã khẳng định trước đây vô lượng kiếp, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

396-98. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

(Các câu kệ 396, 397, 398 tương tợ như các câu kệ 371, 372, 373).

Đại đức Trưởng lão Mahāmoggallāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahāmoggallāna" là phần thứ nhì.

3. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKASSAPA
(*Mahākassapattherāpadānaṃ*)

399. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Niết-bàn, tôi thể hiện sự cúng dường đến đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Đạo Sư, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

400. Với tâm phấn chấn, dân chúng được vui mừng hoan hỷ. Trong khi mọi người sanh khởi tâm chấn động, niềm phỉ lạc đã khởi lên ở tôi.

401. Tôi đã đưa quyến thuộc bạn bè đến và đã nói lời nói này: "Đấng Đại Hùng đã viên tịch Niết-bàn, giờ đây chúng ta hãy thực hiện sự cúng dường."

402. Sau khi đáp lại rằng: "Lành thay! Chúng ta sẽ thực hiện sự tích lũy phước báu ở nơi đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian", bọn họ đã sanh khởi nỗi vui mừng còn hơn tôi nữa.

403. Họ đã thiết lập lễ đài khéo được thực hiện cao một trăm cánh tay,[18] trải dài một trăm năm mươi cánh tay là cung điện vươn cao đến tận bầu trời.

404. Tại đó, sau khi thực hiện tòa lâu đài được tô điểm với những hàng cây thốt nốt, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín và đã cúng dường đến ngôi bảo tháp tối thượng.

405. Ngôi bảo tháp chiếu sáng bốn phương trông như là khối lửa được phát cháy, như là cây sāla chúa đã được trổ hoa, như là cầu vồng ngũ sắc ở không trung.

406. Tại nơi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín, sau khi đã thực hiện nhiều việc tốt lành, sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã sanh lên cõi trời.

407. Tôi đã chú nguyện phương tiện di chuyển ở cõi trời là cỗ xe ngựa được kéo bởi một ngàn con. Tòa lâu đài cao ngất của tôi được vươn cao bảy tầng lầu.

408. Đã có một ngàn nhà mái nhọn làm toàn bằng vàng. Trong lúc chiếu sáng tất cả các phương, chúng tỏa sáng bằng hào quang của chúng.

409. Khi ấy, cũng có những tháp nhọn khác làm bằng hồng ngọc. Với nguồn ánh sáng, chúng cũng rọi sáng bốn phương ở chung quanh.

410. Các ngôi nhà mái nhọn đã được hóa hiện ra, đã được sanh lên do nghiệp phước thiện. Được làm bằng ngọc ma-ni, chúng cũng rọi sáng mười phương ở chung quanh.

411. Trong lúc chúng đang rực sáng, đã có được ánh sáng vĩ đại. Tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

412. Trong sáu mươi ngàn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Ubbiddha, cư trú ở trái đất, là người chinh phục bốn phương.

413. Tương tợ y như thế, được hài lòng với nghiệp của chính mình, trong kiếp Bhadda,[19] tôi đã ba mươi lần trở thành đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của bốn châu lục.

---

[18] *Hattha* là đơn vị đo chiều dài bằng một cánh tay, khoảng nửa mét. (ND)

[19] Kiếp Bhadda là kiếp có 5 vị Phật Toàn Giác xuất hiện.

414. Cũng ở tại nơi ấy, cung điện dành cho tôi được vươn cao như là cầu vồng, có chiều dài là hai mươi bốn [do-tuần] và chiều rộng là mười hai [do-tuần].

415. Thành phố tên là Rammaka có cổng chào và tường thành vững chãi, có chiều dài năm trăm [do-tuần] và chiều rộng là một nửa của chiều dài, được đông đúc bởi các đám dân chúng trông tợ như thành phố của các cõi trời.

416. Khi ấy thành phố là đông đúc giống như hai mươi lăm cây kim được bỏ chung vào trong hộp đựng kim, chúng va chạm lẫn nhau.

417. Cũng như thế ấy, thành phố của tôi tràn đầy những voi, ngựa, xe cộ, luôn luôn đông đúc với những con người; Rammaka là thành phố tuyệt vời.

418. Tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống và đã trở về lại bản thể thiên nhân. Vào kiếp sống cuối cùng, tôi đã có được sự thành tựu về dòng dõi.

419. Được sanh ra ở gia tộc Bà-la-môn có sự tích lũy nhiều châu ngọc, tôi cũng đã từ bỏ tám mươi *koṭi* vàng và tôi đã xuất gia.

420-22. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākassapa" là phần thứ ba.

4. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANURUDDHA (*Anuruddhattherāpadānaṃ*)

423. Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang an trú vào hạnh độc cư.

424. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã thỉnh cầu đức Phật tối thượng rằng:

425. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, con sẽ dâng lên cây đèn đến Ngài, là vị đang tham thiền ở dưới cội cây, xin Ngài thương xót."

426. Bậc Trí Tuệ ấy, đấng Tự Chủ cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã chấp nhận. Khi ấy, tôi đã khoan thủng các thân cây và đã gắn thiết bị vào.

427. Tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian một ngàn tim đèn. Sau khi đã cháy sáng bảy ngày, các cây đèn của tôi đã lụi tàn.

428. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã được sanh ra ở thiên cung.

429. Được đạt đến bản thể thiên nhân, có cung điện đã được hóa hiện ra cho tôi, nó chiếu sáng ra xung quanh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

430. Khi ấy, tôi đã chiếu sáng ở xung quanh một trăm do-tuần, tôi vượt trội tất cả chư thiên; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

431. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba kiếp,

không người nào xem thường tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

432. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Khi ấy, tôi nhìn thấy [xa khoảng cách] một do-tuần ở xung quanh vào ban ngày và ban đêm.

433. Tôi nhìn thấy một ngàn thế giới bằng trí tuệ trong giáo pháp của bậc Đạo sư, tôi đã đạt được thiên nhãn; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

434. Đấng Toàn Giác tên Sumedha là ba mươi ngàn kiếp về trước. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng cây đèn đến Ngài.

435-37. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anuruddha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anuruddha" là phần thứ tư.

5. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUṆṆA (*Puṇṇattherāpadānaṃ*)

438. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi đã dẫn đầu các học trò đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân.

439. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã tán dương việc làm của tôi một cách ngắn gọn.

440. Sau khi lắng nghe giáo pháp ấy, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư. Tôi đã chắp tay lên và đã ra đi, mặt hướng phía bên phải.

441. Sau khi lắng nghe một cách tóm tắt, tôi đã thuyết giảng một cách chi tiết. Sau khi lắng nghe lời giảng của tôi, tất cả những người học trò đều có tâm hoan hỷ.

442. Sau khi xua đi tà kiến của mình, họ đã khiến tâm được tịnh tín vào đức Phật. Tôi cũng thuyết giảng một cách tóm tắt, một cách chi tiết tương tợ y như thế.

443. Là người biết rõ đường hướng của Vi diệu pháp, thông thạo về các đề tài thuyết giảng, sau khi làm cho tất cả hiểu rõ, tôi sống không còn lậu hoặc.

444. Trước đây năm trăm kiếp, có bốn vị chúa tể ở bốn châu lục là những vị vô cùng nổi tiếng, được thành tựu bảy loại báu vật.

445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Puṇṇa Mantāniputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Puṇṇa Mantāniputta" là phần thứ năm.

6. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀLI (*Upālittherāpadānaṃ*)

446. Ở thành phố Haṃsavatī, vị Bà-la-môn tên Sujāta có sự tích lũy tám mươi *koṭi*, có dồi dào tài sản và lúa gạo.

447. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, đã đạt đến sự toàn hảo về [khoa] tướng mạo, về truyền thống và về giáo lý [của Bà-la-môn].

448. Khi ấy, các du sĩ ngoại đạo có một ngọn lửa, các Thinh văn của đức Phật Gotama, các vị lang thang và cả các đạo sĩ khổ hạnh du hành ở trái đất.

449. Bọn họ cũng tháp tùng theo tôi [cho rằng]: "Vị Bà-la-môn nổi tiếng." Nhiều người tôn vinh tôi, tôi không tôn vinh bất cứ người nào.

450. Tôi không nhìn thấy bậc xứng đáng sự tôn vinh, khi ấy tôi ngã mạn và ương ngạnh. Khi đấng Chiến Thắng còn chưa xuất hiện thì không có từ ngữ "đức Phật".

451. Bao ngày đêm trôi qua, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn, sau khi xua đi tất cả tăm tối, đã xuất hiện ở thế gian.

452. Vào lúc giáo pháp được phổ biến rộng rãi, được biết nhiều và trở thành phổ thông, khi ấy đức Phật đã đi đến thành phố tên Haṃsa.

453. Khi ấy, vì lợi ích của người cha, đức Phật, bậc Hữu Nhãn ấy đã thuyết giảng giáo pháp. Vào thời điểm ấy, đám đông ở xung quanh là một do-tuần.

454. Khi ấy, được thỏa thuận trong số mọi người, vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sunanda ấy đã che phủ hết thảy hội chúng của đức Phật bằng những bông hoa.

455. Và trong khi bậc Tối Thượng đang công bố bốn sự thật ở nơi mái che bằng bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của một trăm ngàn *koṭi* người.

456. Đức Phật đã đổ những cơn mưa giáo pháp trong bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ tám, đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Sunanda rằng:

457. "Người này trong khi luân hồi ở cõi hữu, dầu ở thế giới chư thiên hay loài người, sẽ trở thành bậc ưu tú trong số tất cả và sẽ luân hồi ở các cõi.

458. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

459. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Puṇṇa Mantāniputta."

460. Lúc bấy giờ, trong khi làm cho tất cả dân chúng vui mừng, trong khi thị hiện năng lực của chính mình, bậc Toàn Giác đã tán dương đạo sĩ khổ hạnh Sunanda như thế.

461. Dân chúng chắp tay lễ bái vị đạo sĩ khổ hạnh Sunanda [nghĩ rằng]: "Sau khi thể hiện sự tôn kính đến đức Phật, vị ấy đã làm trong sạch cảnh giới tái sanh của bản thân."

462. Tại nơi ấy, sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền trí, tôi đã có sự suy tư rằng: "Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính giống như ta nhìn thấy vị Gotama."

463. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã suy nghĩ về hành động của tôi rằng: "Ta sẽ thực hành việc làm gì ở phước điền vô thượng?"

464. Và vị Tỳ-khưu này là vị trì tụng trong số tất cả các vị trì tụng trong giáo pháp, và đã được chọn lựa là vị đứng đầu về Luật, tôi đã ước nguyện vị thế ấy.

465. Tài sản này của tôi là vô lượng, không thể bị xao động tợ như biển cả. Với của cải ấy tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho đức Phật.

466. Có khu vườn tên là Sobhana ở phía Đông của thành phố. Sau khi đã mua bằng một trăm ngàn, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng.

467. Sau khi đã xây dựng các nhà mái nhọn, các lầu đài, các mái che, các tòa nhà, các hang động, các đường kinh hành khéo được tạo lập, tôi đã cho thực hiện tu viện dành cho hội chúng.

468. Sau khi đã cho xây dựng nhà tắm hơi, nhà đốt lửa, rồi giếng nước, nhà tắm, tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu.

469. Tôi đã dâng cúng mọi thứ này [gồm có] các ghế dài, các ghế đẩu, các vật dụng, các xoong nồi và thuốc men dành cho tu viện.

470. Sau khi đã thiết lập sự phòng hộ, tôi đã cho xây dựng tường thành vững chắc, không cho bất cứ việc gì quấy rầy đến những bậc có tâm thanh tịnh như thế ấy.

471. Tôi đã cho xây dựng một trăm ngàn chỗ ngụ ở tu viện dành cho hội chúng. Sau khi bố trí đầy đủ tiện nghi, tôi đã cống hiến đến bậc Toàn Giác.

472. "Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài hãy tiếp nhận ngôi tu viện đã được con hoàn thành. Bạch đấng Anh Hùng, con sẽ dâng cúng đến Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy chấp thuận."

473. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo sau khi biết được tâm tư của tôi đã chấp thuận.

474. Sau khi biết được sự chấp thuận của bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Toàn Tri, sau khi đã chuẩn bị thức ăn, tôi đã thông báo về thời điểm.

475. Khi thời điểm đã được thông báo, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến tu viện của tôi cùng với một ngàn bậc Vô lậu.

476. Biết được lúc Ngài đã ngồi xuống, tôi đã làm toại ý Ngài với cơm ăn và nước uống. Biết được lúc Ngài đã thọ thực xong, tôi đã nói lời nói này:

477. "Bạch đấng Hiền Trí, tu viện tên Sobhana đã được mua bằng một trăm ngàn và đã được cho xây dựng với chừng cỡ ấy, xin Ngài hãy tiếp nhận.

478. Do sự dâng cúng tu viện này và do các nguyện lực của tác ý, trong khi sanh ra ở cõi hữu, mong sao con đạt được điều con đã ước nguyện."

479. Sau khi thọ nhận tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lời nói này:

480. "Người nào đã dâng lên tu viện dành cho hội chúng đã được xây dựng khéo léo đến đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

481. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

482. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên tháp tùng người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

483. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

484. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo về [sự dâng cúng] tu viện dành cho hội chúng.

485. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

486. [Người này] sẽ thọ lãnh mọi thứ mà vị Thiên vương có thể đạt được, sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ cai quản thiên quốc.

487. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở quốc độ một ngàn lần. Vương quyền ở trái đất là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

488. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

489. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upāli.

490. Sau khi đạt được sự toàn hảo về Luật và rành rẽ về sự thành lập hay không thành lập [tội], trong lúc duy trì giáo pháp của đấng Chiến Thắng, [người này] sẽ sống không còn lậu hoặc.

491. Sau khi biết rõ mọi việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

492. Con ao ước về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt mục đích ấy và có được sự đoạn tận tất cả mọi điều trói buộc.

493. Giống như khi bị buộc vào cọc nhọn, người đàn ông khiếp sợ hình phạt của đức vua, trong khi không tìm thấy sự thoải mái ở cọc nhọn thì mong mỏi chỉ mỗi sự phóng thích.

494. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con khiếp sợ hình phạt của sự hiện hữu. Trong khi bị buộc vào cọc nhọn của nghiệp báo, con bị phiền muộn vì sự cảm thọ khát khao.

495. Bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, con không thấy thoải mái ở hiện hữu. Cũng tợ như người bị hành phạt bởi đức vua, con tầm cầu sự giải thoát.

496. Giống như người bị rắn độc cắn thì bị nọc độc hành hạ, người ấy có thể tìm kiếm phương thuốc là cách thức làm cho tiêu tan nọc độc.

497. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy phương thuốc là vật làm tiêu tan nọc độc. Sau khi uống thuốc ấy, người ấy có thể có được sự an lạc do việc thoát khỏi nọc độc.

498. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, bị hành hạ bởi vô minh con đã tầm cầu phương thuốc Chánh pháp, giống như người đàn ông bị hãm hại bởi nọc độc [đã tìm phương thuốc giải độc].

499. Trong khi tìm kiếm phương thuốc Giáo pháp, con đã nhìn thấy lời chỉ dạy của vị dòng Sakya ấy là cao quý trong số tất cả các loại thuốc men, là sự nhổ lên tất cả các mũi tên.

500. Sau khi uống vào phương thuốc Giáo pháp, con đã xóa sạch tất cả nọc độc, con đã chạm đến Niết-bàn, có trạng thái mát mẻ, không già không chết.

501. Giống như người bị ma quỷ khuấy rối, bị hành hạ bởi ma quỷ nhập vào thì có thể tìm thầy chữa bệnh ma quỷ nhằm thoát khỏi ma quỷ.

502. Trong khi tìm kiếm có thể nhìn thấy vị rành rẽ các sự hiểu biết về ma quỷ. Vị ấy có thể diệt trừ ma quỷ cho người ấy và có thể làm cho tiêu tan tận gốc rễ.

503. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, con bị phiền muộn bởi sự xâm nhập của tăm tối, con tìm kiếm ánh sáng của trí tuệ nhằm sự giải thoát khỏi tăm tối.

504. Giờ con đã nhìn thấy bậc Hiền Trí dòng họ Sakya có sự trong sạch đối với các điều tăm tối phiền não. Vị ấy đã xua đi sự tăm tối của con, tợ như người thầy chữa bệnh ma quỷ xua đi ma quỷ.

505. Con đã cắt đứt dòng chảy luân hồi, đã chặn đứng dòng nước tham ái, đã thủ tiêu tất cả hữu tận gốc rễ, tợ như vị thầy chữa bệnh ma quỷ.

506. Giống như loài nhân điểu lao xuống con rắn là mồi của bản thân nó, nó khuấy động hồ nước lớn ở xung quanh đến một trăm do-tuần.

507. Sau khi bắt được con rắn, con nhân điểu liền gây tổn thương phía dưới đầu [con rắn]. Sau khi tóm lấy [con rắn], nó ra đi đến nơi dự tính.

508. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ y như thế, trong khi tầm cầu [Niết-bàn] không còn tạo tác, con đã tẩy uế sạch sẽ các điều xấu xa, cũng giống như con nhân điểu có sức mạnh [tìm kiếm con mồi rồi tiêu diệt].

509. Con đã nhìn thấy giáo pháp cao quý là đạo lộ an tịnh vô thượng, con đã nắm giữ điều này và an trú giống như con nhân điểu tóm lấy con rắn rồi mang đi.

510. Có loại dây leo tên là āsāvatī được sanh ra tại khu rừng Cittalatāvana [ở cõi trời Đạo-lợi]. Đối với loại dây leo ấy, một ngàn năm nó sanh ra một trái.

511. Chư thiên gần gũi với loại dây leo ấy cho đến khi nó có trái sau thời gian dài lâu. Loài dây leo thượng hạng āsāvatī ấy được chư thiên yêu quý như thế.

512. Con thân cận với bậc Hiền trí ấy đến một trăm ngàn [năm],[20] con lễ bái sáng chiều như là chư thiên gần gũi với trái āsāvatī vậy.

513. Sự phục vụ không phải là không có kết quả và sự lễ bái không phải là rỗng không. Dầu con đang trải qua [luân hồi] dài lâu thăm thẳm, cơ hội [về sự xuất hiện của đức Phật] đã không bỏ rơi con.

514. Trong khi xem xét các cõi, con không nhìn thấy sự tiếp nối tái sanh, không còn nền tảng tái sanh, đã hoàn toàn giải thoát, được an tịnh, con đi đó đây.

515. Bạch đấng Đại Hùng, cũng giống như đóa hoa sen nở rộ nhờ tia nắng mặt trời, tương tợ y như thế, con được thăng hoa nhờ vào hào quang của đức Phật.

516. Giống như trong việc sanh sản của loài hạc nâu, hạc nâu đực không bao giờ được biết đến, những con hạc nâu cái ấy luôn luôn được thụ thai trong khi những cơn mưa đang gào thét.

517. Những con hạc nâu cái ấy còn duy trì bào thai lâu dài đến chừng nào cơn mưa còn chưa đổ xuống. Khi cơn mưa đổ xuống, chúng được thoát khỏi gánh nặng.

518. Được gào thét bởi cơn mưa giáo pháp của đức Phật Padumuttara, con đã kết tụ bào thai giáo pháp nhờ vào âm thanh của cơn mưa giáo pháp.

519. Con mang theo bào thai phước báu đến một trăm ngàn [kiếp],[21] con không được thoát khỏi gánh nặng [luân hồi] khi cơn mưa giáo pháp chưa gào thét.

520. Bạch đấng Hiền Trí của dòng họ Sakya, khi nào Ngài gào thét với cơn mưa giáo pháp ở thành Kapilavatthu đáng yêu thì con được giải thoát khỏi gánh nặng [luân hồi].

521. Con đã nhận thức về không tánh, về vô tướng, và cũng như thế về vô nguyện, về bốn quả vị và tất cả các pháp.

(Dứt tụng phẩm thứ nhì).

522. Con ước nguyện về giáo pháp của Ngài đã là vô lượng [kiếp]. [Giờ] con đã đạt đến mục đích ấy và vị thế an tịnh vô thượng [Niết-bàn].

523. Cũng giống như vị Ẩn sĩ [Tỳ-khưu] là bậc trì tụng, con đã đạt đến sự toàn hảo về Luật, không có vị nào sánh bằng với con, con duy trì giáo pháp.

524. Về Luật [Tỳ-khưu và Tỳ-khưu-ni], luôn cả *Luật Hợp phần* (*Đại phẩm* và *Tiểu phẩm*), theo cách chia làm ba phần và phần thứ năm, ở đây con không có điều gì nghi ngờ về mẫu tự hay từ ngữ.

525. Con được rành rẽ về việc khiển trách tội, về việc sửa chữa tội, về sự

---

[20] *Satasahassasamvaccharam* (*ApA*. 281), *Samvaccharam* có ý nghĩa là "năm".

[21] *Kappasatasahassam* (*Sđd*. 282), *kappa* có ý nghĩa là "kiếp".

thành lập hay không thành lập tội, về việc phục hồi [phẩm vị], về việc làm cho hết tội, con đã đạt đến sự toàn hảo về mọi lãnh vực.

526. Sau khi lấy ra một điều học ở Luật [Phân tích] thậm chí ở *Luật Hợp phần*, con có thể gỡ rối về cả hai bộ Luật và giải thích điều cốt lõi.

527. Con vô cùng thiện xảo về ngôn từ và rành rẽ về điều lợi ích hoặc không lợi ích. Không có điều [Luật] gì là con không biết đến, con là vị có sự chăm chú về giáo pháp của bậc Đạo sư.

528. Giờ đây trong thời điểm hiện tại, con xua đi tất cả mọi điều ngờ vực về giáo pháp của người con trai dòng Sakya, con cắt đứt tất cả các điều nghi hoặc.

529. Con rành rẽ về câu cú, luôn cả phần phụ thuộc của câu cú, về mẫu tự, luôn cả từ ngữ, về nhập đề, về kết thúc, về tất cả các lãnh vực này.

530. Cũng giống như vị vua hùng mạnh có thể khống chế và gây khó khăn cho kẻ địch, sau khi toàn thắng cuộc chiến thì có thể kiến thiết thành phố ở tại nơi ấy.

531. [Đức vua] có thể cho xây dựng tường thành, luôn cả hào rãnh, trạm gác, cổng thành và nhiều vọng canh đủ các loại ở thành phố.

532. Ở tại nơi ấy, [đức vua] có thể cho xây dựng ngã tư đường, bùng binh, khu phố chợ khéo được phân bố và phòng hội họp để quyết định điều hay lẽ thiệt.

533. Đức vua bổ nhiệm vị tướng lãnh quân đội với nhiệm vụ tiêu diệt những kẻ nghịch, để biết được thế yếu và thế mạnh nhằm bảo toàn binh lực.

534. Nhằm mục đích bảo quản phẩm vật, đức vua bổ nhiệm người nam thiện xảo trong việc cất giữ làm người thủ khố: "Chớ làm thất thoát phẩm vật của trẫm."

535. Người nào tận tụy đối với đức vua và mong muốn ngài có được sự tiến triển, đức vua ban cho người ấy quyền phân xử để được trở thành cận thần của ngài.

536. Đức vua phong cho vị giảng huấn thông thạo về chú thuật, rành rẽ về các điềm báo hiệu và các hiện tượng đã được sanh khởi vào địa vị quân sư.

537. [Đức vua] hội đủ những yếu tố này được gọi là "Sát-đế-lỵ". [Quần thần] luôn bảo vệ đức vua tợ như con ngỗng đỏ luôn hộ trì kẻ bị khổ đau.

538. Bạch đấng Đại Hùng, tương tợ như thế ấy, Ngài được gọi là "Pháp Vương" của thế gian luôn cả chư thiên, tợ như vị Sát-đế-lỵ có kẻ thù đã bị đánh bại.

539. Sau khi đánh bại các ngoại đạo và luôn cả Ma vương cùng với đội quân binh, sau khi hủy diệt sự tăm tối ấy, Ngài đã xây dựng thành phố giáo pháp.

540. Bạch đấng Trí Tuệ, tại nơi ấy giới là tường thành, trí của Ngài là cổng thành, tín của Ngài là trạm gác, và sự thu thúc là người canh gác cổng.

541. Bạch đấng Hiền Trí, sự thiết lập niệm là vọng canh, tuệ của Ngài là

bùng binh, và nền tảng của thần thông là ngã tư đường; con đường giáo pháp đã khéo được xây dựng.

542. Toàn bộ Kinh, Vi diệu pháp và luôn cả Luật là lời dạy của đức Phật gồm có chín thể loại; đây là phòng hội họp về giáo pháp của Ngài.

543. Sự an trú không tánh, sự an trú vô tướng và sự an trú vô nguyện, [bốn quả vị Sa-môn] không bị lay chuyển và sự tịch diệt [Niết-bàn]; đây là căn nhà giáo pháp của Ngài.

544. Vị có tên Sāriputta đã được chọn lựa là vị đứng đầu về tuệ, được rành rẽ về biện tài, là vị Tướng quân Chánh pháp của Ngài.

545. Bạch đấng Hiền Trí, vị tên Kolita được thiện xảo về sanh tử [thông], đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông là viên quan tế tự của Ngài.

546. Bạch đấng Hiền Trí, vị duy trì truyền thống cổ xưa [Mahākassapa] có oai lực nổi bật, khó mà tiếp cận, đứng đầu về đức hạnh trong việc giáo giới các pháp giũ bỏ, là viên quan phán xử của Ngài.

547. Bạch đấng Hiền Trí, vị tên Ānanda nghe nhiều [học rộng], nắm giữ giáo pháp, có sự trì tụng toàn bộ về lời chỉ dạy, là vị bảo vệ giáo pháp của Ngài.

548. Sau khi điểm qua tất cả các vị này, đức Thế Tôn đã cân nhắc đến tôi và đã ban cho tôi việc phân xử về Luật đã được bậc Thức Tri thuyết giảng.

549. Bất cứ vị Thinh văn nào của đức Phật hỏi câu hỏi về Luật, tôi không cần có sự suy nghĩ về câu hỏi ấy, tôi giảng giải đúng ngay ý nghĩa câu hỏi ấy.

550. Cho đến địa phận của chư Phật ngoại trừ bậc Đại Hiền Trí ấy, không ai sánh bằng tôi về Luật, làm sao sẽ có vị hơn được?

551. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đức Gotama khẳng định như vầy: "Không có vị nào sánh bằng Upāli về Luật [Phân tích] và các bộ *Hợp phần*."

552. Cho đến giáo pháp của bậc Đạo sư có chín thể loại đã được đức Phật nói ra, đối với người nhận thức được "Luật là nền tảng" thì tất cả [giáo pháp] đều được bao gồm trong Luật.

553. Sau khi nhớ lại việc làm của tôi, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

554. Tôi đã ước nguyện về vị thế ấy từ trăm ngàn [kiếp], tôi đã đạt đến mục đích ấy, đã đạt đến sự toàn hảo về Luật.

555. Trước đây tôi đã là người thợ cạo râu tóc đem lại niềm vui cho các vị dòng Sakya. Sau khi lìa bỏ sự xuất thân ấy, tôi đã trở thành người con trai của bậc Đại Ẩn Sĩ.

556. Trước đây hai kiếp, vị hộ trì trái đất là vị Sát-đế-lỵ tên Añjasa, có oai lực vô biên, có danh vọng vô lượng, có tài sản lớn lao.

557. Là người con trai của vị vua ấy, tôi là vị Sát-đế-lỵ tên Candana. Tôi đã ỷ lại vào sự kiêu hãnh về dòng dõi và sự kiêu hãnh về danh vọng và của cải.

558. Một trăm ngàn con long tượng mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được tô điểm với tất cả các loại trang sức, luôn luôn hộ tống tôi.

559. Khi ấy, được tháp tùng bởi các binh lính của mình, là người có ý thích đi dạo khu vườn, tôi đã cỡi lên con voi Sirika và đã rời khỏi thành phố.

560. Đức Phật tên Devala[22] đầy đủ tánh hạnh, có các căn được phòng hộ, khéo thu thúc đã đi đến phía trước tôi.

561. Khi ấy, tôi đã thúc con voi Sirika và đã công kích đức Phật. Do đó, con voi ấy đã nổi cơn giận dữ và không chịu nhấc bàn chân lên.

562. Sau khi nhìn thấy con voi có tâm ý bất bình, tôi đã thể hiện sự giận dữ đối với đức Phật. Sau khi gây khó khăn cho đức Phật, tôi đã đi đến khu vườn.

563. Tôi không tìm thấy sự thoải mái ở tại nơi ấy giống như cái đầu đã bị bốc cháy, tôi bị thiêu đốt vì sự bực bội tợ như con cá bị vướng vào lưỡi câu.

564. Việc xảy ra cho tôi tợ như trái đất bị rực cháy đến tận bờ biển, tôi đã đi đến gặp người cha và đã nói lời nói này:

565. "Việc con đã công kích đấng Tự Chủ tợ như con rắn độc bị nổi giận, tợ như khối lửa đã tiến đến, tợ như con voi có sự huấn luyện bị động cỡn.

566. Đức Phật, đấng Chiến Thắng có khổ hạnh nổi bật khủng khiếp, đã bị con công kích. Trước khi tất cả chúng ta bị tiêu diệt, chúng ta hãy xin bậc Hiền Trí ấy thứ lỗi.

567. Ngài là vị có bản thân đã được rèn luyện được định tĩnh, nếu chúng ta không được vị ấy tha thứ thì xứ sở của con sẽ bị tiêu hoại trong vòng bảy ngày.

568. [Các vị Vua] Sumekhala, Kosiya, Siggava và luôn cả Sattuko, sau khi công kích các vị Ẩn sĩ, họ cùng với cư dân của xứ sở đã lâm vào cảnh khổ đau.

569. Khi các vị Ẩn sĩ đã tự chế ngự, có sự thực hành Phạm hạnh, nổi cơn bực tức, các vị làm cho thế gian cùng với biển cả và núi non luôn cả chư thiên bị hủy hoại."

570. Tôi đã triệu tập các nam nhân trong phạm vi ba ngàn do-tuần, và tôi đã đi đến gặp đấng Tự Chủ với ý định sám hối tội lỗi.

571. Hết thảy tất cả có y phục ướt đẫm, có đầu tóc ướt đẫm đã chắp tay lên. Sau khi quỳ xuống ở bàn chân của đức Phật, bọn họ đã nói lời nói này:

572. "Bạch đấng Đại Hùng, dân chúng cầu xin Ngài, xin Ngài hãy tha thứ, xin Ngài hãy xua đi nỗi bực bội, xin Ngài chớ hủy hoại xứ sở của chúng tôi."

573. "Xin tất cả loài người và chư thiên cùng với hạng người khổng lồ và các quỷ dữ hãy đập bể đầu của con bằng cái chày vồ làm bằng sắt vào mọi lúc."

574. [Vị Phật đáp:] "Ngọn lửa không tồn tại ở nước, hạt giống không mọc lên ở tảng đá, sâu bọ không tồn tại ở thuốc men, sự giận dữ không nảy sanh ở đức Phật.

---

[22] Mặc dầu văn bản ghi *sambuddho* nghĩa là Phật Toàn Giác, nhưng *Chú giải* giải thích đây là *paccekasambuddho* nghĩa là Phật Độc Giác (*ApA*. 288).

575. Cũng giống như trái đất thì không lay chuyển, biển cả thì không thể đo lường và không gian thì vô tận, tương tợ như vậy, chư Phật là không dao động.

576. Các đấng Đại Hùng luôn nhẫn nại, các đạo sĩ khổ hạnh luôn thứ tha. Đối với các vị đã nhẫn nại đã thứ tha, việc đi đến sự bực bội là không có."

577. Nói xong điều này, trong khi xua đi sự bực bội, đức Phật khi ấy đã bay lên không trung ở phía trước đám đông dân chúng.

578. Bạch đấng Trí Tuệ, do nghiệp ấy con đã đi đến bản thể thấp kém. Sau khi tự vượt lên trên số phận ấy, con đã đi vào thành phố không hãi sợ [Niết-bàn].

579. Bạch đấng Đại Hùng, cũng vào khi ấy con đã cầu xin đấng Tự Chủ thứ lỗi và vị ấy đã xua đi sự bực bội đang thiêu đốt con, đang tồn tại vững chắc ở con.

580. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay cũng vậy, trong khi con đang bị thiêu đốt bởi ba ngọn lửa, Ngài đã dập tắt ba ngọn lửa và giúp con đạt đến trạng thái mát mẻ.

581. Nếu các người có sự chú ý vào việc nghe thì hãy lắng nghe khi tôi đang nói. Tôi sẽ giảng giải ý nghĩa cho các người về việc tôi đã thấy được vị thế [Niết-bàn] như thế nào.

582. Sau khi đã khinh miệt đấng Tự Chủ là vị có tâm an tịnh, định tĩnh ấy, do nghiệp ấy ngày hôm nay tôi đã bị sanh ra vào dòng dõi thấp kém.

583. Các người chớ để cơ hội trôi qua bởi vì khi cơ hội đã trôi qua các người sẽ sầu muộn. Các người hãy nên tinh tấn cho lợi ích của chính mình, cơ hội sẽ xảy đến cho các người.

584. Và [giáo pháp] đối với một số người là sự ói mửa, đối với một số người là sự tháo dạ, đối với số người là chất độc chết người và đối với một số người là phương thuốc.

585. Là sự ói mửa đối với những người đang thực hành, là sự xổ ruột đối với những người tiến đến quả vị, là phương thuốc đối với những người có sự thành tựu quả vị, là phước điền đối với những người tầm cầu.

586. Chất độc chết người [tác hại] đối với những kẻ thù nghịch giáo pháp như thế nào thì con rắn độc có nọc độc tà kiến thiêu đốt người đàn ông ấy như vậy.

587. Được uống một lần, chất độc chết người chấm dứt mạng sống. Còn người khi đã thù nghịch với giáo pháp thì bị thiêu đốt một *koṭi* (mười triệu) kiếp.

588. Do sự nhẫn nại, do sự không hãm hại và do sự hành trì tâm từ ái, đức Phật giúp thế gian luôn cả chư thiên vượt qua, vì thế các người không nên thù nghịch.

589. Chư Phật tương đương với trái đất, các Ngài không bị vướng bận vào các sự được lợi hay mất lợi, vào sự kính trọng hay không kính trọng, vì thế các người không nên thù nghịch.

590. Trong trường hợp kẻ phá hoại Devadatta, kẻ cướp Aṅgulimāla, con voi Dhanapāla và [người con trai] Rāhula, bậc Hiền Trí là bình đẳng đối với tất cả.

591. Các vị này không có sự bất bình, các vị này không biết đến sự luyến ái. Đức Phật là bình đẳng đối với tất cả, đối với kẻ phá hoại cũng như đối với người con ruột.

592. Sau khi nhìn thấy ở trên đường tấm y ca-sa bị quăng bỏ lấm lem bởi phân bò, nên chắp tay ở trên đầu đảnh lễ biểu tượng của bậc Ẩn Sĩ.

593. Chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai được thanh tịnh nhờ vào biểu tượng này, vì thế những vị này đáng được lễ bái.

594. Luật tốt đẹp được xem như là bậc Đạo sư, tôi duy trì Luật bằng trái tim. Trong khi tôn kính đối với Luật, tôi sẽ luôn luôn an trú.

595. Luật là khuynh hướng của tôi, Luật là chỗ đứng và là đường kinh hành [của tôi], tôi sắp xếp sự cư ngụ ở trong Luật, Luật là hành xứ của tôi.

596. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về Luật và cũng rành rẽ các pháp dàn xếp [về tranh tụng]. Bạch đấng Đại Hùng, Upāli đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là bậc Đạo sư.

597. Trong khi lễ bái bậc Toàn Giác và bản chất tốt đẹp của giáo pháp, tôi đây sẽ du hành từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác.

598. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

599. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

600. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāli" là phần thứ sáu.

7. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AÑÑĀKOṆḌAÑÑA

(*Aññākoṇḍaññattherāpadānaṃ*)

601. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Hướng Đạo, vị đã đạt đến nền tảng của bậc Giác Ngộ.

602. Cho đến tất cả dạ-xoa đã tụ hội lại ở cội cây Bồ-đề, họ vây quanh và chắp tay lên đảnh lễ bậc Toàn Giác.

603. Với tâm ý hớn hở, tất cả chư thiên ấy di chuyển đó đây ở trên không trung [nói rằng]: "Đức Phật này đã ngự đến, xua tan bóng đêm tăm tối."

604. Được tràn ngập niềm vui, các vị ấy đã phát lên tiếng vang lớn rằng: "Chúng ta sẽ thiêu đốt các phiền não ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác."

605. Nhận biết giọng nói được thốt thành lời của chư thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng bữa ăn đầu tiên [đến đức Phật].

606. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này:

607. "Sau khi ra đi bảy ngày, Ta đã chứng đắc phẩm vị Giác ngộ. Đây là bữa ăn đầu tiên của Ta, là vật nuôi dưỡng cơ thể đối với việc hành Phạm hạnh.

608. Bởi vì người nào từ cõi trời Đẩu-suất đi đến nơi đây và đã dâng lên thức ăn cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

609. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp. Sau khi vượt trội tất cả chư thiên, người ấy sẽ cư ngụ ở cõi trời.

610. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại, là đấng Chuyển Luân Vương, cai quản quốc độ ở tại nơi ấy một ngàn lần.

611. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

612. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại. Sau khi lìa gia đình xuất gia, người ấy sẽ sống sáu năm [khổ hạnh].

613. Sau đó, vào năm thứ bảy đức Phật sẽ thuyết giảng chân lý. Vị tên là Koṇḍañña sẽ chứng ngộ đầu tiên."

614. Tôi đã xuất gia theo [đức Bồ-tát] vị đã lìa khỏi [gia đình]. Sự tinh tấn đã được tôi thể hiện tốt đẹp. Nhằm mục đích thiêu đốt các phiền não, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

615. Đấng Toàn Tri, đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên, đã ngự đến Isināma tại Vườn Nai và đã vỗ lên tiếng trống bất tử.

616. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

617-19. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aññākoṇḍañña đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aññākoṇḍañña" là phần thứ bảy.

8. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIṆḌOLABHĀRADVĀJA
(*Piṇḍolabhāradvājattherāpadānaṃ*)

620. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã cư ngụ tại Cittakūṭa [đỉnh núi Citta] ở phía trước núi Hy-mã-lạp.

621. Ở tại nơi ấy, tôi đã là [con sư tử] vua của loài thú có dáng vóc dũng mãnh đi khắp bốn phương. Nhiều người hoảng hốt sau khi nghe tiếng rống của nó.

622. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu và đã dâng đến đức Phật [khi Ngài] đã xuất khỏi định.

623. Sau khi lễ bái đức Phật tối thượng, bậc Tối Thượng Nhân từ bốn hướng, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín rồi đã rống lên tiếng rống của loài sư tử.

624. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

625. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại [nói rằng]: "Vị đứng đầu trong số các bậc thuyết giảng đã đi đến, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của Ngài."

626. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Đại Hiền Trí có sự nhìn thấy tương lai xa vời, đã tán dương đức tin của tôi ở phía trước chư thiên đang được tràn ngập niềm vui ấy rằng:

627. "Người nào đã dâng cúng đóa hoa sen này và đã rống lên tiếng rống của loài sư tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

628. Vào kiếp thứ tám về sau này, người này sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của bốn châu lục.

629. [Người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương có sức mạnh vĩ đại tên Paduma, cai quản lãnh địa ở trên trái đất sáu mươi bốn lần.

630. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

631. Khi Phật ngôn được công bố, [người này] sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. [Người này] sẽ lìa khỏi phẩm vị Bà-la-môn và sẽ xuất gia ngay khi ấy.

632. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

633. Tại chỗ ngụ hẻo lánh ở trong rừng đầy dẫy ác thú, [vị ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

634-36. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piṇḍolabhāradvāja" là phần thứ tám.

9. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHADIRAVANIYA REVATA (*Khadiravaniyarevatattherāpadānaṃ*)

637. Sông Gaṅgā có tên là Bhāgīrathī, được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp. Tôi đã là người chèo thuyền ở bến tàu hiểm trở, và ở bờ này tôi chèo qua [bờ kia].

638. Tôi đã được nghe trước rằng đấng Lãnh Đạo Padumuttara sẽ vượt qua dòng sông cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

639. Sau khi gom lại nhiều chiếc thuyền, tôi đã thực hiện mái che được chuẩn bị khéo léo bởi những người thợ mộc ở trên [một] chiếc thuyền, rồi đã chờ đợi đấng Nhân Ngưu.

640. Và đấng Toàn Giác đã ngự đến và đã bước lên chiếc thuyền ấy. Đứng ở giữa [dòng] nước, bậc Đạo sư đã nói lên những lời kệ này:

641. "Người nào đã đưa bậc Toàn Giác và hội chúng Vô lậu sang bờ kia, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên.

642. Sẽ có cung điện hình dạng chiếc thuyền được kiến tạo khéo léo sanh lên cho ngươi, sẽ có mái che bằng bông hoa được duy trì ở trên không vào mọi lúc.

643. Năm mươi tám kiếp về sau, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Tāraka, là đấng Chuyển Luân Vương, có sự chinh phục bốn phương.

644. Năm mươi bảy kiếp về sau, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Campaka, có sức mạnh lớn lao và sẽ rực sáng như mặt trời đang mọc.

645. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

646. Sau khi mệnh chung từ cõi trời, người ấy sẽ đi đến bản thể nhân loại và sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Revata.

647. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sau khi lìa khỏi gia đình sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

648. Sau khi xuất gia, vị ấy sau này sẽ là vị hành minh sát có sự gắn bó mật thiết, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

649. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

650. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

651. Sau đó, khi nhìn thấy tôi được vui thích ở rừng, bậc Hiền Trí, người đã đi đến tận cùng thế gian, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị Tỳ-khưu cư ngụ ở rừng.

652. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khadiravaniya Revata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khadiravaniya Revata" là phần thứ chín.

10. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀNANDA (*Ānandattherāpadānaṃ*)

653. Sau khi đi ra khỏi cổng tu viện, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, trong lúc đổ cơn mưa bất tử đã giúp cho đám đông dân chúng đạt đến Niết-bàn.

654. Một trăm ngàn vị Anh hùng ấy có sáu thắng trí, có đại thần lực, tháp tùng bậc Toàn Giác tợ như bóng không có sự xa lìa [hình].

655. Tôi đã ngồi trên mình voi [nắm giữ] chiếc lọng trắng cao quý tối thượng. Sau khi nhìn thấy hình dáng vô cùng lịch sự, tôi đã có niềm hạnh phúc sanh khởi.

656. Leo xuống từ mình voi, tôi đã đi đến gần bậc Nhân Ngưu. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng làm bằng châu báu của tôi che cho đức Phật tối thượng.

657. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã ngưng lại cuộc thuyết giảng ấy và đã nói lên những lời kệ này:

658. "Người nào đã nắm giữ chiếc lọng được tô điểm các vật trang sức bằng vàng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

659. Từ nơi này ra đi, người nam này sẽ cư ngụ ở cõi trời Đẩu-suất và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

660. [Người này] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi bốn lần, sẽ là vị thống lãnh quân đội cư ngụ ở trái đất trong một trăm lẻ tám kiếp sống.

661. [Người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần và sẽ cai quản lãnh thổ vương quốc rộng bao la ở trên trái đất.

662. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

663. Có tên là Ānanda [người này] sẽ là thân bằng quyến thuộc, sẽ trở thành người thị giả của bậc Đại Ẩn sĩ, là biểu tượng của gia tộc dòng Sakya.

664. [Người này] sẽ có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, được rành rẽ về nhiều chân lý, có hành vi khiêm nhường, không nhẫn tâm, có sự trì tụng toàn bộ.

665. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người này] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

666. Các con voi sống ở rừng là loài voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi, có các ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua.

667. Hàng trăm ngàn vị ấy cũng là các bậc trí tuệ và có đại thần lực, tất cả các vị ấy là không sánh bằng đối với đức Phật, đấng Tượng Vương.

668. Tôi lễ bái vào canh đầu, vào canh giữa và vào canh cuối. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng.

669. Tôi có sự nhiệt tâm và cẩn trọng nữa, có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], đã đạt đến quả vị Nhập lưu và rành rẽ về các nền tảng của bậc Hữu học.

670. Việc tôi đã khẳng định về hành động ở một trăm ngàn kiếp trước đây, tôi đã thành tựu nền tảng ấy, tôi đã được tồn tại, được bất động ở Chánh pháp.

671. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

672. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

673. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ānanda" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Phật [Toàn Giác], Phật Độc Giác, vị Sāriputta, vị Koḷita, vị Kassapa, vị Anuruddha, vị Trưởng lão Puṇṇa, vị Upāli, vị Aññāsikoṇḍañña, vị Piṇḍola, vị Revata và bậc Trí tuệ Ānanda; toàn bộ sáu trăm năm mươi câu kệ đã được gộp chung lại.

Phẩm Đức Phật là phẩm thứ nhất.

II. PHẨM SĪHĀSANADĀYAKA
(*SĪHĀSANADĀYAKAVAGGO*)

11. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA
(*Sīhāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

674. [Vào lúc ấy] đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha đã Niết-bàn, Phật ngôn đã được lan rộng, giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết.

675. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử. Sau khi làm xong bảo tọa sư tử, tôi đã thực hiện ghế kê chân.

676. Và khi trời mưa ở bảo tọa sư tử, tôi đã xây dựng ngôi nhà ở tại nơi ấy. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

677. Ngay lập tức đã có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi dài hai mươi bốn do-tuần, rộng mười bốn do-tuần.

678. Có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi. Và có chiếc ghế bành làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra ở tòa lâu đài.

679. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng. Các tòa lâu đài và luôn cả các kiệu khiêng đều được sanh lên theo như ước muốn.

680. Có các chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni và nhiều chiếc khác làm bằng lõi gỗ, tất cả đều được sanh lên cho tôi; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

681. Tôi bước lên những đôi giày làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng pha lê và ngọc bích; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân.

682. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

683. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương[1] tên Inda. Trước đây bảy mươi hai kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Sumana.

684. Trước đây đúng bảy mươi kiếp, [tôi] đã có ba lần làm đấng Chuyển Luân Vương tên Varuṇa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

685. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] Câu kệ này và câu kế được ghi theo *Chú giải* (*ApA*. 312).

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanadāyaka" là phần thứ nhất.

12. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKATTHAMBHIKA
(*Ekatthambhikattherāpadānaṃ*)

686. Đức Thế Tôn Siddhattha đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Những người ấy đã đi đến nương nhờ vào đức Phật, họ đặt niềm tin vào đức Như Lai.

687. Tất cả đã tụ hội lại, bàn bạc, rồi xây dựng hội trường dành cho bậc Đạo sư. Không có được một cây cột trụ, họ tìm kiếm ở khu rừng bạt ngàn.

688. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy bọn họ ở trong rừng và đã đi đến gần đám đông. Sau khi chắp tay lên, tôi đã hỏi đám đông.

689. Được tôi hỏi, những người cư sĩ có giới hạnh ấy đã trả lời rằng: "Chúng tôi có ý định xây dựng hội trường nhưng không có được một cây cột trụ."

690. "Xin các vị hãy giao cho tôi, tôi sẽ dâng đến bậc Đạo sư một cây cột trụ. Tôi sẽ mang cây cột trụ đến, các vị không phải bận tâm."

691. Họ đã xem xét cây cột trụ của tôi, và đã được tin tưởng với tâm ý hớn hở. Sau đó, họ đã quay trở lại và đã đi về nhà của mình.

692. Khi ấy, lúc đám đông cư sĩ ra đi không lâu, tôi đã dâng cúng cây cột trụ. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dựng đứng cây cột trụ trước tiên.

693. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã được sanh lên cõi trời. Có cung điện cao ráo dành cho tôi, được vươn cao một trăm tầng lầu.

694. Khi ấy, tôi luôn luôn được người hầu hạ trong lúc những chiếc trống lớn được vỗ vang. [Trước đây] năm mươi lăm kiếp, tôi đã là đức Vua Yasodhara.

695. Ở tại nơi ấy, dành cho tôi cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu, được kề cận nhà mái nhọn cao quý, và có một cây cột trụ thích ý.

696. [Trước đây] hai mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Udena. Ở tại nơi ấy, cũng có cung điện được vươn cao một trăm tầng lầu dành cho tôi.

697. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều thọ hưởng mọi sự an lạc; điều này là quả báo của một cây cột trụ.

698. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây cột trụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một cây cột trụ.

699. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekatthambhika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekatthambhika" là phần thứ nhì.

---

[2] *Sīhāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng bảo tọa (*āsana*) sư tử (*sīha*), pháp tọa."

[3] *Ekatthambhika* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) cây cột trụ (*thambha*)."

13. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDA (*Nandattherāpadānaṃ*)

700. Tấm vải sợi lanh đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Padumuttara, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

701. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện đến tôi đây rằng: "Với sự dâng cúng tấm vải này, ngươi sẽ có được màu da vàng chói.

702. Được thúc đẩy bởi các nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người], ngươi sẽ trở thành người em trai của đức Thế Tôn Gotama.

703. Là người say mê ái dục, thiên về khoái lạc, bám víu vào sự tham đắm trong các dục, khi ấy bị thúc đẩy bởi đức Phật, ngươi sẽ xuất gia.

704. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi xuất gia ở tại nơi ấy, ngươi sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

705. [Trước đây] một trăm ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Cela. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên là Upacela.

706. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp đã có bốn vị [Chuyển Luân Vương] tên cũng là Cela, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

707. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nanda[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nanda" là phần thứ ba.

14. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CULLAPANTHAKA (*Cullapanthakattherāpadānaṃ*)

708. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đã tách lìa khỏi đám đông, và Ngài đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp.

709. Khi ấy, tôi cũng sống ở khu ẩn cư tại núi Hy-mã-lạp. Khi đấng Anh Hùng ngự đến không bao lâu, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

710. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che bằng bông hoa và đã đi đến gần đấng Nhân Ngưu. Trong lúc Ngài đang nhập định, tôi đã tạo ra sự khuấy rối.

711. Tôi đã nâng lên bằng hai bàn tay và đã dâng lên chiếc lọng che bằng bông hoa. Đức Thế Tôn, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã thọ nhận.

712. Tất cả chư thiên có tâm hoan hỷ, các vị ấy đi đến núi Hy-mã-lạp. Các vị đã thể hiện hành động tán thưởng [nói rằng]: "Bậc Hữu Nhãn sẽ nói lời tùy hỷ."

713. Nói xong điều này, chư thiên ấy đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân trong lúc Ngài đang ở trên không trung cầm lấy chiếc lọng bằng hoa sen hồng thượng hạng của tôi. [Đức Phật đã nói rằng:]

---

[4] Nanda là người em trai cùng cha (đức Vua Suddhodana) khác mẹ (con bà Mahāpajāpati Gotamī) của Thái tử Siddhattha (Sĩ-đạt-ta). (ND)

714. "Vị đạo sĩ khổ hạnh đã nâng lên chiếc lọng có một trăm cánh sen và đã dâng cúng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

715. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần.

716. [Người ấy] luân hồi đến chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, khi đang đứng ở bên ngoài trời thì sẽ có đóa hoa sen hồng che chở [cho vị ấy].

717. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

718. Khi Phật ngôn được công bố, [người ấy] sẽ đạt được bản thể nhân loại và sẽ trở thành vị giỏi nhất về [biến hóa] thân được tạo ra bởi ý.

719. Sẽ có hai người anh em trai. Cả hai đều có tên là Panthaka. Sau khi thọ hưởng mục đích tối thượng, cả hai sẽ làm sáng chói giáo pháp."

720. Được mười tám tuổi, tôi đây đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi không đạt được điều gì xuất sắc ở trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

721. Bản chất của tôi đã là đần độn, trước đây tôi đã bị khi dễ. Và người anh trai đã xua đuổi tôi rằng: "Bây giờ ngươi hãy đi về nhà của mình đi."

722. Trong khi bị xua đuổi ở tại cổng ra vào của tu viện dành cho hội chúng, với tâm ý rầu rĩ tôi đây đã đứng tại nơi ấy với niềm ao ước về bản thể Sa-môn.

723. Đức Thế Tôn đã đi đến nơi ấy. Ngài đã xoa đầu tôi. Sau khi nắm lấy cánh tay của tôi, Ngài đã dẫn tôi đi vào tu viện dành cho hội chúng.

724. Với lòng thương tưởng, bậc Đạo sư đã đưa cho tôi miếng giẻ chùi chân [và nói rằng]: "Ngươi hãy chú nguyện cho được trong sạch như vầy theo một hướng đã được xác định đúng đắn."

725. Sau khi cầm lấy vật ấy bằng hai tay, tôi đã nhớ lại đóa sen hồng. Tại nơi ấy tâm của tôi đã được giải thoát, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

726. Tôi đã đạt đến sự toàn hảo về mọi phương diện trong việc [biến hóa] các thân được tạo ra bởi ý. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

727. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cullapanthaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cullapanthaka" là phần thứ tư.

15. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḶINDIVACCHA

(*Piḷindivacchattherāpadānaṃ*)

728. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, nhân vật cao cả Sumedha đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thể hiện sự cúng dường đến ngôi bảo tháp.

729. Và ở tại nơi ấy, các vị nào là bậc lậu tận, có sáu thắng trí, có đại thần lực, tôi đã triệu tập các vị ấy lại ở tại nơi ấy và đã thực hiện bữa trai phạn đến hội chúng.

730. Lúc bấy giờ, vị thị giả của đức Thế Tôn Sumedha tên là Sumodha đã có mặt. Khi ấy, vị ấy đã nói lời tùy hỷ.

731. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh về thiên cung. Tám mươi sáu ngàn tiên nữ đã cùng tôi vui sướng.

732. Các nàng ấy luôn luôn phục tòng chỉ mình tôi bằng mọi thứ dục lạc, tôi vượt trội các vị thiên nhân khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

733. Vào kiếp thứ hai mươi lăm, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Varuṇa. Khi ấy, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương có vật thực vô cùng tinh khiết.

734. Dân chúng không gieo hạt giống, cũng không theo sau lưỡi cày, họ thọ dụng gạo sāli này không phải cày, không phải nấu.

735. Sau khi trị vì vương quốc tại nơi ấy, tôi đã đi đến bản thể thiên nhân lần nữa. Khi ấy, cũng giống như tôi, họ đã được tái sanh, có sự đầy đủ về của cải.

736. Tất cả sanh linh, là bạn hay không phải là bạn, đều không hãm hại tôi. Thậm chí tôi được tất cả yêu quý; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

737. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa vật thơm [ở ngôi bảo tháp].

738. Ở vào kiếp Bhadda này, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, có đại oai lực, có sức mạnh lớn lao.

739. Tôi đây đã an trú nhiều người vào năm giới cấm và còn giúp cho họ đạt đến nhàn cảnh nữa, tôi đã được chư thiên yêu quý.

740. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piḷindivaccha" là phần thứ năm.

16. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀHULA (*Rāhulattherāpadānaṃ*)

741. Tôi đã lắp đặt gương soi ở tòa lâu đài bảy tầng của đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

742. Được tùy tùng bởi một ngàn bậc vô lậu, bậc Đại Hiền Trí, đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Nhân Ngưu đã đi đến hương thất.

743. Trong lúc làm cho hương thất chiếu sáng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

744. "Nhờ người nào chỗ ngụ này được chiếu sáng và gương soi đã khéo được lắp đặt, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

745. Có các tấm gương làm bằng vàng, làm bằng bạc và làm bằng ngọc bích. Từ tấm gương sẽ hiện ra bất cứ những gì được yêu thích ở trong tâm.

746. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần, và kế tiếp đó sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

747. Vào kiếp thứ hai mươi mốt, [người ấy] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Vimala, sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương, là người chinh phục bốn phương.

748. Có thành phố tên Reṇuvatī được xây dựng bằng các viên gạch, được kiến trúc dạng hình vuông trải dài ba trăm do-tuần.

749. Có tòa lâu đài tên Sudassana được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma, có các nhà mái nhọn cao quý được điểm tô bằng bảy loại châu báu.

750. Được nhộn nhịp với mười loại âm thanh, được đông đảo các nhà pháp thuật, [thành phố này] sẽ là tương tợ như thành phố Sudassana của chư thiên.

751. Ánh sáng của thành phố ấy phát ra ngay trong khi mặt trời đang mọc, và luôn luôn chiếu sáng thành phố ấy tám do-tuần ở xung quanh.

752. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

753. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, người ấy sẽ trở thành con trai của đức Thế Tôn Gotama.

754. Nếu sống tại gia, người ấy có thể trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Việc con người như thế ấy đi đến sự vui sướng trong đời sống tại gia là không có cơ sở.

755. Sau khi lìa khỏi gia đình, người ấy sẽ xuất gia, có sự hành trì tốt đẹp, và sẽ trở thành vị A-la-hán với tên là Rāhula."

756. Bạch đấng Đại Hiền Triết, giống như loài chim kikī bảo vệ trứng, giống như loài bò mộng bảo vệ cái đuôi, con là người cẩn trọng, được tròn đủ về giới, con đã hộ trì như vậy.

757. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống vui sướng trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

758. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rāhula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rāhula" là phần thứ sáu.

17. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASENA (*Upasenattherāpadānaṃ*)

759. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở sườn núi, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân ấy.

760. Sau khi nhìn thấy bông hoa kaṇikāra đã được nở rộ, khi ấy tôi đã ngắt lìa ở cuống hoa. Sau khi tô điểm ở chiếc lọng che, tôi đã che ở phía bên trên của đức Phật.

761. Và tôi đã dâng lên vật thực gồm có cơm thượng hạng và thức ăn ngon. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn cho tám vị Sa-môn với đức Phật là vị thứ chín.

762-63. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng chiếc lọng che này và sự hiến tặng món cơm thượng hạng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành công. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần.

764. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

765. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

766. Trong khi giáo pháp đang chiếu sáng, [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Upasena."

767. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tôi duy trì thân mạng cuối cùng sau khi đã tiêu diệt Ma vương cùng với đạo quân binh.

768. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upasena Vaṅgantaputta" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ ba).

18. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṬṬHAPĀLA (*Raṭṭhapālattherāpadānaṃ*)

769. Con voi cao quý, có ngà như cán cày, là phương tiện di chuyển của đức vua đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

770. [Con voi] được rạng rỡ với chiếc lọng trắng, có các vật trang sức dành cho loài voi. Sau khi đã cho định giá toàn bộ vật ấy, tôi đã cho xây dựng tu viện dành cho hội chúng.

771. Tôi đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài và đã thực hiện bữa trai phạn lớn lao rồi đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

772. Đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả đã nói lời tùy hỷ. Trong lúc làm cho tất cả dân chúng được vui mừng, Ngài đã thuyết giảng về đạo lộ bất tử.

773. Đức Phật tên Padumuttara đã chú nguyện về việc ấy cho tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã nói lên những lời kệ này:

774. "Người này đã cho xây dựng năm mươi bốn ngàn tòa lâu đài, Ta sẽ thuyết giảng về quả thành tựu. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

775. Mười tám ngàn ngôi nhà mái nhọn sẽ được hiện ra ở cung trời tối thượng [dành cho người này] và chúng được làm toàn bộ bằng vàng.

776. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi tám lần.

777. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

778. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, vị ấy sẽ lập tức được sanh lên ở gia tộc sang trọng, có của cải lớn lao.

779. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, vị ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Raṭṭhapāla.

780. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, [người ấy] sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

781. Tôi đã vươn dậy, đã ra đi, đã từ bỏ sự thành đạt về của cải. Của cải ví như bãi nước bọt, sự yêu thương đối với của cải không được tìm thấy ở nơi tôi.

782. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

783. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṭṭhapāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṭṭhapāla" là phần thứ tám.

19. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOPĀKA (*Sopākattherāpadānaṃ*)

784. Trong khi tôi đang dọn dẹp cái hang ở khu rừng tại ngọn núi cao nhất, đức Thế Tôn tên Siddhattha đã đi đến gặp tôi.

785. Sau khi nhìn thấy đức Phật đã đi lại gần, tôi đã trải ra tấm thảm và đã dâng cúng chỗ ngồi làm bằng bông hoa đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

786. Sau khi ngồi xuống ở chỗ ngồi làm bằng bông hoa, và sau khi biết được cảnh giới tái sanh của tôi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã thốt lên về tính chất vô thường rằng:

787. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."

788. Sau khi nói điều ấy, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

789. Sau khi từ bỏ tà kiến của mình, tôi đã tu tập tưởng về vô thường. Sau khi tu tập một ngày, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

790. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã thọ hưởng hai sự thành tựu [trời và người]. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã sanh vào dòng dõi hạ liệt.

791. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

792. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, khéo được định tĩnh trong các giới, sau khi làm vui lòng bậc Long Tượng vĩ đại, tôi đã đạt được sự tu lên bậc trên.

793. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

794. Kể từ khi tôi đã tu tập tưởng [về vô thường] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc trong khi đang tu tập tưởng [về vô thường] ấy.

795. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sopāka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sopāka" là phần thứ chín.

20. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṄGALA (*Sumaṅgalattherāpadānaṃ*)

796. Có ý định dâng tặng phẩm vật hiến cúng, tôi đã cho chuẩn bị vật thực. Trong khi chờ đợi các vị Bà-la-môn, tôi đã đứng ở khu vực bùng binh rộng lớn.

797. Và tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassī có danh vọng lớn lao, bậc Hướng Đạo của toàn bộ thế gian, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả.

798. Được tháp tùng bởi các vị Thinh văn, đức Thế Tôn có hào quang, tợ như mặt trời đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường lộ.

799. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã thỉnh mời dầu chỉ bằng tâm ý: "Mong sao bậc Đại Hiền Triết đi đến gần."

800. Biết được ý định của tôi, đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng Ở Thế Gian, cùng với một ngàn bậc lậu tận đã đi đến cửa nhà của tôi.

801. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Xin thỉnh Ngài bước lên tòa lâu đài và ngồi xuống ở bảo tọa sư tử."

802. Bậc Đã [Tự] Rèn Luyện có đoàn tùy tùng đã được rèn luyện, bậc Đã [Tự] Vượt Qua, bậc cao quý trong số các vị đang tiếp độ [chúng sanh] vượt qua sau khi bước lên tòa lâu đài đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao quý.

803. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng lên đức Phật vật thực mà tôi có được [và] đã được chuẩn bị ở trong căn nhà của chính mình.

804. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sanh niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lễ bái đức Phật tối thượng. Ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!

805. Trong số tám hạng Thánh nhân tùy tùng đang thọ thực, có nhiều bậc Vô lậu. Oai lực ấy là của chính Ngài, con đi đến nương tựa vào Ngài.

806. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

807. "Người nào đã chăm lo vật thực đến hội chúng có bản thể chính trực, định tĩnh, và [đến] đức Như Lai, bậc Toàn Giác. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

808. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi bảy lần. Được hài lòng với việc làm của chính mình, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên.

809. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương mười tám lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất."

810. Sau khi đã đi sâu vào trong khu vườn cây, khu rừng thưa, khu rừng rậm được lai vãng bởi loài cọp, và sau khi đã ra sức nỗ lực, các phiền não đã được thiêu đốt bởi tôi.

811. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bữa ăn.

812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumaṅgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumaṅgala" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có bảo tọa sư tử, vị có một cây cột trụ, vị Nanda, vị Cullapanthaka, vị Piḷinda, luôn cả vị Rāhula, vị Vaṅganta, vị Raṭṭhapāla, vị Sopāka và luôn cả vị Maṅgala là mười [ký sự] thuộc phẩm thứ nhì. Và ở đây, có một trăm ba mươi tám câu kệ đã được giảng giải.

Phẩm Sīhāsanadāyaka là phẩm thứ nhì.

III. PHẨM SUBHŪTI
(*SUBHŪTIVAGGO*)

21. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHŪTI (*Subhūtittherāpadānaṃ*)

813. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Nisabha, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

814. Khi ấy, là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột tên là Kosiya, tôi sống ở [ngọn núi] Nisabha mỗi một mình, không có người thứ hai.

815. Khi ấy, tôi không thọ dụng trái cây, rễ cây và lá cây [còn ở trên cây]. Trong khi ấy, tôi sống nhờ các lá cây úa vàng đã rụng.

816. Ngay cả trong khi đang buông bỏ mạng sống, tôi cũng không làm cho sự nuôi mạng bị hư hỏng. Tôi làm cho tâm của mình được hài lòng, tôi tránh xa sự tầm cầu sai trái [trong việc nuôi mạng].

817. Mỗi khi tâm liên quan đến tham ái sanh khởi ở tôi, tôi tự mình quán sát. Khi được chăm chú, tôi đã thuần hóa tâm tham ái ấy rằng:

818. "Ngươi bị ái luyến ở điều quyến rũ, bị sân hận ở điều gây khó chịu và bị mê muội bởi điều làm cho mê mẩn; ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

819. Trú xứ này dành cho các đạo sĩ khổ hạnh đã được thanh tịnh, không còn nhơ nhuốc. Ngươi chớ làm hư hoại sự thanh tịnh, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

820. [Nếu] trở thành người tại gia, ngươi sẽ luôn gánh chịu sự bị ràng buộc. Ngươi cũng chớ lầm lẫn về hai việc [xuất gia và tại gia], ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

821. Giống như loại củi gỗ thiêu xác chết không phải là vật để dùng cho công việc ở bất cứ nơi nào khác, dầu ở làng mạc hay rừng thẳm, bởi vì nó không còn được xem là củi đốt nữa.

822. Tợ như loại củi gỗ thiêu xác chết, ngươi không còn là người tại gia và cũng không phải là xuất gia. Hôm nay, ngươi là người không còn thuộc về cả hai hạng, ngươi hãy tự mình thoát ra khỏi khu rừng.

823. Nếu điều này xảy ra cho ngươi thì ai nhận biết điều này ở ngươi? Nếu ngươi từ bỏ phận sự về đức tin thì sẽ có nhiều sự biếng nhác ở ngươi.

824. Các bậc tri thức sẽ ghét bỏ ngươi, giống như người dân thành phố chán ghét sự ô nhiễm. Các bậc ẩn sĩ sẽ xua đuổi và luôn quở trách ngươi.

825. Các bậc tri thức sẽ phê phán ngươi đã vi phạm lời giáo huấn. Ngay trong khi không đạt được sự cộng trú, làm sao ngươi có thể sinh sống?

826. Con voi có sức mạnh đến gần và xua đuổi con voi là loài mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi, được sáu mươi tuổi ra khỏi bầy.

827. Trong khi bị tách rời khỏi bầy, con voi không có được sự an ổn, thoải mái. Nó bị khổ sở, tâm rối loạn. Trong khi buồn bực, nó bị dao động.

828. Tương tợ như thế ấy, các vị đạo sĩ tóc bện cũng sẽ xua đuổi ngươi là kẻ có tâm ý xấu xa. Trong khi bị tách rời khỏi các vị ấy, ngươi sẽ không đạt được sự an ổn, thoải mái.

829. Bị xâm nhập bởi mũi tên sầu muộn, ngươi bị thiêu đốt vì sự bực bội dầu là ban ngày hoặc ban đêm, tợ như con voi bị tách rời khỏi bầy.

830. Giống như vàng kim loại không bao giờ làm cho cái búa bị thiêu đốt ở bất cứ đâu; tương tợ như thế, với sự lìa bỏ giới, ngươi sẽ không làm cho [phiền não] được thiêu đốt ở bất cứ nơi nào.

831. Dầu cho đang sống ở tại gia, ngươi sẽ sinh sống cách nào? Tài sản thuộc về người mẹ cũng như thuộc về người cha để dành lại cho ngươi là không có.

832. Trong khi tự mình làm công việc khiến mồ hôi tuôn ra ở cơ thể, ngươi sẽ sinh sống ở tại gia như vậy. Tốt đẹp thay là điều ấy không được ngươi ưa thích."

833. Tại nơi ấy, tôi ngăn chặn tâm có khuynh hướng bị ô nhiễm theo cách như thế. Sau khi thực hiện lời giảng giải với nhiều pháp khác nhau, tôi đã ngăn chặn được các suy nghĩ xấu xa.

834. Như thế, trong khi tôi đang an trú với sự an trú vào sự không xao lãng, ba mươi ngàn năm đã trôi qua khi tôi ở trong khu rừng.

835. Sau khi nhìn thấy [tôi là] người tầm cầu mục đích tối thượng được thỏa thích với sự không xao lãng, bậc Toàn Giác Padumuttara đã đi đến gặp tôi.

836. Là bậc vô lượng, không người tương đương, có hào quang màu [vàng chói] của trái cây timbarūsaka, không ai sánh bằng về dáng vóc, khi ấy đức Phật đã đi kinh hành ở không trung.

837. Tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như tia chớp ở khoảng giữa đám mây trên bầu trời, đức Phật không ai sánh bằng về trí tuệ khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

838. Tợ như con sư tử chúa không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu hãnh, tợ như con cọp chúa chói sáng, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

839. Có hào quang màu vàng chói của đồng tiền vàng, giống như than hồng của gỗ khadira, như là viên ngọc ma-ni như ý, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

840. Với ánh sáng tinh khiết của ngọn núi Kelāsa, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như mặt trời ở chính ngọ, [đức Phật] khi ấy đã đi kinh hành ở không trung.

841. Sau khi nhìn thấy Ngài đang đi kinh hành ở không trung, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Phải chăng chúng sanh này là thiên nhân, hay đây là loài người?

842. Con người như thế này ở trên trái đất thì ta chưa từng được nghe hoặc được thấy. Cũng có lời chú thuật [về tướng mạo], người này sẽ là bậc Đạo sư."

843. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy tôi đã gom lại nhiều loại bông hoa và vật thơm.

844. Sau khi chuẩn bị chỗ ngồi bằng bông hoa, tôi đã nói với bậc có tâm ý tốt đẹp, làm thích ý, vị đứng đầu trong số các bậc Điều Phục Nhân lời nói này:

845. "Bạch đấng Đại Hùng, chỗ ngồi này đã được con chuẩn bị là thích hợp đối với Ngài. Trong khi làm cho tâm của con được vui vẻ, xin Ngài hãy ngồi xuống ở chỗ ngồi bằng bông hoa."

846. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Đức Phật đã ngồi ở chỗ ngồi bằng bông hoa quý cao trong bảy ngày đêm.

847. Trong khi lễ bái [Ngài], tôi đã đứng bảy ngày đêm. Bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã xuất khỏi thiền định.

848. Trong khi tán dương việc làm của tôi, Ngài đã nói lời nói này: "Ngươi hãy tu tập sự niệm tưởng về đức Phật là [pháp] vô thượng trong các pháp tu tập.

849. Sau khi tu tập về sự niệm tưởng này, ngươi sẽ được tròn đủ tâm ý và sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp.

850. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trong quốc độ một ngàn lần.

851. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ thọ hưởng mọi thứ ấy; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

852. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, ngươi sẽ đạt được tài sản lớn lao, sẽ không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

853. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

854. Sau khi từ bỏ tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

855. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, ngươi sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư với tên gọi là Subhūti.

856. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, [đức Phật ấy] sẽ thiết lập

ngươi vào vị thế tối thắng về hai phương diện là có đức hạnh đáng được cúng dường và tương tợ như thế về việc an trú vào sự không say đắm."

857. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

858. Được chỉ dạy bởi đấng Bảo Hộ Thế Gian, tôi đã lễ bái đức Như Lai. Được hoan hỷ, tôi luôn luôn tu tập sự niệm tưởng về đức Phật, là pháp tối thượng.

859. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

860. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

861. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng sự thành tựu tốt đẹp; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

862. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được tài sản lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

863. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tưởng niệm về đức Phật.

864. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Subhūti đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Subhūti" là phần thứ nhất.

22. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAVĀNA (*Upavānattherāpadānaṃ*)

865. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi phát cháy như là khối lửa, bậc Toàn Giác đã viên tịch Niết-bàn.

866. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường đức Như Lai. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được thực hiện, họ đã nâng thi thể lên.

867. Sau khi thực hiện phận sự đối với thi thể, họ đã tập trung Xá-lợi ở tại nơi ấy. Tất cả bọn họ gồm chư thiên và loài người đã xây dựng ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

868. Tầng thứ nhất làm bằng vàng, tầng thứ nhì làm bằng ngọc ma-ni, tầng thứ ba làm bằng bạc, tầng thứ tư làm bằng ngọc pha lê.

869. Tương tợ, viền mép của tầng thứ năm đã được làm bằng hồng ngọc, tầng thứ sáu làm bằng đá quý, phần bên trên làm bằng tất cả các loại châu báu.

870. Phần bên dưới làm bằng ngọc ma-ni, bục nền làm bằng châu báu. Được làm toàn bộ bằng vàng, ngôi bảo tháp vươn lên chiều cao một do-tuần.

871. Khi ấy, chư thiên đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng:

"Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

872. Xá-lợi không có các mảnh rời rạc, [Xá-lợi] thân thể được kết thành một khối. Chúng ta sẽ thực hiện lớp vỏ bọc ở ngôi bảo tháp dành cho đức Phật này."

873. Với bảy loại châu báu, chư thiên đã làm tăng thêm một do-tuần nữa. Có chiều cao hai do-tuần, ngôi bảo tháp ấy xua đi bóng tối.

874. Khi ấy, loài rồng đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người và luôn cả chư thiên, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

875. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

876. Sau khi đã tụ tập chung lại, loài rồng đã phủ lớp ngọc bích, ngọc sa-phia và ngọc ma-ni như ý lên ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

877. Giờ đây, ngôi bảo điện dành cho đức Phật đã được làm bằng ngọc ma-ni toàn bộ, khi ấy có chiều cao ba do-tuần, là nguồn tạo ra ánh sáng.

878. Khi ấy, các nhân điểu đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên và loài rồng, bọn họ đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật.

879. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

880. Loài nhân điểu đã thực hiện ở ngôi bảo tháp lớp vỏ bọc phụ trội toàn bộ làm bằng ngọc ma-ni. Họ cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần.

881. Với chiều cao bốn do-tuần, ngôi bảo tháp của đức Phật chiếu sáng và khiến cho tất cả các phương được rực rỡ tợ như mặt trời đã mọc lên.

882. Khi ấy, các ác thần đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: Loài người, luôn cả chư thiên, loài rồng và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế.

883. Bọn họ đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng.

884. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại châu báu, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao thêm."

885. Các ác thần cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao năm do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ.

886-87. Khi ấy, loài dạ-xoa đã tụ hội lại ở nơi ấy và đã cùng nhau bàn bạc

rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, loài nhân điểu và các ác thần đã xây dựng ngôi bảo tháp hạng nhất dành cho đức Phật tối thượng một cách cá biệt. Thế gian cùng với chư thiên không xao lãng, chúng ta chớ nên xao lãng.

888. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy. Bằng các loại ngọc pha lê, chúng ta sẽ phủ lên ngôi bảo điện dành cho đức Phật cho được cao thêm."

889. Loài dạ-xoa cũng đã làm phát triển ngôi bảo điện của đức Phật được cao thêm một do-tuần. Khi ấy, với chiều cao sáu do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ.

890. Lúc bấy giờ, các càn-thát-bà đã tụ hội lại và đã cùng nhau bàn bạc rằng: "Loài người, chư thiên, loài rồng, các ác thần và loài nhân điểu cũng tương tợ như thế.

891. Tất cả đã kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đức Phật. Trong việc này chúng ta là những người chưa làm gì. Chúng ta cũng sẽ kiến tạo ngôi bảo tháp dành cho đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy."

892. Sau khi đã làm thành bảy tầng, các càn-thát-bà đã đặt lên chiếc lọng. Khi ấy, các càn-thát-bà đã kiến tạo ngôi bảo tháp toàn bộ làm bằng vàng.

893. Khi ấy, với chiều cao bảy do-tuần, ngôi bảo tháp được rực rỡ. Đêm và ngày không phân biệt được, [vì] ánh sáng luôn luôn hiện hữu.

894. Mặt trăng, mặt trời, luôn cả các vì sao không hơn được ánh sáng của ngôi bảo tháp. Thậm chí ánh đèn cũng đã không được đốt lên ở xung quanh một trăm do-tuần.

895. Vào thời điểm ấy, những người nào cúng dường ngôi bảo tháp, những người ấy không bước lên ngôi bảo tháp mà họ thảy lên ở không trung.

896. Được chư thiên chỉ định, con dạ-xoa tên Abhisammata [có nhiệm vụ] máng lên cờ hiệu hoặc vòng hoa ở phía bên trên.

897. Những người ấy không nhìn thấy con dạ-xoa ấy mà nhìn thấy vòng hoa được nó mang đi. Sau khi nhìn thấy như thế rồi ra đi, tất cả những người ấy đi đến cõi tái sanh tốt đẹp.

898. Những người không có niềm tin ở lời Phật dạy và những người được tịnh tín vào giáo pháp có ước muốn trông thấy phép kỳ diệu thì họ cúng dường đến ngôi bảo tháp.

899. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Hamsavatī. Sau khi nhìn thấy dân chúng được vui mừng, khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

900. "Đối với vị có được gian nhà Xá-lợi như vầy, vị ấy ắt hẳn là đức Thế Tôn cao thượng. Và đám dân chúng này đang thể hiện trạng thái hớn hở một cách nhiệt thành.

901. Ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, ta sẽ trở thành người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy trong tương lai."

902. Có tấm thượng y đã được khéo giặt sạch bởi người thợ giặt, tôi đã máng vào ngọn tre rồi đã nâng lá cờ hiệu lên ở không trung.

903. Con dạ-xoa Abhisammata đã cầm lấy lá cờ hiệu của tôi và đưa lên không trung. Sau khi nhìn thấy lá cờ hiệu phất phơ trong gió, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

904. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã đi đến gần vị Sa-môn. Sau khi đảnh lễ vị Tỳ-khưu ấy, tôi đã hỏi về quả thành tựu của lá cờ hiệu.

905. Vị ấy đã giảng cho tôi về sự sanh khởi nỗi vui mừng và phỉ lạc của tôi: "Ngươi sẽ luôn luôn thọ hưởng quả thành tựu của lá cờ hiệu ấy.

906. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

907. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên hộ tống ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

908. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, được điểm tô với các loại vải nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

909. Có lông mi cong, có nụ cười, vô cùng yểu điệu, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh ngươi; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

910. Ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần.

911. Và ngươi sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng cách tính đếm.

912. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

913. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, ngươi sẽ là thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

914. Sau khi từ bỏ tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu), nhiều nô tỳ và nhân công, ngươi sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

915. Sau khi làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, ngươi sẽ là Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Upavāna."

916. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

917. Trong khi tôi là đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của bốn châu lục, các ngọn cờ luôn được kéo lên ở xung quanh [tôi] đến ba do-tuần.

918. Từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lá cờ hiệu.

919. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upavāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upavāna" là phần thứ nhì.

23. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

920. Lúc bấy giờ, tôi đã là người hầu hạ mẹ ở thành phố Candavatī. Mẹ và cha của tôi bị mù, tôi phụng dưỡng họ.

921. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Trong khi phụng dưỡng mẹ và cha, ta không đạt được sự xuất gia."

922. Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si]. Khi nỗi hãi sợ như thế ấy đã sanh khởi, không có người nào là bậc hướng đạo.

923. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng chiếu sáng. Với người có nghiệp phước thiện thì bản thân có thể tiếp độ được.

924. Tôi đã học tập về ba sự nương nhờ và đã gìn giữ chúng được toàn vẹn. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi thoát khỏi khổ cảnh.

925. Vị Sa-môn tên Nisabha là vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh sự đi đến nương nhờ [thọ trì tam quy].

926. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ sự đi đến nương nhờ được toàn vẹn chừng ấy thời gian.

927. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

928. Khi đã đạt đến thế giới chư thiên, được thành tựu về nghiệp phước thiện, bất cứ khu vực nào tôi đi đến, tôi đều đạt được tám chủng tử.

929. Tôi được tôn vinh ở mọi phương, tôi có tuệ sắc bén, tất cả chư thiên đều phục tùng, tôi đạt được của cải vô lượng.

930. Có màu da vàng chói, tôi đều được yêu mến ở mọi nơi, tôi trung thành đối với các bạn hữu tôi, danh vọng của tôi là cao tột.

931. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

932. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

933. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, được thành tựu về nghiệp phước thiện, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

934. Được những đứa trẻ tháp tùng, tôi đã rời khỏi thành phố. Có được sự cười giỡn vui đùa, tôi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng.

935. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đã được giải thoát, không còn mầm mống tái sanh. Vị ấy đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi và đã ban sự nương nhờ đến tôi.

936. Sau khi lắng nghe về sự nương nhờ, tôi đây đã tưởng nhớ lại sự nương nhờ của tôi. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

937. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Nhận biết đức hạnh [của tôi], đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên.

938. Tôi đã đi đến các sự nương nhờ trước đây vô lượng kiếp. Do đó, nghiệp khéo được tôi thực hiện đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây.

939. Sự nương nhờ của tôi đã được gìn giữ cẩn thận, tâm ý đã khéo được củng cố. Sau khi thọ hưởng mọi thứ danh vọng, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

940. Những vị nào có sự lắng nghe, xin các vị hãy lắng nghe tôi nói. Tôi sẽ giảng cho các vị về đạo lộ đã được tự thân nhìn thấy của mình.

941. "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, giáo pháp của đấng Chiến Thắng được hiện hữu. Tiếng trống bất tử đã được vỗ lên là sự xua đi các mũi tên sầu muộn.

942. Bằng sức lực của mình, các vị có thể thực hiện hành động hướng thượng ở phước điền vô thượng, tương tợ như thế, [với năng lực của mình] các vị sẽ chạm đến Niết-bàn.

943. Sau khi đã thọ nhận ba sự nương nhờ, sau khi đã gìn giữ năm giới cấm, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở nơi đức Phật, các vị sẽ tiến hành việc chấm dứt khổ đau.

944. Sau khi thực hành tương tợ như tôi, sau khi gìn giữ toàn vẹn các giới cấm, không bao lâu sau tất cả, các vị cũng sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán."

945. Có được ba minh, tôi đã đạt đến thần thông và được rành rẽ về tâm của người khác. Bạch đấng Đại Hùng, vị Thinh văn của Ngài xin đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

946. [Kể từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ đức Phật trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

947. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tisaraṇagamaniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tisaraṇagamaniya" là phần thứ ba.

24. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCASĪLASAMĀDĀNIYA (*Pañcasīlasamādāniyattherāpadānaṃ*)

948. Khi ấy, tôi đã là người làm công ở thành phố Candavatī. Bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi không đạt được sự xuất gia.

949. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Bị che lấp bởi sự tăm tối ấy, [chúng sanh] bị thiêu đốt bởi ba loại lửa [tham, sân, si], vậy thì bằng phương pháp nào, ta có thể được thoát khỏi?

950. Và ta là người làm công khốn khổ, vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có. Hay là ta nên thọ trì và làm toàn vẹn năm giới cấm?"

951. Vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Anomadassī có tên là Nisabha. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã nhận lãnh năm điều học [về giới].

952. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Tôi đã gìn giữ năm giới cấm được toàn vẹn chừng ấy thời gian.

953. Khi thời điểm của tử thần đã đến, chư thiên an ủi tôi rằng: "Thưa ngài, có cỗ xe được thắng một ngàn [ngựa] dành cho ngài, nó đã đến rồi."

954. Khi tâm cuối cùng đang diễn tiến, tôi đã tưởng nhớ lại giới hạnh của tôi. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

955. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi lần. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

956. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

957. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mạng chung từ thế giới chư thiên, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Vesālī.

958. Vào thời điểm cận kề mùa mưa, trong lúc giáo pháp của đấng Chiến Thắng đang chói sáng, mẹ và luôn cả cha của tôi đã nhận lãnh năm điều học [về giới].

959. Do việc đã lắng nghe, tôi đã mau chóng tưởng nhớ lại giới hạnh của mình. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

960. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn, đã cho [tôi] tu lên bậc trên.

961. Sau khi gìn giữ năm điều học [về giới] được toàn vẹn, trong vô lượng kiếp trước đây tôi đã không đi đến đọa xứ.

962. Do nhờ tác động của các giới cấm ấy, tôi đây đã thọ hưởng danh vọng. Trong khi ngợi ca [về quả báo của giới] cho dầu đến một *koṭi* (mười triệu) kiếp, tôi cũng chỉ có thể ngợi ca được một phần nhỏ.

963. Sau khi gìn giữ năm giới cấm, tôi đạt được ba chủng tử: Tôi là người có tuổi thọ, có của cải lớn lao, có tuệ sắc bén.

964. Tôi chỉ đang ngợi ca phần phụ trội trong số toàn thể [quả báo] có liên hệ đến loài người. Sau khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đều đạt được các điều này.

965. Vị Thinh văn của đấng Chiến Thắng là người đang thực hành giới

cấm vô số kể, nếu vị ấy vui thích trong các cõi tái sanh thì quả thành tựu sẽ như thế nào?

966. Năm giới cấm đã được thực hành tốt đẹp bởi tôi là người làm công có sự quán sát. Nhờ vào giới hạnh ấy, ngày hôm nay tôi đã cởi bỏ mọi điều trói buộc.

967. [Kể từ khi] tôi đã gìn giữ năm giới cấm trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm giới cấm.

968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcasīlasamādāniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcasīlasamādāniya" là phần thứ tư.

25. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAṂSĀVAKA
(*Annasaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

969. Bậc Toàn Giác [Siddhattha] có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

970. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, bậc Vô Lượng Vô Song, đấng Quang Minh, bậc Đã Được Rèn Luyện, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc tột bậc.

971. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy. Khi ấy, bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ đã nói lời tùy hỷ đến tôi.

972. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, ở đấng Đại Bi ấy là bậc tạo ra niềm an ủi cao tột, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

973. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

974. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Annasaṃsāvaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Annasaṃsāvaka" là phần thứ năm.

26. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHŪPADĀYAKA
(*Dhūpadāyakattherāpadānaṃ*)

975. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng khói hương ở liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

976. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại,

---

[1] *Pañcasīlasamādāniya* nghĩa là "vị có sự thọ trì (*samādāna*) năm (*pañca*) giới cấm (*sīla*)."

[2] *Annasaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*saṃsāvaka*) về việc (dâng cúng) vật thực (*anna*)."

tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương.

977. Kể từ khi tôi đã dâng cúng khói hương trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng khói hương.

978. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhūpadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhūpadāyaka" là phần thứ sáu.

27. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA (*Pulinapūjakattherāpadānaṃ*)

979. Sau khi bỏ đi lớp cát cũ ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī, tôi đã rải lên lớp cát sạch.

980. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cát.

981. Trước đây năm mươi ba kiếp, tôi đã trở thành đức vua cai quản dân chúng, là vị Chuyển Luân Vương tên Mahāpulina, có oai lực lớn lao.

982. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ bảy.

28. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARIYA (*Uttariyattherāpadānaṃ*)

983. Lúc bấy giờ, tôi là con cá sấu ở bờ sông Candabhāgā. Gắn bó với khu vực kiếm ăn của mình, tôi đã đi đến bến đò của con sông.

984. Vào thời điểm ấy, bậc Tự Chủ Siddhattha, nhân vật cao cả ấy, có ý định vượt qua dòng sông nên đã đi về phía bến đò của con sông.

985. Và khi đấng Toàn Giác tiến đến gần, tôi cũng đã tiến đến gần nơi ấy. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này:

986. "Bạch đấng Đại Anh Hùng, xin hãy ngự lên [ở lưng], tôi sẽ đưa Ngài sang [sông], là địa phận thuộc về tôi do tổ tiên truyền lại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin hãy thương xót [đến tôi]."

987. Nghe được tiếng kêu gào của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã ngự lên [ở lưng]. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông].

988. Ở bờ bên kia của dòng sông, tại nơi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã an ủi tôi rằng: "Ngươi sẽ đạt được bất tử."

---

[3] *Dhūpadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) khói hương (*dhūpa*), tức là xông khói có mùi thơm."

[4] *Pulinapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) cát (*pulina*)."

989. Sau khi chết đi, lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tôi đã thọ hưởng sự an lạc của cõi trời, đã được các tiên nữ trọng vọng.

990. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc bảy lần. Tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương, chúa tể của trái đất ba lần.

991. Gắn bó với sự độc cư, cẩn trọng và khéo thu thúc, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

992. [Kể từ khi] tôi đã đưa đấng Nhân Ngưu sang [sông] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

993. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttariya" là phần thứ tám.

29. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIKA (*Ekañjalikattherāpadānaṃ*)

994. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, đấng Xa Phu Cao Quý, vị Anh Hùng Của Nhân Loại, đấng Hướng Đạo, đang đi ở khu phố chợ.

995. Sau khi nhìn thấy vị Huấn Luyện Viên cho người chưa được huấn luyện, bậc Đại Hùng Biện, đấng Đại Trí như thế ấy, được tịnh tín, tôi đã chắp tay lại với tâm ý vui mừng.

996. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

997. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjalika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjalika" là phần thứ chín.

30. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHOMADĀYAKA (*Khomadāyakattherāpadānaṃ*)

998. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thương buôn ở thành phố Bandhumatī. Chính nhờ thế, tôi cấp dưỡng người vợ và gieo trồng sự thành tựu về nhân lành.

999. Trong khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi ở trên đường, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư một tấm vải sợi lanh nhằm mục đích hành thiện.

1000. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải sợi lanh trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải sợi lanh.

---

[5] *Ekañjalika* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

1001. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là Sindhavasandana, vị chúa tể độc nhất ở bốn châu lục, được thành tựu bảy loại báu vật.

1002. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khomadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khomadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Subhūti, vị Upavāna, vị có sự nương nhờ, vị gìn giữ giới, vị ngợi ca về vật thực, vị [cúng dường] khói hương, vị [dâng cúng] cát, cùng với vị Uttariya, vị có sự chắp tay và vị dâng cúng tấm vải sợi lanh, chính là mười [ký sự] thuộc phần thứ ba. Một trăm tám mươi lăm câu kệ đã được nói lên và tất cả đã được gộp chung lại.

Phẩm Subhūti là phẩm thứ ba.
(Dứt tụng phẩm thứ tư).

[6] *Khomadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải sợi lanh (*khoma*)."

IV. PHẨM KUṆḌADHĀNA
(*KUṆḌADHĀNAVAGGO*)

31. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṆḌADHĀNA
(*Kuṇḍadhānattherāpadānaṃ*)

1003. Vào lúc đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả thiền tịnh bảy ngày, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng tôi đã hầu cận đức Phật tối thượng.

1004. Sau khi biết được thời điểm bậc Đại Hiền Trí Padumuttara đã xuất khỏi [thiền], tôi đã cầm lấy nải chuối lớn và đã đi đến gần [Ngài].

1005. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận trái cây ấy. Trong lúc làm cho tâm tôi được tịnh tín, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng [trái cây ấy].

1006. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Giác, bậc Xa Phu Vô Thượng đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

1007. "Các cộng đồng dạ-xoa nào sống ở ngọn núi này, các hạng chúng sanh nào sống ở rừng hãy lắng nghe lời nói của Ta.

1008. Người nào đã hầu cận đức Phật, tợ như con sư tử vua của loài thú, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1009. Người này đây sẽ trở thành vị Thiên vương mười một lần. Và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần.

1010. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1011. Người này sẽ mắng nhiếc các vị Sa-môn có giới hạnh không còn lậu hoặc, và sẽ nhận lấy biệt danh do quả thành tựu của ác nghiệp.

1012. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kuṇḍadhāna."

1013. Được gắn bó với sự cô tịch, chứng thiền, thỏa thích về thiền, tôi đã làm vui lòng bậc Đạo Sư và tôi sống không còn lậu hoặc.

1014. Được các vị Thinh văn hàng đầu vây quanh, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng, đấng Chiến Thắng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã bảo người rút thẻ bốc thăm.

1015. Sau khi đắp y một bên vai, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian,

và ở trước bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng, tôi đã rút được [thẻ bốc thăm] đầu tiên.

1016. Do việc làm ấy, đức Thế Tôn, bậc Làm Rung Động Mười Ngàn [Thế Giới] đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã thiết lập tôi vào vị thế hàng đầu.

1017. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1018. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṇḍadhāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṇḍadhāna" là phần thứ nhất.

32. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀGATA (*Sāgatattherāpadānaṃ*)

1019. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Sobhita. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, tôi đã đi đến tu viện.

1020. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân sau khi bước ra khỏi cổng tu viện đã đứng lại.

1021. Tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Được Rèn Luyện ấy được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1022. "Những loại nào là thảo mộc, tất cả các loại ấy đều tăng trưởng ở trên đất. Tương tợ như thế, các chúng sanh có sự giác ngộ được phát triển ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng.

1023. Ngài là bậc Xa Phu có trí tuệ và là bậc Đại Ẩn Sĩ đối với đám đông dân chúng. Ngài nâng đỡ họ ra khỏi con đường sai trái và nói cho họ về đạo lộ.

1024. Ngài là bậc Đã Được Rèn Luyện, được vây quanh bởi các vị đã được rèn luyện, là bậc Chứng Thiền cùng với các vị được thỏa thích về thiền, là bậc Có Sự Nhiệt Tâm cùng với những vị có tính khẳng quyết và an tịnh như thế ấy.

1025. Được tô điểm bởi đoàn tùy tùng có phước đức và trí tuệ, Ngài chói sáng. Hào quang của Ngài tỏa ra giống như [ánh sáng] trong lúc mặt trời mọc."

1026. Sau khi nhìn thấy tâm đã được tịnh tín [của tôi], bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1027. "Người Bà-la-môn nào đã khởi lên niềm vui và tán dương về Ta, người ấy sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp.

1028. Bởi vì sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

1029. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, [người ấy] sẽ đạt được phẩm vị A-la-hán, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư và sẽ có tên là Sāgata."

1030. Sau khi xuất gia, tôi đã lìa bỏ ác nghiệp bằng thân. Sau khi dứt bỏ nết xấu về lời nói, tôi đã làm thanh tịnh về sự nuôi mạng sống.

1031. Trong khi sống như vậy, tôi được rành rẽ về các bản thể của [đề mục] lửa. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1032. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sāgata đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sāgata" là phần thứ nhì.

33. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA
(*Mahākaccānattherāpadānaṃ*)

1033. Ngôi bảo tháp của đấng Bảo Hộ Padumuttara tên là Paduma. Tôi đã cho xây dựng bảo tọa bằng đá và đã cho thếp vàng.

1034. Sau khi nâng cao chiếc lọng che làm bằng châu báu và chiếc quạt lông đuôi bò, tôi đã dâng đến đức Phật là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian như thế ấy.

1035. Khi ấy, cho đến chư thiên ở địa cầu, tất cả đã tụ hội lại [nói rằng]: "Ngài sẽ thuyết giảng về quả thành tựu của những chiếc lọng che làm bằng châu báu.

1036. Và khi bậc Đạo sư đang thuyết giảng, chúng ta sẽ lắng nghe tất cả điều ấy. Chúng ta có thể làm sanh khởi niềm vui thích hơn nữa đối với giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác."

1037. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở bảo tọa bằng vàng đã nói lên những lời kệ này:

1038. "Bảo tọa làm bằng vàng và châu báu này được dâng cúng bởi người nào, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

1039. Người ấy sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp và sẽ ngự trị khu vực xung quanh một trăm do-tuần bằng hào quang.

1040. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương tên Pabhassara và sẽ có oai lực nổi bật.

1041. Dầu là ban ngày hoặc ban đêm, vị Sát-đế-lỵ sẽ rực sáng ở xung quanh tám *ratana* (hai mét), tợ như mặt trời đã mọc lên.

1042. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1043. Sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn] với tên là Kaccāna.

1044. Về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị A-la-hán, không còn

lậu hoặc. Đức Gotama, đấng Quang Đăng Của Thế Gian, sẽ thiết lập vào vị thế hàng đầu.

1045. [Người ấy] sẽ giảng giải một cách chi tiết về câu hỏi đã được hỏi một cách tóm tắt. Và trong khi giảng giải về câu hỏi ấy, [người ấy] sẽ làm thỏa mãn tâm tư [của người hỏi]."

1046. Được sanh ra cao quý trong gia tộc giàu có, tôi đã là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật. Sau khi từ bỏ các tài sản và lúa gạo, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1047. Tôi giảng giải một cách chi tiết cho những người đang hỏi, cho dầu [hỏi] một cách tóm tắt. Tôi làm thỏa mãn tâm tư của những người ấy, tôi làm cho bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ.

1048. Được hoan hỷ về tôi, đấng Đại Hùng, bậc Tự Chủ, nhân vật cao cả, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākaccāna" là phần thứ ba.

34. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶUDĀYĪ (*Kāḷudāyittherāpadānaṃ*)

1050. Lúc bấy giờ, đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi du hành đường xa.

1051. Sau khi cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ, cùng với đóa sen xanh và bông hoa nhài, tôi đã cầm lấy món cơm thượng hạng và đã dâng cúng đến bậc Đạo sư.

1052. Đấng Đại Hùng đã thọ dụng món cơm thượng hạng có thức ăn tuyệt hảo. Và Ngài đã cầm lấy bông hoa ấy rồi đã đưa ra cho dân chúng xem. [Ngài nói:]

1053. "Hoa sen là loài hoa tối thượng, đáng quý, đáng mến, đáng yêu ở thế gian. Người nào đã dâng cúng bông hoa này đến Ta, người ấy đã làm được việc làm vô cùng khó khăn.

1054. Người nào đã dâng lên bông hoa và đã dâng cúng món cơm thượng hạng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1055. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười tám lần. Sẽ có hoa sen xanh, luôn cả sen hồng và hoa nhài ở phía bên trên người ấy.

1056. Do quả thành tựu về phước báu của người này, tức thời sẽ có chiếc lọng che đượm mùi hương cõi trời được tạo ra và sẽ được duy trì ở trên không trung.

1057. [Người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần, và sẽ ngự trị năm trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

1058. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1059. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người ấy] sẽ trở thành bà con quyến thuộc, là nguồn đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakya.

1060. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

1061. Đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Gotama ấy sẽ thiết lập vị đã đạt được các [tuệ] phân tích, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc [ấy] vào vị thế tối thắng.

1062. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, người ấy sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, [và sẽ] có tên là Udāyi."

1063. Tham, sân, si mê, ngã mạn và gièm pha đều bị tiêu hoại. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1064. Là người có sự tinh cần, cẩn trọng, tôi cũng đã làm vui lòng đấng Toàn Giác. Và đấng Toàn Giác được hoan hỷ, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1065. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāḷudāyī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāḷudāyī" là phần thứ tư.

35. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA (*Mogharājattherāpadānaṃ*)

1066. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác Atthadassī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã bước đi ở trên đường lộ, được hội chúng Tỳ-khưu tháp tùng.

1067. Được tùy tùng bởi những người học trò, tôi đã lìa khỏi căn nhà. Sau khi đi ra khỏi nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1068. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian:

1069. "Cho đến các chúng sanh thuộc sắc giới, vô sắc giới, hoặc vô tưởng, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1070. Người nào dùng tấm lưới lỗ nhỏ vây quanh nước, bất cứ loài sinh vật nào ở trong nước, chúng đều ở trong tấm lưới.

1071. Chúng sanh thuộc sắc giới và vô sắc giới là có tâm tư, tất cả các chúng sanh ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1072. Ngài tiếp độ thế gian dẫy đầy tăm tối này. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bọn họ vượt qua được luồng [suy nghĩ về] hoài nghi.

1073. Thế gian bị bao trùm bởi vô minh, bị tràn ngập bởi bóng tối. Trong khi trí tuệ của Ngài đang chiếu sáng, các bóng tối đều bị tiêu diệt.

1074. Ánh mắt của Ngài là sự xua đi bóng tối lớn lao của tất cả [chúng sanh]. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, nhiều người được Niết-bàn.

1075. Sau khi đã đổ đầy mật ong tinh khiết vào cái hũ, tôi đã nâng lên bằng cả hai tay và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

1076. Đấng Đại Hùng, bậc Đại Ẩn Sĩ đã tự tay thọ nhận. Và sau khi thọ dụng [mật ong] ấy, đấng Toàn Tri đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

1077. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư Atthadassī, đấng Nhân Ngưu, trong khi làm tâm của tôi được tịnh tín, đã nói lên những lời kệ này:

1078. "Người nào đã tán dương trí tuệ này, đã ngợi ca đức Phật tối thượng, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến chốn khổ đau.

1079. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc mười bốn lần và sẽ ngự trị tám trăm quốc độ thuộc đất liền ở trái đất.

1080. Rồi [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, sẽ cai quản vô số xứ sở và quốc độ ở trái đất.

1081. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, [người ấy] sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

1082. [Người ấy] sẽ dùng trí tuệ suy xét về ý nghĩa thâm sâu vi tế và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Mogharāja.

1083. [Người ấy] sẽ được thành tựu ba minh, sẽ là vị có phận sự đã được làm xong và sẽ trở thành bậc Không Còn Lậu Hoặc. Đấng Xa Phu Cao Cả Gotama sẽ thiết lập [người ấy] vào vị thế tối thắng."

1084. Sau khi từ bỏ sự gắn bó liên quan đến loài người, sau khi cắt đứt mối ràng buộc đối với sự tái sanh, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1085. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mogharāja" là phần thứ năm.

36. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHIMUTTA (*Adhimuttattherāpadānaṃ*)

1086. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, tôi đã hộ độ hội chúng Tỳ-khưu với tâm ý trong sạch.

1087. Sau khi thỉnh mời hội chúng quý báu có bản thể chính trực đã được định tĩnh, tôi đã thực hiện mái che bằng cây mía và đã phục vụ bữa ăn đến hội chúng tối thượng.

1088. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1089. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây mía.

1090. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Adhimutta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Adhimutta" là phần thứ sáu.

37. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LASUṆADĀYAKA
(*Lasuṇadāyakattherāpadānaṃ*)

1091. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị đạo sĩ khổ hạnh ở không xa núi Hy-mã-lạp. Tôi sống bằng củ tỏi, củ tỏi là thực phẩm của tôi.

1092. Tôi đã chất [tỏi] đầy các túi xách rồi đã đi đến tu viện dành cho hội chúng. Được mừng rỡ, tôi đã dâng cúng củ tỏi đến hội chúng với tâm mừng rỡ.

1093. Sau khi dâng cúng củ tỏi đến hội chúng đã được thỏa thích trong giáo pháp của bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

1094. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ tỏi trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của các củ tỏi.

1095. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lasuṇadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Lasuṇadāyaka" là phần thứ bảy.

38. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀYĀGADĀYAKA
(*Āyāgadāyakattherāpadānaṃ*)

1096. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp tối thượng.

1097. Khi ấy, sau khi thảo luận với những người thợ mộc, tôi đã dâng cúng phần tài chánh. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cho xây dựng ngôi sảnh đường dài.

1098. Tôi đã sống ở giữa chư thiên tám kiếp không bị gián đoạn. Trong các kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người].

1099. Chất độc không ngấm vào cơ thể, các loại vũ khí không hãm hại được tôi, tôi không bị chết đuối ở trong nước; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài.

1100. Nếu tôi ao ước cơn mưa thì có đám mây lớn đổ mưa xuống, ngay cả chư thiên cũng chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1101. Tôi đã là [đấng Chuyển Luân Vương] được thành tựu bảy loại châu báu ba mươi lần, không người nào chê bai tôi; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

---

[1] *Lasuṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tỏi (*lasuṇa*)."

1102. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện ngôi sảnh đường dài trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ngôi sảnh đường dài.

1103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āyāgadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āyāgadāyaka" là phần thứ tám.

39. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMACAKKIKA (*Dhammacakkikattherāpadānaṃ*)

1104. Phía trước bảo tọa sư tử của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã thiết lập bánh xe pháp đã được làm khéo léo, đã được ngợi khen bởi các bậc trí thức.

1105. Với dáng vóc lịch sự, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi được rực rỡ. Nhiều người thường xuyên gắn bó, vây quanh tôi.

1106. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn phục vụ tôi, với đoàn tùy tùng tôi được rực rỡ; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1107. [Kể từ khi] tôi đã thiết lập bánh xe [pháp] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh xe pháp.

1108. Trước đây mười một kiếp, đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Sahassarāja, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1109. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammacakkika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammacakkika" là phần thứ chín.

40. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPPARUKKHIYA (*Kapparukkhiyattherāpadānaṃ*)

1110. Ở phía trước ngôi bảo tháp tối thượng của đức Thế Tôn Siddhattha, tôi đã treo giăng những tấm vải nhiều màu sắc và đã thiết lập cây như ý.

1111. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có cây như ý rực rỡ hiện diện ở cánh cửa lớn của tôi.

1112. Tôi và luôn cả nhóm tùy tùng là những người sống nương tựa vào tôi, chúng tôi luôn luôn lấy vải từ cây như ý ấy rồi mặc vào.

1113. Kể từ khi tôi đã thiết lập cây [như ý] trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cây như ý.

---

[2] *Āyāgadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sảnh đường dài (*āyāga*)."

[3] *Dhammacakkika* nghĩa là "vị có bánh xe (*cakka*) giáo pháp (*dhamma*)."

1114. Và trước đây vào kiếp thứ bảy, đã có tám vị Sát-đế-lỵ tên Suceḷa, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kapparukkhiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kapparukkhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Kuṇḍa, vị Sāgata, vị Kaccāna, vị Udāyi, vị Mogharāja, vị Adhimutta, vị dâng cúng củ tỏi, vị có sảnh đường dài, vị liên quan bánh xe pháp và vị có cây như ý là thứ mười, [tổng cộng] là một ngàn hai trăm câu kệ.

Phẩm Kuṇḍadhāna là phẩm thứ tư.

[4] *Kapparukkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cây (*rukkha*) như ý (*kappa*)."

V. PHẨM UPĀLI
(*UPĀLIVAGGO*)

41. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀGINEYYA-UPĀLI
(*Bhāgineyya-Upālittherāpadānaṃ*)

1116. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu. Gắn bó với sự độc cư, Ngài ra đi [một mình] để thiền tịnh.

1117. Là vị trang phục bằng da dê mang theo ba gậy chống [để máng vật dụng], tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1118. Tôi đã đắp tấm da dê ở một bên vai rồi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1119. "Giống như các loài sanh ra trong quả trứng, các loài [sanh ra] ở nơi ẩm thấp, các loài có sự hóa sanh, các loài sanh ra từ nước, tất cả các loài có cánh như các con quạ, v.v... luôn luôn có sự di chuyển ở không trung.

1120. Bất cứ hạng nào có mạng sống và sự hiện hữu dầu là hữu tưởng hoặc vô tưởng, tất cả các hạng ấy đều được bao gồm ở trong trí tuệ của Ngài.

1121. Và các hương thơm nào thuộc núi non ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng, tất cả các hương thơm ấy cũng không sánh bằng một phần giới [hương] của Ngài.

1122. Thế giới này luôn cả chư thiên bị lao vào sự tăm tối của si mê. Và trí tuệ của Ngài trong lúc chiếu sáng đã hủy diệt các sự tăm tối.

1123. Giống như khi mặt trời đã lặn, các chúng sanh đi đến sự tối tăm; tương tợ như vậy, khi đức Phật không xuất hiện, thế gian đi đến sự si mê.

1124. Bạch đức Phật tối thượng, giống như mặt trời đang mọc lên luôn luôn làm tiêu tan bóng tối, tương tợ y như thế, Ngài luôn luôn tiêu diệt sự si mê.

1125. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, Ngài là đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên. Do đã được hài lòng với việc làm của Ngài, Ngài đã làm cho nhiều chúng sanh được hoan hỷ."

1126. Sau khi tùy hỷ với toàn bộ sự việc ấy, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara, đấng Trí Tuệ đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời.

1127. Sau khi đã bay lên, bậc Toàn Giác, vị Đại Ẩn Sĩ Padumuttara, đấng Đạo Sư, đứng trên không trung đã nói lên những lời kệ này:

1128. "Người nào ca ngợi trí tuệ này bằng cách liên hệ với các ví dụ so sánh, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

1129. Người ấy sẽ trở thành vị Thiên vương mười tám lần, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần.

1130. Và [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

1131. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka, sẽ xuất hiện ở thế gian.

1132. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, [người ấy] sẽ có tên là Upāli dầu là hạ tiện về dòng dõi.

1133. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia và sẽ từ bỏ điều ác. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

1134. Được hoan hỷ, đức Phật Gotama, người con trai dòng Sakya có danh vọng lớn lao ấy, sẽ thiết lập vị đã được hiểu biết về Luật ấy vào vị thế tối thắng."

1135. Do đức tin, tôi đã xuất gia, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1136. Và đức Thế Tôn đã thương tưởng đến tôi. Tôi có sự tự tin về Luật. Được hài lòng với nghiệp của chính mình, tôi sống không còn lậu hoặc.

1137. Được thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, tôi nắm giữ toàn bộ tất cả về Luật là nguồn phát sanh lên châu báu.

1138. Và bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian đã biết được đức hạnh của tôi. Sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, Ngài đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhāgineyya-Upāli" là phần thứ nhất.

42. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆAKOṬIKAṆṆA
(*Soṇakoṭikaṇṇattherāpadānaṃ*)

1140. Tôi đã thực hiện sự tô trét bằng vôi bột và đã cho xây dựng đường kinh hành của bậc Hiền Trí Anomadassī, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1141. Tôi đã trải lót đường kinh hành với những bông hoa có màu sắc khác nhau. Sau khi thực hiện mái che ở không trung, tôi đã chăm lo bữa ăn đến đức Phật tối thượng.

1142. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Khi ấy, tôi đã dâng tặng ngôi giảng đường dài đến đức Thế Tôn.

1143. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn đã thọ nhận, vì lòng bi mẫn.

1144. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Xứng Đáng Cúng Dường [ở thế gian] luôn cả chư thiên đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

1145. "Người nào với tâm mừng rỡ đã thực hiện ngôi giảng đường dài cho Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1146. Vào thời điểm tử biệt của người có được nghiệp phước thiện này, ngay lập tức sẽ hiện diện cỗ xe ngựa được thắng một ngàn con.

1147. Người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên bằng cỗ xe ấy. Khi sự việc tốt lành được thành tựu, chư thiên sẽ tùy hỷ.

1148. [Người này] sẽ cư ngụ ở cung điện có các nhà mái nhọn cao quý, vô cùng giá trị, đứng đầu trong các cung điện, có vữa tô là châu báu và đất sét.

1149. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành vị Thiên vương trong hai mươi lăm kiếp.

1150. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Tất cả các vị ấy đều có chung một tên là Yasodhara với cùng ý nghĩa.

1151. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu và gom góp sự tích lũy về phước thiện, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở kiếp thứ hai mươi tám.

1152. Cũng ở tại nơi ấy, có cung điện cao quý đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. [Người này] sẽ cư ngụ tại thành phố được náo nhiệt với mười loại tiếng động ấy.

1153. Vô lượng kiếp về sau, [người này] với tên là Okkāka sẽ là vị vua ở trong xứ sở, là đấng bảo hộ trái đất có đại thần lực.

1154. Và người nữ cao quý ấy trong số tất cả mười sáu ngàn nữ nhân, là vị nữ Sát-đế-lỵ đã được sanh ra cao quý, sẽ hạ sanh chín người con.

1155. Sau khi sanh chín người con, người nữ Sát-đế-lỵ sẽ chết đi. Một người nữ khác trẻ trung và yêu dấu sẽ làm hoàng hậu chánh cung.

1156. Sau khi làm đức vua Okkāka vui thích, người con gái sẽ đạt được sự ưu đãi. Sau khi đạt được sự ưu đãi, người con gái ấy sẽ lưu đày các người con.

1157. Và những người con bị lưu đày ấy sẽ đi đến ngọn núi [Hy-mã-lạp] tối thượng. Do nỗi lo sợ vì sự chia lìa dòng dõi, tất cả bọn họ đã sống chung với các người chị.

1158. Và một người con gái sẽ bị thương tổn bởi nhiều căn bệnh. Các vị Sát-đế-lỵ sẽ vùi lấp [nàng ở trong hố đất, nói rằng]: "Chớ tách rời dòng dõi của chúng ta."

1159. Có vị Sát-đế-lỵ sẽ đưa nàng ấy đi rồi sống cùng với nàng ấy. Lúc bấy giờ, sự chia lìa có nguồn gốc gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện.

1160. Hậu duệ của hai vị ấy sẽ thuộc về dòng dõi tên là Koliya. Họ thọ hưởng của cải thuộc về nhân loại ở tại nơi ấy không phải là ít.

1161. Sau khi mệnh chung từ xác thân ấy, [người này] sẽ đi đến thế giới chư thiên. Cũng ở tại nơi ấy, [người này] sẽ có được cung điện cao quý, thích ý.

1162. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, [người này] sẽ đi đến bản thể loài người và sẽ có tên là Soṇa.

1163. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, trong khi đang nỗ lực ở trong giáo pháp của bậc Đạo sư, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc.

1164. Đức Thế Tôn Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, vị có sự thấy không giới hạn, bậc có sự biết toàn diện, đấng Đại Hùng sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

1165. Tôi đã được rèn luyện trong sự rèn luyện tối thượng, tâm của tôi đã khéo được củng cố, tất cả nhiệm vụ đã được đặt xuống, tôi đã Niết-bàn, không còn lậu hoặc.

1166. Đấng Long Tượng dòng dõi Aṅgīrasa, tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1167. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Soṇakoṭikaṇṇa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Soṇakoṭikaṇṇa" là phần thứ nhì.

43. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶIGODHĀPUTTA BHADDIYA (*Kāḷigodhāputtabhaddiyattherāpadānaṃ*)

1168. Tất cả mọi người đi đến đức Toàn Giác Padumuttara, bậc Đại Hiền Trí có tâm từ ái, đấng Lãnh Đạo cao cả của toàn thể thế gian.

1169. Tất cả [mọi người] dâng cúng vải vóc, luôn cả chỗ nằm ngồi, thực phẩm, thức ăn và nước uống đến bậc Đạo sư [và] ở phước điền vô thượng.

1170. [Nghĩ rằng]: "Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí đến vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy", tôi đã thỉnh mời đức Phật tối thượng và luôn cả hội chúng vô thượng.

1171. Và được tôi khích lệ, những người này đã thỉnh mời đức Như Lai và toàn thể hội chúng Tỳ-khưu là phước điền vô thượng.

1172. Tôi đã sửa soạn chiếc ghế bành bằng vàng [trị giá] một trăm ngàn, được phủ thảm lông cừu, [được làm] bằng sợi len, bông gòn, chỉ lanh và bông vải, là chỗ ngồi vô cùng giá trị xứng đáng với đức Phật.

1173. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến cửa nhà của tôi.

1174. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian có danh tiếng, và đã rước Ngài vào căn nhà của mình.

1175. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã làm toại ý đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, và một trăm ngàn vị Tỳ-khưu với món cơm thượng hạng.

1176. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1177. "Người nào đã dâng cúng chỗ ngồi bằng vàng được phủ thảm len lông cừu này, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1178. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1179. [Người ấy] sẽ ngự trị một ngàn xứ sở, vương quốc ở trái đất và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần.

1180. [Người ấy] sẽ là người có gia tộc cao sang trong số tất cả các dòng dõi xuất thân. Và về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ trở thành vị Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Bhaddiya."

1181. Gắn bó với sự độc cư, tôi đã cư ngụ ở nơi thanh vắng. Và tất cả các quả vị đã được tôi chứng đạt, giờ đây tôi có điều ô nhiễm đã được dứt bỏ.

1182. Biết rõ mọi việc của tôi, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

1183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddiya Kāḷigodhāyaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhaddiya Kāḷigodhāputta" là phần thứ ba.

44. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SANNIṬṬHĀPAKA
(Sanniṭṭhāpakattherāpadānaṃ)

1184. Sau khi tạo nên một liêu cốc nhỏ ở trong rừng, tôi sống ở trong vùng đồi núi, tự hài lòng với việc có hay không có, với việc có được danh tiếng hay không có danh tiếng.

1185. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến khu vực của tôi.

1186. Khi bậc Đại Hùng tên Padumuttara đi đến gần, tôi đã chuẩn bị tấm thảm cỏ và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

1187. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng trái āmaṇḍa và nước uống đến bậc có bản thể chính trực.

1188. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của trái āmaṇḍa.

1189. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Arindama độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sannitṭhāpaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sannitṭhāpaka" là phần thứ tư.

45. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA
(*Pañcahatthiyattherāpadānaṃ*)

1191. Bậc Toàn Giác tên Sumedha đi ở khu phố chợ, có mắt nhìn xuống, có lời nói cân nhắc, có niệm, có giác quan thu thúc.

1192. [Dân chúng] đã mang đến tôi năm bó hoa sen xanh để làm vòng hoa đội đầu. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường vật ấy đến đức Phật.

1193. Và những bông hoa được dâng lên ấy đã trở thành mái che cho bậc Đạo Sư, và đã di chuyển theo đấng Long Tượng giống như những người học trò di chuyển theo người thầy.

1194. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa cho đến ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1195. Trước đây hai ngàn kiếp, đã có năm vị Sát-đế-lỵ cùng tên Hatthiya, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1196. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcahatthiya" là phần thứ năm.

46. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMACCHADANIYA
(*Padumacchadaniyattherāpadānaṃ*)

1197. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Vipassī, nhân vật cao cả đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy đóa sen hồng khéo được nở rộ dâng lên giàn hỏa thiêu.

1198. Và khi bông hoa được dâng lên giàn hỏa thiêu, nó đã bay lên hư không bầu trời. Tôi đã tạo nên và đã duy trì mái che ở không trung, nơi giàn hỏa thiêu.

1199. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[1] *Pañcahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến năm (*pañca*) bó (*hattha*) hoa sen xanh."

1200. Trước đây bốn mươi bảy kiếp, [tôi đã là] đấng Chuyển Luân Vương tên Padumissara, là người chinh phục bốn phương, có oai lực lớn lao.

1201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumacchadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumacchadaniya" là phần thứ sáu.

47. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA
(*Sayanadāyakattherāpadānaṃ*)

1202. Chiếc giường cao quý được trải lên bằng các lớp vải đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha, vị có tâm từ ái như thế ấy.

1203. Đức Thế Tôn đã thọ nhận chỗ nằm ngồi thích hợp. Đấng Chiến Thắng đã từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bay lên không trung.

1204. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

1205. Trước đây năm mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị tên Varuṇa Deva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1206. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sayanadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayanadāyaka" là phần thứ bảy.

48. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṄKAMADĀYAKA
(*Caṅkamadāyakattherāpadānaṃ*)

1207. Sau khi gom góp các viên gạch, tôi đã cho xây dựng đường kinh hành của đấng Hiền Trí Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1208. Đường kinh hành đã được kiến tạo tốt đẹp, cao năm *ratana* (một mét hai lăm), dài một trăm cánh tay (năm mươi mét), đáng được trân trọng, thích ý.

1209. Đức Thế Tôn, đấng Tối Thượng Nhân Atthadassī đã thọ nhận. Ngài đã cầm lấy cát bằng bàn tay và đã nói lên những lời kệ này:

1210. "Do sự dâng cúng cát và đường kinh hành đã khéo được xây dựng này, [người ấy] sẽ thọ hưởng cát có chứa đựng bảy loại châu báu.

1211. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên ba kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1212. Sau khi đi đến thế giới nhân loại, [người ấy] sẽ là đức vua ở quốc độ. Và người ấy sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ở trái đất ba lần."

---

[2] *Padumacchadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng hoa sen hồng (*paduma*)."

[3] *Sayanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*sayana*)."

1213. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đường kinh hành.

1214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Caṅkamadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Caṅkamadāyaka" là phần thứ tám.

49. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUBHADDA (*Subhaddattherāpadānaṃ*)

1215. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có danh vọng lớn lao, đã tiếp độ đám đông dân chúng rồi Niết-bàn.

1216. Và trong khi bậc Toàn Giác đang Niết-bàn, mười ngàn [thế giới] đã rúng động. Khi ấy, đã có tập thể dân chúng đông đảo và chư thiên đã tụ hội lại.

1217. Sau khi cúng dường trầm hương cùng với các loại bột thơm và hoa nhài, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã thoa lên đấng Tối Thượng Nhân.

1218. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, bậc Toàn Giác ngay khi đang nằm đã nói lên những lời kệ này:

1219. "Người nào đã phủ lên [cơ thể Ta] bằng vật thơm và tràng hoa vào thời điểm cuối cùng của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1220. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến cõi trời Đẩu-suất. Sau khi cai quản vương quốc ở tại nơi ấy, người ấy sẽ đi đến cõi Hóa Lạc thiên.

1221. Sau khi cúng dường tràng hoa cao quý tối thượng theo phương thức này đây, được hài lòng với nghiệp của chính mình, người ấy sẽ thọ hưởng sự thành đạt.

1222. Người nam này cũng sẽ tái sanh ở cõi trời Đẩu-suất lần nữa. Sau khi mệnh chung từ cõi trời ấy [người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại.

1223. Người con trai dòng Sakya, đấng Long Tượng cao cả ở thế gian luôn cả chư thiên, bậc Hữu Nhãn sẽ giúp cho nhiều chúng sanh giác ngộ rồi sẽ Niết-bàn.

1224. Trong khi đã thành đạt sự xuất gia [làm đạo sĩ], được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch [người này] sẽ đi đến gặp bậc Toàn Giác, và khi ấy sẽ hỏi câu hỏi.

1225. Bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian sẽ làm cho [người này] vui vẻ. Sau khi biết toàn diện về hành động phước thiện, Ngài sẽ phô bày các chân lý [cao thượng].

1226. Và được hài lòng về câu hỏi, người này sẽ hớn hở, có tâm chăm chú. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, [người này] sẽ cầu xin sự xuất gia.

---

[4] *Caṅkamadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đường đi kinh hành (*caṅkama*)."

1227. Đức Phật ấy, bậc rành rẽ về giáo pháp cao cả, sau khi nhìn thấy [người này] có tâm tịnh tín, hoan hỷ với nghiệp của mình, sẽ cho [người này] xuất gia.

1228. Sau khi nỗ lực trong giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người nam này sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

(Dứt tụng phẩm thứ năm).

1229. Được gắn liền với nghiệp quá khứ, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, tôi là người con trai chánh thống của đức Phật, đã được sanh ra từ giáo pháp, đã được tạo ra tốt đẹp.

1230. Sau khi đi đến gặp đấng Pháp Vương, tôi đã hỏi câu hỏi tối thượng. Và trong khi giảng giải về câu hỏi của tôi, Ngài đã đưa tôi vào dòng chảy giáo pháp.

1231. Sau khi hiểu được giáo pháp của Ngài, tôi đã sống, được thỏa thích trong giáo pháp. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1232. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã Niết-bàn, không còn chấp thủ, tợ như cây đèn đã tắt vì sự cạn kiệt về dầu thắp.

1233. Đã có ngôi bảo tháp làm bằng châu báu cao bảy do-tuần. Tại nơi ấy, tôi đã cúng dường ngọn cờ tốt đẹp về mọi mặt, làm thích ý.

1234. Và vị Thinh văn hàng đầu tên Tissa của đức Phật Kassapa, người thừa tự giáo pháp của đấng Chiến Thắng, đã là con trai ruột của tôi.

1235. Do tâm ý kém cỏi, tôi đã nói lời nói không tốt đẹp với vị ấy. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng vào thời điểm cuối cùng.

1236. Tại rừng cây sāla Upavattana, ở chỗ nằm cuối cùng, đấng Hiền Trí, bậc Đại Hùng, đấng Chiến Thắng, bậc có sự lợi ích và lòng bi mẫn, đã cho [tôi] xuất gia.

1237. Giờ đây, đúng ngày hôm nay là sự xuất gia, đúng ngày hôm nay là sự tu lên bậc trên, đúng ngày hôm nay là sự viên tịch Niết-bàn trong sự hiện diện của bậc Tối Thượng Nhân.

1238. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Subhadda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Subhadda" là phần thứ chín.

50. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CUNDA (*Cundattherāpadānaṃ*)

1239. Sau khi cho thực hiện cây cột trụ dành cho đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã phủ lên bằng các bông hoa nhài.

1240. Sau khi làm hoàn tất, tôi đã đem bông hoa ấy lại gần đức Phật. Tôi đã cầm lấy phần còn lại của bông hoa và đã dâng lên đức Phật.

1241. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng tặng cây cột trụ bông hoa đến Ngài.

1242. Đấng Toàn Giác, bậc có sự nghi hoặc đã được loại trừ, được tháp tùng bởi những vị đã vượt qua các bộc lưu, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1243. "Người nào đã dâng cúng cột trụ bông hoa đang tỏa ra mùi hương của cõi trời đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1244. Mệnh chung ở đây, người nam này sẽ đi đến thế giới chư thiên, [và sẽ] được hội chúng chư thiên tôn trọng, được các bông hoa nhài phủ quanh.

1245. Được phát khởi từ nghiệp phước thiện, có chỗ trú ngụ cao vút làm bằng vàng và ngọc ma-ni, có cung điện sẽ được hiện ra cho vị ấy.

1246. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi bốn kiếp và sẽ thọ hưởng sự thành đạt, được các tiên nữ trọng vọng.

1247. [Người ấy] sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất ba trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

1248. [Người ấy] sẽ trở thành vị thống lãnh nhân loại tên là Dujjaya. Được nương tựa vào nghiệp của chính mình, [người ấy] sẽ thọ hưởng phước báu ấy.

1249. [Người ấy] sẽ không đi đến đọa xứ và sẽ đi đến bản thể nhân loại. Và số vàng không ít hơn một trăm *koṭi* (một tỷ) sẽ được tích lũy [cho người ấy].

1250. Người ấy sẽ sanh vào dòng dõi Bà-la-môn và sẽ là người con trai ruột thông minh yêu dấu của [Bà-la-môn] Vaṅganta và bà Sārī.

1251. Và về sau, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Aṅgīrasa [Phật Gotama] và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Cūlacunda.

1252. Người ấy sẽ trở thành bậc có lậu hoặc được đoạn tận ngay khi còn là vị Sa-di. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1253. Tôi đã phục vụ đấng Đại Hùng và nhiều vị hiền đức khác, và tôi đã hầu cận người anh trai của tôi nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

1254. Tôi đã phục vụ người anh trai của tôi,[5] tôi đã đặt Xá-lợi [của anh tôi] ở trong bình bát và đã trình lên đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

1255. Đức Phật ở thế gian luôn cả chư thiên đã cầm lấy bằng hai tay, và trong khi phô bày Xá-lợi ấy, Ngài đã tán dương vị Thinh văn hàng đầu.

---

[5] Anh trai của vị Cunda này là Ngài Sāriputta, tức là vị Thinh văn hàng đầu.

1256. Tâm của tôi đã khéo được giải thoát, đức tin của tôi đã được thiết lập. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

1257. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cunda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cunda" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Upāli, vị Soṇa, vị Bhaddiya, vị Sannitṭhāpaka, vị Hatthiya, mái che, giường nằm, đường kinh hành, vị Subhadda, vị tên Cunda; [tổng cộng] có một trăm bốn mươi câu kệ và bốn câu thêm vào đó.

Phẩm Upāli là phẩm thứ năm.

VI. PHẨM VĪJANĪ
(*VĪJANĪVAGGO*)

51. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIDHŪPANADĀYAKA
(*Vidhūpanadāyakattherāpadānaṃ*)

1258. Chiếc quạt đã được tôi dâng cúng đến đức Phật Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1259. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1260. Sau khi cầm lấy chiếc quạt, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian trong khi đang đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này:

1261. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người ấy] không sa vào đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp."

1262. Có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, được định tĩnh là đức tính của tâm, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1263. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Vījamāna là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1264. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vidhūpanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vidhūpanadāyaka" là phần thứ nhất.

52. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATARAṂSIKA
(*Sataraṃsikattherāpadānaṃ*)

1265. Sau khi trèo lên tảng đá cao, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống. Tôi là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, [cư ngụ] ở không xa ngọn núi.

1266. Khi đấng Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, bậc Nhân Ngưu đã ngồi xuống, tôi đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

1267. "Vị này là đức Phật, đấng Đại Hùng, bậc giảng giải về giáo pháp cao quý, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu, chói sáng như là đống lửa.

1268. Tợ như đại dương không bị suy suyển, tợ như biển cả khó mà vượt

---

[1] *Vidhūpanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái quạt (*vidhūpana*)."

qua, bậc Hữu Nhãn thuyết giảng giáo pháp tợ như [con sư tử], vua của loài thú không bị hãi sợ."

1269. Biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

1270. "Sự chắp tay này đã được dâng cúng và đức Phật tối thượng đã được ngợi ca bởi người nào, [người ấy] sẽ cai quản thiên quốc ba mươi ngàn kiếp.

1271. Cho đến một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Toàn Giác tên Aṅgīrasa, vị đã dứt bỏ tội lỗi, sẽ hiện khởi.

1272. [Người ấy] sẽ là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, là vị A-la-hán với tên Sataraṃsī."

1273. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có ánh sáng tỏa ra, [cho nên] tôi có tên là Sataraṃsī [trăm tia sáng].

1274. Ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi là người có thiền chứng, được thỏa thích về thiền. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1275. [Trước đây] sáu mươi ngàn kiếp, [đã có] bốn vị có tên Rāma là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1276. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sataraṃsika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sataraṃsika" là phần thứ nhì.

53. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYANADĀYAKA
(*Sayanadāyakattherāpadānaṃ*)

1277. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chiếc giường đến đức Phật Padumuttara ấy, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian.

1278. Do sự dâng cúng chiếc giường ấy, có sự thành tựu của hạt giống [đã được gieo] ở thửa ruộng tốt, các của cải được sanh lên cho tôi đây; điều này là quả báo của chiếc giường.

1279. Tôi thực hiện việc nằm ngủ ở trên không trung, tôi nâng đỡ trái đất này, tôi có quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng; điều này là quả báo của chiếc giường.

1280. [Trước đây] năm ngàn kiếp, đã có tám vị [tên là] Mahāvara. Và [trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, [đã có] bốn vị có oai lực lớn lao.

1281. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sayanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayanadāyaka" là phần thứ ba.

---

[2] *Sayanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*sayana*)."

54. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA (*Gandhodakiyattherāpadānaṃ*)

1282. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Phật Padumuttara. Tôi đã mang theo cái bầu nước đã được trang hoàng và tôi đã dâng cúng nước có hương thơm.

1283. Vào thời điểm rưới nước cho cội Bồ-đề, có đám mây lớn đã đổ mưa. Và đã có tiếng động lớn trong lúc sấm sét đang nổ ra.

1284. Tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy [và đã tái sanh] tợ như tốc độ của tia sét ấy. Trong khi đứng ở thế giới chư thiên, tôi đã nói lên lời kệ này:

1285. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống thì tôi sướng vui ở thế giới chư thiên."

1286. Chỗ trú ngụ của tôi cao vút, có một trăm tầng lầu được vươn lên, có một trăm ngàn thiếu nữ luôn luôn vây quanh tôi.

1287. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, sự sầu muộn của tôi không có, tôi không nhìn thấy sự bực bội; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1288. [Trước đây] hai ngàn tám trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Saṃvasita, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1289. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhodakiya" là phần thứ tư.

55. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO OPAVAYHA (*Opavayhattherāpadānaṃ*)

1290. Tôi đã dâng cúng con ngựa thuần chủng đến đức Phật Padumuttara. Sau khi dâng tặng cho bậc Toàn Giác, tôi đã đi về căn nhà của mình.

1291. Vị có tên Devala là Thinh văn hàng đầu của bậc Đạo sư, là người thừa tự của giáo pháp cao quý, đã đi đến gặp tôi [nói rằng]:

1292. "Đức Thế Tôn chỉ sử dụng bình bát và vật dụng thiết yếu của mình, con ngựa thuần chủng là không thích hợp. Biết được ý định của ngươi nên bậc Hữu Nhãn đã chấp thuận."

1293. Sau khi cho người định giá con ngựa Sindhu có tốc độ như gió là phương tiện di chuyển mau chóng, tôi đã dâng cúng vật dụng thích hợp đến đức Phật Padumuttara.

1294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những con ngựa với tốc độ như gió, đáng được thuần phục, được tô điểm, [đã] sanh lên cho tôi.

1295. Những ai đạt được sự tu lên bậc trên [với Ngài], lợi ích của những vị

[3] *Gandhodakiya* nghĩa là "vị liên quan đến nước (*udaka*) có hương thơm (*gandha*)."

ấy là đã được thành tựu tốt đẹp. Nếu đức Phật sẽ hiện hữu ở thế gian, tôi có thể gặp lại Ngài lần nữa.

1296. Tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao, là người chinh phục bốn phương, là chúa tể của xứ Jambudīpa hai mươi tám lần.

1297. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1298. [Trước đây] ba mươi bốn ngàn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ có quyền uy vĩ đại, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1299. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Opavayha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Opavayha" là phần thứ năm.

56. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRĀSANA
(*Saparivārāsanattherāpadānaṃ*)

1300. Tôi đã dâng cúng vật thực đến đức Phật Padumuttara. Tôi đã đi đến địa điểm thọ trai ấy và đã rải rắc các bông hoa nhài.

1301. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc có bản thể chính trực, định tĩnh, ngồi ở chỗ ngồi ấy đã tán dương về phần vật thực rằng:

1302. "Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm vui lòng người nông phu.

1303. Tương tợ y như thế, phần vật thực này đã được ngươi gieo xuống thửa ruộng màu mỡ, trong khi sanh ra ở cõi hữu, quả báo sẽ làm ngươi vui lòng."

1304. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã ngợi ca về phần vật thực, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1305. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, được gắn bó với sự cô tịch, tôi sống không còn lậu hoặc.

1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivārāsana[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivārāsana" là phần thứ sáu.

57. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCADĪPAKA
(*Pañcadīpakattherāpadānaṃ*)

1307. Sau khi đã khéo an trú trong Chánh pháp của đức Phật Padumuttara, bậc Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả sanh linh, tôi đã có được quan điểm chín chắn.

[4] *Saparivārāsana* nghĩa là "vị có vật thực (*asana*) và các vật phụ thuộc (*parivāra*)."

1308. Tôi đã dâng cúng vật thí là các cây đèn sau khi đã đặt vòng quanh cội Bồ-đề. Trong khi đang có niềm tin, tôi đã tức thời thắp sáng các cây đèn.

1309. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có những người cầm đuốc ở không trung; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn.

1310. Tôi thể nghiệm được sự nhìn thấy ở xung quanh một trăm do-tuần, sau khi đã vượt xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá và ngọn núi.

1311. [Trước đây] ba ngàn bốn trăm kiếp, các vị vua có tên Satacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao.

1312. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcadīpaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcadīpaka" là phần thứ bảy.

58. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA
(*Dhajadāyakattherāpadānaṃ*)

1314. Ở tại cội cây Bồ-đề của đức Phật Padumuttara, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã treo ngọn cờ ở chóp đỉnh của cội cây.

1315. Tôi đã nhặt các lá cây bị rụng xuống rồi đã đổ bỏ ở bên ngoài. Tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [đảnh lễ] bậc Toàn Giác là vị trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã được giải thoát, không còn lậu hoặc, đang ở trước mặt.

1316. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1317. "Do cả hai việc là dâng cúng ngọn cờ và sự phục vụ này, người ấy không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1318. [Người ấy] sẽ thọ hưởng sự huy hoàng ở cõi trời không phải là ít ở giữa chư thiên, sẽ là vị vua ở quốc độ hàng trăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên Uggata.

1319. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng sự thành đạt [người ấy] sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama."

1320. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[5] *Pañcadīpaka* nghĩa là "vị có năm (*pañca*) cây đèn (*dīpaka*)."

1321. [Trước đây] năm mươi mốt ngàn kiếp, [tôi đã] có tên Uggata. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Megha.

1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhajadāyaka" là phần thứ tám.

59. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMA (*Padumattherāpadānaṃ*)

1323. Trong khi công bố về bốn sự thật, trong khi giúp cho đám đông dân chúng chứng ngộ Niết-bàn, bậc chuyển vận giáo pháp cao quý [đã] đổ cơn mưa bất tử.

1324. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng còn cả cuống đứng ở tầng thượng. Được mừng rỡ, tôi đã ném lên không trung [cúng dường] bậc Hiền Trí Padumuttara.

1325. Và trong khi đóa sen hồng đang đi đến, ngay khi ấy đã có điều kỳ diệu. Biết được ý định của tôi, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã nắm lấy.

1326. Sau khi cầm lấy đóa sen tối thượng trong các loài hoa bằng bàn tay hạng nhất, [đức Phật] đứng ở nơi hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1327. "Người nào đã thảy đóa sen hồng này đến đấng Toàn Tri, bậc Hướng Đạo, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1328. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi kiếp, và sẽ ngự trị quốc độ thuộc đất liền ở trái đất bảy trăm lần.

1329. Sau khi tính đếm số lượng cánh hoa ở tại nơi ấy, [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương [bấy nhiêu lần], khi ấy sẽ có trận mưa bông hoa đổ xuống từ không trung.

1330. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

1331. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1332. Tôi đã ra khỏi lòng [mẹ] có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ]. Vào lúc năm tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1333. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paduma đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paduma" là phần thứ chín.

---

[6] *Dhajadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây cờ (*dhaja*)."

60. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASANABODHIYA
(*Asanabodhiyattherāpadānaṃ*)

1334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

1335. Đối với đức Thế Tôn Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề tối thượng.

1336. [Cội Bồ-đề] là giống cây mọc ở trên mặt đất có tên là Asana. Tôi đã chăm sóc cội Bồ-đề tối thượng Asana năm năm.

1337. Sau khi nhìn thấy cội cây đã được trổ hoa là điều kỳ diệu khiến lông rởn ốc. Trong khi tán dương việc làm của mình, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng.

1338. Khi ấy, bậc Toàn Giác Tissa, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả ấy, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

1339. "Người nào đã gieo trồng cội cây Bồ-đề này và đã tôn trọng sự cúng dường đức Phật, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1340. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên ba mươi kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần.

1341. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi mệnh chung từ chính cõi trời Đẩu-suất, sau khi thọ hưởng hai sự thành đạt, người ấy sẽ sướng vui ở bản thể nhân loại.

1342. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, người ấy sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

1343. Tôi đã gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

1344. Kể từ khi tôi đã gieo trồng cội Bồ-đề trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc gieo trồng cội Bồ-đề.

1345. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã] được nổi tiếng với tên Daṇḍasena. Khi ấy, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1346. Trước đây bảy mươi ba kiếp, đã có bảy vị lãnh chúa là các đấng Chuyển Luân Vương tên Samantanemi.

1347. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Puṇṇaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1348. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Asanabodhiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Asanabodhiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có cây quạt, vị Sataraṃsī, chiếc giường, vị có nước hương thơm, vị có phương tiện di chuyển, vị có vật phụ thuộc, cây đèn, ngọn cờ, vị cúng dường hoa sen hồng, và cội Bồ-đề là thứ mười. Như thế, [tổng cộng] có chín mươi hai câu kệ đã được nói đến.

Phẩm Vījanī là phẩm thứ sáu.

[7] *Asanabodhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cội Bồ-đề (Bodhi) là giống cây asana."

VII. PHẨM SAKACINTANIYA
(*SAKACINTANIYAVAGGO*)

61. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKACINTANIYA
(*Sakacintaniyattherāpadānaṃ*)

1349. Tôi đã nhìn thấy khu rừng bao la rậm rạp ít có tiếng động, không bị chộn rộn, chính là nơi trú ngụ của các vị ẩn sĩ, là địa điểm tiếp nhận các vật hiến cúng.

1350. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đã rải rắc nhiều bông hoa khác loại. Tôi đã đảnh lễ [ngôi bảo tháp] đã được tạo nên, như là [đảnh lễ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt.

1351. Trở thành vị vua được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể của quốc độ, tôi hài lòng với nghiệp của chính mình; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1352. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1353. [Trước đây] tám mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương Anantayasa, được thành tựu bảy loại báu vật, là chúa tể ở bốn châu lục.

1354. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakacintaniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakacintaniya" là phần thứ nhất.

62. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVOPUPPHIYA
(*Avopupphiyattherāpadānaṃ*)

1355. Sau khi đi ra khỏi trú xá và bước lên ở con đường kinh hành, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về đạo lộ bất tử.

1356. Nhận biết được giọng nói của đấng Sikhī là đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy nhiều loại bông hoa và đã tung lên ở không trung.

1357. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động.

1358. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp,

[1] *Sakacintaniya* nghĩa là "vị có sự suy nghĩ (*cintana*) của chính mình (*saka*)."

tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1359. Trước đây hai mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1360. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avopupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avopupphiya" là phần thứ nhì.

63. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCĀGAMANIYA
(*Paccāgamaniyattherāpadānaṃ*)

1361. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài ngỗng đỏ ở bờ sông Sindhu. Và tôi đã khéo ngăn ngừa các điều ác, có thức ăn thuần là loài thảo mộc ở trong nước.

1362. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung. Tôi đã dùng mỏ ngắt lấy bông hoa sāla và đã dâng lên [đức Phật] Vipassī.

1363. "Người nào có niềm tin ở đức Như Lai không bị lay chuyển khéo được thiết lập, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh."

1364. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng. Hạt giống tốt đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài chim.

1365. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1366. [Trước đây] mười bảy kiếp, tám vị này có cùng một tên là Sucārudassana. Họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1367. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccāgamaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccāgamaniya" là phần thứ ba.

64. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAPPASĀDAKA
(*Parappasādakattherāpadānaṃ*)

1368. "Ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, đấng Anh Hùng cao thượng quý phái, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Chinh Phục mà không tịnh tín?

1369. Tợ như núi Hy-mã-lạp là không thể đo lường được, tợ như biển cả là khó mà vượt qua, tương tợ y như thế về thiền của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

1370. Giống như trái đất với vòng đai rừng đa dạng là không thể ước lượng được, tương tợ y như thế về giới của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

---

[2] *Paccāgamaniya* nghĩa là "vị có sự quay trở lại (*pati-ā-gamana*)."

1371. Tợ như không gian là không bị khuấy động, giống như bầu trời là không thể tính đếm, tương tợ y như thế về trí của đức Phật, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?"

1372. Vị Bà-la-môn tên Sena đã ngợi ca đức Phật tối thượng, bậc Không Bị Đánh Bại Siddhattha, bằng bốn câu kệ này.

1373. [Vị ấy] đã không đi đến khổ cảnh trong chín mươi bốn kiếp, đã thọ hưởng sự thành đạt tốt đẹp ở các cõi trời không phải là ít.

1374. Sau khi ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

1375. [Trước đây] mười bốn kiếp, đã có bốn vị tên Uggata, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1376. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Parappasādaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Parappasādaka" là phần thứ tư.

65. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA
(*Bhisadāyakattherāpadānaṃ*)

1377. Bậc có tên Vessabhū đã là vị thứ ba trong số các bậc Ẩn Sĩ.[4] Bậc Tối Thượng Nhân đã đi sâu vào rừng và đã cư ngụ ở khu rừng rậm.

1378. Tôi đã cầm lấy củ và rễ sen rồi đã đi đến gần bên đức Phật. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên vật ấy đến đức Phật.

1379. Và bằng cái vòi tôi đã được va chạm với bậc Có Sự Giác Ngộ Cao Quý Vessabhū. Tôi chưa biết đến sự sung sướng nào bằng hoặc hơn điều ấy.

1380. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Điều lành đã được tôi gieo trồng trong khi tôi là loài long tượng.

1381. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

1382. Và [trước đây] mười ba kiếp, đã có mười sáu vị vua tên Samodhāna, là các bậc thống lãnh nhân loại, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1383. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka" là phần thứ năm.

---

[3] *Parappasādaka* nghĩa là "vị tạo cho người khác (*para*) có được đức tin (*pasādaka*)."

[4] Là vị thứ ba trong số ba vị Phật Toàn Giác: Vipassī, Sikhī, Vessabhū (*ApA*. 389).

[5] *Bhisadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisa*)."

66. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

1384. Tôi đã là người [thợ săn] lai vãng ở các khu vực hiểm trở của những ngọn núi. Tợ như con sư tử đã được sanh ra tốt đẹp, tôi giết các bầy thú rừng và sống ở trong vùng đồi núi.

1385. Về phần đức Thế Tôn Atthadassī, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến ngọn núi cao nhất.

1386. Sau khi giết chết con nai đốm, tôi đã tiến đến để ăn thịt. Vào lúc ấy, đức Thế Tôn trong lúc khất thực đã đi đến gần.

1387. Tôi đã cầm lấy những miếng thịt ngon và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư ấy. Khi ấy, trong lúc giúp cho tôi chứng đạt Niết-bàn, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ.

1388. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đi vào khu vực hiểm trở của ngọn núi. Sau khi làm cho niềm phỉ lạc sanh khởi, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

1389. Do sự dâng cúng thịt ấy và do các nguyện lực của tâm, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn năm trăm kiếp.

1390. Do chính sự dâng cúng thịt ấy và sự tưởng niệm về đức Phật, trong những kiếp còn lại điều lành đã được tôi tích lũy.

1391. [Trước đây] ba mươi tám kiếp, đã có tám vị tên là Dīghāyu. Trước đây sáu ngàn kiếp, đã có hai vị tên là Varuṇa.

1392. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ sáu.

67. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VATTHADĀYAKA (*Vatthadāyakattherāpadānaṃ*)

1393. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim có màu sắc đẹp đẽ, là vị thống lãnh loài nhân điểu. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang đi ở núi Gandhamādana.

1394. Sau khi bỏ đi dáng vóc của loài nhân điểu, tôi đã mang lốt người thanh niên. Tôi đã dâng cúng một tấm vải đến đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1395. Và sau khi tiếp nhận mảnh vải ấy, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, bậc Đạo Sư đứng ở không trung, đã nói lên lời kệ này:

1396. "Do sự dâng cúng tấm vải này và do các nguyện lực của tâm, sau khi từ bỏ nguồn gốc nhân điểu [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên."

1397. Và sau khi ca ngợi sự dâng cúng tấm vải, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

---

[6] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khôn khéo (*su*)."

1398. Trong khi sanh ra ở cõi hữu, tôi có được sự thành tựu về vải vóc, có được mái che ở trên không trung; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

1399. [Trước đây] ba mươi sáu kiếp, đã có bảy người tên Aruṇaka là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao, là các vị thống lãnh nhân loại.

1400. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vatthadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vatthadāyaka" là phần thứ bảy.

68. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBADĀYAKA (*Ambadāyakattherāpadānaṃ*)

1401. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc không còn mầm mống tái sanh, ngồi ở vùng đồi núi đã lan tỏa với tâm từ ái ở thế gian vô hạn lượng.

1402. Khi ấy, tôi đã là con khỉ ở ngọn núi Hy-mã-lạp tối thượng. Sau khi nhìn thấy đấng Anoma Vô Lượng, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật.

1403. Lúc bấy giờ, ở không xa núi Hy-mã-lạp có những cây xoài đã được kết trái. Tôi đã hái trái chín từ nơi ấy và đã dâng cúng trái xoài cùng với mật ong.

1404-05. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Anomadassī đã chú nguyện điều ấy cho tôi rằng: "Do cả hai việc là sự dâng cúng mật ong và sự dâng cúng trái xoài này, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong năm mươi bảy kiếp, và trong những kiếp còn lại sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người].

1406. [Người ấy] sẽ làm cho nghiệp ác được loại trừ nhờ vào trí giác ngộ đã được hoàn toàn chín muồi, sẽ không đi đến đọa xứ, và sẽ thiêu đốt các phiền não."

1407. Tôi đã được huấn luyện với sự huấn luyện tối thượng bởi bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1408. [Trước đây] bảy ngàn bảy trăm kiếp, mười bốn vị vua ấy có tên Ambaṭṭhaja đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1409. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambadāyaka" là phần thứ tám.

69. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANA (*Sumanattherāpadānaṃ*)

1410. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên là Sumana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian.

1411. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài tối thượng bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

---

[7] *Vatthadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải (*vattha*)."

[8] *Ambadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái xoài (*amba*)."

1412. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tác ý, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1413. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1414. [Trước đây] hai mươi sáu kiếp, đã có bốn vị vua có danh vọng lớn lao là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1415. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumana" là phần thứ chín.

70. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACAṄGOṬIYA (*Pupphacaṅgoṭiyattherāpadānaṃ*)

1416. [Đức Phật Sikhī] tợ như loài sư tử có dáng vóc không bị hãi sợ, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con chim thuộc loài nhân điểu cao cả.

1417. Đức Phật Sikhī, nơi nương nhờ của tam giới, vị không còn dục vọng, bậc không bị đánh bại, đấng cao cả trong số các vị Sa-môn đã ngồi xuống, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1418. Tôi đã đặt để bông hoa anojā thượng hạng ở trong cái rương. Với chính cái rương ấy, tôi đã đâng đến đức Phật tối thượng.

1419. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua tôi đã đạt được vị thế bất động.

1420. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1421. [Trước đây] tròn đủ ba mươi kiếp, đã có năm vị tên Devabhūti, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật.

1422. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphacaṅgoṭiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphacaṅgoṭiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự suy nghĩ của mình, vị Avopupphī, cùng với vị có sự quay trở lại, vị có sự tạo niềm tin cho người khác, vị dâng cúng củ sen, vị có sự suy nghĩ khôn khéo, vị cúng dường tấm vải, vị dâng cúng xoài, vị Sumana và luôn cả vị có cái rương bông hoa. [Tổng cộng] có bảy mươi mốt câu kệ đã được nói lên, đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Sakacintaniya là phẩm thứ bảy.

---

[9] *Pupphacaṅgoṭiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái rương (*caṅgoṭaka*) có chứa đựng bông hoa (*puppha*)."

VIII. PHẨM NĀGASAMĀLA
(*NĀGASAMĀLAVAGGO*)

71. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGASAMĀLA
(*Nāgasamālattherāpadānaṃ*)

1423. Tôi đã dâng lên bông hoa āpāṭali ở ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī [được tạo lập] ở khu vực cao ráo tại con đường lớn.

1424. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1425. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Bhūmiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1426. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgasamāla đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgasamāla" là phần thứ nhất.

72. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADASAÑÑAKA
(*Padasaññakattherāpadānaṃ*)

1427. Sau khi nhìn thấy vết chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Mặt Trời Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở bàn chân của Ngài.

1428. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về vết chân [của đức Phật].

1429. Trước đây vào kiếp thứ bảy, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumedha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1430. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padasaññaka" là phần thứ nhì.

73. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

1431. Tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo sư được

[1] *Padasaññaka* nghĩa là "vị có sự suy tưởng (*saññaka*) về vết chân (*pada*) của đức Phật."

treo ở ngọn cây, do đó tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ ấy.

1432. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

1433. Trước đây vào kiếp thứ tư, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ [tên] Dumasāra, là người chinh phục bốn phương, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1434. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ ba.

74. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISĀLUVADĀYAKA (*Bhisāluvadāyakattherāpadānaṃ*)

1435. Tôi đi sâu vào khu rừng rậm và cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

1436. Tôi đã dâng cúng củ sen và nước rửa tay. Sau khi đê đầu đảnh lễ ở bàn chân, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1437. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phước thiện.

1438. Trước đây vào kiếp thứ ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Bhisa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1439. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisāluvadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisāluvadāyaka" là phần thứ tư.

75. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA (*Ekasaññakattherāpadānaṃ*)

1440. Vị có tên Khaṇḍa đã là bậc Thinh văn hàng đầu của [đức Phật] Vipassī. Một phần vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian.

1441. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Nhân Ngưu, bậc Chúa Tể Của Loài Người, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một phần vật thực.

1442. Trước đây bốn mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Varuṇa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1443. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Bhisāluvadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisāluva*)."

Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ năm.

76. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA (*Tiṇasantharadāyakattherāpadānaṃ*)

1444. Ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn được bao phủ bởi trăm loại lá cây và là chỗ cư ngụ của nhiều loại chim khác nhau.

1445. Tôi đã tắm và đã uống nước tại nơi ấy, và tôi cư ngụ ở không xa. Tôi đã nhìn thấy bậc đứng đầu các vị Sa-môn đang di chuyển bằng đường không trung.

1446. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian, ngay khi ấy đã từ cung trời ngự xuống đứng ở trên mặt đất.

1447. Bằng cái sừng, tôi đã đem cỏ lại và đã dâng cúng chỗ ngồi. Đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Ba Cõi đã ngồi xuống ở tại chỗ ấy.

1448. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã khom mình xuống di chuyển sang một bên trong lúc đang chiêm ngưỡng bậc Đại Hiền Trí.

1449. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót [chỗ ngồi].

1450. Trước đây vào kiếp thứ nhì, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ mệnh danh Miga, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1451. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka" là phần thứ sáu.

77. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA (*Sūcidāyakattherāpadānaṃ*)

1452. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, [đã hiện khởi] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng.

1453. Có màu da vàng chói, Ngài là đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy. Năm cây kim khâu đã được tôi dâng cúng đến Ngài nhằm mục đích may y.

1454. Chính nhờ vào việc dâng cúng kim khâu ấy mà trí tuệ sắc bén, nhẹ nhàng, thoải mái, có sự nhận thấy rõ ý nghĩa vi tế, đã sanh khởi đến tôi.

1455. Bốn vị Vua tên Dipadādhipati đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[3] *Ekasaññaka* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy tưởng (*saññā*)."

[4] *Tiṇasantharadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm thảm (*santhara*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

1456. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1457. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka" là phần thứ bảy.

78. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA
(*Pāṭalipupphiyattherāpadānaṃ*)

1458. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai nhà triệu phú, mảnh mai, khéo được nuôi dưỡng. Tôi đã đặt bông hoa pāṭali vào lòng và đã mang theo bông hoa ấy.

1459. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, tợ như cây cột trụ bằng vàng.

1460. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã cúng dường bông hoa. Tôi đã lễ bái Đấng Hiểu Biết Thế Gian Tissa, đấng Bảo Hộ, vị Trời của nhân loại.

1461. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1462. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisammata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1463. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭalipupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭalipupphiya" là phần thứ tám.

79. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ṬHITAÑJALIYA
(*Ṭhitañjaliyattherāpadānaṃ*)

1464. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Có Tướng Mạo Cao Quý Tissa.

1465. Ngài đang ngồi ở nơi không xa, trên chiếc thảm lá của mình. Tôi đã chắp tay lại đối với Ngài rồi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1466. Sau đó, tia sét đánh xuống vào lúc ấy đã giáng vào đầu của tôi. Vào thời điểm mệnh chung, tôi đây đã thực hiện việc chắp tay lần nữa.

1467. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc chắp tay trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

1468. [Trước đây] năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị có tên Migaketu, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1469. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Sūcidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) kim khâu (*sūci*)."

[6] *Pāṭalipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) pāṭali."

Đại đức Trưởng lão Ṭhitañjaliya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ṭhitañjaliya" là phần thứ chín.

80. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPADUMIYA (*Tipadumiyattherāpadānaṃ*)

1470. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Là bậc đã [tự mình] rèn luyện được tháp tùng bởi các vị đã được rèn luyện, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi thành phố.

1471. Lúc bấy giờ, ở thành phố Haṃsavatī tôi đã là người làm tràng hoa. Tại nơi ấy bông hoa nào là tuyệt hảo, tôi đã cầm lấy ba bông hoa [ấy].

1472. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, ở lối đi ngược lại tại khu phố chợ. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, vào lúc ấy tôi đây đã suy nghĩ như vầy:

1473. "Ta được gì với những bông hoa này khi ta đem chúng dâng đến đức vua? Ta có thể đạt được ngôi làng, hoặc cánh đồng làng, hoặc ngàn đồng tiền?

1474. Đấng Bảo Hộ Thế Gian là vị điều phục những ai chưa được điều phục, là bậc Trí Tuệ, là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, sau khi cúng dường Ngài ta sẽ đạt được tài sản bất tử."

1475. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Khi ấy, tôi đã cầm ba đóa [hoa sen] màu đỏ và đã ném lên không trung.

1476. Ngay khi vừa được tôi ném lên không trung, các bông hoa ấy đã xòe ra. Chúng duy trì tại nơi ấy ở trên đầu, có cuống hoa ở phía trên, miệng hoa ở phía dưới.

1477. Sau khi nhìn thấy, bất cứ những ai thuộc loài người thì đã thốt lên tiếng hoan hô, chư thiên ở trên không trung thì đã thể hiện hành động tán thán:

1478. "Điều kỳ diệu đã xuất hiện ở thế gian nhờ vào tác động của đức Phật tối thượng. Tất cả chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp nhờ vào tác động của những bông hoa."

1479. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đứng ở ngay tại đường lộ, đã nói lên những lời kệ này:

1480. "Người thanh niên nào đã cúng dường đức Phật bằng ba đóa sen hồng, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

1481. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp.

1482. Ngay lập tức sẽ hiện ra cung điện tên Mahāvitthārika, có chiều dài ba trăm do-tuần, chiều rộng một trăm năm mươi do-tuần.

1483. Và có bốn trăm ngàn tháp nhọn sẽ được hóa hiện ra, có các nhà mái nhọn cao quý, được đầy đủ các giường nằm rộng lớn.

1484. Hàng trăm ngàn *koṭi* nàng tiên thiện xảo về điệu vũ và lời ca, lại còn được thuần thục về trình tấu nhạc cụ nữa, sẽ quây quần xung quanh.

---

[7] *Ṭhitañjaliya* nghĩa là "vị đã đứng (*ṭhita*) chắp tay (*añjali*)."

1485. [Người này] sẽ sống ở tại cung điện cao quý như thế ấy trong sự chộn rộn của đám nữ nhân, thường xuyên có cơn mưa bông hoa thuộc về cõi trời có màu đỏ.

1486. Đồng thời sẽ có những bông hoa màu đỏ có kích thước bằng bánh xe treo lơ lửng ở chốt gắn tường bằng ngà voi ở bên ngoài cánh cửa, ở cổng chào.

1487. Tại nơi ấy, bên trong cung điện cao quý được lót toàn bằng cánh hoa, [và các cánh hoa] sau khi được trải ra và phủ lên thì sẽ nhập chung với nhau ngay lập tức.

1488. Các bông hoa màu đỏ tinh khiết ấy bao bọc xung quanh nơi cư ngụ một trăm do-tuần và tỏa ngát hương thơm cõi trời.

1489. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

1490. Sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, không có tai họa, không có sự nguy khốn, khi kiếp sống cuối cùng được đạt đến [người này] sẽ chạm đến Niết-bàn."

1491. Quả nhiên đức Phật đã được tôi nhìn thấy rõ ràng, thương vụ đã được kinh doanh khéo léo; sau khi cúng dường ba đóa hoa sen hồng, tôi đã thọ hưởng ba sự thành tựu.

1492. Hôm nay, tôi là người đã đạt được giáo pháp, đã được giải thoát một cách trọn vẹn. Có bông sen đỏ khéo nở rộ sẽ được duy trì ở trên đầu của tôi.

1493. Trong lúc bậc Đạo Sư Padumuttara đang thuyết giảng về việc làm của tôi, đã có sự chứng ngộ giáo pháp của hàng ngàn chúng sanh và sinh mạng.

1494. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa sen hồng.

1495. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tipadumiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tipadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão có tràng hoa, vị có sự suy tưởng về dấu chân, vị có sự suy tưởng [về đức Phật], vị dâng cúng củ sen, vị suy tưởng về một phần [vật thực], vị dâng cúng cỏ, [vị dâng cúng] kim khâu, vị có các bông hoa pāṭali, vị đứng chắp tay, vị có ba đóa sen hồng; [tổng cộng] có bảy mươi lăm câu kệ.

Phẩm Nāgasamāla là phẩm thứ tám.

[8] *Tipadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) đóa sen hồng (*paduma*)."

IX. PHẨM TIMIRAPUPPHIYA
(*TIMIRAPUPPHIYAVAGGO*)

81. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA
(*Timirapupphiyattherāpadānaṃ*)

1497. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā và tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đang ngồi, thanh tịnh, không bị chộn rộn.

1498. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đã vượt qua, vị này sẽ giúp cho vượt qua. Đã rèn luyện, vị này sẽ giúp cho rèn luyện.

1499. Đã được tự tại, [vị này] sẽ giúp cho tự tại. Đã được an tịnh, [vị này] sẽ giúp cho an tịnh. Đã giải thoát, [vị này] sẽ giúp cho giải thoát. Và đã Niết-bàn, [vị này] sẽ giúp cho Niết-bàn."

1500. Sau khi đã tự mình suy nghĩ như thế, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc lên đỉnh đầu của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha.

1501. Tôi đã chắp tay lên và đã đi nhiễu vòng quanh. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư, tôi đã ra đi về hướng khác.

1502. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc đi lần theo triền núi, tôi đã ngã xuống ngay tại chỗ ấy.

1503. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1504. [Trước đây] năm mươi sáu kiếp đã có đúng bảy vị có danh vọng lớn lao, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1505. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ nhất.

82. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA
(*Gatasaññakattherāpadānaṃ*)

1506. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư với tâm ý trong sạch.

---

[1] *Timirapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) timira."

1507. Tôi đã ném bảy bông hoa naṅgalikī lên không trung, [tâm] hướng về đức Phật Tissa có biển cả đức hạnh vô biên.

1508. Sau khi cúng dường con đường đã được đấng Thiện Thệ đi qua với tâm ý vui mừng, khi ấy được tịnh tín tôi đã thực hiện việc chắp tay bằng các bàn tay của mình.

1509. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1510. Trước đây vào kiếp thứ tám đã có ba vị [cùng tên] Aggisikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1511. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ nhì.

83. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIPANNAÑJALIYA
(*Nipannañjaliyattherāpadānaṃ*)

1512. Ở trong khu rừng hoang rậm tôi đã đạt được tâm bi mẫn tối cao. Tôi đã ngồi xuống ở gốc cây, và tôi đã bị bệnh trầm trọng.

1513. Vì lòng thương tưởng, bậc Đạo Sư Tissa đã đi đến bên tôi. Đang ở trạng thái nằm, tôi đây đã chắp tay lại ở đầu.

1514. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác tối thượng của tất cả chúng sanh, và tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1515. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

1516. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có đúng năm vị [cùng tên] Mahāsikha, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nipannañliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nipannañliya" là phần thứ ba.

84. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ADHOPUPPHIYA
(*Adhopupphiyattherāpadānaṃ*)

1518. Vị Tỳ-khưu tên Abhibhū ấy có đại thần lực, có tam minh, là vị Thinh văn hàng đầu của [đức Thế Tôn] Sikhī. Vị ấy đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

---

[2] *Gatasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến con đường đức Phật đi qua (*gata*)."

1519. Tôi cũng là vị Ẩn sĩ sống ở khu ẩn cư xinh xắn tại núi Hy-mã-lạp, khi ấy tôi có năng lực trong các pháp vô lượng [tâm] và các thần thông.

1520. Tợ như loài có cánh ở trên bầu trời, tôi đã định cư ở ngọn núi. Sau khi cầm lấy bông hoa adha, tôi đã đi đến ngọn núi.

1521. Sau khi cầm lấy bảy bông hoa, tôi đã rải rắc ở trên đỉnh đầu. Và khi được vị Anh Hùng nhìn thấy, tôi đã ra đi mặt hướng phía Đông.

1522. Sau khi trở về khu ẩn cư, tôi đã đi đến chỗ trú ngụ. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng và đã đi vào trong vùng đồi núi.

1523. Con trăn có bộ dạng ghê rợn, có sức mạnh khủng khiếp đã hành hạ tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây và đã mệnh chung tại nơi ấy.

1524. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Adhopupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Adhopupphiya" là phần thứ tư.

85. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṂSISAÑÑAKA (*Raṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

1526. Trước đây, tôi đã tạo lập chỗ cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Có y choàng là tấm da dê, tôi sống ở trong vùng đồi núi.

1527. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, đi vào bên trong khu rừng.

1528. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín đối với hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã chắp tay lên, ngồi chồm hổm, rồi đê đầu đảnh lễ.

1529. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang.

1530. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ năm.

86. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUTIYARAṂSISAÑÑAKA (*Dutiyaraṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

2531. Tôi là vị mặc y phục bằng vỏ cây ở núi Hy-mã-lạp. Và sau khi bước lên đường kinh hành tôi đã ngồi xuống, mặt hướng phía Đông.

---

[3] *Adhopupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) adha."

[4] *Raṃsisaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến hào quang (*raṃsi*) đức Phật."

1532. Tôi đã nhìn thấy đấng Thiện Thệ Phussa ở ngọn núi, khi ấy Ngài đang thỏa thích ở trong thiền. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang.

1533. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về hào quang.

1534. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ sáu.

87. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

1535. Tôi là vị mặc tấm da dê sần sùi ở núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý Phussa, có trái cây ở bàn tay, tôi đã dâng cúng trái cây.

1536. [Do] việc tôi đã dâng cúng trái cây với tâm ý trong sạch, khi tôi được sanh lên ở cõi hữu thì có trái cây hiện đến cho tôi.

1537. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

1538. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ bảy.

88. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

1539. Tôi sống ở tấm thảm bằng lá cây tại núi Hy-mã-lạp. Khi [đức Phật] Phussa đang nói về giáo pháp, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh.

1540. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1541. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tám.

89. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISIÑCAKA
(*Bodhisiñcakattherāpadānaṃ*)

1542. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Trong khi đang đi đến về việc xuất gia, tôi đã đi đến gần lễ hội.

1543. Tôi đã cầm lấy nước bông hoa và đã rưới xuống cội Bồ-đề [nói rằng]:

"Đã được giải thoát, Ngài sẽ giúp cho chúng con giải thoát. Đã Niết-bàn, Ngài sẽ giúp cho chúng con Niết-bàn."

1544. [Kể từ khi] tôi đã rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc rưới nước [bông hoa] ở cội Bồ-đề.

1545. Ở kiếp thứ ba mươi ba trong thời hiện tại đã có tám vị thống lãnh dân chúng cùng tên Udakāsecana, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương.

1546. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhisiñcaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhisiñcaka" là phần thứ chín.

90. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPUPPHIYA (*Padumapupphiyattherāpadānaṃ*)

1547. Tôi đã lội vào nước ở hồ sen, trong khi đang ngắt các đóa sen hồng tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Phussa có ba mươi hai hảo tướng.

1548. Tôi đã cầm lấy đóa sen hồng và đã ném lên không trung. Sau khi thực hiện việc làm tịnh tín, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1549. Sau khi xuất gia, với thân và ý đã được thu thúc, tôi đã từ bỏ sở hành xấu xa về lời nói và đã làm trong sạch sự nuôi mạng sống.

1550. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1551. Đã có mười tám vị lãnh chúa tên Padumābhāsa và bốn mươi tám [vị lãnh chúa] trong mười tám kiếp.

1552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có bông hoa timira, vị có bông hoa naṅgalī, vị nằm chắp tay, bông hoa adha, hai vị có sự suy tưởng về hào quang, vị dâng cúng trái cây, vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị rưới nước [bông hoa] và vị có đóa sen hồng; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Timirapupphiya là phẩm thứ chín.

---

[5] *Bodhisiñcaka* nghĩa là "vị rưới nước (*siñcaka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

[6] *Padumapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến hoa (*puppha*) sen hồng (*paduma*)."

X. PHẨM SUDHĀPIṆḌIYA
(*SUDHĀPIṆḌIYAVAGGO*)

91. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDHĀPIṆḌIYA (*Sudhāpiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

1553-54. Đối với người đang cúng dường đến đối tượng xứng đáng sự cúng dường như là đức Phật hoặc là vị Thinh văn đang vượt qua chướng ngại, hoặc đã vượt qua sầu muộn và than vãn, đối với người đang cúng dường đến các vị đã đạt Niết-bàn không còn hãi sợ như thế ấy thì không thể nào ước định được phước báu [của người ấy] là thế này hay thế kia, bằng bất cứ cách thức gì.

1555. Ở đây, người nào có thể được làm chúa tể thậm chí của cả bốn châu lục, điều ấy không giá trị bằng một phần mười sáu của một phần nhỏ của sự cúng dường.

1556. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vữa vôi ở chỗ khe nứt tại ngôi bảo tháp của bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha.

1557. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tu bổ.

1558. Trước đây ba mươi kiếp, [đã có] mười ba vị tên Paṭisaṅkhāra là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1559. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kỳ sự về Trưởng lão Sudhāpiṇḍiya" là phần thứ nhất.

92. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

1560. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng chiếc ghế sạch bong đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Mặt Trời, đấng Bảo Hộ Thế Gian Tissa.

1561. Trước đây ba mươi tám kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāruci. Của cải đã là thừa thãi và giường nằm không phải là ít.

1562. Sau khi dâng cúng đến đức Phật chiếc ghế với tâm ý trong sạch, tôi đã thọ hưởng nghiệp của mình đã được bản thân khéo thực hiện trong thời quá khứ.

1563. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc ghế trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc ghế.

---

[1] *Sudhāpiṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến cục (*piṇḍa*) vôi bột (*sudhā*)."

1564. Trước đây ba mươi tám kiếp, [đã có] Ruci, Uparuci và luôn cả Mahāruci là vị thứ ba, ba vị ấy là các đấng Chuyển Luân Vương.

1565. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ nhì.

93. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AḌḌHACELAKA (*Aḍḍhacelakattherāpadānaṃ*)

1566. Tôi bị lâm vào cảnh vô cùng khốn khổ và bị xâm nhập bởi mùi hôi thối. Tôi đã dâng cúng một nửa mảnh vải đến đức Thế Tôn Tissa.

1567. Sau khi dâng cúng một nửa mảnh vải, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi cho thực hiện.

1568. Kể từ khi tôi đã dâng cúng mảnh vải trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mảnh vải.

1569. [Trước đây] bốn mươi chín kiếp, ba mươi hai vị thống lãnh dân chúng tên Samantacchadana đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1570. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aḍḍhacelaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aḍḍhacelaka" là phần thứ ba.

94. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SŪCIDĀYAKA (*Sūcidāyakattherāpadānaṃ*)

1571. Trong thời quá khứ, tôi đã là người thợ rèn ở kinh thành Bandhumā. Tôi đã dâng cúng kim khâu đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

1572. Do nhờ nghiệp như thế ấy, trí tuệ [của tôi] tương đương sự tuyệt hảo của kim cương. Tôi có được sự xa lìa tham ái, tôi được giải thoát, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

1573. Trong tất cả các kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai, tôi đã thành đạt mọi thứ nhờ vào trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng kim khâu.

1574. Trước đây chín mươi mốt kiếp đã có bảy vị tên Vajira, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1575. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sūcidāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sūcidāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khéo léo (*su*)."

[3] *Aḍḍhacelaka* nghĩa là "vị liên quan đến một nửa (*aḍḍha*) mảnh vải (*cela*)."

[4] *Sūcidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) kim khâu (*sūci*)."

95. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMĀLIYA (*Gandhamāliyattherāpadānaṃ*)

1576. Tôi đã thực hiện bảo tháp có hương thơm được bao phủ với các bông hoa nhài, được làm xứng đáng với đức Phật, được dành cho đức Thế Tôn Siddhattha.

1577. Đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

1578. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, là vị đứng đầu trong số các bậc Sa-môn, Ngài đã ngồi ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1579. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm trước đây chín mươi bốn kiếp, nhờ vào quả báo của hành động đã được thực hiện đến đức Phật một cách đặc biệt, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1580. [Trước đây] ba mươi chín kiếp đã có mười sáu vị có tên là Devagandha, các vị ấy đã là đấng Chuyển Luân Vương.

1581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhamāliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhamāliya" là phần thứ năm.

96. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIPUPPHIYA (*Tipupphiyattherāpadānaṃ*)

1582. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cội cây pāṭali có màu lục, tôi đã đặt xuống ba bông hoa.

1583-84. Khi ấy, tôi đã ngắt các lá cây héo úa rồi ném ra bên ngoài. Sau khi đảnh lễ cội cây pāṭali tợ như [đang đảnh lễ] bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc đang ở trước mặt,[6] tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1585. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

1586. Trước đây ba mươi ba kiếp, mười ba vị vua tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[5] *Gandhamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*māla*) có hương thơm.

[6] Ngài Vipassī đã chứng quả Phật tại cội cây pāṭali (*TTPV*, tập 42, trang 189, câu kệ 34). (ND)

1587. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tipupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tipupphiya" là phần thứ sáu.

97. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUPIṆḌIKA
(*Madhupiṇḍikattherāpadānaṃ*)

1588. Tôi đã nhìn thấy bậc Ẩn Sĩ Siddhattha tối thượng, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng ở trong khu rừng rậm mênh mông, ít tiếng động, không bị náo loạn.

1589. Ngài là loài Long Tượng có trạng thái Niết-bàn, như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, được hội chúng chư thiên tôn kính. Niềm hạnh phúc của tôi đã được dâng trào, ngay lập tức trí tuệ đã được sanh lên cho tôi.

1590. Sau khi dâng cúng mật ong đến bậc Đạo sư vừa xuất khỏi thiền định, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo sư rồi ra đi, mặt hướng phía Đông.

1591. [Trước đây] ba mươi bốn kiếp, tôi đã là đức vua Sudassana, và ở bữa ăn ngay lập tức có mật ong cùng với các củ sen chảy ra, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

1592. Kể từ khi tôi đã cúng dường mật ong trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường mật ong.

1593. Trước đây ba mươi bốn kiếp, bốn vị Sudassana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1594. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhupiṇḍika[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhupiṇḍika" là phần thứ bảy.

98. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SENĀSANADĀYAKA
(*Senāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

1595. Tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã xếp đặt vật dụng và bông hoa ở xung quanh.

1596. Tôi đã thọ hưởng tòa lâu đài có đức tính đáng yêu vô cùng quý giá như thế. Và các bông hoa có trị giá lớn lao tuôn trào ra ở chiếc giường của tôi.

1597. Tôi nằm ở chiếc giường đã được trang hoàng, được trải lót bông hoa, và ngay lập tức có cơn mưa bông hoa đổ mưa ở giường của tôi.

1598. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm thảm lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

---

[7] *Tipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*)."

[8] *Madhupiṇḍika* nghĩa là "vị liên quan đến khối (*piṇḍa*) mật ong (*madhu*)."

1599. Trước đây vào kiếp thứ năm, bảy vị thống lãnh dân chúng tên Tiṇasantharaka ấy đã được sanh lên, các vị này là các đấng Chuyển Luân Vương.

1600. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Senāsanadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Senāsanadāyaka" là phần thứ tám.

99. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEYYĀVACCAKA
(*Veyyāvaccakattherāpadānaṃ*)

1601. Đã có đoàn người vô cùng đông đúc đến với đức Thế Tôn Vipassī. Tôi là đã người làm việc phục dịch năng động trong mọi công chuyện.

1602. Và vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ thì tôi không có. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư với tâm ý trong sạch.

1603. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc phục dịch trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục dịch.

1604. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức Vua Sucintita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1605. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Veyyāvaccaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Veyyāvaccaka" là phần thứ chín.

100. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPAṬṬHĀKA
(*Buddhupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

1606. Tôi đã là người thổi tù và vỏ ốc [thông báo] của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi thường xuyên gắn bó với việc phục vụ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

1607. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ đến đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy, có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn vây quanh tôi.

1608. [Kể từ khi] tôi đã phục vụ bậc Đại Ẩn Sĩ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

1609. Trước đây hai mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua có tên Mahānigghosa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1610. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka" là phần thứ mười.

---

[9] *Senāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chỗ nằm ngồi (*senāsana*)."

[10] *Veyyāvaccaka* nghĩa là "vị làm công việc phục dịch (*veyyāvaccaka*) đến đức Phật."

[11] *Buddhupaṭṭhāka* nghĩa là "vị là người phục vụ (*upaṭṭhāka*) của đức Phật (*Buddha*)."

Phần tóm lược

[Vị dâng] vữa vôi, vị đã khéo suy nghĩ, [một nửa] mảnh vải, cây kim khâu, vị có tràng hoa có hương thơm, vị dâng ba bông hoa, mật ong, chỗ nằm ngồi, việc phục dịch, và người phục vụ; [tổng cộng] có đúng sáu mươi câu kệ đã được thuật lại trong phẩm này.

Phẩm Sudhāpiṇḍiya là phẩm thứ mười.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Phẩm Buddha là phẩm thứ nhất, phẩm bảo tọa sư tử, phẩm Subhūti, phẩm Kuṇḍadhāna, phẩm Upāli, phẩm vị có cây quạt, phẩm vị đã tự mình suy nghĩ, phẩm Nāgasamāla, phẩm [bông hoa] timira, với phẩm [vị dâng] vữa vôi; mười phẩm ấy có một ngàn bốn trăm câu kệ và thêm năm mươi lăm câu nữa.

Nhóm "Mười" từ phẩm Buddha.

Nhóm "Một trăm" thứ nhất được đầy đủ.

XI. PHẨM BHIKKHĀDĀYĪ
(*BHIKKHĀDĀYĪVAGGO*)

101. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHIKKHĀDĀYAKA
(*Bhikkhādāyakattherāpadānaṃ*)

1611. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi đi ra khỏi khu rừng bao la, Ngài đã đạt đến Niết-bàn, lìa khỏi tham ái.

1612. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ đã được an tịnh như thế ấy.

1613. Trong lúc đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời đang giúp cho đám đông dân chúng đang tiếp bước theo sau được thành tựu Niết-bàn, có niềm hạnh phúc cao thượng đã sanh khởi đến tôi.

1614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thức ăn.

1615. Trước đây tám mươi bảy kiếp, chính bảy vị có tên Mahāreṇu là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1616. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhikkhādāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhikkhādāyaka" là phần thứ nhất.

102. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA
(*Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ*)

1617. Đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ có màu da vàng chói như là loài bò mộng thuần chủng, tợ như giống voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1618. Tôi đã nhìn thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian đang bước đi ở trên đường, đang chiếu sáng tất cả các phương tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1619. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài], tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Siddhattha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1620. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ [của đức Phật].

1621. Trước đây bảy mươi ba kiếp, mười sáu vị đứng đầu nhân loại đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1622. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasaññaka" là phần thứ nhì.

103. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPPALAHATTHI
(*Uppalahatthittherāpadānaṃ*)

1623. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa cư ngụ ở [thành phố] Tivarā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha.

1624-25. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều được thọ hưởng quả báo tăng trưởng của việc đã được thực hiện tốt đẹp của mình trước đây, tôi được vây quanh bởi những người tốt của xứ Malla; điều này là quả báo của việc dâng cúng đức Phật.

1626. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1627. Xét đến chín mươi bốn [kiếp] trừ ra thời hiện tại, ở tại nơi ấy đã có năm trăm vị vua tên là Najjūpama.

1628. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uppalahatthiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uppalahatthiya" là phần thứ ba.

104. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADAPŪJAKA
(*Padapūjakattherāpadānaṃ*)

1629. Tôi đã dâng cúng bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã đặt xuống bảy bông hoa ở hai bàn chân [của Ngài] với sự mừng rỡ.

1630. Do việc làm ấy, giờ đây tôi vượt trội nhân loại và chư thiên. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1631. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

1632. Trước đây vào kiếp thứ năm đã có mười ba đấng Chuyển Luân Vương tên Samantagandha là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1633. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Ñāṇasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về trí tuệ (*ñāṇa*) của đức Phật."

Đại đức Trưởng lão Padapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padapūjaka" là phần thứ tư.

105. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPUPPHIYA
(*Muṭṭhipupphiyattherāpadānaṃ*)

1634. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Sudassana. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

1635. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã cúng dường đến [đức Phật] Padumuttara. Có nhãn quan trong sạch, có thiện ý, tôi đã chứng đắc thiên nhãn.

1636. Do sự cúng dường bông hoa này và do các nguyện lực của tâm, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1637. Trước đây ba mươi sáu kiếp đã có mười sáu vị vua tên Devuttara là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipupphiya" là phần thứ năm.

106. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA
(*Udakapūjakattherāpadānaṃ*)

1639. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.

1640. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận.

1641. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư tên Padumuttara đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1642. "Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, [người ấy] không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1643. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1644. [Trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja ấy đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

1645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Padapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ở bàn chân (*pada*)."

[3] *Muṭṭhipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến số bông hoa (*puppha*) ở nắm tay (*muṭṭhi*)."

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ sáu.

107. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA
(*Naḷamāliyattherāpadānaṃ*)

1646. Đức Phật Padumuttara, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc An Tịnh như thế ấy đã ngồi xuống ở tấm thảm cỏ.

1647. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và buộc lại thành chiếc quạt, tôi đã dâng đến đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1648. Đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ nhận chiếc quạt. Sau khi biết được ý định của tôi, Ngài đã nói lên lời kệ này:

1649. "Giống như thân thể của Ta được mát mẻ, sự bực bội không được biết đến, tương tợ y như thế, mong rằng tâm ngươi được giải thoát khỏi ba loại lửa."

1650. Tất cả chư thiên là những vị sống nương tựa vào khu rừng đã hội tụ lại. Chúng tôi lắng nghe lời dạy của đức Phật là điều làm cho người thí chủ được hoan hỷ.

1651. Ngồi xuống tại nơi ấy ở phía trước hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn, trong lúc làm cho thí chủ được hoan hỷ, đã nói lên những lời kệ này:

1652. "Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do các nguyện lực của tâm, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Subbata.

1653. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có tên là Māluta.

1654. Do sự dâng cúng chiếc quạt này và do tính chất đầy đủ của việc tôn kính, [người này] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1655. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị ấy tên là Subbata. [Trước đây] hai mươi chín ngàn kiếp, [đã có] tám vị tên là Māluta.

1656. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya" là phần thứ bảy.

(Tụng phẩm thứ bảy được chấm dứt).

108. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANŪPAṬṬHĀPAKA
(*Āsanūpaṭṭhāpakattherāpadānaṃ*)

1657. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm ít tiếng động, không bị náo loạn, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy.

---

[4] *Udakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nước (*udaka*).

[5] *Naḷamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) sậy (*naḷa*)."

1658. Tôi đã cầm lấy một nắm tràng hoa và đã đi nhiễu quanh Ngài. Sau khi phục vụ bậc Đạo sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1659. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã tự thân đạt được Niết-bàn, tất cả các hữu đã được xóa sạch.

1660. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bảo tọa sư tử.

1661. Trước đây bảy trăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ Sannibbāpaka, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1662. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āsanūpaṭṭhāpaka" là phần thứ tám.

109. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA
(*Biḷālidāyakattherāpadānaṃ*)

1663. Tôi sống trên tấm thảm bằng lá ở không xa núi Hy-mã-lạp. Khi ấy, tôi đạt được sự ham thích các loại cỏ và có thói quen nằm ngủ [ở thảm lá].

1664. Sau khi mang lại và sửa soạn [các] trái táo, trái bhallātaka và trái billa, tôi đào xới các loại rễ củ kalamba, biḷālī và takkala.

1665. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

1666. Khi bậc Long Tượng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đi đến, tôi đã dâng lên củ biḷālī và đã đặt vào trong bình bát.

1667. Khi ấy, trong lúc làm cho tôi được hoan hỷ, bậc Đại Hùng đã thọ dụng. Sau khi thọ dụng, đấng Toàn Tri đã nói lên lời kệ này:

1668. "Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngươi đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta, ngươi không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1669. Trước đây năm mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Sumekhaliya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1670. [Đây] là lần cuối cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1671. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Āsanūpaṭṭhāpaka* nghĩa là "vị thiết lập (*upaṭṭhāpaka*) bảo tọa (*āsana*) sư tử."

Đại đức Trưởng lão Biḷālidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Biḷālidāyaka" là phần thứ chín.

110. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO REṆUPŪJAKA
(*Reṇupūjakattherāpadānaṃ*)

1672. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia ánh sáng, đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như mặt trăng đã được tròn đầy.

1673. Ngài được vây quanh bởi các vị Thinh văn tợ như quả đất được bao quanh bởi các biển cả. Tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã dâng các bột phấn hoa đến [đức Phật] Vipassī.

1674. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bột phấn hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1675. Trước đây bốn mươi lăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Reṇu, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1676. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Reṇupūjaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Reṇupūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng thức ăn, vị suy tưởng về trí tuệ, vị liên quan đến bó [bông hoa], vị cúng dường bàn chân, vị liên quan đến nắm bông hoa, vị dâng cúng nước, vị có tràng hoa sậy, vị phục vụ, vị dâng cúng củ biḷālī và vị dâng cúng phấn hoa; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ.

Phẩm Bhikkhādāyī là phẩm thứ mười một.

[7] *Biḷālidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây biḷāli."

[8] *Reṇupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bột phấn hoa (*reṇu*)."

XII. PHẨM MAHĀPARIVĀRA
(*MAHĀPARIVĀRAVAGGO*)

111. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀPARIVĀRA (*Mahāparivārattherāpadānaṃ*)

1677. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào thành Bandhuma cùng với sáu mươi tám ngàn vị.

1678. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến ngôi bảo tháp ở trên đảo. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

1679. Có tám mươi bốn ngàn dạ-xoa ở lân cận [đã] phục vụ tôi một cách cung kính, tợ như các tập thể chư thiên [phục vụ] vị thần Inda.

1680. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi cung điện và đã cầm lấy tấm vải. Tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã dâng cúng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

1681. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Do nhờ năng lực của đức Phật, quả đất này đã rúng động."

1682. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín vào đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

1683. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín và đã dâng cúng tấm vải đến bậc Đạo sư, tôi đây cùng với các quan lại và đám tùy tùng đã đi đến nương nhờ [đức Phật].

1684. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1685. Trước đây mười lăm kiếp đã có mười sáu vị tên Suvāhana, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahāparivāra[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahāparivāra" là phần thứ nhất.

112. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMAṄGALA (*Sumaṅgalattherāpadānaṃ*)

1687. Đấng Chiến Thắng Cao Quý Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu sau khi rời khỏi trú xá đã đi đến hồ nước.

---

[1] *Mahāparivāra* nghĩa là "vị có đoàn tùy tùng (*parivāra*) đông đảo (*mahā*)."

1688. Sau khi tắm và uống nước, bậc Toàn Giác, đức Thế Tôn đã khoác lên một tấm y rồi đã đứng ở tại nơi ấy, quan sát khắp các phương.

1689. Tôi đã đi vào cung điện và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ khi ấy tôi đã vỗ tay.

1690. Đức Phật đang chói sáng tợ như mặt trời, đang tỏa sáng tợ như khối vàng. Tôi đã ra sức trong điệu vũ lời ca và năm loại nhạc khí [cúng dường Ngài].

1691. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh, danh tiếng của tôi là rộng khắp.

1692. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch bậc Hiền Trí, sau khi làm cho bản thân được hoan hỷ, Ngài đã làm cho những người khác được hoan hỷ."

1693. Sau khi xem xét rồi ngồi xuống, sau khi đã tạo niềm vui ở bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

1694. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp đã có hai rồi chín vị cùng tên Ekacintita, là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1695. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumaṅgala đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumaṅgala" là phần thứ nhì.

113. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA

(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

1696. Cuộc giao chiến giữa hai vị Thiên vương đang diễn tiến đã trở nên hỗn độn, tiếng kêu la ầm ĩ đã vang lên.

1697. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở không trung đã làm cho đám đông người bị dao động.

1698. Tất cả chư thiên mừng rỡ, buông bỏ áo giáp và vũ khí, liền khi ấy đã đảnh lễ đấng Toàn Giác rồi ngồi xuống, có sự chăm chú.

1699. Biết được ý định của chúng tôi, Ngài đã cất cao giọng nói. Là bậc có lòng thương xót, đấng Hiểu Biết Thế Gian đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn:

1700. "Người có tâm sân hận hãm hại một mạng sống, do sự sân hận ấy của tâm [người này] sanh vào địa ngục.

1701. Ví như con voi đối đầu trong chiến trận hãm hại nhiều mạng người, các ngươi hãy làm tâm của mình được tịnh lặng, chớ có giết hại lần này lần khác."

1702. Ngay cả các binh đội của hai vị vua dạ-xoa cũng đã bị kinh ngạc. Và họ đã đi đến nương nhờ đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian hoàn thiện như thế ấy.

1703. Bậc Hữu Nhãn đã khiến cho dân chúng suy tưởng, hơn nữa còn tiếp độ họ. Ngay trong khi đang cùng với chư thiên xem xét, Ngài đã ra đi mặt hướng phía Bắc.

1704. [Đây là] lần đầu tiên tôi đã đi đến nương nhờ đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1705. [Trước đây] ba mươi ngàn kiếp, mười sáu vị vua lãnh đạo chiến xa tên Mahādundubhi đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1706. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamanīya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamanīya" là phần thứ ba.

114. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANIYA (*Ekāsaniyattherāpadānaṃ*)

1707. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Thiên vương tên Varuṇa. Có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng, tôi đã phục vụ đấng Toàn Giác.

1708. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tất cả các nhạc cụ và đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

1709. Tôi đã phối hợp [âm thanh của] chũm chọe vào lời ca và điệu vũ, tôi đã phục vụ cội Bồ-đề tối thượng tợ như [phục vụ] bậc Toàn Giác đang ở trước mặt.

1710. Sau khi phục vụ cội Bồ-đề ấy là loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, tôi đã xếp chân vào thế kiết-già và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1711. Được hài lòng với nghiệp của mình, tôi đã được tịnh tín đối với cội Bồ-đề tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên.

1712. Trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác ở giữa loài người và ở giữa chư thiên, có sáu mươi ngàn nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi.

1713. Trước đây năm trăm kiếp đã có ba mươi bốn vị Sát-đế-lỵ tên là Subāhu, [các vị ấy] đã được thành tựu bảy loại báu vật.

1714. Đối với tôi, ba loại lửa đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1715. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsaniya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsaniya" là phần thứ tư.

---

[2] *Saraṇagamanīya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

[3] *Ekāsaniya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) chỗ ngồi (*āsana*)."

115. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆAPUPPHIYA
(*Suvaṇṇapupphiyattherāpadānaṃ*)

1716. Đức Thế Tôn tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, đang ngồi thuyết giảng đạo lộ bất tử cho tập thể dân chúng.

1717. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, là đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã dâng lên đức Phật bốn bông hoa bằng vàng.

1718. Khi ấy, đã có mái che bằng vàng [che] khắp cả hội chúng. Hào quang của đức Phật và vẻ sáng của vàng đã là nguồn ánh sáng bao la.

1719. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho những người ấy.

1720. Sau khi thỉnh cầu bậc Toàn Giác và đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình.

1721. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

1722. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1723. Trước đây bốn mươi ba kiếp đã có mười sáu vị vua tên Nemisammata, là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇapupphiya" là phần thứ năm.

116. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

1725. Tôi cư ngụ ở cội cây rājāyatana cùng với các quan lại và đám tùy tùng. Khi ấy, đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, viên tịch Niết-bàn.

1726. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đi đến nơi hỏa táng. Tại nơi ấy, sau khi trình tấu nhạc cụ, tôi đã đặt xuống vật thơm và tràng hoa.

1727. Sau khi cúng dường ở giàn hỏa thiêu, tôi đã đảnh lễ nơi hỏa táng. Tôi đã đi về chỗ trú ngụ của mình, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

1728-29. Bước vào chỗ ngụ, tôi đã tưởng nhớ đến sự cúng dường lễ hỏa táng. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng

[4] *Suvaṇṇapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa hoa (*puppha*) bằng vàng (*suvaṇṇa*)."

Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1730. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

1731. Trước đây hai mươi chín kiếp, mười sáu vị vua [có cùng] tên Uggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1732. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ sáu.

117. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

1733. Lúc bấy giờ, đấng Cao Cả Của Thế Gian Vipassī đã buông bỏ sự duy trì tuổi thọ. Quả địa cầu là trái đất có nước bao quanh đã rúng động.

1734. Vào lúc chấm dứt tuổi thọ của đức Phật, chỗ ngụ được lợp mái, được trải rộng, có tràng hoa khéo được trang hoàng của tôi cũng đã rúng động.

1735. Khi chỗ ngụ bị rúng động, nỗi sợ hãi đã sanh khởi ở tôi. Việc đã xảy ra là do nguyên nhân gì? Nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện là do nguyên nhân gì?

1736. [Thiên vương] Vessavaṇa đã đi đến nơi ấy và đã trấn an đám đông dân chúng rằng: "Không có điều lo ngại cho sanh mạng, các người hãy có sự chăm chú, bình tĩnh."

1737. "Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Trong khi điều ấy sanh khởi, quả địa cầu đã tự rúng động."

1738. Sau khi đã tán dương năng lực của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, việc tốt lành đã được tôi thực hiện.

1739. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

1740. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị vua có sự huy hoàng tên Samita, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1741. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

[6] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật (*buddha*)."

118. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGASAÑÑAKA
(*Maggasaññakattherāpadānaṃ*)

1742. Bị lạc lối ở trong khu rừng bạt ngàn, các vị Thinh văn có hạnh sống ở rừng của đức Phật Padumuttara đi quanh quẩn tợ như những người mù.

1743. Sau khi suy tưởng về bậc Toàn Giác danh hiệu Padumuttara, những người con trai ấy của bậc Hiền Trí ấy đã bị lạc lối ở trong khu rừng lớn.

1744. Từ chỗ ngụ, tôi đã bước xuống và đã đi đến bên các vị Tỳ-khưu. Tôi đã chỉ đường và đã dâng cúng thức ăn đến các vị ấy.

1745. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1746. Trước đây năm trăm kiếp, mười hai vị tên Sacakkhu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

1747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggasaññaka" là phần thứ tám.

119. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUPAṬṬHĀNASAÑÑAKA
(*Paccupaṭṭhānasaññakattherāpadānaṃ*)

1748. Lúc bấy giờ, ngay sau khi đấng Thiện Thệ Atthadassī tịch diệt, tôi đã sanh vào dòng giống dạ-xoa, và tôi đã đạt được danh tiếng.

1749. Đối với tôi, quả thật là khó được thành tựu, khó được chói sáng, khó được vươn lên, là việc đấng Hữu Nhãn đã Niết-bàn trong khi tôi đang tìm kiếm của cải.

1750. Vị Thinh văn tên Sāgara đã biết được ý định của tôi, có ý định tiếp độ tôi, vị ấy đã đi đến gần bên tôi [nói rằng]:

1751. "Điều gì khiến ngươi sầu muộn? Này người khôn ngoan, chớ lo ngại, ngươi hãy thực hành giáo pháp. Sự thành tựu về hạt giống [giác ngộ] đã được đức Phật ban phát cho tất cả.

1752-53. Người cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [khi Ngài] đang còn tại tiền, và người cúng dường Xá-lợi của Ngài khi Ngài đã tịch diệt dầu chỉ nhỏ bằng hạt mù-tạt, khi niềm tịnh tín ở trong tâm là tương đương thì phước báu đạt được lớn lao là tương đương; vì thế, ngươi hãy cho xây dựng ngôi bảo tháp rồi hãy cúng dường các Xá-lợi của đấng Chiến Thắng."

1754. Sau khi lắng nghe lời nói của vị Sāgara, tôi đã cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Phật. Tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp tối thượng của bậc Hiền Trí năm năm.

---

[7] *Maggasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về con đường (*magga*)."

1755. Do việc làm ấy ở nơi đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi thọ hưởng sự thành đạt tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1756. Và trước đây bảy trăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Bhūripañña đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaññaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccupaṭṭhānasaññaka" là phần thứ chín.

120. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPŪJAKA (*Jātipūjakattherāpadānaṃ*)

1758. Khi đấng Vipassī đang đản sanh, có nguồn ánh sáng bao la đã xuất hiện. Và quả địa cầu cùng với biển cả và núi non đã rúng động.

1759. Và các nhà tiên tri đã dự báo rằng: "Đức Phật, bậc cao cả đối với tất cả chúng sanh, sẽ xuất hiện ở thế gian và sẽ tiếp độ dân chúng."

1760. Sau khi nghe lời nói của các nhà tiên tri, tôi đã thực hiện việc cúng dường đản sanh. Không có sự cúng dường nào như là sự cúng dường đản sanh.

1761. Sau khi thực hành việc tốt lành, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện việc cúng dường đản sanh, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1762. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi vượt trội tất cả chúng sanh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1763. Những người vú nuôi chăm sóc tôi thuận theo năng lực tâm của tôi, những người ấy không thể nào làm tôi nổi giận; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1764. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đản sanh.

1765. Trước đây vào kiếp thứ ba, ba mươi bốn vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Supāricāriya đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1766. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipūjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jātipūjaka" là phần thứ mười.

---

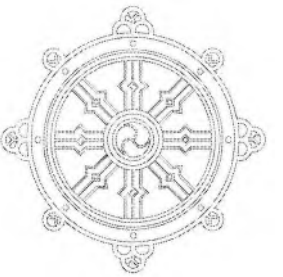
[8] *Paccupaṭṭhānasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về sự chăm sóc, phục vụ, hầu hạ (*paccupaṭṭhāna*)."

[9] *Jātipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa nhài (*jāti*)."

Phần tóm lược

Vị có tùy tùng, vị Sumaṅgala, vị nương nhờ, vị có chỗ ngồi, vị dâng bông hoa, vị cúng dường lễ hỏa táng, vị suy tưởng về đức Phật, vị chỉ đường, vị có sự phục vụ, vị với sự đản sanh; [tổng cộng] có chín mươi câu kệ đã được nói lên và đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Mahāparivāra là phẩm thứ mười hai.



XIII. PHẨM SEREYYAKA
(*SEREYYAKAVAGGO*)

121. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SEREYYAKA (*Sereyyakattherāpadānaṃ*)

1767. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, trong khi đang đứng ở ngoài trời, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1768. Bậc Đại Ẩn Sĩ giống như là con sư tử đang đi lang thang ở trong rừng, tợ như con cọp chúa không có sự sợ hãi, tợ như giống voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi.

1769. Tôi đã cầm lấy bông hoa sereyya và đã ném lên không trung. Do nhờ năng lực của đức Phật, [các bông hoa ấy] quây quần ở khắp nơi.

1770. Bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã chú nguyện. Các mái che bằng bông hoa ở xung quanh đã rải rắc ở đấng Nhân Ngưu.

1771. Kế đó, tấm màn bằng bông hoa ấy, có các cuống hoa ở phía trong và các vành hoa bên ngoài, đã trở thành mái che trong bảy ngày và sau đó đã biến mất.

1772. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã làm cho tâm tịnh tín ở đức Phật, bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1773. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1774. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, hai mươi lăm vị [cùng] tên Cittamālā ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1775. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sereyyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sereyyaka" là phần thứ nhất.

122. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHATHŪPIYA (*Pupphathūpiyattherāpadānaṃ*)

1776. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Ở trung tâm của ngọn núi ấy có vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật sinh sống.

[1] *Sereyyaka* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa sereyya."

1777. Có năm ngàn người học trò luôn luôn vây quanh tôi. Các vị ấy đã là những người [ngủ] thức dậy trước [tôi] và được tự tin vào các chú thuật.

1778. "Hỡi người thầy của chúng con, đức Phật đã hiện khởi ở trên thế gian, xin thầy biết rõ về điều ấy. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có ba mươi hai hảo tướng và tám mươi tướng phụ, có vầng hào quang tợ như mặt trời chiếu sáng."

1779. Sau khi lắng nghe lời nói của những người học trò, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã rời khu ẩn cư và hỏi những người học trò phương hướng về khu vực mà đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ.

1780. Tôi đã lễ bái phương hướng ấy [hướng đến] đấng Chiến Thắng, bậc Không Người Đối Thủ. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã tôn vinh đức Như Lai ấy.

1781. "Này các đệ tử, hãy đến. Chúng ta sẽ đi và sẽ diện kiến đức Như Lai. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, chúng ta sẽ lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng."

1782. Tôi đã ra đi một mình và tôi đã lâm bệnh. Trong khi bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã đi đến nhà nghỉ chân để nằm nghỉ.

1783. Sau khi triệu tập tất cả những người học trò lại, tôi đã hỏi họ về đức Như Lai: "Đức độ của đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Có Sự Giác Ngộ Tuyệt Đối là như thế nào?"

1784. Được tôi hỏi, các vị ấy đã trả lời theo như đã nhìn thấy. Các vị đã mô tả đức Phật tối thượng ấy một cách kính trọng như Ngài đang ở trước mặt của tôi.

1785. Sau khi lắng nghe lời nói của họ, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1786. Sau khi hỏa táng thi thể của tôi, các vị ấy đã đi đến gặp đức Phật. Họ đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

1787. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng các bông hoa dành cho đức Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1788. [Trước đây] bốn mươi bốn ngàn kiếp, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Aggisama đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1789. [Trước đây] hai mươi ngàn kiếp, ba mươi tám vị lãnh chúa [cùng] tên Ghatāsana đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

1790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphathūpiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphathūpiya" là phần thứ nhì.

---

[2] *Pupphathūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi bảo tháp (*thūpa*) bằng bông hoa (*puppha*)."

123. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀYĀSADĀYAKA
(*Pāyāsadāyakattherāpadānaṃ*)

1791. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang đi ra khỏi khu rừng bao la.

1792. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng, tôi đây đã chuẩn bị món cơm sữa ở trong cái đĩa kim loại vô cùng quý giá rồi đã đem dâng tặng bậc có năng lực.

1793. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã khéo léo bước lên con đường kinh hành ở bầu trời trên không trung.

1794. Và sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, sau khi đặt chiếc đĩa kim loại xuống tôi đã đảnh lễ [đức Phật] Vipassī.

1795. "Bạch đấng Toàn Tri, Ngài là vị Trời ở [thế gian có cả] chư thiên cùng nhân loại. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vì lòng thương tưởng xin Ngài hãy thọ nhận."

1796. Biết được ý định của tôi, đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí ở trên đời đã thọ nhận.

1797. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cơm sữa.

1798. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Buddha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1799. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāyāsadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāyāsadāyaka" là phần thứ ba.

124. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHODAKIYA
(*Gandhodakiyattherāpadānaṃ*)

1800. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī, bậc Toàn Tri, người tiêu diệt sự tăm tối, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

1801. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian [đang] đi ở không xa tòa lâu đài. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh sáng của mặt trời.

1802. Và tôi đã cầm lấy nước thơm rồi đã rải rắc vào đức Phật tối thượng. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1803. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc nước thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[3] *Pāyāsadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) món cơm sữa (*pāyāsa*)."

1804. Trước đây ba mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sugandha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhodakiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhodakiya" là phần thứ tư.

125. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMMUKHĀTHAVIKA
(*Sammukhāthavikattherāpadānaṃ*)

1806. Trong khi trấn an dân chúng, tôi đã giải thích về điềm báo hiệu khi vị Vipassī đang đản sanh rằng: "Đức Phật sẽ hiện khởi ở thế gian.

1807. Và vị nào trong khi đản sanh mười ngàn thế giới đã rúng động, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1808. Và vị nào trong khi đản sanh đã có nguồn ánh sáng bao la, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1809. Và vị nào trong khi đản sanh các dòng sông đã ngưng chảy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1810. Và vị nào trong khi đản sanh ngọn lửa ở địa ngục Avīci đã không bốc cháy, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1811. Và vị nào trong khi đản sanh bầy chim đã không bay lượn, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1812. Và vị nào trong khi đản sanh làn gió ngưng thổi, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1813. Và vị nào trong khi đản sanh tất cả châu báu đã rực sáng, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1814. Và vị nào trong khi đản sanh đã có việc bước đi bảy bước chân, vị ấy giờ đây là đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư, đấng Hữu Nhãn [đang] thuyết giảng giáo pháp.

1815. Và ngay khi được sanh ra, bậc Toàn Giác đã chiếu sáng tất cả các phương, Ngài đã thốt lên lời nói hùng tráng; điều này là thông lệ của chư Phật."

1816. Sau khi làm cho dân chúng động tâm, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1817. [Kể từ khi] tôi đã ca ngợi đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

1818. Trước đây chín mươi kiếp, [tôi đã là] vị tên Sammukhāthavika, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1819. Trước đây tám mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Paṭhavidundubhī, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1820. Trước đây tám mươi tám kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Obhāsa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1821. Trước đây tám mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Saritacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1822. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Agginibbāpana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1823. Trước đây tám mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gatipacchedana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1824. Trước đây tám mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vātasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1825. Trước đây tám mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Ratanapajjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1826. Trước đây tám mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị tên Padavikkamana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1827. Trước đây tám mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị vua tên Vilokana, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1828. Trước đây tám mươi kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Girisāra, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1829. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sammukhāthavika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sammukhāthavika" là phần thứ năm.

126. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSUMĀSANIYA
(*Kusumāsaniyattherāpadānaṃ*)

1830. Tôi đã là vị Bà-la-môn ở thành phố Dhaññavatī về [khoa] tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

1831. Là người thông suốt ba tập Vệ-đà, tôi được rành rẽ về điềm báo hiệu, biết về từ ngữ, về văn phạm, và tôi đã chỉ dạy các học trò về chú thuật.

1832. Có ý muốn dâng tặng vật hiến cúng trong khi đoàn tụ với cha mẹ, tôi đã đặt năm bó sen xanh ở trên chiếc ghế nhỏ.

1833. Khi ấy, đức Thế Tôn Vipassī, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi đến, trong lúc làm cho tất cả các phương rực sáng.

1834. Sau khi sắp xếp chỗ ngồi, tôi đã thỉnh mời bậc Đại Hiền Trí. Sau khi trải ra [các] bông hoa ấy, tôi đã rước [đức Phật] đến ngôi nhà của mình.

---

[4] *Sammukhāthavika* nghĩa là "vị đã ngợi ca (*thavika*) trực tiếp ở trước mặt (*sammukhā*)."

1835. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng đến đức Phật phần vật thực đã có sẵn ở trong nhà của tôi.

1836. Biết được thời điểm Ngài đã thọ thực xong, tôi đã dâng cúng bó bông hoa. Đấng Toàn Tri, sau khi nói lời tùy hỷ, đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1837. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

1838. Vào kiếp kế liền trước đây, tôi đã là đức Vua Varadassana, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1839. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kusumāsaniya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kusumāsaniya" là phần thứ sáu.

127. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

1840. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, tôi sống tại khu ẩn cư ở không xa núi Hy-mã-lạp.

1841. Tôi có vật cúng dường đến ngọn lửa, có các bông sen trắng và trái cây. Sau khi đặt vào trong chiếc giỏ, tôi đã treo lên ở ngọn cây.

1842. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, trong khi khất thực Ngài đã đi đến gần tôi.

1843. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật. Tôi đã là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, là sự đưa đến an lạc trong thời hiện tại cho chính tôi.

1844. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở trên không trung đã nói lên lời kệ này:

1845. "Do sự dâng cúng trái cây này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

1846. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

1847. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Sumaṅgala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1848. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Kusumāsaniya* nghĩa là "vị liên quan đến chỗ ngồi (*āsana*) bằng bông hoa (*kusuma*)."

[6] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

128. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆASAÑÑAKA
(*Ñāṇasaññakattherāpadānaṃ*)

1849. Tôi sống trong vùng đồi núi tại núi Hy-mã-lạp. Sau khi nhìn thấy bãi cát đang chói sáng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng rằng:

1850. "Về trí tuệ, không có gì so sánh, không có gì đối địch với bậc Đạo sư. Sau khi biết rõ tất cả các pháp, Ngài đã giải thoát nhờ vào trí tuệ.

1851. Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Không có gì sánh bằng trí tuệ của Ngài, cho dầu là trí tuệ hạng nhất."

1852. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín ở trí tuệ [đức Phật], tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp. Trong những kiếp còn lại, điều tốt lành đã được tôi thực hiện.

1853. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

1854. Trước đây bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị độc nhất tên Pulinapupphiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1855. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇasaññaka" là phần thứ tám.

129. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPUPPHIYA
(*Gandhapupphiyattherāpadānaṃ*)

1856. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói, bậc Xứng Đáng Sự Cúng Dường dẫn đầu các vị Thinh văn, đã rời khỏi tu viện.

1857. Sau khi nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Toàn Tri, bậc Tiêu Diệt Sự Tăm Tối, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa có hương thơm.

1858. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm đối với đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy, tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã đảnh lễ đức Như Lai lần nữa.

1859. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1860. Trước đây bốn mươi mốt kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Caraṇa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1861. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[7] *Ñāṇasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về trí tuệ (*ñāṇa*) của đức Phật."

Đại đức Trưởng lão Gandhapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhapupphiya" là phần thứ chín.

130. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA
(*Padumapūjakattherāpadānaṃ*)

1862. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên Gotama được che phủ bởi nhiều loại cây cối khác nhau, là nơi trú ngụ của các nhóm chúng sanh vĩ đại.

1863. Và có khu ẩn cư đã được tạo nên ở trung tâm của ngọn núi ấy. Được vây quanh bởi những học trò của mình, tôi sống tại khu ẩn cư.

1864. "Này các nhóm học trò của ta, hãy mang lại cho ta hoa sen hồng. Chúng ta sẽ thực hiện việc cúng dường đức Phật, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy."

1865. Các vị ấy đã đáp lại rằng: "Xin vâng", rồi đã mang lại hoa sen hồng cho tôi. Tại nơi ấy, sau khi xác định đối tượng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1866. Khi ấy, tôi đã triệu tập các người học trò lại và đã giáo huấn điều tốt đẹp: "Các ngươi chớ xao lãng, không xao lãng là nguồn đem lại sự an lạc."

1867. Sau khi đã giáo huấn như vậy cho những người học trò có sự chấp nhận lời dạy bảo ấy, được gắn bó với đức tính không xao lãng, tôi đã mệnh chung vào khi ấy.

1868. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1869. [Trước đây] năm mươi mốt kiếp, tôi đã là đức Vua Jaluttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sereyyaka, vị có ngôi bảo tháp bằng bông hoa, vị [dâng cúng] cơm sữa, vị [rắc] nước thơm, vị ca ngợi, vị có chỗ ngồi, vị [dâng cúng] trái cây, vị suy tưởng, bông hoa có hương thơm, vị có hoa sen hồng; [tổng cộng] có một trăm lẻ năm câu kệ đã được thuật lại bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Sereyyaka là phẩm thứ mười ba.

---

[8] *Gandhapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) có mùi thơm (*gandha*)."

[9] *Padumapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) hoa sen hồng (*paduma*)."

XIV. PHẨM SOBHITA
(*SOBHITAVAGGO*)

131. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOBHITA (*Sobhitattherāpadānaṃ*)

1870. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu thuyết giảng về vị thế bất tử đến tập thể dân chúng đông đảo.

1871. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài, tôi đã bật thốt lên lời. Khi ấy, tôi đã chắp tay lên và có sự chăm chú.

1872. "Giống như biển cả là đứng đầu trong số các nguồn nước, núi đá Neru là cao quý trong số các ngọn núi, tương tợ y như thế, những người nào vận hành năng lực của tâm, những người ấy không đạt được một phần trí tuệ của đức Phật."

1873. Sau khi quy định đường lối trong giáo pháp, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

1874. "Người nào đã ca ngợi trí tuệ về đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, người ấy sẽ không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1875. [Người ấy] sẽ thiêu đốt các phiền não, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh, sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, với tên là Sobhita."

1876. [Trước đây] năm mươi ngàn kiếp, bảy vị [cùng] tên Yasuggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1877. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1878. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sobhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sobhita" là phần thứ nhất.

132. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUDASSANA (*Sudassanattherāpadānaṃ*)

1879. Ở bờ sông Vitatthā, cây pilakkha đã được kết trái. Trong khi tìm kiếm giống cây ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1880. Sau khi nhìn thấy cây ketaka đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã cắt ở cuống hoa và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

1881. "Bạch đức Phật tối thượng, bạch bậc Đại Hiền Trí, với trí tuệ nào Ngài đã đạt được vị thế trường tồn bất tử, con xin cúng dường trí tuệ ấy."

1882. Sau khi cúng dường trí tuệ, tôi đã nhìn thấy cây pilakkha, tôi đã được chứng đạt tuệ ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1883. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1884. Trước đây mười ba kiếp, mười hai vị [cùng] tên Phaluggata đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1885. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sudassana đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sudassana" là phần thứ nhì.

133. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAPŪJAKA
(*Candanapūjakattherāpadānaṃ*)

1886. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Và tôi đã có thức ăn là bông hoa, tương tợ y như vậy, có y phục là bông hoa.

1887. Và đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi ra ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng, tợ như chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

1888. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Tâm của Ngài khéo được thanh tịnh. Ngài có khuôn mặt và ánh mắt an tịnh, có khuôn mặt và các giác quan trong sáng."

1889. Bậc Trí Tuệ có tuệ bao la đã từ bầu trời bước xuống. Ngài đã trải ra tấm y hai lớp rồi đã ngồi vào tư thế kiết-già.

1890. Tôi đã cầm lấy trầm hương hòa tan rồi đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

1891. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

1892. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1893. Trước đây một ngàn bốn trăm kiếp, ba vị [cùng] tên Rohita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1894. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanapūjaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Candanapūjaka" là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ tám).

---

[1] *Candanapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) trầm hương (*candana*)."

134. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHADANIYA
(*Pupphachadaniyattherāpadānaṃ*)

1895. Là vị giảng huấn, gắn bó với sự hiến cúng, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Sunanda đã cúng hiến cho lễ hiến cúng.

1896. Khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, bậc Cao Cả, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ, trong lúc thương tưởng dân chúng đã đi kinh hành ở trên không trung.

1897. Sau khi đã đi kinh hành, bậc Toàn Giác, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, vị Không Còn Mầm Mống Tái Sanh đã lan tỏa bằng tâm từ ái đến các chúng sanh một cách không giới hạn.

1898. Sau khi đã cắt các bông hoa ở cuống, vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật đã triệu tập lại tất cả các học trò rồi đã thảy [các bông hoa] lên không trung.

1899. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, mái che của các bông hoa đã trải khắp cả thành phố và đã không biến mất trong bảy ngày.

1900. Do nhờ nhân tố trong sạch ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành đạt. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi đã vượt qua sự ràng buộc ở thế gian.

1901. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, ba mươi lăm vị Sát-đế-lỵ có [cùng] tên Ambaraṃsa đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphachadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphachadaniya" là phần thứ tư.

135. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAHOSAÑÑAKA
(*Rahosaññakattherāpadānaṃ*)

1902. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Vasabha. Ở chân ngọn núi ấy có khu ẩn cư đã được tạo lập.

1903. Khi ấy, là vị Bà-la-môn, tôi đã chỉ dạy ba ngàn học trò. Sau khi triệu tập những người học trò ấy lại, tôi đã ngồi xuống ở một bên.

1904. Sau khi ngồi xuống ở một bên, là vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật, trong lúc tầm cầu về sự hiểu biết của đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở trí tuệ [của Ngài].

1905. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở tấm thảm bằng lá. Sau khi xếp vào tư thế kiết-già, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1906. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về trí tuệ.

---

[2] *Pupphachadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa (*puppha*)."

1907. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Siridhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1908. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rahosaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rahosaññaka" là phần thứ năm.

136. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (*Campakapupphiyattherāpadānaṃ*)

1909. [Đức Phật] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, khiến cho tất cả các phương rực sáng tợ như vì sao osadhī.

1910. Đã có ba người thanh niên khéo được học tập về nghề nghiệp của mình cầm lấy túi vật dụng đi theo tôi ở phía sau.

1911. Có bảy bông hoa đã bị rụng xuống ở trong cái giỏ vì sức nóng. Tôi đã cầm lấy các bông hoa ấy và đã dâng lên [hướng tâm đến] trí tuệ của đức Vessabhū.

1912. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường trí tuệ.

1913. Trước đây hai mươi chín kiếp, [tôi đã là] vị tên Vipulābha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1914. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

137. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATTHASANDASSAKA (*Atthasandassakattherāpadānaṃ*)

1915. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc có lậu hoặc đã được đoạn tận, vị đã đạt năng lực, đang ngồi ở nơi khoảnh rừng rộng, được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu.

1916. "Một trăm ngàn vị có ba minh, có sáu thắng trí, có đại thần lực quây quanh bậc Toàn Giác, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

1917. Ở [thế gian] gồm cả chư thiên, người có sự tương đương về trí tuệ không tìm thấy, ai là người nhìn thấy bậc Toàn Giác có trí tuệ vô biên mà không tịnh tín?

1918. Và người ta không thể làm tổn hại Pháp thân đang chiếu sáng [giống như] toàn bộ hầm mỏ châu ngọc, ai là người nhìn thấy [Ngài] mà không tịnh tín?"

---

[3] *Rahosaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về nơi thanh vắng (*raho*)."

[4] *Campakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) campaka."

1919. Với ba lời kệ này, vị Nārada Saragacchiya đã ngợi ca về đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại Padumuttara.

1920. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm và do sự ngợi ca đức Phật, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

1921. Trước đây ba ngàn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sumitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1922. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Atthasandassaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Atthasandassaka" là phần thứ bảy.

138. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPASĀDANIYA
(*Ekapasādaniyattherāpadānaṃ*)

1923. Tên của tôi là Nārada, mọi người biết tôi là [dòng dõi] Kesava. Trong khi tìm hiểu về điều thiện và bất thiện, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

1924. Trong khi an ủi chúng sanh, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī, đấng Bi Mẫn có tâm từ ái, bậc Hữu Nhãn ấy thuyết giảng giáo pháp.

1925. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã chắp tay ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo Sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

1926. [Trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi đã là đức vua, chúa tể trái đất, là đấng Chuyển Luân Vương tên Amittatāpana có oai lực lớn lao.

1927. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapasādaniya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapasādaniya" là phần thứ tám.

139. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPUPPHADĀYAKA
(*Sālapupphadāyakattherāpadānaṃ*)

1928. Lúc bấy giờ, tôi đã là vua của loài thú, là con sư tử đã được sanh ra cao quý. Trong khi tìm kiếm chỗ hiểm trở ở ngọn núi, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1929. "Vị này ắt hẳn là đấng Đại Hùng, người giúp cho đám đông dân chúng được [giải thoát] Niết-bàn. Hay là ta nên hầu cận vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu?"

1930. Sau khi bẻ gãy nhánh cây sāla, tôi đã mang lại bông hoa còn lớp vỏ bọc. Tôi đã đi đến gần bậc Toàn Giác và đã dâng cúng bông hoa tối thượng.

1931. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

---

[5] *Atthasandassaka* nghĩa là "vị chỉ dạy (*sandassaka*) về ý nghĩa, mục đích (*attha*)."

[6] *Ekapasādaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc một lần (*eka*) có được đức tin (*pasādana*)."

1932. Và trước đây vào kiếp thứ chín, ba vị vua tên Virocana đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1933. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapupphadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālapupphadāyaka" là phần thứ chín.

140. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA (*Piyālaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

1934. Lúc bấy giờ, tôi đã là kẻ đồ tể, là kẻ giết hại các sanh mạng khác. Tôi nằm ngủ ở sườn núi không xa bậc Đạo Sư Sikhī.

1935. Tôi nhìn thấy đức Phật, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian vào ban đêm và ban ngày. Nhưng vật xứng đáng để dâng cúng đến đấng Chúa Tể Của Loài Người thì tôi không có.

1936. Tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã đi đến gần đức Phật. Đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã thọ nhận.

1937. Kể từ đó về sau tôi đã theo phục vụ đấng Hướng Đạo. Với sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1938. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

1939. Trước đây mười lăm kiếp, ba vị [tên] Piyālī đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1940. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālaphaladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Sobhita, vị Sudassana, [vị dâng cúng] trầm hương, [vị dâng cúng] mái che bằng bông hoa, vị suy tưởng về nơi thanh vắng, vị có bông hoa campaka, cùng với vị chỉ dạy về mục đích, vị có một lần tịnh tín, vị dâng cúng bông hoa Sāla, và vị dâng cúng trái cây là thứ mười; [tổng cộng] có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sobhita là phẩm thứ mười bốn.

---

[7] *Sālapupphadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa (*puppha*) sāla."

[8] *Piyālaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) piyāla."

XV. PHẨM CHATTA
(*CHATTAVAGGO*)

141. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ATICHATTIYA
(*Atichattiyattherāpadānaṃ*)

1941. Khi đức Thế Tôn, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã viên tịch Niết-bàn, tôi đã cho thực hiện chiếc lọng che ở thượng tầng và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1942. Tôi đã nhiều lần đi đến và đã lễ bái ngôi bảo tháp của bậc Đạo sư. Tôi đã thực hiện mái che bằng bông hoa và tôi đã đặt ở phía trên chiếc lọng che.

1943. Tôi đã cai quản thiên quốc [trước đây] một ngàn bảy trăm kiếp, tôi không đi đến bản thể loài người; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1944. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Atichattiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Atichattiya" là phần thứ nhất.

142. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THAMBHĀROPAKA
(*Thambhāropakattherāpadānaṃ*)

1945. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Dhammadassī đã Niết-bàn, tôi đã dựng lên cột cờ ở ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng.

1946. Sau khi tạo lập cái cầu thang, tôi đã bước lên ngôi bảo tháp tối thượng. Tôi đã cầm lấy bông hoa nhài và đã dâng lên ở ngôi bảo tháp.

1947. Ôi đức Phật! Ôi giáo pháp! Ôi sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngôi bảo tháp.

1948. Trước đây chín mươi bốn kiếp, mười sáu vị vua [cùng] tên Thūpasikkhara đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1949. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thambhāropaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Thambhāropaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Atichattiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc lọng che ở thượng tầng (*atichatta*)."

[2] *Thambhāropaka* nghĩa là "vị dựng lên (*āropaka*) cây cột (*thambha*)."

143. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA
(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

1950. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Piyadassī đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện viền rào bằng ngọc trai.

1951. Sau khi cho rải quanh với các viên ngọc ma-ni, tôi đã thực hiện viền rào tuyệt hảo. Sau khi thực hiện lễ hội ở viền rào, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

1952. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có các người cầm giữ những viên ngọc ma-ni ở trên không trung; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1953. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, ba mươi hai vị vua [cùng] tên Maṇippabhā đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1954. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ ba.

144. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRIYA
(*Saparivāriyattherāpadānaṃ*)

1955. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Toàn Giác sau khi phát cháy như là khối lửa, đã viên tịch Niết-bàn.

1956. Và khi bậc Đại Hùng đã Niết-bàn, đã có ngôi bảo tháp rộng rãi. Người người túc trực ngày và đêm ở gian nhà Xá-lợi cao quý tối thượng.

1957. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện vòng rào chắn bằng gỗ trầm hương. Và khi ấy, có làn khói phù hợp với ngôi bảo tháp được nhìn thấy.

1958. Trong khi được sanh lên ở cõi hữu, dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không nhìn thấy tôi có sự thua kém; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

1959. Trước đây mười lăm kiếp đã có tám vị [vua], tất cả các vị ấy có [cùng] tên Samatta, là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

1960. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivāriya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivāriya" là phần thứ tư.

145. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA
(*Ummāpupphiyatherāpadānaṃ*)

1961. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Bảo Hộ Thế Gian, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã Niết-bàn, đã có lễ hội ở ngôi đại bảo tháp.

---

[3] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) viền rào (*vedi*)."

[4] *Saparivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến nhóm tùy tùng (*parivāra*) của mình (*sa*)."

1962. Trong khi lễ hội dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha đang được tiến hành, tôi đã cầm lấy bông hoa ummā và đã dâng lên ngôi bảo tháp.

1963. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bảo tháp.

1964. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tám mươi lăm vị vua [cùng] tên Somadeva đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1965. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ummāpupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ummāpupphiya" là phần thứ năm.

146. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA (*Anulepadāyakattherāpadānaṃ*)

1966. Tôi đã thực hiện vòng rào chắn ở cội Bồ-đề của bậc Hiền Trí Anomadassī. Tôi đã dâng cúng khối vôi bột và đã làm công việc tô trét.

1967. Sau khi nhìn thấy hành động đã được thực hiện khéo léo ấy, đấng Tối Thượng Nhân Anomadassī, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên những lời kệ này:

1968. "Do việc làm về vôi bột này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] sẽ thọ hưởng sự thành đạt và sẽ chấm dứt khổ đau."

1969. Tôi có vẻ mặt tịnh tín, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

1970. Trước đây tròn đủ một trăm kiếp không thiếu hụt, [tôi đã là] đức vua tên Sabbaghana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1971. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anulepadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anulepadāyaka" là phần thứ sáu.

147. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADĀYAKA (*Maggadāyakattherāpadānaṃ*)

1972. Bậc Hữu Nhãn vượt qua con sông nhỏ rồi đi vào khu rừng. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác Siddhattha có ba mươi hai hảo tướng ấy.

1973. Tôi đã cầm lấy cuốc xẻng và cái giỏ rồi đã san bằng con đường ấy. Tôi đã đảnh lễ bậc Đạo sư và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

1974. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng đường đi.

---

[5] *Ummāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ummā."

[6] *Anulepadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vữa để tô trét (*anulepa*)."

1975. [Trước đây] năm mươi bảy kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất với tên Suppabuddha; vị lãnh đạo ấy là chúa tể loài người.

1976. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggadāyaka" là phần thứ bảy.

148. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALAKADĀYAKA
(*Phalakadāyakattherāpadānaṃ*)

1977. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ đóng xe thuyền khéo được học tập về nghề mộc. Tôi đã thực hiện tấm ván bằng gỗ trầm hương và đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

1978. Cung điện bằng vàng khéo được hóa hiện ra này chói sáng. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời được sẵn sàng.

1979. Các tòa lâu đài luôn cả các kiệu khiêng được sanh lên theo như ước muốn, châu báu của tôi không bị suy suyển; điều này là quả báo của tấm ván gỗ.

1980. [Kể từ khi] tôi đã dâng tấm ván gỗ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm ván gỗ.

1981. Trước đây năm mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Nimmita đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1982. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phalakadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phalakadāyaka" là phần thứ tám.

149. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṬAṂSAKIYA
(*Vaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

1983. Đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Sumedha, trong khi thực hành hạnh độc cư, đã đi sâu vào khu rừng lớn.

1984. Sau khi nhìn thấy cây salala đã được trổ hoa, tôi đã buộc thành vòng hoa đội đầu. Tôi đã dâng lên đức Phật bằng cách đặt ở trước mặt đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1985. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1986. [Trước đây] một ngàn chín trăm kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Nimmita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1987. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṭaṃsakiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṭaṃsakiya" là phần thứ chín.

150. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PALLAṄKADĀYAKA (*Pallaṅkadāyakattherāpadānaṃ*)

1988. Tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành có mái che ở phía trên đến đức Thế Tôn Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

1989. Lúc bấy giờ, chiếc ghế bành ấy có đầy đủ bảy loại châu báu luôn luôn sanh lên cho tôi, đúng theo ý định của tôi.

1990. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc ghế bành trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc ghế bành.

1991. [Trước đây] hai chục ngàn kiếp, ba người [cùng] tên Suvaṇṇābha, [đã là] các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

1992. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

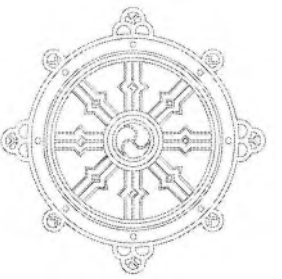
Đại đức Trưởng lão Pallaṅkadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pallaṅkadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Chiếc lọng che, cây cột [đèn], viền rào quanh, vị có nhóm tùy tùng, vị liên quan đến bông hoa umma, vị tô trét, vị dâng cúng đường đi, vị dâng cúng tấm ván gỗ, vị có vòng hoa đội đầu, vị dâng cúng chiếc ghế bành; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Chatta là phẩm thứ mười lăm.



[7] *Vaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*)."

[8] *Pallaṅkadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc ghế bành (*pallaṅka*)."

XVI. PHẨM BANDHUJĪVAKA
(*BANDHUJĪVAKAVAGGO*)

151. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA
(*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

1993. [Tôi đã nhìn thấy đức Thế Tôn Sikhī] tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, tinh khiết, trong sạch, không bị loạn động, đã đoạn tận sự vui thích ở hiện hữu, đã vượt qua sự ái luyến ở đời.

1994. Là bậc đã vượt qua, cao quý trong số các đấng đang tiếp độ, Ngài đang giúp cho dân chúng thành tựu Niết-bàn. Ngài đang tham thiền ở trong khu rừng, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh.

1995. Sau khi buộc lại các bông hoa bandhujīvaka bằng sợi chỉ, tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī.

1996. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

1997. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị Chúa Tể Của Loài Người có danh vọng vĩ đại tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

1998. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhất.

152. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMBAPUPPHIYA
(*Tambapupphiyattherāpadānaṃ*)

1999. Là người bị bận rộn trong việc quán xuyến công việc của người khác, tôi đã làm điều lầm lỗi. Bị xâm chiếm bởi nỗi lo sợ và hốt hoảng, tôi đã trốn chạy đến cuối khu rừng.

2000. Sau khi nhìn thấy giống cây đã được trổ hoa, dính thành từng chùm, khéo léo phô bày, tôi đã ngắt lấy bông hoa màu nâu đỏ và đã rải rắc ở cội cây Bồ-đề.

2001. Sau khi quét dọn cội cây Bồ-đề là giống cây pāṭalī tối thượng ấy, tôi đã xếp chân vào tư thế kiết-già và ngồi xuống ở gốc cội cây Bồ-đề.

2002. Trong khi tìm kiếm con đường [tôi] đã đi qua, bọn họ đã đến gần chỗ tôi. Và ở tại nơi ấy, sau khi nhìn thấy bọn họ, tôi đã quan sát cội cây Bồ-đề tối thượng.

2003. Và với tâm ý trong sạch, tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề. Tôi đã bị rơi xuống ở hẻm núi đáng kinh sợ có độ sâu bằng nhiều cây thốt nốt.

2004. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2005. Và trước đây vào kiếp thứ ba, tôi đã là đức Vua Susaññata, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2006. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tambapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tambapupphiya" là phần thứ nhì.

153. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĪTHISAMMAJJAKA
(*Vīthisammajjakattherāpadānaṃ*)

2007. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra tợ như mặt trời đang mọc, như là mặt trời có tia sáng màu vàng, như là mặt trăng vào ngày rằm.

2008. Đã có tất cả sáu mươi tám ngàn vị Lậu tận [A-la-hán] đã tháp tùng bậc Toàn Giác, vị Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu.

2009. Với tâm ý trong sạch, tôi đã quét dọn con đường ấy, và trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang đi ra, tôi đã trương lên lá cờ ở tại nơi ấy.

2010. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọn cờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn cờ.

2011. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là vị vua có sức mạnh vĩ đại, được thành tựu về mọi phương diện, được nổi danh là Sudhaja.

2012. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vīthisammajjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vīthisammajjaka" là phần thứ ba.

154. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPŪJAKA
(*Kakkārupūjakattherāpadānaṃ*)

2013. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa kakkāru và đã dâng lên đức Phật.

2014. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[1] *Tambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan bông hoa (*puppha*) màu nâu đỏ (*tamba*)."

[2] *Vīthisammajjaka* nghĩa là "vị quét dọn (*sammajjaka*) con đường (*vīthi*)."

2015. Và trước đây vào kiếp thứ chín, tôi đã là đức Vua Sattuttama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2016. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kakkārupūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kakkārupūjaka" là phần thứ tư.

155. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPŪJAKA (*Mandāravapūjakattherāpadānaṃ*)

2017. Trong khi là vị Thiên tử, tôi đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Sikhī. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava và đã dâng lên đức Phật.

2018. Trong bảy ngày, đã có tràng hoa của cõi trời là chiếc lọng che cho đức Như Lai. Tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã lễ bái đức Như Lai.

2019. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2020. Và trước đây vào kiếp thứ mười, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2021. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mandāravapūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mandāravapūjaka" là phần thứ năm.

156. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (*Kadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

2022. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Kukkuṭa. Bảy vị Phật Độc Giác ấy cư ngụ ở chân ngọn núi ấy.

2023. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa tợ như mặt trăng, [vua của các ngọn đèn] đã mọc lên, bằng cả hai tay tôi đã hái và đã rải rắc ở bảy vị Phật.

2024. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2025. Trước đây chín mươi hai kiếp, bảy vị [cùng] tên Puppha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2026. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Kakkārupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa kakkāru."

[4] *Mandāravapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa mandārava."

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" là phần thứ sáu.

157. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASŪLAKA
(*Tiṇasūlakattherāpadānaṃ*)

2027. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên Bhūtagaṇa. Ở tại nơi ấy có đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ, bậc Tách Ly Khỏi Thế Gian cư ngụ đơn độc.

2028. Tôi đã cầm lấy những bông hoa tiṇasūla và đã dâng lên đức Phật. Tôi không trở thành người bị rơi vào đọa xứ trong chín mươi chín ngàn kiếp.

2029. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị Dharaṇīruha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2030. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasūlaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasūlaka" là phần thứ bảy.

158. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA
(*Nāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2031. [Tôi đã là] vị Bà-la-môn thông thạo về chú thuật tên Suvaccha sống ở trong vùng đồi núi, được tùy tùng bởi các người học trò của mình.

2032. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

2033. Ngài [đã] đi kinh hành ở trên không trung, tương tợ y như thế Ngài [đã] phun khói, [đã] chói sáng. Sau khi nhận biết sự vui mừng ở tôi, Ngài đã ra đi, mặt hướng phía Đông.

2034. Sau khi nhìn thấy điều phi thường kỳ diệu khiến lông rởn ốc ấy, tôi đã cầm lấy bông hoa nāga và đã rải rắc ở con đường [Ngài] đã đi qua.

2035. [Kể từ khi] tôi đã rải rắc bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm tôi đã không đi đến khổ cảnh.

2036. [Trước đây] ba ngàn một trăm kiếp, tôi đã là đức Vua Mahāratha, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2037. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgapupphiya" là phần thứ tám.

---

[5] *Kadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kadamba."

[6] *Tiṇasūlaka* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa tiṇasūlaka."

[7] *Nāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nāga."

159. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA
(*Punnāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2038. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnāga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2039. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng lên đức Phật.

2040. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2041. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2042. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punnāgapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya" là phần thứ chín.

160. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDADĀYAKA
(*Kumudadāyakattherāpadānaṃ*)

2043. Ở không xa núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, được che phủ bởi các bông sen đỏ và sen xanh, được tràn ngập bởi các bông sen trắng.

2044. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài chim tên gọi kukuttha, có giới hạnh, được thành tựu trí sáng suốt, rành rẽ về phước và tội.

2045. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí đã lai vãng ở không xa hồ nước thiên nhiên.

2046. Tôi đã ngắt hoa súng trắng mọc ở trong nước và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Biết được ý định của tôi, bậc Đại Hiền Trí đã thọ nhận.

2047. Và sau khi đã dâng cúng vật thí ấy, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2048. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, tám vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Varuṇa này đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2049. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudadāyaka" là phần thứ mười.

---

[8] *Punnāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) punnāga."

[9] *Kumudadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) hoa súng trắng (*kumuda*)."

Phần tóm lược

Vị [có hoa] bandhujīvaka, vị có hoa màu nâu đỏ, [vị quét dọn] con đường đi, vị có hoa kakkāru, hoa mandārava, vị có hoa kadamba, vị có hoa tiṇasūla, vị có hoa nāga, hoa punnāga, vị có hoa komuda; [tổng cộng] có năm mươi sáu câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Bandhujīvaka là phẩm thứ mười sáu.

XVII. PHẨM SUPĀRICARIYA
(*SUPĀRICARIYAVAGGO*)

161. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPĀRICARIYA
(*Supāricariyattherāpadānaṃ*)

2050. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, vị Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn tên Paduma đã thuyết giảng giáo pháp.

2051. Đã có cuộc hội họp của các dạ-xoa ở không xa bậc Đại Ẩn Sĩ. Vì công việc ấy, các dạ-xoa đã đi đến và ngay lập tức đã xem xét.

2052. Nhận biết lời nói của đức Phật và sự thuyết giảng về bất tử, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã vỗ tay và đã phục vụ [Ngài].

2053. Quý vị hãy nhìn xem quả báo của việc phục vụ bậc Đạo Sư đã khéo được thực hành, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2054. Trước đây hai ngàn chín trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Samalaṅkata, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2055. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supāricariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supāricariya" là phần thứ nhất.

162. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆAVERAPUPPHIYA
(*Kaṇaverapupphiyattherāpadānaṃ*)

2056. Đức Thế Tôn tên Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các vị Thinh văn, đã bước đi ở trong thành phố.

2057. Tôi đã được vinh dự là người canh gác ở hậu cung của đức vua. Tôi đã đi đến gần tòa lâu đài và đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2058. Tôi đã cầm lấy bông hoa kaṇavera và đã rải rắc ở hội chúng Tỳ-khưu. Tôi đã thực hiện nhiều lần ở đức Phật, sau đó đã rải rắc nhiều hơn nữa.

2059. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2060. Trước đây tám mươi bảy kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahiddhika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2061. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇaverapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇaverapupphiya" là phần thứ nhì.

163. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAJJAKADĀYAKA
(*Khajjakadāyakattherāpadānaṃ*)

2062. Trước đây, tôi quả nhiên đã có dâng cúng trái cây đến đức Thế Tôn Tissa. Và tôi đã dâng lên trái dừa được công nhận là vật ăn được.

2063. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây ấy đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ Tissa, tôi được vui mừng là người đã làm xong việc theo như dự tính, tôi đã được tái sanh theo như ước muốn.

2064. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2065. Trước đây mười ba kiếp, tôi đã là đức Vua Indasama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2066. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khajjakadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khajjakadāyaka" là phần thứ ba.

164. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAPŪJAKA
(*Desapūjakattherāpadānaṃ*)

2067. Còn về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, Ngài bay lên bầu trời và di chuyển bằng đường không trung.

2068. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường đến bất cứ khu vực nào mà đấng Đạo Sư, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến và đứng lại ở khu vực ấy.

2069. [Kể từ khi] tôi đã nhìn thấy bậc Đại Hiền Trí [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường khu vực [đức Phật đã đứng].

2070. [Trước đây] một ngàn một trăm kiếp, [tôi đã là] vị tên Gosujāta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Desapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Desapūjaka" là phần thứ tư.

---

[1] *Kaṇaverapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇavera."

[2] *Khajjakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực để nhai (*khajjaka*)."

[3] *Desapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) khoảnh đất, vùng đất (*desa*)."

165. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆIKĀRACCHADANIYA
(*Kaṇikāracchadaniyattherāpadānaṃ*)

2072. Đấng Toàn Giác Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hiền Trí đã đi sâu vào khu rừng lớn cho việc nghỉ ngơi giữa ngày.

2073. Khi ấy, tôi đã thu nhặt bông hoa kaṇikāra và đã làm chiếc lọng che. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật.

2074. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2075. Trước đây hai mươi kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Soṇṇābha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2076. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇikāracchadaniya" là phần thứ năm.

166. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA
(*Sappidāyakattherāpadānaṃ*)

2077. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên Phussa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Anh Hùng, trong khi giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, Ngài [đã] đi ở trên đường.

2078. Theo tuần tự, đức Thế Tôn đã đi đến gần chỗ của tôi. Do đó, tôi đã nhận lấy bình bát và đã dâng cúng bơ lỏng, dầu ăn.

2079. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bơ lỏng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

2080. Trước đây năm mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Samodaka độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2081. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka" là phần thứ sáu.

167. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA
(*Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2082. Tôi [đã] di chuyển xuôi dòng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Tự Chủ ở tại nơi ấy tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

---

[4] *Kaṇikāracchadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*chadana*) bằng bông hoa kaṇikāra."

[5] *Sappidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*sappi*)."

2083. Tôi đã cầm lấy bông hoa yūthika và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2084. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2085. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, tôi đã là vị tên Samuddhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2086. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya" là phần thứ bảy.

168. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DUSSADĀYAKA
(*Dussadāyakattherāpadānaṃ*)

2087. Lúc bấy giờ, tôi đã là người con trai của đức vua ở thành phố Tivarā đáng yêu. Sau khi nhận được tặng phẩm, tôi đã dâng cúng đến bậc An Tịnh.

2088. Đức Thế Tôn đã chấp thuận và đã dùng bàn tay sờ vào tấm vải. Sau khi chấp thuận, [đức Phật] Siddhattha đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2089. Trong khi đức Phật đang đi, các tấm vải đã chạy theo phía sau của Ngài. Tại nơi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín; đức Phật là nhân vật cao cả của chúng ta.

2090. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

2091. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, khi ấy tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, là vị chúa tể của loài người tên Parisuddha, có oai lực lớn lao.

2092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dussadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dussadāyaka" là phần thứ tám.

169. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMĀDAPAKA
(*Samādapakattherāpadānaṃ*)

2093. Ở tại thành phố Bandhumatī, đã có hội chúng cư sĩ đông đảo. Tôi đã là người ưu tú trong số họ, và họ là các cộng sự viên của tôi.

2094. Sau khi tụ tập tất cả bọn họ lại, tôi đã khuyến khích về công việc phước thiện: "Chúng ta sẽ làm tràng hoa dâng đến hội chúng là phước điền tối thượng."

---

[6] *Yūthikāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) yūthika."

[7] *Dussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải (*dussa*)."

2095. Thuận theo mãnh lực của niềm ước muốn của tôi, họ đã đáp lại rằng: "Tốt lắm", và họ đã hoàn tất tràng hoa ấy. [Tôi đã nói rằng:] "Chúng ta hãy dâng đến [đức Phật] Vipassī."

2096. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tràng hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tràng hoa.

2097. Trước đây năm mươi chín kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng độc nhất tên Ādeyya, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2098. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Samādapaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Samādapaka" là phần thứ chín.

170. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAṄGULIYA
(*Pañcaṅguliyattherāpadānaṃ*)

2099. Đức Thế Tôn tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Hiền Trí, vị thiện xảo về việc an trú [thiền quả] đang đi vào hương thất.

2100. Tôi đã cầm lấy tràng hoa có hương thơm ngào ngạt và đã đi đến gần đấng Chiến Thắng. Chính vì không làm ồn đến đấng Toàn Giác, tôi đã dâng cúng một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2101. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên hương thơm trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một nhúm năm ngón tay [bông hoa].

2102. Trước đây bảy mươi hai kiếp, vị vua tên Sayampabha đã là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcaṅguliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcaṅguliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự phục vụ tốt, vị có bông hoa kaṇavera, vị có vật ăn được, vị cúng dường khu vực, bông hoa kaṇikāra, vị dâng cúng bơ lỏng, bông hoa yūthika, vị dâng cúng tấm vải, tràng hoa và một nhúm năm ngón tay; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Supāricariya là phẩm thứ mười bảy.

---

[8] *Pañcaṅguliya* nghĩa là "vị liên quan đến 1 nhúm 5 (*pañca*) ngón tay (*aṅgula*)."

XVIII. PHẨM KUMUDA
(*KUMUDAVAGGO*)

171. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA
(*Kumudamāliyattherāpadānaṃ*)

2104. Ở núi Hy-mã-lạp đã có hồ nước thiên nhiên rộng lớn. Là loài quỷ sứ đã được sanh ra ở tại nơi ấy, tôi đã có dáng vẻ rùng rợn, có sức mạnh lớn lao.

2105. Bông súng trắng ở tại nơi ấy trổ hoa. Chúng được sanh ra có kích thước bằng bánh xe. Tôi đã thu nhặt bông hoa ấy, và đã có sự gặp gỡ với bậc có năng lực vào lúc ấy.

2106. Về đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu, sau khi nhìn thấy bông hoa đã được gom lại, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

2107. Và khi bậc Toàn Giác, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã gặp Ngài; tôi đã cầm lấy bông hoa và đã dâng lên đức Phật.

2108. Khi ấy, hội chúng ấy đã trải dài đến tận cùng núi Hy-mã-lạp. Đức Như Lai đã đi đến, có được đầy đủ mái che cho toàn bộ hội chúng.

2109. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2110. Trước đây mười lăm kiếp, bảy vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Sahassaratha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2111. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudamāliya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudamāliya" là phần thứ nhất.

172. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NISSEṆIDĀYAKA
(*Nisseṇidāyakattherāpadānaṃ*)

2112. Tôi đã cho thực hiện cầu thang để bước lên tòa lâu đài của đức Thế Tôn Koṇḍañña, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

2113. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[1] *Kumudamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*māla*) kumuda."

2114. [Trước đây] ba mươi mốt ngàn kiếp, ba vị vua [cùng] tên Sambahula đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2115. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nisseṇidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nisseṇidāyaka" là phần thứ nhì.

173. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RATTIPUPPHIYA
(*Rattipupphiyattherāpadānaṃ*)

2116. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu.

2117. Sau khi nhìn thấy giống cây rattika [nở hoa ban đêm] có chứa dược liệu đã được trổ hoa, tôi đã thu hoạch bông hoa luôn cả cuống và đã dâng đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

2118. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2119. Và trước đây vào kiếp thứ tám, tôi đã là đức vua tên Suppasanna, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rattipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rattipupphiya" là phần thứ ba.

174. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAPĀNADĀYAKA
(*Udapānadāyakattherāpadānaṃ*)

2121. Tôi đã thực hiện cái giếng dành cho đức Thế Tôn Vipassī. Và khi ấy, sau khi dâng cúng đồ ăn khất thực, tôi đã dâng [cái giếng] đến Ngài.

2122. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái giếng.

2123. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udapānadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udapānadāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Nisseṇidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cầu thang (*nisseṇī*)."

[3] *Rattipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*māla*) nở vào ban đêm (*ratti*)."

[4] *Udapānadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái giếng (*udapāna*)."

175. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANADĀYAKA (*Sīhāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2124. Khi bậc Lãnh Đạo Padumuttara, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã Niết-bàn, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử.

2125. Tại nơi ấy, sau khi thực hiện sự cúng dường với nhiều vật thơm và tràng hoa đến Ngài là nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại, nhiều người thành tựu Niết-bàn.

2126. Sau khi đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2127. [Trước đây] mười lăm ngàn kiếp, tám vị vua [cùng] tên Siluccaya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2128. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanadāyaka" là phần thứ năm.

176. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGGADATTIKA (*Maggadattikattherāpadānaṃ*)

2129. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu đã đi kinh hành ở ngoài trời nhằm sự thoải mái [cho cơ thể] trong thời hiện tại.

2130. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và đã rải rắc những bông hoa. Các bông hoa đã rơi ở bàn chân được giở lên và ở trên đỉnh đầu.

2131. Trước đây hai mươi ngàn kiếp, năm người [cùng] tên Pupphacchadaniya đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2132. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maggadattika đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maggadattika" là phần thứ sáu.

177. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (*Ekadīpiyattherāpadānaṃ*)

2133. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng một ngọn đèn ở cây sa-la là cội Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Padumuttara.

2134. Trong khi [tôi] được sanh lên ở cõi hữu, sự tích lũy phước báu đã được sanh theo, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọn đèn.

2135. Trước đây một ngàn sáu trăm kiếp, bốn người [cùng] tên Candābha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

---

[5] *Sīhāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*)."

2136. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ chín).

178. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA (*Maṇipūjakattherāpadānaṃ*)

2137. Có con sông nhỏ đã phát xuất từ phần bên dưới của núi Hy-mã-lạp. Và lúc bấy giờ, bậc Tự Chủ cư ngụ ở phần đất cạnh bờ sông ấy.

2138. Tôi đã cầm lấy chiếc ghế bành làm bằng ngọc ma-ni có màu sắc xinh xắn, đáng yêu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

2139. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên ngọc ma-ni trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2140. Và trước đây mười hai kiếp, tám vị vua [cùng] tên Sataraṃsi ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2141. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maṇipūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maṇipūjaka" là phần thứ tám.

179. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKICCHAKA (*Tikicchakattherāpadānaṃ*)

2142. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người thầy thuốc khéo được học tập, là nguồn đem lại sự an lạc cho những bệnh nhân có sự khổ đau.

2143. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có giới hạnh, vô cùng sáng suốt, bị lâm bệnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng thuốc chữa bệnh.

2144. Chính nhờ thế, vị Sa-môn có giác quan thu thúc đã được lành bệnh. Người là vị hầu cận của [đức Phật] Vipassī, có tên là Asoka.

2145. Kể từ khi tôi đã dâng cúng phương thuốc trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh.

2146. Và trước đây vào kiếp thứ tám, [tôi đã là] vị tên Sabbosadha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2147. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikicchaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikicchaka" là phần thứ chín.

---

[6] *Ekadīpiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) ngọn đèn (*dīpa*)."

[7] *Tikicchaka* nghĩa là "vị thầy thuốc".

180. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṄGHUPAṬṬHĀKA
(*Saṅghupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2148. Vào thời kỳ đức Thế Tôn Vessabhū, tôi đã là người phụ việc tu viện. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã phục vụ hội chúng tối thượng.

2149. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2150. Trước đây vào kiếp thứ bảy, chính bảy vị [cùng tên] Samodaka ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2151. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saṅghupaṭṭhāka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông súng trắng, rồi vị có cầu thang, giống cây nở hoa về đêm, vị dâng cúng giếng nước, vị có bảo tọa sư tử, vị rải rắc [bông hoa] ở con đường, vị có một ngọn đèn, vị dâng lên ngọc ma-ni, vị y sĩ, vị phục vụ; [tổng cộng] có bốn mươi chín câu kệ.

Phẩm Kumuda là phẩm thứ mười tám.

[8] *Saṅghupaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) hội chúng (*saṅgha*)."

XIX. PHẨM KUṬAJAPUPPHIYA
(*KUṬAJAPUPPHIYAVAGGO*)

181. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA
(*Kuṭajapupphiyattherāpadānaṃ*)

2152. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác có màu da vàng chói tợ như mặt trời đã mọc lên đang quan sát phương hướng trong lúc đang di chuyển ở không trung.

2153. Sau khi nhìn thấy cây kuṭaja đã được trổ hoa, đã được phát tán ngang dọc, tôi đã ngắt lấy [bông hoa] từ trên cây và đã dâng lên [đức Phật] Phussa.

2154. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2155. Trước đây mười bảy kiếp, bảy vị [cùng tên] Pupphita đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2156. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭajapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭajapupphiya" là phần thứ nhất.

182. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BANDHUJĪVAKA
(*Bandhujīvakattherāpadānaṃ*)

2157. Đấng Toàn Giác, bậc Tự Chủ tên Siddhattha là vị đã được các bậc có đức hạnh ca ngợi. Được thành tựu về thiền định, Ngài đã ngồi ở trong vùng đồi núi.

2158. Trong khi tìm kiếm bông hoa tối thượng sanh trưởng ở trong nước tại hồ nước thiên nhiên, tôi đã nhìn thấy các bông hoa bandhujīvaka gần kề bên cạnh.

2159. Tôi đã nâng lên [các bông hoa] bằng cả hai tay và đã đi đến gần bậc Đại Hiền Trí. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên [đức Phật] Siddhattha.

2160. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

---

[1] *Kuṭajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kuṭaja."

2161. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng, là đấng Chuyển Luân Vương tên Samuddakappa, có oai lực lớn lao.

2162. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bandhujīvaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bandhujīvaka" là phần thứ nhì.

183. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬUMBARIYA
(*Koṭumbariyattherāpadānaṃ*)

2163. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật Sikhī] ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, tợ như biển cả không thể đo lường, giống như là quả địa cầu bao la.

2164. Tương tợ như loài bò mộng thuần chủng, Ngài được tôn vinh bởi hội chúng chư thiên. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

2165. Sau khi lấy ra bảy bông hoa đã được che phủ bằng tấm vải mịn, tôi đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2166. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2167. Trước đây hai mươi kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương độc nhất với tên là Mahānela, có quyền uy vĩ đại, có oai lực lớn lao.

2168. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koṭumbariya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koṭumbariya" là phần thứ ba.

184. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAÑCAHATTHIYA
(*Pañcahatthiyattherāpadānaṃ*)

2169. Đức Thế Tôn tên Tissa, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước đi ở trên đường lộ, được tháp tùng bởi các vị Thinh văn.

2170. Năm bó hoa sen và bốn bó nữa đã được tôi cất giữ. Có ý định dâng vật hiến cúng nhằm thành tựu công đức, tôi đã cầm [các bông hoa] lên.

2171. Trong lúc bậc Toàn Giác, đấng Tối Thượng Nhân, bậc có màu da vàng chói, đang đi ở khu phố chợ, được chiếu rọi bởi ánh hào quang của đức Phật, tôi đã cúng dường [bông hoa] đến Ngài.

---

[2] *Bandhujīvaka* nghĩa là "vị có bông hoa bandhujīvaka."

[3] *Koṭumbariya* nghĩa là "vị liên quan đến tấm vải mịn koṭumbara."

2172. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2173. Trước đây mười ba kiếp, năm vị được gọi tên là Usabha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2174. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pañcahatthiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pañcahatthiya" là phần thứ tư.

185. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ISIMUGGADĀYAKA
(*Isimuggadāyakattherāpadānaṃ*)

2175. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

2176. Tôi đã nghiền các hạt đậu tây ở trong mật viên tinh khiết. Trong khi đứng ở ngay tại tòa lâu đài, tôi đã dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2177. Đã hiện diện tám trăm ngàn vị Thinh văn của đức Phật. Món ấy dầu được tràn đầy bình bát của tất cả các vị, mà vẫn còn nhiều hơn thế nữa.

2178. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2179. Trong bốn mươi ngàn kiếp, ba mươi tám người ấy có [cùng] tên là Isimugga, họ đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2180. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Isimuggadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Isimuggadāyaka" là phần thứ năm.

186. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHI-UPAṬṬHĀKA
(*Bodhi-upaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2181. Tôi đã là người sử dụng chiếc trống con ở thành phố Rammavatī. Thường xuyên bận rộn với công việc phục vụ, tôi đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng.

2182. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã phục vụ sáng chiều, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một ngàn tám trăm kiếp.

2183. Trước đây một ngàn năm trăm kiếp, tôi đã là vị thống lãnh dân chúng tên Muraja, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2184. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[4] *Pañcahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến năm (*pañca*) bó (*hattha*) hoa."

[5] *Isimuggadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đậu tây (*isimugga*)."

Đại đức Trưởng lão Bodhi-upaṭṭhāka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhi-upaṭṭhāka" là phần thứ sáu.

187. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACINTIKA (*Ekacintikattherāpadānaṃ*)

2185. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng:

2186. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp.

2187. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố, và không bị dao động cho đến hết cuộc đời."

2188. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh.

2189. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh."

2190. Do lòng thương tưởng này, khi biết vị thiên nhân đang mệnh chung, chư thiên thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa."

2191. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bị mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?"

2192. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, nên đã đi đến gặp tôi.

2193. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumana. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động.

2194. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

2195. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2196. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacintika[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacintika" là phần thứ bảy.

188. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKAṆṆIPUPPHIYA (*Tikaṇṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

2197. Trong khi là vị thiên nhân, tôi đã được các tiên nữ trọng vọng. Tôi đã nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã nhớ đến đức Phật tối thượng.

---

[6] *Bodhi-upaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

[7] *Ekacintika* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy nghĩ (*cintika*)."

2198. Sau khi lấy ra bông hoa tikaṇṇi, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín và đã dâng lên đức Phật Vipassī, đấng Nhân Ngưu.

2199. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2200. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng] tên Ramuttama đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2201. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikaṇṇipupphiya" là phần thứ tám.

189. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACĀRIYA (*Ekacāriyattherāpadānaṃ*)

2202. Lúc bấy giờ, đã xảy âm thanh ầm ĩ ở chư thiên cõi trời Đạo-lợi rằng: "Đức Phật Niết-bàn ở thế gian, và chúng ta vẫn còn tham ái."

2203. Chư thiên ấy đã bị khơi dậy bởi nỗi niềm chấn động, đã bị chiếm hữu bởi mũi tên sầu muộn. Được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, tôi đã đi đến gần bên đức Phật.

2204. Tôi đã cầm lấy bông hoa mandārava mềm mại đã được hóa hiện ra, tôi đã dâng lên đức Phật vào thời điểm viên tịch Niết-bàn.

2205. Khi ấy, tất cả chư thiên và các tiên nữ đã tùy hỷ với tôi. Tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2206. Trước đây sáu mươi ngàn kiếp, mười sáu người [cùng] tên Mahāmallajana ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2207. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacāriya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacāriya" là phần thứ chín.

190. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIVAṆṬIPUPPHIYA (*Tivaṇṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

2208. Bị [phiền não] chế ngự, tất cả các vị ấy đã cùng nhau đi đến gặp tôi và tham thiền. Trong khi các vị ấy đang tham thiền, họ đã có sự bực bội khởi lên.

2209. Lúc bấy giờ, vị có tên Sunanda, Thinh văn của đức Phật, bậc Hiền Trí Dhammadassī đã đi đến gặp tôi.

2210. Khi ấy, những người nào đã có sự sinh hoạt gắn bó với tôi, những người ấy đã dâng cúng bông hoa đến tôi. Tôi đã cầm lấy bông hoa ấy và đã dâng lên vị Thinh văn.

---

[8] *Tikaṇṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tikaṇṇi."

[9] *Ekacāriya* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) hành xử (*cāriya*)."

2211. Tôi đây đã qua đời và cũng đã tái sanh ở tại nơi ấy lần nữa. Tôi đã không đi đến đọa xứ trong một ngàn tám trăm kiếp.

2212. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, tám vị [cùng] tên Dhūmaketu đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2213. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tivaṇṭipupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kuṭaja, vị có bông hoa bandhujīva, bông hoa koṭumbara, bó bông hoa, hạt đậu tây, cội Bồ-đề, vị có một lần suy nghĩ, vị có bông hoa tikaṇṇi, vị có một lần hành xử, bông hoa tivaṇṭi; [tổng cộng] có sáu mươi hai câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Kuṭajapupphiya là phẩm thứ mười chín.

[10] *Tivaṇṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tivaṇṭi."

XX. PHẨM TAMĀLAPUPPHIYA
(*TAMĀLAPUPPHIYAVAGGO*)

191. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TAMĀLAPUPPHIYA
(*Tamālapupphiyattherāpadānaṃ*)

2214. Tòa lâu đài với tám mươi bốn ngàn cột trụ làm bằng vàng đã khéo được hóa hiện ra cho tôi, tợ như [phép mầu do] cây như ý của chư thiên.

2215. Với tâm ý trong sạch, tôi đã cầm lấy bông hoa tamāla và đã dâng lên đức Phật Sikhī, là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2216. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2217. Trước đây hai mươi kiếp, chỉ một mình [tôi] có tên Candatitta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tamālapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tamālapupphiya" là phần thứ nhất.

192. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASANTHARADĀYAKA
(*Tiṇasantharadāyakattherāpadānaṃ*)

2219. Cỏ mà vị Ẩn sĩ sống ở trong rừng [đã] cắt cho bậc Đạo Sư, tất cả cỏ ấy đã ngã xuống ở trên mặt đất, nghiêng về phía phải.

2220. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cỏ ấy và đã trải ra ở phần cao nhất của mặt đất. Và tôi đã mang lại chỉ ba lá cây thốt nốt.

2221. Sau khi làm mái che bằng cỏ, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha. Chư thiên và nhân loại đã duy trì [mái che] cho bậc Đạo Sư ấy trong bảy ngày.

2222. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cỏ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cỏ.

2223. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, bốn vị [cùng] tên Mahaddhana đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[1] *Tamālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) tamāla."

2224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasantharadāyaka" là phần thứ nhì.

193. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KHAṆḌAPHULLIYA
(*Khaṇḍaphulliyattherāpadānaṃ*)

2225. Lúc bấy giờ, ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Phussa ở trong khu rừng bao la đã bị phá sập bởi các con voi, có cây cối đã mọc lên ở nơi ấy.

2226. Được vui lòng với các đức hạnh của bậc Thầy của tam giới ấy, tôi đã san bằng chỗ lồi lõm và đã dâng cúng khối vôi bột.

2227. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khối vôi bột.

2228. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng] tên Jitasena đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2229. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Khaṇḍaphulliya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Khaṇḍaphulliya" là phần thứ ba.

194. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ASOKAPŪJAKA
(*Asokapūjakattherāpadānaṃ*)

2230. Lúc bấy giờ, ở thành phố Tīvarā đáng yêu đã có khu vườn thượng uyển. Ở tại nơi ấy, tôi đã là người giữ vườn, có sự sinh hoạt gắn bó với đức vua.

2231. Đấng Tự Chủ tên Paduma đã là vị có hào quang. Khi bậc Hiền Trí ấy ngồi ở nơi cây sen trắng, bóng râm đã không rời khỏi Ngài.

2232. Sau khi nhìn thấy cây asoka đã được trổ hoa, nặng trĩu từng chùm, có dáng nhìn xinh đẹp, tôi đã dâng lên đức Phật có tên là Padumuttara.

2233. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2234. Trước đây ba mươi bảy kiếp, mười sáu vị [cùng tên] Aruṇañjaha đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2235. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Tiṇasantharadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm thảm (*santhara*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

Đại đức Trưởng lão Asokapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Asokapūjaka" là phần thứ tư.

195. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAKA (*Aṅkolakattherāpadānaṃ*)

2236. Sau khi nhìn thấy cây aṅkola với chùm hoa cao quý có lớp vỏ bọc đã được trổ hoa, tôi đã hái xuống bông hoa ấy và đã đi đến gặp đức Phật.

2237. Vào thời điểm ấy, bậc Đại Hiền Trí Siddhattha có sự ẩn cư. Sau khi bày tỏ sự tôn kính trong chốc lát, tôi đã rải rắc bông hoa ở nơi hang động.

2238. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2239. Trước đây ba mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị Devagajjita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolaka" là phần thứ năm.

196. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KISALAYAPŪJAKA (*Kisalayapūjakattherāpadānaṃ*)

2241. Tôi đã có một vườn hoa ở thành phố Dvāravatī. Và có giếng nước ở ngay tại nơi ấy là nguồn cung cấp [nước] cho các loài thực vật.

2242. Có lòng thương tưởng đến tôi, vị Siddhattha không bị đánh bại ấy, được hỗ trợ bằng năng lực của chính mình, đi đến ở trên không trung.

2243. Tôi không nhìn thấy bất cứ vật nào khác đáng để cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi nhìn thấy chồi non của cây asoka, tôi đã thảy [chồi non ấy] lên không trung.

2244. Trong khi đức Phật đang di chuyển, các chồi non ấy đi theo phía sau của Ngài. Tôi đây sau khi đã nhìn thấy thần thông ấy [đã tán dương rằng]: "Ôi, tính chất cao thượng của đức Phật!"

2245. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chồi non trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2246. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị Ekassara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2247. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Asokapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa asoka."

[4] *Aṅkolaka* nghĩa là "vị có bông hoa aṅkola."

Đại đức Trưởng lão Kisalayapūjaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kisalayapūjaka" là phần thứ sáu.

197. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKADĀYAKA
(*Tindukadāyakattherāpadānaṃ*)

2248. Tôi đã là con khỉ có sức mạnh và nhanh nhẹn, thường lai vãng ở nơi hiểm trở của ngọn núi. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

2249. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã lìa khỏi [chỗ ngụ] vài ngày và đã xem xét đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc đã đi đến tận cùng ba cõi.

2250. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Vô Thượng Ở Thế Gian cùng với một ngàn bậc Vô lậu đã đi đến gần tôi.

2251. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đi đến gần, có trái cây ở tay. Đức Thế Tôn, đấng Toàn Tri, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã thọ nhận.

2252. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2253. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị có tên Upananda, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2254. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tindukadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tindukadāyaka" là phần thứ bảy.

198. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MUṬṬHIPŪJAKA
(*Muṭṭhipūjakattherāpadānaṃ*)

2255. Vì lòng thương tưởng hậu thế, đức Thế Tôn tên Sumedha, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, đấng Chiến Thắng đã ra sức nỗ lực.

2256. Trong khi bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy đang đi kinh hành, tôi đã dâng lên đức Phật nắm tay gồm những bông hoa girinela.

2257. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã không bị đọa vào khổ cảnh trong ba mươi ngàn kiếp.

2258. Trong hai ngàn ba trăm kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Sunela, là người độc nhất được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2259. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Kisalayapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) các chồi non (*kisalaya*)."

[6] *Tindukadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây tinduka."

Đại đức Trưởng lão Muṭṭhipūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Muṭṭhipūjaka" là phần thứ tám.

199. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṄKAṆIPUPPHIYA
(*Kiṅkaṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

2260. Đấng Tự Chủ tên Sumaṅgala, bậc Không Bị Đánh Bại, đấng Chiến Thắng đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi vào thành phố.

2261. Sau khi thực hành việc đi khất thực, bậc Hiền Trí đã lìa khỏi thành phố. Có phận sự đã được làm xong, bậc Toàn Giác ấy đã cư ngụ ở trong khu rừng.

2262. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṅkaṇi và đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

2263. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2264. Trước đây tám mươi sáu kiếp, [tôi đã là] vị tên Apilāpiya, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2265. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṅkaṇipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṅkaṇipupphiya" là phần thứ chín.

200. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YŪTHIKĀPUPPHIYA
(*Yūthikāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2266. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã rời khỏi khu rừng bao la và đã đi đến trú xá.

2267. Sau khi cầm lấy bông hoa yūthika tối thượng bằng cả hai tay, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc có tâm từ ái như thế ấy.

2268. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu và đã không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

2269. Trước đây năm mươi kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Samittanandana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yūthikāpupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yūthikāpupphiya" là phần thứ mười.

---

[7] *Muṭṭhipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nắm (*muṭṭhi*) bông hoa."

[8] *Kiṅkaṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṅkaṇi."

[9] *Yūthikāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) yūthikā."

Phần tóm lược

Vị có bông hoa tamāla, thảm trải bằng cỏ, vị khám phá sự đổ vỡ, vị liên quan đến bông hoa asoka, vị có bông hoa aṅkola, chồi non, trái cây tinduka, các bông hoa nela, vị có bông hoa kiṅkaṇi, vị có bông hoa yūthikā; [tổng cộng] có năm mươi tám câu kệ.

Phẩm Tamālapupphiya là phẩm thứ hai mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Vị dâng cúng thức ăn, [vị có] đoàn tùy tùng, bông hoa sereyya, Trưởng lão Sobhita là tương tợ, vị có chiếc lọng che, bông hoa bandhujīva, vị có sự phục vụ khéo léo, bông hoa kumuda, bông hoa kuṭaja và luôn cả vị có bông hoa tamāla đã được thực hiện là thứ mười. Có sáu trăm câu kệ và sáu mươi sáu câu thêm vào đó.

Nhóm "Mười" từ phẩm Bhikkhā.

Nhóm "Một trăm" thứ nhì được đầy đủ.

XXI. PHẨM KAṆIKĀRAPUPPHIYA
(*KAṆIKĀRAPUPPHIYAVAGGO*)

201. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṆIKĀRAPUPPHIYA
(*Kaṇikārapupphiyattherāpadānaṃ*)

2271. Sau khi nhìn thấy cây kaṇikāra đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã hái xuống [bông hoa] và đã dâng lên [đức Phật] Tissa, bậc đã vượt qua dòng lũ như thế ấy.

2272. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2273. Trước đây ba mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aruṇapāṇī, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2274. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṇikārapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṇikārapupphiya" là phần thứ nhất.

202. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MINELAPUPPHIYA
(*Minelapupphiyattherāpadānaṃ*)

2275. Đức Thế Tôn Sikhī hùng tráng có màu da vàng chói, có trăm ánh hào quang, có sự huy hoàng, có tâm từ ái, đã bước lên con đường kinh hành.

2276. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, sau khi đảnh lễ bậc có trí tuệ tối thượng, tôi đã cầm lấy bông hoa minela và đã dâng lên đức Phật.

2277. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2278. Vào kiếp [thứ] hai mươi chín, [tôi đã là] vị tên Sumedhayasa, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2279. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Minelapupphiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Minelapupphiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Kaṇikārapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kaṇikāra."

[2] *Minelapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) minela."

203. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṄKIṆIKAPUPPHIYA (*Kiṅkiṇikapupphiyattherāpadānaṃ*)

2280. Bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian [sáng chói] trông tợ như cây cột trụ bằng vàng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã lội xuống hồ nước lạnh và đã tắm.

2281. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa kiṅkiṇi và đã dâng lên [đức Phật] Vipassassī, đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2282. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2283. Vào kiếp [thứ] hai mươi bảy, [tôi đã là] đức Vua Bhīmaratha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2284. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṅkiṇikapupphiya" là phần thứ ba.

204. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

2285. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Nhân Ngưu dẫn đầu các bậc Thinh văn đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

2286. Sông Gaṅgā đã tràn nước đến mé bờ khiến loài quạ có thể uống được, khó có thể vượt qua. Tôi đã đưa đức Phật, bậc Tối Thượng Của Loài Người, cùng với hội chúng Tỳ-khưu sang sông.

2287. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2288. Trước đây một ngàn ba trăm kiếp, năm vị [cùng tên] Sabbhogavā đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2289. Và trong kiếp sống cuối cùng này, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn. Cùng với ba người bạn, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của bậc Đạo Sư.

Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ tư.

---

[3] *Kiṅkiṇikapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṅkiṇi."

[4] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông."

205. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUṆḌIPUPPHIYA
(*Niggaṇḍipupphiyattherāpadānaṃ*)

2290. Tôi đã là người phụ việc tu viện của đức Thế Tôn Vipassī. Tôi đã cầm lấy bông hoa niggaṇḍi và đã dâng lên đức Phật.

2291. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2292. Trước đây ba mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2293. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Niggaṇḍipupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Niggaṇḍipupphiya" là phần thứ năm.

206. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA
(*Udakadāyakattherāpadānaṃ*)

2294. Sau khi nhìn thấy vị Sa-môn có tâm ý thanh tịnh, không bị chộn rộn, đang thọ thực, tôi đã cầm lấy bình nước và đã dâng cúng đến [đức Phật] Siddhattha.

2295. Giờ đây, tôi không còn bợn nhơ, được xa lìa ô nhiễm, sự hoài nghi đã được đoạn tận. Trong khi sanh lên ở cõi hữu, quả báo tốt đẹp phát sanh [đến tôi].

2296. Kể từ khi tôi đã cúng dường nước trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước.

2297. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Vimala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakadāyaka" là phần thứ sáu.

207. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMĀLIYA
(*Salalamāliyattherāpadānaṃ*)

2299. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Điều Phục Nhân Siddhattha ngồi ở trong vùng đồi núi đang chói sáng như là cây kaṇikāra, đang làm cho tất cả các phương rực sáng.

---

[5] *Niggaṇḍipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) niggaṇḍi."

[6] *Udakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*)."

2300. Khi ấy, không do dự tôi đã dùng cây cung và đã giương lên mũi tên. Sau khi đã cắt đứt bông hoa có luôn cả cuống, tôi đã dâng lên đức Phật.

2301. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2302. Trước đây năm mươi mốt kiếp, tôi đã là [vị có tên] Jutindhara độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalamāliya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalamāliya" là phần thứ bảy.

208. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORAṆḌAPUPPHIYA
(*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

2304. Trong khi đi theo sau từng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, tôi đã nhìn thấy bàn chân đang bước đi được điểm tô dấu hiệu hình bánh xe [của Ngài].

2305. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa đã được trổ hoa, tôi đã cúng dường [bông hoa] ở dấu chân [Ngài]. Trở nên mừng rỡ, tôi đã đảnh lễ dấu chân tối thượng với tâm mừng rỡ.

2306. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân [đức Phật].

2307. Vào kiếp thứ bảy mươi lăm, tôi đã là Vītamala độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2308. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya" là phần thứ tám.

209. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀDHĀRADĀYAKA
(*Ādhāradāyakattherāpadānaṃ*)

2309. Chân đế bình bát đã được tôi cúng dường đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Tôi cai quản toàn bộ trái đất này cùng với tất cả tài nguyên.

2310. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

---

[7] *Salalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm hoa (*mālā*) salala."

[8] *Koraṇḍapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa."

2311. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bốn người [cùng] tên Samantacaraṇa đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2312. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ādhāradāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ādhāradāyaka" là phần thứ chín.

210. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀTĀTAPANIVĀRIYA
(*Vātātapanivāriyattherāpadānaṃ*)

2313. Tôi đã cúng dường một chiếc lọng đến đức Thế Tôn Tissa, vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, với tâm ý trong sạch.

2314. Điều ác xấu của tôi được chặn đứng, có sự thành tựu của điều thiện. [Chư thiên] nắm giữ chiếc lọng ở không trung [che cho tôi], điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2315. [Đây là] lần sau cùng của tôi trong sự luân chuyển, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

2317. Trước đây bảy mươi hai kiếp, tám bậc thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahānidāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2318. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vātātapanivāriya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vātātapanivāriya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kaṇikāra, bông hoa minela, bông hoa kiṅkiṇi, với sự vượt qua, vị có bông hoa niggaṇḍi, vị cúng dường nước, bông hoa salala, bông hoa kuraṇḍaka, [vị dâng cúng] chân đế bình bát, lọng che nắng; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ.

Phẩm Kaṇikārapupphiya là phẩm thứ hai mươi mốt.

---

[9] *Ādhāradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chân đế (*ādhāra*) bình bát."

[10] *Vātātapanivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến vật ngăn cản (*nivāraṇa*) gió (*vāta*) và sức nóng (*ātapa*)."

XXII. PHẨM HATTHI
(*HATTHIVAGGO*)

211. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HATTHIDĀYAKA
(*Hatthidāyakattherāpadānaṃ*)

2319. Con voi hạng nhất có ngà dài như gọng xe, vững chãi, đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2320. Tôi thọ hưởng mục đích tối thượng là trạng thái an tịnh vô thượng. Vật thí cao quý đã được tôi dâng cúng đến vị tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian.

2321. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con voi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con voi.

2322. Vào kiếp [thứ] bảy mươi tám, mười sáu vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samantapāsādika đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2323. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hatthidāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hatthidāyaka" là phần thứ nhất.

212. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA
(*Pānadhidāyakattherāpadānaṃ*)

2324. Tôi đã dâng cúng đôi dép đến vị Ẩn sĩ già cả, sống ở rừng, có sự khổ hạnh dài lâu, có nội tâm đã được phát triển.

2325. Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con thọ hưởng mọi phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2326. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2327. Trước đây bảy mươi bảy kiếp, tám vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Suyāna đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2328. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Hatthidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) con voi (*hatthi*)."

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pānadhidāyaka" là phần thứ nhì.

213. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SACCASAÑÑAKA
(*Saccasaññakattherāpadānaṃ*)

2329. Vào lúc ấy, trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn, [đức Phật] Vessabhū, đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu, [đã] thuyết giảng về các chân lý cao thượng.

2330. Là người thành tựu tâm bi mẫn cao tột, tôi đã đi đến cuộc hội họp. Ngồi xuống, an tịnh, tôi đây đã lắng nghe giáo pháp của bậc Đạo Sư.

2331. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên. Tôi đã cư ngụ giữa chư thiên trong thành phố ở tại nơi ấy ba mươi kiếp.

2332. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về chân lý.

2333. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Ekaphusita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2334. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saccasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saccasaññaka" là phần thứ ba.

214. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAÑÑAKA
(*Ekasaññakattherāpadānaṃ*)

2335. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

2336. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2337. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Amitābha, là đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2338. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaññaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Pānadhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*pānadhi*)."

[3] *Saccasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về chân lý (*sacca*)."

[4] *Ekasaññaka* nghĩa là "vị có một lần (*eka*) suy tưởng (*saññā*)."

215. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RAṂSISAÑÑAKA (*Raṃsisaññakattherāpadānaṃ*)

2339. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu trắng, tợ như con hổ hùng tráng cao quý khéo được sanh ra, [đang ngồi] ở trong vùng đồi núi.

2340. Năng lực ấy của đức Phật chói sáng ở trong vùng đồi núi. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở ánh hào quang, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2341. Do nhờ sự tịnh tín ấy ở trong tâm và cũng nhờ vào sự niệm tưởng đến đức Phật, việc thiện đã được tôi thực hiện tốt đẹp trong các kiếp còn lại.

2342. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2343. Vào kiếp thứ năm mươi bảy, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sujāta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2344. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Raṃsisaññaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Raṃsisaññaka" là phần thứ năm.

216. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAṆṬHITA (*Saṇṭhitattherāpadānaṃ*)

2345. Ở tại cội cây assattha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh lục, tôi đã đạt được sự suy tưởng thuần túy hướng đến đức Phật, có niệm [đầy đủ].

2346. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, do nhờ tác động của sự suy tưởng ấy, sự đoạn tận các lậu hoặc đã được tôi đạt đến.

2347. Trước đây mười ba kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Dhaniṭṭha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2348. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saṇṭhita[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saṇṭhita" là phần thứ sáu.

217. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAVAṆṬADĀYAKA (*Tālavaṇṭadāyakattherāpadānaṃ*)

2349. Chiếc quạt lá cọ đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời Tissa nhằm mục đích dập tắt sự nóng nực và làm lắng dịu sự bực bội.

---

[5] *Raṃsisaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) đến hào quang (*raṃsi*) của đức Phật."

[6] *Saṇṭhita* nghĩa là "vị (có sự suy tưởng) đã được bền vững (*saṇṭhita*)."

2350. Tôi tự mình dập tắt ngọn lửa tham ái và đặc biệt hơn nữa là ngọn lửa sân hận. Và tôi dập tắt ngọn lửa si mê; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ.

2351. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2352. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2353. Trước đây sáu mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Mahānāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2354. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tālavaṇṭadāyaka" là phần thứ bảy.

218. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKANTASAÑÑAKA
(*Akkantasaññakattherāpadānaṃ*)

2355. Sau khi cầm lấy tấm vải choàng thô xấu, tôi đã [đi đến] thành phố của vị thầy tế độ. Và tôi học tập về chú thuật làm bẻ gãy mũi tên.

2356. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Là bậc ưu tú, cao quý, tột đỉnh, đức Phật Tissa là bậc Tối Thượng của đám đông.

2357. Khi tấm vải choàng thô xấu được trải ra, đấng Tối Thượng Nhân, bậc Đại Hùng, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu trong khi bước đi đã đặt chân lên [tấm vải choàng].

2358. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian ấy tợ như mặt trăng không bị bợn nhơ, với tâm ý trong sạch tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

2359. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải choàng thô xấu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải choàng thô xấu.

2360. Trước đây ba mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Sunanda, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2361. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkantasaññaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Akkantasaññaka" là phần thứ tám.

219. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPPIDĀYAKA
(*Sappidāyakattherāpadānaṃ*)

2362. Ngồi ở nơi cao quý của tòa lâu đài, được trọng vọng bởi đám phụ nữ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn bị lâm bệnh và đã thỉnh vào trong nhà.

2363. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi vào, tôi đã dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến bậc Đại Ẩn sĩ Siddhattha.

2364. Sau khi nhìn thấy sự mệt nhọc đã được lắng xuống, khuôn mặt và giác quan đã được rạng rỡ, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ngợi ca ở phía trước Ngài.

2365. Là bậc đã đạt đến sự toàn hảo về thần thông, sau khi nhìn thấy tôi có nội tâm đã khéo được tịnh tín, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

2366. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn.

2367. Trước đây mười bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Jutideva, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2368. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sappidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sappidāyaka" là phần thứ chín.

220. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀPANIVĀRIYA
(*Pāpanivāriyattherāpadānaṃ*)

2369. Con đường kinh hành của đức Thế Tôn Piyadassī đã được tôi làm sạch sẽ, được che bởi những cây sậy, có sự ngăn cản gió và sức nóng.

2370. Tôi đã nỗ lực trong giáo pháp của bậc Đạo Sư nhằm mục đích lánh xa điều ác, nhằm sự thành tựu việc thiện, nhằm sự dứt bỏ các điều ô nhiễm.

2371. Trước đây mười một kiếp, [tôi đã là] vị nổi danh tên Aggideva, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāpanivāriya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāpanivāriya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

[Vị cúng dường] con voi, đôi dép, [vị suy tưởng về] chân lý, các hào quang, [vị có sự suy tưởng] đã được bền vững, vị có cây quạt lá cọ, tương tợ là vị suy tưởng về việc [đức Phật] đã bước lên, bơ lỏng, vị có sự ngăn cản điều ác; [tổng cộng] có năm mươi bốn câu kệ.

Phẩm Hatthi là phẩm thứ hai mươi hai.

---

[7] *Sappidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*sappi*)."

[8] *Pāpanivāriya* nghĩa là "vị liên quan đến vật ngăn chặn (*nivāraṇa*) điều ác (*pāpa*)."

XXIII. PHẨM ĀLAMBANADĀYAKA
(*ĀLAMBANADĀYAKAVAGGO*)

221. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLAMBANADĀYAKA
(*Ālambanadāyakattherāpadānaṃ*)

2373. Vật tựa [lưng] đã được tôi dâng cúng đến đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2374. Tôi cai quản trái đất bao la bao gồm biển cả và tôi thực hiện quyền lãnh đạo đối với các sanh mạng ở trên trái đất.

2375. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

2376. Trước đây sáu mươi hai kiếp, ba vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Ekāpassita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2377. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ālambanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ālambanadāyaka" là phần thứ nhất.

222. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJINADĀYAKA
(*Ajinadāyakattherāpadānaṃ*)

2378. Trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi đã là bậc thầy của đám đông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2379-80. Mảnh da thú đã được tôi dâng cúng đến đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Sikhī. Nhờ vào việc làm ấy ở đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi duy trì thân mạng cuối cùng ở giáo pháp của đấng Chánh Đẳng Giác.

2381. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm da dê trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm da dê.

2382. Trước đây vào kiếp thứ năm, tôi đã là đức Vua Sudāyaka, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[1] *Ālambanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật tựa lưng (*ālambana*)."

2383. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajinadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajinadāyaka" là phần thứ nhì.

223. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DVIRATANIYA
(*Dviratanīyattherāpadānaṃ*)

2384. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng.

2385. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī một lát thịt. Tôi được thiết lập làm vị chúa tể ở thế gian luôn cả chư thiên.

2386. Do nhờ sự dâng cúng lát thịt này, châu báu sanh lên cho tôi. Hai loại châu báu này ở thế gian đưa đến sự thành tựu của đời hiện tại.

2387. Tôi thọ hưởng tất cả các thứ ấy nhờ vào năng lực của sự dâng cúng lát thịt. Thân thể của tôi mềm mại, trí tuệ của tôi có sự nhận biết vi tế.

2388. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng lát thịt trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lát thịt.

2389. Trước đây vào kiếp thứ tư, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng. Vị ấy tên là Mahārohita, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dviratanīya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dviratanīya" là phần thứ ba.

(Dứt tụng phẩm thứ mười).

224. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA
(*Ārakkhadāyakattherāpadānaṃ*)

2391. Tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn đến đức Thế Tôn Siddhattha. Và tôi đã dâng cúng sự bảo vệ đến đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

2392. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và sự hãi sợ. Khi được sanh lên ở bất cứ đâu, sự run sợ của tôi là không được biết đến.

2393. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2394. Trước đây vào kiếp thứ sáu, [tôi đã là] vị tên Apassena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[2] *Ajinadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm da dê (*ajina*)."

[3] *Dviratanīya* nghĩa là "vị liên quan đến hai (*dvi*) loại châu báu (*ratana*)."

2395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārakkhadāyaka" là phần thứ tư.

225. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVYĀDHIKA
(*Avyādhikattherāpadānaṃ*)

2396. Tôi đã dâng cúng gian nhà sưởi ấm đến đức Thế Tôn Vipassī, chỗ trú ngụ và bình chứa nước nóng đến những người bị bệnh.

2397. Do việc làm ấy, thân thể của tôi đã được tạo thành tốt đẹp, tôi không còn biết đến bệnh tật; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

2398. Kể từ khi tôi đã dâng cúng gian nhà trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gian nhà sưởi ấm.

2399. Trước đây vào kiếp thứ bảy, tôi đã là vị tên Aparājita độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2400. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avyādhika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avyādhika" là phần thứ năm.

226. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAPUPPHIYA
(*Aṅkolapupphiyattherāpadānaṃ*)

2401. Nārada là tên của tôi, [mọi người] biết đến tôi là Kassapa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị đứng đầu trong số các Sa-môn, được chư thiên tôn kính.

2402. Đức Phật có các tướng mạo phụ là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng. Tôi đã cầm lấy bông hoa aṅkola và đã dâng lên đức Phật.

2403. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2404. Trước đây bảy mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Romasa, có sự trang sức với ngọc trai và tràng hoa, có binh lực và phương tiện di chuyển xứng đáng.

2405. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolapupphiya" là phần thứ sáu.

---

[4] *Ārakkhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sự bảo vệ (*ārakkha*)."

[5] *Avyādhika* nghĩa là "vị không có bệnh tật (*vyādhi*)."

[6] *Aṅkolapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aṅkola."

227. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOVAṆṆAVAṬAṂSAKIYA
(*Sovaṇṇavaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

2406. Trong khi đi ra khu vực vườn hoa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy vòng hoa đội đầu bằng vàng được kiến tạo khéo léo.

2407. Cỡi trên lưng của con voi, tôi đã mau chóng từ nơi ấy leo xuống và đã dâng lên đức Phật Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2408. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2409. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Mahāpatāpa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2410. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṃsakiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇavaṭaṃsakiya" là phần thứ bảy.

228. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MIÑJAVAṬAṂSAKIYA
(*Miñjavaṭaṃsakiyattherāpadānaṃ*)

2411. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian Sikhī, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã Niết-bàn, tôi đã thực hiện việc cúng dường cội Bồ-đề với những vòng hoa đội đầu được xếp đặt các nơi.

2412. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc cúng dường trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

2413. Trước đây hai mươi sáu kiếp, tôi đã là vị tên Meghabbha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2414. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Miñjavaṭaṃsakiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Miñjavaṭaṃsakiya" là phần thứ tám.

229. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUKATĀVELIYA
(*Sukatāveliyattherāpadānaṃ*)

2415. Lúc bấy giờ, tôi đã là người làm tràng hoa tên Asita. Sau khi chọn lấy vòng hoa đội đầu, tôi đã ra đi để dâng lên đức vua.

2416. Khi chưa gặp được đức vua, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Sikhī. Được mừng rỡ, tôi đã dâng [vòng hoa] lên đức Phật với tâm mừng rỡ.

---

[7] *Sovaṇṇavaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*) bằng vàng (*sovaṇṇa*)."

[8] *Miñjavaṭaṃsakiya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*vaṭaṃsaka*) bằng ruột cây (*miñja*)."

2417. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2418. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị vua có oai lực lớn lao tên Vebhāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sukatāveliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sukatāveliya" là phần thứ chín.

230. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVANDIYA
(*Ekavandiyattherāpadānaṃ*)

2420. Đấng Anh Hùng Vessabhū là bậc ưu tú, cao quý trong số các vị thắng trận. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

2421. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2422. [Trước đây] hai mươi bốn kiếp, [tôi đã là] vị tên Vigatānanda, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2423. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavandiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekavandiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vật tựa [lưng], tấm da dê, vị dâng cúng thịt, vị thí chủ về sự bảo vệ, sự không bị bệnh, [bông hoa] aṅkola, [vòng hoa] vàng, [vòng hoa] ruột cây, vòng hoa đội đầu và sự đảnh lễ; [tổng cộng] có năm mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Phẩm Ālambanadāyaka là phẩm thứ hai mươi ba.

---

[9] *Sukatāveliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*āveli*) đã được làm (*kata*) khéo léo (*su*)."

[10] *Ekavandiya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) đảnh lễ (*vandana*)."

XXIV. PHẨM UDAKĀSANA
(*UDAKĀSANAVAGGO*)

231. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKĀSANADĀYAKA
(*Udakāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2424. Sau khi đi ra khỏi cổng của tu viện, tôi đã trải ra tấm ván. Và tôi đã phục vụ nước nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2425. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở [sự bố thí] chỗ ngồi và nước.

2426. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị có tên Abhisāma, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2427. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakāsanadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kỳ sự về Trưởng lão Udakāsanadāyaka" là phần thứ nhất.

232. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHĀJANADĀYAKA
(*Bhājanadāyakattherāpadānaṃ*)

2428. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ làm gốm ở thành phố Bandhumatī. Trong khi ấy, tôi đã cung cấp bát đĩa đến hội chúng Tỳ-khưu.

2429. [Kể từ khi] tôi đã cung cấp bát đĩa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] bát đĩa.

2430. Trước đây năm mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Anantajāli, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2431. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhājanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kỳ sự về Trưởng lão Bhājanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Udakāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*) và chỗ ngồi (*āsana*)."

[2] *Bhājanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bát đĩa (*bhājana*)."

233. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAPŪPIYA
(*Sālapūpiyattherāpadānaṃ*)

2432. Tôi đã là người bán bánh ngọt ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Sikhī đang đi ngang qua cánh cửa của tôi.

2433. Với tâm ý trong sạch, tôi đã nhận lấy bình bát của đức Phật và đã dâng cúng bánh ngọt sālā đến đức Phật, bậc đã đi đến đạo lộ chân chánh.

2434. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật thực cứng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bánh ngọt sālā.

2435. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là vị Amitañjala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālapūpiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālapūpiya" là phần thứ ba.

234. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KILAÑJADĀYAKA
(*Kilañjadāyakattherāpadānaṃ*)

2437. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ đan lát ở trong thành phố Tivarā đáng yêu. Dân chúng ở nơi ấy được tịnh tín ở đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha.

2438. Người ta tìm kiếm chiếc chiếu nhằm mục đích cúng dường đến đấng Bảo Hộ Thế Gian. Tôi đã dâng cúng chiếc chiếu đến những người đang tiến hành việc cúng dường đức Phật.

2439. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc chiếu.

2440. [Trước đây] bảy mươi bảy kiếp, tôi đã là đức Vua Jutindhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kilañjadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kilañjadāyaka" là phần thứ tư.

235. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA
(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

2442. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī.

---

[3] *Sālapūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến bánh ngọt (*pūpa*) sālā."

[4] *Kilañjadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc chiếu (*kilañja*)."

2443. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện vòng rào chắn trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vòng rào chắn.

2444. Trước đây mười một kiếp, tôi đã là vị tên Suriyassama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2445. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ năm.

236. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṆṆAKĀRA
(*Vaṇṇakārattherāpadānaṃ*)

2446. Lúc bấy giờ, tôi đã là người thợ nhuộm màu ở thành phố Aruṇavatī. Tôi đã nhuộm các màu sắc khác nhau cho các xấp vải ở ngôi bảo tháp.

2447. Kể từ khi tôi đã nhuộm màu sắc trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng màu sắc.

2448. Trước đây hai mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Candupama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2449. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṇṇākāra đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṇṇākāra" là phần thứ sáu.

237. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPUPPHIYA
(*Piyālapupphiyattherāpadānaṃ*)

2450. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy cây piyāla đã được trổ hoa, tôi đã rải rắc [bông hoa] ở con đường [đức Phật] đã đi qua.

2451. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālapupphiya" là phần thứ bảy.

---

[5] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) vòng rào chắn (*vedi*)."

[6] *Piyālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) piyāla."

238. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGADĀYAKA
(*Ambayāgadāyakattherāpadānaṃ*)

2453. Nương tựa vào nghề nghiệp của mình, tôi đã đi đến khu rừng rậm. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác đang đi, tôi đã dâng cúng vật thí là trái xoài.

2454. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hiến dâng trái xoài.

2455. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambayāgadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambayāgadāyaka" là phần thứ tám.

239. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIKĀRAKA
(*Jagatikārakattherāpadānaṃ*)

2456. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Atthadassī đã Niết-bàn, việc bố trí đã được tôi điều hành ở ngôi bảo tháp tối thượng của đức Phật.

2457. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy [trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố trí.

2458. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatikāraka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jagatikāraka" là phần thứ chín.

240. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀSIDĀYAKA
(*Vāsidāyakattherāpadānaṃ*)

2459. Trước đây, tôi đã là người thợ rèn ở trong kinh thành Tivarā. Tôi đã dâng cúng một lưỡi rìu đến đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

2460. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lưỡi rìu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lưỡi rìu.

2461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vāsidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vāsidāyaka" là phần thứ mười.

---

[7] *Ambayāgadāyaka* nghĩa là "vị thí chủ (*dāyaka*) của việc hiến dâng (*yāga*) trái xoài (*amba*)."

[8] *Jagatikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) việc bố trí (*jagati*)."

[9] *Vāsidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lưỡi rìu (*vāsi*)."

Phần tóm lược

Chỗ ngồi và nước, bát đĩa, vị có bánh ngọt sālā, vị liên quan đến chiếc chiếu, vòng rào chắn, thợ nhuộm màu, bông hoa piyāla, vị bố thí vật hiến dâng là trái xoài, việc bố trí, vị dâng cúng lưỡi rìu; [tổng cộng] có ba mươi tám câu kệ.

Phẩm Udakāsana là phẩm thứ hai mươi bốn.

XXV. PHẨM TUVARADĀYAKA
(*TUVARADĀYAKAVAGGO*)

241. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TUVARADĀYAKA
(*Tuvaradāyakattherāpadānaṃ*)

2462. Trước đây, tôi đã là thợ săn thú ở trong khu rừng hoang rậm. Sau khi cầm lấy và mang theo hạt tuvara nướng, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

2463. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của hạt tuvara nướng.

2464. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tuvaradāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tuvaradāyaka" là phần thứ nhất.

242. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAKESARIYA
(*Nāgakesariyattherāpadānaṃ*)

2465. Sau khi đã kiểm tra cẩn thận cây cung, tôi đã đi sâu vào trong rừng. Tôi đã nhìn thấy vươn lên đóa hoa sen có tua nhụy rũ xuống.

2466. Sau khi cầm lấy [bông hoa] bằng hai bàn tay, tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã dâng lên đức Phật Tissa, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian.

2467. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2468. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, bảy vị [cùng] tên Kesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2469. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgakesariya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgakesariya" là phần thứ nhì.

243. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶINAKESARIYA
(*Naḷinakesariyattherāpadānaṃ*)

2470. Tôi là con gà nước sống ở giữa hồ nước thiên nhiên. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên đang di chuyển ở trên không trung.

---

[1] *Tuvaradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) hạt tuvara nướng."

2471. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dùng mỏ ngắt đóa hoa sen [có tua nhụy] và đã dâng lên đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian Tissa.

2472. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2473. [Trước đây] bảy mươi ba kiếp, [tôi đã là] vị tên Satapatta, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2474. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷinakesariya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷinakesariya" là phần thứ ba.

244. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIRAVIPUPPHIYA TRÙNG CỐC VÂN NAM (*Viravipupphiyattherāpadānaṃ*)

2475. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian ra đi cùng với một ngàn vị có lậu hoặc đã được đoạn tận. Tôi đã cầm lấy bông hoa viravi và đã dâng lên đức Phật.

2476. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2477. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Viravipupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Viravipupphiya" là phần thứ tư.

245. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDHŪPAKA (*Kuṭidhūpakattherāpadānaṃ*)

2478. Tôi đã là người trông nom liêu cốc của đức Thế Tôn Siddhattha. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình xông khói vào lúc này lúc khác.

2479. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2480. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidhūpaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭidhūpaka" là phần thứ năm.

---

[2] *Naḷinakesariya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa sen (*naḷina*) có tua nhụy (*kesarī*)."

[3] *Viravipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) viravi."

[4] *Kuṭidhūpaka* nghĩa là "vị xông khói (*dhūpaka*) thơm liêu cốc (*kuṭi*)."

246. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTADĀYAKA
(*Pattadāyakattherāpadānaṃ*)

2481. Với sự thuần thành tuyệt đối, việc dâng cúng bình bát đã được tôi cung ứng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, bậc có bản thể chính trực như thế ấy.

2482. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát.

2483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pattadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pattadāyaka" là phần thứ sáu.

247. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA
(*Dhātupūjakattherāpadānaṃ*)

2484. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Siddhattha Niết-bàn, tôi đã nhận được một phần Xá-lợi của bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2485. Sau khi nhận lấy phần Xá-lợi ấy của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời, trong năm năm tôi đã chăm sóc [phần Xá-lợi ấy] như là [chăm sóc] bậc Tối Thượng Nhân đang còn tại tiền.

2486. Kể từ khi tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo ở sự hầu cận Xá-lợi.

2487. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ bảy.

248. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTALIPUPPHAPŪJAKA
(*Sattalipupphapūjakattherāpadānaṃ*)

2488. Lúc bấy giờ, tôi đã đặt bảy bông hoa sattali ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân Vessabhū.

2489. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2490. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattalipupphapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattalipupphapūjaka" là phần thứ tám.

---

[5] *Pattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bình bát (*patta*)."

[6] *Dhātupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) Xá-lợi (*dhātu*)."

[7] *Sattalipupphapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa (*puppha*) sattali."

249. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIMBIJĀLIYA
(*Bimbijāliyattherāpadānaṃ*)

2491. Đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ tên Padumuttara, là nhân vật cao cả. Ngài công bố về bốn sự thật và làm sáng tỏ về vị thế bất tử.

2492. Khi ấy, sau khi ngắt rời các bông hoa bimbijālika, tôi đã dâng lên đức Phật, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2493. Trước đây sáu mươi tám kiếp, bốn vị [cùng tên] Kiñjakesara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2494. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bimbijāliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bimbijāliya" là phần thứ chín.

250. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLADĀYAKA
(*Uddāladāyakattherāpadānaṃ*)

2495. Đấng Tự Chủ tên Kakusandha, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi lìa khỏi khu rừng bao la đã đi đến gần con sông lớn.

2496. Khi ấy, với tâm tịnh tín tôi đã cầm lấy bông hoa uddālaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ, bậc đã tự chế ngự, có bản thể chính trực.

2497. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2498. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uddāladāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uddāladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Hạt tuvara nướng, [vị Trưởng lão] Nāgakesariya, các bông hoa sen, các bông hoa viravi, vị xông khói liêu cốc, bình bát, Xá-lợi, các bông hoa sattali, các bông hoa bimbijālika, cùng với bông hoa uddālaka; [tổng cộng] có ba mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc thông minh.

Phẩm Tuvaradāyaka là phẩm thứ hai mươi lăm.

---

[8] *Bimbijāliya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) bimbijāliya."

[9] *Uddāladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa uddāla."

XXVI. PHẨM THOMAKA
(*THOMAKAVAGGO*)

251. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO THOMAKA
(*Thomakattherāpadānaṃ*)

2499. Trong khi đang trú ở thế giới chư thiên, tôi được hoan hỷ sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, và tôi đã nói nên lời nói này:

2500. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua."

2501. Kể từ khi tôi đã nói lên lời nói ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2502. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Thomaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Thomaka" là phần thứ nhất.

252. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA
(*Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2503. Có ước muốn thực hiện hành động hướng thượng ở giáo pháp của đức Phật tối thượng, tôi đã lìa bỏ vóc dáng thiên nhân và đã cùng với người vợ đi đến nơi này.

2504. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Devala. Vật thực đã được tôi dâng cúng đến vị ấy với tâm ý trong sạch.

2505. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

2506. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Thomaka* nghĩa là "vị tán dương (*thomaka*)."

[2] *Ekāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*asana*) một lần (*eka*)."

253. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2507. Bậc Giác Ngộ, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên Ānanda đã viên tịch Niết-bàn ở trong rừng già hoang rậm, không có bóng người.

2508. Khi ấy, tôi đã từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây và đã thực hiện lễ hỏa táng. Tại đó, tôi đã thiêu đốt thi thể và đã thể hiện sự tôn kính.

2509. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ tư.

254. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TICAMPAKAPUPPHIYA
(*Ticampakapupphiyattherāpadānaṃ*)

2511. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Vikata. Ở trung tâm của ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập, cư ngụ.

2512. Sau khi nhìn thấy sự an tịnh của vị ấy, với tâm ý trong sạch tôi đã cầm lấy ba bông hoa campaka và đã rải rắc chúng.

2513. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2514. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ticampakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ticampakapupphiya" là phần thứ tư.

255. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPĀṬALIYA
(*Sattapāṭaliyattherāpadānaṃ*)

2515. Tôi đã dâng lên các bông hoa sattapāṭali đến đức Phật [trong lúc Ngài] ngồi ở trong vùng đồi núi, đang chói sáng như là cây kaṇikāra.

2516. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2517. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

[4] *Ticampakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*) campaka."

Đại đức Trưởng lão Sattapāṭaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapāṭaliya" là phần thứ năm.

256. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀHANADĀKAYA
(*Upāhanadākayattherāpadānaṃ*)

2518. Lúc bấy giờ, vị tên Candana đã là người con trai của đấng Giác Ngộ. Tôi đã dâng cúng [đến vị ấy] một đôi dép [ước nguyện rằng]: "Xin ngài hãy giúp con thành tựu quả vị Giác ngộ."

2519. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

2520. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāhanadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāhanadāyaka" là phần thứ sáu.

257. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑJARIPŪJAKA
(*Mañjaripūjakattherāpadānaṃ*)

2521. Sau khi đã thực hiện một bó [hoa], tôi đã bước đi ở đường lộ. Tôi đã nhìn thấy bậc cao cả trong số các vị Sa-môn được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu.

2522. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy [bó hoa] bằng cả hai tay và đã dâng lên đức Phật.

2523. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2524. Trước đây bảy mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa tên Jotiya, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2525. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañjaripūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañjaripūjaka" là phần thứ bảy.

258. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA
(*Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ*)

2526. Tôi là vị mặc y phục bằng vỏ cây ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Thu thúc trong các điều kiện hạn chế, tôi có thức ăn là muối và lá cây.

---

[5] *Sattapāṭaliya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa sattapāṭali."

[6] *Upāhanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*upāhana*)."

[7] *Mañjaripūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bó hoa (*mañjarī*)."

2527. Vào lúc bữa ăn sáng đã điểm, [đức Phật] Siddhattha đã đi đến gặp tôi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên các thứ ấy đến đức Phật.

2528. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2529. [Trước đây] hai mươi bảy kiếp, tôi đã là đức vua Yadatthiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2530. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka" là phần thứ tám.

259. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬIDĀYAKA
(*Kuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

2531. Lúc bấy giờ, là vị hành pháp ngụ ở rừng, đấng Toàn Giác đã cư ngụ ở gốc cây. Tôi đã thực hiện gian nhà lá và đã dâng cúng đến bậc Không Bị Đánh Bại.

2532. Kể từ khi tôi đã cúng dường cái chòi lá trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái chòi.

2533. Trước đây hai mươi tám kiếp, mười sáu vị vua được gọi là Sabbattha-abhivassī đã là các đấng Chuyển Luân Vương.

2534. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭidāyaka" là phần thứ chín.

260. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AGGAJAPUPPHIYA
(*Aggajapupphiyattherāpadānaṃ*)

2535. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Toàn Giác Sikhī có màu da vàng chói ngồi ở trong vùng đồi núi đang chiếu sáng các hào quang như là ngọn lửa.

2536. Tôi đã cầm lấy bông hoa aggaja và đã đi đến gần đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật [bông hoa ấy].

2537. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2538. [Trước đây] hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amita, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

---

[8] *Paṇṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cây (*paṇṇa*)."

[9] *Kuṭidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) liêu cốc (*kuṭi*)."

2539. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aggajapupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aggajapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị tán dương, một bữa ăn, giàn hỏa thiêu, bông hoa campaka, bông hoa sattapāṭali, đôi dép, bó hoa, lá cây, vị dâng cúng cái chòi, bông hoa aggaja; và các câu kệ đã được tính đếm ở đây là bốn mươi mốt câu cả thảy.

Phẩm Thomaka là phẩm thứ hai mươi sáu.

[10] *Aggajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aggaja."

XXVII. PHẨM ĀKĀSUKKHIPIYA
(*ĀKĀSUKKHIPIYAVAGGO*)

261. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀKĀSUKKHIPIYA
(*Ākāsukkhipiyattherāpadānaṃ*)

2540. Trong khi đấng Nhân Ngưu Siddhattha có màu da vàng chói đang đi ở khu phố chợ, tôi đã cầm lấy hai bông hoa cao quý mọc ở trong nước và đã đi đến gặp Ngài.

2541. Tôi đã đặt xuống một bông hoa ở các bàn chân của đức Phật tối thượng, và tôi đã cầm lấy một bông hoa rồi đã thảy lên không trung.

2542. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

2543. Trước đây ba mươi hai kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Antalikkhacara, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2544. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ākāsukkhipiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kệ sự về Trưởng lão Ākāsukkhipiya" là phần thứ nhất.

262. KỆ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TELAMAKKHIYA
(*Telamakkhiyattherāpadānaṃ*)

2545. Khi đức Thế Tôn Siddhattha, đấng Nhân Ngưu đã Niết-bàn, ngay khi ấy tôi đã thoa dầu ở vòng rào chắn của cội cây Bồ-đề.

2546. Kể từ khi tôi đã thoa dầu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc thoa [dầu].

2547. Trước đây hai mươi bốn kiếp, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ tên Succhavi, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2548. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Telamakkhiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Kệ sự về Trưởng lão Telamakkhiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Ākāsukkhipiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc thảy lên (*ukkhepa*) không trung (*ākāsa*)."

[2] *Telamakkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc thoa (*makkhana*) dầu (*tela*)."

263. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AḌḌHACANDIYA (*Aḍḍhacandiyattherāpadānaṃ*)

2549. Bông hoa aḍḍhacanda đã được tôi dâng cúng ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Tissa là loại thảo mộc sanh trưởng ở trên trái đất.

2550. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội cây Bồ-đề.

2551. Trước đây hai mươi lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Devala, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2552. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aḍḍhacandiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aḍḍhacandiya" là phần thứ ba.

264. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADĪPIYA (*Padīpiyattherāpadānaṃ*)

2553. Lúc bấy giờ, trong khi là vị thiên nhân, tôi đã ngự xuống trái đất. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng năm ngọn đèn.

2554. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đèn.

2555. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacakkhu, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2556. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padīpiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padīpiya" là phần thứ tư.

265. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BIḶĀLIDĀYAKA (*Biḷālidāyakattherāpadānaṃ*)

2557. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Romaso. Ở tại chân ngọn núi ấy, có vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập.

2558. Tôi đã cầm lấy củ biḷālī và đã dâng cúng đến vị Sa-môn. Bậc Đại Hùng, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ rằng:

2559. "Ngươi đã dâng cúng củ biḷālī đến Ta với tâm ý trong sạch. Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, quả báo sẽ sanh khởi đến ngươi."

2560. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng củ biḷālī trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của củ biḷālī.

---

[3] *Aḍḍhacandiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa aḍḍhacandiya."

[4] *Padīpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngọn đèn (*padīpa*)."

2561. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Biḷālidāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Biḷālidāyaka" là phần thứ năm.

266. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MACCHADĀYAKA
(*Macchadāyakattherāpadānaṃ*)

2562. Lúc bấy giờ, tôi đã là con chim ưng ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã gắp lấy con cá lớn và đã dâng cúng đến bậc Hiền Trí Siddhattha.

2563. Kể từ khi tôi đã dâng cúng con cá trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng con cá.

2564. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Macchadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Macchadāyaka" là phần thứ sáu.

267. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAVAHAṂSAKA
(*Javahaṃsakattherāpadānaṃ*)

2565. Lúc bấy giờ, tôi đã là lính kiểm lâm ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Siddhattha đang di chuyển ở trên không trung.

2566. Trong khi ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo.

2567. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2568. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Javahaṃsaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Javahaṃsaka" là phần thứ bảy.

268. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA
(*Salalapupphiyattherāpadānaṃ*)

2569. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī được bao phủ bằng mạng lưới hào quang.

2570. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng và với niềm phỉ lạc tột độ, tôi đã cầm lấy bông hoa salala và đã rải rắc đến [đức Phật] Vipassī.

2571. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt

---

[5] *Biḷālidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ biḷālī."

[6] *Macchadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cá (*maccha*)."

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ tám.

269. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPĀGATĀSAYA (*Upāgatāsayattherāpadānaṃ*)

2573. Ở trung tâm của núi Hy-mã-lạp có cái hồ nước đã khéo được tạo lập. Tôi đã là loài quỷ dữ ở tại nơi ấy, có bản chất quấy rối, là kẻ gây nên nỗi hãi sợ.

2574. Có ý muốn tiếp độ tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī ấy đã đi đến gặp tôi.

2575. Khi bậc Đại Hùng, vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đã đi đến gần, tôi đã đi ra khỏi nơi trú ẩn và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư.

2576. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

2577. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upāgatāsaya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upāgatāsaya" là phần thứ chín.

270. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

2578. Bậc Toàn Giác Vipassī có màu da vàng chói là bậc xứng đáng sự cúng dường. Bậc Đạo Sư dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đã đứng ở bờ sông.

2579. Thuyền bè là phương tiện vượt qua biển cả không được tìm thấy ở tại nơi ấy. Tôi đã đi ra khỏi dòng sông và đã đưa đấng Lãnh Đạo Thế Gian sang [sông].

2580. [Kể từ khi] tôi đã đưa bậc Tối Thượng Nhân sang [sông] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đưa sang [sông].

2581. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ mười.

---

[7] *Salalapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) salala."

[8] *Upāgatāsaya* nghĩa là "vị có chỗ ngụ (*āsaya*) đã được đức Phật đi đến gần (*upāgata*)."

[9] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đưa sang (*taraṇa*) sông."

Phần tóm lược

Vị có sự thảy lên [bông hoa], dầu thoa, vị có [bông hoa] aḍḍhacanda, vị dâng cúng cây đèn, vị dâng cúng củ biḷālī, con cá, vị tên Javahaṃsaka, vị dâng cúng bông hoa salala, loài quỷ dữ, vị đưa sang [sông] là mười. Và ở đây được ghi nhận là bốn mươi mốt câu kệ cả thảy.

Phẩm Ākāsukkhipiya là phẩm thứ hai mươi bảy.

XXVIII. PHẨM SUVAṆṆABIMBOHANA
(*SUVAṆṆABIMBOHANAVAGGO*)

271. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUVAṆṆABIMBOHANIYA
(*Suvaṇṇabimbohaniyattherāpadānaṃ*)

2582. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái ghế. Và tôi đã dâng lên cái gối nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2583. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cái gối trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái gối.

2584. Trước đây vào kiếp thứ sáu mươi ba, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Asama, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2585. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Suvaṇṇabimbohaniya" là phần thứ nhất.

272. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TILAMUṬṬHIDĀYAKA
(*Tilamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

2586. Biết được ý định của tôi, bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã đi đến bằng thần thông với thân được tạo thành bởi ý.

2587. Khi Ngài đang đi đến gần, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư, đấng Tối Thượng Nhân. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng [một] nắm hạt mè.

2588. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm hạt mè.

2589. Trước đây mười sáu kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Nandiya, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2590. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tilamuṭṭhidāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Suvaṇṇabimbohaniya* nghĩa là "vị liên quan đến cái gối (*bimbohana*) vàng (*suvaṇṇa*)."

[2] *Tilamuṭṭhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm tay (*muṭṭhi*) hạt mè (*tila*)."

273. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAṄGOṬAKIYA
(*Caṅgoṭakiyattherāpadānaṃ*)

2591. [Đức Phật Siddhattha] sống ở trong vùng đồi núi kề cận biển cả. Sau khi đi ra tiếp đón [Ngài] tôi đã thực hiện và đã dâng cúng cái hộp [đựng bông hoa].

2592. Sau khi dâng cúng cái hộp đựng bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, đấng Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả chúng sanh, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2593. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái hộp trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái hộp.

2594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Caṅgoṭakiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Caṅgoṭakiya" là phần thứ ba.

274. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA
(*Abbhañjanadāyakattherāpadānaṃ*)

2595. Đức Thế Tôn Koṇḍañña là vị có tâm bình đẳng như hư không, có thiền chứng không bị chướng ngại, có tham ái đã được lìa bỏ như thế ấy.

2596. Bậc Đạo Sư, đấng Chúa Tể Của Loài Người là vị vượt qua tất cả si mê, là bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian, tôi đã dâng cúng thuốc cao đến Ngài.

2597. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc cao trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc cao.

2598. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Cirappa, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abbhañjanadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka" là phần thứ tư.

275. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA
(*Ekañjaliyattherāpadānaṃ*)

2600. Tôi đã dâng cúng khu vực sinh sống [cô tịch] đến vị Sa-môn, bậc Đại Ẩn Sĩ đang cư ngụ tại cội cây sung, nơi tấm thảm lá cây đã được xác định.

---

[3] *Caṅgoṭakiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái hộp (*caṅgoṭaka*)."

[4] *Abbhañjanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) thuốc cao (*abbhañjana*)."

2601. Sau khi chắp tay lên, tôi đã trải ra tấm thảm bằng bông hoa đến [đức Phật] Tissa, bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Bảo Hộ Thế Gian như thế ấy.

2602. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện tấm thảm bằng bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm thảm.

2603. Trước đây mười bốn kiếp, tôi đã là bậc thống lãnh loài người tên Ekañjalika, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2604. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjaliya" là phần thứ năm.

276. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO POTTHADĀYAKA
(*Potthadāyakattherāpadānaṃ*)

2605. Việc cúng dường tấm vải bạt đã được tôi dâng cúng ở đối tượng đáng được cúng dường vô thượng, trước tiên hết là bậc Đạo Sư, giáo pháp, và luôn cả hội chúng của bậc Đại Ẩn Sĩ nữa.

2606. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải bạt.

2607. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Potthadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Potthadāyaka" là phần thứ sáu.

277. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2608. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã đặt ở giàn hỏa thiêu bảy bông hoa māluva.

2609. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường lễ hỏa táng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu.

2610. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Paṭijagga đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật.

2611. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Ekañjaliya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

[6] *Potthadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải bạt (*pottha*)."

[7] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

278. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀLUVADĀYAKA
(*Āluvadāyakattherāpadānaṃ*)

2612. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, có con sông Mahāsindhu có dáng hình xinh đẹp. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Sudassana; Ngài là bậc có tham ái đã được lìa bỏ, có ánh sáng rực rỡ.

2613. Sau khi nhìn thấy bậc được gắn liền với sự an tịnh tột bực, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng cúng rễ cây āluva đến Ngài.

2614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng rễ cây āluva trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của rễ cây āluva.

2615. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āluvadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āluvadāyaka" là phần thứ tám.

279. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUṆḌARĪKA
(*Ekapuṇḍarīkattherāpadānaṃ*)

2616. Lúc bấy giờ, đấng Tự Chủ tên Romasa là bậc có sự hành trì tốt đẹp. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng [đến Ngài].

2617. Kể từ khi tôi đã dâng cúng đóa hoa sen trắng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đóa hoa sen trắng.

2618. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapuṇḍarīka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapuṇḍarīka" là phần thứ chín.

280. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆĪYA (*Taraṇīyattherāpadānaṃ*)

2619. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cho xây dựng cây cầu ở đường lộ lớn gập ghềnh để giúp cho mọi người vượt qua [đoạn đường ấy].

2620. [Kể từ khi] tôi đã cho xây dựng cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

2621. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Samogadha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2622. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[8] *Āluvadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) rễ cây āluva."

[9] *Ekapuṇḍarīka* nghĩa là "vị có một (*eka*) đóa hoa sen trắng (*puṇḍarīka*)."

Đại đức Trưởng lão Taraṇīya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇīya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vàng, nắm hạt mè, cái hộp, thuốc cao, sự chắp tay, vị có tấm vải bạt, giàn hỏa thiêu, rễ cây āluva, một đóa hoa sen trắng, với cây cầu; [tổng cộng] có bốn mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Suvaṇṇabimbohana là phẩm thứ hai mươi tám.

(Dứt tụng phẩm thứ mười một).

[10] *Taraṇīya* nghĩa là "vị liên quan đến việc vượt qua (*taraṇa*)."

XXIX. PHẨM PAṆṆADĀYAKA
(*PAṆṆADĀYAKAVAGGO*)

281. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṆṆADĀYAKA
(*Paṇṇadāyakattherāpadānaṃ*)

2623. Tôi đã ngồi xuống trong gian nhà lá, có bữa ăn là vật thực bằng lá cây. Bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi trong lúc tôi đang ngồi.

2624. Bậc Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha là người thầy thuốc của tất cả thế gian. Khi Ngài đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cây, tôi đã dâng cúng lá cây đến Ngài.

2625. Kể từ khi tôi đã dâng cúng lá cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cây.

2626. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṇṇadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṇṇadāyaka" là phần thứ nhất.

282. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

2627. [Đức Phật Siddhattha] ấy có sự an tịnh sánh bằng núi Sineru, tợ như vật nâng đỡ trái đất, sau khi xuất khỏi thiền định đã đi đến gần tôi về việc khất thực.

2628. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

2629. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng tất cả thức ăn ấy đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, vị Có Lòng Thương Tưởng đối với tất cả thế gian.

2630. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2631. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Ekajjha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2632. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Paṇṇadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cây (*paṇṇa*)."

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ nhì.

283. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PACCUGGAMANIYA
(*Paccuggamaniyattherāpadānaṃ*)

2633. Bậc Nhân Ngưu đang đi đến, giống như loài sư tử lang thang ở trong rừng, giống như loài bò mộng thuần chủng, tợ như cây kakudha đang chói sáng.

2634. Với tâm ý trong sạch, tôi đã thực hiện việc đi ra tiếp đón đấng Quang Đăng Của Thế Gian Siddhattha, vị thầy thuốc của tất cả thế gian.

2635. [Kể từ khi] tôi đã đi ra tiếp đón đấng Nhân Ngưu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi ra tiếp đón.

2636. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là người độc nhất thống lãnh dân chúng tên Saparivāra, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2637. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paccuggamaniya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paccuggamaniya" là phần thứ ba.

284. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPUPPHIYA
(*Ekapupphiyattherāpadānaṃ*)

2638. Lúc bấy giờ, tôi đã là con yêu tinh ở cánh cổng phía Nam. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

2639. Tôi đã dâng cúng một bông hoa đến bậc Tối Thượng Nhân Vipassī, vị Có Sự Tầm Cầu Lợi Ích Cho Tất Cả Thế Gian, bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2640. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapupphiya" là phần thứ tư.

---

[2] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

[3] *Paccuggamaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đi ra tiếp đón (*paccuggamana*)."

[4] *Ekapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) bông hoa (*puppha*)."

285. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAGHAVAPUPPHIYA (*Maghavapupphiyattherāpadānaṃ*)

2642. Ở bờ sông Nammadā, có đấng Tự Chủ là bậc Không Bị Đánh Bại. Ngài đã chứng đạt thiền định, được thanh tịnh, không bị chộn rộn.

2643. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Không Bị Đánh Bại, tôi đã được tịnh tín, có tâm ý vui mừng. Khi ấy, tôi đã dâng cúng đấng Tự Chủ ấy với bông hoa maghava.

2644. Kể từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2645. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maghavapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maghavapupphiya" là phần thứ năm.

286. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAṬṬHĀKADĀYAKA (*Upaṭṭhākadāyakattherāpadānaṃ*)

2646. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Chúa Tể Của Loài Người, đấng Long Tượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đang bước đi ở đường lộ.

2647. Sau khi cho người thỉnh mời bậc có sự tầm cầu lợi ích cho tất cả thế gian ấy, tôi đã dâng cúng người phục vụ đến bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha.

2648. Sau khi tiếp nhận, đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí đã gởi trả lại [người phục vụ cho tôi], rồi đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và ra đi, mặt hướng phía Đông.

2649. Kể từ khi tôi đã dâng cúng người phục vụ trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2650. Trước đây năm mươi bảy kiếp, [tôi đã là] vị tên Balasena, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2651. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upaṭṭhākadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upaṭṭhākadāyaka" là phần thứ sáu.

287. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO APADĀNIYA (*Apadāniyattherāpadānaṃ*)

2652. Tôi đã ca ngợi sự nghiệp của các đấng Thiện Thệ đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

---

[5] *Maghavapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) maghava."

[6] *Upaṭṭhākadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) người phục vụ (*upaṭṭhāka*)."

Được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bằng đầu và bằng các bàn tay của mình ở bàn chân [của bậc Đại Ẩn Sĩ].

2653. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca sự nghiệp [của chư Phật] trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

2654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Apadāniya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Apadāniya" là phần thứ bảy.

288. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTĀHAPABBAJITA
(*Sattāhapabbajitattherāpadānaṃ*)

2655. Hội chúng của đức Thế Tôn Vipassī là được tôn sùng kính trọng. Có điều bất hạnh đã xảy đến cho tôi là trước đây thân quyến đã có sự chia rẽ.

2656. Tôi đã đi đến sự xuất gia nhằm làm lắng dịu điều bất hạnh. Tại nơi ấy, do sự mong mỏi giáo pháp của bậc Đạo Sư, tôi đã được thỏa thích trong bảy ngày.

2657. Kể từ khi tôi đã xuất gia trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xuất gia.

2658. Trước đây sáu mươi bảy kiếp, bảy vị lãnh chúa được biết đến với tên "Sunikkhama" đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2659. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattāhapabbajita[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattāhapabbajita" là phần thứ tám.

289. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHUPAṬṬHĀKA
(*Buddhupaṭṭhākattherāpadānaṃ*)

2660. Lúc bấy giờ, tên của tôi là Veṭambarī. Người cha của tôi đã nắm lấy cánh tay của tôi và đã đưa tôi đến bậc Đại Hiền Trí.

2661. [Nghĩ rằng]: "Chư Phật này, các đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian sẽ chỉ dạy cho ta." Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình phục vụ các vị ấy một cách tôn kính.

2662. Kể từ khi tôi đã chăm sóc chư Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

2663. Trước đây hai mươi ba kiếp, bốn vị Sát-đế-lỵ [cùng] tên Samaṇupaṭṭhāka đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

---

[7] *Sattāhapabbajita* nghĩa là "vị đã xuất gia (*pabbajita*) bảy (*satta*) ngày (*aha*)."

2664. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhupaṭṭhāka" là phần thứ chín.

290. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUBBAṄGAMIYA

(***Pubbaṅgamiyattherāpadānaṃ***)

2665. Nhằm đạt đến mục đích tối thượng, chúng tôi tám mươi bốn ngàn người đã xuất gia, không còn sở hữu gì. Trong số các vị ấy, tôi đã là người đứng đầu.

2666. Và các vị này được thanh tịnh, không bị chộn rộn, dầu còn tham ái và còn sự tái sanh. Được tịnh tín, các vị này đã tự tay phục vụ [chư Thánh nhân] một cách tôn kính.

2667. Có các lậu hoặc đã được đoạn tận, có sân hận đã được tống khứ, có phận sự đã được hoàn thành, không còn lậu hoặc, các đấng Tự Chủ không bị đánh bại đã lan tỏa với tâm từ ái.

2668. Sau khi phục vụ chư vị đã tự mình giác ngộ, tôi có được niệm, nhưng tôi đã gần kề sự chết. Và chúng tôi đã đi đến bản thể chư thiên.

2669. [Kể từ khi] tôi đã gìn giữ giới hạnh trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tự chế ngự.

2670. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pubbaṅgamiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pubbaṅgamiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Lá cây, [các] trái cây, sự đi ra tiếp đón, vị có một bông hoa, [vị có] bông hoa maghava, người phục vụ, sự nghiệp [của chư Phật], sự xuất gia, vị phục vụ chư Phật, vị đứng đầu; [tổng cộng] có bốn mươi tám câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Paṇṇadāyaka là phần thứ hai mươi chín.

---

[8] *Buddhupaṭṭhāka* nghĩa là "vị phục vụ (*upaṭṭhāka*) đức Phật (*buddha*)."

[9] *Pubbaṅgamiya* nghĩa là "liên quan đến vị đứng đầu, vị đi (*gam*) ở phía trước (*pubba*)."

XXX. PHẨM CITAKAPŪJAKA
(*CITAKAPŪJAKAVAGGO*)

291. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

2671. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Ajita. Có ý định dâng tặng vật hiến cúng, tôi đã thu thập nhiều loại bông hoa.

2672. Sau khi nhìn thấy giàn hỏa thiêu của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī đang bốc cháy, tôi đã đem số bông hoa ấy lại và đã rải rắc ở giàn hỏa thiêu.

2673. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2674. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vị thống lãnh loài người [cùng] tên Supajjalita ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương, có oai lực lớn lao.

2675. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ nhất.

292. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHADHĀRAKA
(*Pupphadhārakattherāpadānaṃ*)

2676. Tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây, có y choàng là tấm da dê, có năm thắng trí đã được phát sanh, là người chạm đến mặt trăng.

2677. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī đã ngự đến chỗ tôi, tôi đã nắm giữ những bông hoa san hô [hình chiếc lọng] che cho bậc Đạo Sư.

2678. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nắm giữ.

2679. Trước đây tám mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Samantadhāraṇa, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2680. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) lễ hỏa táng (*citaka*)."

Đại đức Trưởng lão Pupphadhāraka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphadhāraka" là phần thứ nhì.

293. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CHATTADĀYAKA
(*Chattadāyakattherāpadānaṃ*)

2681. Lúc bấy giờ, người con trai của tôi đã xuất gia, có trang phục là y ca-sa. Và vị ấy đã đạt được bản thể của vị Phật, đã Niết-bàn, được thế gian tôn vinh.

2682. Trong lúc tìm hiểu về [tăm tích] người con trai của mình, tôi đã đi lần theo ở phía sau. Tôi đã đi đến giàn hỏa thiêu của con người vĩ đại đã được Niết-bàn.

2683. Ở tại nơi ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ giàn hỏa thiêu. Khi ấy, tôi đã cầm lấy chiếc lọng trắng và đã dâng lên.

2684. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

2685. Trước đây hai mươi lăm kiếp, bảy vị thống lãnh dân chúng [cùng] tên Mahāraha ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2686. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Chattadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Chattadāyaka" là phần thứ ba.

294. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

2687. Khi mặt trời còn chưa mọc lên, đã có tiếng gầm rú dữ dội [báo hiệu] sự xuất hiện của đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ ở trên thế gian.

2688. Tại nơi ấy, tôi đã nghe được tiếng động nhưng tôi không nhìn thấy đấng Chiến Thắng ấy. Và khi sự chết đã gần kề, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng về đức Phật.

2689. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Pupphadhāraka* nghĩa là "vị nắm giữ (*dhāraka*) bông hoa (*puppha*)."

[3] *Chattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc lọng che (*chatta*)."

[4] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

295. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GOSĪSANIKKHEPAKA
(*Gosīsanikkhepakattherāpadānaṃ*)

2691. Sau khi rời khỏi cánh cổng của tu viện, tôi đã trải lót xương sọ của loài bò [ở con đường lầy lội]. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2692. [Tôi có] các loài ngựa dòng Sindhu thuần chủng có tốc độ của gió, có các phương tiện di chuyển nhanh chóng, tôi thọ hưởng tất cả [các] thứ này; điều này là quả báo của [việc trải lót] xương sọ của loài bò.

2693. Ôi, hành động đã khéo được thực hiện bởi tôi ở thửa ruộng tốt là hành động tuyệt vời. Việc khác không có giá trị bằng một phần [mười sáu] so với hành động đã được thực hiện ở nơi hội chúng.

2694. [Kể từ khi] tôi đã trải lót xương sọ của loài bò trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải lót.

2695. [Trước đây] bảy mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Suppatiṭṭhita, là người độc nhất có quyền uy vĩ đại, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2696. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gosīsanikkhepaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gosīsanikkhepaka" là phần thứ năm.

296. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPŪJAKA
(*Pādapūjakattherāpadānaṃ*)

2697. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

2698. Khi đức Phật Vipassī, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy đi đến gần tôi, khi ấy tôi đã rải rắc trầm hương và luôn cả cỏ thơm ở bàn chân [Ngài].

2699. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bàn chân ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân.

2700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pādapūjaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pādapūjaka" là phần thứ sáu.

297. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DESAKITTAKA
(*Desakittakattherāpadānaṃ*)

2701-02. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn tên Upasāḷhaka. Sau khi nhìn

---

[5] *Gosīsanikkhepaka* nghĩa là "vị đặt xuống (*nikkhepaka*) những cái sọ (*sīsa*) của loài bò (*go*)."

[6] *Pādapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ở bàn chân (*pāda*)."

thấy bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đi sâu vào khu rừng rậm, tôi đã đảnh lễ vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian ở hai bàn chân. Biết được tôi có tâm đã được tịnh tín, đức Phật đã biến mất.

2703. Sau khi lìa khỏi khu rừng rậm, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Sau khi tán dương khu vực ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2704. [Kể từ khi] tôi đã tán dương khu vực ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Desakittaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Desakittaka" là phần thứ bảy.

298. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyatherāpadānaṃ*)

2706. Tôi đã là người thợ săn ở ngọn núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

2707. Sau khi đi đến gặp bậc Toàn Giác, tôi đã làm công việc phục vụ. Và tôi đã đi đến nương nhờ đối với bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2708. [Kể từ khi] tôi đã đi đến nương nhờ trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

2709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ tám.

299. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPIṆḌIYA
(*Ambapiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

2710. [Tôi đã là] người khổng lồ được nổi tiếng với tên là Romasa. Tôi đã dâng cúng một chùm trái xoài đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

2711. Kể từ khi tôi đã dâng cúng xoài trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái xoài.

2712. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambapiṇḍiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambapiṇḍiya" là phần thứ chín.

---

[7] *Desakittaka* nghĩa là "vị tán dương (*kittaka*) khu vực (*desa*)."

[8] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

[9] *Ambapiṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm (*piṇḍa*) xoài (*amba*)."

300. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANUSAṂSĀVAKA
(*Anusaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

2713. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Vipassī đang đi khất thực. Tôi đã dâng lên một vá thức ăn đến đấng Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2714. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã đảnh lễ và tôi đã ngợi ca đức Phật nhằm đạt đến mục đích tối thượng.

2715. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca [đức Phật] trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca [đức Phật].

2716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Anusaṃsāvaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anusaṃsāvaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Giàn hỏa thiêu, bông hoa san hô, chiếc lọng [trắng], tiếng động, việc trải lót xương sọ của loài bò, [vị đảnh lễ] bàn chân, [vị tán dương] khu vực, sự nương nhờ, trái xoài, và luôn cả vị ngợi ca [đức Phật]; [tổng cộng] có bốn mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Citakapūjaka là phẩm thứ ba mươi.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Bông hoa kaṇikāra, vị cúng dường voi, vật tựa [lưng], chỗ ngồi và nước, hạt tuvara nướng, vị tán dương và luôn cả việc thảy lên [không trung], gối kê đầu, vị dâng cúng lá cây và vị cúng dường lễ hỏa táng; toàn bộ các câu kệ ở đây là bốn trăm năm mươi mốt câu.

Tất cả gồm có hai ngàn năm trăm và bảy mươi hai câu thêm vào đó nữa. [Tổng cộng] có ba trăm ký sự đã được tính đếm bởi các vị nhìn thấy sự lợi ích.

Nhóm "Một trăm" thứ ba được đầy đủ.

---

[10] *Anusaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*anusaṃsāvaka*) đức Phật."

XXXI. PHẨM PADUMAKESARIYA
(*PADUMAKESARIYAVAGGO*)

301. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKESARIYA
(*Padumakesariyattherāpadānaṃ*)

2717. Trong thời quá khứ, tôi đã là con voi ở hội chúng các vị Đại Ẩn Sĩ. Do niềm tịnh tín, tôi đã rải rắc nhụy của hoa sen đến các bậc Đại Ẩn Sĩ.

2718. Các đấng Chiến Thắng Độc Giác tối thượng là những vị có các ái đã được giũ bỏ như thế ấy. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở các vị ấy, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2719. Kể từ khi tôi đã rải rắc nhụy hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2720. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumakesariya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumakesariya" là phần thứ nhất.

302. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAGANDHIYA
(*Sabbagandhiyattherāpadānaṃ*)

2721. Tôi đã dâng cúng tràng hoa có hương thơm đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī. Tôi đã dâng cúng tấm vải thượng hạng bằng tơ lụa đến bậc có bản thể chính trực.

2722. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật thơm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thơm.

2723. Trước đây mười lăm kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Sucela, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2724. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbagandhiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbagandhiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Padumakesariya* nghĩa là "vị liên quan đến việc rải rắc nhụy (*kesara*) sen hồng (*paduma*)."

[2] *Sabbagandhiya* nghĩa là "vị liên quan đến tất cả (*sabba*) các loại hương thơm (*gandha*)."

303. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PARAMANNADĀYAKA
(*Paramannadāyakattherāpadānaṃ*)

2725. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng, tợ như mặt trời đang mọc lên.

2726. Tôi đã chắp tay lên và đã rước Ngài về nhà của mình. Sau khi đã rước đấng Toàn Giác [về nhà], tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng.

2727. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực thượng hạng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực thượng hạng.

2728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paramannadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paramannadāyaka" là phần thứ ba.

304. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAÑÑAKA
(*Dhammasaññakattherāpadānaṃ*)

2729. Đã có lễ hội ở cội Đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī đúng vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngự ở cội cây.

2730. Vào thời điểm ấy, được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu, đức Thế Tôn [đã] công bố về bốn sự thật, trong lúc thốt lên với lời nói hùng tráng.

2731. Trong khi thuyết giảng một cách giản lược và trong khi thuyết giảng một cách chi tiết, đấng Toàn Giác, bậc Đã Phơi Bày Điều Bị Che Lấp đã giúp cho đám đông dân chúng thành tựu Niết-bàn.

2732. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2733. Kể từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về giáo pháp.

2734. Trước đây ba mươi ba kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Sutavā, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2735. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Paramannadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*anna*) thượng hạng (*parama*)."

Đại đức Trưởng lão Dhammasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammasaññaka" là phần thứ tư.

305. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHALADĀYAKA
(*Phaladāyakattherāpadānaṃ*)

2736. Lúc bấy giờ, đã có khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī. Có sự mong cầu, tôi đã đi đến khu ẩn cư ấy, tay cầm trái cây.

2737. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy [đức Phật] Vipassī tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng. Tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư tất cả trái cây mà tôi có.

2738. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

2739. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phaladāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phaladāyaka" là phần thứ năm.

306. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAMPASĀDAKA
(*Sampasādakattherāpadānaṃ*)

2740. Bạch đức Phật Anh Hùng, con kính lễ Ngài! Ngài đã được giải thoát về mọi phương diện. Vì con đã bị lâm vào cảnh bất hạnh, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ của con đây.

2741. Đức Siddhattha, bậc Không Người Đối Địch Ở Thế Gian đã chú nguyện cho tôi đây rằng: "Hội chúng là vô thượng, không thể đo lường, sánh bằng biển lớn.

2742. Ngươi hãy làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận. Ngươi đã gieo hạt giống tốt, ngươi hãy trồng tỉa ở tại nơi ấy."

2743. Sau khi nói xong điều này, sau khi đã chỉ dạy cho tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2744. Khi bậc Toàn Tri, đấng Nhân Ngưu, vừa mới ra đi không bao lâu, tôi đã gần kề sự chết, và tôi đã được sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2745. Khi ấy, sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín ở hội chúng, thửa ruộng không bị nhơ bẩn, nguồn ban phát kết quả vô cùng tận, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2746. Kể từ khi tôi đã đạt được niềm tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tịnh tín.

---

[4] *Dhammasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về giáo pháp (*dhamma*)."

[5] *Phaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*)."

2747. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sampasādaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sampasādaka" là phần thứ sáu.

307. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRĀMADĀYAKA
(*Ārāmadāyakattherāpadānaṃ*)

2748. Tự viện của đức Thế Tôn Siddhattha đã được tôi tạo dựng trong khi các con chim được yên lặng ở những cội cây có bóng râm dày đặc.

2749. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị thọ nhận các vật hiến cúng. Tôi đã bàn giao tu viện đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu.

2750. Được mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã dâng cúng trái cây và bông hoa. Sau đó, có niềm tịnh tín đã được sanh lên, tôi đã chuyển giao khu rừng ấy.

2751. Bất cứ vật gì tôi đã dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch [đều có] quả báo sanh khởi đến tôi trong khi tôi tái sanh vào cõi hữu.

2752. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tu viện trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tu viện.

2753. Trước đây ba mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Mudusītala đã là các đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2754. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārāmadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārāmadāyaka" là phần thứ bảy.

308. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANULEPADĀYAKA
(*Anulepadāyakattherāpadānaṃ*)

2755. Tôi đã nhìn thấy vị Thinh văn của bậc Hiền Trí Atthadassī. Trong khi vị ấy đang xây dựng công trình mới ở trong khuôn viên [tu viện], tôi đã đi đến gần [nơi ấy].

2756. Và khi công trình mới đã được hoàn thành, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng ở phước điền vô thượng, tôi đã dâng cúng lớp vữa tô.

2757. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lớp vữa tô.

2758. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Sampasādaka* nghĩa là "vị tự tạo niềm tin (*pasādaka*) cho chính mình (*sam*)."

[7] *Ārāmadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tu viện (*ārāma*)."

Đại đức Trưởng lão Anulepadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Anulepadāyaka" là phần thứ tám.

309. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

2759-60. Trong giấc mơ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng, đang đi vào bên trong khu rừng. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã sanh lên nhàn cảnh.

2761. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2762. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ chín.

310. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABBHĀRADĀYAKA
(*Pabbhāradāyakattherāpadānaṃ*)

2763. Sườn núi đã được tôi làm sạch sẽ dành cho đức Thế Tôn Piyadassī. Và tôi đã bố trí lu nước cho việc sử dụng của vị [Phật] như thế ấy.

2764-65. Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã chú nguyện về việc ấy cho tôi rằng: "Tòa lâu đài ấy có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, và châu báu không phải là ít sẽ được sanh lên [cho ngươi]." Sau khi dâng cúng vật thí là sườn núi, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2766. Trước đây ba mươi hai kiếp, [tôi đã là] vị Sát-đế-lỵ tên Susuddha, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2767. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pabbhāradāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pabbhāradāyaka" là phần thứ mười.

---

[8] *Anulepadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vữa tô (*anulepa*)."

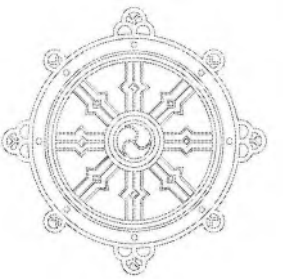
[9] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật (*buddha*)."

[10] *Pabbhāradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sườn núi (*pabbhāra*)."

Phần tóm lược

Tua nhụy, vật thơm và vật thực, vị có sự suy tưởng về giáo pháp, và [cúng dường] bằng trái cây, niềm tịnh tín, và vị dâng cúng tu viện, lớp vữa tô, vị suy tưởng về đức Phật, và vị dâng cúng sườn núi; [tổng cộng] có năm mươi mốt câu kệ đã được thuật lại.

Phẩm Padumakesariya là phẩm thứ ba mươi mốt.



XXXII. PHẨM ĀRAKKHADĀYAKA
(*ĀRAKKHADĀYAKAVAGGO*)

311. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀRAKKHADĀYAKA
(*Ārakkhadāyakattherāpadānaṃ*)

2768. Hàng rào đã được tôi cho xây dựng đến bậc Hiền Trí Dhammadassī. Và sự bảo vệ đã được tôi dâng cúng đến bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2769. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

2770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ārakkhadāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ārakkhadāyaka" là phần thứ nhất.

312. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHOJANADĀYAKA
(*Bhojanadāyakattherāpadānaṃ*)

2771. Đấng Chiến Thắng luôn luôn chiếu sáng tợ như cây sāla non trẻ đã được mọc lên tốt đẹp, tợ như cây sobhañjana đã vươn cao, tợ như tia sét ở trên bầu trời.

2772. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng vật thực đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū, vị Trời Của Chư Thiên ấy.

2773. Đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại đã nói lời tùy hỷ về vật [cúng dường] ấy đến tôi rằng: "Trong khi [ngươi] tái sanh vào cõi hữu, mong rằng quả báo sanh khởi đến ngươi."

2774. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của vật thực.

2775. Trước đây hai mươi lăm kiếp, tôi đã là vị tên Amittabha độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2776. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt) .. tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhojanadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhojanadāyaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Ārakkhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sự bảo vệ (*ārakkha*)."

[2] *Bhojanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) vật thực (*bhojana*)."

313. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GATASAÑÑAKA
(*Gatasaññakattherāpadānaṃ*)

2777. Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang di chuyển ở khoảng không của cõi trời. Và không có dấu chân [được lưu lại] ở bầu trời, ở trên không trung, ở lớp khí quyển.

2778. Sau khi nhìn thấy sự di chuyển của bậc Hiền Trí và nhìn thấy y của đấng Chánh Đẳng Giác bị lay động bởi làn gió, niềm hạnh phúc đã lập tức sanh khởi đến tôi.

2779. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2780. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gatasaññaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gatasaññaka" là phần thứ ba.

314. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPADUMIYA
(*Sattapadumiyattherāpadānaṃ*)

2781. Tôi là vị Bà-la-môn tên Nesāda sống ở bờ sông. Tôi đã quét dọn khu ẩn cư bằng những bông hoa [sen] có trăm cánh.

2782. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha có màu da vàng chói, đang di chuyển qua khu rừng, niềm vui đã sanh khởi đến tôi.

2783. Sau khi đi ra tiếp đón bậc Toàn Giác, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã rước [Ngài] về khu ẩn cư và đã rải rắc [đến Ngài] với những đóa hoa sen hạng nhất.

2784. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2785. Trước đây bảy mươi ba kiếp, bốn vị [cùng tên] Pādapāvara đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2786. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattapadumiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapadumiya" là phần thứ tư.

---

[3] *Gatasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về đức Phật đã đi qua (*gata*)."

[4] *Sattapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến bảy (*satta*) đóa sen hồng (*paduma*)."

315. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHĀSANADĀYAKA
(*Pupphāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

2787. Đấng Toàn Giác Siddhattha, bậc Không Bị Đánh Bại, có màu da vàng chói tợ như mặt trời có trăm tia sáng, đang đi ở không xa.

2788. Tôi đã đi ra tiếp đón và đã đưa Ngài đi vào khu ẩn cư. Với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa.

2789. Khi ấy, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, tôi đã ước nguyện về nghiệp ấy rằng:

2790. "Có phước thiện nào đã được tôi thực hiện ở đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, do nhờ tất cả [các] thiện nghiệp ấy, mong rằng tôi được vô nhiễm ở trong giáo pháp."

2791. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chỗ ngồi bằng bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chỗ ngồi bằng bông hoa.

2792. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphāsanadāyaka" là phần thứ năm.

316. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀSANATTHAVIKA
(*Āsanatthavikattherāpadānaṃ*)

2793. Ngôi bảo tháp của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī tên là Uttama. Lúc bấy giờ, tôi đã mò mẫm lang thang ở trong khu rừng hoang vắng.

2794. Sau khi lìa khỏi khu rừng bao la, tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tọa sư tử. Tôi đã khoác y một bên vai, đã chắp tay lên và đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2795. Sau khi đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian hết một khoảng thời gian trong ngày, [tôi đã] trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã thốt lên lời nói này:

2796. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, bạch đấng Nhân Ngưu, Ngài là đấng Toàn Tri."

2797. Bằng cách lấy Ngài làm đối tượng, tôi đã ngợi ca đức Phật Sikhī và đã đảnh lễ ngôi bảo tọa, sau đó tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2798. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đấng cao quý trong số các vị đang thuyết giảng trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

---

[5] *Pupphāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chỗ ngồi (*āsana*) bằng bông hoa (*puppha*)."

2799. Trước đây hai mươi bảy kiếp, bảy vị [cùng] tên Atulya ấy đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2800. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āsanatthavika[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āsanatthavika" là phần thứ sáu.

317. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

2801. Trong khi thuyết giảng về vị thế bất tử, đấng Đại Hùng có vóc dáng tốt đẹp, được tháp tùng bởi các bậc Thinh văn, cư ngụ ở căn nhà tối thượng.

2802. Bằng lời nói ngọt ngào ấy, Ngài [đã] thu hút đám đông dân chúng. Lời giảng đã vang vang và bao quát ở chư thiên và nhân loại.

2803. Sau khi lắng nghe âm thanh vang vang của bậc Đại Ẩn Sĩ Siddhattha, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm thanh và tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

2804. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2805. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ bảy.

318. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIRAṂSIYA
(*Tiraṃsiyattherāpadānaṃ*)

2806. [Tôi đã nhìn thấy đức Phật] Siddhattha đang chiếu sáng tất cả các phương ở trong vùng đồi núi, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, tợ như khối lửa ở ngọn núi.

2807. Sau khi nhìn thấy ánh sáng của đức Phật, ánh sáng của mặt trời, và tương tợ như thế ấy là ánh sáng của mặt trăng, niềm hạnh phúc đã sanh khởi đến tôi.

2808. Sau khi nhìn thấy ba loại ánh sáng, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã ngợi ca đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng của các vị Thinh văn.

2809. Bởi vì ở thế gian có ba nguồn ánh sáng xua đuổi bóng tối ở trên đời là mặt trăng, mặt trời, và đức Phật, đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

---

[6] *Āsanatthavika* nghĩa là "vị ngợi ca (*thavika*) ngôi bảo tọa (*āsana*)."

[7] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

2810. Tôi đã trình bày ví dụ so sánh và đã tán dương bậc Đại Hiền Trí. Sau khi tán dương vẻ đẹp của đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2811. Kể từ khi tôi đã tán dương đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

2812. Trước đây sáu mươi mốt kiếp, tôi đã là vị độc nhất tên Ñāṇadhara, là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2813. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiraṃsiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiraṃsiya" là phần thứ tám.

319. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KANDALIPUPPHIYA
(*Kandalipupphiyattherāpadānaṃ*)

2814. Lúc bấy giờ, tôi đã là người nông dân ở bờ sông Sindhu. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác.

2815. Trong lúc đi dọc theo sông Sindhu, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng Siddhattha đang ngồi thiền định, tợ như đóa hoa sen đã nở rộ.

2816. Khi ấy, tôi đã ngắt bảy bông hoa kandali ở cuống hoa. Tôi đã dâng lên ở đỉnh đầu của đức Phật, đấng Quyến Thuộc Của Mặt Trời.

2817. Bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, được định tĩnh trong [đề mục] thích hợp, tợ như loài voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi khó mà tiếp cận.

2818. Sau khi đi đến gần vị [có tính] cẩn trọng, có [các] giác quan đã được tu tập ấy, tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

2819. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2820. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kandalipupphiya" là phần thứ chín.

320. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMUDAMĀLIYA
(*Kumudamāliyattherāpadānaṃ*)

2821. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Đại Hùng Vipassī, vị Anh Hùng ưu tú cao quý, bậc Đại Ẩn Sĩ có sự chinh phục, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý.

2822. Khi bậc Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang bước đi ở đường lộ, tôi đã cầm lấy tràng hoa kumuda và đã rải rắc đến đức Phật tối thượng.

---

[8] *Tiraṃsiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) nguồn ánh sáng (*raṃsi*)."

2823. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2824. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumudamāliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumudamāliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng sự bảo vệ, vị dâng cúng vật thực, vị có sự suy tưởng về đức Phật đã đi qua, vị liên quan đến đóa hoa sen, vị có chỗ ngồi bằng bông hoa, vị ca ngợi, vị có sự suy tưởng về âm thanh, ba loại hào quang, vị có hoa kandali, vị có hoa kumuda, [tổng cộng] có năm mươi bảy câu kệ.

Phẩm Ārakkhadāyaka là phẩm thứ ba mươi hai.

[9] *Kumudamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) kumuda."

XXXIII. PHẨM UMMĀPUPPHIYA
(*UMMĀPUPPHIYAVAGGO*)

321. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UMMĀPUPPHIYA
(*Ummāpupphiyattherāpadānaṃ*)

2825. Tôi đã nhìn thấy đấng Tối Thượng Nhân, bậc Không Bị Đánh Bại Siddhattha đã được định tĩnh, đã được đạt đến và đã nhập vào thiền định.

2826. Tôi đã cầm lấy bông hoa ummā và đã dâng lên đức Phật. Tất cả các bông hoa có đầu quay về một hướng, có cuống hoa ở phía trên, có miệng hoa ở phía dưới.

2827. Trong khi ngự ở trên không trung, chúng có nhiều màu sắc tợ như chiếc thảm bông hoa. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2828. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2829. Trước đây năm mươi lăm kiếp, tôi đã vị lãnh chúa độc nhất tên Samantacchadana, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2830. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ummāpupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ummāpupphiya" là phần thứ nhất.

322. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINAPŪJAKA
(*Pulinapūjakattherāpadānaṃ*)

2831. [Tôi đã nhìn thấy] đấng Nhân Ngưu đang chiếu sáng, trông tợ như cây kakudha đang chói sáng, giống như con bò mộng thuần chủng, tợ như vì sao osadhī đang tỏa rạng.

2832. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Đạo Sư. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, tôi đã ngợi ca đấng Đạo Sư.

2833. Sau khi nhặt lấy cát vô cùng trong sạch và túm lại bằng vạt váy, tôi đã rải rắc ở con đường đã đi qua của bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

---

[1] *Ummāpupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ummā."

2834. Sau đó, với tâm ý trong sạch tôi đã rải xuống một nửa số cát ở chỗ nghỉ ngơi ban ngày của bậc Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

2835. [Kể từ khi] tôi đã rải xuống số cát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát.

2836. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinapūjaka" là phần thứ nhì.

323. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HĀSAJANAKA
(*Hāsajanakattherāpadānaṃ*)

2837. Sau khi nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ của bậc Đạo Sư được treo ở ngọn cây, tôi đã chắp tay lên và đã nâng tấm y lên cao hơn nữa.

2838. Sau khi nhìn lại từ đàng xa, nụ cười đã sanh khởi đến tôi. Sau khi chắp tay lên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín hơn nữa.

2839. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hāsajanaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hāsajanaka" là phần thứ ba.

324. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAÑÑASĀMIKA
(*Yaññasāmikattherāpadānaṃ*)

2841. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã là người thông thạo về chú thuật. Tôi đã duy trì truyền thống gia tộc, sự tế lễ đã được tôi khuyến khích.

2842. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn con thú bị giết chết bởi tôi. Chúng đã bị đưa lại ở cột trụ bằng lõi cây và được sẵn sàng cho mục đích tế lễ.

2843. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như mặt trăng vào ngày rằm.

2844. Đấng Toàn Giác Siddhattha, vị Đã Hoàn Thành Tất Cả Phận Sự, bậc Đem Lại Phúc Lợi Được Tôn Kính Bởi Tam Giới đã đi đến gần và đã nói lời nói này:

2845. "Này người trai trẻ, việc không hãm hại sanh mạng của mọi loài; sự xa lánh việc trộm cắp, việc gian dâm và việc uống chất say khiến Ta được hoan hỷ.

---

[2] *Pulinapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) cát (*pulina*)."

[3] *Hāsajanaka* nghĩa là "vị làm sanh khởi (*janaka*) nụ cười (*hāsa*)."

2846. Và sự thích thú trong sở hành bình lặng, sự hiểu rộng, lòng biết ơn, các pháp này nên được ca ngợi ở thế giới này và thế giới khác.

2847. Sau khi làm phát triển những pháp này, được vui thích về sự lợi ích đối với tất cả chúng sanh, sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, hãy tu tập đạo lộ tối thượng."

2848. Sau khi đã nói lời này, sau khi đã chỉ dạy tôi như thế, đấng Toàn Tri, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bay lên không trung và ra đi.

2849. Tôi đã làm cho tâm được trong sạch trước, và sau đó đã làm cho tâm được tịnh tín. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

2850. [Kể từ khi] tôi đã làm cho tâm được tịnh tín trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2851. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yaññasāmika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yaññasāmika" là phần thứ tư.

325. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTASAÑÑAKA
(*Nimittasaññakattherāpadānaṃ*)

2852. Tôi sống ở khu ẩn cư tại bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy con nai màu vàng chói đang bước đi ở trong khu rừng.

2853. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở con nai, tôi đã tưởng nhớ đến đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã tưởng nhớ đến các vị Phật khác.

2854. Chư Phật nào thuộc thời quá khứ xa xăm, hiện tại và vị lai, ba [thời] chư Phật ấy chói sáng như thế ấy tợ như con nai chúa.

2855. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

2856. Trước đây hai mươi bảy kiếp, tôi đã là vị lãnh chúa độc nhất tên Arañña-satta, là đấng Chuyển Luân Vương có oai lực lớn lao.

2857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nimittasaññaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nimittasaññaka" là phần thứ năm.

---

[4] *Yaññasāmika* nghĩa là "vị làm chủ (*sāmika*) lễ cúng tế (*yañña*)."

[5] *Nimittasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về hiện tướng (*nimitta*)."

326. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ANNASAṂSĀVAKA
(*Annasaṃsāvakattherāpadānaṃ*)

2858. Bậc Toàn Giác [Siddhattha], có màu da vàng chói tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

2859. Tôi đã rước bậc Toàn Giác Siddhattha, vị đã hoàn thành tất cả phận sự, bậc không còn dục vọng, vị không bị đánh bại, và tôi đã chăm lo bữa ăn đến bậc Đại Hiền Trí ấy.

2860. Khi ấy, bậc Hiền Trí, đấng Bi Mẫn Ở Thế Gian đã chiếu sáng đến tôi. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật, tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

2861. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

2862. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Annasaṃsāvaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Annasaṃsāvaka" là phần thứ sáu.

327. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIGGUṆḌIPUPPHIYA
(*Niggaṇḍipupphiyattherāpadānaṃ*)

2863. Khi vị thiên nhân mệnh chung từ tập thể chư thiên do sự chấm dứt của tuổi thọ, chư thiên đang tùy hỷ thường thốt lên ba lời nói rằng:

2864. "Này bạn, từ nơi đây bạn hãy đi đến nhàn cảnh có sự cộng trú với loài người. Có bản thể nhân loại, bạn hãy đạt được niềm tin tối thượng vào Chánh pháp.

2865. Mong rằng niềm tin ấy của bạn được tạo lập, được sanh khởi cội rễ, được vững vàng trong Chánh pháp đã khéo được công bố và không bị dao động cho đến hết cuộc đời."

2866. "Bạn hãy làm việc thiện bằng thân, nhiều việc thiện bằng khẩu. Bạn hãy làm việc thiện bằng ý, [là việc] không có khổ đau, không có mầm tái sanh.

2867. Sau đó, hãy làm nhiều việc phước còn có mầm tái sanh ấy bằng sự bố thí. Bạn cũng nên hướng dẫn những người bạn khác vào Chánh pháp, vào Phạm hạnh."

2868. Do lòng thương tưởng này, chư thiên khi đã biết vị thiên nhân đang mệnh chung, thường nói lời tùy hỷ rằng: "Hãy trở lại thành phố chư thiên lần nữa."

2869. Khi ấy, lúc hội chúng chư thiên đã hội tụ lại, đã có sự dao động ở tôi rằng: "Bị mệnh chung từ nơi này, ta sẽ đi đến sanh chủng nào?"

2870. Sau khi biết được sự dao động của tôi, vị Sa-môn có các giác quan đã được tu tập ấy, với ý muốn tiếp độ tôi, đã đi đến gặp tôi.

---

[6] *Annasaṃsāvaka* nghĩa là "vị ngợi ca (*saṃsāvaka*) về việc dâng cúng vật thực (*anna*)."

2871. Vị Thinh văn của [đức Phật] Padumuttara tên là Sumana. Khi ấy, vị ấy đã chỉ dạy ý nghĩa và giáo pháp, và đã làm cho tôi chấn động.

(Dứt tụng phẩm thứ mười hai).

2872. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật. Sau khi đảnh lễ bậc Trí tuệ ấy, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

2873. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra ở chính tại nơi ấy. Trong khi sống ở trong bụng mẹ, tôi đã được người mẹ cưu mang lần nữa.

2874. Sau khi mệnh chung từ thân ấy, tôi đã được sanh về thế giới chư thiên. Khi ấy, tôi không nhận thấy tâm ưu phiền trong khoảng thời gian ấy.

2875. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đạo-lợi, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Sau khi ra khỏi bụng mẹ, tôi đã biết được [nghiệp] đen lẫn trắng.

2876. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã đi vào tu viện của đức Thế Tôn Gotama, người con trai của dòng Sakya như thế ấy.

2877. Khi Phật ngôn đã được lan rộng, khi giáo pháp đã được nhiều người hiểu biết, tôi đã nhìn thấy ở tại nơi ấy những vị thực hành giáo pháp, những vị Tỳ-khưu của bậc Đạo Sư.

2878. Có thành phố tên là Sāvatthi, đức vua xứ Kosala ngự ở tại nơi ấy. Đức vua đã đi đến cội Bồ-đề tối thượng bằng chiếc xe được kéo bằng voi.

2879. Sau khi nhìn thấy con voi của đức vua, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Tôi đã chắp tay lên và đã đi đến cuộc hội họp.

2880. Chỉ mới bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vị Thinh văn tên Ānanda đã hầu cận đức Phật.

2881. [Là người] có hành vi hoàn hảo, lại có nghị lực, có niệm và nghe nhiều, trong khi làm tâm của đức vua được tịnh tín, vị có sự chói sáng rực rỡ đã truyền đạt lại [giáo pháp].

2882. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ. Trong khi là người đứng ở ngay tại chỗ ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2883. Sau khi khoác y một bên vai, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ đấng Toàn Giác, tôi đã thốt lên lời kệ này:

2884. Tôi đã nâng lên bông hoa niggaṇḍī rồi đã đặt xuống ở bảo tọa sư tử của đức Phật Padumuttara, đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Đạo Sư.

2885. "Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị thế bất động."

2886. Trong hai mươi lăm ngàn kiếp, các bậc thống lãnh loài người [ở mỗi kiếp] đã là từng nhóm tám vị Sát-đế-lỵ có tuổi thọ dài, rất dài.[7]

[7] *Abbuda* là số 1 thêm vào 56 số không, *nirabbuda* là số 1 thêm vào 63 số không. (ND)

2887. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Niggunḍipupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Niggunḍipupphiya" là phần thứ bảy.

328. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANĀVELIYA
(*Sumanāveliyattherāpadānaṃ*)

2888. Sau khi cùng nhau đi đến, tất cả dân chúng tiến hành việc cúng dường trọng thể đến đức Thế Tôn Vessabhū, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

2889. Khi ấy, tôi đã thực hiện một khối vôi bột cùng với vòng hoa đội đầu bằng bông hoa nhài, và tôi đã dâng lên ở phía trước bảo tọa sư tử.

2890. Tất cả dân chúng sau khi cùng nhau đi đến nhìn thấy bông hoa tối thượng [nói rằng]: "Người nào đã cúng dường bông hoa này đến đức Phật tối thượng như thế ấy?"

2891. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi Hóa Lạc thiên. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

2892. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều là đối tượng yêu quý của tất cả; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

2893. Tôi không biết đến sự phỉ báng [nào] đã được thực hiện bởi tôi bằng thân, bằng lời nói, hay bằng ý đối với các vị đạo sĩ khổ hạnh, những vị đã chế ngự bản thân.

2894. Do việc ấy đã được thực hành tốt đẹp và do các nguyện lực của tâm, tôi là đối tượng được cúng dường của tất cả; điều này là quả báo của việc không phỉ báng.

2895. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2896. Trước đây mười một kiếp, vị Sát-đế-lỵ tên Sahassāra đã là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2897. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanāveliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanāveliya" là phần thứ tám.

---

[8] *Niggunḍipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) niggunḍi."

[9] *Sumanāveliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa đội đầu (*āveli*) bằng hoa nhài (*sumana*)."

329. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUPPHACHATTIYA
(*Pupphachattiyattherāpadānaṃ*)

2898. [Trong lúc] đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang công bố về sự thật, đang giúp cho các sanh linh thành tựu Niết-bàn.

2899. [Khi ấy] tôi đã mang lại bông hoa sen mọc ở trong nước, làm thích ý. Sau khi thực hiện chiếc lọng che bằng bông hoa, tôi đã dâng lên đức Phật.

2900. Bậc Hiểu Biết Thế Gian Siddhattha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Đạo Sư, đứng ở hội chúng Tỳ-khưu đã nói lên lời kệ này:

2901. "Người nào sau khi làm cho tâm được tịnh tín ở Ta đã nắm giữ chiếc lọng che bằng bông hoa, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, người ấy không đi đến chốn khổ đau."

2902. Nói xong lời này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã giải tán hội chúng rồi đã bay lên khoảng không ở bầu trời.

2903. Khi vị Trời của nhân loại đứng dậy, chiếc lọng che màu trắng cũng đã vươn lên. Chiếc lọng che tối thượng di chuyển ở phía trước đức Phật tối thượng.

2904. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên chiếc lọng che trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc lọng bằng bông hoa.

2905. Vào kiếp thứ bảy mươi bốn, tám vị [cùng] tên Jalasikha đã là các đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2906. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pupphachattiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pupphachattiya" là phần thứ chín.

330. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAPARIVĀRACHATTADĀYAKA
(*Saparivārachattadāyakattherāpadānaṃ*)

2907. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, làm mưa cơn mưa giáo pháp, tợ như nước mưa tuôn ở bầu trời.

2908. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác ấy đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi về nhà của mình.

2909. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng che đã được tô điểm và đã đi đến gặp bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ tôi đã ném [chiếc lọng] lên không trung.

2910. Tợ như chiếc xe kéo đã được khéo điều khiển, tợ như vị đứng đầu các bậc Thinh văn đã được huấn luyện, [chiếc lọng che] đã tiến đến gần đấng Toàn Giác và đã đứng yên ở trên đỉnh đầu.

---

[10] *Pupphachattiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc lọng che (*chatta*) bằng bông hoa."

2911. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, đức Phật, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

2912. "Chiếc lọng che đã được tô điểm làm thích ý này đã được dâng cúng bởi người nào, do sự tịnh tín ấy ở trong tâm người ấy không đi đến khổ cảnh.

2913. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc ở giữa chư thiên bảy lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi hai lần.

2914. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

2915. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

2916. Hiểu được lời nói hùng tráng đã được thốt lên là ngôn từ của đức Phật, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

2917. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã ngự đến sanh chủng thiên nhân. Có tòa lâu đài tối thượng làm thích ý đã được sanh lên cho tôi.

2918. Trong khi [tôi] rời khỏi cung điện, có chiếc lọng che màu trắng đã được cầm giữ [che cho tôi]. Khi ấy, tôi đã đạt được sự tưởng nhớ lại; điều này là quả báo của nghiệp quá khứ.

2919. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến bản thể nhân loại. Trước đây bảy trăm kiếp, tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần.

2920. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thành phố chư thiên. Sau khi tuần tự luân hồi, tôi đã quay trở lại cuộc sống nhân loại.

2921. Trong khi tôi hạ sanh vào bụng mẹ, có những người đã nắm giữ chiếc lọng màu trắng [che cho tôi]. Được bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

2922. Vị Bà-la-môn tên Sunanda là thông thạo về chú thuật. Vị ấy đã cầm lấy chiếc lọng che bằng pha lê và đã dâng cúng đến vị tối thượng Thinh văn.

2923. Bậc Đại Anh hùng, nhà thuyết giảng vĩ đại Sāriputta đã nói lời tùy hỷ. Sau khi lắng nghe lời tùy hỷ của vị ấy, tôi đã tưởng nhớ lại nghiệp quá khứ.

2924. Tôi đã chắp tay lên và đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Sau khi nhớ lại nghiệp quá khứ, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2925. Sau khi từ chỗ ngồi đứng dậy, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã thốt lên lời nói này:

2926. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đức Phật, bậc Vô Thượng Ở Thế Gian, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara là vị thọ nhận các vật hiến cúng.

2927. Tôi đã dâng cúng chiếc lọng che đã được tô điểm có nhiều màu sắc đến Ngài. Đấng Tự Chủ, Nhân Vật Cao Cả đã nhận lấy bằng hai tay.

2928. Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư của chúng ta! Do sự dâng cúng một chiếc lọng che, tôi đã không đi đến chốn khổ đau.

2929. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

2930. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saparivārachattadāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saparivārachattadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa ummā, [vị cúng dường] cát, nụ cười, vật tế lễ, vật báo hiệu, vị ngợi ca [về sự cúng dường vật thực], vị có bông hoa niggaṇḍī, bông hoa nhài, vị có chiếc lọng che bằng bông hoa, vị có chiếc lọng che và các vật phụ thuộc, [tổng cộng] có hơn một trăm lẻ bảy câu kệ.

Phẩm Ummāpupphiya là phẩm thứ ba mươi ba.

XXXIV. PHẨM GANDHADHŪPIYA
(*GANDHADHŪPIYAVAGGO*)

331. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHADHŪPIYA
(*Gandhadhūpiyattherāpadānaṃ*)

2931. Tôi đã dâng cúng nhang thơm đến đức Thế Tôn Siddhattha. Nhang thơm ấy được bao phủ bằng [mùi hương của] các bông hoa nhài và được phù hợp với đức Phật.

2932. Đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây cột trụ bằng vàng, tợ như bông hoa súng được chói sáng, tợ như ngọn lửa tế thần được cháy rực.

2933. Tợ như con hổ hùng tráng cao quý, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, Ngài đã ngồi xuống ở phía trước hội chúng gồm các vị Tỳ-khưu cao quý trong số các bậc Sa-môn.

2934. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã chắp tay lên. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

2935. Kể từ khi tôi đã cúng dường hương thơm cho đến chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường hương thơm.

2936. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhadhūpiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhadhūpiya" là phần thứ nhất.

332. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKAPŪJAKA
(*Udakapūjakattherāpadānaṃ*)

2937. [Tôi đã nhìn thấy] bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, chói sáng như là ngọn lửa từ bơ lỏng, cháy rực như là ngọn lửa tế thần, đang di chuyển bằng đường không trung.[1]

2938. Tôi đã dùng bàn tay múc nước và đã hắt lên không trung. Đấng Đại Hùng, đức Phật, đấng Bi Mẫn, bậc Ẩn Sĩ đã tiếp nhận.

2939. Đứng ở trên không trung, bậc Đạo Sư tên Padumuttara sau khi biết được ý định của tôi đã nói lên lời kệ này:

[1] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka, số 106, trang 130.

2940. "Do sự dâng cúng nước này và do sự sanh khởi niềm phỉ lạc, ngươi không bị sanh vào khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp."

2941. Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào việc làm ấy, sau khi từ bỏ sự hơn thua, con đã đạt được vị thế bất động.

2942. Và [trước đây] sáu ngàn năm trăm kiếp, ba đấng Chuyển Luân Vương tên Sahassarāja đã là các vị thống lãnh dân chúng [chinh phục] bốn phương.

2943. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakapūjaka" là phần thứ nhì.

333. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUNNĀGAPUPPHIYA
(*Punnāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

2944. Sau khi đã đi sâu vào khu rừng rậm, tôi sinh sống, là người thợ săn. Sau khi nhìn thấy cây punnāga đã được trổ hoa, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.[3]

2945. Tôi đã thu nhặt bông hoa xinh đẹp tỏa hương thơm ngào ngạt ấy. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp ở trên cát, tôi đã dâng [bông hoa] lên đức Phật.

2946. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

2947. [Trước đây] chín mươi mốt kiếp, tôi đã là vị Tamonuda độc nhất, là đấng Chuyển Luân Vương, được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao.

2948. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Punnāgapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya" là phần thứ ba.

334. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA
(*Ekadussadāyakattherāpadānaṃ*)

2949. Tôi đã là người gánh cỏ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

2950. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi.

---

[2] *Udakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) nước (*udaka*)."

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Punnāgapupphiya, số 159, trang 165.

[4] *Punnāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) punnāga."

2951. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của mình, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian, và vật xứng đáng để dâng cúng thì ta không có.

2952. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có người thí chủ nào. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng dường."

2953. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

2954. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã nói lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua."

2955. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng:

2956. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, [người này] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

2957. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

2958. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người.

2959. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn."

2960. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

2961. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tấm vải.

2962. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi.

2963. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, luôn cả rừng rậm cùng với núi non.

2964. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này cõi khác.

2965. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây.

2966. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải.

2967. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

2968. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadussadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka" là phần thứ tư.

335. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHUSITAKAMPIYA
(*Phusitakampiyattherāpadānaṃ*)

2969. Lúc bấy giờ, đấng Toàn Giác tên Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, được tùy tùng bởi các bậc Lậu tận, đã cư ngụ tại tu viện của hội chúng.

2970. Rồi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī cùng với tám trăm ngàn bậc Lậu tận đã đi ra từ cánh cổng tu viện.

2971. Là vị quấn y phục bằng da dê và cũng là vị mặc y phục bằng vỏ cây, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha rồi đã đi đến gần bậc Toàn Giác.

2972. Sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lên, tôi đã cầm lấy nước bông hoa kusumbha và đã rưới lên đức Phật.

2973. Do việc làm ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara đã tán dương việc làm của tôi, rồi đã ra đi theo như ý định.

2974. Kể từ khi tôi đã cúng dường năm ngàn giọt [nước], tôi đã [trở thành vị Thiên vương] cai quản thiên quốc đúng hai ngàn năm trăm kiếp.

2975. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương đúng hai ngàn năm trăm kiếp. Với nghiệp còn dư sót, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

2976. Vào lúc tôi là vị Thiên vương, vào lúc tôi là vị thống lãnh nhân loại, tôi có tên là Phusita, chính tên gọi ấy là thuộc về tôi.

2977. Trong khi là vị thiên nhân cũng như khi là loài người, mưa đổ xuống như nhỏ giọt ở xung quanh tôi một sải tay.

2978. Các lần tái sanh của tôi đã được tiêu diệt, các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận; điều này là quả báo của giọt nước.

2979. Mùi thơm tỏa ra từ thân thể của tôi giống như mùi của trầm hương. Mùi thơm của tôi từ cơ thể tỏa ra [khoảng cách] một nửa kosa.[6]

2980. Là người có được nghiệp phước thiện đang tỏa ra hương thơm của cõi trời, mọi người sau khi ngửi được mùi hương biết được là Phusita đã đi đến đây.

2981. Các cành cây, các lá cây, các nhánh cây và luôn cả toàn bộ các loại cỏ, thuận theo ý định của tôi, có hương thơm được sanh lên trong giây lát.

---

[5] *Ekadussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) tấm vải (*dussa*)."

[6] *Kosa* là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

2982. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường trầm hương trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của giọt nước.

2983. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phusitakampiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phusitakampiya" là phần thứ năm.

336. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PABHAṄKARA
(*Pabhaṅkarattherāpadānaṃ*)

2984. Ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đã ngự ở trong khu rừng đông đúc thú dữ.

2985. Không người nào đã dám đi đến để đảnh lễ ngôi bảo tháp. Bị bao phủ bởi cỏ, cây cối và dây leo, ngôi bảo tháp đã bị sụp đổ.

2986. Khi ấy, tôi đã là người thợ rừng theo nghề của cha và ông nội. Tôi đã nhìn thấy ngôi bảo tháp đổ nát, bị chằng chịt bởi cỏ và dây leo ở trong khu rừng.

2987. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp của đức Phật, tôi đã thiết lập tâm cung kính rằng: "Đây là ngôi bảo tháp của đức Phật tối thượng, nó đã bị sụp đổ và còn tồn tại ở trong khu rừng.

2988. Thật không đúng đắn, không hợp lẽ đối với người biết được điều phải quấy! Ta hãy dọn sạch ngôi bảo tháp của đức Phật rồi hãy chăm lo công việc khác."

2989. Sau khi dọn sạch cỏ, cây cối và dây leo ở ngôi bảo tháp, tôi đã đảnh lễ tám lượt rồi đã cúi mình ra đi.

2990. Do việc làm ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

2991. Tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

2992. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lượt. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi lăm lần.

2993. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

2994. Khi tôi đang di chuyển bằng kiệu khiêng, bằng lưng voi ở trong khu rừng, bất cứ hướng nào tôi đi đến, khu rừng đều có sự trợ giúp đến tôi.

2995. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, gốc cây hoặc thậm chí gai nhọn mà tôi không nhìn thấy bằng mắt, tự chính chúng được dời đi.

2996. Và bệnh cùi, nhọt, chàm, động kinh, ghẻ, lở, ngứa không xảy đến cho tôi; điều này là quả báo của việc dọn sạch [ngôi bảo tháp].

2997. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi không biết đến khối u mọc lên ở cơ thể của tôi.

2998. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và loài người.

2999. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tôi có màu da vàng chói, có sự phát ra ánh sáng ở khắp mọi nơi.

3000. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sự khó chịu biến mất và sự khoan khoái hiện hữu.

3001. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là tâm tôi được trong sạch, có sự chăm chú, khéo được định tĩnh.

3002. Còn có điều phi thường khác nữa cho tôi khi ngôi bảo tháp đã được dọn sạch là sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

3003. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc làm sạch sẽ.

3004. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pabhaṅkara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pabhaṅkara" là phần thứ sáu.

337. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAKUṬIDĀYAKA
(*Tiṇakuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

3005. Tôi đã là người làm công cho người khác ở thành phố Bandhumatī. Tôi bị vướng bận trong việc quán xuyến công việc của người khác và [sống] lệ thuộc vào vật thực của người khác.

3006. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, vào lúc ấy tôi đã suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian và hành động hướng thượng của ta là không có.

3007. Thời điểm để dọn sạch cảnh giới tái sanh, cơ hội đã được sắp xếp cho ta. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở cho những chúng sanh thật sự không có phước báu."

3008. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã đi đến gặp người chủ công việc. Sau khi yêu cầu về công việc trong một ngày, tôi đã đi vào khu rừng.

3009. Khi ấy, tôi đã mang lại cỏ, cây gỗ và dây leo. Sau khi dựng lên ba cây gậy, tôi đã thực hiện cái lều bằng cỏ.

3010. Sau khi cúng hiến cái lều nhỏ ấy vì sự lợi ích của hội chúng, tôi đã trở về nội trong ngày hôm ấy và đã đi đến gặp người chủ công việc.

3011. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Do nhờ [quả báo của việc dâng cúng] cái lều nhỏ bằng cỏ, tại nơi ấy có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đã được hóa hiện ra.

3012. [Cung điện ấy] có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn được trang hoàng với những lá cờ, được làm với màu lục, có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

3013. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có tòa lâu đài hiện diện kế bên đúng theo ý định của tôi.

3014. Sự sợ hãi, hoặc trạng thái u mê, hoặc lông rởn ốc là không được biết đến, tôi không biết đến sự run sợ của tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3015. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, tất cả đều tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3016. Các loài bò sát và các hạng ma quỷ, các con rắn, các ác thần và các quỷ sứ, các hạng này cũng tránh xa tôi; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3017. Tôi không nhớ tôi có sự nhìn thấy giấc mộng xấu xa [lần nào], niệm của tôi hiện hữu; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3018. Chỉ nhờ vào cái lều nhỏ bằng cỏ, tôi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3019. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái lều nhỏ bằng cỏ.

3020. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇakuṭidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇakuṭidāyaka" là phần thứ bảy.

338. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTAREYYADĀYAKA (*Uttareyyadāyakattherāpadānaṃ*)

3021. Lúc bấy giờ, ở thành phố Haṃsavatī tôi đã là vị Bà-la-môn, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà.

3022. Tôi là người có dòng dõi, khéo được học tập, được các người học trò của mình trọng vọng. Khi ấy, tôi đã đi ra khỏi thành phố nhằm mục đích rửa tội bằng nước.

3023. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Được tháp tùng bởi một ngàn bậc Vô lậu, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành phố.

3024. Tôi đã nhìn thấy vị có dáng vóc vô cùng tao nhã như là đã được tạo nên bởi sự không còn dục vọng, được tháp tùng bởi các vị A-la-hán. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

3025. Tôi đã chắp tay lên ở đầu và đã cúi chào bậc Có Sự Hành Trì Tốt Đẹp. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tấm áo choàng.

---

[7] *Tiṇakuṭidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái lều nhỏ (*kuṭi*) bằng cỏ (*tiṇa*)."

3026. Sau khi nâng lên bằng cả hai tay, tôi đã thảy tấm vải choàng lên. Hội chúng của đức Phật đứng đến nơi đâu thì tấm vải choàng đã che đến nơi ấy.

3027. Khi ấy, trong lúc làm tấm che cho hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, v.v... đang đi khất thực, [tấm vải choàng] đã đứng yên, khiến cho tôi được vui mừng.

3028. Trong khi tôi đang từ nhà bước ra, đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả, bậc Đạo Sư đứng ở tại đường lộ, đã nói lời tùy hỷ với tôi rằng:

3029. "Người nào với tâm tịnh tín, với ý vui mừng đã dâng cúng tấm vải choàng đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3030. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần.

3031. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, sẽ có được sự che phủ bằng tấm vải ở xung quanh một trăm do-tuần.

3032. Và [người ấy] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi sáu lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3033. Người có được nghiệp phước thiện, trong khi luân hồi ở cõi hữu, sẽ tức thời đạt được mọi điều ước nguyện ở trong tâm.

3034. Người nam này sẽ đạt được các tấm vải làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải có giá trị cao.

3035. Người nam này sẽ đạt được mọi ước nguyện ở trong tâm và sẽ thọ hưởng quả thành tựu của [việc dâng cúng] một tấm vải vào mọi thời điểm.

3036. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia và sẽ đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama."

3037. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến đấng Toàn Tri, bậc Đại Ẩn Sĩ. Sau khi dâng cúng một tấm vải choàng, tôi đã đạt được vị thế bất tử.

3038. Trong lúc tôi sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, có tấm che bằng vải được duy trì ở xung quanh tôi một sải tay.

3039. Tôi sử dụng y và vật dụng không phải do gợi ý xin xỏ, tôi có sự thành đạt về cơm ăn nước uống; điều này là quả báo của tấm áo choàng.

3040. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng tấm vải.

3041. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttareyyadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttareyyadāyaka" là phần thứ tám.

---

[8] *Uttareyyadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm áo choàng (*uttareyya*)."

339. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMASAVAṆIYA
(*Dhammasavaṇiyattherāpadānaṃ*)

3042. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật, đã giúp cho nhiều người vượt qua.

3043. Lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây.

3044. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Lúc ấy, tợ như con chim bị va vào tảng đá, tôi đã không đạt được sự di chuyển.

3045. Sự hư hoại về oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây. Giống như người nổi trên mặt nước, tôi [thường] di chuyển ở không trung như vậy.

3046. "Chắc là có người có bản chất cao thượng đang ngồi ở phía bên dưới. Hừ! Ta sẽ tìm hiểu việc này. Ít ra ta cũng có thể biết được nguyên nhân."

3047. Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư đang thuyết giảng về tính chất vô thường, khi ấy tôi đã học tập điều ấy.

3048. Sau khi đã học tập sự suy tưởng về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

3049. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe giáo pháp ấy. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3050. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần.

3051. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3052. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường.

3053. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi có nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy, [nhưng] tôi [đã] không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tử.

3054. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."[9]

3055. Sau khi lắng nghe câu kệ ngôn, tôi đã nhớ lại việc làm quá khứ. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

3056. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên.

3057. Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn tất việc cần làm. Hôm nay, còn có việc gì tôi cần phải làm ở giáo pháp của người con trai dòng Sakya?

---

[9] Câu kệ này được thấy ở nhiều nơi trong tạng Kinh.

3058. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo của việc lắng nghe Chánh pháp.

3059. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammasavaṇiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaṇiya" là phần thứ chín.

340. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKHITTAPADUMIYA
(*Ukkhittapadumiyattherāpadānaṃ*)

3060. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã lội xuống hồ sen và đã hái những đóa hoa sen.

3061. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp cùng với một trăm ngàn bậc có tâm an tịnh như thế ấy.

3062. Khi ấy, trong khi lưu tâm đến sự tiến hóa của tôi, Ngài cùng với các bậc Lậu tận trong sạch có sáu thắng trí, đã đi đến chỗ của tôi.

3063. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, khi ấy tôi đã ngắt đóa hoa sen ở cuống và đã thảy lên không trung.

3064. "Bạch đấng Anh Hùng, nếu Ngài là đức Phật, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, xin cho các đóa sen tự đi đến và duy trì ở trên đỉnh đầu Ngài."

3065. Đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã chú nguyện. Do nhờ oai lực của đức Phật, chúng đã duy trì ở trên đỉnh đầu.

3066. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3067. Có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi đây. Nó được gọi tên là "Satapattaṃ" có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

3068. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

3069. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

3070. Chỉ nhờ vào một đóa sen hồng ấy, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đắc chứng giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3071. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[10] *Dhammasavaṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc lắng nghe (*savaṇa*) pháp (*dhamma*)."

3072. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một đóa sen hồng.

3073. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ukkhittapadumiya[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ukkhittapadumiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Nhang thơm, [vị cúng dường] nước, bông hoa punnāga, vị có tấm vải độc nhất, giọt nước [thơm], vị Pabhaṅkara, vị dâng cúng cái lều [cỏ], vị có tấm áo choàng, vị có sự lắng nghe, vị có một đóa sen hồng; các câu kệ được gộp chung lại ở phẩm này là một trăm câu kệ và bốn mươi bốn câu nữa.

Phẩm Gandhadhūpiya là phẩm thứ ba mươi bốn.

[11] *Ukkhittapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến đóa sen hồng (*paduma*) đã được thảy lên (*ukkhitta*) không trung."

XXXV. PHẨM EKAPADUMIYA
(*EKAPADUMIYAVAGGO*)

341. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPADUMIYA
(*Ekapadumiyattherāpadānaṃ*)

3074. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi giảng giải ở cõi này cõi khác, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

3075. Khi ấy, tôi là con thiên nga chúa cao quý trong số các loài chim [lưỡng sanh]. Tôi lặn xuống hồ nước thiên nhiên và vui giỡn trò đùa của loài thiên nga.

3076. Vào khi ấy, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Chiến Thắng đã đi đến ở bên trên của hồ nước thiên nhiên.

3077. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã ngắt đóa sen hồng trăm cánh đáng yêu ở cuống hoa.

3078. Được tịnh tín vào đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi dùng mỏ gắp lấy và thả lên bầu trời, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

3079. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đứng ở không trung đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng:

3080. "Do một đóa sen hồng này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp."

3081. Nói xong điều ấy, bậc Toàn Giác tên Padumuttara, sau khi tán dương việc làm của tôi, đã ra đi theo như ý định.

3082. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3083. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapadumiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapadumiya" là phần thứ nhất.

---

[1] *Ekapadumiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) đóa sen hồng (*paduma*)."

342. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA
(*Ti-uppalamāliyattherāpadānaṃ*)

3084. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.

3085. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ.

3086. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu.

3087. Sau khi dâng lên các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī, sau khi đạt đến sự tôn kính, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3088. Trong khi đang cúi mình ra đi, với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống.

3089. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3090. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3091. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3092. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamāliya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya" là phần thứ nhì.

343. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAJADĀYAKA
(*Dhajadāyakattherāpadānaṃ*)

3093. Đấng Đạo Sư tên Tissa đã là bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu. Sau khi nhìn thấy sự đoạn tận mầm mống tái sanh [sự viên tịch Niết-bàn] của Ngài, tôi đã treo lên lá cờ.

3094. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3095. Tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3096. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của mình, [là nghiệp] đã khéo được thực hiện bởi bản thân trong thời quá khứ.

---

[2] *Ti-uppalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa (*mālā*) gồm ba (*ti*) đóa sen xanh (*uppala*)."

3097. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng lá cờ.

3098. Và giờ đây, trong lúc mong muốn tôi có thể che đậy [mặt đất] có rừng rậm luôn cả núi non bằng loại vải sợi lanh; vào khi ấy quả báo của tôi đã được thể hiện.

3099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhajadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhajadāyaka" là phần thứ ba.

344. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIṄKIṆIPŪJAKA
(*Tikiṅkiṇipūjakattherāpadānaṃ*)

3100. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Bhūtagaṇa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ vướng ở ngọn cây.

3101. Khi ấy, tôi đã thu nhặt ba bông hoa kiṅkiṇi và đã trở nên mừng rỡ, với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

3102. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ba đóa hoa.

3103. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikiṅkiṇipūjaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikiṅkiṇipūjaka" là phần thứ tư.

345. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶĀGĀRIKA
(*Naḷāgārikattherāpadānaṃ*)

3104. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Hārita. Khi ấy, đấng Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở gốc cây.

3105. Tôi đã thực hiện gian nhà bằng cây sậy và đã lợp bằng cỏ. Sau khi dọn sạch sẽ con đường kinh hành, tôi đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ.

3106. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười bốn kiếp, và đã cai quản thiên quốc bảy mươi bốn lần.

3107. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3108. Cung điện của tôi có chiều cao tợ như chiếc cầu vồng đã xuất hiện, có ngàn cây cột trụ, không thể so sánh, là cung điện có sự rực rỡ.

3109. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi thọ hưởng hai sự thành tựu, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

---

[3] *Dhajadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) lá cờ (*dhaja*)."

[4] *Tikiṅkiṇipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ba (*ti*) bông hoa *kiṅkiṇi*."

3110. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh, sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3111. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷāgārika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷāgārika" là phần thứ năm.

346. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CAMPAKAPUPPHIYA (*Campakapupphiyattherāpadānaṃ*)

3112. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Cāpala. Đức Phật tên Sudassana đã cư trú ở trong vùng đồi núi.

3113. Sau khi hái bông hoa ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang di chuyển ở không trung.

3114. Khi ấy, tôi đã đặt tám bông hoa campaka ở trên đầu rồi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ.

3115. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3116. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Campakapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Campakapupphiya" là phần thứ sáu.

347. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAPŪJAKA (*Padumapūjakattherāpadānaṃ*)

3117. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có vị Phật tên Sambhava đã cư ngụ ở ngoài trời.

3118. Tôi đã lìa khỏi chỗ cư ngụ và đã mang đến [dâng] đóa sen hồng. Sau khi đã cầm giữ [đóa sen] một ngày, tôi đã quay trở về chỗ trú ngụ.

3119. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3120. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] *Naḷāgārika* nghĩa là "vị liên quan đến gian nhà (*āgāra*) bằng cây sậy (*naḷa*)."

[6] *Campakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) campaka."

Đại đức Trưởng lão Padumapūjaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumapūjaka" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ mười ba).

348. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAMUṬṬHIDĀYAKA

(*Tiṇamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

3121. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Bậc Toàn Giác tên Upatissa đã đi kinh hành ở bên ngoài trời.

3122. Lúc bấy giờ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy.

3123. Với tâm ý trong sạch, khi ấy tôi đã dâng cúng nắm cỏ để làm chỗ ngồi đến đức Phật, bậc Đại Ẩn Sĩ ấy.

3124. Sau khi dâng cúng đến vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín nhiều hơn nữa. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3125. Vừa mới ra đi không bao lâu, [con sư tử] vua của loài thú đã tấn công tôi. Trong lúc bị con sư tử vật ngã, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

3126. [Do] việc làm đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, là vừa mới xảy ra đây, tợ như tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên.

3127. Ở tại nơi ấy, tòa lâu đài xinh đẹp có một ngàn khu vực, có một trăm quả cầu tròn, được trang hoàng với những lá cờ, có màu lục, đã được hóa hiện ra do nghiệp phước thiện.

3128. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao. Được quây quần với các nàng tiên nữ trẻ, tôi đã sướng vui theo ước muốn của dục vọng.

3129. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể loài người và đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3130. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chỗ ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm cỏ.

3131. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka" là phần thứ tám.

---

[7] *Tiṇamuṭṭhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm (*muṭṭhi*) cỏ (*tiṇa*)."

349. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TINDUKAPHALADĀYAKA
(*Tindukaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3132. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng.

3133. Sau khi nhìn thấy cây tinduka có trái, tôi đã ngắt cả chùm. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng đến [đức Phật] Vessabhū.

3134. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3135. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tindukaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tindukaphaladāyaka" là phần thứ chín.

350. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAÑJALIYA
(*Ekañjaliyattherāpadānaṃ*)

3136. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Revata đã cư ngụ ở bờ sông. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như mặt trời có tia sáng màu vàng.

3137. [Đức Phật] trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, tôi đã thể hiện sự chắp tay lại.

3138. [Kể từ khi] tôi đã thể hiện sự chắp tay ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc chắp tay.

3139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekañjaliya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekañjaliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có đóa sen hồng, vị có tràng hoa sen xanh, lá cờ, vị có bông hoa kiṅkiṇi, [gian nhà bằng] cây sậy, bông hoa campaka, đóa sen hồng, nắm [cỏ], cây tinduka, và vị chắp tay lại là tương tợ; [tổng cộng] có sáu mươi sáu câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Ekapadumiya là phẩm thứ ba mươi lăm.

---

[8] *Tindukaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) tinduka."

[9] *Ekañjaliya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) chắp tay (*añjali*)."

XXXVI. PHẨM SADDASAÑÑAKA
(*SADDASAÑÑAKAVAGGO*)

351. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SADDASAÑÑAKA
(*Saddasaññakattherāpadānaṃ*)

3140. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác được vây quanh bởi hội chúng chư thiên.

3141. Trong lúc Ngài đang công bố về bốn sự thật [và] đang tiếp độ đám đông dân chúng, tôi đã lắng nghe lời nói ngọt ngào tương tợ tiếng hót của loài chim Karavīka.

3142. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào âm vang giọng nói Phạm thiên của bậc Hiền Trí Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian, tôi đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3143. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của niềm tịnh tín.

3144. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saddasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saddasaññaka" là phần thứ nhất.

352. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YAVAKALĀPIYA
(*Yavakalāpiyattherāpadānaṃ*)

3145. Lúc bấy giờ, tôi đã là người trồng lúa mạch ở thành phố Aruṇavatī. Sau khi nhìn thấy bậc Toàn Giác ở đường lộ, tôi đã trải xuống bó rơm lúa mạch.

3146. Biết được ý định của tôi, bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian Sikhī đã ngồi xuống ở tấm trải bằng rơm lúa mạch.

3147. Sau khi nhìn thấy bậc Vô Nhiễm, vị có Thiền Chứng Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã ngồi xuống, sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tại nơi ấy tôi đã mệnh chung.

3148. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp,

[1] *Saddasaññaka* nghĩa là "vị suy tưởng (*saññaka*) về âm thanh (*sadda*)."

tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc trải thảm rơm lúa mạch.

3149. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yavakalāpiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yavakalāpiya" là phần thứ nhì.

353. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṂSUKAPŪJAKA (*Kiṃsukapūjakattherāpadānaṃ*)

3150. Sau khi nhìn thấy cây kiṃsuka đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi suy tưởng về đức Phật Siddhattha, tôi đã cúng dường ở không trung.

3151. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3152. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṃsukapūjaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṃsukapūjaka" là phần thứ ba.

354. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKOṬAKAKORAṆḌADĀYAKA (*Sakoṭakakoraṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

3153. Và sau khi nhìn thấy dấu chân đã bước qua của đấng Quyến Thuộc Thế Gian Sikhī, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai và đã đảnh lễ dấu chân tối thượng.

3154. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất đã được trổ hoa, tôi đã ngắt một chùm và đã cúng dường ở dấu chân có hình bánh xe.

3155. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường dấu chân.

3156. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakoṭakakoraṇḍadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakoṭakakoraṇḍadāyaka" là phần thứ tư.

355. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DAṆḌADĀYAKA (*Daṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

3157. Lúc bấy giờ, tôi đã đi sâu vào khu rừng hoang rậm và đã đốn cây tre. Sau khi cầm lấy thanh đòn ngang, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

---

[2] *Yavakalāpiya* nghĩa là "vị liên quan đến bó rơm (*kalāpa*) lúa mạch (*yava*)."

[3] *Kiṃsukapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa kiṃsuka."

[4] *Sakoṭakakoraṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chùm (*sakoṭaka*) bông hoa koraṇḍa."

3158. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các bậc có sự hành trì tốt đẹp. Tôi cũng đã dâng cúng thanh đòn ngang, rồi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3159. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy.

3160. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Tưởng lão Daṇḍadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Daṇḍadāyaka" là phần thứ năm.

356. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAYĀGUDĀYAKA (*Ambayāgudāyakattherāpadānaṃ*)

3161. Bậc Giác Ngộ tên Sataraṃsī, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, sau khi xuất khỏi định đã đi đến tôi về việc khất thực.

3162. Sau khi nhìn thấy vị Phật Độc Giác có tâm thanh tịnh, tôi đã dâng cúng món cháo xoài đến Ngài với tâm ý trong sạch.

3163. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món cháo xoài.

3164. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambayāgudāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambayāgudāyaka" là phần thứ sáu.

357. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPUṬAKAPŪJAKA (*Supuṭakapūjakattherāpadānaṃ*)

3165. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, trong khi lìa khỏi việc nghỉ ngơi ban ngày, trong khi đi đó đây về việc khất thực, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

3166. Do điều ấy, được sung sướng, có tâm ý vui mừng, tôi đã dâng cúng chiếc hộp đựng muối xinh đẹp đến đức Phật tối thượng như thế ấy, [và] tôi đã sướng vui ở cõi trời một kiếp.

3167. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc hộp xinh đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc hộp.

3168. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supuṭakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supuṭakapūjaka" là phần thứ bảy.

---

[5] *Daṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây gậy (*daṇḍa*)."

[6] *Ambayāgudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cháo (*yāgu*) xoài (*amba*)."

[7] *Supuṭakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) chiếc hộp (*puṭaka*) xinh đẹp (*su*)."

358. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA
(*Mañcadāyakattherāpadānaṃ*)

3169. Do được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một chiếc giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

3170. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường nhỏ ấy, tôi đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

3171. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

3172. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka" là phần thứ tám.

359. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

3173. Lúc bấy giờ, tôi là đạo sĩ lõa thể. Vị Tỳ-khưu và tôi đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị đắm, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ.

3174. [Kể từ khi] vị ấy ban cho sự nương nhờ đến tôi trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đi đến nương nhờ.

3175. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ chín.

360. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIṆḌAPĀTIKA
(*Piṇḍapātikattherāpadānaṃ*)

3176. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Tissa đã cư ngụ ở trong khu rừng lớn. Sau khi Ngài đã từ chính cõi trời Đẩu-suất về lại nơi đây, tôi đã dâng cúng vật thực.

3177. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao tên Tissa, sau khi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất.

3178. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

---

[8] *Mañcadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*mañca*)."

[9] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*), tức là đã quy y."

3179. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piṇḍapātika[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piṇḍapātika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có sự suy tưởng về âm thanh, vị trồng lúa mạch, các bông hoa kiṃsuka, và bông hoa koraṇḍa, thanh đòn ngang, món cháo xoài, vị có chiếc hộp xinh đẹp, vị dâng cúng chiếc giường, sự nương nhờ, và món vật thực; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ.

Phẩm Saddasaññaka là phẩm thứ ba mươi sáu.

[10] *Piṇḍapātika* nghĩa là "vị liên quan đến đồ ăn khất thực (*piṇḍapāta*)."

XXXVII. PHẨM MANDĀRAVAPUPPHIYA
(*MANDĀRAVAPUPPHIYAVAGGO*)

361. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MANDĀRAVAPUPPHIYA
(*Mandāravapupphiyattherāpadānaṃ*)

3180. Sau khi từ cõi trời Đạo-lợi đi đến nơi đây, người thanh niên tên Maṅgala đã cầm lấy bông hoa mandārava dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

3181. Tôi đã đặt ở trên đỉnh đầu của [đức Phật] đang ngồi nhập định. Sau khi đã duy trì bảy ngày, tôi đã trở về lại thế giới chư thiên.

3182. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3183. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mandāravapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mandāravapupphiya" là phần thứ nhất.

362. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAKKĀRUPUPPHIYA
(*Kakkārupupphiyattherāpadānaṃ*)

3184. Sau khi từ cõi trời Dạ-ma đi đến vị Gotama vinh quang và quý trọng ở cõi người, tôi đã cầm lấy bông hoa kakkāru và đã dâng lên đức Phật.

3185. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3186. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kakkārupupphiya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kakkārupupphiya" là phần thứ nhì.

---

[1] *Mandāravapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) mandārava."

[2] *Kakkārupupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kakkāru."

363. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISAMUḶĀLADĀYAKA
(*Bhisamuḷāladāyakattherāpadānaṃ*)

3187. Đấng Toàn Giác tên Phussa là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Trí Tuệ đã đi đến gần chỗ của tôi.

3188. Sau khi đã làm cho tâm được tịnh tín vào đấng Đại Bi, bậc Chiến Thắng ấy, tôi đã cầm lấy rễ và củ sen rồi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3189. Kể từ khi tôi đã dâng cúng củ sen trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

3190. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisamuḷāladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisamuḷāladāyaka" là phần thứ ba.

364. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KESARAPUPPHIYA
(*Kesarapupphiyattherāpadānaṃ*)

3191. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị thầy về pháp thuật ở núi Hy-mã-lạp. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, vị Có Danh Vọng Lớn Lao đang đi kinh hành.

3192. Khi ấy, tôi đã đặt ba bông hoa kesarī ở trên đầu, rồi đã đi đến gần và đã cúng dường đến bậc Toàn Giác Vessabhū.

3193. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3194. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kesarapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kesarapupphiya" là phần thứ tư.

365. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AṄKOLAPUPPHIYA
(*Aṅkolapupphiyattherāpadānaṃ*)

3195. Lúc bấy giờ, bậc Giác Ngộ tên Paduma đã sống ở ngọn núi Cittakūṭa. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại ấy.

3196. Sau khi nhìn thấy cây aṅkola đã được trổ hoa, khi ấy tôi đã thu nhặt [bông hoa]. Tôi đã đi đến gặp bậc Giác Ngộ và đã cúng dường đấng Chiến Thắng Paduma.

3197. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[3] *Bhisamuḷāladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) rễ (*bhisa*) và củ sen (*muḷāla*)."

[4] *Kesarapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kesarī."

3198. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Aṅkolapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Aṅkolapupphiya" là phần thứ năm.

366. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADAMBAPUPPHIYA (*Kadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

3199. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng, đang đi ở khu phố chợ.

3200. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã cầm lấy bông hoa kadamda và đã cúng dường đến đức Phật Vipassī.

3201. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3202. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kadambapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadambapupphiya" là phần thứ sáu.

367. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDDĀLAPUPPHIYA (*Uddālapupphiyattherāpadānaṃ*)

3203. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Anoma đã sống ở bờ sông Gaṅgā. Sau khi cầm lấy bông hoa uddālaka, tôi đã cúng dường đến bậc Không Bị Đánh Bại.

3204. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3205. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uddālapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uddālapupphiya" là phần thứ bảy.

368. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACAMPAKAPUPPHIYA (*Ekacampakapupphiyattherāpadānaṃ*)

3206. Và bậc Giác Ngộ Upasanta sống ở trong vùng đồi núi. Tôi đã cầm lấy một bông hoa campaka và đã đi đến gần bậc Tối Thượng Nhân.

---

[5] *Aṅkolapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) aṅkola."

[6] *Kadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kadamba."

[7] *Uddālapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) uddāla."

3207. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bằng hai tay và đã cúng dường đến đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng, bậc Không Bị Đánh Bại.

3208. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3209. Bốn [tuệ] phân tích,... (nt)... tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekacampakapupphiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekacampakapupphiya" là phần thứ tám.

369. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIMIRAPUPPHIYA
(*Timirapupphiyattherāpadānaṃ*)

3210. Tôi đi xuôi theo dòng nước ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

3211. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy bông hoa timira và đã rải rắc ở đỉnh đầu đấng Hiền Trí Độc Giác Tối Thượng.

3212. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Timirapupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Timirapupphiya" là phần thứ chín.

370. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAPUPPHIYA
(*Salalapupphiyattherāpadānaṃ*)

3214. Lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bờ sông Candabhāgā. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu đang đi kinh hành.

3215. Tôi đã thu hái bông hoa salala và đã dâng cúng đến đức Phật. Đấng Đại Hùng đã ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời.

3216. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa], trong khi tôi đang nhìn xem.

3217. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Tối Thượng Nhân. Tôi đã chắp tay lên và đã leo lên ngọn núi lần nữa.

3218. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[8] *Ekacampakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) bông hoa (*puppha*) campaka."

[9] *Timirapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) timira."

3219. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalapupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalapupphiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa mandārava, bông hoa kakkāru, củ sen, bông hoa kesara, bông hoa aṅkola, vị có bông hoa kadamba, bông hoa uddāla, một bông hoa campaka, bông hoa timira, và cả bông hoa salala nữa; [tổng cộng] có bốn mươi câu kệ.

Phẩm Mandāravapupphiya là phẩm thứ ba mươi bảy.

[10] *Salalapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) salala."

XXXVIII. PHẨM BODHIVANDAKA
(*BODHIVANDAKAVAGGO*)

371. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIVANDAKA
(*Bodhivandakattherāpadānaṃ*)

3220. Sau khi nhìn thấy cây pāṭalī, một loài thảo mộc mọc ở trên trái đất, được xanh tươi, tôi đã đắp y một bên vai, chắp tay lên và đã đảnh lễ cây pāṭalī.

3221. Tôi đã chắp tay lên và thể hiện tâm ý cung kính đến bậc trong sạch bên trong, trong sạch bên ngoài, đã khéo được giải thoát, không còn lậu hoặc.

3222. Tôi đã đảnh lễ cây pāṭalī tợ như [đảnh lễ] đấng Toàn Giác Vipassī, bậc được thế gian tôn sùng, là đại dương về lòng bi mẫn và trí tuệ, đang ở trước mặt.

3223. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

3224. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhivandaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhivandaka" là phần thứ nhất.

372. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬALIPUPPHIYA
(*Pāṭalipupphiyattherāpadānaṃ*)

3225. Đức Thế Tôn tên Vipassī là đấng Tự Chủ, nhân vật cao cả. Được tháp tùng bởi những người học trò của mình, đấng Chiến Thắng đã đi vào thành Bandhuma.

3226. Tôi đã đặt ba bông hoa pāṭalī vào lòng của tôi. Chính vì có ý định gội đầu, tôi đã đi đến bến tàu ở dòng sông.

3227. Sau khi đi ra khỏi thành Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

3228. Tợ như con hổ hùng tráng quý cao, tợ như con sư tử đã được sanh ra cao quý, đấng cao quý trong số các vị Sa-môn dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đang bước đi.

3229. Được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm ấy, tôi đã cầm lấy ba bông hoa và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

---

[1] *Bodhivandaka* nghĩa là "vị đảnh lễ (*vandaka*) cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

3230. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3231. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭalipupphiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭalipupphiya" là phần thứ nhì.

373. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UPPALAMĀLIYA
(*Ti-uppalamāliyattherāpadānaṃ*)

3232. Lúc bấy giờ, tôi đã là con khỉ ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang ngồi ở trong vùng đồi núi.[2]

3233. [Đức Phật] đang làm cho tất cả các phương rực sáng tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa. Sau khi nhìn thấy bậc hội đủ các tướng mạo chính và phụ, tôi đã trở nên hoan hỷ.

3234. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, có tâm ý mừng rỡ vì phỉ lạc, tôi đã nâng ba đóa sen xanh lên ở trên đầu.

3235. Sau khi cúng dường các bông hoa đến bậc Đại Ẩn Sĩ Phussa, sau khi thể hiện sự tôn kính, tôi đã ra đi, mặt hướng phía Bắc.

3236. Trong khi đang cúi mình ra đi với tâm ý trong sạch, tôi đã rơi xuống ở giữa tảng đá và đã đi đến sự chấm dứt mạng sống.

3237. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ cuộc sống trước đây, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

3238. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

3239. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3240. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-uppalamāliya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya" là phần thứ ba.

374. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA
(*Paṭṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

3241. Vào lúc đấng Toàn Giác, bậc Đại Ẩn Sĩ Padumuttara đã Niết-bàn, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và họ đã di chuyển nhục thân [của Ngài].

---

[2] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ti-uppalamāliya, số 342, trang 271.

[3] *Ti-uppalamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến vòng hoa (*mālā*) gồm ba (*ti*) đóa sen xanh (*uppala*)."

3242. Trong khi nhục thân đang được di chuyển, trong khi các chiếc trống đang được vang lên, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa paṭṭi.

3243. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [điều này] là quả báo ở việc đã cúng dường nhục thân [đức Phật].

3244. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3245. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3246. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṭṭipupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṭṭipupphiya" là phần thứ tư.

375. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAPAṆṆIYA
(*Sattapaṇṇiyattherāpadānaṃ*)

3247. Bậc Toàn Giác tên Sumana, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp.

3248. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa thất diệp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa thất diệp.

3249. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3250. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3251. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattapaṇṇiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattapaṇṇiya" là phần thứ năm.

376. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAMUṬṬHIYA
(*Gandhamuṭṭhiyattherāpadānaṃ*)

3252. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện và khi vật thơm các loại

[4] *Paṭṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) paṭṭi."

[5] *Sattapaṇṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa thất diệp (*sattapaṇṇa*)."

được đặt vào, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường một nắm tay vật thơm.

3253. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

3254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3255. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3256. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhamuṭṭhiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhamuṭṭhiya" là phần thứ sáu.

377. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

3257. Khi đức Thế Tôn tên Padumuttara đã viên tịch Niết-bàn và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa sāla.

3258. Kể từ khi tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng.

3259. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3261. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ bảy.

378. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVAṆṬIYA
(*Sumanatālavaṇṭiyattherāpadānaṃ*)

3262. Tôi sở hữu chiếc quạt lá cọ vô cùng giá trị được bao phủ với các bông hoa nhài, và tôi đã dâng cúng đến đức Thế Tôn Siddhattha.

---

[6] *Gandhamuṭṭhiya* nghĩa là "vị liên quan đến nắm tay (*muṭṭhi*) vật thơm (*gandha*)."

[7] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) giàn hỏa thiêu (*citaka*)."

3263. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt lá cọ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt lá cọ.

3264. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3266. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya" là phần thứ tám.

379. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANADĀMIYA
(*Sumanadāmiyattherāpadānaṃ*)

3267. Sau khi thực hiện tràng hoa nhài, tôi đã nắm giữ [tràng hoa], đứng ở phía trước đức Thế Tôn Siddhattha, bậc Đã Gội Rửa [tội lỗi], vị Đạo Sĩ Khổ Hạnh.

3268. [Kể từ khi] tôi đã nắm giữ tràng hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nắm giữ tràng hoa nhài.

3269. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3271. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanadāmiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanadāmiya" là phần thứ chín.

380. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA
(*Kāsumāriphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3272. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đang ngồi ở trong vùng đồi núi tợ như cây kaṇikāra đang cháy sáng.

---

[8] *Sumanatālavaṇṭiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc quạt (*vaṇṭa*) lá cọ (*tāla*) được bao phủ với các bông hoa nhài (*sumana*)."

[9] *Sumanadāmiya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*dāma*) bông nhài (*sumana*)."

3273. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Tôi đã cầm lấy trái cây kāsumāri và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3274. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3275. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3277. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Cội cây Bồ-đề, bông hoa pāṭalī, vị có [ba] đóa sen xanh, bông hoa paṭṭi, các bông hoa thất diệp, nắm tay vật thơm, giàn hỏa thiêu, [chiếc quạt] lá cọ, vị có tràng hoa nhài, và luôn cả vị có trái cây kāsumāri; [tổng cộng] có năm mươi chín câu kệ.

Phẩm Bodhivandaka là phẩm thứ ba mươi tám.

[10] *Kāsumāriphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kāsumāri."

XXXIX. PHẨM AVAṆṬAPHALA
(*AVAṆṬAPHALAVAGGO*)

381. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṆṬAPHALADĀYAKA
(*Avaṇṭaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3278. Đức Thế Tôn tên Sataraṃsī là đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực.

3279. Tay có trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avaṇṭa.

3280. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3281. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3282. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3283. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṇṭaphaladāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avaṇṭaphaladāyaka" là phần thứ nhất.

382. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA
(*Labujadāyakattherāpadānaṃ*)

3284. Tôi đã là người phụ việc chùa ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

3285. Tôi đã cầm lấy trái cây, bánh mì và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ nhận, trong khi đang đứng ở hư không.

3286. Sau khi tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch, tôi có được sự sanh khởi niềm vui, [điều ấy là] nguồn đem lại sự an lạc trong thời hiện tại.

3287. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc bao la và sự an lạc tối thượng. Còn có châu báu sanh lên [cho tôi] khi tôi được sanh ra nơi này nơi khác.

---

[1] *Avaṇṭaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) avaṇṭa."

3288. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3289. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3290. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3291. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Labujadāyaka" là phần thứ nhì.

383. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDUMBARAPHALADĀYAKA (*Udumbaraphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3292. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ sông Vinatā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Có Sự Chăm Chú vô cùng định tĩnh.

3293. Được tịnh tín ở Ngài, bậc có sự rửa sạch các cấu uế ô nhiễm, tôi đã cầm lấy trái sung và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3294. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3295. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udumbaraphaladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udumbaraphaladāyaka" là phần thứ ba.

384. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA (*Pilakkhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3298. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ở cuối khu rừng, tôi đã dâng cúng trái cây pilakkha với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

3299. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây [trước đây] một ngàn tám trăm

---

[2] *Labujadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) labuja."

[3] *Udumbaraphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) udumbara."

kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3300. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3302. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka" là phần thứ tư.

385. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PHĀRUSAPHALADĀYAKA (*Phārusaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3303. Trong khi bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang đi trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây phārusa.

3304. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3305. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3306. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3307. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Phārusaphaladāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Phārusaphaladāyaka" là phần thứ năm.

386. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIPHALADĀYAKA (*Valliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3308. Lúc bấy giờ, tất cả dân chúng đã tụ hội lại và đã đi đến khu rừng. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm trái cây, họ đã đạt được trái cây.

3309. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây valli.

---

[4] *Pilakkhaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) pilakkha."

[5] *Phārusaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) phārusa."

3310. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3311. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3312. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3313. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Valliphaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Valliphaladāyaka" là phần thứ sáu.

387. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KADALIPHALADĀYAKA (*Kadaliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3314. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kaṇikāra được cháy sáng, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, tợ như cây đèn đang chiếu sáng.

3315. Tôi đã cầm lấy trái chuối và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ và ra đi.

3316. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3317. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3318. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3319. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kadaliphaladāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kadaliphaladāyaka" là phần thứ bảy.

388. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PANASAPHALADĀYAKA (*Panasaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

3320. Lúc bấy giờ, đấng Giác Ngộ tên Ajjuna đã cư ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Ngài là bậc Hiền Trí được thành tựu tánh hạnh và thiện xảo về định.

---

[6] *Valliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) valli."

[7] *Kadaliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) chuối."

3321. Tôi đã cầm lấy trái mít jīvajīvaka có kích thước bằng hũ nước. Tôi đã đặt vào cái chậu bằng lá và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

3322. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3323. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3324. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3325. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Panasaphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Panasaphaladāyaka" là phần thứ tám.

389. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆAKOṬIVĪSA
(*Soṇakoṭivīsattherāpadānaṃ*)

3326. Vào thời kỳ giáo pháp của [đức Phật] Vipassī, một hang động đã được tôi xây dựng dành cho hội chúng bốn phương ở tại kinh thành Bandhumā.

3327. Sau khi trải lót nền đất của hang động bằng các tấm vải, tôi đã cống hiến. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, khi ấy tôi đã thực hiện lời ước nguyện rằng:

3328. "Mong rằng tôi có thể làm hài lòng bậc Toàn Giác, có thể đạt được sự xuất gia, và có thể đạt đến sự an tịnh tối thượng, Niết-bàn vô thượng."

3329. Do nhờ chính nhân tố trong sạch ấy, tôi đã luân hồi chín mươi kiếp. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đã chói sáng, là người có phước báu đã được tạo lập [trước đây].

3330. Sau đó, nhờ vào phần dư sót của nghiệp, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, tôi đã được sanh làm người con trai độc nhất của nhà bá hộ cao cả ở tại Campā.

3331. Ngay khi tôi vừa được sanh ra, nghe tin người cha đã khởi ước muốn này: "Ta ban cho công tử hai chục *koṭi* (hai trăm triệu) tiền, không thiếu đồng nào."

3332. Các sợi lông của tôi, dài bốn ngón tay, được mọc lên ở cả hai lòng bàn chân. Chúng là mảnh mai, có sự xúc chạm mềm mại, xinh xắn như là bông vải.

3333. Chín mươi kiếp đã trôi qua, kiếp này là thêm một kiếp nữa, tôi không biết đến việc các bàn chân được đặt xuống ở mặt đất không có trải lót.

---

[8] *Panasaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) mít (*panasa*)."

3334. Tôi đã làm hài lòng bậc Toàn Giác, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Và phẩm vị A-la-hán đã được tôi đạt đến. Tôi có được trạng thái mát mẻ, chứng được Niết-bàn.

3335. Đấng Toàn Tri đã xác định tôi là người đứng đầu trong số các vị đã ra sức tinh tấn, và có lậu hoặc đã được đoạn tận, là bậc A-la-hán, có sáu thắng trí, có đại thần lực.

3336. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng hang động.

3337. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3339. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3340. Tại hồ nước lớn Anotatta, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, bậc Trưởng lão Soṇakoṭivisa khi được hỏi câu hỏi đã trả lời.

Đại đức Trưởng lão Soṇakoṭivisa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Soṇakoṭivisa" là phần thứ chín.

390. KÝ SỰ VỀ PHẬT TOÀN GIÁC TÊN PUBBAKAMMAPILOTIKA (*Pubbakammapilotikāpadānaṃ*)

3341. Ở trong khu rừng có nhiều loại hương thơm ở gần hồ nước Anotatta, ở trên mặt phẳng của tảng núi đá đáng yêu được lấp lánh bởi nhiều loại châu ngọc.

3342. Được vây quanh bởi hội chúng Tỳ-khưu đông đảo, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, ngồi ở tại nơi ấy, đã giảng giải về các việc làm quá khứ của bản thân:

3343. "Này các Tỳ-khưu, hãy lắng nghe Ta. Nghiệp nào đã được tạo ra bởi Ta, nếu là nghiệp có sự liên quan thì cũng sẽ chín muồi cho dầu ở vào bản thể của vị Phật.

3344. Trong những đời sống khác trước đây, Ta đã là kẻ vô lại tên Munāḷī. Ta đã vu cáo đức Phật Độc Giác Sarabhū, [Ngài là] vị không làm điều sái quấy.

3345. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong nhiều ngàn kiếp và đã nhận chịu cảm thọ khổ đau.

3346. Do phần dư sót của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Ta đã nhận lãnh sự vu cáo vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikā.

3347. Đức Phật Sabbābhibhū có vị Thinh văn tên là Nanda. Do sự vu cáo vị [Thinh văn] ấy, Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục.

3348. Ta đã luân hồi lâu dài ở địa ngục trong mười ngàn năm. Đạt được bản thể nhân loại, Ta đã nhận lãnh nhiều sự vu cáo.

3349. Do phần dư sót của nghiệp ấy, nàng Ciñcamānavikā đã vu cáo Ta với sự không có thật ở trước đám đông dân chúng.

3350. Ta đã là vị Bà-la-môn thông thái, được tôn vinh kính trọng. Ta đã chỉ dạy về chú thuật cho năm trăm người trai trẻ ở tại khu rừng lớn.

3351. Vị ẩn sĩ Bhīma có năm thắng trí, có đại thần lực, đã đi đến nơi ấy. Và sau khi nhìn thấy vị ấy đi đến, Ta đã vu cáo vị không làm điều sái quấy.

3352. Kế đó, Ta đã nói với các người học trò rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.' Ngay trong khi Ta đang nói, các người trai trẻ đã vui thích theo.

3353. Sau đó, tất cả các người trai trẻ, trong khi khất thực theo từng nhà, đã nói với đám đông dân chúng rằng: 'Vị ẩn sĩ này có sự thọ hưởng dục lạc.'

3354. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tất cả năm trăm vị Tỳ-khưu này đã gánh chịu sự vu cáo, vì nguyên nhân của [nữ du sĩ ngoại đạo] Sundarikā.

3355. Trong thời quá khứ, vì nguyên nhân tài sản, Ta đã giết chết người anh [em] trai khác mẹ [cùng cha]. Ta đã xô vào hẻm núi hiểm trở và đã nghiền nát bằng tảng đá.

3356. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Devadatta đã ném tảng đá và đã làm dập ngón cái ở bàn chân của Ta do mảnh vỡ của tảng đá.

3357. Trước đây, Ta đã là đứa bé trai đang đùa giỡn ở con đường lớn. Sau khi nhìn thấy đức Phật Độc Giác, Ta đã ném đá vụn ở con đường [vào vị Phật ấy].

3358. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, tại đây trong kiếp sống cuối cùng, Devadatta đã bố trí các sát thủ nhằm mục đích giết hại Ta.

3359. Trước đây, Ta đã là kẻ cỡi voi. [Nhìn thấy] bậc Hiền Trí Độc Giác tối thượng đang đi đó đây để khất thực, Ta đã dùng con voi công kích vị ấy.

3360. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, ở trong kinh thành Giribbaja, con voi Nālāgirī quẩn trí hung hãn đã tiến gần đến Ta.

3361. Ta đã là đức vua, người trị vì. Ta đã giết chết người đàn ông bằng cây thương. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã bị nung nấu ở địa ngục một cách dữ dội.

3362. Do phần dư sót của nghiệp ấy, giờ đây toàn bộ lớp da ở bàn chân của Ta đã gây khó chịu, bởi vì nghiệp không bị tiêu hoại.

3363. Ta đã là đứa trẻ đánh cá ở trong ngôi làng của các ngư phủ. Sau khi nhìn thấy các con cá bị giết chết, Ta đã sanh tâm vui mừng.

3364. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở đầu của Ta. Và khi Viḍūdabha nổi loạn, tất cả dòng tộc Sakya (Thích-ca) đã bị giết chết.

3365. Vào thời giáo pháp của [đức Phật] Phussa, Ta đã quở mắng các vị Thinh văn rằng: 'Các ngươi hãy nhai, hãy ăn lúa mạch và chớ có ăn cơm gạo sālī.'

3366. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã [phải] ăn lúa mạch ba tháng. Khi ấy, được vị Bà-la-môn thỉnh mời, Ta đã cư ngụ ở Verañjā.

3367. Khi cuộc đấu vật đang được diễn tiến, Ta đã đánh gục người con trai dòng Malla. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, đã có sự đau nhức ở lưng của Ta.

3368. Ta đã là người thầy thuốc. Ta đã cho người con trai nhà triệu phú thuốc xổ. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta có bệnh tiêu chảy.

3369. Lúc bấy giờ, Ta đã là Jotipāla. Ta đã nói với đấng Thiện Thệ Kassapa rằng: 'Giác ngộ là sự đạt được vô cùng khó khăn, do đâu sự Giác ngộ lại có cho kẻ cạo đầu?'

3370. Do quả thành tựu của nghiệp ấy, Ta đã thực hành nhiều việc làm khó khăn trong sáu năm ở Uruvelā, sau đó Ta đã đạt được quả vị Giác ngộ.

3371. Ta đã không đạt được quả vị Giác ngộ tối thượng bằng con đường [Trung đạo] này. Bị ngăn cản bởi nghiệp quá khứ, Ta đã tầm cầu đạo lộ sai trái [khổ hạnh].

3372. Ta có sự chấm dứt về phước và tội, Ta đã tránh xa mọi điều bực bội, Ta không sầu muộn, không đau buồn, Ta sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

3373. Đấng Chiến Thắng, vị đã đạt được toàn bộ năng lực của các thắng trí, ở trước hội chúng Tỳ-khưu, tại hồ nước lớn Anotatta, đã giảng giải như thế.

Đức Thế Tôn đã nói về bài giảng giáo pháp tên Pubbakammapilotika[9] đề cập đến hành động trong quá khứ của bản thân như thế ấy.

"Ký sự về Phật Toàn Giác tên Pubbakammapilotika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Trái cây avaṇṭa, luôn cả trái bánh mì, trái sung, và trái pilakkha, trái cây phārusa, trái cây valli, và vị có trái chuối, trái mít, vị Koṭivīsa, và ký sự tên "Pubbakammapiloti" của bậc Đại Ẩn Sĩ; [tổng cộng] có chín mươi mốt câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Avaṇṭaphala là phẩm thứ ba mươi chín.

(Dứt tụng phẩm thứ mười bốn).

[9] *Pubbakammapilotika* tạm dịch là sự việc có liên quan (*pilotika*) nghiệp (*kamma*) quá khứ (*pubba*).

XL. PHẨM PIḶINDIVACCHA
(*PIḶINDIVACCHAVAGGO*)

391. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIḶINDIVACCHA
(*Piḷindivacchattherāpadānaṃ*)

3374. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Haṃsavatī. Của cải đã được tích lũy trong nhà của tôi là không bị suy suyễn, không thể đo lường.

3375. Sau khi đi đến nơi vắng vẻ rồi ngồi xuống, tôi đã được vui vẻ tâm trí. Sau khi ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy:

3376. "Ta đã đạt được nhiều của cải, nội phòng của ta là trù phú. Ngay cả đức Vua Ānanda, vị chúa tể trái đất, cũng đã thỉnh mời [ta].

3377. Và đức Phật này đã hiện khởi. Bậc Hiền Trí là hiện tượng hiếm hoi. Và của cải của ta được biết đến, ta sẽ dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư.

3378. Vật thí cao quý đã được Vương tử Paduma dâng cúng đến đấng Chiến Thắng là các con long tượng cùng với các ghế bành và sự ủng hộ không phải là ít ỏi.

3379. Ta cũng sẽ dâng cúng vật thí chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên."

3380. Sau khi suy nghĩ về quả báo hạnh phúc ở sự cống hiến của việc ấy theo nhiều cách, tôi đã nhìn thấy sự dâng cúng vật dụng là đáp ứng được ý định của tôi.

3381. "Ta sẽ dâng cúng các loại vật dụng chưa được những người khác dâng cúng trước đây đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng. Ta sẽ là người làm đầu tiên."

3382. Ngay lập tức tôi đã đi đến các người làm nghề tre và đã bảo làm lọng che. Tôi đã tập trung một trăm ngàn chiếc lọng che thành một đống.

3383. Tôi đã tập trung một trăm ngàn tấm vải thành một đống. Tôi đã tập trung một trăm ngàn bình bát thành một đống.

3384. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các chiếc búa nhỏ, các con dao nhỏ, và luôn cả các kim khâu, các đồ cắt móng, rồi đã cho treo chúng ở bên dưới chiếc lọng che.

3385. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các cây quạt gió, các cây quạt lá cọ, các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng, các đồ lọc nước và các vật đựng dầu.

3386. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các hộp đựng kim, các dây đeo ở vai, luôn cả các dây buộc thân, và các chân kê [bình bát] đã được làm khéo léo.

3387. Tôi đã chứa đầy các chậu đựng vật dụng và luôn cả các tô nhỏ bằng đồng với thuốc men, rồi đã đặt chúng ở bên dưới chiếc lọng che.

3388. Tôi đã chứa đầy các chậu với mọi thứ như là rễ cây, cỏ usīra, mật mía, trái tiêu dài, các hạt tiêu, trái harītakī, củ gừng.

3389. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các đôi dép, các đôi giày, các vật lau khô nước, các cây gậy chống được làm khéo léo.

3390. [Tôi đã bảo làm] các ống thuốc bôi, các que bôi thuốc, các bình lọc nước, các chìa khóa, các túi đựng chìa khóa được thêu với năm loại màu sắc.

3391. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các vải băng bó, các ống dẫn khói, và luôn cả các chân đèn, các vật đo lường và các hòm nhỏ.

3392. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các kẹp gắp, các cây kéo, rồi các vật hốt rác và luôn cả các túi đựng thuốc men.

3393. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các ghế dài, các ghế đẩu, các ghế bành bằng bốn vật liệu,[1] và đã xếp đặt ở bên dưới chiếc lọng che.

3394. Tôi đã bảo làm đúng theo quy cách các tấm nệm lông cừu, các tấm nệm bông gòn, luôn cả các tấm nệm ở ghế đẩu, và các chiếc gối đã được làm khéo léo.

3395. [Tôi đã bảo làm] các vật kỳ cọ, các loại sáp ong, dầu ăn, lò sưởi ấm tay, hộp đựng, các tấm ván, kim khâu, cùng với tấm trải giường.

3396. [Tôi đã bảo làm] các chỗ nằm ngồi, các thảm chùi chân, các gậy chống ở giường ghế, các vật chà răng và tăm xỉa răng, các dầu thơm bôi ở đầu.

3397. [Tôi đã bảo làm] các vật tạo ra lửa, các ghế rơm, các nắp bình bát và các tô nhỏ, các vá múc nước, bột tắm và chậu nhuộm.

3398. [Tôi đã bảo làm] cái chổi, bể nước, tương tợ như thế là vải choàng tắm mưa, tấm lót ngồi, vải đắp ghẻ và y nội.

3399. [Tôi đã bảo làm] thượng y và y hai lớp, dụng cụ xông mũi, đồ làm sạch miệng, nhiều giấm chua và muối, mật ong và thức uống từ sữa chua.

3400. [Tôi đã bảo làm] nhang thơm, sáp ong, vải vụn, khăn lau mặt, chỉ sợi, bất cứ vật gì được gọi là vật có thể dâng cúng, và bất cứ vật gì thích hợp đối với bậc Đạo Sư.

3401. Sau khi tập hợp mọi thứ này lại, tôi đã đi đến gặp đức Vua Ānanda. Sau khi đã gặp bậc sanh thành của vị Đại Ẩn Sĩ, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này:

3402. "[Chúng ta] đã được sanh ra và lớn lên cùng nhau, tâm ý của cả hai là tương đồng, có sự chia sẻ sướng khổ, và cả hai có cùng chí hướng.

---

[1] Bốn loại vật liệu là vàng, ngọc ma-ni, ngọc pha lê và hồng ngọc (*Ap.* II, câu kệ 4760, 5368, 6397; *Ap.* III, câu kệ 174).

3403. Tâu vị cảm hóa kẻ thù địch, [thần] có nỗi khổ trong tâm có liên quan đến Bệ hạ. Tâu vị Sát-đế-lỵ, nếu Bệ hạ có khả năng xin Bệ hạ hãy dẹp tan nỗi khổ ấy."

3404. "Nỗi khổ của ngươi là nỗi khổ của trẫm, tâm ý của cả hai là tương đồng. Nếu là việc có liên quan đến trẫm thì ngươi hãy nhận biết rằng: 'Việc đã được hoàn tất.'"

3405. "Tâu Đại vương, xin Bệ hạ hiểu cho thần, nỗi khổ của thần là khó mà dẹp tan. Trong khi có thể, xin Bệ hạ hãy tuyên bố rằng có một vật quý giá mà Bệ hạ khó từ bỏ được."

3406. "Cho dù là vương quốc, cho đến sanh mạng của trẫm, nếu có sự lợi ích cho ngươi với những vật này thì trẫm sẽ ban cho, không ngần ngại."

3407. "Tâu Bệ hạ, quả nhiên Bệ hạ đã tuyên bố. [Tuy nhiên] điều ấy đã được nhiều người tuyên bố một cách xằng bậy. Hôm nay thần sẽ biết rằng Bệ hạ có được cương quyết trong mọi vấn đề [hay không?]"

3408. "Ngươi đã ép buộc trẫm quá đáng trong khi trẫm đang ban phát cho ngươi. Ngươi được lợi ích gì với việc đã ép buộc trẫm? Ngươi hãy nói cho trẫm điều đã được ngươi mong mỏi."

3409. "Tâu Đại vương, thần ao ước đức Phật tối thượng, đấng Vô Thượng. Thần sẽ chăm lo bữa ăn đến bậc Toàn Giác, xin chớ để cho cuộc sống của thần trở thành tội lỗi."

3410. "Trẫm sẽ ban cho ngươi điều ân huệ khác, chớ cầu xin [trẫm về] đức Như Lai. Đức Phật tợ như viên ngọc ma-ni như ý, không thể ban tặng cho bất cứ ai."

3411. "Tâu Bệ hạ, phải chăng điều đã được ngài tuyên bố là [sẽ ban tặng] ngay cả sanh mạng của chính mình? Đúng ra nên ban tặng đức Như Lai hơn là bố thí sanh mạng."

3412. "Bậc Đại Hùng nên được đặt riêng, đấng Chiến Thắng không thể ban tặng cho bất cứ ai, đức Phật sẽ không được trẫm đồng ý. Ngươi hãy chọn lấy tài sản vô hạn lượng đi."

3413. "Chúng ta hãy tìm đến sự phân xử, chúng ta sẽ hỏi các vị quan tòa. Chúng ta hãy tranh cãi về vấn đề ấy theo cách thức mà họ sẽ giải bày."

3414. Tôi đã nắm lấy tay của đức vua rồi đã đi đến tòa án. Trước các vị quan phán xử, tôi đã nói lời nói này:

3415. "Xin các quan phán xử hãy lắng nghe tôi. Đức vua đã ban cho tôi điều ân huệ, không loại trừ bất cứ vật gì, ngài cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa.

3416. Khi ngài đã ban điều ân huệ cho tôi, tôi đã cầu xin đức Phật tối thượng. [Như vậy] đức Phật là đã được ban cho tôi một cách tốt đẹp, hay là tôi còn có điều nghi ngờ?"

3417. "Chúng tôi sẽ lắng nghe lời nói của ngươi và của đức vua là vị hộ trì

xứ sở. Sau khi lắng nghe lời nói của cả hai, chúng tôi sẽ chặt đứt điều nghi hoặc ở tại nơi đây."

3418. "Tâu Bệ hạ, có phải ngài đã ban cho tất cả mọi thứ thuộc quyền sở hữu đến người này, và cũng đã ban luôn cả sanh mạng nữa, không loại trừ bất cứ vật gì?"

3419. "Chính vì bị lâm vào tình cảnh khó khăn, [người này] đã cầu xin điều ân huệ vô thượng. Sau khi biết được người này vô cùng đau khổ, trẫm đã ban cho mọi thứ thuộc quyền sở hữu."

3420. "Tâu Bệ hạ, phần thua là thuộc về ngài, đức Như Lai nên được ban cho người này. Sự nghi hoặc của hai vị đã được chặt đứt, xin hai vị hãy duy trì đúng theo sự việc."

3421. Đứng ngay tại nơi ấy, đức vua đã nói điều này với vị quan phán xử: "Này các hiền thần, nếu các ngươi cũng có thể ban cho trẫm [điều ân huệ] thì trẫm [sẽ] nhận lại đức Phật."

3422. "Sau khi đã làm tròn đủ ý định của ngươi, sau khi đã chăm lo bữa ăn cho đức Như Lai, ngươi nên giao lại bậc Toàn Giác cho vị có danh vọng lớn lao Ānanda."

3423. Sau khi đảnh lễ các vị quan phán xử và cả vị Sát-đế-lỵ Ānanda nữa, tôi đã trở nên hớn hở vui mừng và đã đi đến gặp đấng Toàn Giác.

3424. Sau khi đã đi đến gặp đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tôi đã đê đầu đảnh lễ và đã nói lời nói này:

3425. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực. Ngài đang đem lại nỗi vui mừng cho tâm của con, xin Ngài hãy ngự đến căn nhà của con."

3426. Biết được ý định của tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hữu Nhãn đã nhận lời.

3427. Sau khi biết được sự nhận lời [của đức Phật], tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư. Trở nên mừng rỡ, có tâm phấn chấn, tôi đã đi về nhà.

3428. Sau khi triệu tập lại bạn bè và các viên quan lại, tôi đã nói lời nói này: "Tôi đã đạt được sự thành tựu vô cùng khó khăn, giống như [đã đạt được] viên ngọc ma-ni như ý.

3429. Ngài là đấng Vô Lượng Vô Song, là bậc Trí Tuệ không người tương đương, không kẻ sánh bằng, là đấng Chiến Thắng không người đối thủ, chúng ta sẽ cúng dường Ngài bằng vật gì?

3430. Tương tợ như vậy, đấng Nhân Ngưu chính là vị tương đương với bậc không thể sánh bằng, không có người thứ hai, vì thế hành động hướng thượng xứng đáng với đức Phật là việc làm khó khăn đối với tôi.

3431. Chúng ta hãy thu thập những bông hoa khác loại và hãy thực hiện mái che bằng bông hoa; mọi sự cúng dường này sẽ là xứng đáng với đức Phật."

3432. Tôi đã cho thực hiện mái che bằng hoa sen xanh, luôn cả hoa sen hồng, hoa vassika, hoa adhimuttaka, hoa campaka và hoa nāga.

3433. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Chỗ ngồi cuối cùng dành cho tôi trị giá hơn một trăm [đồng tiền].

3434. Tôi đã sắp đặt một trăm ngàn chỗ ngồi ở bóng râm của các chiếc lọng che. Sau khi cho chuẩn bị cơm nước, tôi đã thông báo về thời điểm.

3435. Khi thời điểm đã được thông báo, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến căn nhà của tôi.

3436. Cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đấng Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống [chỗ ngồi] có chiếc lọng che đang được duy trì ở phía bên trên, ở mái che làm bằng bông hoa khéo được nở rộ.

3437. "Bạch đấng Hữu Nhãn, xin Ngài hãy thọ nhận một trăm ngàn chiếc lọng che, một trăm ngàn chỗ ngồi đúng phép tắc và không phạm sai trái."

3438. Có ý định giúp cho tôi vượt qua, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đại Hiền Trí ấy đã tiếp nhận.

3439. Tôi đã dâng cúng mỗi vị Tỳ-khưu một cái bình bát riêng biệt. Các vị đã xả bỏ bình bát trước đây và đã sử dụng bình bát bằng kim loại.

3440. Đức Phật đã ngồi ở mái che bông hoa bảy ngày đêm. Trong khi giúp cho nhiều chúng sanh được giác ngộ, Ngài đã chuyển vận bánh xe giáo pháp.

3441. Trong khi Ngài đang chuyển vận bánh xe giáo pháp ở bên dưới mái che bông hoa, đã có sự lãnh hội giáo pháp của tám mươi bốn ngàn [chúng sanh].

3442. Khi ngày thứ bảy đã đến, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara ngồi ở bóng râm của chiếc lọng che đã nói lên những lời kệ này:

3443. "Người thanh niên nào đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3444. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3445. Phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng và các cỗ xe kéo sẽ thường xuyên phục vụ người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3446. Sáu mươi ngàn cỗ xe ngựa được trang hoàng với tất cả các loại trang sức sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3447. Sáu mươi ngàn nhạc cụ và những chiếc trống lớn được tô điểm sẽ thường xuyên trình tấu đến người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3448. Tám mươi sáu ngàn phụ nữ được trang điểm, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

3449. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng mọi thứ.

3450. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

3451. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3452. Trong khi đang sống ở thế giới chư thiên, người có được nghiệp phước thiện sở hữu chiếc lọng che bằng châu báu bao trùm toàn bộ thế giới chư thiên.

3453. Khi [người này] ước ao bóng râm, thì có chiếc lọng che được tạo ra từ vải và bông hoa sẽ che bóng râm một cách thường xuyên, thuận theo tâm ý của người này.

3454. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, được gắn liền với nghiệp phước thiện, [người này] sẽ trở thành thân quyến của Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

3455. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3456. Biết rõ về toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng.

3457. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, có tên là Piḷindivaccha, và sẽ được kính trọng trong số chư thiên, các a-tu-la, và các càn-thát-bà.

3458. Sau khi trở thành người được mến mộ đối với tất cả, đối với các vị Tỳ-khưu, đối với các vị Tỳ-khưu-ni, và tương tợ như thế ấy đối với các người tại gia, vị ấy sẽ sống, không còn lậu hoặc."

3459. Việc làm đã được thực hiện [trước đây] một trăm ngàn kiếp, đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

3460. Ôi, việc làm đã khéo được tôi thực hiện ở phước điền vô thượng. Sau khi thực hiện việc làm ở tại nơi ấy, tôi đã đạt được vị thế bất động.

3461. Chính người thanh niên đã dâng cúng vật thí cao quý không thiếu sót món gì, đã là người đầu tiên, đã là vị tiên phong; điều này là quả báo của việc dâng cúng ấy.

3462. Sau khi dâng cúng các chiếc lọng che đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3463. Tôi không biết đến sự lạnh, sự nóng, bụi bặm và mồ hôi không vấy bẩn, không có sự nguy khốn và không có tai họa, tôi luôn luôn được tôn trọng.

3464. Tôi có làn da mềm mại, có tâm ý trong sạch, một trăm ngàn chiếc lọng che là thuộc về tôi trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu.

3465. Do tác động của nghiệp ấy, [các chiếc lọng ấy] được gắn mọi thứ trang sức và được duy trì ở đỉnh đầu của tôi, ngoại trừ đời sống này.

3466. Tại sao không có sự duy trì các chiếc lọng cho tôi trong đời sống này? Vì tất cả các nghiệp đã được tôi làm là nhằm đạt đến chiếc lọng giải thoát.

3467. Sau khi dâng cúng các tấm vải đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3468. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng.

3469. Có một trăm ngàn tấm vải màu trắng, màu vàng và màu đỏ được duy trì ở đỉnh đầu của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm vải.

3470. Từ thành quả của những việc ấy, ở tất cả các nơi tôi đều có được y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải.

3471. Sau khi dâng cúng các bình bát đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3472. Tôi sử dụng các đĩa làm bằng hồng ngọc, các đĩa bằng vàng, các đĩa bằng ngọc ma-ni, và luôn cả các tô nhỏ bằng bạc vào mọi thời điểm.

3473. Tôi không có sự nguy khốn và không có tai họa, luôn luôn được tôn trọng. Tôi có sự thành tựu về cơm ăn, nước uống, vải vóc và giường nằm.

3474. Các của cải của tôi không bị tiêu hoại, tôi có tâm vững chãi. Tôi luôn luôn có sự mong muốn về giáo pháp, ít phiền não, không còn lậu hoặc.

3475. Ở tất cả các nơi, ở thế giới chư thiên hay loài người, những đức tính này là gắn bó không lìa bỏ tôi, cũng giống như bóng râm của cây cối vậy.

3476. Sau khi dâng cúng nhiều chiếc búa nhỏ được gắn liền với chùm tua có màu sắc, khéo được thực hiện đến đức Phật tối thượng, và tương tợ y như thế đến hội chúng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3477. Tôi luôn luôn dũng cảm, không có sự loạn động, và có sự toàn hảo về các lòng tự tin, có nghị lực, có sự tinh cần, có tâm ý được tập trung.

3478. Từ thành quả của việc ấy, ở khắp mọi nơi tôi đều đạt được sự dứt trừ phiền não, [cùng với] trí tuệ tinh tế, không thể ước lượng, tinh khiết.

3479. Với tâm tịnh tín, tôi đã dâng cúng nhiều con dao nhỏ không bị sần sùi, không thô kệch, rất bóng láng đến đức Phật, và tương tợ y như thế đến hội chúng.

3480. Tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. [Tôi có được] tâm tốt đẹp, sự tinh cần, sự nhẫn nại và con dao từ ái.

3481. [Và] lưỡi gươm tuệ vô thượng có tính chất dứt trừ mũi tên tham ái. Từ thành quả của những việc ấy, tôi đạt được trí tuệ sánh với kim cương.

3482. Sau khi dâng cúng các cây kim khâu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3483. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi luôn luôn có tuệ sắc bén, không có sự hoài nghi, có sự cắt đứt mọi điều nghi hoặc, có sắc đẹp và có của cải.

3484. Tôi đã nhìn thấy ý nghĩa và nguyên nhân thâm sâu vi tế bằng trí tuệ. Trí tuệ của tôi là sự tiêu diệt điều tăm tối, được sánh với kim cương cao quý.

3485. Sau khi dâng cúng các đồ cắt móng đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3486. Tôi có được nhiều tôi nam, tớ gái, bò, ngựa, người làm công, người canh gác, người hầu tắm, người phục vụ bữa ăn, người đầu bếp ở khắp tất cả các nơi.

3487. Sau khi dâng cúng các cây quạt gió và các cây quạt lá cọ xinh xắn đến đức Thiện Thệ, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3488. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bứt rứt không hiện hữu, tôi không biết đến sự ưu phiền và sự bực bội ở tâm của tôi.

3489. Từ thành quả của việc ấy của tôi, tất cả các ngọn lửa của tôi là lửa tham ái, lửa sân hận và si mê, lửa ngã mạn và lửa tà kiến đã bị dập tắt.

3490. Sau khi dâng cúng các quạt lông chim công, các quạt đuôi bò rừng đến hội chúng, tập thể tối thượng, tôi có phiền não được lặng yên, tôi sống không có tật xấu.

3491. Sau khi dâng cúng các đồ lọc nước đến đức Thiện Thệ và các bậc tối thượng thực hành giáo pháp, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3492. Tôi vượt trội tất cả và đạt được tuổi thọ ở cõi trời, tôi không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ trộm cướp hoặc những kẻ thù địch.

3493. Từ thành quả của những việc ấy, người ta cũng không làm tổn hại tôi bằng vũ khí hoặc bằng thuốc độc, tình trạng chết yểu không xảy đến cho tôi.

3494. Sau khi dâng cúng các vật đựng dầu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3495. Tôi có dáng vóc vô cùng tao nhã, có giọng nói tốt, tâm ý khéo hướng thượng, tâm tư không rối loạn, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ.

3496. Sau khi dâng cúng các hộp đựng kim đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3497. Tôi có sự an lạc của tâm, có sự an lạc của thân, có sự an lạc sanh lên từ các oai nghi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3498. Sau khi dâng cúng các dây đeo ở vai đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3499. Và từ thành quả của việc ấy, tôi đạt được trí biết tâm của người khác, tôi nhớ lại kiếp sống thứ nhì, tôi có làn da đẹp toàn diện.

3500. Sau khi dâng cúng các dây buộc thân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3501. Tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận.

3502. Tôi có niệm đã được thiết lập, sự run sợ của tôi là không được biết đến, các đức tính này được gắn liền dầu ở thế giới chư thiên hay là nhân loại.

3503. Sau khi dâng cúng các chân kê [bình bát] đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi được thừa hưởng năm loại màu sắc, tôi không bị lay động bởi bất cứ điều gì.

3504. Bất cứ các pháp nào tôi đã được nghe đều là những sự thức tỉnh cho niệm và trí. Những gì đã được tôi ghi nhớ là không tiêu hoại, chúng được xét đoán cẩn thận.

3505. Sau khi dâng cúng các chậu đựng cùng các vật dụng đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3506. Tôi đạt được các chậu đựng làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa.

3507. Những người vợ và các tôi trai, tớ gái, các tượng binh, kỵ binh, xa binh, bộ binh và luôn cả những người nữ trung thành nữa, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc.

3508. Các môn khoa học, các từ ngữ về chú thuật, luôn cả nhiều kinh điển các loại, cùng tất cả các học nghệ, đều là thuộc quyền sử dụng [của tôi] vào mọi lúc.

3509. Sau khi dâng cúng các tô nhỏ đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3510. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng vàng, làm bằng bạc, luôn cả làm bằng ngọc pha lê và còn làm bằng hồng ngọc nữa.

3511. Tôi đạt được các tô nhỏ làm bằng gỗ assattha, bằng vỏ trái bầu, hoặc bằng các lá sen, và các vỏ sò ốc cho việc uống mật ong.

3512. Tôi có sự thực hành về phận sự, về đức hạnh, về các hành động thuộc về ứng xử; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3513. Sau khi dâng cúng thuốc men đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập

thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3514. Từ thành quả của việc ấy, tôi có tuổi thọ, có sức mạnh, dũng cảm, có sắc đẹp, có uy quyền, có sự sung sướng, không có sự nguy khốn, không có tai họa, và luôn luôn được tôn trọng, không có sự xa lìa với những người yêu mến của tôi.

3515. Sau khi dâng cúng các đôi dép đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3516. Sáu chục trăm ngàn (sáu triệu) phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, các kiệu khiêng, và các cỗ xe kéo luôn luôn vây quanh tôi.

3517. Trong khi tôi luân hồi ở cõi hữu, có những chiếc giày làm bằng ngọc ma-ni, bằng len, bằng vàng, và bằng bạc hiện ra ở những lần giở bàn chân lên.

3518. Theo quy luật tự nhiên, chúng di chuyển hướng đến việc tẩy sạch các hành động tội lỗi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3519. Sau khi dâng cúng các đôi giày đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đã mang vào chiếc giày có thần lực và tôi sống theo như ước muốn.

3520. Sau khi dâng cúng các miếng vải lau khô nước đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3521. Tôi có màu da vàng chói, không lấm bụi, có sự phát ánh sáng, có sự huy hoàng, cơ thể của tôi là bóng láng, không vấy bẩn bụi bặm và mồ hôi; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3522. Sau khi dâng cúng các cây gậy chống đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3523. Tôi có nhiều người con trai, sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không bao giờ bị áp bức, tôi được bảo vệ bằng mọi phương cách bảo vệ, thậm chí sự té ngã tôi cũng không biết, tâm ý của tôi không bị tản mạn.

3524. Sau khi dâng cúng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3535. Tôi có [cặp] mắt to màu trắng, màu vàng và màu đỏ, có nhãn quan được tịnh tín không bị vẩn đục, được lánh xa mọi tật bệnh.

3526. Tôi đạt được thiên nhãn và tuệ nhãn vô thượng; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3527. Sau khi dâng cúng các chìa khóa đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được chìa khóa trí tuệ, vật mở ra cánh cửa giáo pháp.

3528. Sau khi dâng cúng các túi đựng chìa khóa đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi ít giận dữ, không buồn phiền.

3529. Sau khi dâng cúng các vải băng bó đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3530. Trong khi luân hồi ở cõi hữu, tôi không chao động ở các tầng định, tôi có năng lực đối với các tầng định, tôi có hội chúng không thể bị chia rẽ, có lời nói luôn luôn được thừa nhận, có sự thành tựu của cải được sanh lên.

3531. Sau khi dâng cúng các ống dẫn khói đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3532. Niệm của tôi là trực chỉ, các sợi gân khéo được liên kết, tôi đạt được thiên nhãn là từ thành quả của việc ấy.

3533. Sau khi dâng cúng các chân đèn đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng ba phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3534. Tôi có sự sanh ra tốt đẹp, được đầy đủ các phần thân thể, có tuệ hướng đến giác ngộ; tôi đạt được các đức tính này từ thành quả của việc ấy.

3535. Sau khi dâng cúng các vật đo lường và các hòm nhỏ đến đức Phật và tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3536. Tôi luôn luôn cảnh giác, có được sự an lạc, có danh vọng lớn lao, đồng thời có cả tương lai, được xa lìa sự thất bại, có sự tinh tế, được lánh khỏi tất cả các hiểm họa.

3537-38. Và tôi có sự đạt được các đức tính vĩ đại, tôi có hành vi bình lặng, sự kích động đã được xa lìa hẳn, tôi đạt được các vật đo lường và các hòm nhỏ có bốn màu cùng với các con voi, các con ngựa và châu báu, những vật này của tôi không bị tiêu hoại; điều này là quả báo của việc dâng cúng các vật đo lường.

3539. Sau khi dâng cúng các ống đựng thuốc bôi đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3540. Tôi có đủ tất cả các tướng mạo, có tuổi thọ, trí tuệ và [tâm] định tĩnh, thân của tôi luôn luôn được thoát khỏi mọi sự mệt nhọc.

3541. Sau khi dâng cúng các cây kéo có cán nhỏ vô cùng bén đến hội chúng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật cắt xén các phiền não.

3542. Sau khi dâng cúng các kẹp gắp đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi đạt được trí tuệ vô lượng và tinh khiết, vật gắp bỏ các phiền não.

3543. Sau khi dâng cúng các dụng cụ xông mũi đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3544. Tôi có đức tin, giới hạnh, luôn cả sự hổ thẹn tội lỗi và đức tính ghê sợ [tội lỗi], có sự học hỏi, sự dứt bỏ của cải, sự nhẫn nại và trí tuệ là đức tính thứ tám.

3545. Sau khi dâng cúng các ghế đẩu đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3546. Tôi được sanh ra ở gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao, tất cả tôn trọng tôi, danh tiếng của tôi được lan truyền.

3547. Trong một trăm ngàn kiếp, các chiếc ghế bành hình vuông thường xuyên vây quanh tôi, tôi vui thích trong sự ban phát.

3548. Sau khi dâng cúng các tấm nệm đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3549. Tôi có thân thể đều đặn, được tôn trọng, là người mềm mỏng, có dáng vóc tao nhã, tôi đạt được nhóm tùy tùng có trí tuệ; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm.

3550. Tôi đạt được các nệm bông vải đủ các hình dạng, nhiều tấm thảm dệt có hình vẽ, các tấm tranh vải quý giá và nhiều loại chăn mền.

3551. Tôi đạt được các tấm áo khoác mềm mại, các mảnh da dê mềm mại và các tấm trải lót nhiều loại; điều này là quả báo của việc dâng cúng nệm.

3552. Kể từ khi tôi nhớ được bản thân, kể từ khi tôi đạt được sự hiểu biết, tôi không là kẻ vô tích sự, tôi là chiếc nôi của thiền; điều này là quả báo của việc dâng cúng các tấm nệm.

3553. Sau khi dâng cúng các chiếc gối đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng sáu phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3554. Tôi luôn luôn kê đầu ở những chiếc gối len, những chiếc gối gương sen và những chiếc gối gỗ trầm màu đỏ.

3555. Sau khi hướng dẫn trí đến đạo lộ cao quý tám chi phần, bốn quả vị Sa-môn, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm.

3556. Sau khi hướng dẫn trí đến sự bố thí, sự rèn luyện, sự thu thúc và các pháp vô lượng tâm [từ, bi, hỷ, xả] thuộc sắc giới, tôi an trú vào các pháp ấy trong mọi thời điểm.

3557. Sau khi đặt tâm trí vào phận sự, đức hạnh, sự thực hành và các hành động thuộc về ứng xử, tôi an trú [vào các pháp ấy] trong mọi thời điểm.

3558. Sau khi hướng dẫn trí đến đường kinh hành, hoặc sự nỗ lực tinh tấn ở các chi phần giác ngộ, tôi an trú vào các pháp ấy theo như ý thích.

3559. Sau khi hướng dẫn trí đến giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi an trú vào các pháp ấy một cách an lạc.

3560. Sau khi dâng cúng các ghế rơm đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3561. Tôi hưởng thụ nhiều ghế bành thượng hạng làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngà voi và lõi gỗ; điều này là quả báo của chiếc ghế rơm.

3562. Sau khi dâng cúng các ghế kê chân đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng hai phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3563. Tôi đạt được nhiều phương tiện di chuyển; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân. Các tôi nam, tớ gái, các người vợ, và những người khác sống nương tựa đều phục vụ tôi một cách nghiêm chỉnh; điều này là quả báo của chiếc ghế kê chân.

3564. Sau khi dâng cúng các chất dầu bôi đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3565. Tôi có được sự không bệnh tật, sự thành tựu về dáng vóc, sự tiếp thu giáo pháp một cách nhạy bén, sự đạt được cơm ăn nước uống, và nhóm năm là tuổi thọ, sắc đẹp, an vui, sức mạnh và trí tuệ.

3566. Sau khi dâng cúng bơ lỏng và dầu ăn đến hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3567. Tôi luôn luôn có được sức mạnh, được thành tựu về dáng vóc, có cơ thể tươi vui, không có bệnh, sạch sẽ; điều này là quả báo của bơ lỏng và dầu ăn.

3568. Sau khi dâng cúng vật làm sạch miệng đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng năm phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3569. Tôi có cổ họng sạch sẽ, có giọng nói ngọt ngào, được tránh khỏi bệnh ho, bệnh suyễn, và hương thơm của hoa sen luôn luôn tỏa ra từ miệng của tôi.

3570. Sau khi dâng cúng sữa đông đầy đủ phẩm chất đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng tài sản bất tử cao quý, đó là niệm hướng đến thân.

3571. Sau khi dâng cúng mật ong đạt được màu sắc và hương vị đến đấng Chiến Thắng và hội chúng, tôi uống hương vị giải thoát không thể ước lượng, không gì sánh bằng.

3572. Sau khi dâng cúng chất tinh túy ở trạng thái thiên nhiên đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng bốn [Thánh] quả tương xứng với nghiệp của tôi.

3573. Sau khi dâng cúng cơm ăn và nước uống đến đức Phật và hội chúng, tập thể tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3574. Tôi luôn luôn có tuổi thọ, có sức mạnh, sáng suốt, có dung sắc, có uy quyền, có sự sung sướng, có sự thành tựu về cơm ăn và nước uống, dũng cảm, có trí tuệ, tôi đạt được những đức tính này trong khi luân hồi ở cõi hữu.

3575. Sau khi dâng cúng nhang [thơm] đến đức Thiện Thệ và hội chúng, tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng mười phước báu tương xứng với nghiệp của tôi.

3576-77. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đạt được cơ thể có mùi thơm ngào ngạt, có uy quyền, có tuệ nhạy bén, có danh tiếng, có tuệ sắc bén, có tuệ bao la, có tuệ vi tiếu và tuệ thâm sâu, có tuệ rộng lớn và tuệ đổng tốc. Giờ đây, do nhờ tác động của chính việc ấy, tôi đạt đến sự tịnh lặng, an lạc, Niết-bàn.

3578. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3579. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3580. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piḷindivaccha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piḷindivaccha" là phần thứ nhất.

392. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SELA (*Selattherāpadānaṃ*)

3581. Tôi đã là vị chủ quản đường lộ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã tập hợp thân quyến của tôi lại và đã nói lời nói này:

3582. "Đức Phật, vị Phước Điền Vô Thượng đã hiện khởi ở thế gian. Ngài là vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của toàn bộ thế gian.

3583. Các vị Sát-đế-lỵ, luôn cả các thị dân và các Bà-la-môn vô cùng sang trọng có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3584. Các người nài voi, các lính ngự lâm, các người đánh xe, các binh lính có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3585. Các vị con lai [có cha dòng Sát-đế-lỵ và mẹ là nô bộc], các người con trai của đức vua, các thương buôn và các Bà-la-môn có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3586. Các người đầu bếp, các người phục vụ, các người hầu tắm, các người làm tràng hoa có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3587. Các người thợ nhuộm, các người thợ dệt, các người thuộc da và các người thợ cạo có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3588. Các người làm tên, các người thợ tiện, các người thợ da luôn cả các người thợ mộc có tâm tịnh tín có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3589. Các người thợ rèn, các người thợ vàng; cũng vậy, các người thợ thiếc có tâm tịnh tín, có ý vui mừng, họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3590. Các người làm công, luôn cả các trẻ sai vặt, nhiều kẻ nô lệ làm công, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3591. Các người gánh nước, các người gánh củi, các nông dân và các người gánh cỏ, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3592. Các người trồng hoa, luôn cả các người làm tràng hoa, các người hốt lá, các người gánh trái cây, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3593. Các cô kỹ nữ, các cô hầu đội nước, các cô bán bánh và các bà bán cá, tùy theo năng lực của mình họ đã thể hiện tinh thần cộng đồng.

3594. Xin quý vị hãy đi đến. Tất cả chúng ta hãy tụ hội lại và cùng nhau kết hợp lại thành nhóm. Chúng ta sẽ thực hiện hành động hướng thượng đến phước điền vô thượng."

3595. Sau khi lắng nghe lời nói của tôi, họ đã tức thời kết hợp lại thành nhóm và đã cho thực hiện hội trường phục vụ được xây dựng khéo léo dành cho hội chúng Tỳ-khưu.

3596. Sau khi cho làm hoàn tất hội trường ấy, tôi đã trở nên phấn khởi, có tâm ý hớn hở. Được tất cả những người ấy tháp tùng, tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác.

3597. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Nhân Ngưu, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã nói lời nói này:

3598. "Bạch đấng Anh Hùng, ba trăm người nam này là cùng nhóm. Bạch bậc Hiền Trí, họ cống hiến đến Ngài hội trường phục vụ đã được xây dựng khéo léo."

3599. Bậc Hữu Nhãn đứng đầu hội chúng Tỳ-khưu đã tiếp nhận và trước ba trăm người, Ngài đã nói lên những lời kệ này:

3600. "Ba trăm người cùng với vị trưởng thượng đã hợp tác cùng nhau. Sau khi thực hiện, tất cả các ngươi sẽ thọ hưởng thành quả.

3601. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, các ngươi sẽ chạm được Niết-bàn an tịnh, có trạng thái mát mẻ, vô thượng, không già, không chết."

3602. Đức Phật, bậc Toàn Tri, vị Sa-môn vô thượng đã chú nguyện như thế. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, tôi đã bày tỏ sự vui mừng.

3603. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã là vị thống lãnh chư thiên cai quản thiên quốc năm trăm lần.

3604. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Các vị đại thiên đã đảnh lễ tôi khi tôi đang cai quản thiên quốc.

3605. Ở đây, trong vương quốc nhân loại, nhóm người [trước đây] trở

thành bà con họ hàng. Khi kiếp sống cuối cùng đã đến, có người Bà-la-môn tên Vāseṭṭha.

3606. Tôi đã là người con trai của vị ấy, có sự tích lũy tám mươi *koṭi* (tám trăm triệu). Tên của tôi là Sela. Tôi đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần [của vị Bà-la-môn].

3607-08. Trong khi dẫn đầu những người học trò của mình đi bách bộ đó đây, tôi đã nhìn thấy vị đạo sĩ khổ hạnh tên Keṇiya, mang búi tóc và giỏ vật dụng, có vật cúng hiến đã được chuẩn bị và tôi đã nói lời nói này: "Có phải ông đã thỉnh mời cô dâu, hoặc chú rể, hay là đức vua?"

3609. "Tôi có ý định dâng tặng vật hiến cúng đến vị Bà-la-môn đã được công nhận là vị Trời. Tôi không thỉnh mời đức vua, vật hiến cúng của tôi không có.

3610. Và tôi thì không có cô dâu, chú rể của tôi thì không được biết đến. Còn vị đem lại niềm hoan hỷ cho dòng họ Sakya là bậc Trưởng Thượng Ở Thế Gian, luôn cả chư thiên.

3611. Vị ấy là nguồn đem lại sự an lạc cho tất cả chúng sanh, vì sự lợi ích và tấn hóa của toàn bộ thế gian, vị ấy đã được tôi thỉnh mời ngày hôm nay. Đây là vật chuẩn bị cho vị ấy.

3612. Đức Phật đã được [tôi] thỉnh mời vào ngày mai là vị có màu da tợ như trái cây timbarū, là bậc vô lượng, vô song, không thể sánh bằng về dáng vóc.

3613. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy trông tợ thỏi vàng đặt ở cửa miệng lò nung, như là than gỗ khadira cháy rực tương tợ tia chớp.

3614. Đức Phật đã được tôi thỉnh mời ấy giống như ngọn lửa ở đỉnh ngọn núi, tợ như mặt trăng vào ngày rằm, giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy.

3615. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy như là con sư tử, không bị hãi sợ, đã vượt qua sự sợ hãi, là bậc Hiền Trí có sự chấm dứt việc tái sanh.

3616. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo trong các pháp của chư Phật. Ngài không bao giờ bị áp bức bởi những kẻ khác, tương tợ con voi.

3617. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị thiện xảo về sự thực hành trong Chánh pháp, là vị Phật hùng tráng không thể sánh bằng, tương tợ con bò mộng.

3618. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có phẩm hạnh vô biên, có danh vọng vô lượng, có tất cả tướng mạo rực rỡ, tương tợ [Chúa trời] Sakka.

3619. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị có năng lực, có đồ chúng, có sự huy hoàng, có sự vẻ vang, khó mà tiếp cận, tương tợ đấng Phạm thiên.

3620. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có giáo pháp đã

đạt, là đấng Thập Lực, là bậc thông thạo về năng lực và siêu năng lực, tương tợ trái đất.

3621. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy được vây bủa bởi các làn sóng giới hạnh, không bị lay động do sự nhận thức [của giác quan] đối với các đối tượng, tương tợ biển cả.

3622. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là khó mà tiếp cận, khó mà chế ngự, không bị lay chuyển, hướng thượng, cao thượng, tương tợ núi Neru.

3623. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có trí tuệ vô biên, tương đương với bậc không thể sánh bằng, không thể ước lượng, đã đạt đến tột đỉnh, tương tợ bầu không gian.

(Dứt tụng phẩm thứ mười lăm).

3624. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là vị an ủi, là chốn nâng đỡ cho những kẻ bị khiếp hãi lo sợ, là sự bảo vệ cho những người đến nương nhờ.

3625. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là hầm mỏ châu báu, là chỗ trú của những người có trí giác ngộ, là phước điền của những người tầm cầu sự an lạc.

3626. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc an ủi, tạo ra niềm phấn khởi, là đấng ban phát quả vị Sa-môn, tương tợ đám mây [đem lại cơn mưa].

3627. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là con mắt của thế gian, có oai lực lớn lao, là sự xua đi tất cả các bóng tối, tương tợ mặt trời [xua tan đêm đen].

3628. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Hiền Trí, có sự nhìn thấy bản thể trong các sự giải thoát khỏi đối tượng của các giác quan, tương tợ mặt trăng [lìa bỏ các chỗ đã rọi đến].

3629. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy là bậc Trưởng Thượng, đã tự mình vươn lên ở thế gian, được tô điểm với các tướng mạo, là bậc Vô Lượng.

3630. Vị nào có trí tuệ không thể đo lường, vị nào có giới không thể tương đương, vị nào có sự giải thoát không thể sánh bằng, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời.

3631. Vị nào có nghị lực không sánh bằng được, vị nào có sức mạnh không nên suy tưởng, vị nào có sự nỗ lực hàng đầu, vị ấy là đức Phật đã được tôi thỉnh mời.

3632. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có tất cả các chất độc hại là tham, sân và si đã được xóa sạch, tương tợ thuốc chữa bệnh.

3633. Đức Phật, đấng Đại Hùng đã được tôi thỉnh mời ấy có sự xua đi căn bệnh phiền não, nhiều sự khổ đau và tất cả các bóng tối, tương tợ vị lương y."

3634. "Này ông, vị mà ông nói là 'đức Phật', thậm chí tiếng gọi ấy cũng khó mà đạt được." Sau khi được nghe rằng: "Đức Phật! Đức Phật!", đã có sự phỉ lạc sanh khởi đến tôi.

3635. Niềm phỉ lạc của tôi không [thể] nắm giữ ở bên trong đã bộc lộ ra ngoài. Trong khi có tâm phỉ lạc, tôi đây đã nói lời nói này:

3636. "Vậy thì đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ấy là ở đâu? Tôi sẽ đi đến nơi ấy và sẽ đảnh lễ đấng ban phát quả vị Sa-môn."

3637. Sau khi nắm lấy cánh tay phải [của tôi], [vị đạo sĩ Keṇiya] tràn đầy niềm phấn khởi, tay chắp lại, đã nói với tôi về đấng Pháp Vương, bậc có sự xua đi các mũi tên sầu muộn rằng:

3638. "Ông hãy nhìn xem khu rừng lớn này tợ như đám mây khổng lồ đang trỗi dậy, như là lớp thuốc bôi màu lục, trông như là biển cả.

3639. Đức Phật, bậc Điều Phục những ai chưa được điều phục, đấng Hiền Trí ấy ngự ở nơi đây, đang hướng dẫn những người cần được hướng dẫn và giúp cho họ giác ngộ những chi phần giác ngộ."

3640. Tợ như người khát nước tìm kiếm nước, tợ như người bị đói tìm kiếm thức ăn, như là bò mẹ khao khát con bê, tôi đã tìm đến đấng Chiến Thắng tương tợ như thế.

3641. Là người biết lối hành xử và cách tiếp cận hay dở thích hợp với tình huống, tôi đã chỉ dạy những người học trò của mình trong khi họ đang đi đến chỗ của đấng Chiến Thắng rằng:

3642. "Này các chàng trai, các đấng Thế Tôn là khó mà tiếp cận, tợ như những con sư tử có sở hành đơn độc, các trò nên đi đến, bước từng bước từng bước một.

3643. Giống như con rắn độc khủng khiếp, tợ như con sư tử vua của loài thú, tợ như con voi có ngà đã bị nổi cơn, chư Phật là khó mà tiếp cận như thế ấy.

3644. Này các chàng trai, hãy kềm lại sự ho khan và khịt mũi. Các trò hãy đi đến gần bên đức Phật, bước từng bước từng bước một.

3645. Chư Phật là các vị thầy của thế gian luôn cả chư thiên, là những bậc quý trọng sự yên tịnh, ít gây tiếng động, khó mà tiếp cận, khó đến gần bên.

3646. Khi ta hỏi câu hỏi hoặc là trao đổi xã giao, khi ấy các trò hãy im lặng, hãy đứng yên như là có bản chất của bậc Hiền Trí.

3647. Về Chánh pháp mà vị ấy thuyết giảng nhằm đạt đến Niết-bàn an ổn, các trò hãy chú tâm đến ý nghĩa ấy. Việc lắng nghe Chánh pháp là hạnh phúc."

3648. Sau khi đi đến gần bậc Toàn Giác, tôi đã chào hỏi với bậc Hiền Trí. Sau khi đã trao đổi lời thăm hỏi ấy, tôi đã quan sát các tướng mạo.

3649. Tôi nhìn thấy ba mươi tướng mạo, nhưng tôi vẫn còn hoài nghi về hai tướng mạo. Đấng Hiền Trí đã dùng thần thông cho thấy vật kín có lớp vỏ bọc lại.

3650. Đấng Chiến Thắng đã thè lưỡi ra uốn lại, rồi đã chạm vào lỗ tai và lỗ mũi, [sau đó] đã che lấp toàn bộ cái trán.

3651. Sau khi nhìn thấy các tướng mạo được đầy đủ cùng với các tướng phụ của Ngài, tôi đã đi đến kết luận là "đức Phật", và đã xuất gia cùng với các người học trò.

3652. Cùng với ba trăm [người học trò], tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến nửa tháng, tất cả chúng tôi đã đạt được Niết-bàn.

3653. Sau khi đã cùng nhau thực hiện công việc ở phước điền vô thượng, sau khi đã cùng nhau luân hồi, họ đã cùng nhau dừng lại.

3654. Sau khi dâng cúng các cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được tám nhân tố:

3655. Tôi được tôn vinh ở các phương, và của cải của tôi là vô lượng, tôi là chốn nâng đỡ cho tất cả, sự run sợ của tôi không được biết đến.

3656. Các bệnh tật của tôi không được biết đến, và tôi gìn giữ được tuổi thọ, tôi là người có làn da mềm mại, tôi cư ngụ ở trú xứ đã được mong mỏi.

3657. Sau khi dâng cúng tám cây đà chống, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Tôi có các tuệ phân tích và phẩm vị A-la-hán, điều này là phần phụ trội của điều thứ tám.

3658. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có phận sự đã được làm xong, không còn lậu hoặc, là người con trai của Ngài, có tên là Aṭṭhagopānasī.

3659. Sau khi dâng cúng năm cây cột trụ, tôi đã sống theo tính chất cộng đồng. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố:

3660. Tôi không dao động nhờ vào tâm từ ái, tôi có các bộ phận cơ thể không bị thiếu sót, tôi có lời nói được thừa nhận, cũng vậy, tôi không bị công kích.

3661. Tâm của tôi không bị tản mạn, tôi không bị dao động bởi bất cứ điều gì. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bị bợn nhơ ở trong giáo pháp.

3662. Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hiền Trí, vị Tỳ-khưu Thinh văn của Ngài có sự tôn kính, có sự phục tùng, có phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, xin đảnh lễ Ngài.

3663. Tôi đã thực hiện chiếc ghế bành được làm khéo léo và đã bố trí ở hội trường. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đạt được năm nhân tố:

3664. Sau khi được sanh vào gia tộc thượng lưu, tôi có của cải lớn lao. Tôi là người được thành tựu mọi thứ, sự bỏn xẻn ở tôi không được biết đến.

3665. Khi tôi mong muốn ra đi, chiếc ghế bành hiện diện kế bên. Bằng chiếc ghế bành tối thượng, tôi đi đến nơi đã được tôi mong muốn.

3666. Do việc dâng cúng chiếc ghế bành ấy, tôi đã xua đi tất cả bóng tối. Bạch đấng Hiền Trí, vị Trưởng lão đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí xin đảnh lễ Ngài.

3667. Tôi đã hoàn thành tất cả các phận sự, phận sự của mình và phận sự đối với người khác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi vào thành phố không sợ hãi (Niết-bàn).

3668. Tôi đã dâng cúng vật hữu dụng chính là hội trường đã được hoàn thành. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đạt đến bản thể tối thượng.

3669. Bất cứ các huấn luyện viên nào ở thế gian, khi họ huấn luyện các con voi, các con ngựa, họ thực hiện nhiều cách hành hạ khác nhau, họ huấn luyện bằng sự tàn bạo.

3670. Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không huấn luyện các người nam và nữ như thế ấy. Ngài huấn luyện trong sự huấn luyện tối thượng, không gậy, không dao.

3671. Trong khi tán dương các đức tính của sự bố thí, bậc Hiền Trí là vị thiện xảo về việc thuyết giảng. Ngay trong khi đang trả lời một câu hỏi, bậc Hiền Trí đã giác ngộ cho ba trăm người.

3672. Được đấng Điều Ngự huấn luyện, chúng tôi đã được hoàn toàn giải thoát, không còn lậu hoặc, đã đạt được toàn bộ năng lực của thắng trí, đã được tịch diệt về sự đoạn tận mầm mống tái sanh.

3673. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tất cả các điều lo sợ đã được vượt qua; điều này là quả báo của việc dâng cúng hội trường.

3674. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3675. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3676. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sela đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sela" là phần thứ nhì.

393. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAKITTIKA
(*Sabbakittikattherāpadānaṃ*)

3677. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] tợ như cây kaṇikāra đang

cháy sáng, tợ như cây đèn đang phát sáng, tợ như vì sao osadhī đang chiếu sáng, giống như tia chớp ở bầu trời.

3678. [Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian] không bị hãi sợ, không có sợ sệt, tợ như con sư tử vua của loài thú, đang tỏa ánh sáng trí tuệ, đang chế ngự các nhóm người ngoại đạo.

3679. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiếp độ thế gian này, đang cắt đứt mọi điều nghi hoặc, tợ như [con sư tử] vua của loài thú đang gầm thét.

3680. Tôi đã là vị mang búi tóc, khoác tấm da dê, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng. Tôi đã cầm lấy y phục bằng vỏ cây và đã trải xuống ở cạnh bàn chân [của đức Phật].

3681. Tôi đã cầm lấy chất bôi thơm kāḷānusāriya và đã thoa lên đức Như Lai. Sau khi thoa lên bậc Toàn Giác, tôi đã ngợi ca về đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng :

3682. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã vượt qua dòng nước lũ, Ngài tiếp độ thế gian này, Ngài chiếu sáng bằng ánh sáng trí tuệ, trí tuệ tối thượng [của Ngài] là không bị che lấp.

3683. Ngài chuyển vận bánh xe giáo pháp, Ngài chế ngự các ngoại đạo khác, Ngài là vị cao quý đã chiến thắng trận đấu, Ngài làm trái đất rúng động.

3684. Các làn sóng ở đại dương bị vỡ tan ở bờ biển, tương tợ y như thế, tất cả các tà kiến bị tan vỡ ở trí tuệ của Ngài.

3685. Khi lưới có lỗ nhỏ được đặt vào ở trong hồ nước, các sinh vật đi vào trong lưới thì bị khống chế ngay lập tức.

3686. Bạch Ngài, tương tợ y như thế, các ngoại đạo ở thế gian dựa dẫm vào dị giáo tầm thường, họ xoay vần bên trong trí tuệ cao quý của Ngài.

3687. Ngài là bến bờ của những người đang bị cuốn trôi ở dòng nước lũ, chính Ngài là vị bảo hộ của những người không thân quyến, Ngài là sự bảo vệ cho những người bị khổ đau vì hãi sợ, là nơi nương tựa của những người có mục tiêu đã bị xao lãng.

3688. Ngài là vị anh hùng độc nhất, không người tương tợ, là sự tích lũy bi mẫn và từ ái, có giới tốt đẹp, không kẻ sánh bằng, được an tịnh, có năng lực, vững chãi, đã chiến thắng cuộc hành trình.

3689. Ngài là bậc Trí Tuệ, có sự si mê đã được xa lìa, không còn dục vọng, không có hoài nghi, đã sống trọn vẹn, có sân hận đã được chối bỏ, không ô nhiễm, đã được thanh lọc, tinh khiết.

3690. Ngài đã vượt lên sự quyến luyến, có sự kiêu hãnh đã được tiêu diệt, có tam minh, đã đi đến tận cùng của tam giới, đã vượt qua ranh giới, có sự kính trọng giáo pháp, có mục đích đã được thực hiện, có đạo lộ hữu ích.

3691. Ngài giống như ngôi sao [hướng dẫn] chiếc thuyền, giống như của cải chôn giấu là nguồn tạo sự an ủi, giống như con sư tử không bị hãi sợ, tợ như con voi chúa kiêu kỳ."

3692. Sau khi ngợi ca bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Padumuttara bằng mười câu kệ, sau khi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư, khi ấy tôi đã đứng im lặng.

3693. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đứng ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

3694. "Người nào đã tán dương giới hạnh và trí tuệ, luôn cả giáo pháp của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các ngươi hãy lắng nghe Ta nói.

3695. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu chục ngàn kiếp. Sau khi vượt trội chư thiên khác, [người ấy] sẽ được thiết lập làm vị Chúa tể.

3696. Về sau người ấy sẽ xuất gia, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người ấy sẽ xuất gia trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

3697. Sau khi xuất gia, sau khi lánh xa ác nghiệp bằng thân, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người ấy] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3698. "Bạch đấng Đại Hùng, giống như đám mây đang nổi sấm [sét] thì làm cho trái đất này thỏa mãn, tương tợ y như thế, Ngài đã làm con thỏa mãn bằng giáo pháp."

3699. Sau khi ngợi ca giới hạnh, trí tuệ, giáo pháp và đấng Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã đạt đến sự an tịnh tuyệt đối, Niết-bàn, vị thế Bất hoại.

3700. Ôi, nếu như đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn ấy có thể tồn tại lâu dài, thì [nhiều người] có thể nhận thức điều chưa được biết đến và có thể chạm đến vị thế bất tử.

3701. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3702. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

3703. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3704. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3705. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbakittika[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbakittika" là phần thứ ba.

394. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUDĀYAKA (*Madhudāyakattherāpadānaṃ*)

3706. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo ở bờ sông Sindhu. Tại nơi ấy, tôi chỉ dạy các học trò về truyền thống cùng với tướng mạo.

---

[2] *Sabbakittika* nghĩa là "vị tán dương (*kittika*) tổng thể (*sabba*) về đức Phật."

3707. Các vị ấy có sự ao ước về giáo pháp, đã được huấn luyện, có ước muốn được nghe lời giáo huấn tốt đẹp. Đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần, các vị ấy sống ở bờ sông Sindhu.

3708. Khi ấy, trong lúc đang tầm cầu mục đích tối thượng, các vị sống ở trong khu rừng bao la.

3709. Bậc Toàn Giác tên Sumedha lúc bấy giờ đã hiện khởi ở thế gian. Thương tưởng đến chúng tôi, đấng Hướng Đạo đã đi đến gần.

3710. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã đi đến gần, tôi đã làm tấm thảm trải bằng cỏ và đã dâng cúng đến bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian.

3711. Tôi đã cầm lấy mật ong từ khu rừng bao la và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Toàn Giác đã thọ dụng và đã nói lời nói này:

3712. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng mật ong ấy đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3713. Do sự dâng cúng mật ong này và do tấm thảm trải bằng cỏ, [người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp.

3714. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3715. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người ấy] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3716. Sau khi đã từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, khi [tôi] nhập vào bụng mẹ, có cơn mưa mật ong đã đổ xuống, che lấp trái đất với mật ong.

3717. Và ngay khi tôi đang ra khỏi bụng mẹ một cách vô cùng khó khăn, tại nơi ấy cũng có cơn mưa mật ong đã liên tục đổ mưa đến tôi.

3718. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình, tôi có sự đạt được về cơm ăn và nước uống; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

3719. Tôi được dồi dào về mọi dục lạc sau khi đã sống ở [thế giới] chư thiên và nhân loại. Chính nhờ sự dâng cúng mật ong ấy, tôi đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

3720. Khi trời đổ mưa ở cỏ dài bốn ngón tay, khi loài thảo mộc mọc ở trên đất đã được trổ hoa và đã che phủ khắp, ở ngôi nhà trống vắng, ở mái che và ở cội cây, tôi sống luôn luôn được an lạc, không còn lậu hoặc.

3721. Tôi đã vượt lên tất cả các cõi trung bình, to lớn và thấp kém. Hôm nay các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3722. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng mật ong.

3723. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3724. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3725. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhudāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhudāyaka" là phần thứ tư.

395. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMAKŪṬĀGĀRIYA (*Padumakūṭāgāriyattherāpadānaṃ*)

3726. Đức Thế Tôn tên Piyadassī, là đấng Tự Chủ, bậc Lãnh Đạo Thế Gian. Đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí có ước muốn độc cư, thiện xảo về định.

3727. Sau khi đi sâu vào khu rừng rậm, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, đấng Tối Thượng Nhân đã trải ra tấm y may từ vải bị quăng bỏ rồi ngồi xuống.

3728. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Khi ấy, trong lúc tìm kiếm loài nai pasada, tôi [đã] đi lang thang.

3729. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên.

3730. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Piyadassī, khi ấy tôi đã lội xuống hồ nước thiên nhiên và đã mang lại đóa sen hồng.

3731. Sau khi mang lại đóa sen hồng trăm cánh làm thích ý, tôi đã xây dựng ngôi nhà mái nhọn và đã phủ lên bằng hoa sen hồng.

3732. Bậc Có Lòng Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, đức Phật, đấng Chiến Thắng đã ngụ bảy ngày đêm ở ngôi nhà mái nhọn.

3733. Sau khi bỏ đi các [bông hoa] héo úa, tôi đã che lên bằng [bông hoa] mới. Liền sau đó, tôi đã chắp tay lên và đứng yên.

3734. Bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã xuất khỏi định. Trong lúc đang quan sát các phương, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống.

3735. Khi ấy, vị thị giả có đại thần lực tên Sudassana đã hiểu được tâm của đức Phật, bậc Đạo Sư Piyadassī.

3736. Được tháp tùng bởi tám mươi ngàn vị Tỳ-khưu, vị ấy đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi an lạc ở cuối khu rừng.

3737. Và cho đến chư thiên ngự ở trong khu rừng rậm, sau khi biết được tâm của đức Phật, khi ấy tất cả đã tụ hội lại.

---

[3] *Madhudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) mật ong (*madhu*)."

3738. Khi các dạ-xoa, các ác thần, cùng với các loài quỷ sứ đã cùng nhau đi đến, và khi hội chúng Tỳ-khưu đã đến nơi, đấng Chiến Thắng đã thốt lên các lời kệ này:

3739. "Người nào đã cúng dường và đã thực hiện chỗ ngụ cho Ta bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3740. Bằng trí tuệ, Ta sẽ tán dương điều thật khó mà nhìn thấy, vô cùng vi tế, sâu thẳm, đã được thể hiện tốt đẹp. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3741. [Người ấy] sẽ cai quản thiên quốc mười bốn kiếp. Có tòa nhà mái nhọn vĩ đại, được che phủ bằng các đóa sen hồng, sẽ được duy trì ở không trung dành cho người ấy; điều này là quả báo của việc làm với bông hoa.

3742. [Người ấy] sẽ luân hồi xen kẽ [giữa cõi trời và cõi người] hai ngàn bốn trăm kiếp. Tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở không trung [dành cho người ấy].

3743. Giống như nước không làm lem luốc cánh hoa sen, tương tợ y như thế, các điều ô nhiễm không làm hoen ố trí của người này.

3744. Sau khi đã loại trừ năm pháp che lấp ở trong tâm, người này sẽ làm sanh khởi tâm về việc xuất ly và sẽ xuất gia lìa khỏi gia đình. Sau đó, trong lúc cung điện làm bằng bông hoa đang được duy trì, người này sẽ ra đi.

3745. Trong khi con người cẩn trọng có chánh niệm [này] đang ngụ ở gốc cây, tại nơi ấy sẽ có cung điện làm bằng bông hoa được duy trì ở đỉnh đầu [của người này].

3746. Sau khi dâng cúng y phục, vật thực, thuốc chữa bệnh và chỗ nằm ngồi đến hội chúng Tỳ-khưu, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3747. Tôi đã ra đi xuất gia bằng sự di chuyển của ngôi nhà mái nhọn. Ngôi nhà mái nhọn được duy trì trong khi [tôi] đang ngụ ở gốc cây.

3748. Sự suy tư về y phục và vật thực không có ở tôi. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi nhận được hoàn toàn đầy đủ.

3749. Nhiều *koṭi* kiếp sống của tôi, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm, đã trôi qua vô ích, các bậc Lãnh Đạo Thế Gian đều đã giải thoát.

3750. [Trước đây] một ngàn tám trăm kiếp, đấng Hướng Đạo Piyadassī [đã hiện khởi]. Sau khi phục vụ Ngài, tôi đã đi đến lần nhập thai này.

3751. Tại đây, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Hữu Nhãn tên Anoma. Tôi đã đi đến gặp vị ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

3752. Đức Phật, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng đã giảng giải cho tôi về đạo lộ. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

3753. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3754. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] một ngàn tám

trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumakūṭāgāriya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumakūṭāgāriya" là phần thứ năm.

396. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BAKKULA (*Bakkulattherāpadānaṃ*)

3758. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Sobhita. Khu ẩn cư của tôi đã được xây dựng khéo léo, đã được tạo lập bởi những người học trò của tôi.

3759. Tại nơi ấy, có nhiều mái che và các cây sinduvāraka đã được trổ hoa. Tại nơi ấy, có nhiều cây táo rừng và các cây jīvajīvaka đã được trổ hoa.

3760. Tại nơi ấy, có nhiều cây niggaṇḍiya, cây táo, cây āmalaka, cây phārusaka, các dây bầu trái dài, và các giống sen trắng đã được trổ hoa.

3761. Tại nơi ấy, có các cây ālaka, cây beluva, cây chuối, cây chanh. Tại nơi ấy, có nhiều cây mahānāma, cây ajjuṇa và cây piyaṅguka.

3762. Tại nơi ấy, có các cây kosamba, cây salala, cây nīpa, cây nigrodha và cây kapitthana. Khu ẩn cư của tôi là như thế ấy. Tôi cùng với các người học trò của mình đã cư ngụ tại nơi ấy.

3763. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi tầm cầu sự yên tịnh đã đi đến gần khu ẩn cư của tôi.

3764. Khi đấng Đại Hùng Anomadassī có danh vọng lớn lao đã đi đến gần, bỗng nhiên có căn bệnh về gió đã phát khởi đến đấng Bảo Hộ Thế Gian.

3765. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian trong lúc đang đi lang thang ở khu rừng. Tôi đã đi đến gần đấng Toàn Giác, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao.

3766. Ngay sau khi nhìn thấy cử chỉ [của Ngài], khi ấy tôi đã nhận ra rằng: "Không còn nghi ngờ gì nữa, có cơn bệnh đã nảy sanh đến đức Phật của chúng ta."

3767. Tôi đã tức tốc đi về khu ẩn cư, ở chỗ các người học trò của tôi. Có ý định bào chế thuốc chữa bệnh, khi ấy tôi đã triệu tập các người học trò lại.

---

[4] *Padumakūṭāgāriya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi nhà mái nhọn (*kūṭāgāra*) bằng bông sen hồng (*paduma*)."

3768. Tuân theo lời nói của tôi, các người học trò, tất cả đều có lòng kính trọng, đã tụ tập lại một chỗ do sự tôn kính đối với bậc Đạo sư của tôi.

3769. Sau khi cấp tốc trèo lên núi và mang về tất cả các loại thuốc, tôi đã bào chế loại nước hỗn hợp và tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

3770. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã thọ dụng, cơn [bệnh] gió của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã mau chóng được dập tắt.

3771. Sau khi nhìn thấy sự khó chịu đã được êm dịu, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao Anomadassī đã ngồi xuống ở chỗ ngồi của mình và đã nói lên những lời kệ này:

3772. "Người nào đã dâng cúng thuốc chữa bệnh đến Ta và đã làm êm dịu cơn bệnh của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3773. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một trăm ngàn kiếp. Ở tại nơi ấy, người này sẽ luôn luôn vui thích các nhạc cụ được trình tấu.

3774. Sau khi đi đến thế giới loài người, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3775. Vào kiếp thứ năm mươi lăm, [người này] sẽ là vị Sát-đế-lỵ tên Anoma, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu.

3776. Là đấng Chuyển Luân Vương được thành tựu bảy loại báu vật, có oai lực lớn lao, [người này] sẽ làm chấn động luôn cả cõi trời Đạo-lợi và sẽ được thiết lập làm vị chúa tể.

3777. Trở thành vị thiên nhân hay là người [nhân loại], [người này] sẽ ít bệnh tật. Sau khi xa lìa sự bám víu [của gia đình], [người này] sẽ vượt qua căn bệnh [phiền não] ở thế gian.

3778. Vô lượng kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3779. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3780. Sau khi thiêu đốt các phiền não, [người này] sẽ vượt qua dòng chảy tham ái, và sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Bakkula.

3781. Biết rõ toàn bộ việc này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, sẽ thiết lập [người này] vào vị thế tối thắng."

3782. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, trong khi xem xét về sự độc cư, đã đi đến gần khu ẩn cư của tôi.

3783. Khi bậc Đại Hùng, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã đi đến gần, được tịnh tín, tôi đã tự tay mình làm toại ý Ngài bằng mọi thứ dược phẩm.

3784. Việc làm đã khéo được thực hiện bởi tôi đây là sự thành tựu về hạt

giống ở phước điền màu mỡ, bởi vì từ khi việc của tôi đã được thực hiện tốt đẹp, tôi không bao giờ có thể bị hao hụt.

3785. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo. Nhờ vào phần dư sót của nghiệp ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

3786. Sau khi biết rõ về tất cả điều này, đức Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

3787. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc chữa bệnh.

3788. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3789. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3790. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bakkula đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bakkula" là phần thứ sáu.

397. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIMĀNANDA
(*Girimānandattherāpadānaṃ*)

3791. Người vợ của tôi đã qua đời. Con trai tôi [đã chết] được đưa đến bãi tha ma. Mẹ, cha và anh trai [của tôi đang] được thiêu chung một giàn hỏa thiêu.

3792. Bị nung nấu bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã trở nên gầy ốm, vàng vọt. Bị dày vò bởi nỗi sầu muộn ấy, tôi đã có sự rối loạn tâm trí.

3793. Bị khổ sở bởi mũi tên sầu muộn, tôi đã đi vào bên trong khu rừng. Tôi ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở gốc cây.

3794. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, đấng Chiến Thắng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến gần chỗ của tôi.

3795. Nghe được tiếng bước chân của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha, tôi đã ngẩng đầu lên, ngước nhìn bậc Đại Hiền Trí.

3796. Đấng Đại Hùng đã ngự đến, niềm phỉ lạc đã sanh khởi ở tôi. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian ấy, khi ấy tâm trí của tôi đã được tập trung lại.

3797. Sau khi đạt được niệm trở lại, tôi đã dâng cúng nắm lá cây. Đức Thế Tôn, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng đã ngồi xuống ở tại nơi ấy.

3798. Sau khi ngồi xuống ở tại nơi ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã thuyết giảng giáo pháp xua đi mũi tên sầu muộn cho tôi rằng:

3799. "Không được mời mọc, từ nơi ấy họ đã đi đến. Không được cho phép, từ nơi đây họ đã ra đi. Họ đã đi đến như thế nào thì họ đã ra đi như thế ấy; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3800. Cũng giống như những người bộ hành vào lúc cơn mưa đang đổ xuống, do việc đổ xuống của cơn mưa, họ đi đến chỗ có sự tốt đẹp [để trú mưa].

3801. Và khi cơn mưa đã tạnh, họ tự động ra đi theo như ý thích. Mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3802. Các người lữ hành là những người khách có tính chất dao động, chuyển động, rung động, mẹ và cha của ngươi là tương tợ như thế; có sự than vãn gì trong trường hợp ấy?

3803. Cũng giống như loài rắn quăng bỏ lớp da già cỗi rồi đi đến lớp da [mới], tương tợ như thế, mẹ và cha của ngươi đã bỏ lại xác thân ở nơi đây."

3804. Hiểu được lời nói của đức Phật, tôi đã lìa bỏ mũi tên sầu muộn. Sau khi làm cho sanh khởi niềm hưng phấn, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

3805. Sau khi đã đảnh lễ bậc Long Tượng, tôi đã cúng dường bó hoa giri có được hương thơm của cõi trời đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha.

3806. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Trong lúc tưởng nhớ đến các đức hạnh cao cả, tôi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

3807. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Toàn Tri, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, Ngài đã vượt qua. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài tiếp độ tất cả chúng sanh bằng trí tuệ.

3808. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã cắt đứt sự hoài nghi cũng như sự lưỡng lự. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài đã sắp xếp đạo lộ cho con bằng trí tuệ của Ngài.

3809. Các bậc A-la-hán đã đạt đến sự thành tựu, có sáu thắng trí, có đại thần lực, là các bậc trí tuệ có sự du hành ở không trung ngay lập tức tháp tùng theo.

3810. Có các vị Thinh văn, là các bậc Hữu học đang thực hành và có các bậc đã trú vào quả vị A-la-hán. Các vị Thinh văn của Ngài nở rộ như đóa sen hồng vào lúc mặt trời mọc.

3811. Bạch đấng Hữu Nhãn, giống như đại dương là không bị suy suyển, không thể ước lượng, khó mà vượt qua, tương tợ y như vậy, được hội đủ về trí tuệ, Ngài là bậc vô lượng."

3812. Sau khi đảnh lễ đấng Chiến Thắng Của Thế Gian, bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao, trong khi lễ bái các phương tôi đã cúi mình ra đi.

3813. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, trong khi luân chuyển ở cõi này cõi khác, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ, có sự nhận biết, có niệm.

3814. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, chứng thiền, có sự yên tịnh là hành xứ.

3815. Sau khi đã khẳng quyết về sự nỗ lực, sau khi đã làm vui lòng bậc Đại

Hiền Trí, tôi thường xuyên đi đó đây, tợ như mặt trăng đã được thoát khỏi đám mây dày đặc.

3816. Tôi gắn bó với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3817. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật [trước đây] ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3818. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3819. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3820. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Girimānanda đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Girimānanda" là phần thứ bảy.

398. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SALALAMAṆḌAPIYA
(*Salalamaṇḍapiyattherāpadānaṃ*)

3821. Khi [đức Phật] Kakusandha, vị Bà-la-môn hoàn hảo đã Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che.

3822. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đạt được cung điện tối thượng, tôi vượt trội chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

3823. Dầu là ban ngày hay ban đêm, trong khi đang đi kinh hành và đứng lại, tôi được che bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

3824. Ngay chính trong kiếp này [kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

3825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Salalamaṇḍapiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Salalamaṇḍapiya" là phần thứ tám.

---

[5] *Salalamaṇḍapiya* nghĩa là "vị liên quan đến mái che (*maṇḍapa*) bông hoa salala."

399. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBADĀYAKA
(*Sabbadāyakattherāpadānaṃ*)

3828. Chỗ cư ngụ của tôi đã khéo được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được tạo lập, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ.

3829. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý.

3830. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v...

3831. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvaṃjīvaka.

3832. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piṅgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai.

3833. Tất cả các cây đều làm bằng vàng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm.

3834. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi.

3835. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [và đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy.

3836. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận.

3837. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã cho giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi.

3838. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]. Tất cả các người hãy tụ hội lại."

3839. [Họ đã đáp rằng:] "Việc chúng tôi sống thân cận với Ngài là điều lợi ích cho chúng tôi, là điều đã được thành đạt tốt đẹp cho chúng tôi. Chúng tôi cũng sẽ thực hiện việc cúng dường đến bậc Đạo Sư, đức Phật tối thượng."

3840. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

3841. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống ở chiếc ghế làm toàn bằng vàng.

3842. Khi ấy, đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng ở phía trên, có những cái quạt quạt gió ở phía bên trong của hội chúng Tỳ-khưu.

3843. Tôi đã làm toại ý hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vị một xấp vải đôi.

3844. Vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng của thế gian mà mọi người gọi là "Sumedha", sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên lời kệ này:

3845. "Người nào đã làm toại ý Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3846. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3847. Người này sanh lên chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng làm toàn bằng vàng che cho người ấy vào mọi lúc.

3848. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3849. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3850. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người cầm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] được thiêu ở bên dưới chiếc lọng."

3851. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt, ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức.

3852. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo việc dâng cúng mọi thứ.

3853. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3854. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3855. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbadāyaka" là phần thứ chín.

400. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJITA (*Ajitattherāpadānaṃ*)

3856. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống.

3857. Tôi đã không nhìn thấy bậc Toàn Giác [trước đây] và tôi cũng không được nghe lời đồn đãi. Khi ấy, tôi đi lang thang ở trong rừng, đang tìm kiếm thức ăn cho mình.

3858. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có ba mươi hai hảo tướng. Sau khi nhìn thấy, tôi đã có ý nghĩ rằng: "Người này có tên là gì nhỉ?"

---

[6] *Sabbadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) mọi thứ (*sabba*)."

3859. Sau khi xem xét các tướng mạo, tôi đã tưởng nhớ lại vốn hiểu biết của mình; bởi vì điều này tôi đã được nghe các bậc trí tuệ cao niên giảng giải cặn kẽ.

3860. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Theo như lời nói ấy của họ thì người này sẽ là đức Phật. Có lẽ ta nên tôn trọng thì số phận của ta sẽ được sáng sủa?"

3861. Tôi đã mau chóng đi về lại khu ẩn cư và đã chọn lấy dầu của cây madhu. Tôi đã mang theo một hủ và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu.

3862. Tôi đã cầm lấy cái chạng ba và đã dựng lên ở ngoài trời. Tôi đã thắp sáng cây đèn và đã đảnh lễ tám lần.

3863. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm. Sau đó, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã xuất thiền vào lúc cuối đêm.

3864. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã [trải qua] bảy ngày đêm. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến đức Phật.

3865. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả các khu rừng được tạo bằng hương thơm, được thấm nhuần hương thơm ở ngọn núi, đã di chuyển đến gần đấng Chiến Thắng.

3866. Các loài thảo mộc mọc ở trên đất thuộc loài có hoa, có hương thơm thì đã được trổ hoa. Khi ấy, do nhờ oai lực của đức Phật, tất cả đã tụ hội lại.

3867. Cho đến các loài rồng và các loài nhân điểu ở núi Hy-mã-lạp, có ý muốn nghe giáo pháp, cả hai loài ấy đã đi đến gần bên đức Phật.

3868. Vị Sa-môn tên Devala là bậc Thinh văn hàng đầu của đức Phật, cùng với một trăm ngàn vị có năng lực, đã đi đến gần bên đức Phật.

3869. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu, đã nói lên những lời kệ này:

3870. "Người nào được tịnh tín, đã tự tay mình dâng cúng cây đèn đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3871. [Người ấy] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

(Dứt tụng phẩm thứ mười sáu).

3872. [Người ấy] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần, và sẽ cai trị vương quốc rộng lớn ở trái đất bảy trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3873. Do sự dâng cúng cây đèn này, [người ấy] sẽ có thiên nhãn. Người này sẽ luôn luôn nhìn thấy khoảng cách tám kosa[7] ở xung quanh.

3874. Trong khi [người này] mệnh chung từ thế giới chư thiên và đang đi tái sanh, sẽ có cây đèn được duy trì ban ngày luôn cả ban đêm [cho người này].

---

[7] *Kosa* là khoảng cách bằng 500 lần chiều dài của cây cung.

3875. Khi con người có được nghiệp phước thiện đang được sanh ra, thành phố [ở nơi sanh ra] là rộng đến đâu thì sẽ được chói sáng đến đấy.

3876. [Người này] đi tái sanh ở chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, chính nhờ tám phần quả báo của sự dâng cúng cây đèn này, sẽ không ai vượt trội con người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

3877. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3878. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

3879. Sau khi đã làm vui lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, [người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo sư, có tên là Ajita."

3880. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên sáu mươi ngàn kiếp. Ở tại nơi ấy, tôi cũng có một trăm cây đèn chói sáng vào mọi thời điểm.

3881. Các ánh sáng của tôi tỏa ra cho dù ở thế giới chư thiên hay là nhân loại. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã khởi lên niềm vui dào dạt.

3882. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, tôi đã hạ sanh vào bụng mẹ. Trong khi tôi đang được sanh ra, đã có ánh sáng chan hòa.

3883. Sau khi lìa khỏi nhà, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến gặp vị Bāvari và đã trở thành học trò [của vị ấy].[8]

3884. Trong khi sống ở núi Hy-mã-lạp, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

3885. Đức Phật là bậc đã được rèn luyện, là bậc giúp cho [người khác] rèn luyện, là bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn mầm mống tái sanh. Đức Phật đã thuyết giảng về Niết-bàn, sự thoát khỏi tất cả khổ đau.

3886. Việc đi đến ấy của tôi đã được thành công bởi vì bậc Đại Hiền Trí đã được vui lòng. Tôi đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật.

3887. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cây đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây đèn.

3888. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3889. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật vào thời hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3890. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajita" là phần thứ mười.

---

[8] Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

Phần tóm lược

Vị Piḷindivaccha, vị Sela, vị Sabbakitti, vị dâng cúng mật ong, vị có ngôi nhà mái nhọn, vị Bakkula, vị Girimānanda, vị tên Salala, vị dâng cúng mọi thứ và luôn cả vị Ajita; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm ở đây gồm có năm trăm câu kệ và hai mươi câu thêm vào đó nữa.

Phẩm Piḷindivaccha là phẩm thứ bốn mươi bốn.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Đóa sen hồng luôn cả vị dâng cúng sự bảo vệ, bông hoa ummā cùng với vị dâng cúng vật thơm và nước, một đóa sen hồng, vị có sự suy tưởng về âm thanh, bông hoa mandārava, vị đảnh lễ cội Bồ-đề, trái cây avaṇṭa và vị Piḷindivaccha; [tổng cộng] các câu kệ đã được tính đếm là một ngàn một trăm và bảy mươi bốn câu kệ.

Nhóm "Mười" từ phẩm Paduma.

Nhóm "Một trăm" thứ tư được đầy đủ.

PHẦN THỨ HAI
(*DUTIYO BHĀGO*)

XLI. PHẨM METTEYYA
(*METTEYYAVAGGO*)

401. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TISSAMETTEYYA
(*Tissametteyyattherāpadānaṃ*)

3891. Ở gần đỉnh của sườn núi, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Sobhita, [chỉ] ăn trái cây đã được rụng xuống và cư ngụ ở trong vùng đồi núi.

3892. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng về việc đạt đến thế giới Phạm thiên, tôi đã mang lửa và củi lại rồi nhóm lửa.

3893. Có ý muốn tiếp độ tôi, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara ấy, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi đến khu vực của tôi.

3894. "Này bậc đại phước, ông đang làm gì vậy? Xin ông hãy cho tôi lửa và củi. Tôi [sẽ] chăm sóc ngọn lửa, nhờ đó tôi sẽ có được sự trong sạch."

3895. "Hỡi người Nhân Loại, Ngài là bậc Hiền Thiện. Hỡi đấng Thiên Nhân, Ngài biết rõ [sự việc]. Ngài hãy chăm sóc ngọn lửa, lửa và củi của Ngài đây này."

3896. Sau đó, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy gỗ củi và đã nhóm lên ngọn lửa. Gỗ củi [của tôi] ở nơi ấy đã không bốc cháy; [đó là] điều kỳ diệu của bậc Đại Ẩn Sĩ.

3897. "Ngọn lửa của ông không bốc cháy, sự hiến cúng của ông không có, sự hành trì của ông là vô nghĩa. Vậy ông hãy chăm sóc ngọn lửa của Ta."

3898. "Hỡi vị Đại Anh Hùng, ngọn lửa ấy của Ngài được gọi là loại lửa gì? Xin Ngài giảng giải cho tôi, cả hai chúng ta sẽ chăm sóc [ngọn lửa] ấy."

3899. "Về sự diệt tận các pháp là nhân tố và về sự tịnh lặng các ô nhiễm, sau khi từ bỏ sự ganh tỵ và bỏn xẻn; ba việc này là sự cúng hiến của Ta."

3900. "Này vị Đại Anh Hùng, Ngài là hạng người như thế nào? Thưa Ngài, Ngài có dòng dõi thế nào? Sở hành và cách tu luyện của Ngài khiến tôi thích thú vô cùng."

3901. "Ta được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ, đã đạt đến sự toàn hảo về thắng trí, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa."

3902. "Hỡi đấng Phát Quang, hỡi vị Xua Tan Tăm Tối, hỡi bậc Thiên Nhân, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, là bậc Đoạn Tận Khổ Đau, tôi sẽ lễ bái Ngài."

3903. Tôi đã trải ra tấm da dê và đã dâng cúng chỗ ngồi: "Hỡi đấng Bảo Hộ, hỡi bậc Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống. Tôi sẽ phục vụ Ngài."

3904. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống tại chỗ ấy, trên tấm da dê đã khéo được trải rộng. Sau khi thỉnh mời bậc Toàn Giác, tôi đã đi đến ngọn núi.

3905. Và tôi đã chất trái cây tinduka đầy túi đựng vật dụng rồi mang về. Tôi đã trộn trái cây với mật ong rồi dâng lên đức Phật.

3906. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, trong khi ngắm nhìn bậc Lãnh Đạo Thế Gian, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

3907. Bậc Thông Suốt Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi ở khu ẩn cư của tôi và đã nói lên những lời kệ này:

3908. "Người nào [với tâm] tịnh tín tự tay mình làm Ta được thỏa mãn với trái cây, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3909. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

3910-11. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, cơm ăn, nước uống, vải vóc và chỗ nằm vô cùng giá trị, biết được ước muốn của người ấy ngay lập tức sẽ sanh lên cho người ấy là người đã có nghiệp [thiện] trong quá khứ. Và người này sẽ luôn luôn được vui vẻ, không có tật bệnh.

3912. Chốn nào người ấy sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, người ấy sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi rồi sẽ đi đến bản thể nhân loại.

3913. Là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, người ấy sẽ đi đến với bậc Toàn Giác và sẽ trở thành bậc A-la-hán."

3914. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

3915. Tôi đã đạt được giáo pháp cao quý, đã tiêu diệt tham ái và sân hận, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3916. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3917. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3918. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tissametteyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tissametteyya" là phần thứ nhất.

402. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PUṆṆAKA (*Puṇṇakattherāpadānaṃ*)

3919. Ở gần đỉnh của sườn núi, có đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại cư ngụ ở trong vùng đồi núi. Đức Phật đáng kính bị lâm bệnh.

3920. Cho đến lúc ấy, đã có tiếng động ở vùng lân cận khu ẩn cư của tôi. Trong khi đức Phật đang [viên tịch] Niết-bàn, có ánh sáng đã xuất hiện.

3921. Từ loài gấu, chó sói, linh cẩu, cọp và sư tử ở trong cụm rừng già cho đến toàn bộ [thú rừng] đã rống lên.

3922. Sau khi nhìn thấy hiện tượng bất thường ấy, tôi đã đi đến ngọn núi. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Giác Ngộ, bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt.

3923. Bậc Không Bị Đánh Bại đã tịch diệt ví như là cây sāla chúa đã được trổ hoa, tợ như mặt trời đã mọc lên, như là đống than đã tàn ngọn lửa.

3924. Sau khi gom đầy cỏ và củi, tôi đã tạo dựng giàn hỏa thiêu ở tại nơi ấy. Sau khi hoàn tất giàn hỏa thiêu khéo được tạo dựng, tôi đã thiêu đốt thi thể.

3925. Sau khi thiêu đốt thi thể, tôi đã rưới nước thơm. Ngay khi ấy, có con dạ-xoa đứng ở trên không trung đã đặt tên [cho tôi] rằng:

3926. "Này vị hiền trí, công việc đối với bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Tự Chủ đã được ông làm đầy đủ, vậy ông hãy luôn luôn có tên là Puṇṇaka."[1]

3927. Sau khi chết đi lìa bỏ thân ấy, tôi đã đi đến thế giới chư thiên. Tại nơi ấy, có hương thơm bằng chất liệu thuộc cõi trời tỏa ra ở không trung.

3928. Cũng ở tại nơi đó, khi ấy tên gọi của tôi đã là "Puṇṇaka". Dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, tôi đều làm tròn đủ ý định [của mình].

3929. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Cũng ở nơi đây, tên Puṇṇaka được công bố là tên gọi [của tôi].

3930. Sau khi đã làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

3931. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của công việc [hỏa táng] thi thể.

3932. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3933. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3934. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Puṇṇaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Puṇṇaka" là phần thứ nhì.

---

[1] *Puṇṇaka* nghĩa là "người đã làm đầy đủ".

403. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO METTAGŪ (*Mettaguttherāpadānaṃ*)

3935. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Asoka. Tại nơi ấy, khu ẩn cư của tôi đã được hóa hiện ra bởi vị trời Vissakamma.

3936. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Đại Bi, bậc Hiền Trí tên Sumedha, vào buổi sáng, sau khi mặc y đã đi đến tôi để khất thực.

3937. Khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng Sumedha đi đến, tôi đã nhận lấy bình bát của đấng Thiện Thệ và đã chứa đầy với bơ lỏng và dầu ăn.

3938. Sau khi đã dâng cúng đức Phật tối thượng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, tôi đã chắp tay lên và đã khởi lên niềm vui dào dạt:

3939. "Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, mong sao cho tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

3940. Mong sao cho tôi lánh xa chốn đọa đày trong khi luân hồi cõi này cõi khác. Mong sao cho tôi khẳng định được tâm về điều ấy và đạt được vị thế bất động."

3941. "Này người Bà-la-môn, điều lợi ích cho ngươi đã được ngươi đạt thành một cách tốt đẹp, là việc ngươi đã nhìn thấy Ta. Sau khi đi đến gặp Ta, ngươi sẽ trở thành vị A-la-hán.

3942. Sau khi đạt đến thành công lớn, ngươi hãy tự tin, chớ lo sợ. Bởi vì sau khi bố thí bơ lỏng đến Ta, ngươi được hoàn toàn giải thoát khỏi sự [tái] sanh.

3943. Do sự bố thí bơ lỏng này và do các nguyện lực của tác ý, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, ngươi sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

3944. Do sự bố thí bơ lỏng này và do sự hành trì tâm từ ái, ngươi sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

3945. Và ngươi sẽ trở thành vị Thiên vương ba mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

3946. Và ngươi sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần, là người chinh phục bốn phương, là đấng chúa tể của vùng đất Jambu.

3947. Tợ như đại dương là không bị xao động, giống như trái đất là khó mang vác, và tương tợ y như thế, của cải thuộc về ngươi sẽ là vô lượng."

3948. Sau khi từ bỏ sáu mươi *koṭi* (sáu trăm triệu) tiền vàng, tôi đã xuất gia. Trong khi tầm cầu điều tốt đẹp gì mà tôi đã đi đến với Bāvari?[2]

3949. Tại nơi ấy, tôi học tập các chú thuật và sáu phần về tướng số. "Bạch đấng Đại Hiền Trí,[3] trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy Ngài đã hiện khởi.

3950. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có sự ước muốn về việc nhìn thấy Ngài con đã đi đến. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, con đã đạt đến vị thế bất động."

---

[2] Tên của một vị Đạo sư Bà-la-môn. (ND)

[3] Lúc này là lời đối thoại với đức Phật Gotama. (ND)

3951. Tôi đã dâng cúng bơ lỏng đến đức Phật trong ba mươi ngàn kiếp. Trong khoảng thời gian ấy, tôi không biết rõ lượng bơ lỏng đã được tôi dâng cúng.

3952. Hiểu được ý định của tôi, biết được tâm tư của tôi, [mọi vật] đã được sanh lên, đã được tạo ra theo như ước muốn. Tôi được thỏa mãn về mọi thứ.

3953. Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo sư của chúng ta! Bởi vì sau khi dâng cúng chỉ chút ít bơ lỏng, tôi đạt được vô lượng.

3954. Cho đến nước trong đại dương được nhìn thấy từ núi Neru so sánh với bơ lỏng của tôi thì không chạm đến được phần chia của một góc [bơ lỏng của tôi].

3955. Cho đến số lượng của vũ trụ đang được hình thành, khoảng không gian ấy không sánh bằng các tấm vải đã được sanh lên cho tôi.

3956. Núi chúa Hy-mã-lạp cũng chính là ngọn núi hàng đầu sẽ không là sự so sánh đối với vật thơm đã được thoa cho tôi.

3957. [Tôi đã đạt được] vải vóc, vật thơm, bơ lỏng, thức ăn, và ở kiếp hiện tại này là Niết-bàn không còn tạo tác; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3958. [Tôi có được] sự trú vào các thiết lập niệm, có hành xứ về thiền định, có sự thọ hưởng các chi phần giác ngộ ở ngày hôm nay; điều này là quả báo của việc dâng cúng bơ lỏng.

3959. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

3960. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3961. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mettagū[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mettagū" là phần thứ ba.

404. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHOTAKA (*Dhotakattherāpadānaṃ*)

3962. Sông Gaṅgā có tên là Bhāgīrathī được phát xuất từ núi Hy-mã-lạp, lúc bấy giờ chảy dọc theo cửa khẩu của [thành phố] Haṃsavatī.

3963. Tu viện tên là Sobhita đã khéo được tạo lập ở cạnh bờ sông Gaṅgā. Đức Phật Padumuttara, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cư ngụ tại nơi ấy.

3964. Như là vị [Chúa trời] Inda với chư thiên cõi Đạo-lợi, đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy phía trước đám người tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

3965. Tôi là vị Bà-la-môn sống ở thành phố Haṃsavatī có tên là Chaḷaṅga. Tôi là vị đại hiền trí có tên như thế.

---

[4] *Mettagū* nghĩa là "người đã đạt đến (*gū*) tâm từ ái (*mettā*)."

3966. Khi ấy, có một ngàn tám trăm người theo tôi. Được tháp tùng bởi những người học trò ấy, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā.

3967. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy các vị Sa-môn không giả dối, có các tội lỗi đã được gội rửa, đang băng qua sông Bhāgīrathī. Tôi đã tức thời suy nghĩ như vầy:

3968. "Những người con trai có danh tiếng lớn lao này của đức Phật trong khi sáng chiều băng qua [sông] khiến bản thân bị khó khăn, bản thân của họ bị hành hạ.

3969. Đức Phật được gọi là vị Cao Cả Của Thế Gian luôn cả chư thiên, [vậy mà] ta không có hành động cúng dường, là việc làm trong sạch con đường đi đến các cảnh giới tái sanh.

3970. Hay là ta nên cho thực hiện cây cầu ở sông Gaṅgā [dâng] đến đức Phật Tối Thượng? Sau khi cho thực hiện việc làm này, ta [sẽ] vượt qua sự hiện hữu này."

3971. Trong khi tin tưởng rằng: "Hành động được làm sẽ có [kết quả] dồi dào cho ta", tôi đã bố thí một trăm ngàn và đã cho xây dựng cây cầu.

3972. Sau khi đã cho xây dựng cây cầu ấy, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi chắp tay lên ở đầu, tôi đã nói lời nói này:

3973. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, cây cầu lớn này đã được làm hết một trăm ngàn và đã được con bảo làm vì lợi ích của Ngài, xin Ngài thọ nhận."

3974. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

3975. "Người nào được tịnh tín đã bảo thực hiện cây cầu cho Ta với các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

3976. Dẫu cho bị rơi xuống từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, thậm chí bị chết đi, người này sẽ đạt được vị thế; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3977. Các kẻ thù không áp chế được, ví như cơn gió không áp chế được cây đa có mạng rễ đã được phát triển; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3978. Các kẻ cướp không áp chế người này, các vị Sát-đế-lỵ không khinh bỉ, người này thoát khỏi tất cả kẻ thù; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3979. Khi hiện diện ở ngoài trời [và] bị thiêu đốt bởi sức nóng dữ dội, [do] được gắn liền với nghiệp phước thiện, các cảm thọ sẽ không có.

3980. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, sau khi biết được ước muốn của người ấy, phương tiện di chuyển bằng voi sẽ được hóa hiện ra, sẽ được tạo ra ngay lập tức.

3981. Một ngàn con ngựa giống Sindhu có tốc độ của gió là phương tiện di

chuyển nhanh chóng sẽ đi đến sáng chiều; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

3982. Sau khi đi đến bản thể nhân loại, người này sẽ được sung sướng. Ngay cả ở đây cũng sẽ có phương tiện di chuyển bằng voi cho chính con người ấy.

3983. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

3984. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

3985. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp đến vị [Phật] tên Padumuttara! Sau khi thể hiện sự tôn kính đến vị ấy, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

3986. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

3987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

3988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

3989. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhotaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhotaka" là phần thứ tư.

405. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPASIVA (*Upasivattherāpadānaṃ*)

3990. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Anoma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

3991. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Và dọc theo bến nước cạn ấy, có nhiều sen hồng sen xanh mọc lên.

3992. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Con sông nhỏ, chứa đầy dẫy những cá và rùa, luôn luôn trôi chảy.

3993. Ở nơi ấy, các loài hoa timira, hoa asoka, hoa khuddamālaka, hoa nguyệt quế, hoa nguyệt quế núi đã được nở rộ tỏa hương đến khu ẩn cư của tôi.

3994. Ở nơi ấy, loài hoa kūṭaja và các rừng hoa nhài được nở rộ. Ở nơi ấy, có nhiều cây sāla, cây salala và cây campaka được nở rộ.

3995. Các loài cây ajjuna, cây atimutta và cây mahānāma được nở rộ và loài cây asana có hương thơm ngọt ngào, chúng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

---

[5] *Dhotaka* nghĩa là "người đã được gội rửa (*dhota*)."

3996. Các loại cây uddālaka, cây pāṭalika, cây yūthika, cây piyaṅguka và cây bimbijālaka bao phủ ở xung quanh nửa do-tuần.

3997. Ở nơi ấy, có nhiều loại cây mātaṅgava, cây sattali, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây aṅkolaka và cây tālakūṭa được nở rộ hoa.

3998. Ở nơi ấy, có nhiều cây cánh kiến trắng nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi. Trong khi những cây này đang nở rộ hoa, nhiều cây trở nên rực rỡ. Khu ẩn cư của tôi tỏa ra với hương thơm ấy ở xung quanh.

3999. Và có những loại trái cây ngọt như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4000. Và ở nơi ấy có những loại trái cây như trái tinduka, trái piyāla, trái cam thảo, trái kāsumārī, trái mít, trái sa-kê, trái chuối, trái badarī.

4001. Ở nơi ấy, có nhiều trái cây ambāṭaka và trái cây vallikāra. Các cây bījapūra và cây sapāriya được kết trái ở khu ẩn cư của tôi.

4002. Từ nơi ấy có nhiều trái cây như trái āḷaka, trái isimugga và trái moda bao phủ, đã chín tới và trĩu nặng. Và có các trái cây như trái vả và trái sung.

4003. Ở nơi ấy, có nhiều trái ớt, trái tiêu, trái đa, trái táo rừng, trái sung và trái pāriya đã chín một phần.

4004. Và có nhiều loại cây này và loại cây khác đã kết trái ở khu ẩn cư của tôi. Cũng có nhiều cây có bông hoa đã đơm hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4005. Các loài thảo mộc như là āluva, kaḷamba, bilālī, takkala, ālaka, luôn cả tālaka đều được tìm thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4006. Ở không xa khu ẩn cư của tôi [đã] có hồ nước thiên nhiên rộng lớn, có nước trong, có nước mát, có bến nước cạn xinh xắn, làm thích ý.

4007. Ở nơi ấy, có nhiều sen hồng, sen xanh, kết hợp với sen trắng, được che phủ bởi những cây mạn-đà-la, tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4008. Có những đóa sen hồng đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, có nhiều đóa có các cánh hoa rũ xuống trở thành những gương sen.

4009. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen, chúng tỏa ra nhiều hương thơm khác loại [hòa quyện] với hương thơm ấy ở xung quanh.

4010. Có nhiều bông súng trắng và mùi thơm của xoài thoảng qua được nhận biết. Ở kế bờ hồ nước thiên nhiên, có nhiều cây dừa dại được đơm bông.

4011. Có các cây bandhujīva khéo nở rộ hoa và các cây setavārī có hương thơm ngát. Có các con cá sấu loại kumbhīla, loại suṃsumāra và loại gahaka được sanh ra ở tại nơi ấy.

4012. Có nhiều mãng xà là loài thú kiếm mồi trong hồ nước thiên nhiên ở tại nơi ấy. Và có các loài cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita.

4013. Có đầy dẫy các loài cá, các con rùa và các con rái cá nữa. Và có các con chim bồ câu, các con ngỗng trời, các con gà rừng và các loài sống ở sông.

4014. Có nhiều chim le le, ngỗng đỏ, chim campaka, chim jīvajīvaka, chim kalandaka, chim ưng, chim diều hâu và chim uddhara.

4015. Có nhiều chim koṭṭhaka, chim sukapota, loài cua, loài bò rừng, loài thú kāreṇī và loài thú tilaka sống nương nhờ hồ nước ấy.

4016. Các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói, linh cẩu, các loài khỉ và luôn cả loài Kim Sí điểu được nhìn thấy ở khu ẩn cư của tôi.

4017. Trong khi ngửi các hương thơm ấy, trong khi ăn các thứ trái cây [ấy] và trong khi uống nước có hương thơm [ấy], tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4018. Có các con sơn dương, nai, heo rừng, hươu, các loài có dáng vóc nhỏ bé, và luôn cả các con đom đóm có ánh sáng sống ở khu ẩn cư của tôi.

4019. Ở nơi ấy có nhiều chim thiên nga, chim cò, chim công, chim sáo, chim cu, chim mañjarikā, chim cú mèo và chim gõ kiến.

4020. Có nhiều loài yêu tinh, loài người khổng lồ, và luôn cả loài quỷ sứ, loài quỷ dữ, loài nhân điểu, và luôn cả các loài bò sát sống ở khu ẩn cư của tôi.

4021. Có nhiều vị ẩn sĩ có đại oai lực, có tâm thanh tịnh, được định tĩnh, tất cả đều mang bầu nước, có y choàng là tấm da dê, các vị mang búi tóc rối ấy sống ở khu ẩn cư của tôi.

4022. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, hài lòng với việc có hay không có, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4023. Được hỗ trợ bởi các năng lực của bản thân, các vị ấy luôn luôn di chuyển ở không trung, [vừa đi] vừa phất phơ bộ y phục vỏ cây, vừa kềm giữ tấm y da dê.

4024. Các vị ấy không mang theo nước, củi gỗ, hoặc củi nhóm lửa, và các vị ấy đã tự thân đạt được [các thứ ấy], điều này là quả báo của phép kỳ diệu.

4025. Sau khi nhận lấy cái máng bằng kim loại, các vị ấy sống ở giữa rừng ví như những con voi dòng long tượng, tợ như con sư tử không bị hãi sợ.

4026. Một số vị đi đến Tây Ngưu-hóa châu, một số vị khác đi đến Đông Thắng-thần châu, và một số vị khác đi đến Bắc Cu-lô châu tùy theo năng lực của tự thân. Sau khi mang lại vật thực từ các nơi ấy, các vị thọ thực chung.

4027. Khi ấy, trong lúc tất cả các vị có oai lực nổi bật như thế ấy đang ra đi, khu rừng được rộn ràng bởi âm thanh bộ y bằng da dê của [các vị].

4028. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, các vị như thế ấy là những người học trò có sự khổ hạnh nổi bật của con. Được tùy tùng bởi các vị ấy, con sống ở khu ẩn cư của con.

4029. Được hoan hỷ với việc làm của bản thân, các vị này đã cùng nhau tụ hội và cũng đã được huấn luyện. Là những người có sự mong mỏi về việc làm của bản thân, có giới hạnh, cẩn trọng, rành rẽ về các pháp vô lượng tâm, họ đã làm con hài lòng."

4030. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Hướng Đạo sau khi nhận biết thời điểm đã đi đến.

4031. Sau khi đi đến, đấng Toàn Giác, bậc Hiền Trí, vị Có Sự Nhiệt Tâm, Cẩn Trọng đã ôm lấy bình bát; rồi đấng Toàn Giác đã đến gần tôi để khất thực.

4032. Khi đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Padumuttara đã đi đến, tôi đã sắp xếp tấm thảm cỏ và đã rải rắc bằng các bông hoa sāla.

4033. Tôi đã thỉnh đấng Toàn Giác ngồi xuống. Trở nên mừng rỡ, với tâm ý đã được kích động, tôi đã mau chóng leo lên ngọn núi và đã thâu nhặt gỗ trầm hương.

4034. Sau khi hái trái mít có kích thước bằng bầu nước, có hương thơm cõi trời, tôi đã đặt ở trên vai rồi đã đi đến gần đấng Hướng Đạo.

4035. Sau khi đã dâng trái cây đến đức Phật, tôi đã thoa trầm hương. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

4036. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở giữa những vị ẩn sĩ và đã nói những lời kệ này:

4037. "Người nào đã dâng cúng trái cây, trầm hương và chỗ ngồi đến Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4038. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, vật thực sẽ hiện ra đúng theo tâm [ước muốn] của người này.

4039. Được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, người nam này sẽ làm thỏa mãn nhóm tùy tùng với các thức ăn và với các loại vải vóc.

4040. Chốn nào được sanh lên là bản thể thiên nhân hay loài người, sau khi có được của cải không bị suy suyển, người nam này sẽ luân hồi.

4041. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4042. Và người này sẽ cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4043. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4044. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc."

4045. Điều lợi ích được thành tựu một cách tốt đẹp đã được thành tựu đến tôi, là việc tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi đã thành tựu tam minh, tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

4046. Cho dầu ở làng hoặc ở rừng, ở các sườn núi hoặc ở các hang động, sau khi biết được tâm của tôi, vật thực luôn luôn hiện đến cho tôi.

4047. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4048. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4049. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upasiva đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upasiva" là phần thứ năm.

406. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (*Nandakattherāpadānaṃ*)

4050. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng rậm hoang dã. Trong lúc tìm kiếm thú rừng là loài nai, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng, bậc Tự Chủ.

4051. Bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Anuruddha. Khi ấy, có ước muốn độc cư, bậc Trí Tuệ ấy đã đi sâu vào trong khu rừng.

4052. Tôi đã cầm lấy bốn cây gậy rồi đã đặt ở bốn vị trí. Sau khi thực hiện mái che đã được làm khéo léo, tôi đã phủ lên bằng những đóa hoa sen.

4053. Sau khi đã lợp xong mái che, tôi đã đảnh lễ đấng Tự Chủ. Tôi đã quăng bỏ cây cung ngay tại chỗ ấy và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4054. Được xuất gia không bao lâu, bệnh tật đã khởi lên cho tôi. Tôi đã nhớ lại việc làm trước đây rồi đã qua đời ở tại nơi ấy.

4055. Được gắn liền với nghiệp trước đây, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. Ở tại nơi ấy, có cung điện bằng vàng được tạo ra theo như ước muốn.

4056. Tôi đã chú nguyện về phương tiện di chuyển ở cõi trời là chiếc xe đã được buộc vào một ngàn con ngựa. Sau khi bước lên chiếc xe ấy, tôi ra đi theo như ước muốn.

4057. Từ đó, trong khi tôi là vị thiên nhân và trong khi tôi được đưa đi, có chiếc lọng được che cho tôi ở xung quanh một trăm do-tuần.

4058. Tôi nằm ở cái giường thường xuyên được lót bằng bông hoa. Và có các đóa hoa sen từ trên không trung liên tục rơi xuống.

4059. Khi ảo ảnh [ở mắt] đang lung linh và sức nóng đang thiêu đốt, sức nóng đã không làm tôi bị nóng bức; điều này là quả báo của mái che.

4060. Trong khi vượt qua khổ cảnh, các địa ngục đã đóng lại đối với tôi. Ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi không biết đến sự nóng bức.

4061. Sau khi chú nguyện sự niệm tưởng về đất, tôi băng qua nước biển mặn, việc làm của tôi đây đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4062. Thậm chí không có con đường, tôi tạo ra con đường, tôi đi bằng

đường không trung. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4063. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc của tôi đã được đoạn tận; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4064. Cuộc sống trước đây đã được buông bỏ, tôi là Tỳ-khưu của đức Phật và là người thừa tự Chánh pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4065. Tôi đã làm hài lòng đấng Thiện Thệ Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya. Tôi là ngọn cờ của giáo pháp, là người thừa tự giáo pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4066. Tôi đã hầu cận đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý của dòng Sakya và đã hỏi đấng Lãnh Đạo Thế Gian về đạo lộ đi đến bờ kia.

4067. Được yêu cầu, đức Phật đã thuyết giảng về đạo lộ thâm sâu vi tế. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.

4068. Ôi, việc làm của tôi đã được thực hiện tốt đẹp! Tôi đã được giải thoát khỏi sự sanh, đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4069. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4070. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4071. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nandaka" là phần thứ sáu.

407. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HEMAKA (*Hemakattherāpadānaṃ*)

4072. Vào lúc bấy giờ, có vị đạo sĩ khổ hạnh tên là Anoma đã tạo lập khu ẩn cư được xây dựng khéo léo ở gần chóp đỉnh của sườn núi và đã sống ở gian nhà rộng bằng lá.

4073. Sự thực hành khổ hạnh của vị ấy đã được thành tựu. Được đạt đến sự thành tựu về các năng lực của bản thân, vị hiền trí có sự nhiệt tâm, cẩn trọng, đang tiến đến bản thể Sa-môn của chính mình.

4074. [Vị ấy] tự tin ở giáo lý của mình và rành rẽ về học thuyết của người khác, được nổi tiếng ở trên trời dưới đất và rành rẽ về điềm báo hiệu.

4075. Vị hiền trí không còn sầu muộn, không giết hại, [thọ] chút ít vật thực, không tham lam, hài lòng với việc có hay không có, chứng thiền, thỏa thích về thiền.

4076. Bậc Toàn Giác cao cả, đấng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí tên Piyadassī, có ước muốn giúp cho chúng sanh vượt qua, khi ấy Ngài đã lan tỏa với tâm bi mẫn.

4077. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī vẫn đi đến dẫu cho [khoảng cách là] một ngàn vũ trụ, và bậc Hiền Trí giáo giới [người ấy].

4078. Có ý muốn tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi. Tôi chưa từng nhìn thấy đấng Chiến Thắng trước đây, và cũng chưa từng được nghe từ bất cứ ai.

4079. Tôi hiểu biết rành rẽ về các điềm báo hiệu, các mộng mị và các tướng mạo. Tôi được nổi tiếng về thiên văn địa lý và rành rẽ về thuật chiêm tinh.

4080. Tại đó, sau khi lắng nghe đức Phật, tôi đây đã làm cho tâm được tịnh tín. Trong khi ăn hoặc trong khi ngồi xuống, tôi thường xuyên nhớ lại.

4081. Khi tôi nhớ lại như vậy, đức Thế Tôn cũng đã tưởng nhớ lại. Trong khi tưởng nhớ đến đức Phật, tôi có được phỉ lạc ngay lập tức.

4082. Và đã xảy ra một lần khác nữa, bậc Đại Hiền Trí đã đi đến gần tôi. Tôi cũng không biết về người đã đi đến: "Vị này là đức Phật, bậc Đại Hiền Trí."

4083. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã tỏ rõ về bản thân rằng: "Ta là đức Phật [ở thế gian] gồm luôn cả chư thiên."

4084. Sau khi nhận ra đấng Toàn Giác, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī, tôi đã làm cho tâm của chính mình được tịnh tín rồi đã nói lời nói này:

4085. "Những người khác tự ngồi xuống ở ghế đẩu, ghế bành và các ghế dài. Còn Ngài là đấng Toàn Tri, xin Ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi bằng châu báu."

4086. Ngay khi ấy, tôi đã hóa hiện ra chiếc ghế đẩu toàn bộ làm bằng châu báu và đã dâng lên bậc Hiền Trí Piyadassī [chiếc ghế] đã được hóa hiện ra bằng thần thông.

4087. Và khi Ngài đã ngồi xuống trên chiếc ghế đẩu bằng châu báu đã được hóa hiện ra bằng thần thông, tôi đã tức thời dâng đến Ngài trái mận đỏ có kích thước bằng bầu nước.

4088. Sau khi làm cho tôi sanh khởi niềm vui, bậc Đại Hiền Trí đã thọ dụng. Khi ấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

4089. Rồi đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ngồi ở chỗ ngồi bằng châu báu đã nói lên các lời kệ này:

4090. "Người nào đã dâng cúng Ta chiếc ghế đẩu làm bằng châu báu và trái cây bất tử, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4091. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4092. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi hai lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4093. [Người này] sẽ đạt được nhiều chiếc ghế bành khéo được tạo ra làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc và luôn cả làm bằng châu báu.

4094. Khi ấy, có vô số chiếc ghế bành sẽ quây quanh con người có được nghiệp phước thiện, ngay cả trong lúc [vị ấy] đang đi kinh hành.

4095. Các ngôi nhà mái nhọn, các tòa lâu đài và chỗ nằm vô cùng giá trị, sau khi biết được tâm [ước muốn] của người này sẽ được hiện ra ngay khi ấy.

4096. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục với yên cương bằng vàng.

4097. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4098. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4099. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng cũng sẽ hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4100. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4101. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4102. Sáu mươi ngàn con bò cái sữa sẽ sản xuất ra các con bò con và bò đực cao quý; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4103. Mười sáu ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4104. Có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon, các nàng sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của chiếc ghế bằng châu báu.

4105. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn tên là Gotama sau khi hủy diệt điều tăm tối ấy và sẽ trở thành đức Phật ở thế gian.

4106. [Người này] sẽ đi đến chiêm ngưỡng vị [Phật] ấy, sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, sẽ làm hài lòng bậc Đạo Sư và sẽ vô cùng thỏa thích trong giáo pháp.

4107. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị [Phật] ấy, [người này] sẽ tiêu diệt các phiền não. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

4108. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng thực hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Trong khi ước nguyện mục đích tối thượng, tôi sống ở trong giáo pháp.

4109. Đây là lần sau cùng của tôi, là kiếp sống cuối cùng trong sự luân

chuyển. [Tôi] đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4110. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4111. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4112. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Hemaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Hemaka" là phần thứ bảy.

(Dứt tụng phẩm thứ mười bảy).

408. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TODEYYA (*Todeyyattherāpadānaṃ*)

4113. Lúc bấy giờ, ở kinh thành Ketumatī có đức vua tên Vijaya, là vị anh hùng, được hội đủ sức lực, đã cư ngụ ở tại thành phố.

4114. Khi vị vua ấy bị xao lãng, những kẻ lục lâm đã nổi dậy. Khi ấy, những điều tội lỗi và các sự phóng đãng nữa đã tàn phá xứ sở.

4115. Vào lúc biên thùy bị rối loạn, vị thuần hóa kẻ thù, [đức vua] đã lập tức cho tập trung các binh lính, luôn cả các nhân viên quân đội và khi ấy đã lên án kẻ thù.

4116. Lúc bấy giờ, các nài voi, các lính ngự lâm, các bậc anh hùng, đội quân áo giáp da, các cung thủ và các thủ lãnh, tất cả đã tập trung lại.

4117. Lúc bấy giờ, các người đầu bếp, các thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người làm tràng hoa, các vị anh hùng thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4118. Lúc bấy giờ, các người tay có cầm dao, tay có cầm cung, có áo giáp, các võ sĩ thắng trận, tất cả đã tập trung lại.

4119. Lúc bấy giờ, các con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi có sự trang sức với các chuông vàng, tất cả đã tập trung lại.

4120. Lúc bấy giờ, các dũng sĩ đã được huấn luyện, có sức chịu đựng sự lạnh, sự nóng và sự mang vác các vật thối tha, tất cả đã tập trung lại.

4121. Lúc bấy giờ, có tiếng tù và vỏ ốc, tiếng trống lớn và tiếng trống trầm. Trong lúc đang giải trí với những tiếng trống này, tất cả bọn họ đã tập trung lại.

4122. Lúc bấy giờ, trong khi đánh đập nhau, trong khi làm cho nhau té ngã bằng các chĩa ba, các cây trượng và bùa chú, bằng các áo giáp và các mũi thương, tất cả đã tập trung lại.

4123. Lúc bấy giờ, là kẻ chiến thắng, vị vua ấy đã không lắng nghe kẻ bại trận về bất cứ điều gì và đã làm sáu chục ngàn sanh mạng phải khiếp đảm ở nơi cọc nhọn.

4124. Những con người [ấy] đã thốt ra lời rằng: "Ôi, vị vua bất nhân! Đối với kẻ đang bị nung nấu ở địa ngục thì khi nào sẽ là sự kết thúc?"

4125. Khi ấy, trong lúc trằn trọc ở trên giường, tôi [như là] nằm ở địa ngục, cả ngày lẫn đêm tôi không ngủ. Với cây cọc nhọn họ làm cho tôi hoảng sợ.

4126. [Tôi đã suy nghĩ rằng:] "Được gì với sự chễnh mảng, với vương quốc, với xe cộ và với binh lực? Chúng không phải là để bám víu, chúng luôn luôn làm tôi hãi sợ.

4127. Được gì cho tôi với các người con trai, với các người vợ và với toàn bộ vương quốc? Hay là ta nên xuất gia, ta nên làm trong sạch đạo lộ tái sanh?"

4128-29. Không mong mỏi việc lai vãng ở chiến trường, vào địa vị, tôi đã từ bỏ sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu. Bị nóng nảy bởi hành động của chính mình, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4130-31. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu thuần chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm cung, mang áo giáp. Sau khi buông bỏ tất cả các thứ ấy, tôi đã ra đi vào đời sống không gia đình.

4132. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao. Sau khi bảo đem đi tất cả các thứ ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4133. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn con bò cái, tất cả đều mang bầu sữa. Sau khi quăng bỏ luôn cả lũ bò cái, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4134. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn phụ nữ được trang điểm với tất cả các loại trang sức, được trang hoàng bằng các loại vải vóc nhiều màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni.

4135. Các nàng có lông mi cong, có nụ cười, có điệu bộ duyên dáng, có eo thon. Tôi đã từ bỏ các nàng đang khóc lóc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4136. [Tôi đã từ bỏ] sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả. Sau khi quăng bỏ vương quốc ấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4137. Sau khi rời khỏi thành phố, tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư ở bờ sông Bhāgīrathī.

4138. Sau khi xây dựng gian nhà rộng bằng lá, tôi đã xây dựng ngôi nhà thờ lửa. Có sự nỗ lực tinh tấn, có tính khẳng quyết, tôi sống ở khu ẩn cư của tôi.

4139. Và trong lúc tham thiền ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, tuy nhiên sự run sợ của tôi là không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ.

4140. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, bậc Cao Cả, đấng Bi Mẫn, bậc Hiền Trí, trong khi chói sáng với ánh sáng trí tuệ, đã lập tức hiện khởi ở thế gian.

4141. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực, khi ấy đã thông báo cho tôi về đức Phật tối thượng đã hiện khởi:

4142. "Đức Phật bậc Hữu Nhãn tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Ngài giúp cho tất cả loài người vượt qua. Ngài cũng sẽ giúp cho ngươi vượt qua."

4143. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, ngay khi ấy sự chấn động đã xuất hiện [ở tôi]. Trong lúc suy nghĩ: "Đức Phật! Đức Phật!", tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư.

4144. Và sau khi quăng bỏ lửa củi, tôi đã tự sắp xếp thảm trải. Sau khi lễ bái khu ẩn cư, tôi đã rời khỏi khu rừng.

4145. Sau khi cầm lấy trầm hương từ khu rừng ấy, trong khi tìm kiếm vị Trời Của Chư Thiên từ làng này đến làng khác, từ thành phố này đến thành phố khác, tôi đã đi đến gần bậc Hướng Đạo.

4146. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha, trong khi công bố về bốn sự thật [đã] giác ngộ nhiều người.

4147. Sau khi đã chắp tay lên và đặt trầm hương ở trên đầu, tôi đã đảnh lễ đấng Toàn Giác và đã nói lên những lời kệ này:

4148. "Trong khi hoa nhài đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra vùng lân cận. Bạch đấng Anh Hùng, Ngài tỏa ra khắp mọi phương với hương thơm của đức hạnh.

4149. Trong khi các loài hoa campaka, hoa mù u, hoa atimuttaka, hoa dứa dại, hoa sāla đang nở rộ, [hương thơm] tỏa ra theo chiều gió.

4150. Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, vị Có Danh Tiếng Vĩ Đại, sau khi nghe được danh thơm của Ngài, con từ núi Hy-mã-lạp đã đi đến nơi đây, con xin cúng dường Ngài."

4151. Tôi đã thoa trầm hương cao quý lên đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, ngay khi ấy tôi đã đứng yên lặng.

4152. Đức Thế Tôn tên Sumedha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã ngồi xuống ở hội chúng tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4153. "Người nào đã ca tụng về đức hạnh của Ta và đã cúng dường trầm hương, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4154. [Người này] sẽ là người cao quý, thẳng thắn, có sự huy hoàng, có ngôn từ được [người khác] thâu nhận, có hào quang trong hai mươi lăm kiếp.

4155. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai ngàn sáu trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4156. [Người này] sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi

ba lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4157. Mệnh chung từ nơi ấy, người này sẽ đi đến bản thể nhân loại, được gắn liền với nghiệp phước thiện, sẽ là thân quyến của Phạm thiên.[6]

4158. [Sẽ có] người Bà-la-môn tên Bāvarī, là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt ba tập Vệ-đà, hội đủ ba tướng mạo.

4159. Sau khi trở thành đệ tử của vị ấy, [người này] sẽ thông thạo về chú thuật và sẽ đi đến với đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya.

4160. Người này sẽ hỏi các câu hỏi khôn khéo, sẽ tu tập đạo lộ, sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

4161. Ba loại lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4162. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4163. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4164. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Todeyya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Todeyya" là phần thứ tám.

409. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JATUKAṆṆI (*Jatukaṇṇittherāpadānaṃ*)

4165. Khi ấy, tôi đã là người con trai của nhà triệu phú ở thành phố Hamsavatī. Tôi được cung ứng và được vây quanh bởi các loại dục lạc.

4166. Khi ấy, những người ghi dấu các căn nhà đã dựng lên ba tòa nhà. Sau khi bước lên tòa nhà, tôi được vây quanh bởi các điệu vũ và lời ca ở tại nơi ấy.

4167. Các loại nhạc cụ kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe được biểu diễn cho tôi. Tất cả những người phụ nữ đang nhảy múa hoàn toàn thu hút tâm ý của tôi.

4168. Những vũ công về các điệu vũ velāpika, lāmaṇika, kuñjavāsī và timajjhika, những người nhào lộn và những diễn viên hài luôn luôn vây quanh tôi.

4169. Có nhiều nhạc công, những người đánh trống, các diễn viên uốn dẻo, các vũ công, các diễn viên và ngay cả các kịch sĩ luôn luôn vây quanh tôi.

4170. Các người thợ hớt tóc, các người hầu tắm, các người đầu bếp, các

[6] Người Bà-la-môn (*Brāhmaṇa*) tự hào là thân quyến của Phạm thiên (*Brahmā*).

người làm tràng hoa, các người giữ trẻ, các người nhào lộn, các võ sĩ đấu vật, tất cả bọn họ luôn luôn vây quanh tôi.

4171. Trong khi những người này đang đùa giỡn, luyện tập về kỹ xảo, tôi không biết đến ngày và đêm, tợ như vị Chúa trời Inda ở cõi trời Tam Thập.

4172. Những người lữ hành, những người đi đường, tất cả các hành khất, nhiều người bộ hành, trong lúc xin ăn bọn họ thường xuyên đi đến nhà của tôi.

4173. Các Sa-môn và luôn cả các Bà-la-môn là những phước điền vô thượng, trong lúc làm tăng trưởng phước báu của tôi, các vị đi đến nhà của tôi.

4174. Các hạng đạo sĩ che một mảnh vải, đạo sĩ che bằng dây leo, các du sĩ ngoại đạo, đạo sĩ có tấm choàng bằng bông hoa, đạo sĩ chống ba cây gậy, đạo sĩ có một chòm tóc, tất cả đều đi đến nhà của tôi.

4175. Các vị đạo lõa thể, các kẻ cướp giật, các người hành pháp trâu bò, các người hành pháp chư thiên, các người tu hạnh bôi trét bụi và bùn đất [ở cơ thể], những người này đi đến nhà của tôi.

4176. Nhiều vị đạo sĩ nhóm Parivattaka, nhóm Siddhipatta, nhóm Koṇḍapuggaṇika, các đạo sĩ khổ hạnh và các người tu ở rừng đi đến nhà của tôi.

4177. Những người Oḍḍaka, luôn cả các người Ta-min, các người Sākula, các người Malayālaka, các người Sabara và cả các người Yonaka nữa đi đến nhà của tôi.

4178. Tất cả những người xứ sở Andhaka, xứ sở Muṇḍaka, xứ sở Kolaka, xứ sở Sānuvindaka và xứ sở Trung Hoa xa xôi đi đến nhà của tôi.

4179. Các người xứ sở Alasandaka, xứ sở Pallavaka, xứ sở Babbara, xứ sở Bhagga, xứ sở Kārusa, xứ sở Rohita và xứ sở Cetaputta đi đến nhà của tôi.

4180. Các người xứ sở Mādhuraka, xứ sở Kosalaka, xứ sở Kāsika, xứ sở Hatthiporika, xứ sở Isiṇḍa, luôn cả các người xứ sở Makkala đi đến nhà của tôi.

4181. Các người xứ sở Celāvaka, xứ sở Aramma, xứ sở Okkala, xứ sở Meghala, xứ sở Khuddaka, luôn cả xứ sở Suddaka đi đến nhà của tôi.

4182. Các người xứ sở Rohaṇa, xứ sở Sindhava, xứ sở Citaka, xứ sở Ekakaṇṇika, xứ sở Suraṭṭha và xứ sở Aparanta đi đến nhà của tôi.

4183. Các người xứ sở Suppāraka, xứ sở Kikumāra, xứ sở Malaya, xứ sở Soṇṇabhūmika, xứ sở Vajjī và xứ sở Tāra, tất cả bọn họ đi đến nhà của tôi.

4184. Những người làm ống thổi, những người thợ dệt, những người thợ thuộc da, những người thợ mộc, những người thợ rèn và những người thợ làm đồ gốm đi đến nhà của tôi.

4185. Những người thợ làm ngọc, thợ làm kim khí, thợ kim hoàn, người buôn vải và thợ làm chì, tất cả đi đến nhà của tôi.

4186. Những người thợ làm tên, thợ tiện gỗ, thợ dệt, những người làm hương liệu, những người thợ nhuộm và những người thợ may đi đến nhà của tôi.

4187. Những người buôn dầu, những người vận chuyển gỗ, những người vận chuyển nước, những người đưa tin, những người đầu bếp và những người bảo quản vật thực đi đến nhà của tôi.

4188. Những người gác cổng, những người hộ vệ, những người canh ngục, những người đổ bỏ rác bông hoa, các nài voi, các quản tượng đi đến nhà của tôi.

4189 Tôi đã dâng đến vị Đại vương Ānanda là người bị xao lãng. Tôi làm đầy đủ sự thiếu hụt [của đức vua] bằng châu báu có bảy màu sắc.

4190. Những người đã được tôi đề cập đến là những nhóm người có màu da khác nhau. Sau khi biết được tâm của họ, tôi đã làm thỏa mãn họ bằng châu báu.

4191. Trong khi họ đang nói những lời vui vẻ, trong khi những cái trống lớn được vỗ vang lên, trong khi họ đang thổi những chiếc tù và vỏ ốc, tôi sướng vui ở tại ngôi nhà của chính mình.

4192-93. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Hữu Nhãn ấy, được tháp tùng bởi một trăm ngàn vị Tỳ-khưu là các bậc Lậu tận có năng lực, đã ngự đến ở trên đường, trong lúc đang tỏa sáng tất cả các phương tợ như cây đèn chiếu sáng.

4194. Tất cả các chiếc trống lớn được vỗ lên trong khi bậc Lãnh Đạo Thế Gian đang đi. Hào quang của Ngài tỏa ra tợ như ánh mặt trời đã mọc lên cao.

4195. Do ánh hào quang đã đi vào dầu chỉ bằng cánh cửa sổ, ở trong gian nhà ngay lập tức đã có ánh sáng vô cùng bao la.

4196. Sau khi nhìn thấy ánh hào quang của đức Phật, tôi đã nói với đám đông rằng: "Chắc chắn rằng đức Phật tối thượng đã đi đến con đường này."

4197. Tôi đã cấp tốc bước xuống khỏi tòa nhà và đã đi đến khu phố chợ. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã nói lời nói này:

4198. "Xin đức Phật, đấng Lãnh Đạo Padumuttara hãy thương tưởng đến con." Bậc Hiền Trí ấy đã nhận lời cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

4199. Sau khi thỉnh mời, tôi đã hướng dẫn bậc Toàn Giác đi đến ngôi nhà của mình. Tại nơi ấy, tôi đã làm thỏa mãn bậc Đại Hiền Trí với cơm ăn và nước uống.

4200. Biết được thời điểm đã thọ thực xong của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã phục vụ đức Phật tối thượng bằng một trăm khúc tấu nhạc.

4201. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở trong nhà và đã nói lên những lời kệ này:

4202. "Người nào đã phục vụ Ta bằng các khúc tấu nhạc và đã dâng cúng Ta cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4203. Sau khi đã có dồi dào về lương thực, với vàng, với thức ăn, người nam này sẽ cho thực hiện bốn châu lục thành một vương quốc.

4204. [Người này] sẽ thọ trì năm giới cấm và sau đó là mười đường lối về [thiện] nghiệp. Sau khi thọ trì và trong lúc hành theo, người này sẽ chỉ dạy hội chúng.

4205. Một trăm ngàn nữ nhân được trang điểm sẽ thường xuyên trình tấu nhạc cụ cho người này; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4206. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi bốn lần.

4207. Và [người này] sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4208. Vào một trăm ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4209. [Người này] sẽ sanh vào bản thể thiên nhân hay loài người. Người này sẽ có của cải không bị thiếu hụt và sẽ đi đến bản thể loài người.

4210. Sau khi trở thành vị giảng huấn, thông suốt ba tập Vệ-đà, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, [người này] sẽ đi đó đây ở trái đất này.

4211. Về sau, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, người này sẽ xuất gia và sẽ thỏa thích trong giáo pháp của đức Thế Tôn Gotama.

4212. Người này sẽ làm hài lòng đấng Toàn Giác Gotama, bậc Cao Quý dòng Sakya, sẽ thiêu đốt các phiền não và sẽ trở thành vị A-la-hán."

4213. Giờ đây, tôi sống trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya không bị hãi sợ, tợ như con cọp chúa ở trong rừng, như là con sư tử vua của loài thú.

4214. Tôi không nhìn thấy sự tái sanh của tôi ở thế giới chư thiên hoặc ở loài người, ở nơi nghèo khó hoặc ở vào khổ cảnh; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4215. Tôi đã được gắn liền với sự độc cư, được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jatukaṇṇi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jatukaṇṇi" là phần thứ chín.

410. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDENA (*Udenattherāpadānaṃ*)

4219. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Paduma, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4220. Các con sông chảy qua nơi ấy có những bến nước cạn xinh xắn làm thích ý. Các con sông luôn luôn có nước trong, có nước mát, xinh đẹp.

4221. Có các loài cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja và cá rohita. Những loài cá này thường xuyên sống ở dòng sông, đồng thời làm cho các con sông trở nên rực rỡ.

4222. [Các con sông] được che phủ bởi các cây xoài và cây mận. Tương tợ như thế, có các cây bông hường, cây tilaka, cây bả đậu, cây hoa kèn làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4223 Các cây aṅkolaka, cây bimbijāla và cây māyākārī được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4224. Các cây atimutta, cây sattalika, cây nāga và cây sāla được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4225. Các cây kosamba, cây salala, cây nīpa và cây aṭṭhaṅga khéo được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4226. Ở khu ẩn cư có nhiều loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

4227. Tại nơi ấy, ở khu ẩn cư của tôi, các cây kalamba, cây kandalī trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4228. Các cây asokapiṇḍī, cây varī và cây nimba được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4229. Các cây punnāga, cây giripunnāga, cây timira ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4230. Các cây niggaṇḍī, cây siriniggaṇḍī, cây campa ở tại nơi này được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4231. Không xa có cái hồ nước được líu lo bởi loài ngỗng đỏ, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen xanh và các bông sen đỏ.

4232. Có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý, có nước trong, có nước mát, trong vắt tương tợ ngọc pha lê, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4233. Ở tại nơi ấy, có các bông sen xanh, các bông sen trắng và các bông sen đỏ nở rộ. Được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, [cái hồ nước] làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4234. Có các loại cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Và trong khi thơ thẩn ở tại nơi ấy, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4235. Có các con cá sấu kumbhīla, cá sấu suṃsumāra, các con rùa, các con gaha, các con rắn và các con mãng xà làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4236. Và ở tại nơi ấy có các loài sống ở sông như chim bồ câu, ngỗng trời, ngỗng đỏ, chim le le, chim sáo, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4237. Các cây nayita, cây ambagandhī và cây dừa dại ở tại nơi ấy được trổ hoa, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4238. Có các con sư tử, cọp, báo, gấu, chó sói và linh cẩu, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4239. Có các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc, có y choàng là tấm da dê, trong khi đi lang thang ở khu rừng bao la, các vị làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4240. Các vị này mặc các tấm da dê, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, có hành trang ít ỏi, tất cả các vị ấy làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4241. Lúc bấy giờ, các vị đã cầm lấy túi vật dụng rồi đi sâu vào rừng. Trong khi thọ thực các rễ và trái cây, các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4242. Các vị ấy không đem lại củi [và] nước rửa chân. Do năng lực của tất cả các vị, [các vật dụng] được tự chúng mang lại.

4243. Có tám mươi bốn ngàn vị ẩn sĩ đã tụ hội ở tại nơi này. Tất cả các vị này là các vị tầm cầu mục đích tối thượng, có thiền chứng.

4244. Là các đạo sĩ khổ hạnh, có sự hành trì Phạm hạnh, đang năng nổ trong việc duy trì sự nhập định, có sự di chuyển ở không trung, tất cả các vị thường xuyên sống ở khu ẩn cư.

4245. Mỗi năm ngày, các vị tụ hội lại, có sự chăm chú, có hành vi thanh tịnh. Sau khi đảnh lễ lẫn nhau, các vị ra đi bằng hướng đối nghịch.

4246. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Trong khi hủy diệt điều tăm tối ấy, đấng Chiến Thắng đã tức thời hiện khởi.

4247. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi có con dạ-xoa có đại thần lực. Khi ấy, nó đã thông báo cho tôi về đấng Toàn Giác, bậc Lãnh Đạo Padumuttara rằng:

4248. "Thưa ngài, đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara này đã xuất hiện. Ngài hãy mau đi đến và phục vụ bậc Toàn Giác."

4249. Sau khi lắng nghe lời nói của con dạ-xoa, khi ấy với tâm ý trong sạch, tôi đã xếp đặt lại khu ẩn cư và đã lìa khỏi khu rừng.

4250. Như là mảnh vải đang bốc cháy, sau khi lìa khỏi khu ẩn cư tôi đã trú ngụ [chỉ] một đêm và đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

4251. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi công bố về bốn sự thật đã thuyết giảng về vị thế bất tử.

4252. Sau khi cầm lấy đóa sen khéo được nở rộ, tôi đã đi đến gần bậc Đại Ẩn Sĩ. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên đức Phật.

4253. Sau khi cúng dường bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

4254. "Đấng Toàn Giác, bậc Không Còn Lậu Hoặc sống ở thế gian này với trí tuệ nào, tôi sẽ tán dương trí tuệ ấy. Xin các người hãy lắng nghe tôi nói.

4255. Sau khi cắt đứt dòng chảy luân hồi, Ngài đã giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, họ vượt qua dòng chảy ái dục.

4256. Bạch đấng Tối Thượng của loài người, Ngài là bậc thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

4257. Bạch đấng Toàn Tri, cho đến những người được gọi là các bậc Xa Phu có đồ chúng ở trên thế gian, Ngài là đấng Cao Cả, tất cả những người ấy đều được gộp chung lại ở Ngài.

4258. Bạch đấng Toàn Tri, bằng trí tuệ của Ngài, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua. Sau khi đi đến diện kiến Ngài, họ sẽ được chấm dứt khổ đau.

4259. Bạch đấng Hữu Nhãn, bạch đấng Đại Hiền Trí, những hương thơm nào đã được sanh lên và tỏa ra ở thế gian, không có gì sánh bằng hương thơm ở phước điền của Ngài.

4260. Bạch đấng Hữu Nhãn, Ngài giúp cho thoát khỏi sự sanh vào loài thú, địa ngục. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài giảng giải về đạo lộ an tịnh, không còn tạo tác."

4261. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4262. "Người nào được tịnh tín đã tự tay mình cúng dường trí tuệ của Ta, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4263. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong ba mươi ngàn kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần."

4264. Tôi đã nhận lãnh điều lợi ích đã được đạt thành một cách tốt đẹp. Sau khi làm hài lòng bậc có sự hành trì tốt đẹp, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4265. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4266. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4267. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

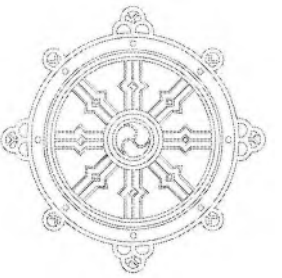
Đại đức Trưởng lão Udena đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udena" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Trưởng lão Metteyya, vị Puṇṇaka, vị Mettagū, luôn cả vị Dhotaka, vị Upasīva, vị Nanda, và vị Hemaka là vị thứ bảy ở nơi ấy, vị Todeyya, vị Jatukaṇṇī, và vị Udeno có danh vọng lớn lao. Ở đây là ba trăm câu kệ và thêm vào tám mươi ba câu.

Phẩm Metteyya là phẩm thứ bốn mươi mốt.



XLII. PHẨM BHADDĀLI
(*BHADDĀLIVAGGO*)

411. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDĀLI (*Bhaddālittherāpadānaṃ*)

4268. Bậc Toàn Giác tên Sumedha, đấng Bi Mẫn Cao Cả, vị Hiền Trí, bậc Cao Cả Của Thế Gian có ước muốn độc cư nên đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

4269. Sau khi đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Tối Thượng Nhân Sumedha đã xếp chân kiết-già, rồi ngồi xuống.

4270. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha ấy đã thể nhập vào định. Đức Phật, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi bảy ngày đêm.

4271. Tôi đã cầm lấy túi vật dụng rồi đã đi sâu vào khu rừng. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

4272. Khi ấy, tôi đã cầm lấy cây chổi và đã quét khu ẩn cư. Sau khi dựng lên bốn cây cọc, tôi đã tạo nên cái mái che.

4273. Sau khi mang lại bông hoa sāla, tôi đã che phủ mái che. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đức Như Lai.

4274. Người ta nói về bậc Thông Thái có trí tuệ bao la là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này.

4275. Nhận biết lời nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại. Quả nhiên, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn [đã] thuyết giảng giáo pháp.

4276. Đấng Toàn Giác tên Sumedha, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã ngồi xuống ở hội chúng chư thiên và đã nói lên những lời kệ này:

4277. "Người nào đã duy trì mái che, được che phủ bằng bông hoa sāla cho Ta suốt bảy ngày, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4278. Dầu trở thành vị thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ có làn da màu vàng chói, sẽ có của cải dồi dào, sẽ có sự thọ hưởng các dục lạc.

4279. Sáu mươi ngàn con voi loài long tượng được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có chuông vàng, có trang phục yên cương bằng vàng.

4280. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các bàn tay cầm giáo và móc câu, chúng sẽ đi đến phục vụ người nam này sáng chiều. Được hộ tống bởi những con long tượng ấy, người nam này sẽ vui sướng.

4281. Sáu mươi ngàn con ngựa dòng Sindhu với sự sanh ra được thuần

chủng, là phương tiện vận chuyển nhanh chóng, được trang hoàng với tất cả các loại trang sức.

4282. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có mang cung với gươm, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4283. Sáu mươi ngàn cỗ xe được trang hoàng với tất cả các loại trang sức, có các mảnh da báo và cả da hổ được bày biện, có các ngọn cờ được giương cao.

4284. Được cỡi bởi các vị trưởng làng có các tay cầm cung, mang áo giáp, chúng sẽ thường xuyên hộ tống tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4285. Sẽ luôn luôn hiện hữu sáu mươi ngàn ngôi làng có đầy đủ tất cả, có tài sản và lúa gạo dồi dào, được thành công tốt đẹp về mọi mặt; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4286. Các con voi, các con ngựa, các cỗ xe, các binh lính và quân đội gồm bốn binh chủng sẽ thường xuyên hộ tống người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4287. [Người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4288. Và [người này] sẽ cai quản thiên quốc ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4289. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

4290. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc."

4291. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian cách đây ba mươi ngàn kiếp, trong khoảng thời gian này, tôi đã tầm cầu vị thế bất tử.

4292. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp là tôi đã hiểu được giáo pháp, tam minh đã được thành tựu, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4293. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi tán dương trí tuệ của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động".

4294. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được sung sướng ở tất cả các nơi, là quả báo của tôi về việc tán dương trí tuệ.

4295. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4296. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4297. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4298. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddāli đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhaddāli" là phần thứ nhất.

412. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA
(*Ekachattiyattherāpadānaṃ*)

4299. Ở bờ sông Candabhāgā có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá được rải cát vô cùng tinh khiết đã khéo được tạo lập.

4300. Con sông nhỏ có bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn xinh xắn, làm thích ý, có đủ các loài cá và rùa, được loài cá sấu lai vãng.

4301. Có các con gấu, công, báo, chim cu rừng và chim sáo. Chúng hót líu lo vào mọi lúc, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4302. Có các chim cu cu có âm giọng lôi cuốn và các con thiên nga có âm điệu ngọt ngào. Chúng hót líu lo tại nơi ấy, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4303. Có các con sư tử, cọp, heo rừng, chó sói, chó rừng và linh cẩu. Chúng gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4304. Có các con linh dương, nai, chó rừng, lợn rừng. Nhiều con gầm rú ở nơi hiểm trở của ngọn núi, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4305. Có các loại cây uddālaka, cây campaka, cây pāṭalī, cây sinduvāraka, cây atimutta và cây asoka nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4306. Có các loại cây aṅkola, cây yūthika, luôn cả cây sattalī, cây bimbijālika, cây kaṇṇika và cây kaṇikāra nở rộ hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4307. Có các loại cây nāga, cây sāla, cây salala, cây sen trắng được trổ hoa ở nơi đây. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4308. Có các loại cây ajjuna, cây asana và cây mahānāma được trổ hoa ở nơi đây, có các cây sāla và các bông hoa của cây kê, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4309. Có các cây xoài, cây mận đỏ, cây tilaka, cây nimba và cây sālakalyāṇī, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4310. Có các loại cây asoka, cây kapittha và cây bhaginimāla được trổ hoa

ở nơi đây, trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4311. Các loại cây kadamba, luôn cả các cây chuối và cây isimugga đã được gieo trồng, chúng thường xuyên trĩu nặng những trái, làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4312. Có những loại cây có trái như cây harītaka, cây āmalaka, cây xoài, cây mận đỏ, cây vibhītaka, cây táo, cây bhallātaka và cây billa ở khu ẩn cư của tôi.

4313. Không xa, có cái hồ nước khéo được thiết lập làm thích ý, được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các bông sen đỏ và các bông sen xanh.

4314. Có những đóa sen đỏ đang tượng hình, các đóa hoa khác nở hoa có tua nhụy, luôn cả các đóa có các cánh hoa rũ xuống, chúng nở hoa ở khu ẩn cư của tôi.

4315. Có các loại cá như là cá pāṭhīna, cá pāvusa, cá valaja, cá muñja, cá rohita. Trong khi thơ thẩn ở làn nước trong, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4316. Có mùi thơm của xoài được thoảng qua và có các cây dứa dại ở dọc bờ sông. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4317. Có mật tiết ra từ củ sen, có sữa và bơ lỏng từ các rễ và ngó sen. Trong khi tỏa ra hương thơm của cõi trời, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4318. Ở nơi ấy, có cát sáng chói được trải ra và được ve vãn bởi làn nước với các bông hoa tàn đã được nở rộ giờ yên nghỉ, chúng làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4319. Các vị [đạo sĩ] mang búi tóc rối, có y choàng là tấm da dê, tất cả đều mặc y phục bằng vỏ cây, họ làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4320. Và [các vị ấy] nhìn với khoảng cách của cán cày, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, không mong mỏi về sự thọ hưởng các dục lạc, sống ở khu ẩn cư của tôi.

4321. Tất cả các vị có [lông] nách, móng tay chân và các lông được mọc dài, có răng bẩn, có đầu lấm bụi, mang bụi dơ [ở thân], sống ở khu ẩn cư của tôi.

4322. Và các vị ấy đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí, có sự di chuyển ở không trung. Trong khi bay lên bầu trời, các vị này làm cho khu ẩn cư của tôi trở nên rực rỡ.

4323. Khi ấy, được tùy tùng bởi những người học trò ấy, tôi sống ở khu rừng. Luôn luôn thể nhập vào thiền, tôi không biết đến ngày và đêm.

4324. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, bậc Đại Hiền Trí, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī, trong khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4325. Rồi có người học trò nọ đã đi đến gặp tôi. Người ấy có ý định học về các chú thuật và sáu phần về danh hiệu và tướng số [và đã nói rằng]:

4326. "Đức Phật, bậc Đại Hiền Trí Atthadassī đã xuất hiện ở thế gian. Trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử."

4327. Được hớn hở, vui mừng, hoan hỷ, có khuynh hướng đi đến với giáo pháp, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã nói lời nói này:

4328. "Đức Phật có ba mươi hai hảo tướng đã xuất hiện ở thế gian. Các người hãy đi đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đấng Chánh Đẳng Giác."

4329. Là những người tầm cầu mục đích tối thượng, có sự đáp ứng theo lời giáo huấn, đã hướng đến sự toàn hảo trong Chánh pháp, các vị ấy đã đồng ý rằng: "Lành thay!"

4330. Khi ấy, trong lúc tầm cầu mục đích tối thượng, các vị [đạo sĩ] mang các búi tóc ấy, có y choàng là tấm da dê, đã rời khỏi khu rừng.

4331. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn Atthadassī, vị có danh tiếng lớn lao, trong khi công bố về bốn sự thật, Ngài thuyết giảng về vị thế bất tử.

4332. Tôi đã cầm lấy chiếc lọng màu trắng và đã che cho đức Phật tối thượng. Sau khi nắm giữ [chiếc lọng] trong một ngày, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

4333. Kế đó, đức Thế Tôn, đấng Trưởng Thượng Của Thế Gian, bậc Nhân Ngưu Atthadassī đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

4334. "Người nào được tịnh tín nắm giữ chiếc lọng [che] cho Ta bằng các bàn tay của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4335. Khi người này được sanh lên, ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, sẽ có chiếc lọng luôn luôn che cho người này; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4336. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

4337. Và sẽ trở thành vị Thiên vương bảy mươi bảy lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4338. Vào một ngàn tám trăm kiếp, bậc Hữu Nhãn Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakya, trong khi xua đi điều tăm tối ấy, sẽ hiện khởi.

4339. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ sống không còn lậu hoặc."

4340. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm là đã nắm giữ chiếc lọng [che] cho đức Phật, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến việc không được che bởi chiếc lọng trắng.

4341. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Việc nắm giữ chiếc lọng được vận hành liên tục đến tận ngày hôm nay.

4342. Ôi, việc làm đã được tôi khéo thực hiện đến [đức Phật] Atthadassī như thế ấy. Tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4343. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4344. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4345. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya" là phần thứ nhì.

413. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆASŪLAKACHADANIYA (*Tiṇasūlakachadaniyattherāpadānaṃ*)

4346. Lúc bấy giờ, tôi đã suy xét về sự sanh, sự già và sự chết. Sau khi lìa khỏi sự sống chung, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

4347. Trong khi tuần tự du hành, tôi đã đi đến bờ sông Gaṅgā. Ở tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy khoảnh đất nổi cao lên ở bờ sông Gaṅgā.

4348. Sau khi tạo lập khu ẩn cư ở tại nơi ấy, tôi sống ở khu ẩn cư. Đường kinh hành của tôi đã khéo được thực hiện, được lai vãng bởi các bầy chim khác loại.

4349. Chúng đến gần tôi và trở nên quen thuộc. Và chúng hót líu lo một cách quyến rũ. Trong khi đùa vui với chúng, tôi sống ở khu ẩn cư.

4350. Ở lân cận khu ẩn cư của tôi, có con sư tử [vua của loài thú] đi khắp bốn phương. Sau khi rời khỏi chỗ trú ẩn, nó đã gầm lên như là tiếng sấm.

4351. Và khi con nai chúa gào thét, nụ cười đã xuất hiện ở tôi. Trong lúc tìm kiếm con nai chúa, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4352. Sau khi nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, vị Trời Của Chư Thiên, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường nhụy bông hoa nāga.

4353. Tôi đã ca tụng đấng Lãnh Đạo Thế Gian như là mặt trời đang mọc lên, như là cây sāla chúa đã được trổ hoa, như là vì sao osadhī đang chiếu sáng.

4354. "Bạch đấng Toàn Tri, Ngài đã giải thoát thế gian này, luôn cả chư thiên bằng trí tuệ của Ngài. Sau khi làm cho Ngài hài lòng, [chúng sanh] được hoàn toàn giải thoát khỏi sự sanh.

---

[1] *Ekachattiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) chiếc lọng (*chatta*)."

4355. Bạch đấng Toàn Tri, do sự không nhìn thấy chư Phật là các vị có sự nhìn thấy tất cả, [chúng sanh] bị xâm chiếm bởi ái dục, sân hận [rồi] rơi vào địa ngục Vô Gián.

4356. Bạch đấng Toàn Tri, bạch đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi đi đến diện kiến Ngài, tất cả được giải thoát khỏi hữu [và] chạm đến đạo lộ bất tử.

4357. Khi chư Phật, các bậc Hữu Nhãn, các đấng Phát Quang xuất hiện, sau khi thiêu đốt các phiền não, các Ngài thị hiện ánh sáng."

4358. Sau khi tán dương đấng Toàn Giác Tissa, bậc Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường hoa tiṇasūla.

4359. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa đã ngồi xuống chỗ ngồi của mình, rồi đã nói lên những lời kệ này:

4360. "Người nào được tịnh tín, tự tay mình che phủ Ta bằng các bông hoa, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

4361. Người ấy sẽ cai quản thiên quốc hai mươi lăm lần và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi lăm lần.

4362. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Và [đó là] kết quả về hành động của người ấy, do sự cúng dường các bông hoa.

4363. Và người nam này, được gắn liền với nghiệp phước thiện, khi đã gội đầu xong, nếu ao ước về bông hoa, [bông hoa] sẽ hiện ra ở phía trước.

4364. [Nếu người này] ước muốn bất cứ điều gì với các dục, chính điều ấy sẽ hiện ra. Sau khi làm tròn đủ ý định, [người này] sẽ Niết-bàn, không còn lậu hoặc."

(Dứt tụng phẩm thứ mười tám).

4365. Có sự nhận biết mình, có niệm [đầy đủ], tôi đã thiêu đốt các phiền não. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4366. Trong khi đi kinh hành, trong khi nằm, trong khi ngồi, hay trong khi đứng, tôi sống thường xuyên tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng.

4367. Ở tại nơi ấy, tôi không có sự thiếu hụt về y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4368. Bây giờ, tôi đây đã đạt đến vị thế bất tử, thanh tịnh, vô thượng. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4369. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4370. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4371. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4372. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇasūlakachadaniya[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇasūlakachadaniya" là phần thứ ba.

414. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MADHUMAṂSADĀYAKA (*Madhumaṃsadāyakattherāpadānaṃ*)

4373. Tôi đã là người bán thịt heo ở thành phố Bandhumatī. Sau khi nấu chín phổi và lòng, tôi trộn chung vào món thịt ngọt.

4374. Tôi đã đi đến nơi tụ hội [của các vị Tỳ-khưu] và đã nhận lấy một bình bát. Sau khi chứa đầy bình bát ấy, tôi đã dâng lên hội chúng Tỳ-khưu.

4375. Khi ấy, vị Tỳ-khưu trưởng lão lớn nhất tại nơi ấy đã chúc phúc cho tôi rằng: "Với sự đầy đặn của bình bát này, mong rằng, con sẽ đạt được sự an lạc sung mãn.

4376. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, con sẽ thọ hưởng hai sự thành tựu [trời, người], trong khi kiếp cuối cùng đang hiện hữu, con sẽ thiêu đốt các phiền não."

4377. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Tại nơi ấy, tôi có thức ăn, tôi có nước uống và tôi đạt được sự an lạc sung mãn.

4378. Khi ở mái che hoặc ở gốc cây, tôi đã nhớ lại việc làm trước đây. Ngay lập tức có trận mưa về cơm ăn và nước uống đổ xuống cho tôi.

4379. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả ở đây, cơm ăn và nước uống đổ mưa xuống cho tôi trong mọi thời điểm.

4380. Do chính sự dâng cúng thịt ấy, sau khi trải qua các kiếp sống, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4381. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng thịt ngọt.

4382. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[2] *Tiṇasūlakachadaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc che phủ (*chadanaṃ*) bằng các bông hoa tiṇasūla."

4383. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4384. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Madhumaṃsadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Madhumaṃsadāyaka" là phần thứ tư.

415. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPALLAVAKA (*Nāgapallavakattherāpadānaṃ*)

4385. Tôi [đã] sống ở vườn thượng uyển của thành phố Bandhumatī. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở gần nơi khu ẩn cư của tôi.

4386. Tôi đã cầm lấy chồi non của cây nāga và đã dâng lên đức Phật. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ đấng Thiện Thệ.

4387. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường chồi non trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4388. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4389. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4390. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapallavaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgapallavaka" là phần thứ năm.

416. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADĪPIYA (*Ekadīpiyattherāpadānaṃ*)

4391. Khi bậc Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha viên tịch Niết-bàn, tất cả chư thiên cùng nhân loại đã cúng dường đến bậc Tối Thượng Nhân.

4392. Và khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha được đưa lên giàn hỏa thiêu, mọi người cúng dường lễ hỏa táng của bậc Đạo Sư tùy theo năng lực của mình.

4393. Tôi đã thắp lên ngọn đèn ở không xa giàn hỏa thiêu cho đến khi mặt trời mọc lên. Ngọn đèn đã chiếu sáng đến tôi.

4394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

---

[3] *Madhumaṃsadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) thịt (*maṃsa*) ngọt (*madhu*)."

[4] *Nāgapallavaka* nghĩa là "vị liên quan đến chồi non (*pallava*) của cây nāga."

4395. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi được biết tên là "Ekadīpi". Có một trăm ngàn ngọn đèn đã cháy sáng ở cung điện của tôi.

4396. Thân hình của tôi luôn luôn chiếu sáng tợ như mặt trời đang mọc lên. Với tất cả các hào quang của cơ thể, tôi luôn luôn có được ánh sáng.

4397. Bằng mắt, sau khi đã vượt lên ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá, tôi [có thể] nhìn thấy xung quanh một trăm do-tuần.

4398. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên bảy mươi bảy lần. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba mươi mốt lần.

4399. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hai mươi tám lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4400. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Ngay cả khi đi vào bụng mẹ, mắt của tôi không nhắm lại.

4401. Bốn tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4402. Tôi đã làm cho thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả phiền não đã được cắt lìa; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4403. Tôi [có thể] nhìn thấy sau khi đã vượt lên thậm chí toàn bộ ngọn núi, xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4404. Đối với tôi các sự gập ghềnh trở thành bằng phẳng, bóng đen không được biết đến, tôi không nhìn thấy sự tăm tối; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4405. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây đèn trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một ngọn đèn.

4406. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4407. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4408. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadīpiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadīpiya" là phần thứ sáu.

417. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHAṄGAPUPPHIYA
(*Ucchaṅgapupphiyattherāpadānaṃ*)

4409. Tôi đã là người làm tràng hoa ở thành phố Bandhumatī. Sau khi chất đầy ở bên hông, tôi đã đi đến khu phố chợ.

[5] *Ekadīpiya* nghĩa là "Vị liên quan đến một (*eka*) cây đèn (*dīpa*)."

4410. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, với năng lực lớn lao, dẫn đầu hội chúng Tỳ-khưu đi ra.

4411. Sau khi nhìn thấy đấng Quang Đăng Của Thế Gian Vipassī, vị giúp cho thế gian vượt qua, tôi đã lấy ra bông hoa từ bên hông và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

4412. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4413. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4414. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4415. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ucchaṅgapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ucchaṅgapupphiya" là phần thứ bảy.

418. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YĀGUDĀYAKA
(*Yāgudāyakattherāpadānaṃ*)

4416. Lúc bấy giờ, sau khi tiếp đãi người khách của tôi, tôi đã đi đến ngôi làng nhỏ. Sau khi nhìn thấy con sông bị tràn ngập, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng.

4417. Là những vị chuyên sống ở rừng, thông thạo pháp giũ bỏ (Đầu-đà), chứng thiền, mặc y thô, thỏa thích sự độc cư, các vị trí tuệ ấy sống ở tu viện của hội chúng.

4418. Sự đi lại của các vị đã được giải thoát tốt đẹp như thế ấy là bị gián đoạn. Các vị ấy không đi để khất thực chính vì dòng sông ngăn trở.

4419. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã lấy gạo của tôi rồi đã dâng cúng vật thí là cháo.

4420. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng cháo đến năm vị. Được hài lòng với việc làm của chính mình, tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi.

4421. Và có cung điện làm bằng ngọc ma-ni dành cho tôi được tạo ra ở hội chúng Tam Thập. Được gần gũi với những nữ nhân, tôi vui thích ở cung điện tuyệt vời.

4422. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản lãnh thổ rộng lớn ba mươi lần.

---

[6] *Ucchaṅgapupphiya* nghĩa là "Vị mang bông hoa (*puppha*) ở hông (*ucchaṅga*)."

4423. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đều thọ hưởng danh vọng.

4424. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi tóc được cạo bỏ, tôi đã thấu triệt tất cả.

4425. Trong khi biết chắc rằng, thân thể là sự suy tàn hoặc là sự hoại diệt cũng thế, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán trước việc thọ trì điều học.

4426. Sự bố thí cao quý của tôi đã được bố thí tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Do chính việc dâng cúng cháo ấy, tôi đã đạt đến vị thế bất động.

4427. Tôi không biết đến sự sầu muộn, sự than vãn, sự bệnh tật, sự lo lắng, sự bực bội của tâm đã được sanh khởi; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4428. Sau khi dâng cúng cháo ở phước điền vô thượng của hội chúng, tôi thọ hưởng năm điều lợi ích. Ôi, tính chất đã được hiến dâng tốt đẹp của món cháo!

4429. Sự không bị bệnh, có sắc đẹp, chuyên chú vào giáo pháp, đạt được cơm nước, tuổi thọ là điều [lợi ích] thứ năm đối với tôi.

4430. Bất cứ người nào trong khi sanh khởi niềm phấn khởi, người ấy nên dâng cúng cháo đến hội chúng. Là bậc trí tuệ, [người ấy] có thể nhận lãnh năm điều này.[7]

4431. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cháo.

4432. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4433. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4434. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yāgudāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yāgudāyaka" là phần thứ tám.

419. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PATTHODANADĀYAKA (*Patthodanadāyakattherāpadānaṃ*)

4435. Trước đây, tôi đã là người đi rừng, thường xuyên làm việc ở trong rừng. Sau khi cầm lấy gói cơm, tôi đã đi làm công việc.

4436. Ở nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại. Sau khi nhìn thấy Ngài đang từ rừng đi ra để khất thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

---

[7] Ở các tạng Miến, Thái, Anh có thêm 2 câu kệ (4 dòng). Không thêm vào vì ý nghĩa không có gì đặc biệt.

[8] *Yāgudāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cháo (*yāgu*)."

4437. Bị vướng bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, và phước báu của tôi là không được biết đến. Có gói cơm này, tôi sẽ chăm lo bữa ăn cho bậc Hiền Trí.

4438. Khi ấy, tôi đã cầm lấy gói cơm và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Trong khi tôi đang suy tư, bậc Hiền Trí đã thọ dụng [gói cơm].

4439. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4440. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

4441. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của gói cơm.

4442. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của gói cơm.

4443. Các của cải được sanh lên cho tôi tương đương với dòng nước của con sông, tôi không thể nào đo lường; điều này là quả báo của gói cơm.

4444. "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này", vì thế tôi được sung sướng; điều này là quả báo của gói cơm.

4445. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của gói cơm.

4446. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4447. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4448. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Patthodanadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Patthodanadāyaka" là phần thứ chín.

420. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA
(*Mañcadāyakattherāpadānaṃ*)

4449. Khi đấng Bi Mẫn, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã viên tịch Niết-bàn, khi Phật ngôn đã được phổ biến, được tôn kính bởi chư thiên cùng nhân loại.

4450. Tại nơi ấy, tôi đã là người giai cấp hạ tiện, là người làm ghế dài và ghế đẩu. Tôi sinh sống bằng công việc ấy. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

---

[9] *Patthodanadāyaka* nghĩa là "Vị dâng cúng (*dāyaka*) gói (*pattha*) cơm (*odana*)."

4451. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình làm xong chiếc ghế dài khéo được hoàn tất. Rồi tôi đã đích thân đi đến và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu.

4452. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4453. Được đi đến thế giới của chư thiên, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Các giường nằm có giá trị lớn lao được sanh lên theo như ước muốn.

4454. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên, cai quản thiên quốc năm mươi lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4455. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi được sung sướng có danh vọng; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4456. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, nếu tôi đi đến cõi nhân loại, các chiếc giường xinh đẹp vô cùng giá trị tự chính chúng hiện ra cho tôi.

4457. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Thậm chí hôm nay cũng là thời điểm của chiếc giường, có chiếc giường hiện diện.

4458. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc giường.

4459. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4460. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4461. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Bhaddāli, vị [dâng] một chiếc lọng, vị Tiṇasūla, vị dâng cúng thịt, vị [dâng] chồi non cây nāga, vị có ngọn đèn, vị có [bông hoa] ở bên hông, vị dâng cúng cháo, vị có gói cơm, vị dâng cúng chiếc giường. Và các câu kệ được tính đếm ở đây là hai trăm câu kệ và một câu kệ được thêm vào đó.

Phẩm Bhaddāli là phẩm thứ bốn mươi hai.

[10] *Mañcadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) chiếc giường (*mañca*)."

XLIII. PHẨM SAKIṂSAMMAJJAKA
(*SAKIṂSAMMAJJAKAVAGGO*)

421. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAKIṂSAMMAJJAKA
(*Sakiṃsammajjakattherāpadānaṃ*)

4462. Đối với đức Thế Tôn Vipassī, cây Pāṭalī là [tên của] cội cây Bồ-đề tối thượng. Sau khi nhìn thấy cội cây cao cả ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4463. Sau khi cầm lấy cái chổi, tôi đã quét cội Bồ-đề liền khi ấy. Sau khi quét cội Bồ-đề ấy, tôi đã đảnh lễ cây Pāṭalī.

4464. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã chắp tay lên ở đầu, trong khi tôn kính cội Bồ-đề ấy, tôi đã khom mình bước đi.

4465. Trong khi tưởng nhớ đến cội cây Bồ-đề tối thượng, tôi bước đi ở lối đi bộ. Có con trăn, có hình dáng khủng khiếp, có sức mạnh lớn lao đã bức hiếp tôi.

4466. Hành động đã được tôi làm trong lúc gần đây, đã khiến cho tôi được vui lòng với kết quả. Con trăn nuốt chửng lấy thân hình của tôi, và tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.[1]

4467. Tâm của tôi không bị chộn rộn, luôn luôn tinh khiết, trong trắng. Tôi không còn biết đến mũi tên sầu muộn [và] sự bực bội ở tâm của tôi.

4468. Bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, bệnh động kinh, bệnh ghẻ, bệnh lở loét và bệnh ngứa không có ở tôi; điều này là quả báo của việc quét.

4469. Sự sầu muộn và sự than vãn ở trong trái tim của tôi là không được biết đến, tâm không bị cong quẹo, được ngay thẳng; điều này là quả báo của việc quét.

4470. Tôi không bị vướng mắc ở các tầng định, tâm ý được tự tín. Tôi muốn bất cứ tầng định nào, chính tầng định ấy tự đạt đến cho tôi.

4471. Tôi không say đắm ở điều quyến rũ và các sự việc xấu xa, tôi không bị mê muội ở điều ngu xuẩn; điều này là quả báo của việc quét.

4472. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc quét.

4473. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[1] Vị này đã bị con trăn giết chết và được sanh lên cõi trời liền tức thì.

4474. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4475. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sakiṃsammajjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sakiṃsammajjaka" là phần thứ nhất.

422. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADUSSADĀYAKA
(*Ekadussadāyakattherāpadānaṃ*)

4476. Tôi đã là người gánh cỏ ở thành phố Haṃsavatī. Tôi sinh sống bằng việc gánh cỏ. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.[3]

4477. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi xua đi điều tăm tối ấy đã hiện khởi.

4478. Sau khi ngồi xuống tại ngôi nhà của chính mình, tôi đã tức thời suy nghĩ như vầy: "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian mà vật xứng đáng để dâng cúng không được tìm thấy.

4479. Đây là tấm vải choàng duy nhất của ta. Ta không có gì để trở thành người thí chủ. Việc tiếp xúc với địa ngục là khổ sở. Ta sẽ ươm trồng vật cúng dường."

4480. Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín. Tôi đã cầm lấy tấm vải độc nhất và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4481. Sau khi dâng cúng tấm vải độc nhất, tôi đã thốt lớn tiếng rằng: "Bạch đấng Anh Hùng, bậc Đại Hiền Trí, nếu Ngài là vị Phật, xin Ngài hãy giúp con vượt qua."

4482. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, trong khi tán dương vật dâng cúng của tôi, đã nói lời tùy hỷ đến tôi rằng:

4483. "Do tấm vải độc nhất này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4484. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương ba mươi ba lần.

4485. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Trong khi luân hồi, ngươi sẽ hiện hữu ở thế giới chư thiên hoặc loài người.

4486. Có sắc đẹp, hội đủ đức hạnh, có thân hình không bị kém sút, ngươi sẽ đạt được vải vóc không bị suy suyển, không thể ước lượng, theo như ước muốn."

---

[2] *Sakiṃsammajjaka* nghĩa là "vị một lần (*sakiṃ*) quét tước (*sammajjaka*)."

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka, số 334, trang 260.

4487. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4488. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một tấm vải.

4489. Vải vóc hiện ra cho tôi theo mỗi lần giở lên của bước chân. Tôi đứng trên tấm vải ở bên dưới, có tấm che ở phía trên cho tôi.

4490. Và trong ngày hôm nay, nếu muốn, tôi có thể che phủ bằng các loại vải vóc đối với bầu vũ trụ, có cả rừng rậm cùng với núi non.

4491. Nhờ vào chỉ một tấm vải ấy, trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi có được màu da vàng chói, rồi tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác.

4492. Quả thành tựu của một tấm vải đã không đi đến sự hư hoại ở bất cứ nơi đâu. Đây là lần sanh sau cùng của tôi, [quả thành tựu ấy] được chín muồi cho tôi ở ngay cả nơi đây.

4493. Kể từ khi tôi đã dâng cúng tấm vải trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một tấm vải.

4494. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4495. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4496. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadussadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadussadāyaka" là phần thứ nhì.

423. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKĀSANADĀYAKA
(*Ekāsanadāyakattherāpadānaṃ*)

4497. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Gosita, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

4498. Khi ấy, [tôi] có tên là Nārada. [Người ta] biết đến tôi với tên là Kassapa. Trong lúc tầm cầu đạo lộ thanh tịnh, tôi sống ở [núi] Gosita.

4499. Bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, vị Ưa Thích Sự Độc Cư đã đi đến bằng đường không trung.

4500. Sau khi nhìn thấy hào quang của bậc Đại Ẩn Sĩ đang di chuyển ở trên chóp đỉnh của khu rừng, tôi đã xếp đặt chiếc giường gỗ và đã trải ra tấm da dê.

4501. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi bày tỏ sự vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

---

[4] *Ekadussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) tấm vải (*dussa*)."

4502. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài là vị phẫu thuật, là người thầy thuốc của các bệnh nhân. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy ban cho con liều thuốc của người bị cơn bệnh hành hạ.

4503. Bạch đức Phật tối thượng, bạch đấng Hiền Trí, những người nào có mục đích về sức khỏe, nhìn thấy Ngài đạt được sự thành tựu về mục đích trường cửu, sự tái sanh của những người này được lụi tàn.

4504. Con là người thọ dụng trái cây đã rụng xuống, con không có vật dâng cúng đến Ngài. Con có chỗ ngồi này, thỉnh Ngài ngồi xuống ở chiếc giường gỗ."

4505. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử không bị hãi sợ. Sau khi chờ đợi trong chốc lát, Ngài đã nói lời này:

4506. "Ngươi hãy tự tin, chớ lo sợ. Ngươi đã đạt được viên ngọc như ý. Điều gì đã được ngươi ước nguyện, tất cả sẽ được tròn đủ trong thời vị lai.

4507. Điều đã được làm ấy của ngươi ở phước điền vô thượng không là vô ích. Đối với người nào có tâm đã được củng cố, bản thân của [người ấy] có thể tiếp độ được.

4508. Do sự dâng cúng chỗ ngồi này và do các nguyện lực của tác ý, ngươi [sẽ] không đi đến đọa xứ trong một trăm ngàn kiếp.

4509. Ngươi sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương tám mươi lần.

4510. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ngươi sẽ được sung sướng ở khắp mọi nơi và sẽ luân chuyển ở vòng luân hồi."

4511. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara, bậc trí tuệ đã bay lên không trung, như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4512. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, xe kéo và cỗ xe, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4513. Ngay cả khi đã đi vào rừng rậm, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4514. Trong khi đã đi vào trong nước, lúc nào tôi mong muốn về chỗ ngồi, chiếc ghế bành biết được ước muốn của tôi, hiện diện ở bên cạnh.

4515. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, luôn luôn có một trăm ngàn chiếc ghế bành vây quanh tôi.

4516. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể thiên nhân và loài người. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn.

4517. Sau khi dâng cúng một chỗ ngồi ở phước điền vô thượng, sau khi nắm lấy chiếc ghế bành giáo pháp, tôi sống không còn lậu hoặc.

4518. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

4519. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4520. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4521. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekāsanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekāsanadāyaka" là phần thứ ba.

424. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SATTAKADAMBAPUPPHIYA (*Sattakadambapupphiyattherāpadānaṃ*)

4522. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Kadamba. Ở sườn ngọn núi ấy có bảy vị Phật ấy đã cư ngụ.

4523. Sau khi nhìn thấy cây kadamba đã được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã hái bảy bông hoa và đã tung lên với tâm [nghĩ] về phước báu.

4524. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4525. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4526. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4527. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4528. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sattakadambapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sattakadambapupphiya" là phần thứ tư.

425. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORAṆḌAPUPPHIYA (*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

4529. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng có sự quan tâm [phụng dưỡng] đến cha và mẹ. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng, tôi không biết đến điều tốt lành.

---

[5] *Ekāsanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) chỗ ngồi (*āsana*)."

[6] *Sattakadambapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bảy (*satta*) bông hoa (*puppha*) kadamba."

4530. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhãn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi.

4531. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở [dấu] bàn chân.

4532. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một số [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng.

4533. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4534. Nơi chốn nào tôi đi tái sanh, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi là người có màu da của bông hoa koraṇḍa và có cả vẻ sáng ngời nữa.

4535. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ở bàn chân.

4536. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4537. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4538. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya" là phần thứ năm.

426. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMAṆḌADĀYAKA (*Ghatamaṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

4539. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất.

4540. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi.

4541. Và trái đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, nó trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi].

4542. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

---

[7] *Koraṇḍapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa."

4543. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần, và đã là đấng Chuyển Luân Vương năm mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4544. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất.

4545. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4546. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4547. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka" là phần thứ sáu.

427. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKADHAMMASAVAṆIYA (*Ekadhammasavaṇiyattherāpadānaṃ*)

4548. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, trong khi công bố về bốn sự thật đã giúp cho nhiều người vượt qua.[9]

4549. Vào lúc bấy giờ, tôi là vị đạo sĩ tóc bện có sự khổ hạnh cao tột. Khi ấy, tôi di chuyển ở hư không, [vừa đi] vừa phất phơ các y phục bằng vỏ cây.

4550. Tôi không thể di chuyển ở phía trên của đức Phật tối thượng. Như là con chim bị va vào tảng đá, tôi không đạt được sự di chuyển.

4551. Tợ như người đã đi vào trong nước, tôi di chuyển ở hư không như vậy. Sự hư hoại về các oai nghi này chưa từng xảy ra cho tôi trước đây.

4552. [Nghĩ rằng:] "Nào! Ta sẽ tìm hiểu việc này. Ít ra ta cũng có thể đạt được lý do." Trong khi từ không trung đáp xuống, tôi đã nghe tiếng nói của bậc Đạo Sư.

4553. Khi ấy, Ngài đang thuyết giảng về tính chất vô thường với âm điệu khích lệ, cuốn hút, dễ nghe, tôi đã học tập chỉ có pháp ấy của Ngài.

4554. Sau khi đã học tập sự nhận biết về vô thường, tôi đã đi về khu ẩn cư của tôi. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

4555. Khi đang ở vào thời điểm cuối cùng, tôi đã nhớ lại sự lắng nghe về Chánh pháp. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

---

[8] *Ghatamaṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*ghata*) nguyên chất (*maṇḍa*)."

[9] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Dhammasavaṇiya, số 339, trang 267.

4556. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên ba mươi ngàn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi mốt lần.

4557. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương hai mươi mốt lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4558. Tôi đã thọ hưởng phước báu của chính mình, tôi đã được sung sướng ở cõi này, cõi khác. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng [về vô thường] ấy. Tôi không thấu triệt điểm cốt yếu là Niết-bàn, vị thế bất tử.

4559. Sau khi ngồi xuống ở căn nhà của người cha, vị Sa-môn có giác quan đã được tu tập, trong khi giải thích về câu kệ ngôn, đã đề cập đến tính chất vô thường:

4560. "Quả vậy, các pháp hữu vi là vô thường, có pháp sanh và diệt, sau khi sanh lên, chúng hoại diệt, sự tịnh lặng của chúng là an lạc."

4561. Sau khi lắng nghe câu kệ, tôi đã nhớ lại sự suy tưởng trước đây. Sau khi ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

4562. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Đức Phật đã cho [tôi] tu lên bậc trên; điều này là quả báo của việc lắng nghe giáo pháp.

4563. Kể từ khi tôi đã lắng nghe giáo pháp trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nghe giáo pháp.

4564. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4565. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4566. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekadhammasavaṇiya" là phần thứ bảy.

428. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUCINTITA (*Sucintitattherāpadānaṃ*)

4567. Tôi đã là người nông dân ở thành phố Haṃsavatī. Tôi sinh sống bằng công việc trồng trọt. Nhờ thế, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

4568. Khi ấy, thửa ruộng đã được thành tựu tốt đẹp, lúa của tôi đã được kết hạt. Và khi thời điểm gặt hái đã đến, vào lúc ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

4569. "Thật không đúng đắn, không tốt đẹp cho ta là người biết về lành

[10] *Ekadhammasavaṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc một lần (*eka*) lắng nghe (*savaṇa*) giáo pháp (*dhamma*)."

dữ, sao ta có thể thọ dụng phẩm vật đầu mùa nếu khi ấy ta chưa dâng cúng đến hội chúng!

4570. Vị này là đức Phật có ba mươi hai hảo tướng, tương đương với bậc Không Thể Sánh Bằng. Nhờ Ngài, hội chúng là phước điền vô thượng đã được thành lập.

4571. Ta sẽ dâng cúng vật thí là lúa mới đến các Ngài trước tiên hết." Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã trở nên mừng rỡ, tâm tư được khoan khoái.

4572. Tôi đã mang theo lúa từ thửa ruộng và đã đi đến bậc Toàn Giác. Sau khi đi đến bậc Toàn Giác, đấng Nhân Ngưu, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này:

4573. "Bạch đấng Hiền Trí, lúa mới đã được thành tựu và Ngài cũng là người thọ lãnh. Bạch bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng xin Ngài chấp nhận."

4574. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Hiểu Biết Thế Gian Tissa, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã nói lên những lời kệ này:

4575. "Có bốn hạng được thực hành [bốn đạo] và có bốn quả được tồn tại. Hội chúng này có bản thể chính trực, được định tĩnh với tuệ và giới.

4576. Phước báu có mầm mống tái sanh [hữu lậu] của những người đang hiến cúng, của những chúng sanh có lòng mong mỏi phước báu đang thực hiện, đã được dâng cúng đến hội chúng là có quả báo lớn.

4577. Lúa mới nên được dâng cúng đến hội chúng ấy, vật khác cũng vậy. Sau khi xác định là hội chúng, ngươi hãy đưa các vị Tỳ-khưu đến tư gia, và hãy dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được chuẩn bị tại nhà."

4578. Sau khi xác định là hội chúng, tôi đã đưa các vị Tỳ-khưu đến nhà, và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu vật đã được tôi chuẩn bị tại nhà.

4579. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4580. Tại nơi ấy, cung điện bằng vàng vô cùng rực rỡ đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

Dứt tụng phẩm thứ mười chín.

4581. Chỗ cư ngụ của tôi được phân bố chằng chịt, đông đảo các nhóm nữ nhân. Tại nơi ấy, tôi ăn, tôi uống và tôi sống ở cõi Tam Thập Tam.

4582. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

4583. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi đạt được tài sản không ước lượng được, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của lúa mới.

4584. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng

ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4585. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4586. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4587. Về những tôi trai, những tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4588. Sự lạnh, sự nóng nực hoặc sự bực bội không được tôi biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim không được tôi biết đến.

4589. [Được bảo rằng:] "Ngươi hãy nhai món này, hãy ăn món này, hãy nằm ở chiếc giường này." Tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của lúa mới.

4590. Giờ đây, lần sau cùng này là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Quả báo của vật dâng cúng khiến tôi luôn luôn được hoan hỷ đến tận hôm nay.

4591. Sau khi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể cao quý tối thượng, tôi thọ hưởng tám điều lợi ích thích đáng với việc làm của tôi:

4592. Tôi có sắc đẹp, có danh vọng, có của cải to lớn, là người không bị tai họa, tôi luôn luôn có quyền lực lớn lao, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ.

4593. Bất cứ những ai cư ngụ ở trên trái đất, tất cả đều tôn trọng tôi. Và bất cứ những gì là vật nên được dâng cúng, tôi đều đạt được trước tiên hết.

4594. Ở giữa hội chúng Tỳ-khưu hoặc trước mặt đức Phật tối thượng, các thí chủ đã đi vượt qua tất cả các vị và dâng cúng đến chính tôi.

4595. Tôi thọ hưởng các điều lợi ích này bởi vì tôi đã dâng cúng lúa mới đến hội chúng là tập thể tối thượng trước tiên hết; điều này là quả báo của lúa mới.

4596. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của lúa mới.

4597. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4598. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4599. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sucintita[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sucintita" là phần thứ tám.

---

[11] *Sucintita* nghĩa là "vị đã suy nghĩ (*cintita*) khéo léo (*su*)."

429. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆṆAKIṄKAṆIYA
(*Soṇṇakiṅkaṇiyattherāpadānaṃ*)

4600. Vì niềm tin, tôi đã ra đi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Thiên về nghiệp khổ hạnh, tôi đã là vị mang y phục bằng vỏ cây.

4601. Hơn nữa, đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu vào lúc bấy giờ đã hiện khởi, đang giúp cho nhiều người vượt qua.

4602-03. Và sức lực của tôi quả nhiên đã bị cạn kiệt bởi cơn bệnh trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã tạo nên ngôi bảo tháp tối thượng ở trên bãi cát. Với tâm mừng rỡ, với ý phấn chấn, tôi đã dùng tay rải rắc các bông hoa kiṅkaṇī bằng vàng.

4604. Với tâm tịnh tín ấy đối với vị Atthadassī như thế ấy, tôi đã đi vòng quanh ngôi bảo tháp như là có đức Phật hiện diện.

4605. Trong khi đi đến thế giới của chư thiên, tôi đạt được sự an lạc bao la. Tại nơi ấy, tôi đã có màu da vàng chói; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4606. Tôi có tám trăm triệu người nữ đã được trang điểm, thường xuyên phục vụ cho tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4607. Có sáu mươi ngàn nhạc cụ, gồm các trống lớn và các trống nhỏ, các tù và vỏ ốc và các trống con. Các chiếc trống đã vang lên một cách vui nhộn ở tại nơi ấy.

4608. Có tám mươi bốn ngàn con voi là những con voi mātaṅga [đến tuổi] bị tiết dục ở ba nơi được sáu mươi tuổi, đã được trang điểm.

4609. Được che phủ với những tấm lưới vàng, các con voi thể hiện sự phục vụ đến tôi. Sự thiếu hụt của tôi về binh lực luôn cả về voi là không được biết đến.

4610. Tôi đã thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiṅkaṇī bằng vàng. Tôi đã cai quản thiên quốc năm mươi tám lần.

4611. Và tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi mốt lần. Tôi đã cai quản vương quốc ở mặt đất, trên quả địa cầu một trăm lẻ một lần.

4612. Giờ đây, đã đạt đến bất tử là không còn tạo tác, khó nhìn thấy vô cùng, tôi đây đã được đoạn tận các sự trói buộc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4613. Kể từ khi tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4614. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4615. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4616. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sovaṇṇakiṅkaṇiya[12] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sovaṇṇakiṅkaṇiya" là phần thứ chín.

430. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SOṆṆAKONTARIKA
(*Soṇṇakontarikattherāpadānaṃ*)

4617. Đức Phật là vị đã tu tập về tâm, đã chế ngự bản thân, được định tĩnh, đang cư xử theo đường lối Phạm hạnh, thích thú trong sự tịnh lặng của tâm.

4618. Tôi đã suy tưởng về bậc Toàn Giác đã vượt qua dòng nước lũ, về bậc Hiền Trí được thỏa thích về thiền, đã tiến vào sự thể nhập [định], có ánh sáng của cánh hoa súng.

4619. Sau khi lấy nước bằng cái bầu [đựng nước], tôi đã đi đến đức Phật tối thượng. Sau khi rửa các bàn chân của đức Phật, tôi đã dâng cúng cái bầu nước.

4620. Và bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Padumuttara đã truyền lệnh rằng: "Bằng cái bầu này, ngươi hãy đem nước lại và hãy đặt ở cạnh bàn chân của Ta."

4621. Tôi đã đáp lại rằng: "Lành thay!" Và với lòng tôn kính bậc Đạo Sư, tôi đã mang lại nước bằng cái bầu và đã đưa đến gần đức Phật tối thượng.

4622. Trong khi làm cho tâm của tôi được mát mẻ, đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng cái bầu này, mong rằng ý định của người được thành tựu."

4623. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên trong mười lăm kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi lần.

4624. Vào ban ngày hoặc ban đêm, nếu tôi đang đi kinh hành hoặc đang đứng, có người cầm cây gậy vàng đứng ở phía trước tôi.

4625. Sau khi dâng cúng cái bầu nước đến đức Phật, tôi đạt được cây gậy vàng. Hành động đã được thực hiện, dầu là nhỏ nhoi trở thành to lớn như thế ấy.

4626. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cái bầu nước trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái bầu nước.

4627. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4628. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4629. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[12] *Sovaṇṇakiṅkaṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa kiṅkaṇī bằng vàng (*sovaṇṇa*)."

Đại đức Trưởng lão Soṇṇakontarika[13] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Soṇṇakontarika" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão quét một lần, vị có tấm vải độc nhất, vị có một chỗ ngồi, vị dâng [bông hoa] kadamba, vị dâng [bông hoa] koraṇḍa, vị [dâng] bơ lỏng, vị lắng nghe [giáo pháp], vị đã khéo suy nghĩ, vị liên quan đến [bông hoa] kiṅkaṇī, và vị có cây gậy vàng. Có một trăm câu kệ và thêm vào bảy mươi mốt câu nữa.

Phẩm Sakiṃsammajjaka là phẩm thứ bốn mươi ba.

[13] *Soṇṇakontarika* nghĩa là "vị có liên quan đến cây gậy (*konta*) bằng vàng (*soṇṇa*)."

XLIV. PHẨM EKAVIHĀRĪ
(*EKAVIHĀRIVAGGO*)

431. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAVIHĀRIYA
(*Ekavihāriyattherāpadānaṃ*)

4630. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

4631. Bậc như thế ấy đã sống không còn pháp chướng ngại, không cần sự nâng đỡ, có tâm ý sánh bằng bầu không gian, thường xuyên [trú vào] không tánh, thỏa thích ở vô tướng.

4632. Bậc Đại Bi, đấng Anh Hùng, rành rẽ về phương thức huấn luyện, có tâm không quyến luyến, lìa phiền não, không thân cận với gia đình và đồ chúng.

4633-34. Bị bận rộn trong những việc hữu ích cho những người khác, đấng Tế Độ Thế Gian ấy ngồi giữa đại chúng đang hướng dẫn chúng sanh, luôn cả chư thiên về đạo lộ đưa đến Niết-bàn, về việc làm khô cạn bãi lầy đưa đến cảnh giới [tái sanh], về pháp bất tử có phẩm vị tối thắng, cản ngăn sự già và sự chết.

4635. Thốt lên âm điệu của loài chim Karavīka (Ca-lăng-tần-già), đấng Bảo Hộ, đức Như Lai, với âm thanh của Phạm thiên đang tiếp độ những người có lối đi bị lầm lạc, không người hướng dẫn, ra khỏi chốn vô cùng khốn khổ.

4636. Trong lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang thuyết giảng giáo pháp không bợn nhơ, tôi đã nhìn thấy Ngài. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình.

4637. Và sau khi xuất gia, lúc bấy giờ, trong khi suy nghĩ về giáo pháp của đấng Chiến Thắng, bị quấy rối bởi việc chung đụng nên tôi đã sống chỉ mỗi một mình ở trong khu rừng đáng yêu.

4638. Sự yên tịnh về thân của tôi trở thành nhân duyên chính yếu cho tôi có được sự yên tịnh ở tâm, có được sự nhìn thấy nỗi sợ hãi trong việc chung đụng.

4639. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4640. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4641. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekavihāriya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekavihāriya" là phần thứ nhất.

432. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKASAṂKHIYA

(*Ekasaṃkhiyattherāpadānaṃ*)

4642. Đã có lễ hội ở cội đại Bồ-đề của đức Thế Tôn Vipassī. Đám đông dân chúng đã cùng nhau đi đến và cúng dường cội Bồ-đề tối thượng.

4643. Tôi không nghĩ rằng bậc Đạo Sư nào có cội Bồ-đề được cúng dường như thế này lại là vị kém cỏi, Ngài phải là vị Phật tối thượng.

4644. Do đó, tôi đã cầm lấy chiếc tù và vỏ ốc và đã phục vụ cội cây Bồ-đề. Trong khi thổi [tù và] trọn cả ngày, tôi đã đảnh lễ cội Bồ-đề tối thượng.

4645. Hành động được thực hiện vào lúc cận kề cái chết đã đưa tôi đến thế giới chư thiên. Cơ thể của tôi vừa ngã xuống là tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.[2]

4646. Có sáu mươi ngàn nhạc công luôn luôn hớn hở vui mừng, hoan hỷ phục vụ tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4647. Tôi đã là đức Vua Sudassana bảy mươi mốt kiếp, là người chinh phục bốn phương, là vị chúa tể của vùng đất Jambu.

4648. Kế đó, có trăm loại nhạc cụ luôn luôn vây quanh tôi. Tôi thọ hưởng nghiệp quả của chính mình; điều này là quả báo của việc phục vụ.

4649. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, các chiếc trống luôn luôn vang lên đến tôi ngay cả khi [nhập thai] đi vào bụng mẹ.

4650. Sau khi phục vụ đấng Toàn Giác, sau khi thọ hưởng sự thành đạt, tôi đã đạt đến vị thế bất động là Niết-bàn, bình yên, bất tử.

4651. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4652. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4653. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4654. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Ekavihāriya* nghĩa là "vị liên quan đến sự cư ngụ (*vihāra*) một mình (*eka*)."

[2] Vị ấy bị ngã chết và được sanh lên cõi trời ngay khi ấy.

Đại đức Trưởng lão Ekasaṅkhiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekasaṅkhiya" là phần thứ nhì.

433. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀṬIHĪRASAÑÑAKA
(Pāṭihīrasaññakattherāpadānaṃ)

4655. Khi ấy, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đã đi vào thành phố cùng với một trăm ngàn vị có năng lực [A-la-hán].

4656. Trong khi các vị an tịnh như thế ấy đang đi vào thành phố, các châu báu đã phát sáng, đã có tiếng reo hò vào ngay lúc ấy.

4657. Trong khi đức Phật đang đi vào thành phố, do năng lực của đức Phật, những chiếc trống đã vang lên dầu không được vỗ, các cây đàn vīṇā tự phát ra âm thanh.

4658. Tôi không nhìn thấy đức Phật tối thượng, bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Và sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu, tại nơi ấy, tôi đã khiến tâm được tịnh tín.

4659. "Ôi, đức Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Dầu không có tâm tư, các nhạc cụ tự chính mình phát ra âm thanh."

4660. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

4661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pāṭihīrasaññaka" là phần thứ ba.

434. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA
(Ñāṇatthavikattherāpadānaṃ)

4664. Tôi đã nhìn thấy bậc Tối Thượng Nhân giống như là cây kaṇikāra được cháy sáng, như là cây đèn được chiếu sáng, như là kim loại vàng đang tỏa sáng.

4665. Sau khi xếp đặt túi nước, y phục vỏ cây và bình đựng nước, tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đức Phật tối thượng rằng:

4666. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong khi hủy diệt điều tăm tối được che đậy bởi màng lưới si mê ấy, sau khi thể hiện ánh sáng trí tuệ, Ngài đã vượt qua.

---

[3] *Ekasaṅkhiya* nghĩa là "vị liên quan đến một lần (*eka*) thổi chiếc tù và vỏ ốc (*saṅkha*)."

[4] *Pāṭihīrasaññaka* nghĩa là "vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến điều kỳ diệu (*pāṭihīra*)."

4667. Bạch đấng Vô Thượng, xin Ngài hãy tiếp độ thế gian này bao gồm tất cả. Dầu cho đi khắp trái đất không có gì tương đương với trí tuệ của Ngài.

4668. Với trí tuệ ấy, đức Phật được gọi là 'Đấng Toàn Tri.' Bạch đấng Đại Hùng, con xin đảnh lễ đấng Toàn Tri không gì che lấp ấy."

4669. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật tối thượng trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

4670. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4671. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4672. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika" là phần thứ tư.

435. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UCCHUKHAṆḌIKA
(*Ucchukhaṇḍikattherāpadānaṃ*)

4673. Tôi đã là người gác cổng ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

4674. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm lấy khúc mía và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng, bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

4675. Kể từ khi tôi đã dâng cúng mía trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của khúc mía.

4676. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4677. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4678. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ucchukhaṇḍika[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ucchukhaṇḍika" là phần thứ năm.

---

[5] *Ñāṇatthavika* nghĩa là "vị ngợi ca (*thavika*) trí tuệ (ñāṇa) của đức Phật."

[6] *Ucchukhaṇḍika* nghĩa là "vị liên quan đến khúc (*khaṇḍa*) mía (*ucchu*)."

436. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KALAMBADĀYAKA
(*Kalambadāyakattherāpadānaṃ*)

4679. Bậc Tự Giác Ngộ tên Romasa ngụ ở trong vùng đồi núi. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng lên Ngài bông hoa kalamba.

4680. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bông hoa kalamba.

4681. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4682. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4683. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kalambadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kalambadāyaka" là phần thứ sáu.

437. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKADĀYAKA
(*Ambāṭakadāyakattherāpadānaṃ*)

4684. Sau khi nhìn thấy đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại trong khu rừng, tôi đã cầm lấy trái cây ambāṭaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ.

4685. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4686. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4687. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4688. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakadāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakadāyaka" là phần thứ bảy.

438. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO HARĪTAKADĀYAKA
(*Harītakadāyakattherāpadānaṃ*)

4689. Tôi đích thân mang lại các loại trái cây như trái harītaka, trái āmalaka, trái xoài, trái mận đỏ, trái vibhīṭaka, trái táo, trái bhallātaka và trái billa.

---

[7] *Kalambadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bông hoa kalamba."

[8] *Ambāṭakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây ambāṭaka."

4690. Tôi đã nhìn thấy bậc Hiền Trí là vị có thiền chứng, được thích thú về thiền, đã đi đến sườn núi. Bậc Đại Hiền Trí đang bị hành hạ bởi cơn bệnh, không có người thứ hai [phục vụ].

4691. Tôi đã cầm lấy trái harītaka và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ. Khi thuốc men vừa mới tác dụng, cơn bệnh đã lắng dịu ngay lập tức.

4692. Có sự khó chịu đã được loại trừ, đức Phật đã nói lời tùy hỷ rằng: "Do sự dâng cúng thuốc men, và do sự dứt hẳn cơn bệnh, ...

4693. ... mong rằng ngươi được sung sướng ở khắp mọi nơi, dầu được trở thành vị thiên nhân hay loài người hoặc ở sanh chủng khác, và bệnh hoạn chớ xảy đến cho ngươi."

4694. Sau khi nói điều này, bậc Toàn Giác, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại, bậc Trí Tuệ đã bay lên không trung như là chim thiên nga chúa ở trên bầu trời.

4695. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái harītaka đến đấng Tự Chủ, bậc Đại Ẩn Sĩ, cho đến kiếp sống này bệnh hoạn đã không xảy đến cho tôi.

4696. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển, tam minh đã được đắc chứng, lời dạy của đức Phật đã được thực hành.

4697. Kể từ khi tôi đã dâng cúng thuốc men trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của thuốc men.

4698. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4699. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4700. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Harītakadāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Harītakadāyaka" là phần thứ tám.

439. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBAPIṆḌIYA

(*Ambapiṇḍiyattherāpadānaṃ*)

4701. Khi ấy, tôi đã là con voi chúa có ngà dài như gọng xe, vững chãi. Trong khi đi lang thang ở khu rừng bạt ngàn, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

4702. Sau khi cầm lấy chùm trái xoài, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư. Đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha đã thọ lãnh.

4703. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất.[10]

---

[9] *Harītakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây harītaka."

[10] Vị ấy đã chết đi, sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

4704. Từ nơi ấy tôi đã mệnh chung, và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương. Tôi thọ hưởng sự thành đạt theo đường lối thế ấy.

4705. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

4706. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4707. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4708. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4709. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambapiṇḍiya[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambapiṇḍiya" là phần thứ chín.

440. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAMBUPHALIYA
(*Jambuphaliyattherāpadānaṃ*)

4710. Đức Phật Padumuttara, vị đang nắm giữ danh vọng tối thượng, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang đi đó đây để khất thực.

4711. Sau khi thâu hoạch trái cây đầu mùa, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư, bậc Anh Hùng xứng đáng sự cúng dường.

4712. "Bạch đấng Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, nhờ vào nghiệp ấy con đã từ bỏ sự hơn thua và đã đạt được vị thế bất động."

4713. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật đầu mùa.

4714. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4715. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4716. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[11] *Ambapiṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến chùm (*piṇḍa*) trái xoài (*amba*)."

Đại đức Trưởng lão Jambuphaliya[12] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jambuphaliya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão sống một mình, vị [thổi] tù và vỏ ốc, vị [tưởng đến] điều kỳ diệu, vị ngợi ca [đức Phật], vị có khúc mía, vị dâng bông hoa kalamba, vị dâng trái ambāṭaka, vị [dâng] trái cây harītaka, vị có chùm xoài, vị dâng trái mận đỏ là thứ mười. Và các câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí là tám mươi sáu câu kệ.

Phẩm Ekavihārī là phẩm thứ bốn mươi bốn.

[12] *Jambuphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phala*) mận đỏ (*jambu*)."

XLV. PHẨM VIBHĪṬAKA
(*VIBHĪṬAKAVAGGO*)

441. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VIBHĪṬAKAMIÑJIYA
(*Vibhīṭakamiñjiyattherāpadānaṃ*)

4717. Bậc Đại Hùng Kakusandha là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Ngài đã đi vào bên trong khu rừng, tách biệt khỏi đám đông.

4718. Sau khi cầm lấy phần hột và ruột [của trái vibhīṭaka], tôi đã buộc lại bằng sợi dây leo. Vào lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tham thiền ở trong vùng đồi núi.

4719. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên, với tâm ý trong sạch, tôi đã dâng cúng phần hột và ruột đến đấng Anh Hùng, là bậc xứng đáng sự cúng dường.

4720. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần hột và ruột [của trái cây].

4721. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4722. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4723. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vibhīṭakamiñjiya" là phần thứ nhất.

442. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOLADĀYAKA
(*Koladāyakattherāpadānaṃ*)

4724. Khi ấy, là vị mặc y phục vỏ cây, tôi đã trang phục bằng da dê. Tôi đã khuân vác túi nặng trái táo và đã đem về khu ẩn cư.

4725. Vào thời điểm ấy, đức Phật Sikhī đã là vị đơn độc, không có người thứ hai. Trong khi biết được về mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

4726. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bậc có sự hành trì tốt đẹp. Đưa ra bằng cả hai tay, tôi đã dâng cúng trái táo đến đức Phật.

---

[1] *Vibhīṭakamiñjiya* nghĩa là "vị liên quan đến phần ruột (*miñja*) của trái cây vibhīṭaka."

4727. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo.

4728. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4729. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4730. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koladāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koladāyaka" là phần thứ nhì.

443. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BILLAPHALIYA (*Billaphaliyattherāpadānaṃ*)

4731. Khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng ở bờ sông Candabhāgā, được rải rác với những cây billa, được mọc lên với nhiều giống cây khác loại.

4732. Sau khi nhìn thấy trái cây billa có mùi thơm ngát, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Được hớn hở, với tâm ý bị chấn động, tôi đã làm đầy gói nặng.

4733. Tôi đã đi đến [đức Phật] Kakusandha và đã dâng cúng trái cây billa đã chín đến phước điền, đến đấng Anh Hùng với tâm ý trong sạch.

4734. Ngay trong chính kiếp này kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4735. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4736. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4737. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Billaphaliya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Billaphaliya" là phần thứ ba.

444. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHALLĀTAKADĀYAKA (*Bhallātakadāyakattherāpadānaṃ*)

4738. Đấng Toàn Giác có màu da vàng chói, có ba mươi hai hảo tướng tợ

---

[2] *Koladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái táo (*kola*)."

[3] *Billaphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phala*) có tên là billa."

như cây sāla chúa đã được trổ hoa, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4739. Tôi đã xếp đặt tấm trải cỏ và đã cầu xin đức Phật tối thượng rằng: "Xin đức Phật hãy thương tưởng đến con, con muốn dâng cúng vật thực."

4740. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Bi Mẫn, vị Có Lòng Thương Tưởng, Có Danh Tiếng Lớn Lao Atthadassī đã ngự xuống khu ẩn cư của tôi.

4741. Sau khi ngự xuống, đấng Toàn Giác đã ngồi xuống ở tấm thảm lá cỏ. Tôi đã cầm lấy trái cây bhallātaka và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

4742. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã thọ dụng trong lúc tôi đang trầm tư. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng.

4743. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4744. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4745. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4746. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhallātakadāyaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhallātakadāyaka" là phần thứ tư.

445. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTALIPUPPHIYA
(*Uttalipupphiyattherāpadānaṃ*)

4747. Tôi đã lấy ra tràng hoa uttalī và đã dâng lên cội Bồ-đề là cây Nigrodha đã được phát triển, có ánh sáng màu xanh.

4748. Việc tôi đã dâng lên bông hoa là ngay trong chính kiếp này, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cội Bồ-đề.

4749. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4750. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4751. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[4] *Bhallātakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây bhallātaka."

Đại đức Trưởng lão Uttalipupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttalipupphiya" là phần thứ năm.

446. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMBĀṬAKIYA
(*Ambāṭakiyattherāpadānaṃ*)

4752. Sau khi đi sâu vào trong rừng cây sāla khéo được trổ hoa, bậc Hiền Trí Vessabhū đã ngồi xuống ở những nơi hiểm trở của ngọn núi, trông như là con sư tử đã được sanh ra cao quý.

4753. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình cúng dường [bông hoa] ambāṭaka đến phước điền, đến bậc Đại Hùng với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4754. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4755. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4756. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4757. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ambāṭakiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ambāṭakiya" là phần thứ sáu.

447. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANIKA
(*Sīhāsanikattherāpadānaṃ*)

4758. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng bảo tọa sư tử đến đức Thế Tôn Padumuttara, là bậc tầm cầu lợi ích cho tất cả chúng sanh.

4759. Ở bất cứ nơi đâu tôi sinh sống, ở thế giới chư thiên hoặc loài người, tôi đạt được cung điện đồ sộ; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4760. Và có nhiều chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng hồng ngọc, làm bằng ngọc ma-ni luôn luôn hiện ra cho tôi.

4761. Sau khi đã thực hiện chỗ ngồi giác ngộ cho vị tên Padumuttara, tôi được sanh ra trong gia đình thượng lưu. Ôi, tính chất tốt đẹp của giáo pháp!

4762. [Kể từ khi] tôi đã thực hiện bảo tọa sư tử trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bảo tọa sư tử.

4763. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[5] *Uttalipupphiya* nghĩa là "vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) uttalī."

[6] *Ambāṭakiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa ambāṭaka."

4764. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4765. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanika[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanika" là phần thứ bảy.

448. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀDAPĪṬHIYA
(*Pādapīṭhiyattherāpadānaṃ*)

4766. Đấng Toàn Giác Sumedha là đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí. Sau khi đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua, vị Có Danh Vọng Lớn Lao ấy đã Niết-bàn.

4767. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã thực hiện ghế kê chân ở bên cạnh bảo tọa sư tử của bậc Đại Ẩn Sĩ Sumedha.

4768. Tôi đã thực hiện nghiệp tốt lành [là nghiệp] có kết quả là sự an lạc, đưa đến sự an lạc. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

4769. Trong khi sống ở tại nơi ấy, tôi là người có được nghiệp phước thiện, khi tôi giở các bàn chân lên là có những chiếc ghế đẩu vàng hiện ra cho tôi.

4770. Những người nào có được sự lắng nghe ở Ngài, các sự lợi ích cho họ đã được đạt thành tốt đẹp. [Thậm chí] sau khi thể hiện sự tôn kính đến bậc đã Niết-bàn, họ [cũng] đạt được sự an lạc lớn lao.

4771. Việc làm cũng đã được tôi thực hiện tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi thực hiện chiếc ghế kê chân, tôi đạt được chiếc ghế đẩu vàng.

4772. Bất cứ phương nào tôi ra đi, vì bất cứ lý do gì, tôi đều bước đi ở trên chiếc ghế đẩu vàng; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

4773. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của ghế kê chân.

4774. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4775. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4776. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[7] Sīhāsanika nghĩa là "vị liên quan đến bảo tọa (āsana) sư tử (*sīha*)", là chỗ ngồi ở cội cây Bồ-đề (*bodhiyā āsanaṃ*) và trên chỗ ngồi đó, đức Phật đã chứng quả vị Giác ngộ. (ND)

Đại đức Trưởng lão Pādapīṭhiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pādapīṭhiya" là phần thứ tám.

449. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VEDIKĀRAKA
(*Vedikārakattherāpadānaṃ*)

4777. Sau khi thực hiện viền rào đã được làm khéo léo ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara, tôi đã làm cho tâm của mình được tịnh tín.

4778. Các vật dụng nhân tạo và thiên nhiên vô cùng sang trọng đã từ không trung rơi xuống; điều này là quả báo của cái viền rào.

4779. Trong khi lao vào cuộc chiến đấu kinh hoàng nổ ra từ hai phe, tôi không nhìn thấy sự kinh hoàng và hãi sợ; điều này là quả báo của cái viền rào.

4780. Sau khi biết được ước muốn của tôi, cung điện được sanh lên, xinh đẹp, với những chiếc giường trị giá lớn lao; điều này là quả báo của cái viền rào.

4781. [Kể từ khi] tôi đã xây dựng cái viền rào trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cái viền rào.

4782. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4783. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4784. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vedikāraka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vedikāraka" là phần thứ chín.

450. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHIGHARIYA
(*Bodhighariyattherāpadānaṃ*)

4785. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề của đức Thế Tôn Siddhattha là vị Chúa Tể Của Loài Người như thế ấy.

4786. Tôi đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tôi sống ở trong ngôi nhà châu báu. Sự lạnh hoặc sự nóng không có đến tôi, gió không chạm vào thân thể của tôi.

4787. Trước đây sáu mươi lăm kiếp, tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương. Có thành phố tên là Kāsika đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4788. [Thành phố này] dài mười do-tuần, rộng tám do-tuần. Ở trong thành phố này không có gỗ, dây thừng và gạch ngói.

---

[8] *Pādapīṭhiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái ghế (*pīṭha*) kê chân (*pāda*)."

[9] *Vedikāraka* nghĩa là "vị thực hiện (*kāraka*) cái viền rào (*vedi, vedikā*)."

4789. Có tòa lâu đài tên là Maṅgala đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Chiều ngang đã là một do-tuần, chiều rộng nửa do-tuần.

4790. Đã có tám mươi bốn ngàn cột làm bằng vàng và các tháp nhọn làm bằng ngọc ma-ni, mái che đã là bằng bạc.

4791. Có ngôi nhà làm bằng vàng toàn bộ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma. Nơi này đã được tôi cư ngụ; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4792. Sau khi thọ hưởng tất cả các thứ ấy ở cõi trời và người, hôm nay tôi đã đạt đến Niết-bàn là vị thế an tịnh không gì hơn được.

4793. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện căn nhà ở cội Bồ-đề trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng căn nhà.

4794. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4795. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4796. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhighariya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhighariya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có trái cây vibhīṭaka, vị dâng trái táo, vị dâng trái billa, vị dâng trái bhallātaka, vị dâng tràng hoa uttalī, vị dâng bông hoa ambāṭaka, luôn cả vị có chỗ ngồi, vị dâng ghế kê chân, vị làm cái viền rào, vị cho thực hiện căn nhà của cội Bồ-đề. Ở đây, các câu kệ đã được tính đếm là bảy mươi chín câu, tất cả đã được thuật lại ở phẩm này.

Phẩm Vibhīṭaka là phẩm thứ bốn mươi lăm.

[10] *Bodhighariya* nghĩa là "vị liên quan đến căn nhà (*ghara*) ở cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

XLVI. PHẨM JAGATIDĀYAKA
(*JAGATIDĀYAKAVAGGO*)

451. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JAGATIDĀYAKA
(*Jagatidāyakattherāpadānaṃ*)

4797. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện nền đất ở cội cây Bồ-đề tối thượng của bậc Hiền Trí Dhammadassī.

4798. Dầu tôi bị ngã từ vực thẳm, từ ngọn núi, hoặc từ thân cây, chết đi tôi có được sự nâng đỡ; điều này là quả báo của nền đất.

4799. Lũ trộm cướp không áp bức tôi, các vị Sát-đế-lỵ không xem thường tôi, tôi vượt trội tất cả các kẻ thù; điều này là quả báo của nền đất.

4800. Ở nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi đều được tôn vinh ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của nền đất.

4801. Tôi đã cho thực hiện nền đất, trong một ngàn tám trăm kiếp, tôi không trải qua khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nền đất.

4802. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4803. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4804. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jagatidāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jagatidāyaka" là phần thứ nhất.

452. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MORAHATTHIYA
(*Morahatthiyattherāpadānaṃ*)

4805. Tôi đã cầm lấy cánh quạt lông công và đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng cánh quạt lông công.

4806. Do cánh quạt lông công này và do các nguyện lực của tác ý, ba ngọn lửa[2] đã được dập tắt, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

---

[1] *Jagatidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nền đất (*jagati*) ở cội cây Bồ-đề."

[2] Ba ngọn lửa là lửa tham, lửa sân và lửa si. (ND)

4807. Ôi, chư Phật! Ôi, giáo pháp! Ôi, sự thành tựu của bậc Đạo Sư chúng ta! Sau khi dâng cúng cánh quạt lông công, tôi đạt được sự an lạc lớn lao.

4808. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

4809. Kể từ khi tôi đã cúng dường vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cánh quạt lông công.

4810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Morahatthiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Morahatthiya" là phần thứ nhì.

453. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪHĀSANAVĪJAKA
(Sīhāsanavījakattherāpadānaṃ)

4813. Tôi đã đảnh lễ cội cây Bồ-đề của đức Thế Tôn Tissa. Tôi đã lấy ra cây quạt và đã hầu quạt bảo tọa sư tử ở tại nơi ấy.

4814. [Kể từ khi] tôi đã hầu quạt bảo tọa sư tử trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4815. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4816. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4817. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīhāsanavījaka[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīhāsanavījaka" là phần thứ ba.

454. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TI-UKKĀDHĀRAKA
(Ti-ukkādhārakattherāpadānaṃ)

4818. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cầm ba ngọn đuốc ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Phật Padumuttara.

---

[3] *Morahatthiya* nghĩa là "vị liên quan đến cái cánh (*hattha*) của chim công (*mora*)", diễn dịch là cánh quạt lông công. (ND)

[4] *Sīhāsanavījaka* nghĩa là "vị quạt mát (*vījaka*) bảo tọa sư tử (*sīhāsana*)."

4819. [Kể từ khi] tôi đây đã cầm ngọn đuốc trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng ngọn đuốc.

4820. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4821. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4822. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ti-ukkādhāraka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ti-ukkādhāraka" là phần thứ tư.

455. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AKKAMANADĀYAKA
(*Akkamanadāyakattherāpadānaṃ*)

4823. Tôi đã dâng cúng tấm lót chân đến đấng Hiền Trí Kakusandha, vị Bà-la-môn toàn hảo, trong lúc Ngài đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày.

4824. Ngay trong chính kiếp này, kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm lót chân.

4825. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4826. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4827. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Akkamanadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Akkamanadāyaka" là phần thứ năm.

456. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAKORAṆḌIYA
(*Vanakoraṇḍiyattherāpadānaṃ*)

4828. Tôi đã cầm lấy bông hoa koraṇḍa rừng và đã dâng lên đức Phật, đấng Thế Tôn Siddhattha, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

4829. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

---

[5] *Ti-ukkādhāraka* nghĩa là "vị cầm (*dhāraka*) ba (*ti*) ngọn đuốc (*ukkā*)."

[6] *Akkamanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm lót chân (*akkamana*)."

4830. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4831. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4832. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vanakoraṇḍiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vanakoraṇḍiya" là phần thứ sáu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi).

457. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKACHATTIYA

(*Ekachattiyattherāpadānaṃ*)

4833. Trái đất nảy sanh ra than hừng, mặt đất trở thành tro nóng. Đức Thế Tôn Padumuttara đã đi kinh hành ở ngoài trời.

4834. Sau khi cầm lấy chiếc lọng che màu trắng, tôi đã đi đường xa. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Giác ở tại nơi ấy, niềm hạnh phúc đã khởi đến cho tôi.

4835. Mặt đất được phủ lên bởi màn ảo ảnh, trái đất này toàn là than hừng. Có cơn gió mạnh thổi đến làm mất đi sự thoải mái của cơ thể.

4836. "Xin Ngài hãy thọ lãnh chiếc lọng che này diệt trừ được sự lạnh và nóng, có sự cản ngăn đối với sức nóng của cơn gió, con sẽ được chạm đến sự tịch diệt."

4837. Sau khi biết được ý định của tôi, bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Chiến Thắng Padumuttara khi ấy đã thọ lãnh.

4838. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

4839. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Tôi thọ hưởng nghiệp của chính mình đã được bản thân thực hiện tốt đẹp trước đây.

4840. Đây là lần sinh ra sau cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có chiếc lọng che màu trắng được cầm che cho tôi trong mọi thời điểm.

4841. Kể từ khi tôi đã dâng cúng chiếc lọng che trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng chiếc lọng.

4842. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[7] *Vanakoraṇḍiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa koraṇḍa rừng (*vana*)."

4843. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4844. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekachattiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekachattiya" là phần thứ bảy.

458. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO JĀTIPUPPHIYA
(*Jātipupphiyattherāpadānaṃ*)

4845. Khi đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao viên tịch Niết-bàn, tôi đã làm những vòng hoa đội đầu rồi đã đặt lên nhục thân [của Ngài].

4846. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đi đến cõi Hóa Lạc thiên. Trong khi sống ở thế giới chư thiên, tôi nhớ lại nghiệp phước thiện.

4847. Có cơn mưa bông hoa từ bầu trời rơi xuống ở tôi vào mọi thời điểm. Nếu tôi luân hồi ở loài người, tôi là vị vua có danh vọng lớn lao.

4848. Tại nơi ấy, có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc, do nhờ tác động của sự cúng dường bông hoa đến chính Ngài ấy là bậc có sự nhìn thấy tất cả.

4849. Lần sau cùng này của tôi là sự hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Ngay cả hôm nay cũng có cơn mưa bông hoa rơi xuống ở tôi vào mọi lúc.

4850. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4851. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4852. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4853. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Jātipupphiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Jātipupphiya" là phần thứ tám.

459. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṬṬIPUPPHIYA
(*Paṭṭipupphiyattherāpadānaṃ*)

4854. Khi nhục thân [đức Phật] được đưa đi, khi những chiếc trống đang được vỗ lên, tôi đã cúng dường bông hoa paṭṭi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

---

[8] *Ekachattiya* nghĩa là "vị liên quan đến một (*eka*) chiếc lọng che (*chatta*)."

[9] *Jātipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) jāti."

4855. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường nhục thân [đức Phật].

4856. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4857. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4858. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṭṭipupphiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṭṭipupphiya" là phần thứ chín.

460. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GANDHAPŪJAKA
(*Gandhapūjakattherāpadānaṃ*)

4859. Khi giàn hỏa thiêu đang được thực hiện, khi các vật thơm nhiều loại đã được mang lại, tôi đã cúng dường [một] nắm tay vật thơm với tâm tịnh tín, với ý vui mừng.

4860. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường giàn hỏa thiêu trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật].

4861. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4862. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4863. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gandhapūjaka[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gandhapūjaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị [thực hiện] nền đất, vị có cánh quạt chim công, vị [hầu quạt] bảo tọa, vị cầm giữa ngọn đuốc, vị có tấm lót chân, vị có bông hoa koraṇḍa rừng, vị dâng cúng chiếc lọng che, vị cúng dường hoa jāti, vị trưởng lão có bông hoa paṭṭi, và vị cúng dường vật thơm là thứ mười. Và có sáu mươi bảy câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Jagatidāyaka là phẩm thứ bốn mươi sáu.

---

[10] *Paṭṭipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) paṭṭi."

[11] *Gandhapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) vật thơm (*gandha*)."

XLVII. PHẨM SĀLAKUSUMIYA
(*SĀLAKUSUMIYAVAGGO*)

461. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAKUSUMIYA
(*Sālakusumiyattherāpadānaṃ*)

4864. Khi đức Thế Tôn tên là Padumuttara viên tịch Niết-bàn và được đặt lên ở giàn hỏa thiêu, tôi đã cúng dường bông hoa Sāla.

4865. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường lễ hỏa táng [đức Phật].

4866. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi sống không còn lậu hoặc.

4867. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4868. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālakusumiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sālakusumiya" là phần thứ nhất.

462. KỲ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKAPŪJAKA
(*Citakapūjakattherāpadānaṃ*)

4869. Khi đức Thế Tôn Sikhī, đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian đang được thiêu đốt, tôi đã dâng lên giàn hỏa thiêu của Ngài tám bông hoa campaka.

4870. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường giàn hỏa thiêu [đức Phật].

4871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[1] *Sālakusumiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*kusuma*) Sāla."

Đại đức Trưởng lão Citakapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakapūjaka" là phần thứ nhì.

463. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CITAKANIBBĀPAKA (*Citakanibbāpakattherāpadānaṃ*)

4874. Khi nhục thân của bậc Đại Ẩn Sĩ Vessabhū đang được đốt cháy, tôi đã cầm lấy nước thơm và đã làm nguội giàn hỏa thiêu.

4875. [Kể từ khi] tôi đã làm nguội giàn hỏa thiêu trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nước thơm.

4876. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4877. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4878. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Citakanibbāpaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Citakanibbāpaka" là phần thứ ba.

464. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SETUDĀYAKA (*Setudāyakattherāpadānaṃ*)

4879. Khi đức Thế Tôn Vipassī đang đi kinh hành ở trước mặt, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cho thực hiện cây cầu.

4880. [Kể từ khi] tôi đã cho thực hiện cây cầu trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây cầu.

4881. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4882. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4883. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Setudāyaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Setudāyaka" là phần thứ tư.

---

[2] *Citakapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) giàn hỏa thiêu (*citaka*)."

[3] *Citakanibbāpaka* nghĩa là "vị làm nguội (*nibbāpaka*) giàn hỏa thiêu (*citaka*)."

465. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANATĀLAVAṆṬIYA
(*Sumanatālavaṇṭiyattherāpadānaṃ*)

4884. Tôi đã dâng cúng chiếc quạt được phủ lên bởi những bông hoa nhài đến đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi nắm giữ danh vọng lớn lao.

4885. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng chiếc quạt trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của chiếc quạt.

4886. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4887. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4888. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanatālavaṇṭiya" là phần thứ năm.

466. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṆṬAPHALIYA
(*Avaṇṭaphaliyattherāpadānaṃ*)

4889. Đức Thế Tôn, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại tên là Sataraṃsī. Có ước muốn độc cư, đấng Toàn Giác đã ra đi về việc khất thực.

4890. Có trái cây ở tay, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái avaṇṭa.

4891. Trước đây chín mươi bốn kiếp, kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4892. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4893. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4894. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṇṭaphaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avaṇṭaphaliya" là phần thứ sáu.

---

[4] *Sumanatālavaṇṭiya* nghĩa là "vị liên quan đến chiếc quạt (*tālavaṇṭa*) được gắn hoa lài (*sumanā*)."

[5] *Avaṇṭaphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phala*) avaṇṭa."

467. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LABUJADĀYAKA
(*Labujadāyakattherāpadānaṃ*)

4895. Khi ấy, tôi đã là người phụ việc tại tu viện, ở thành phố Bandhumatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

4896. Tôi đã cầm lấy trái mít và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đang đứng ở ngay trên không trung.

4897. Đối với tôi, Ngài là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đem lại sự an lạc trong thời hiện tại. Tôi đã dâng cúng trái cây đến đức Phật với tâm ý trong sạch.

4898. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc vĩ đại và sự an lạc thù thắng. Và khi tôi tái sanh ở nơi này, nơi khác, có châu báu hiện lên [cho tôi].

4899. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4900. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4901. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4902. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Labujadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Labujadāyaka" là phần thứ bảy.

468. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PILAKKHAPHALADĀYAKA
(*Pilakkhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

4903. Sau khi nhìn thấy đức Phật Atthadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ở cuối rừng, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng lên trái của cây sung.

4904. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

4905. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4906. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4907. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[6] *Labujadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*labuja*) trái mít (*dāyaka*)."

Đại đức Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pilakkhaphaladāyaka" là phần thứ tám.

469. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SAYAMPAṬIBHĀṆIYA
(*Sayampaṭibhāṇiyattherāpadānaṃ*)

4908. Ai là người nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vị Trời Của Chư Thiên đang tiến bước ở trên đường, tợ như cây kakudha đang chói sáng mà không tịnh tín?

4909. Ai là người nhìn thấy bậc đã xua đi điều tăm tối ấy, đã giúp cho nhiều người vượt qua, đang chói sáng với ánh sáng trí tuệ mà không tịnh tín?

4910. Ai là người nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang hướng dẫn một trăm ngàn vị có năng lực, đang tiếp độ nhiều chúng sanh mà không tịnh tín?

4911. Ai là người nhìn thấy vị đang vỗ lên chiếc trống giáo pháp, đang chế ngự các nhóm ngoại đạo, đang gầm lên tiếng rống sư tử mà không tịnh tín?

4912. Cho đến các Phạm thiên từ thế giới Phạm thiên đã đi đến và hỏi các câu hỏi khôn khéo, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4913. Thế gian luôn cả chư thiên thể hiện sự chắp tay đối với Ngài rồi thỉnh cầu, nhờ Ngài, họ thọ hưởng phước báu, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4914. Tất cả mọi người tụ tập lại và thỉnh cầu bậc Hữu Nhãn, được thỉnh cầu, Ngài không rung động, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4915. Khi Ngài đang đi vào thành phố, có nhiều chiếc trống vang lên và các con voi hào hứng rống lên, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4916. Trong khi đang đi ở đường lộ, toàn bộ hào quang của Ngài luôn luôn chiếu sáng, những chỗ bị gập ghềnh trở thành bằng phẳng, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4917. Khi đức Phật đang nói, [lời Ngài] được nghe ở bầu vũ trụ, Ngài làm cho tất cả chúng sanh được hiểu rõ, ai là người nhìn thấy mà không tịnh tín?

4918. [Kể từ khi] tôi đã ngợi ca đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi.

4919. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4920. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4921. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[7] *Pilakkhaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) của cây sung (*pilakkha*)."

Đại đức Trưởng lão Sayampaṭibhāṇiya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sayampaṭibhāṇiya" là phần thứ chín.

470. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NIMITTAVYĀKARAṆIYA
(*Nimittavyākaraṇiyattherāpadānaṃ*)

4922. Khi ấy, tôi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp rồi đọc tụng chú thuật. Năm mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi.

4923. Là những vị hiểu biết về kinh Vệ-đà, tất cả đã học thuộc lòng, đã đạt đến sự toàn hảo về sáu chi phần. Được hỗ trợ bởi những sự hiểu biết của chính bản thân, các vị ấy sống ở núi Hy-mã-lạp.

4924. Sau khi mệnh chung từ tập thể cõi trời Đẩu-suất, vị thiên tử có danh vọng lớn lao đã sanh vào bụng mẹ với sự nhận biết và có niệm.

4925. Khi bậc Toàn Giác đang được sanh ra, mười ngàn thế giới đã chuyển động. Khi đấng Lãnh Đạo đang được sanh ra, những người mù đã đạt được thị giác.

4926. Toàn bộ quả đất này đã chuyển động với mọi hình thức. Sau khi nghe được tiếng gầm thét, đám đông dân chúng đã hoảng hốt.

4927. Tất cả mọi người đã tập trung lại và đã đi đến gặp tôi [hỏi rằng]: "Quả đất này đã chuyển động, sẽ có hậu quả gì đây?"

4928. Khi ấy, tôi đã nói với họ rằng: "Các người chớ sợ hãi, sự nguy hại không có cho các người. Tất cả cũng nên tự tin, sự xuất hiện này là có điều tốt đẹp.

4929. Bị tác động bởi tám nguyên nhân, quả đất này chuyển động. Các điều báo hiệu như thế này được nhìn thấy, có ánh sáng bao la vĩ đại.

4930. Không còn nghi ngờ nữa, đức Phật tối thượng, bậc Hữu Nhãn sẽ hiện khởi." Sau khi làm cho dân chúng biết rõ, tôi đã thuyết giảng về năm giới cấm.

4931. Sau khi lắng nghe về năm giới cấm và về sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, họ đã trở nên hớn hở vui mừng với niềm phấn khởi đã được sanh lên, với tâm ý vui mừng.

4932. [Kể từ khi] tôi đã giải thích về điềm báo hiệu trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc giải thích.

4933. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4934. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

---

[8] *Sayampaṭibhāṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đích thân mình (*sayaṃ*) ca ngợi (*paṭibhāṇa*)."

4935. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nimittavyākaraṇiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị trưởng lão liên quan đến bông hoa Sāla, luôn cả vị cúng dường [giàn hỏa thiêu], và vị làm nguội [giàn hỏa thiêu], vị dâng cúng cây cầu, vị có cây quạt, [vị dâng lên] trái avaṇṭa, vị dâng lên trái mít, [vị dâng lên] trái sung, vị ca ngợi, và vị Bà-la-môn liên quan việc giải thích. Có bảy mươi hai câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Sālakusumiya là phẩm thứ bốn mươi bảy.

[9] *Nimittavyākaraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc giải thích (*vyākaraṇa*) các điềm báo hiệu (*nimitta*)."

XLVIII. PHẨM NAḶAMĀLĪ
(*NAḶAMĀLIVAGGO*)

471. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAMĀLIYA
(*Naḷamāliyattherāpadānaṃ*)

4936. Tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác có màu da vàng chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đang di chuyển ở phía trên chóp đỉnh của khu rừng bao la.

4937. Sau khi cầm lấy tràng hoa sậy và ngay trong khi đang đi ra, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc Đã Vượt Qua Dòng Lũ, vị Không Còn Lậu Hoặc ở tại nơi ấy.

4938. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường tràng hoa sậy đến đấng Đại Hùng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường, vị Có Lòng Thương Tưởng đến tất cả thế gian.

4939. [Kể từ khi] tôi đã dâng lên bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4940. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4941. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4942. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷamāliya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷamāliya" là phần thứ nhất.

472. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAṆIPŪJAKA
(*Maṇipūjakattherāpadānaṃ*)

4943. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara là bậc thông suốt về tất cả các pháp. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác di chuyển ở trên không trung.

4944. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có cái hồ thiên nhiên rộng lớn. Ở tại nơi ấy đã là chỗ cư ngụ của tôi, được liên quan đến nghiệp phước thiện.

---

[1] *Naḷamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến tràng hoa (*mālā*) sậy (*naḷa*)."

4945. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian được chói sáng như là bông hoa súng, được cháy rực như là ngọn lửa tế thần.

4946. Trong lúc xem xét, tôi đã không nhìn thấy bông hoa tôi sẽ cúng dường đến đấng Lãnh Đạo. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ bậc Đạo Sư.

4947. Tôi đã cầm lấy viên ngọc ma-ni ở trên đầu của tôi và đã cúng dường đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian, [ước nguyện rằng:] "Do sự cúng dường viên ngọc ma-ni này, cầu mong quả thành tựu được tốt đẹp."

4948. Đứng ở trên không trung, đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, bậc Đạo Sư đã nói lên lời kệ này:

4949. "Mong rằng ý định ấy được thành tựu cho ngươi. Ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao. Ngươi hãy thọ hưởng danh vọng lớn lao do sự cúng dường ngọc ma-ni này."

4950. Nói xong điều ấy, đức Thế Tôn tên Padumuttara, vị Phật tối thượng đã đi đến nơi mà tâm đã dự tính.

4951. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc sáu mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần.

4952. Trong khi tôi là vị thiên nhân đang nhớ lại việc làm trước đây thì ngọc ma-ni là vật tạo ra ánh sáng của tôi, hiện ra cho tôi.

4953. Tám mươi sáu ngàn nữ nhân có đồ trang sức và vải vóc đủ màu sắc, có các bông tai bằng ngọc trai và ngọc ma-ni là những người vợ của tôi.

4954. [Các nàng] có làn mi cong, có nụ cười, có bộ ngực xinh, có eo thon, thường xuyên vây quanh tôi; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni.

4955. Các vật dụng và các đồ trang sức của tôi được thực hiện khéo léo, làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và làm bằng hồng ngọc đúng theo ước muốn.

4956. Các ngôi nhà mái nhọn, các hang động đáng yêu và chỗ nằm ngồi vô cùng xứng đáng, sau khi biết được ước muốn của tôi, chúng hiện ra theo như ước muốn.

4957. Và những người nào đạt được sự lắng nghe đã khéo được thành tựu [vì sự lắng nghe] là phước điền của nhân loại, là phương thuốc cho tất cả các sanh linh, các vị ấy có được những sự lợi ích.

4958. Việc làm của tôi cũng đã được thực hiện tốt đẹp là việc tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo, tôi được thoát khỏi đọa xứ, tôi đạt được vị thế bất động.

4959. Nơi nào tôi đi tái sanh, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi luôn luôn có ánh sáng từ bảy loại châu báu ở xung quanh.

4960. Do chính sự cúng dường ngọc ma-ni ấy, tôi đã thọ hưởng sự thành tựu, ánh sáng trí tuệ đã được tôi nhìn thấy, tôi đạt đến vị thế bất động.

4961. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường ngọc ma-ni trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường ngọc ma-ni.

4962. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4963. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4964. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Maṇipūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Maṇipūjaka" là phần thứ nhì.

473. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UKKĀSATIKA
(*Ukkāsatikattherāpadānaṃ*)

4965. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn tên là Kosika đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Đức Phật, bậc Hiền Trí là vị chứng thiền, thỏa thích với thiền, vui thích với sự độc cư.

4966. Tôi đã dẫn đầu nhóm phụ nữ đi sâu vào núi Hy-mã-lạp và tôi đã nhìn thấy đức Phật Kosika tợ như mặt trăng ngày rằm.

4967. Khi ấy, tôi đã cầm lấy một trăm ngọn đuốc và đặt vòng quanh [đức Phật]. Tôi đã đứng bảy ngày đêm và đã ra đi vào ngày thứ tám.

4968. Khi đức Phật Kosika, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại, đã xuất khỏi [thiền], với tâm tịnh tín tôi đã đảnh lễ Ngài và đã dâng cúng một phần vật thực.

4969. "Bạch vị Chúa Tể Của Loài Người, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, do việc làm ấy con đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất; điều này là quả báo của một phần vật thực."

4970. Luôn luôn có ánh sáng cho tôi vào ban ngày và cả ban đêm nữa. Tôi tỏa ra ánh sáng ở xung quanh một trăm do-tuần.

4971. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương, người chinh phục bốn phương, đấng chúa tể của vùng đất Jambu năm mươi lăm kiếp.

4972. Khi ấy, thành phố của tôi đã được sung túc, thịnh vượng, khéo được xây dựng có chiều dài ba mươi do-tuần và chiều rộng hai mươi do-tuần.

4973. Thành phố tên là Sobhana đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma, không thiếu vắng mười loại âm thanh được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe.

---

[2] *Maṇipūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) ngọc ma-ni (*maṇi*)."

4974. Ở trong thành phố ấy không có dây thừng, gỗ và gạch ngói. Toàn bộ chỉ làm bằng vàng và chiếu sáng trong thời gian liên tục.

4975. Có bốn tường thành bao bọc, ba mặt đã được làm bằng ngọc ma-ni, và ở chính giữa có hàng cây cọ đã được hóa hiện ra bởi vị Trời Vissakamma.

4976. Có mười ngàn hồ nước được che đậy bởi sen hồng và sen xanh, được phủ lên bởi những sen trắng, được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại.

4977. [Kể từ khi] tôi đã cầm giữ ngọn đuốc trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cầm giữ cây đuốc.

4978. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4979. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4980. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ukkāsatika[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ukkāsatika" là phần thứ ba.

474. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUMANAVĪJANIYA
(*Sumanavījaniyattherāpadānaṃ*)

4981. Tôi đã cầm lấy cây quạt hoa nhài ở cội cây Bồ-đề tối thượng của đức Thế Tôn Vipassī và đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng.

4982. [Kể từ khi] tôi đã quạt mát cội cây Bồ-đề tối thượng trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc hầu quạt.

4983. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4984. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4985. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sumanavījaniya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sumanavījaniya" là phần thứ tư.

---

[3] *Ukkāsatika* nghĩa là "vị liên quan đến 100 (*sata*) cây đuốc (*ukkā*)."

[4] *Sumanavījaniya* nghĩa là "vị liên quan đến cây quạt (*vījana*) hoa nhài (*sumana*)."

475. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMMĀSADĀYAKA
(*Kummāsadāyakattherāpadānaṃ*)

4986. Trong khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi tìm kiếm [vật thực], tôi đã nhìn thấy bình bát [của Ngài] trống không và tôi đã đặt đầy sữa đông [ở bình bát].

4987. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa đông.

4988. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4989. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4990. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kummāsadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kummāsadāyaka" là phần thứ năm.

476. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUSAṬṬHADĀYAKA
(*Kusaṭṭhadāyakattherāpadānaṃ*)

4991. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực đến đức Thế Tôn Kassapa, vị Bà-la-môn toàn hảo.

4992. Ngay trong chính kiếp này [kể từ khi] tôi đã dâng cúng tám thẻ vật thực, tôi không biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tám thẻ vật thực.

4993. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4994. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

4995. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kusaṭṭhadāyaka" là phần thứ sáu.

477. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRIPUNNĀGIYA
(*Giripunnāgiyattherāpadānaṃ*)

4996. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sobhita đã cư ngụ tại núi Cittakūṭa. Tôi đã hái bông hoa nguyệt quế mọc ở núi và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ.

---

[5] *Kummāsadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) sữa đông (*kummāsa*)."

[6] *Kusaṭṭhadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tám (*aṭṭha*) thẻ vật thực (*kusa*)." Lá cỏ kusa được dùng làm thăm để chọn ra các vị Tỳ-khưu đi đến nhà thí chủ thọ thực. (ND)

4997. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

4998. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

4999. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5000. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Giripunnāgiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Giripunnāgiya" là phần thứ bảy.

478. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VALLIKĀRAPHALADĀYAKA (*Vallikāraphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5001. Lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác tên Sumana đã cư ngụ tại thành phố Takkarā. Tôi đã cầm lấy trái cây vallikāra và đã dâng cúng đến đấng Tự Chủ.

5002. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5003. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5004. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5005. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vallikāraphaladāyaka" là phần thứ tám.

479. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PĀNADHIDĀYAKA (*Pānadhidāyakattherāpadānaṃ*)

5006. Sau khi đã rời khỏi việc nghỉ ngơi giữa ngày, đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Hữu Nhãn đã bước lên đường lộ.

5007. Sau khi cầm lấy đôi dép đã được làm khéo léo, tôi đã tiến bước đường xa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy bậc Toàn Giác, vị có ánh nhìn thu hút, đang đi bộ.

---

[7] *Giripunnāgiya* nghĩa là "vị liên quan đến hoa nguyệt quế (*punnāga*) mọc ở núi."

[8] *Vallikāraphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) vallikāra."

5008. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đem đôi dép lại và đặt xuống ở cạnh bàn chân [đức Phật] rồi đã nói lời nói này:

5009. "Bạch bậc Đại Hùng, vị Chúa Của Nhàn Cảnh, đấng Hướng Đạo, xin Ngài hãy bước lên, mong sao mục đích của con được thành tựu là con sẽ đạt được quả báo do việc này."

5010. Đức Thế Tôn Anomadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã bước lên đôi dép, rồi đã nói lời nói này:

5011. "Người nào được tịnh tín, tự tay mình đã dâng cúng đến Ta đôi dép, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói."

5012. Nhận biết giọng nói của đức Phật, tất cả chư thiên đã tụ hội lại, với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có hai tay chắp lên.

5013. "Do việc dâng cúng đôi dép, người này sẽ được sung sướng và sẽ cai quản thiên quốc năm mươi lăm lần.

5014. Và sẽ là đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5015. Vào vô lượng kiếp về sau này, có bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5016. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5017. Người có phước báu [này] sẽ được sanh lên ở thế giới chư thiên hoặc là loài người, sẽ nhận lãnh chiếc xe tương tợ chiếc xe của chư thiên."

5018. Các tòa lâu đài, các kiệu khiêng, các con voi của tôi là được trang điểm. Các chiếc xe được thắng ngựa giống tốt, luôn hiện hữu cho tôi.

5019. Ngay cả trong khi lìa khỏi gia đình, tôi đã rời khỏi bằng xe ngựa. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5020. Điều lợi ích cho tôi đã được tôi đạt thành một cách tốt đẹp, việc đổi trao đã được gắn liền tốt đẹp. Sau khi dâng cúng một đôi dép, tôi được đạt đến vị thế bất động.

5021. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng đôi dép trước đây vô lượng kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của đôi dép.

5022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pānadhidāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pānadhidāyaka" là phần thứ chín.

480. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINACAṄKAMIYA (*Pulinacaṅkamiyattherāpadānaṃ*)

5025. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở trong khu rừng hoang rậm. Trong lúc tìm kiếm loài linh dương, tôi đã nhìn thấy con đường kinh hành.

5026. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã ôm cát ở bên hông [bằng vạt y] và đã rải lên đường kinh hành của đấng Thiện Thệ Quang Vinh.

5027. [Kể từ khi] tôi đã rải cát trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của cát.

5028. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5029. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5030. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinacaṅkamiya[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinacaṅkamiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị có tràng hoa sậy, vị dâng ngọc ma-ni, vị có trăm ngọn đuốc, vị có cây quạt, món sữa đông, thẻ vật thực, luôn cả bông hoa nguyệt quế ở núi, trái cây vallikāra, vị dâng đôi dép, và đường kinh hành rải cát. Có chín mươi lăm câu kệ đã được tính đếm bởi các bậc trí.

Phẩm Naḷamālī là phẩm thứ bốn mươi tám.

---

[9] *Pānadhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) đôi dép (*pānadhi*)." *Chú giải* giải thích từ *pānadhiṃ* là *upāhanayugaṃ* nên được dịch là đôi dép (*ApA.* I. 448).

[10] *Pulinacaṅkamiya* nghĩa là "vị liên quan đến đường kinh hành (*caṅkama*) rải cát (*pulina*)."

XLIX. PHẨM PAṂSUKŪLA
(*PAṂSUKŪLAVAGGO*)

481. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṂSUKŪLASAÑÑAKA
(*Paṃsukūlasaññakattherāpadānaṃ*)

5031. Đức Thế Tôn, bậc Tự Chủ tên Tissa là nhân vật cao cả. Sau khi cởi ra tấm y may từ vải bị quăng bỏ, đấng Chiến Thắng đã đi vào trú xá.

5032. Sau khi cầm lấy cây cung đã được uốn cong, tôi đã bước đi vì nhu cầu thức ăn. Tôi đã nắm lấy con dao cong và đã đi vào khu rừng rậm.

5033. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây tại nơi ấy. Tôi đã để cây cung xuống ngay tại nơi ấy và đã chắp tay lên ở đầu.

5034. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ với niềm phỉ lạc dạt dào.

5035. [Kể từ khi] tôi đã đảnh lễ tấm y may từ vải bị quăng bỏ trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc đảnh lễ.

5036. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5037. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5038. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṃsukūlasaññaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṃsukūlasaññaka" là phần thứ nhất.

482. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BUDDHASAÑÑAKA
(*Buddhasaññakattherāpadānaṃ*)

5039. [Tôi] là vị giảng huấn, thông thạo về chú thuật, thông suốt về ba tập Vệ-đà, về tướng mạo, về truyền thống gồm cả văn tự và nghi thức.

---

[1] *Paṃsukūlasaññaka* nghĩa là "vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ (*paṃsukūla*)."

5040. Lúc bấy giờ, những người học trò đi đến với tôi tợ như làn nước chảy ở dòng sông. Tôi dạy bọn họ về các chú thuật, đêm ngày không biếng nhác.

5041. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác Siddhattha đã hiện khởi ở thế gian. Sau khi xua đi điều tăm tối ấy, Ngài đã vận hành ánh sáng của trí tuệ.

5042. Tôi có người đệ tử nọ, vị ấy đã thuật lại cho các đệ tử của tôi. Khi ấy, sau khi nghe được sự việc này, bọn họ đã nói với tôi rằng:

5043. "Đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Lãnh Đạo Thế Gian đã hiện khởi ở trên đời. Dân chúng đi theo vị ấy, lợi lộc cho chúng ta sẽ không còn."

5044. [Tôi đã nói rằng:] "Chư Phật, các bậc Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao là những vị hiếm khi hiện khởi. Hay là ta nên nhìn thấy đức Phật tối thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian?"

5045. Tôi đã cầm lấy tấm da dê, bộ y phục vỏ cây và túi đựng nước của tôi rồi đã rời khỏi khu ẩn cư. Tôi đã thông báo với các đệ tử rằng:

5046. "Tương tợ như bông hoa của cây odumbara và chú thỏ ở mặt trăng, tương tợ như sữa của các con quạ, chư vị Lãnh Đạo Thế Gian là điều hy hữu.

5047. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian cũng như [được sanh vào] bản thể nhân loại là điều hy hữu. Và trong khi có được cả hai, việc nghe [giáo pháp] là điều vô cùng hy hữu.

5048. Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian. Này chư vị, chúng ta sẽ nhận được [Pháp] nhãn của chúng ta. Chư vị hãy đến, tất cả chúng ta sẽ đi gặp đấng Chánh Đẳng Giác."

5049. Khi ấy, tất cả các vị ấy đều mang túi đựng nước, mặc y phục da dê thô xấu, quấn búi tóc rối đã rời khỏi khu rừng.

5050. Những vị tầm cầu mục đích tối thượng [ấy] trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, không còn các vướng bận và sân hận, tợ như những con sư tử không bị hãi sợ.

5051. Ít bị bận rộn, không tham lam, cẩn trọng, có hành vi thanh tịnh, các vị ấy trong khi vừa lo việc kiếm sống vừa đi đến gần đức Phật tối thượng.

5052. Khi chỉ còn một do-tuần rưỡi, có cơn bệnh đã sanh khởi đến tôi. Sau khi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã qua đời ở tại nơi ấy.

5053. Kể từ khi tôi đã đạt được sự suy tưởng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc suy tưởng về đức Phật.

5054. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5055. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5056. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Buddhasaññaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Buddhasaññaka" là phần thứ nhì.

483. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHISADĀYAKA
(*Bhisadāyakattherāpadānaṃ*)

5057. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng] tôi [đã] nhổ lên củ sen ở tại nơi ấy.

5058. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vị Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung.

5059. Khi ấy, trong khi Ngài đang phất phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5060-61. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: "Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng, hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con." Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao, đã ngự xuống.

5062. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng:

5063. "Này người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao."

5064. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung.

5065. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình.

5066. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét trong lúc sấm sét đang nổ ra.

5067. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bị khuỵu xuống, tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy.

5068. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên.

5069. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm, hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5070. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

---

[2] *Buddhasaññaka* nghĩa là "vị tưởng nhớ (*saññaka*) đến đức Phật (*buddha*)."

5071. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, tôi đã được đoạn tận tất cả các lậu hoặc, giờ đây không còn tái sanh nữa.

5072. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

5073. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5074. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5075. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhisadāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka" là phần thứ ba.

484. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ÑĀṆATTHAVIKA
(*Ñāṇatthavikattherāpadānaṃ*)

5076. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo ở phía Nam của núi Hy-mã-lạp. Vào lúc bấy giờ, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi cư ngụ ở trong rừng.

5077. Trong lúc tìm kiếm vị thầy, tôi sống mỗi một mình với rễ và trái cây, hài lòng với việc có hay không có.

5078. Trong khi ấy, đấng Toàn Giác tên Sumedha đã hiện khởi ở thế gian. Trong lúc tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài công bố về bốn sự thật.

5079. Tôi không được nghe về đấng Toàn Giác, cũng không có ai nói với tôi. Khi tám năm đang trôi qua, tôi đã nghe về đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5080. Sau khi dập tắt củi lửa và quét dọn khu ẩn cư, tôi đã cầm lấy gói vật dụng và đã rời khỏi khu rừng.

5081. Trong khi cư ngụ chỉ một đêm ở các ngôi làng và các khu phố chợ, khi ấy theo tuần tự, tôi đã đi đến gần con sông Candavatī.

5082. Vào thời điểm ấy, trong lúc tiếp độ nhiều chúng sanh, đức Thế Tôn, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha thuyết giảng về vị thế bất tử.

5083. Tôi đã vượt qua đám đông người và đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng sánh tợ đại dương. Tôi đã khoác tấm da dê một bên vai rồi đã ngợi ca đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng:

5084. "Ngài là đấng Tối Thượng Của Loài Người, là bậc Thầy, là biểu hiệu, là ngọn cờ, là mục đích tối cao, là nơi nương tựa, là sự nâng đỡ, là ngọn đèn của chúng sanh.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi mốt).

---

[3] *Bhisadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) củ sen (*bhisa*)."

5085. Bạch bậc Hiền Trí, Ngài là bậc khôn khéo về kiến thức, là đấng Anh Hùng đã giúp cho chúng sanh vượt qua, ở thế gian không có người nào khác là đấng Tiếp Độ, không ai là trội hơn Ngài.

5086. Biển cả vĩ đại hiển nhiên là có thể đo lường bằng đầu ngọn cỏ kusa, tuy nhiên bạch đấng Toàn Tri, trí tuệ của Ngài là không thể đo lường được.

5087. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau khi đặt trái đất lên đĩa cân là có thể xác định, tuy nhiên sự đo lường trí tuệ của Ngài là không thể có.

5088. Không gian có thể ước lượng bằng sợi dây thừng hoặc bằng ngón tay, tuy nhiên, bạch đấng Toàn Tri, giới hạnh của Ngài là không thể đo lường.

5089. Bạch đấng Hữu Nhãn, nước ở đại dương, bầu trời và trái đất, những vật này là có thể đo lường, còn Ngài là không thể đo lường."

5090. Sau khi đã tán dương đấng Toàn Tri có danh vọng lớn lao bằng sáu câu kệ, khi ấy tôi đã chắp tay lên rồi đứng im lặng.

5091. Người ta nói về người có tuệ bao la, sáng suốt là "Sumedha". Ngài đã ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và đã nói lên những lời kệ này:

5092. "Người nào, được tịnh tín, đã tán dương trí tuệ của Ta bằng tâm ý của mình, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

5093. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong bảy mươi bảy kiếp, và sẽ là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc một ngàn lần.

5094. Và [người này] sẽ là đấng Chuyển Luân Vương hàng trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5095. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là nhân loại, [người này] được tụ hội với nghiệp phước thiện, sẽ có tuệ sắc bén, tâm tư không bị kém sút.

5096. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5097. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ xuất gia, không còn sở hữu gì, và sẽ chạm đến phẩm vị A-la-hán vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh."

5098. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được giáo pháp, trong khoảng thời gian này, tôi không biết đến tâm tư không được thích ý.

5099. Tôi đã luân hồi ở tất cả các cõi và đã thọ hưởng đầy đủ, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5100. Ba ngọn lửa [tham, sân, si] của tôi đã được dập tắt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

5101. Kể từ khi tôi đã ngợi ca trí tuệ trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ngợi ca trí tuệ.

5102. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5103. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5104. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ñāṇatthavika[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ñāṇatthavika" là phần thứ tư.

485. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CANDANAMĀLIYA
(*Candanamāliyattherāpadānaṃ*)

5105. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, các sắc yêu quý, các vật thích ý, tôi đã từ bỏ tám mươi *koṭi* và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5106. Sau khi xuất gia, tôi đã tránh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ ác hạnh do khẩu, tôi cư ngụ ở bờ sông.

5107. Trong khi tôi đang sống mỗi một mình, đức Phật tối thượng đã đi đến gặp tôi. Tôi không biết về "đức Phật". Tôi đã thực hiện việc chào hỏi.

5108. Sau khi thực hiện việc chào hỏi, tôi đã hỏi tên và dòng họ: "Phải chăng Ngài là thiên thần, là vị càn-thát-bà, hay là Chúa của chư thiên Sakka?

5109. Ngài là ai? Là con trai của ai? Phải chăng vị Đại Phạm thiên đã đi đến nơi đây? Ngài tỏa sáng tất cả các phương, giống như là mặt trời đang mọc.

5110. Thưa Ngài, một ngàn cây căm bánh xe được thấy ở bàn chân. Ngài là ai? Là con trai của ai? Làm thế nào chúng tôi nhận biết Ngài? Xin Ngài cho biết tên và dòng họ, xin Ngài hãy xua đi nỗi nghi hoặc của tôi."

5111. "Ta không phải là thiên thần, không phải là càn-thát-bà, cũng không phải là Chúa của chư thiên Sakka. Và Ta cũng không có bản thể của Phạm thiên, đối với các vị này Ta là bậc Tối Thượng.

5112. Ta đã vượt lên phạm vi của các vị ấy, Ta đã cắt lìa sự trói buộc của các dục. Sau khi thiêu đốt tất cả các phiền não, Ta đạt đến phẩm vị Toàn giác tối thượng."

5113. Sau khi lắng nghe lời nói của vị ấy, tôi đã nói lời nói này: "Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu Ngài là đức Phật, đấng Toàn Tri, bậc Đoạn Tận Khổ Đau, xin thỉnh Ngài ngồi xuống, tôi sẽ cúng dường Ngài."

5114. Tôi đã trải ra tấm da dê và tôi đã dâng cúng đến đấng Đạo Sư. Đức Thế Tôn đã ngồi xuống ở tại nơi ấy, tợ như con sư tử [ngồi xuống] ở hang núi.

5115. Tôi đã cấp tốc leo lên ngọn núi và đã hái trái xoài, bông hoa sāla xinh xắn và gỗ trầm hương vô cùng giá trị.

5116. Tôi đã mau mắn nâng lên tất cả các thứ ấy và đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Tôi đã dâng cúng trái cây và đã cúng dường bông hoa sāla đến đức Phật.

---

[4] *Ñāṇatthavika* nghĩa là "vị ngợi ca (*thavika*) về trí tuệ (*ñāṇa*)."

5117. Với tâm hoan hỷ, với ý vui mừng, tôi đã thoa trầm hương và đã đảnh lễ bậc Đạo Sư với niềm phỉ lạc dạt dào.

5118. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ngồi xuống ở tấm da dê. Trong khi làm cho tôi được hoan hỷ, Ngài đã tán dương việc làm của tôi rằng:

5119. "Do cả hai việc dâng cúng trái cây cùng với hương thơm tràng hoa này, [người này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong hai trăm năm mươi kiếp, và sẽ trở thành người vận dụng quyền lực với tâm tư không bị sút kém.

5120. [Người này] sẽ đi đến bản thể nhân loại trong hai ngàn sáu trăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương có đại thần lực [chinh phục] bốn phương.

5121. Có thành phố tên là Vebhāra toàn bằng vàng được tô điểm với châu báu các loại sẽ được hóa hiện ra bởi vị thần Vissakamma.

5122. Theo phương cách này đây, người ấy sẽ luân hồi các cõi. Dầu ở bản thể thiên nhân hay nhân loại, [người này] sẽ được tôn vinh ở khắp mọi nơi. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, [người này] sẽ là thân quyến của đấng Phạm thiên.[5]

5123. Sau khi lìa khỏi gia đình, [người này] sẽ trở thành người không có gia đình, sẽ thông suốt về các thắng trí và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

5124. Nói xong điều này, trong lúc tôi đang trầm tư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha đã ra đi bằng đường không trung.

5125. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5126. Sau khi mệnh chung từ cõi trời Đẩu-suất, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Khi tôi sống ở trong bào thai, tôi không có thiếu hụt về sự thọ hưởng.

5127. Khi tôi đã ở trong bụng mẹ, do ước muốn của tôi, thức ăn, nước uống và vật thực cho người mẹ được sanh lên theo như ước muốn.

5128. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Khi tóc [cạo] được rơi xuống, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5129. Trong lúc suy tầm về nghiệp quá khứ, tôi đã nhìn thấy không phải là kém cỏi, tôi đã nhớ lại việc làm của tôi trong ba mươi ngàn kiếp.

5130. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi đi đến với giáo pháp của Ngài, con đã đạt được vị thế bất động."

5131. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5132. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[5] Nghĩa là sẽ thuộc dòng dõi Bà-la-môn. (ND)

5133. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5134. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Candanamāliya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Candanamāliya" là phần thứ năm.

486. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHĀTUPŪJAKA
(*Dhātupūjakattherāpadānaṃ*)

5135. Khi đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết-bàn, tôi đã đưa các thân quyến của tôi đến và tôi đã thực hiện việc cúng dường Xá-lợi.

5136. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi.

5137. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5138. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5139. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhātupūjaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhātupūjaka" là phần thứ sáu.

487. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINUPPĀDAKA
(*Pulinuppādakattherāpadānaṃ*)

5140. Ở ngọn núi Hy-mã-lạp, [tôi là] vị đạo sĩ khổ hạnh tên Devaḷa. Con đường kinh hành của tôi ở tại nơi ấy đã được tạo nên bởi các vị phi nhân.

5141. Lúc bấy giờ, [tôi] là vị quấn búi tóc rối, mang túi đựng nước, trong khi tầm cầu mục đích tối thượng, tôi đã rời khỏi khu rừng bao la.

5142. Khi ấy, tám mươi bốn ngàn người đệ tử đã phục vụ tôi. Được sanh ra theo nghiệp của mình, các vị sống ở trong khu rừng bao la.

5143. Sau khi rời khỏi khu ẩn cư, tôi đã tạo nên ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã gom góp các bông hoa các loại và đã cúng dường ngôi bảo tháp ấy.

5144. Ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tính, tôi đi vào khu ẩn cư. Tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã hỏi tôi về sự việc này:

---

[6] *Candanamāliya* nghĩa là "vị liên quan đến trầm hương (*candana*) và tràng hoa (*mālā*)."

[7] *Dhātupūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) Xá-lợi (*Dhātu*)."

5145. "Chúng tôi cũng muốn biết ngài sẽ lễ bái vị thiên thần nào ở ngôi bảo tháp đã được xây dựng bằng cát. Được hỏi, xin ngài hãy giải thích cho chúng tôi."

5146. "Các đấng Hữu Nhãn có danh vọng lớn lao đã được xác định rõ ở trong câu chú thuật của chúng ta. Đương nhiên, ta lễ bái các vị Phật tối thượng có danh vọng lớn lao ấy."

5147. "Các bậc Đại Hùng, các đấng Toàn Tri, các vị Lãnh Đạo Thế Gian ấy là như thế nào? Màu da thế nào? Giới hạnh thế nào? Các vị có danh vọng lớn lao ấy là như thế nào?"

5148. "Chư Phật có ba mươi hai tướng mạo và còn có bốn mươi cái răng. Với lông mi dài như của bò cái tơ, các con mắt của các vị ấy trông giống như trái cam thảo rừng.

5149. Và trong khi bước đi, chư Phật ấy chỉ nhìn với khoảng cách của cán cày. Đầu gối của các vị ấy không phát tiếng, âm thanh của các khớp không nghe được.

5150. Và trong khi bước đi, các đấng Thiện Thệ bước đi đều nhấc lên bàn chân phải trước tiên; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5151. Và chư Phật ấy không bị hãi sợ tương tợ như con sư tử, vua của loài thú. Các vị chẳng bao giờ ca tụng bản thân và không khinh miệt các hạng chúng sanh.

5152. Được thoát khỏi sự kiêu ngạo và chê bai, là bình đẳng đối với tất cả sanh linh, chư Phật là những vị không ca tụng chính mình; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5153. Và trong khi được sanh ra, chư Phật Toàn Giác ấy thị hiện ánh sáng và làm toàn thể trái đất này rung chuyển theo sáu cách.

5154. Và chư vị này nhìn thấy địa ngục, khi ấy, địa ngục được tiêu diệt, có đám mây lớn đổ mưa; điều này là trạng thái tự nhiên của chư Phật.

5155. Các bậc Long Tượng ấy là như thế, và có danh vọng lớn lao không thể sánh bằng, không bị vượt trội về thể hình, các đấng Như Lai là vô lượng."

5156. Tất cả các người đệ tử đã tùy hỷ những lời nói của tôi với sự kính trọng. Và họ đã thực hành theo đúng như thế, tùy theo sức mạnh, tùy theo năng lực.

5157. Trong khi tin tưởng lời nói của tôi, những đệ tử có sự mong mỏi về nghiệp của mình tôn vinh [ngôi bảo tháp] cát với tâm ý hướng về bản thể đức Phật.

5158. Vào lúc bấy giờ, vị thiên tử có danh vọng lớn lao, sau khi mệnh chung ở cõi trời Đẩu-suất đã sanh vào bụng mẹ, mười ngàn thế giới đã rung động.

5159. Tôi đã đứng ở đường kinh hành không xa khu ẩn cư. Tất cả các đệ tử đã tụ tập lại và đã đi đến ở bên tôi [hỏi rằng]:

5160. "Trái đất gầm thét như loài bò mộng, rống lên như loài sư tử, khuấy động như loài cá sấu, sẽ có hậu quả gì đây?"

5161. "Đấng Toàn Giác mà ta tán dương lúc ở gần ngôi bảo tháp bằng cát, giờ đây đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư ấy đã nhập vào bụng mẹ."

5162. Sau khi thực hiện việc giảng pháp cho họ và tán dương bậc Đại Hiền Trí, tôi đã giải tán các đệ tử của mình rồi đã xếp vào thế kiết-già.

5163. Và sức lực của tôi quả nhiên đã cạn kiệt, tôi đã bị bệnh một cách trầm trọng. Tôi đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng và đã mệnh chung ở tại nơi ấy.

5164. Khi ấy, tất cả các người đệ tử đã tụ hội lại và đã thực hiện giàn hỏa thiêu. Và sau khi cầm lấy thi thể của tôi, họ đã đặt lên giàn hỏa thiêu.

5165. Các vị ấy đã tụ hội lại, vây quanh giàn hỏa thiêu và đã chắp tay lên ở đầu. Bị ưu phiền bởi mũi tên sầu muộn, các vị ấy đã khóc rống lên.

5166. Trong khi các vị ấy đang than vãn, tôi đã đi đến gần giàn hỏa thiêu [nói rằng]: "Này các bậc trí tuệ, ta là thầy của các ngươi, các ngươi chớ có sầu muộn.

5167. Các ngươi hãy nên nỗ lực cho lợi ích của mình, đêm ngày không biếng nhác. Các ngươi chớ trở nên xao lãng, thời khắc của các ngươi đã được xếp đặt."

5168. Sau khi chỉ dạy các đệ tử của mình, tôi đã trở lại thế giới chư thiên. Và tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười tám kiếp.

5169. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần, và đã cai quản thiên quốc hàng trăm lần.

5170. Trong những kiếp còn lại, tôi đã luân hồi xen lẫn [ở cõi trời và cõi người], tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường cát.

5171. Giống như vào tháng Komudī, có nhiều giống cây trổ hoa. Tương tợ y như thế, nhờ bậc Đại Ẩn Sĩ, tôi cũng được trổ hoa vào thời điểm.

5172. Chính sự tinh tấn là có khả năng tiến hành các phận sự, là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5173. [Kể từ khi] tôi đã tán dương đức Phật trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

5174. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5175. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5176. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinuppādaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinuppādaka" là phần thứ bảy.

488. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TARAṆIYA (*Taraṇiyattherāpadānaṃ*)

5177. Đức Thế Tôn Atthadassī, bậc Tự Chủ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, đức Như Lai đã đi đến gần bờ của con sông Vinakā.

5178. Là loài rùa di chuyển ở trong nước, có ý định đưa đức Phật vượt qua, tôi đã đi ra khỏi nước và đã đi đến gần đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

5179. "Xin đức Phật Atthadassī, bậc Đại Hiền Trí hãy bước lên người con, con sẽ đưa Ngài vượt qua. Ngài là bậc Đoạn Tận Khổ Đau."

5180. Sau khi biết được ý định của tôi, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Atthadassī có danh vọng lớn lao đã bước lên và đứng ở trên lưng của tôi.

5181. Từ khi tôi nhớ lại bản thân, từ khi tôi đạt được hiểu biết, tôi chưa từng có sự sung sướng dường thế ấy, giống như khi được lòng bàn chân [Ngài] chạm đến.

5182. Sau khi vượt qua, đấng Toàn Giác Atthadassī có danh vọng lớn lao đã đứng ở bờ sông và đã nói lên những lời kệ này:

5183. "Ngay khi tâm vừa nghĩ rằng: 'Ta [sẽ] vượt qua dòng nước chảy của con sông', và con rùa chúa có trí tuệ này đã đưa Ta vượt qua.

5184. Do sự vượt qua này của đức Phật và do sự hành trì tâm từ ái, [đối tượng này] sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên trong một ngàn tám trăm kiếp.

5185. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, [đối tượng này] ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy, sẽ vượt qua dòng chảy nghi hoặc."

5186. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng tốt đẹp, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu.

5187. Tương tợ y như thế, thửa ruộng đức Phật này đã được thuyết giảng bởi đấng Chánh Đẳng Giác, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả sẽ làm tôi hài lòng.

5188. Có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, tôi được an tịnh, không còn mầm mống tái sanh. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

5189. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc vượt qua.

5190. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[8] *Pulinuppādaka* nghĩa là "vị tạo nên (*uppādaka*) ngôi bảo tháp bằng cát (*pulina*)."

5191. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5192. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Taraṇiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Taraṇiya" là phần thứ tám.

489. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DHAMMARUCI
(*Dhammarucittherāpadānaṃ*)

5193. Vào lúc đức Phật, đấng Chiến Thắng Dīpaṅkara đã chú nguyện cho [vị ẩn sĩ] Sumedha rằng: "Vô lượng kiếp về sau, vị này sẽ trở thành đức Phật.

5194. Người mẹ sanh ra vị này sẽ có tên là Māyā. Người cha tên là Suddhodana. Vị này sẽ là Gotama.

5195. Sau khi đã ra sức nỗ lực và thực hiện hành động khó thực hành được, vị này sẽ được giác ngộ ở gốc cội cây Assattha, trở thành bậc Toàn Giác có danh vọng lớn lao.

5196. Upatissa và Kolita sẽ là [hai vị] Thinh văn hàng đầu. Vị thị giả tên là Ānanda sẽ phục vụ đấng Chiến Thắng này.

5197. Khemā và Uppalavaṇṇā sẽ là [hai vị] nữ Thinh văn hàng đầu. Citta và luôn cả Āḷavaka sẽ là hai nam cư sĩ hàng đầu.

5198. Khujjuttarā và Nandamātā sẽ là hai nữ cư sĩ hàng đầu. Cội Bồ-đề của đấng Chiến Thắng này được gọi tên là 'Assattha'."[10]

5199. Sau khi nghe được lời nói này của bậc Đại Ẩn Sĩ không ai sánh bằng, chư thiên và nhân loại được hoan hỷ, chắp tay lên lễ bái.

5200. Khi ấy, tôi đã là người trai trẻ khéo được học tập tên Megha. Tôi đã nghe được lời chú nguyện thù thắng của bậc Đại Hiền Trí đến vị Sumedha.

5201. Có được niềm tin với vị Sumedha đầy lòng bi mẫn, trong khi vị anh hùng ấy đang hành hạnh xuất gia, tôi đã cùng xuất gia [với vị ấy].

5202. Tôi đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan, có sự nuôi mạng trong sạch, có niệm, là vị anh hùng, là người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5203. Trong khi đang an trú như thế, do một người bạn xấu xa nào đó, tôi bị xúi giục vào hành vi sai trái và đã đánh mất đạo lộ tốt đẹp.

5204. Là người bị tác động bởi sự suy tầm, tôi đã xa lìa lời giáo huấn. Sau đó, vì người bạn tồi ấy, tôi đã phạm vào việc giết chết người mẹ.

---

[9] *Taraṇiya* nghĩa là "vị liên quan đến việc vượt qua (*taraṇa*)."

[10] Xem lời chú nguyện đầy đủ ở tập Buddhavaṃsa (Phật sử), trang…

5205. Tôi đã thực hiện nghiệp vô gián, với tâm ý xấu xa, tôi đã giết chết [người mẹ]. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến đại địa ngục Avīci vô cùng khiếp đảm.

5206. Trong khi đang ở chốn đọa đày, bị khổ sở, tôi đã chịu đựng dài lâu. Tôi đã không nhìn thấy vị Anh Hùng Sumedha, bậc Cao Quý Của Loài Người nữa.

5207. Trong kiếp này, tôi đã là loài cá khổng lồ ở biển cả. Sau khi nhìn thấy con thuyền ở biển khơi, tôi đã đến gần mục tiêu của việc kiếm mồi.

5208. Sau khi nhìn thấy tôi, các người thương buôn kinh sợ đã tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng. Tôi đã nghe tiếng kêu lớn "Gotama" đã được thốt lên bởi những người ấy.

5209. Sau khi nhớ lại sự hiểu biết trước đây, từ nơi ấy, tôi đã mệnh chung. Tôi đã được sanh ra trong gia đình sung túc, dòng dõi Bà-la-môn ở thành Sāvatthi.

5210. Có tên là Dhammaruci, tôi đã là người ghê tởm tất cả các điều ác. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã nhìn thấy bậc Quang Đăng Của Thế Gian.

5211. Tôi đã đi đến tu viện Jetavana to lớn và đã xuất gia, vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến [nương nhờ] đức Phật ba lần vào ban đêm và ban ngày.

5212. Khi ấy, bậc Hiền Trí đã nhìn thấy và đã nói với tôi rằng: "Này Dhammaruci, lâu thật." Do đó, tôi đã nói với đức Phật về sự việc quá khứ đã xảy ra:

5213. "Thật là lâu lắm, hôm nay con quả nhiên được nhìn thấy hình dáng xinh đẹp của Ngài, thân thể không gì sánh bằng, có một trăm phước tướng, là vật làm duyên đưa đến Niết-bàn trước đây.

5214. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bóng tối đã được Ngài tiêu diệt lâu lắm rồi. Dòng sông [ái dục] đã được làm cho khô cạn nhờ vào sự hộ trì tốt đẹp. Sự ô nhiễm đã được làm trong sạch lâu lắm rồi. Con mắt đã có được cấu tạo bằng trí tuệ.

5215. Bạch đức Gotama, con được gần gũi với Ngài trong thời gian dài, con đã không bị tiêu hoại lần nữa trong khoảng thời gian dài. Hôm nay, con được hội tụ với Ngài lần nữa bởi vì những việc đã làm không bị hoại diệt."

5216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dhammaruci đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dhammaruci" là phần thứ chín.

490. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĀLAMAṆḌAPIYA
(*Sālamaṇḍapiyattherāpadānaṃ*)

5219. Vào lúc ấy, tôi đã đi sâu vào rừng cây sāla. Khu ẩn cư của tôi được xây dựng khéo léo, được phủ lên bởi những bông hoa sāla, tôi cư ngụ ở khu rừng.

5220. Và đức Thế Tôn Piyadassī, đấng Tự Chủ, là nhân vật cao cả. Có ước muốn độc cư, bậc Toàn Giác đã đi đến khu rừng cây sāla.

5221. Khi ấy, tôi đã rời khỏi khu ẩn cư và đã đi đến khu rừng. Trong khi tìm kiếm rễ và trái cây, tôi đi lang thang ở trong rừng bao la.

5222. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác Piyadassī, bậc Có Danh Vọng Lớn Lao, ngồi vững chãi, thể nhập [định], đang chói sáng ở trong khu rừng lớn.

5223. Tôi đã dựng bốn cây gậy và đã tạo nên mái che, được làm khéo léo ở phía bên trên của đức Phật, rồi đã phủ lên bằng các bông hoa sāla.

5224. Tôi đã cầm giữ mái che được phủ lên bằng bông hoa sāla trong bảy ngày. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ đức Phật tối thượng.

5225. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn đã xuất khỏi định. Trong khi nhìn với khoảng cách của cán cày, bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống.

5226. Vị Thinh văn của bậc Đạo Sư Piyadassī tên là Varuṇa cùng với một trăm ngàn vị có năng lực đã đi đến gặp đấng Hướng Đạo.

5227. Và đức Thế Tôn Piyadassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu, bậc Chiến Thắng sau khi ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu đã để lộ nụ cười.

5228. Anuruddha, vị thị giả của bậc Đạo Sư Piyadassī đã khoác y một bên vai rồi đã hỏi bậc Đại Hiền Trí rằng:

5229. "Bạch đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư để lộ nụ cười trong khi biết được lý do, vậy nguyên nhân của việc thể hiện nụ cười của bậc Đạo Sư là gì?"

5230. "Ta đã nhớ lại việc làm của người trai trẻ đã cầm giữ mái che bằng bông hoa cho Ta trong bảy ngày, nên Ta đã để lộ nụ cười.

5231. Ta không nhìn thấy khoảng không gian nào dung chứa được phước báu, và không khoảng không gian nào được như ý dầu ở thế giới chư thiên hay nhân loại.

5232. Đối với người có được nghiệp phước thiện đang sinh sống ở thế giới chư thiên, cho đến hội chúng của người ấy sẽ được phủ lên bởi bông hoa sāla.

5233. Tại đó, trong khi nghiệp phước thiện đã được hội tụ, người ấy sẽ luôn luôn vui sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của thiên đình.

5234. Cho đến hội chúng của người ấy sẽ có được hương thơm hạng nhất. Và sẽ có cơn mưa bông hoa sāla rơi xuống liền khi ấy.

5235. Mệnh chung từ nơi ấy, người nam này sẽ đi đến cõi nhân loại. Thậm chí ở nơi đây cũng có mái che bằng bông hoa Sāla, được duy trì trong mọi thời điểm.

5236. Ở nơi đây, điệu vũ và lời ca được kết hợp với [âm thanh của] chũm chọe, sẽ thường xuyên vây quanh người này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5237. Và khi mặt trời đang mọc lên, sẽ có cơn mưa bông hoa sāla rơi xuống. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, [bông hoa Sāla] đổ mưa vào mọi thời điểm.

5238. Vào một ngàn tám trăm kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5239. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5240. Sẽ có mái che bông hoa sāla cho người này khi đang chứng ngộ giáo pháp. Trong khi người này đang được thiêu đốt ở giàn hỏa thiêu, sẽ có mái che ở tại nơi ấy."

5241. Sau khi tán dương quả thành tựu, trong khi làm hài lòng hội chúng với cơn mưa giáo pháp, bậc Đại Hiền Trí Piyadassī đã thuyết giảng giáo pháp.

5242. Tôi đã cai quản thiên quốc của chư thiên trong ba mươi kiếp. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương sáu mươi bảy lần.

5243. Sau khi từ thế giới chư thiên đi đến nơi đây, tôi nhận được sự an lạc lớn lao. Thậm chí ở nơi đây cũng sẽ có mái che bông hoa sāla trong mọi thời điểm.

5244. Sau khi đã làm hài lòng bậc Đại Hiền Trí Gotama, đấng Cao Quý dòng Sakya, sau khi từ bỏ sự hơn thua, tôi đã đạt được vị thế bất động.

5245. Kể từ khi tôi đã cúng dường đức Phật trước đây một ngàn tám trăm kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sālamaṇḍapiya đã nói lên những lời kệ này như thế.

"Ký sự về Trưởng lão Sālamaṇḍapiya" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Tấm y may từ vải bị quăng bỏ, vị tưởng nhớ đến đức Phật, vị dâng cúng củ sen, vị tán dương trí tuệ, vị có trầm hương, vị cúng dường Xá-lợi, vị tái sanh do cát, vị vượt qua, vị Dhammaruci, vị có mái che bông hoa sāla là tương tợ. Có hai trăm câu kệ và thêm vào mười chín câu nữa.

Phẩm Saṃsukūla là phẩm thứ năm mươi mốt.

L. PHẨM TIKIṄKAṆIPUPPHIYA
(*TIKIṄKAṆIPUPPHIYAVAGGO*)

491. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKIṄKAṆIPUPPHIYA
(*Tikiṅkaṇipupphiyattherāpadānaṃ*)

5249. Tôi đã nhìn thấy đức Phật Vipassī, vị không còn ô nhiễm, đấng Lãnh Đạo Thế Gian ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng tợ như là cây kaṇikāra.

5250. Tôi đã lấy ra ba bông hoa kiṅkaṇi và đã dâng lên [Ngài]. Sau khi đã cúng dường đấng Toàn Giác, tôi đi [nhiễu quanh Ngài], mặt hướng phía phải.

5251. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5252. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5253. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5254. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5255. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikiṅkaṇipupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikiṅkaṇipupphiya" là phần thứ nhất.

492. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PAṂSUKŪLAPŪJAKA
(*Paṃsukūlapūjakattherāpadānaṃ*)

5256. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Udaṅgaṇa. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy tấm y may từ vải bị quăng bỏ được treo ở ngọn cây.

5257. Khi ấy, sau khi hái xuống ba bông hoa kiṅkaṇi, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã cúng dường [ba bông hoa] đến tấm y may từ vải bị quăng bỏ.

---

[1] *Tikiṅkaṇipupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa (*puppha*) kiṅkaṇi."

5258. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5259. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh sau khi đã cúng dường đến biểu tượng của bậc A-la-hán [tấm y].

5260. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5261. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5262. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Paṃsukūlapūjaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Paṃsukūlapūjaka" là phần thứ nhì.

493. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KORAṆḌAPUPPHIYA
(*Koraṇḍapupphiyattherāpadānaṃ*)

5263. Trước đây, tôi đã là người thợ rừng cùng với cha và ông. Tôi sinh sống nhờ vào việc giết thú rừng. Điều tốt lành của tôi là không có.

5264. Do lòng thương tưởng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Tissa, bậc Hữu Nhãn đã lưu lại ba [dấu] bàn chân ở xung quanh chỗ cư ngụ của tôi.

5265. Và sau khi nhìn thấy ba [dấu] bàn chân đã đi qua của bậc Đạo Sư tên Tissa, tôi đã trở nên mừng rỡ. Với tâm mừng rỡ, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở [dấu] bàn chân.

5266. Sau khi nhìn thấy cây koraṇḍa mọc ở trên đất đã được trổ hoa, tôi đã hái một nhúm [bông hoa] và đã cúng dường ở [dấu] bàn chân tối thượng.

5267. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5268. Nơi chốn nào tôi sanh lên, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi có làn da [màu bông hoa] koraṇḍa, tôi có được vẻ ngời sáng.

5269. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường [dấu] bàn chân [đức Phật].

5270. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[2] *Paṃsukūlapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) tấm y may từ vải bị quăng bỏ (*paṃsukūla*)."

5271. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5272. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Koraṇḍapupphiya[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Koraṇḍapupphiya" là phần thứ ba.

494. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIṂSUKAPUPPHIYA (*Kiṃsukapupphiyattherāpadānaṃ*)

5273. Sau khi nhìn thấy cây kiṃsuka được trổ hoa, tôi đã chắp tay lên. Sau khi tưởng nhớ đến đức Phật tối thượng, tôi đã cúng dường ở không trung.

5274. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5275. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5276. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5277. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5278. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kiṃsukapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kiṃsukapupphiya" là phần thứ tư.

495. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UPAḌḌHADUSSADĀYAKA (*Upaḍḍhadussadāyakattherāpadānaṃ*)

5279. Lúc bấy giờ, vị Thinh văn tên Sujāta của đức Thế Tôn Padumuttara, trong lúc tìm kiếm vải bị quăng bỏ, đã đi quanh quẩn ở đống rác.

5280. Là người làm thuê cho những người khác ở trong thành phố Haṃsavatī, tôi đã dâng cúng một nửa số vải và đã đê đầu đảnh lễ [vị ấy].

5281. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5282. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi ba lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương bảy mươi bảy lần.

---

[3] *Koraṇḍapupphiya* nghĩa là "vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) koraṇḍa."

[4] *Kiṃsukapupphiya* nghĩa là "vị có liên quan đến bông hoa (*puppha*) kiṃsuka."

5283. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do việc dâng cúng một nửa số vải, tôi được vui vẻ, sự sợ hãi không có.

5284. Và hôm nay, trong khi mong muốn tôi có thể che phủ [hết thảy] núi non và rừng rậm bằng các tấm vải sợi lanh; điều này là quả báo của một nửa số vải.

5285. Kể từ khi tôi đã dâng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một nửa số vải.

5286. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5287. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5288. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Upaḍḍhadussadāyaka" là phần thứ năm.

496. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHATAMAṆḌADĀYAKA
(*Ghatamaṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

5289. Đã suy nghĩ tận tường, đức Thế Tôn, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian, đấng Nhân Ngưu đã đi vào khu rừng lớn và đã bị hành hạ bởi bệnh gió. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã đem lại bơ lỏng nguyên chất.

5290. Do bản thân đã được thực hành, do bản thân đã được tích lũy [thiện nghiệp], dòng sông Bhāgīrathī này và bốn đại dương tự cung cấp bơ lỏng cho tôi.

5291. Và quả đất kinh khủng, không thể đo lường, không thể ước lượng này, hiểu biết được ước muốn của tôi, trở thành tinh thể mật ngọt [cho tôi].

5292. Từ bốn châu lục, các giống cây này là loài thảo mộc, mọc ở trên đất, hiểu biết được ước muốn của tôi, chúng trở thành những cây như ý [cho tôi].

5293. Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc năm mươi lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm mươi một lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5294. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi sáu kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của phần bơ lỏng nguyên chất.

5295. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[5] *Upaḍḍhadussadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một nửa (*upaḍḍha*) số vải."

5296. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5297. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ghatamaṇḍadāyaka" là phần thứ sáu.

497. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UDAKADĀYAKA
(*Udakadāyakattherāpadānaṃ*)

5298. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bình nước uống đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng của đức Phật Padumuttara.

5299. Dầu ở trên đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung hoặc ở trên đất liền, khi nào tôi muốn nước uống, [nước uống] hiện ra cho tôi ngay tức khắc.

5300. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng nước.

5301. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5302. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5303. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Udakadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Udakadāyaka" là phần thứ bảy.

498. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PULINATHŪPIYA
(*Pulinathūpiyattherāpadānaṃ*)

5304. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Yamaka, có khu ẩn cư của tôi đã khéo được xây dựng, có gian nhà rộng bằng lá đã khéo được tạo lập.

5305. [Tôi] là vị đạo sĩ tóc bện tên Nārada có sự khổ hạnh cao tột. Mười bốn ngàn người đệ tử sống quanh tôi.

5306. Lúc bấy giờ, trong khi đang thiền tịnh tôi đã suy nghĩ như vầy: "Tất cả mọi người tôn vinh ta. Ta không tôn vinh bất cứ ai.

5307. Ta không có vị giáo giới, không biết đến bất cứ vị diễn giả nào. Ta đi đến cư ngụ ở trong rừng, không có thầy giáo thọ và thầy tế độ.

---

[6] *Ghatamaṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) bơ lỏng (*ghata*) nguyên chất (*maṇḍa*)."

[7] *Udakadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nước (*udaka*)."

5308. Đối với ta, không có thầy giáo thọ để ta phục vụ với tâm cung kính, trong lúc kề cận thì sự cư ngụ ở rừng là không có ý nghĩa.

5309. Như thế, ta sẽ tự tìm kiếm vị thầy đáng kính, đáng thọ nhận sự cúng dường của ta. Ta sẽ sống có sự hỗ trợ, không người nào sẽ trách móc."

5310. Không xa khu ẩn cư của tôi, có con sông nhỏ với bờ nước lúp xúp, có bãi nước cạn khéo được thiết lập, được trải lớp cát vô cùng trong sạch, làm thích ý.

5311. Khi ấy, tôi đã đi đến con sông tên là Amarikā. Tôi đã gom cát lại và đã thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát.

5312. "Những vị nào đã là các bậc Toàn Giác, là những vị Hiền Trí có sự đoạn tận việc tái sanh, ngôi bảo tháp như thế này là dành cho các vị ấy"; tôi đã làm điều ấy trở thành ấn chứng.

5313. Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp cát, tôi đã biến hóa thành vàng. Tôi đã cúng dường ba ngàn bông hoa kiṅka bằng vàng.

5314. Tràn đầy niềm phấn khởi, tôi chắp tay lên lễ bái sáng chiều. Tôi đã đảnh lễ ngôi bảo tháp cát như là đảnh lễ bậc Toàn Giác ở trước mặt.

5315. Mỗi khi các điều ô nhiễm là các suy tầm về đời sống tại gia sanh khởi, tôi tưởng nhớ đến đấng Thiện Thệ, đến ngôi bảo tháp, lập tức tôi quán xét lại rằng:

5316. "Thưa ông, trong khi sống nương tựa vào đấng Hướng Đạo, bậc Xa Phu, sao ông có thể sống chung với các điều ô nhiễm, thật không thích hợp cho ông!"

5317. Lúc bấy giờ, mỗi khi suy tưởng đến ngôi bảo tháp, sự cung kính đã có đến tôi. Tôi đã xua đuổi các suy tầm xấu xa như là con voi bị khổ sở vì cây lao nhọn.

5318. Trong khi đang an trú như thế, vị vua Thần chết đã chế ngự tôi. Mệnh chung ở tại nơi ấy, tôi đã đi đến thế giới Phạm thiên.

5319. Sau khi sống đến hết tuổi thọ, tôi đã sanh ra ở cõi Tam Thập (Đạo-lợi). Tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc tám mươi lần.

5320. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5321. Tôi thọ hưởng quả thành tựu của những bông hoa kiṅkaṇi ấy. Trong đời sống, có một trăm ngàn người bảo mẫu ở quanh tôi.

5322. Do bản chất của sự việc đã được thực hành ở ngôi bảo tháp, bụi bặm và cáu đất không làm nhơ nhuốc, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể, tôi có được vẻ ngời sáng.

5323. Ôi, ngôi bảo tháp đã khéo được xây dựng bởi tôi, con sông Amarikā đã khéo được nhìn thấy bởi tôi! Sau khi thực hiện ngôi bảo tháp bằng cát, tôi đạt được vị thế bất động.

5324. Với người có ước muốn làm việc lành có sự nắm được điều cốt yếu, dầu có thửa ruộng hoặc không có thửa ruộng, việc thực hành đều có kết quả tốt đẹp.

5325. Cũng giống như người nam có sức mạnh nỗ lực để vượt qua biển cả, sau khi cầm lấy khúc gỗ nhỏ nhoi, có thể lao mình vào đại dương [nghĩ rằng]:

5326. "Nương tựa vào khúc gỗ này, ta sẽ vượt qua biển lớn." Với sự nỗ lực và tinh tấn, người nam [ấy] có thể vượt qua biển cả.

5327. Tương tợ y như thế, việc làm đã được thực hiện bởi tôi dầu nhỏ nhoi và bé bỏng, sau khi nương tựa vào việc làm ấy, tôi đã tự mình vượt khỏi luân hồi.

5328. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

5329. Có niềm tin, mẹ và cha của tôi đã đi đến nương nhờ vào đức Phật. Có sự đạt được [Pháp] nhãn, cả hai người này hành xử thuận theo giáo pháp.

5330. Sau khi nhặt lấy vỏ khô của cội cây Bồ-đề, họ đã cho xây dựng ngôi bảo tháp bằng vàng. Sáng chiều họ trực tiếp lễ bái người con trai của dòng họ Sakya.

5331. Vào ngày lễ Uposatha, họ đã dời đi ngôi bảo tháp bằng vàng. Trong khi tán dương công hạnh của đức Phật, họ đã trải qua ba canh [của đêm].

5332. Sau khi nhìn thấy ngôi bảo tháp [vàng], tôi đã nhớ lại ngôi bảo tháp bằng cát. Tôi đã ngồi ở ngay chỗ ngồi ấy và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

Dứt tụng phẩm thứ hai mươi hai.

5333. Trong khi tìm kiếm đấng Chiến Thắng ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tướng quân Chánh pháp. Sau khi lìa khỏi gia đình, tôi đã xuất gia trong sự chứng minh của vị ấy.

5334. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên.

5336.[8] Trong khi chỉ là đứa bé trai, tôi đã hoàn thành được công việc. Giờ đây, việc cần phải làm trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakya đã được tôi thực hiện.

5337. [Tôi trở thành] vị ẩn sĩ đã vượt qua mọi sự hận thù và hãi sợ, đã vượt lên mọi điều trói buộc. "Bạch đấng Đại Hùng, con là Thinh văn của Ngài; điều này là quả báo của bông hoa bằng vàng."

5338. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

[8] Nguyên bản Pāḷi đánh số nhầm, lẽ ra ở đây là số 5335. Nội dung kinh vẫn đầy đủ (BBT).

5339. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5340. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Pulinathūpiya[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Pulinathūpiya" là phần thứ tám.

499. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NAḶAKUṬIDĀYAKA
(*Naḷakuṭidāyakattherāpadānaṃ*)

5341. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Hārita. Vào lúc bấy giờ, có bậc Tự Chủ tên Nārada đã cư ngụ ở tại gốc cây.

5342. Tôi đã làm gian nhà bằng cây sậy và đã lợp mái bằng cỏ. Tôi đã làm sạch sẽ đường kinh hành và đã dâng cúng đến bậc Tự Chủ.

5343. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5344. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần, đã được hóa hiện ra từ căn chòi bằng cây sậy.

5345. Tôi đã sướng vui ở thế giới chư thiên mười bốn kiếp. Và tôi đã cai quản thiên quốc bảy mươi mốt lần.

5346. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba mươi bốn lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5347. Sau khi bước lên tòa lâu đài giáo pháp tương đương với mọi biểu hiện cao quý, tôi an trú trong giáo pháp của người con trai dòng họ Sakya theo như ý thích.

5348. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của căn chòi bằng cây sậy.

5349. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5350. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5351. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Naḷakuṭidāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Naḷakuṭidāyaka" là phần thứ chín.

---

[9] *Pulinathūpiya* nghĩa là "vị liên quan đến ngôi bảo tháp (*thūpa*) bằng cát (*pulina*)."

[10] *Naḷakuṭidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) căn chòi (*kuṭi*) bằng cây sậy (*naḷa*)."

500. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PIYĀLAPHALADĀYAKA
(*Piyālaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5352. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Khi ấy, trong khi đi lang thang ở khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5353. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây piyāla và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng, là phước điền, là đấng Anh Hùng.

5354. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5355. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5356. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5357. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Piyālaphaladāyaka[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Piyālaphaladāyaka" là phần thứ mười.
Phẩm Tikiṅkaṇipupphiya là phẩm thứ năm mươi.

Phần tóm lược

Vị có bông hoa kiṅkaṇi, y may từ vải bị quăng bỏ, bông hoa koraṇḍa, rồi bông hoa kiṃsuka, vị có một nửa số vải, vị dâng cúng bơ lỏng, vị [dâng cúng] nước, vị thực hiện ngôi bảo tháp, vị có gian nhà bằng cây sậy là thứ chín và vị dâng cúng trái cây piyāla. Có một trăm câu kệ ngôn và chín câu thêm vào đó.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm:

Phẩm Metteyya, phẩm Bhaddāli, luôn cả phẩm Sakiṃsammajjaka, phẩm Ekavihārī, phẩm Vibhīṭakī, phẩm Jagatī, phẩm Sālapupphiya, phẩm Naḷāgāra, phẩm Paṃsukūla và phẩm Tikiṅkaṇipupphiya là tương tợ. Có một ngàn bốn trăm tám mươi hai câu kệ.

Nhóm "Mười" từ phẩm Metteyya.
Nhóm "Một trăm" thứ năm được đầy đủ.

---

[11] *Piyālaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) piyāla."

LI. PHẨM KAṆIKĀRA
(*KAṆIKĀRAVAGGO*)

501. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIKAṆIKĀRAPUPPHIYA
(*Tikaṇikārapupphiyattherāpadānaṃ*)

5358. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

5359. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi ngồi xuống.

5360. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chĩa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung.

5361. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

5362. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

5363. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kaṇikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

5364. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật.

5365. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5366. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "Kaṇikārī", có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

5367. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

5368. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

5369. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối.

5370. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên.

5371. Tôi đứng, ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kaṇika.

5372. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi đêm ngày không biếng nhác.

5373. Ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác.

5374. Lúc bấy giờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gần gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo.

5375. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

5376. Trong khi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5377. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5378. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5379. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5380. Về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5381. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5382. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5383. "Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5384. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ, tôi là hạng nhất trong số các quyến thuộc; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5385. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến.

5386. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này, cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5387. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

5388. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5389. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5390. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5391. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vị rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5392. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5393. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5394. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5395. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya" là phần thứ nhất.

---

[1] *Tikaṇikārapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến ba (*ti*) bông hoa kaṇikāra."

502. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO EKAPATTADĀYAKA
(*Ekapattadāyakattherāpadānaṃ*)

5396. Tôi đã là người thợ làm đồ gốm ở thành phố Haṃsavatī. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

5397. Tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng bình bát bằng đất sét đã được làm khéo léo. Tôi đã dâng cúng bình bát đến đức Thế Tôn là vị có bản thể chính trực như thế ấy.

5398. Trong khi tôi được sanh ra ở cuộc đời, tôi đạt được các chiếc đĩa vàng và các chiếc chiếu nhỏ bằng bạc, bằng vàng và bằng ngọc ma-ni.

5399. Tôi thọ dụng những cái đĩa, điều này là quả báo của nghiệp phước thiện. Và tôi có bản chất của bình bát [chứa đựng] các loại danh vọng và các loại tài sản.

5400. Cũng giống như chỉ một ít hạt giống được gieo xuống cánh đồng màu mỡ, khi có mưa rào thích hợp đổ xuống, kết quả làm hài lòng người nông phu.

5401. Tương tợ y như thế, việc dâng cúng bình bát này được gieo xuống thửa ruộng đức Phật, khi trận mưa rào phì lạc đổ mưa, kết quả sẽ làm tôi hài lòng.

5402. So sánh với các thửa ruộng được biết đến, ngay cả các hội chúng [Tỳ-khưu] và luôn cả các tập thể, không có gì sánh bằng thửa ruộng đức Phật là nguồn cung cấp an lạc cho chúng sanh.

5403. "Bạch đấng Siêu Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Sau khi dâng cúng một cái bình bát, con đạt được vị thế bất động."

5404. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bình bát trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bình bát.

5405. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5406. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5407. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ekapattadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ekapattadāyaka" là phần thứ nhì.

503. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀSUMĀRIPHALADĀYAKA
(*Kāsumāriphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5408. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Trưởng Thượng Của

[2] *Ekapattadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) một (*eka*) bình bát (*patta*)."

Thế Gian, đấng Nhân Ngưu ngồi ở trong vùng đồi núi, chói sáng như là cây kaṇikāra.

5409. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi cầm lấy trái cây kāsumārika, tôi đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

5410. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5411. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5412. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5413. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāsumāriphaladāyaka" là phần thứ ba.

504. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AVAṬAPHALIYA
(*Avaṭaphaliyattherāpadānaṃ*)

5414. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi sự độc cư và đã ra đi về việc khất thực.

5415. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây avaṭa.

5416. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5417. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5418. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5419. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Avaṭaphaliya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Avaṭaphaliya" là phần thứ tư.

---

[3] *Kāsumāriphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kāsumāri."

[4] *Avaṭaphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phaliya*) avaṭa."

505. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VĀRAPHALIYA
(*Vāraphaliyattherāpadānaṃ*)

5420. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây vāra.

5421. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vāraphaliya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vāraphaliya" là phần thứ năm.

506. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MĀTULUṄGAPHALADĀYAKA
(*Mātuluṅgaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5425. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian tợ như cây kaṇikāra được đốt cháy, tợ như mặt trăng ngày rằm, tợ như cây đèn đang cháy sáng.

5426. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây chanh và đã tự tay mình dâng cúng đến bậc Đạo Sư, đấng Trí Tuệ xứng đáng cúng dường.

5427. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5428. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5429. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5430. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mātuluṅgaphaladāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mātuluṅgaphaladāyaka" là phần thứ sáu.

---

[5] *Vāraphaliya* nghĩa là "vị liên quan đến trái cây (*phaliya*) vāra."

[6] *Mātuluṅgaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) chanh (*mātuluṅga*)."

507. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJELIPHALADĀYAKA
(*Ajeliphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5431. Vào lúc bấy giờ, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí tên Ajjuna, vị hội đủ về hạnh kiểm và thiện xảo về định đã cư ngụ tại núi Hy-mã-lạp.

5432. Sau khi cầm lấy ước chừng một chậu trái cây ajeli, trái cây jīvajīvaka và trái cây chattapaṇṇa, tôi đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

5433. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5434. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5435. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5436. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajeliphaladāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajeliphaladāyaka" là phần thứ bảy.

508. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AMODAPHALIYA
(*Amodaphaliyattherāpadānaṃ*)

5437. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Sắc Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây amoda.

5438. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5439. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5440. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5441. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Amodaphaliya[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Amodaphaliya" là phần thứ tám.

---

[7] *Ajeliphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) ajeli."

[8] *Amodaphaliya* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) amoda."

509. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TĀLAPHALADĀYAKA
(*Tālaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5442. Đức Thế Tôn tên Sataraṃsī, đấng Tự Chủ, vị Không Bị Đánh Bại đã xuất ra khỏi sự độc cư và đã ra đi về việc khất thực.

5443. Có được một nắm trái cây, tôi đã nhìn thấy và đã đi đến gặp đấng Nhân Ngưu. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây thốt nốt.

5444. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tālaphaladāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tālaphaladāyaka" là phần thứ chín.

510. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀḶIKERADĀYAKA
(*Nāḷikeradāyakattherāpadānaṃ*)

5448. Vào lúc bấy giờ, là người phụ việc tu viện ở thành phố Bandhumatī, tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang di chuyển ở trên không trung.

5449. Tôi đã cầm lấy trái dừa và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng. Bậc Có Danh Vọng Lớn Lao đã thọ lãnh trong khi đứng ở trên hư không.

5450. Trái cây đã được tôi dâng cúng đến đức Phật với tâm ý trong sạch, đối với tôi là nguồn sanh lên niềm hạnh phúc, đưa đến sự an lạc trong thời hiện tại.

5451. Khi ấy, tôi đã đạt đến niềm phỉ lạc lớn lao và sự an lạc cùng tột. Khi tôi được sanh ra ở nơi này nơi nọ, châu báu còn hiện lên cho tôi.

5452. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5453. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5454. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[9] *Tālaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) thốt nốt (*tāla*)."

5455. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5456. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāḷikeradāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāḷikeradāyaka" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Bông hoa kaṇikāra, một bình bát, vị có trái cây kāsumāri, trái cây avaṭa là tương tợ, và trái cây vāra, trái chanh, trái cây ajeli, luôn cả trái cây amoda, trái cây thốt nốt, và trái dừa là tương tợ. Các câu kệ đã được tính đếm ở đây là một trăm câu kệ, không có hơn kém.

Phẩm Kaṇikāra là phẩm thứ năm mươi mốt.

[10] *Nāḷikeradāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) dừa (*nāḷikera*)."

LII. PHẨM PHALADĀYAKA
(*PHALADĀYAKAVAGGO*)

511. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KURAÑJIYAPHALADĀYAKA
(*Kurañjiyaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5457. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong lúc đi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5458. Được tịnh tín, tôi đã cầm lấy trái cây kurañjiya và đã tự tay mình dâng cúng đến đức Phật tối thượng là phước điền, là đấng Anh Hùng.

5459. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5460. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5461. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5462. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kurañjiyaphaladāyaka" là phần thứ nhất.

512. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAPITTHAPHALADĀYAKA
(*Kapitthaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5463. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái táo rừng.

5464. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5465. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[1] *Kurañjiyaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) kurañjiya."

5466. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5467. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kapitthaphaladāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kapitthaphaladāyaka" là phần thứ nhì.

513. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOSUMBHAPHALADĀYAKA (*Kosumbhaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5468. Trong lúc vị Trời Của Chư Thiên, đấng Nhân Ngưu, tợ như cây kakudha đang chói sáng, đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng trái cây kosumbha.

5469. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5470. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5471. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5472. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kosumbhaphaladāyaka[3] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kosumbhaphaladāyaka" là phần thứ ba.

514. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KETAKAPUPPHIYA (*Ketakapupphiyattherāpadānaṃ*)

5473. Đấng Tối Thượng Nhân đã cư ngụ ở bờ của con sông Vinatā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, có sự chăm chú, vô cùng định tĩnh.

5474. Khi ấy, với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng với bông hoa của cây ketaka có mùi thơm ngọt ngào.

5475. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5476. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[2] *Kapitthaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) táo rừng."

[3] *Kosumbhaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái (*phala*) kosumbha."

5477. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5478. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ketakapupphiya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ketakapupphiya" là phần thứ tư.

515. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NĀGAPUPPHIYA
(*Nāgapupphiyattherāpadānaṃ*)

5479. Trong lúc đấng Toàn Giác, bậc Có Màu Da Vàng Chói, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng đang tiến bước ở trên đường, tôi đã dâng cúng bông hoa nāga.

5480. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5481. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5482. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5483. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nāgapupphiya[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nāgapupphiya" là phần thứ năm.

516. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO AJJUNAPUPPHIYA
(*Ajjunapupphiyattherāpadānaṃ*)

5484. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là loài Kim Sí điểu ở bên bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

5485. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, có tay chắp lên, tôi đã cầm lấy bông hoa ajjuna và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ.

5486. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân Kim Sí điểu, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5487. Và tôi đã là vị Chúa của chư thiên cai quản thiên quốc ba mươi sáu lần. Tôi đã là đấng Chuyển Luân Vương cai quản vương quốc rộng lớn mười lần.

5488. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Ôi, hạt giống của tôi đã được gieo xuống thửa ruộng tốt là đấng Tự Chủ!

---

[4] *Ketakapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ketaka."

[5] *Nāgapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) nāga."

5489. Tôi tìm thấy điều tốt lành, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Giờ đây, tôi là vị xứng đáng sự cúng dường trong giáo pháp của người con trai dòng Sakya.

5490. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5491. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5492. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ajjunapupphiya[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ajjunapupphiya" là phần thứ sáu.

517. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUṬAJAPUPPHIYA
(*Kuṭajapupphiyattherāpadānaṃ*)

5493. Ở không xa núi Hy-mã-lạp, có ngọn núi tên là Cāvala. Đức Phật tên Sudassana cư ngụ ở trong vùng đồi núi.

5494. Tôi đã cầm lấy bông hoa ở các ngọn núi Hy-mã-lạp rồi đã đi trên không trung. Tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy đấng Toàn Giác, bậc đã vượt qua dòng nước lũ, không còn lậu hoặc.

5495. Sau khi cầm lấy bông hoa kuṭaja, tôi đã chắp tay lên ở đầu, và tôi đã dâng lên đức Phật, đấng Tự Chủ, bậc Đại Hiền Trí.

5496. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5497. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5498. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5499. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kuṭajapupphiya[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kuṭajapupphiya" là phần thứ bảy.

---

[6] *Ajjunapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) ajjuna."

[7] *Kuṭajapupphiya* nghĩa là "vị liên quan đến bông hoa (*puppha*) kuṭaja."

518. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GHOSASAÑÑAKA
(*Ghosasaññakattherāpadānaṃ*)

5500-01. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, đứng đầu hội chúng chư thiên đang công bố về bốn sự thật, đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào của đức Sikhī là đấng Quyến Thuộc Của Thế Gian.

5502. Tôi đã làm cho tâm được tịnh tín ở âm vang [của đức Phật], ở nhân vật không người sánh bằng. Tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã vượt qua cảnh giới khó có thể vượt qua.

5503. Kể từ khi tôi đã đạt được sự nhận biết trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc nhận biết âm vang.

5504. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5505. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5504. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Ghosasaññaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ghosasaññaka" là phần thứ tám.

519. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SABBAPHALADĀYAKA
(*Sabbaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5505. Lúc bấy giờ, tôi là vị Bà-la-môn tên Varuṇa thông suốt về chú thuật. Tôi đã lìa bỏ mười người con trai và đã đi sâu vào khu rừng.

5506. Tôi đã tạo lập khu ẩn cư khéo được xây dựng, khéo được phân chia, làm thích ý. Sau khi làm nên gian nhà rộng bằng lá, tôi sống ở trong khu rừng.

5507. Đấng Hiểu Biết Thế Gian Padumuttara, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng, có ý định tiếp độ tôi, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

5508. Ánh sáng đã trở thành bao la đến tận lùm cây rậm của khu rừng. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, khu rừng được phát sáng.

5509. Sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu ấy của đức Phật tối thượng như thế ấy, tôi đã cầm lấy túi đựng bình bát và đã chứa đầy với trái cây.

5510. Tôi đã đi đến gặp bậc Toàn Giác và đã dâng cúng túi trái cây. Vì lòng thương tưởng đến tôi, đức Phật đã nói lời nói này:

5511. "Ngươi hãy cầm lấy túi nặng [trái cây] và đi đến ở phía sau Ta. Và khi hội chúng đã thọ dụng, phước báu sẽ thành tựu cho ngươi."

---

[8] *Ghosasaññaka* nghĩa là "vị nhận biết (*saññaka*) âm vang (*ghosa*)."

5512. Tôi đã cầm lấy cái túi ấy và đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu. Ở tại nơi ấy, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

5513. Được liên kết với nghiệp phước thiện, ở tại nơi ấy, tôi luôn luôn thọ hưởng sự sung sướng với các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc của cõi trời.

5514. Nơi chốn nào tôi sanh lên, dầu là bản thể thiên nhân hay nhân loại, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5515. Sau khi dâng cúng trái cây đến đức Phật, tôi đã được thiết lập làm vị chúa tể cho đến tận bốn châu lục, luôn cả các đại dương và các ngọn núi nữa.

5516. Và đối với tôi, ngay cả các bầy chim bay lên ở không trung, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5517. Và cho đến các loài chúng sanh như các dạ-xoa, các loài quỷ sứ, các vị thiên nhân kumbhaṇḍa, và các loài nhân điểu ở lùm cây rậm của khu rừng cũng đi đến phục vụ cho tôi.

5518. Loài rùa, loài chó, loài ong và cả hai loài mòng muỗi, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5519. Các loài chim gọi là thần điểu, thuộc loài có cánh, có sức mạnh lớn lao, chúng cũng đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5520. Ngay cả các loài rồng có tuổi thọ dài lâu, có thần lực, có danh vọng lớn lao, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5521. Loài sư tử, loài cọp, loài báo, cùng các loài gấu, chó sói và linh cẩu, chúng cũng đi đến chịu sự điều khiển của tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5522. Các vị sống bằng cỏ thần dược và các vị sống ở trên không trung, tất cả đi đến nương nhờ ở tôi; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5523. Sau khi chạm đến đối tượng [Niết-bàn] khó được nhìn thấy, vô cùng hoàn hảo, thâm sâu, khéo được chói sáng, tôi an trú; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5524. Sau khi chạm đến tám giải thoát, tôi sống không còn lậu hoặc. Và tôi là người có sự nhiệt tâm, cẩn trọng; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5525. Những vị nào là con trai của đức Phật đã trú vào Thánh quả, có sân hận đã được cạn kiệt, có danh vọng lớn lao, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5526. Được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, sau khi đi đến sự toàn hảo về

các thắng trí, sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, tôi sống không còn lậu hoặc.

5527. Những vị nào là con trai của đức Phật có được tam minh, đã đạt đến thần thông, có danh vọng lớn lao, đã chứng đạt thiên nhĩ, tôi đã là một vị nữa trong số những vị ấy.

5528. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

5529. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5530. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5531. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sabbaphaladāyaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sabbaphaladāyaka" là phần thứ chín.

520. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO PADUMADHĀRAKA (*Padumadhārakattherāpadānaṃ*)

5532. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Romasa. Khi ấy, cũng có đức Phật tên là Sambhava, đã sống ở ngoài trời.

5533. Sau khi rời khỏi nơi cư ngụ, tôi đã nắm giữ đóa hoa sen. Sau khi nắm giữ [đóa hoa sen] trong một ngày, tôi đã quay trở về nơi cư ngụ.

5534. [Kể từ khi] tôi đã tôn vinh đức Phật trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tôn vinh đức Phật.

5535. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5536. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5537. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Padumadhāraka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Padumadhāraka" là phần thứ mười.

---

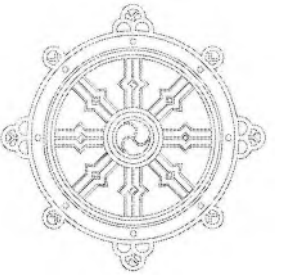
[9] *Sabbaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tất cả (*sabba*) trái cây (*phala*)."

[10] *Padumadhāraka* nghĩa là "vị nắm giữ (*dhāraka*) đóa hoa sen (*paduma*)."

Phần tóm lược

Trái cây kurañjiya, trái táo rừng, trái cây kosumbha, và bông hoa của cây ketaka, bông hoa nāga, bông hoa ajjuna, luôn cả vị có bông hoa kuṭaja, vị nhận biết âm vang, và vị trưởng lão là người dâng cúng tất cả trái cây, vị nắm giữ đóa hoa sen là tương tợ. Và ở đây, có tám mươi câu kệ và có ba câu kệ được thêm vào đó.

Phẩm Phaladāyaka là phẩm thứ năm mươi hai.



LIII. PHẨM TIṆADĀYAKA
(*TIṆADĀYAKAVAGGO*)

521. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO TIṆAMUṬṬHIDĀYAKA
(*Tiṇamuṭṭhidāyakattherāpadānaṃ*)

5538. Ở không xa núi Hy-mã-lạp có ngọn núi tên là Lambaka. Ở tại nơi ấy, đấng Toàn Giác Upatissa đã đi kinh hành ở ngoài trời.

5539. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng ở khu rừng hoang rậm. Sau khi nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên ấy, tôi đã dâng cúng nắm cỏ.

5540. Sau khi dâng cúng vật để lót ngồi đến đức Phật, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã ra đi, mặt hướng về phía Bắc.

5541. Khi đã ra đi không bao lâu, vua của loài thú đã sát hại tôi. Trong khi ngã xuống vì con sư tử, tôi đã lìa đời ở tại nơi ấy.

5542. [Do] nghiệp đã được tôi thực hiện đến đức Phật tối thượng, bậc Không Còn Lậu Hoặc vừa mới đây, tôi đã đi đến thế giới của chư thiên tợ như tốc độ của mũi tên đã khéo được bắn ra.

5543. Ở tại nơi ấy, có tòa lâu đài xinh đẹp đã được hiện ra do nghiệp phước thiện. [Tòa lâu đài] có một ngàn cột trụ chống màu lục, có một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ.

5544. Ánh sáng của tòa lâu đài tỏa ra tợ như mặt trời đã mọc lên. Được quây quần với các nàng tiên nữ, tôi vui thích theo sự mong muốn này, mong muốn khác.

5545. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã đi đến bản thể nhân loại và đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

5546. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng vật lót ngồi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của nắm cỏ.

5547. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5548. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5549. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Tiṇamuṭṭhidāyaka" là phần thứ nhất.

522. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAÑCADĀYAKA
(*Mañcadāyakattherāpadānaṃ*)

5550. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng một cái giường đến đức Thế Tôn Vipassī, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy.

5551. Tôi đã đạt được phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển của cõi trời. Do nhờ sự dâng cúng cái giường ấy, tôi đã đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc.

5552. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng cái giường trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cái giường.

5553. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5554. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5555. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mañcadāyaka[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mañcadāyaka" là phần thứ nhì.

523. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SARAṆAGAMANIYA
(*Saraṇagamaniyattherāpadānaṃ*)

5556. Vào lúc bấy giờ, có vị Tỳ-khưu và tôi là đạo sĩ lõa thể đã bước lên chiếc thuyền. Trong khi chiếc thuyền đang bị vỡ tan, vị Tỳ-khưu đã ban cho tôi sự nương nhờ [quy y].[3]

5557. [Kể từ khi] vị ấy đã ban cho tôi sự nương nhờ trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; [đây] là quả báo trong việc đi đến nương nhờ.

5558. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

---

[1] *Tiṇamuṭṭhidāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) nắm (*muṭṭhi*) cỏ (*tiṇa*)."

[2] *Mañcadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cái giường (*mañca*)."

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya, số 359, trang 279.

5559. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5560. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Saraṇagamaniya[4] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Saraṇagamaniya" là phần thứ ba.

524. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABBHAÑJANADĀYAKA (*Abbhañjanadāyakattherāpadānaṃ*)

5561. Vào lúc bấy giờ, tôi cư ngụ ở vườn hoa của đức vua ở trong thành phố Bandhumatī. Tôi đã là vị mặc y phục da thú có mang túi đựng nước.

5562. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ ấy, bậc Không Bị Đánh Bại, có tính khẳng quyết về sự nỗ lực, có thiền chứng, thỏa thích về thiền, có năng lực.

5563. Ngài được thành tựu về mọi dục lạc, đã vượt qua dòng lũ, không còn lậu hoặc. Sau khi nhìn thấy, được tịnh tín, tôi đã dâng cúng dầu thoa với ý vui mừng.

5564. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của dầu thoa.

5565. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5566. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5567. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abbhañjanadāyaka[5] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Abbhañjanadāyaka" là phần thứ tư.

525. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUPAṬADĀYAKA (*Supaṭadāyakattherāpadānaṃ*)

5568. Lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī đang đi ra sau việc nghỉ ngơi giữa ngày, tôi đã dâng cúng tấm vải đẹp và nhẹ. Tôi đã vui thích ở cõi trời một kiếp.

5569. [Kể từ khi] tôi đã dâng cúng tấm vải đẹp trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tấm vải đẹp.

---

[4] *Saraṇagamaniya* nghĩa là "vị liên quan đến việc đi đến (*gamana*) nương nhờ (*saraṇa*)."

[5] *Abbhañjanadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) dầu thoa (*abbhañjana*)."

5570. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5571. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5572. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Supaṭadāyaka[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Supaṭadāyaka" là phần thứ năm.

526. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DAṆḌADĀYAKA
(*Daṇḍadāyakattherāpadānaṃ*)

5573. Vào lúc bấy giờ, tôi đã đi vào khu rừng rậm và đã đốn cây tre. Sau khi thực hiện cây gậy chống, tôi đã dâng cúng đến hội chúng.

5574. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã đảnh lễ các vị có sự hành trì tốt đẹp. Sau khi dâng cúng cây gậy chống, tôi đã ra đi mặt hướng về phía Bắc.

5575. Kể từ khi tôi đã dâng cúng cây gậy trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng cây gậy.

5576. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc, như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5577. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5578. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Daṇḍadāyaka[7] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Daṇḍadāyaka" là phần thứ sáu.

(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi ba).

527. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GIRINELAPŪJAKA
(*Girinelapūjakattherāpadānaṃ*)

5579. Trong thời quá khứ, tôi đã là thợ săn thú rừng. Trong khi lang thang ở trong khu rừng, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp.

5580. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã cúng dường bông hoa nela ở đấng Đại Bi ấy, là bậc vui thích về các sự lợi ích cho tất cả chúng sanh.

---

[6] *Supaṭadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) tấm vải đẹp (*supaṭa*)."

[7] *Daṇḍadāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) cây gậy (*daṇḍa*)."

5581. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5582. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5583. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5584. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Girinelapūjaka[8] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Girinelapūjaka" là phần thứ bảy.

528. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BODHISAMMAJJAKA (*Bodhisammajjakattherāpadānaṃ*)

5585. Trong thời quá khứ, tôi đã hốt lá cây Bồ-đề bị rơi rụng ở sân của ngôi bảo tháp và đã đem đi đổ. Tôi đã thọ lãnh hai mươi phần công đức:

5586. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, do nhờ oai lực của nghiệp ấy, tôi luân hồi ở hai cõi, ở bản thể thiên nhân và luôn cả ở loài người nữa.

5587. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã đi đến cõi nhân loại. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn nữa.

5588. Tôi có sắc đẹp, sạch sẽ, được đầy đủ các bộ phận cơ thể chính và phụ, thân hình được phát triển, có cơ thể toàn vẹn, không khiếm khuyết.

5589. Dầu được sanh ra ở thế giới chư thiên hay nhân loại, hoặc ở bất cứ nơi đâu, tôi đều có màu da vàng chói tương tợ như vàng kim loại được đốt nóng.

5590. Khi lá cây Bồ-đề được đổ bỏ tốt đẹp, tôi luôn luôn có được làn da mềm mại, mịn màng, láng lẩy, tinh tế và thanh nhã.

5591. Khi thân thể đã được sanh lên ở bất cứ nơi nào trong số các cõi, bụi bặm và cáu đất không làm dơ bẩn [thân thể], là quả thành tựu do việc đổ bỏ lá.

5592. Hơn nữa, lúc nóng bức, có gió nóng, hoặc do sức nóng của ngọn lửa, các mồ hôi không tiết ra ở cơ thể của tôi, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5593. Bệnh cùi, bệnh mụt nhọt, bệnh chàm, tàn nhang, và tương tợ là mụn trứng cá và bệnh ngứa không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5594. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tật bệnh không có ở cơ thể, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5595. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, sự bị ức chế không sanh lên ở tâm, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

---

[8] *Girinelapūjaka* nghĩa là "vị cúng dường (*pūjaka*) bông hoa nela ở núi (*giri*)."

5596. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có các kẻ thù, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5597. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, có sự không thiếu hụt về của cải, là quả thành tựu cho việc đổ bỏ lá.

5598. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, không có sự sợ hãi đối với lửa, đối với các vị vua, đối với các kẻ cướp và khi ở trong nước.

5599. Tôi đây còn có đức hạnh khác nữa là khi tái sanh ở cõi này cõi khác, các tôi trai tớ gái là những người hầu cận, xử sự thuận theo tâm ý [tôi].

5600. Khi sanh lên ở cõi nhân loại, tuổi thọ không bị giảm thiểu so với khoảng thời gian của đời người, tôi tồn tại đến hết tuổi thọ.

5601. Những người ở bên trong, những người ở bên ngoài, các thị dân và những cư dân của xứ sở, những người ước ao sự tiến hóa, những người mong mỏi sự an lạc, tất cả đều gắn bó [với tôi].

5602. Tôi có của cải, có danh vọng, có sự vinh quang, có phe nhóm quyến thuộc. Tôi có sự hãi sợ và run rẩy được xa lìa, tôi có được tất cả.

5603. Chư thiên, loài người, các hạng a-tu-la, các càn-thát-bà, các dạ-xoa và quỷ sứ, tất cả các hạng ấy luôn luôn hộ trì tôi trong khi tôi luân hồi ở các cõi.

5604. Sau khi thọ hưởng các danh vọng cả hai nơi, ở thế giới chư thiên và nhân loại, cuối cùng tôi được đạt đến Niết-bàn vinh quang vô thượng.

5605. Người nam nào tích lũy phước báu có liên quan đến bậc Toàn Giác hoặc cội Bồ-đề của bậc Đạo Sư ấy, đối với người ấy, có điều gì gọi là khó đạt được.

5606. Sau khi vượt trội những người khác về đạo, về quả, về sự truyền thừa, về các đức hạnh của thiền và các thắng trí, tôi Niết-bàn không còn lậu hoặc.

5607. Trước đây, sau khi đổ bỏ lá của cội cây Bồ-đề với tâm ý vui mừng, tôi luôn luôn được sở hữu với hai mươi yếu tố này.

5608. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5609. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5610. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bodhisammajjaka[9] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bodhisammajjaka" là phần thứ tám.

---

[9] *Bodhisammajjaka* nghĩa là "vị quét dọn (*sammajjaka*) ở cội cây Bồ-đề (*bodhi*)."

529. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ĀMAṆḌAPHALADĀYAKA (*Āmaṇḍaphaladāyakattherāpadānaṃ*)

5611. Sau khi xuất khỏi định, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp, vị Lãnh Đạo Thế Gian đã đi kinh hành.

5612. Khi ấy, tôi đã cầm lấy túi nặng trái cây và trong lúc mang đi, tôi đã nhìn thấy đức Phật, đấng Vô Nhiễm, bậc Đại Hiền Trí đang đi kinh hành.

5613. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã chắp tay lên ở đầu. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã dâng cúng trái cây āmaṇḍa.

5614. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của [việc dâng cúng] trái cây āmaṇḍa.

5615. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5616. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5617. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Āmaṇḍaphaladāyaka[10] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Āmaṇḍaphaladāyaka" là phần thứ chín.

530. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SUGANDHA (*Sugandhattherāpadānaṃ*)

5618. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

5619. Ngài có đầy đủ các tướng phụ, ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được hội tụ lại với mạng lưới hào quang.

5620. Là người làm cho thoải mái giống như mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] giống như cơn mưa, là biểu hiện của đức hạnh tợ như biển cả.

5621. Với giới tợ như trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ ví như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió.

5622. Có lần nọ, bậc Đại Anh Hùng ấy, vị có sự tự tin ở nơi các hội chúng, trong khi đang tiếp độ đám đông dân chúng, Ngài đã công bố về các sự thật.

5623. Chính vào lúc ấy, tôi đã là con trai nhà triệu phú ở tại thành Bārāṇasī có danh vọng lớn lao. Khi ấy, tôi có được dồi dào về tài sản và lúa gạo.

---

[10] *Āmaṇḍaphaladāyaka* nghĩa là "vị dâng cúng (*dāyaka*) trái cây (*phala*) āmaṇḍa."

5624. Trong khi lang thang đi bách bộ, tôi đã đến gần Vườn Nai (Lộc Uyển) và tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm đang thuyết giảng về vị thế bất tử.

5625. Với giọng nói thân mật, vui vẻ, có âm điệu sánh bằng chim Karavīka, có âm vang như tiếng kêu của loài thiên nga, Ngài đang làm cho đám đông dân chúng hiểu rõ.

5626. Tôi đã nhìn thấy vị Trời Của Chư Thiên và đã lắng nghe giọng nói ngọt ngào. Sau khi dứt bỏ các của cải không phải là ít, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5627. Được xuất gia như vậy, tôi đã được nghe nhiều, và không bao lâu, tôi đã trở thành vị Pháp sư, có tài biện giải về nhiều mặt.

5628. Có sự tự tin về màu sắc, với tâm vui mừng, tôi đã tán dương lặp đi lặp lại về màu sắc của màu da vàng chói ở giữa đại chúng:

5629. "Đức Phật này có lậu hoặc đã được cạn kiệt, không còn phiền muộn, hoài nghi đã được chặt đứt, đã đạt đến sự đoạn tận tất cả các nghiệp, đã được giải thoát về sự đoạn tận các mầm mống tái sanh.

5630. Vị này đây là đức Thế Tôn, là đức Phật, là loài sư tử không gì vượt trội, là bậc chuyển vận bánh xe Phạm hạnh của thế gian luôn cả chư thiên.

5631. Đã được rèn luyện, Ngài là vị giúp cho đại chúng rèn luyện. Là bậc an tịnh và là vị ẩn sĩ đã Niết-bàn, Ngài hướng dẫn đại chúng Niết-bàn. Đã được tự tại, Ngài giúp cho đại chúng được tự tại.

5632. Đấng Chiến Thắng ấy là bậc anh hùng, là người dũng cảm, là vị khôn ngoan, là bậc trí tuệ, là vị có lòng bi mẫn, là bậc có năng lực, là người thắng trận, không thô tháo, không còn quyến luyến.

5633. Đấng Hiền Trí là không có dục vọng, không dao động, khôn ngoan, không mê mờ, không thể sánh bằng, có thể gánh vác trọng trách, là loài bò mộng, là loài voi, là loài sư tử, và còn là vị có khả năng trong số các bậc thầy nữa.

5634. Là vị Trời Phạm thiên, là vị anh hùng về thuyết giảng, vị không còn tham ái, không còn ô nhiễm, dứt bỏ sự ham muốn, không nhẫn tâm, lìa sầu khổ, không ai sánh bằng, thu thúc và trong sạch.

5635. Là người Bà-la-môn, là vị Sa-môn, là người bảo hộ, là người thầy thuốc, là người phẫu thuật, là người chiến sĩ, là bậc đã giác ngộ, là người con trai đã lắng nghe, là người không dao động, là người được trào dâng niềm hoan hỷ.

5636. Là người thiết lập, là người duy trì, là người phá hủy, là người thực hiện, là người hướng dẫn, là người giảng giải, là người làm cho hoan hỷ, là người đập vỡ, là người cắt đứt, là người lắng nghe, là người khen ngợi.

5637. Ngài là vị không nhẫn tâm, lìa sầu khổ, không còn phiền muộn, không có hoài nghi, không dục vọng, không vướng bụi trần, là người kham nhẫn, là người ra đi, là vị diễn giả, là người giảng giải.

5638. Là người giúp cho vượt qua, là người làm cho tiến bộ, là người bảo

làm, là người mở tung ra, là người dẫn đi, là người chịu đựng, là người tiêu diệt, là người phá hủy, là vị khổ hạnh có sự nhiệt tâm.

5639. Có tâm bình lặng, hoàn toàn an tịnh, không bạn đồng hành, đầy lòng trắc ẩn, là chúng sanh kỳ diệu, không lừa đảo, là người đã hoàn tất, là vị ẩn sĩ thứ bảy.

5640. Là đấng Chiến Thắng đã vượt qua sự hoài nghi, không còn ngã mạn, không thể đo lường, không thể so sánh, đã vượt trên mọi phương thức khen chê, người đã đi đến tận cùng về các sự thật và các điều cần hiểu biết.

5641. Niềm tịnh tín ở con người có phẩm chất cao quý ấy đưa đến bất tử. Vì thế, niềm tin ở đức Phật, ở giáo pháp và ở hội chúng là có sự thành tựu lớn lao."

5642. Trong khi tán dương bậc nương nhờ tối thượng của tam giới với những đức hạnh, v.v... như thế, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp ở giữa các hội chúng.

5643. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở cõi trời Đẩu-suất. Mệnh chung từ nơi ấy, được sanh lên ở giữa loài người, tôi là người có hương thơm ngạt ngào.

5644. Tôi có hơi thở và hương thơm ở miệng, có hương thơm ở cơ thể tương tợ y như thế, và có hương thơm của mồ hôi một cách liên tục. Các hương thơm này vượt trội mọi thứ hương thơm.

5645. Hương thơm ở miệng của tôi luôn luôn có mùi thơm của hoa sen, hoa súng và hoa campaka. Và trong lúc đang thuyết trình, cơ thể của tôi luôn luôn tỏa ra mùi thơm tương tợ như thế ấy.

5646. Và tất cả quả báo ấy của việc ngợi ca về đức hạnh là kỳ diệu bậc nhất. Xin tất cả các vị hãy lắng nghe tôi với tâm ý chăm chú, tôi sẽ giảng giải toàn bộ.

5647. Sau khi nói về hạnh lành của đức Phật, vì lợi ích cho các sự gắn bó của loài người, tôi được sung sướng ở khắp mọi nơi, được sở hữu hai loại tài sản có tính chất luân chuyển.

5648. Tôi có danh vọng, được sung sướng, dễ mến, thông minh, có vẻ nhìn đáng yêu, là vị diễn giả không bị chê bai, không khuyết điểm và có trí tuệ như thế.

5649. Khi tuổi thọ được cạn kiệt, Niết-bàn là điều dễ dàng đạt được đối với những người có sự tận tụy đối với đức Phật. Tôi sẽ trình bày về nguyên nhân của họ, xin các vị hãy lắng nghe điều ấy đúng theo thực thể.

5650. Trong lúc tôi đang đảnh lễ sự an tịnh và oai lực của đức Thế Tôn đúng theo phương pháp; do việc đó, cho dù sanh lên ở bất cứ đâu, tôi đều có danh vọng.

5651. Trong lúc tán dương đức Phật là bậc Đoạn Tận Khổ Đau, giáo pháp là an tịnh không tạo tác, tôi đã là người ban phát sự an lạc đến chúng sanh; do đó tôi được an lạc.

5652. Trong lúc nói về hạnh lành của đức Phật, tôi có được niềm phỉ lạc đối với đức Phật, tôi đã làm sanh khởi sự yêu mến đối với bản thân và sự yêu mến đối với người khác; do điều ấy, tôi là người dễ mến.

5653. Tôi đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa ở đoàn người dẫy đầy các hàng ngoại đạo. Trong lúc nói về hạnh lành [của Ngài], tôi đã làm rạng rỡ đấng Lãnh Đạo; do đó tôi có sự rạng rỡ.

5654. Trong lúc nói về hạnh lành của bậc Toàn Giác, Tôi cũng là người tạo ra sự yêu mến ở dân chúng, tợ như mặt trăng vào mùa thu; do điều ấy, tôi đã có vẻ nhìn đáng yêu.

5655. Tôi đã ngợi ca đấng Thiện Thệ bằng mọi ngôn từ [sắc bén] tương tợ như tính năng của lưỡi dao găm; do điều ấy, tôi là người hùng biện có tài biện luận về nhiều mặt.

5656. Bị thiếu trí, những kẻ ngu dốt chê bai bậc Đại Hiền Trí. Tôi đã quở trách bọn họ bằng Chánh pháp; do điều ấy, tôi là người không bị quở trách.

5657. Do nhờ việc tán dương đức Phật đến chúng sanh, tôi đã xua đi các điều ô nhiễm, tôi có tâm ý không còn ô nhiễm do nhờ tác động của nghiệp ấy.

5658. Là người thuyết giảng về sự niệm tưởng về đức Phật, tôi đã làm sanh khởi tánh giác ngộ cho những người nghe; do điều ấy, tôi đã là người có trí tuệ, nhìn thấy rõ mục đích một cách khôn khéo.

5659. Có kẻ thù là tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, có biển cả luân hồi đã được vượt qua, tôi sẽ thành tựu sự tịch diệt tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu [sẽ lụi tàn].

5660. Việc tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng là ngay trong chính kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc ca ngợi đức Phật.

5661. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5662. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5663. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sugandha[11] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sugandha" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị dâng cúng cỏ, vị dâng cúng chiếc giường, luôn cả vị nương nhờ, vị dâng dầu thoa, [vị dâng cúng] tấm vải đẹp, vị dâng cúng cây gậy, tương tợ y như thế là vị cúng dường bông hoa nela, vị quét cội Bồ-đề, vị dâng cúng trái cây āmaṇḍa, vị Bà-la-môn có hương thơm là thứ mười. Và ở đây, được tính đếm toàn bộ là một trăm với hai mươi ba câu kệ.

Phẩm Tiṇadāyaka là phẩm thứ năm mươi ba.

---

[11] *Sugandha* nghĩa là "vị có hương thơm (*gandha*) ngạt ngào (*su*)."

LIV. PHẨM KACCĀNA
(*KACCĀNAVAGGO*)

531. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKACCĀNA
(*Mahākaccānattherāpadānaṃ*)

5664. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Lãnh Đạo không có dục vọng, có sự chiến thắng không bị chế ngự, đã hiện khởi.

5665. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, có khuôn mặt không vết bẩn, như là mặt trăng, tương tợ ngọn núi vàng, có hào quang sánh bằng ánh sáng mặt trời.

5666. Là vị có sự thu hút ánh mắt và tâm trí của chúng sanh, được tô điểm với các hảo tướng, đã vượt trên mọi phương thức phê phán, được kính trọng bởi loài người và các hạng [thiên thần] bất tử.

5667. Trong khi giác ngộ chúng sanh, bậc Toàn Giác là người hùng biện, có âm điệu ngọt ngào, có sự liên tục gắn bó với lòng bi mẫn và tự tin ở nơi các hội chúng.

5668. Ngài thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội.

5669. Khi ấy, tôi đã là một vị đạo sĩ độc hành có chỗ ngụ ở núi Hy-mã-lạp. Trong khi đi đến thế giới loài người bằng đường không trung, tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng.

5670. Tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe sự thuyết giảng giáo pháp của đấng Anh Hùng trong lúc Ngài đang tán dương đức hạnh lớn lao của vị Thinh văn:

5671. "Giống như vị Kaccāyana này, trong khi giảng giải một cách chi tiết điều đã được Ta nói một cách tóm tắt, khiến cho hội chúng và Ta hài lòng.

5672. Ta không nhìn thấy bất cứ vị Thinh văn nào khác tương tợ như thế. Vì thế, ở vị thế tối thắng, vị này là đứng đầu. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như vậy."

5673. Khi ấy, tôi đã trở nên sửng sốt sau khi lắng nghe lời nói làm thích ý. Tôi đã đi đến núi Hy-mã-lạp và đã mang lại bó bông hoa.

5674. Sau khi cúng dường đến đấng Nương Nhờ Của Thế Gian, tôi đã phát nguyện vị thế ấy. Khi ấy, biết được thiên hướng của tôi, bậc dứt bỏ sự ham muốn đã chú nguyện rằng:

5675. "Các ngươi hãy nhìn, vị ẩn sĩ cao quý này có làn da màu của vàng đã được tinh luyện, có lông tóc dựng đứng, có bả vai đầy đặn, đứng chắp tay bất động.

5676. Có ánh mắt tràn ngập niềm vui, có thiên hướng về việc tán dương đức Phật, có thân hình cao quý tợ như giáo pháp, như là đã được tưới lên sự bất tử.

5677. Sau khi lắng nghe về đức hạnh của vị Kaccāna, [người này] đang đứng phát nguyện vị thế ấy vào thời vị lai xa vời của bậc Đại Hiền Trí Gotama.

5678. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kaccāna.

5679. Người này sẽ là người nghe nhiều học rộng, có đại trí tuệ, hiểu biết ý định của bậc Hiền Trí, và sẽ thành tựu vị thế ấy như đã được Ta chú nguyện."

5680. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5681. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5682. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không bị sanh vào gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5683. Chính ở kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành phố Ujjenī, [con trai] của vị Bà-la-môn là viên quan tế tự của Vua Caṇḍapajjota.

5684. Tôi là Kaccāna, con trai của Tiriṭavaccha, người mẹ tên là Candimā. Tôi là người khôn khéo, thông suốt các bộ Vệ-đà, có làn da cao quý.

5685. Được phái đi bởi vị quân vương nhằm mục đích tìm hiểu về đức Phật, tôi đã được nhìn thấy đấng Lãnh Đạo là cổng thành của sự giải thoát, là sự tích lũy về đức hạnh.

5686. Và tôi đã được nghe lời nói không bợn nhơ, có sự làm khô ráo bùn lầy của con đường, tôi đã thành tựu sự bất tử, thanh tịnh cùng với bảy người còn lại.

5687. Tôi đã trở thành vị hiểu biết về ý định của đấng Thiện Thệ, bậc Đại Hiền Trí. Và tôi đã được thiết lập vào vị thế tối thắng, có ước nguyện đã được thành tựu tốt đẹp.

5688. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5689. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5690. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākaccāna đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākaccāna" là phần thứ nhất.

532. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAKKALI (*Vakkalittherāpadānaṃ*)

5691. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là bậc có danh xưng cao thượng, là bậc không thể đo lường.

5692. Ngài có khuôn mặt với hình dáng của đóa hoa sen, có làn da mịn, không vết nhơ của đóa hoa sen, không bị nhơ nhuốc bởi thế gian tương tợ đóa hoa sen không bị lấm lem bởi nước.

5693. Đấng Anh Hùng có con mắt hình lá sen, dễ mến tương tợ đóa hoa sen và có hương thơm nổi bật của đóa hoa sen, do đó Ngài là Padumuttara.

5694. Và bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian không còn ngã mạn, tợ như con mắt cho những kẻ mù, có bản thể an tịnh, là nơi tồn trữ các đức hạnh, là biển cả về lòng bi mẫn và sự hiểu biết.

5695. Có lần nọ, đấng Đại Hùng, vị được đấng Phạm thiên cùng các hàng a-tu-la và chư thiên nể vì, được loài người có cả chư thiên vây quanh, là tối thượng ở giữa dân chúng.

5696. Với khuôn mặt có hương thơm ngát và với âm thanh ngọt ngào, trong lúc làm hài lòng tất cả hội chúng, Ngài đã tán dương vị Thinh văn của mình rằng:

5697. "Không có vị nào khác có khuynh hướng về đức tin, có sự hiểu biết tốt đẹp, có sự gắn bó với việc chiêm ngưỡng Ta như là vị này, giống như vị Tỳ-khưu Vakkali này vậy."

5698. Khi ấy, tôi đã là con trai của người Bà-la-môn ở trong thành phố Haṃsavatī. Tôi đã được nghe lời nói ấy và đã thích thú vị thế ấy.

5699. Khi ấy, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai, bậc Vô Nhiễm ấy cùng với các vị Thinh văn. Sau khi cung cấp vật thực bảy ngày, tôi đã khoác lên [các vị] với những xấp vải đôi.

5700. Được đắm chìm trong biển cả ân đức vô hạn lượng ấy, được tràn đầy phỉ lạc, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở Ngài và đã nói lời nói này:

5701. "Bạch đấng Hiền Trí, mong sao con sẽ trở thành vị Tỳ-khưu đứng đầu trong số những vị có đức tin như vị ấy, là vị đã được Ngài tán dương vào bảy ngày trước đây."

5702. Được nói như vậy, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí, vị có tầm nhìn không bị chướng ngại đã phát biểu ở giữa hội chúng lời nói này:

5703. "Các ngươi hãy nhìn người thanh niên này, mặc vải vàng bóng láng, thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có sự thu hút ánh mắt của mọi người.

5704. Trong thời vị lai xa xăm, người này đây sẽ là vị Thinh văn đứng đầu trong số những vị có khuynh hướng đức tin của bậc Đại Ẩn Sĩ Gotama.

5705. [Người này] sẽ luân hồi, dầu trở thành vị thiên nhân hay là loài người, đều được tránh khỏi mọi sự bực bội, được tựu hội trọn vẹn mọi thứ của cải, được sung sướng.

5706. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5707. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vakkali."

5708. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5709. Sau khi được sung sướng ở tất cả các nơi trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi trong một gia đình nọ.

5710-11. [Là đứa bé] mảnh mai như bơ tươi, yếu ớt như mầm non mới mọc, lờ đờ, nằm ngửa ra, [cha mẹ tôi] bị đe dọa vì nỗi hãi sợ từ loài quỷ sứ, với tâm ý khốn khổ, đã đặt tôi nằm xuống ở cạnh bàn chân của bậc Đại Ẩn Sĩ [nói rằng]: "Bạch đấng Bảo Hộ, chúng con dâng Ngài đứa bé này. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [cho nó]."

5712. Khi ấy, bậc Hiền Trí ấy, nơi nương nhờ của những ai bị kinh sợ, đã nhận lãnh tôi bằng bàn tay mềm mại dịu dàng, có màng lưới [ở các ngón tay], có dấu hiệu hình vỏ ốc [ở lòng bàn tay].

5713. Từ đó trở đi, nhờ vào Ngài, tôi được bảo vệ với sự không phải phòng vệ. Mọi sự thù nghịch được tiêu tan, tôi lớn lên trong an lạc.

5714. Không được ở cạnh đấng Thiện Thệ, dầu chỉ trong chốc lát là tôi bất mãn. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

5715. Không được thỏa mãn, tôi ước ao sắc thân được phân bố với mọi nét xinh đẹp, đã được tạo nên do [mười] pháp toàn hảo, là nơi tích tụ quý cao của những điều may mắn.

5716. Khi ấy, biết được tôi hứng thú với sắc thân của đức Phật, đấng Chiến Thắng đã giáo giới tôi rằng: "Này Vakkali, thôi đi. Sao ngươi lại hứng thú ở sắc thân, là vật được vui thích bởi những kẻ ngu?

5717. Chỉ người nào nhìn thấy Chánh pháp, người trí tuệ ấy nhìn thấy Ta. Trong khi không nhìn thấy Chánh pháp, dầu đang nhìn Ta cũng vẫn không thấy được.

5718. Xác thân có sự tai hại không giới hạn, tương tợ loại cây có độc dược, là chỗ trú ẩn của tất cả các loại bệnh tật, là toàn bộ khối đống khổ đau.

5719. Do đó, ngươi hãy nhàm chán sắc thân, hãy nhìn xem sự sanh và diệt của các uẩn, ngươi sẽ đi đến sự tận cùng của tất cả các nhiễm ô một cách an lạc."

5720. Đấng Lãnh Đạo ấy, vị tầm cầu sự lợi ích, đã giáo huấn tôi như thế. Tôi đã leo lên núi Gijjhakūṭa và tham thiền ở cái hang nơi triền núi.

5721. Đứng ở chân ngọn núi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này Vakkali". Nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng, tôi đã hoan hỷ.

5722. Tôi đã lao mình xuống vực núi sâu hàng trăm thân người. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, tôi đã đến được mặt đất hoàn toàn bình yên.

5723. Ngài cũng đã thuyết giảng giáo pháp lần nữa về sự sanh và diệt của các uẩn. Sau khi hiểu được pháp ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5724. Khi ấy, ở giữa hội chúng vô cùng đông đảo, đấng Đại Trí, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết, đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị có khuynh hướng đức tin.

5725. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5726. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5727. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5728. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vakkali đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vakkali" là phần thứ nhì.

533. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MAHĀKAPPINA
(*Mahākappinattherāpadānaṃ*)

5729. Đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã nổi bật ở trái đất và bầu trời, tương tợ như mặt trời vào mùa thu.

5730. Ngài đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ánh sáng của ngôn từ. Đấng Lãnh Đạo làm khô ráo bùn lầy ô nhiễm nhờ vào những tia hào quang của sự hiểu biết.

5731. Ngài tiêu diệt danh vọng của những người ngoại đạo, tương tợ như mặt trời tiêu diệt ánh sáng của loài đom đóm. Ngài soi rõ ánh sáng về ý nghĩa của các sự thật, tợ như mặt trời làm cho châu báu được rạng rỡ.

5732. Ngài là nơi quy tụ của các đức hạnh, tợ như biển cả là nơi chứa đựng các báu vật. Như là đám mây, Ngài trút xuống các loài hữu tình cơn mưa giáo pháp.

5733. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là vị quan phân xử ở thành phố tên Haṃsā. Tôi đã đi đến và đã lắng nghe giáo pháp của bậc có tên là Padumuttara.

5734. Trong khi Ngài đang công bố đức hạnh của vị Thinh văn có kinh nghiệm của vị giáo giới cho các Tỳ-khưu, khiến tâm ý của tôi được vui thích.

5735. Nghe xong, được hài lòng, với tâm ý vui mừng tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với các đệ tử. Sau khi chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

5736. Khi ấy, bậc Đại Phước với giọng nói êm dịu của chim thiên nga và của tiếng trống đã nói rằng: "Các ngươi hãy nhìn vị quan đại thần này là người có sự tự tin trong việc xác định.

5737. [Người này] quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta, có lông tóc dựng đứng, có màu da rạng rỡ, có bả vai đầy đặn, có ánh mắt và khuôn mặt được tịnh tín.

5738. Con người có danh vọng lớn lao ấy đang làm cho đám tùy tùng đông đảo được hài lòng. Có thiên hướng hoan hỷ, người này phát nguyện vị thế của vị [Thinh văn] có kinh nghiệm.

5739. Do phần vật thực này và do các nguyện lực của tác ý, người này [sẽ] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp.

5740. Có được sự lộng lẫy của vị Trời trong số chư thiên, có bản chất vĩ đại ở giữa loài người, sau khi đã thọ hưởng phần còn lại, [người này] sẽ thành tựu Niết-bàn.

5741. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5742. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kappina."

5743. Từ đó, tôi đã thực hành sự tôn kính khéo được thể hiện trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất.

5744. Sau khi chỉ bảo cho chư thiên, nhân loại và các vị quốc vương theo lẽ phải, tôi đã sanh ra trong dòng dõi làm nghề dệt ở kế cận thành Bārāṇasī.

5745. Cùng với vợ và nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã hộ độ năm trăm vị Phật Độc Giác.

5746. Sau khi đã cung cấp vật thực ba tháng, kế đó, chúng tôi đã dâng cúng ba y. Từ nơi ấy chết đi, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5747. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến bản thể loài người lần nữa. Chúng tôi đã được sanh ra ở trong thành Kukkuṭa, cạnh sườn núi Hy-mã-lạp.

5748. Tôi đã là vị hoàng tử có danh vọng lớn lao tên là Kappina. Những người còn lại, được sanh ra ở gia đình các quan cận thần, đã tháp tùng bản thân tôi.

5749. Tôi đã đạt được sự sung sướng về vương quốc lớn lao, có đầy đủ tất

cả các loại dục lạc. Tôi đã nghe về sự xuất hiện của đức Phật được thuật lại bởi những người thương buôn rằng:

5750. "Đức Phật đã hiện khởi ở thế gian là nhân vật độc nhất không ai sánh bằng. Ngài công bố Chánh pháp về bất tử là sự an lạc tối thượng.

5751. Các đệ tử của Ngài là những vị vô cùng chín chắn, khéo được giải thoát và không còn lậu hoặc." Sau khi nghe được lời nói tốt đẹp của những người ấy, tôi đã tôn trọng những người thương buôn.

5752. Sau khi từ bỏ vương quyền, tôi cùng với đám cận thần đã ra đi, hướng tâm về đức Phật. Tôi đã nhìn thấy con sông Mahācandā được tràn đầy, ngập đến bờ.

5753. [Con sông] có dòng nước chảy xiết, không có bến tàu, không có cầu treo, khó vượt qua. Tôi đã vượt qua một cách an toàn sau khi tưởng nhớ đến hạnh lành của đức Phật [rằng]:

5754. "Nếu đức Phật là bậc đã vượt qua dòng nước hiện hữu, là vị đã đi đến tận cùng của thế giới, là bậc sáng suốt. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.

5755. Nếu đạo lộ đi đến an tịnh là sự giải thoát và là sự an lạc tuyệt đối. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu.

5756. Nếu hội chúng là đã vượt qua khu rừng rậm, là phước điền vô thượng. Do lời nói chân thật này, xin cho việc ra đi của tôi được thành tựu."

5757. Liền với khi sự chân thật cao quý đã được thực hiện, nước đã được lìa khỏi con đường. Do đó, tôi đã vượt qua bờ sông đáng yêu một cách thoải mái.

5758-59. Khi ấy, tôi đã nhìn thấy đức Phật đang ngồi phía trước các vị Thinh văn tợ như mặt trời đang mọc lên, tợ như ngọn núi vàng đang chói sáng, tợ như cây đèn đã được thắp sáng, tợ như mặt trăng được tháp tùng bởi các vì sao, trông như là vị Chúa trời đang đổ xuống đám mưa những lời thuyết giảng.

5760. Tôi đã cùng với các vị cận thần đảnh lễ rồi đã tiến vào ở một bên. Sau đó, biết được thiên hướng của chúng tôi, đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp.

5761. Sau khi lắng nghe giáo pháp không bợn nhơ, chúng tôi đã nói với đấng Chiến Thắng rằng: "Bạch đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy xuất gia cho chúng con. Chúng con nhàm chán về sự hiện hữu."

5762. Bậc Hiền Trí thứ bảy đã nói như vầy: "Này các Tỳ-khưu, giáo pháp đã khéo được thuyết giảng đưa đến sự đoạn tận khổ đau cho các ngươi. Các ngươi hãy thực hành Phạm hạnh."

5763. Cùng với lời nói, tất cả chúng tôi cũng đã trở thành những vị mang y phục Tỳ-khưu, đã được tu lên bậc trên và là những vị Nhập lưu trong giáo pháp.

5764. Sau đó, đấng Hướng Đạo đã đi đến Jetavana và đã chỉ dạy. Được chỉ dạy bởi đấng Chiến Thắng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5765. Sau đó, tôi đã chỉ dạy một ngàn vị Tỳ-khưu ấy. Lúc bấy giờ, do việc chỉ dạy của tôi, các vị ấy cũng đã trở thành các bậc không còn lậu hoặc.

5766. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng ở đám đông dân chúng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng: "Kappina đứng đầu các vị giáo giới Tỳ-khưu."

5767. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

5768. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5769. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5770. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākappina đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākappina" là phần thứ ba.

534. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO DABBA (*Dabbattherāpadānaṃ*)

5771. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc hiểu biết về toàn bộ thế gian, đấng Hiền Trí, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5772. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5773. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5774. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5775. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5776. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5777. Khi ấy, là con trai nhà triệu phú có danh vọng lớn lao ở tại Haṃsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5778. Sau khi lắng nghe lời nói của Ngài đang tán dương vị Thinh văn, đang phân bố chỗ trú ngụ cho các vị Tỳ-khưu, tôi đã được hoan hỷ.

5779. Sau khi thực hiện hành động hướng thượng đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5780. Khi ấy, trong lúc tán dương việc làm của tôi, đấng Đại Hùng đã nói

rằng: "Người đã chăm lo vật thực đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng trong bảy ngày...

5781. ... là người này đây có mắt hình lá sen, có bả vai sư tử, có làn da vàng chói, đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta trong lúc phát nguyện vị thế tối thượng.

5782. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5783. Khi ấy, người này sẽ là Thinh văn của vị Phật ấy, được nổi tiếng với tên là Dabba, và sẽ là vị phân bố chỗ trú ngụ hàng đầu."

5784. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5785. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần, và đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5786. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5787. Trước đây chín mươi mốt kiếp, bậc Lãnh Đạo tên Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

5788. Có tâm xấu xa, tôi đã chửi mắng vị Thinh văn đã đoạn tận tất cả các lậu hoặc của đức Phật như thế ấy, dầu đã biết rõ là "Vị trong sạch."

5789. Tôi đã lấy ra tấm thẻ của chính bậc vĩ nhân ấy và tôi đã dâng cúng cơm sữa đến các vị Thinh văn đại ẩn sĩ [không có phần vị ấy].

5790. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

5791. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các hàng ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện và đã Niết-bàn cùng các Thinh văn.

5792. Khi đấng Bảo Hộ cùng các vị đệ tử đã Niết-bàn và giáo pháp đang đi đến tiêu hoại, chư thiên bị chấn động, có tóc xổ ra, mặt đầy nước mắt, đã than vãn rằng:

5793. "Sự nhìn thấy giáo pháp sẽ bị lụi tàn, chúng ta sẽ không nhìn thấy các vị có sự hành trì tốt đẹp, chúng ta sẽ không được nghe Chánh pháp. Ôi, chúng ta thật kém phước!"

5794. Khi ấy, toàn bộ quả đất này, vốn bất động, đã có sự chuyển động qua lại. Và biển cả như là có sự sầu muộn đã gào lên âm giọng thê thảm.

5795. Những cái trống không người [sử dụng] đã vang lên từ khắp bốn phương, và các tiếng sấm đem lại sự kinh hãi đã nổ ra khắp nơi.

5796. Những đốm lửa đã rơi xuống từ không trung và cột khói được nhìn thấy. Tất cả cây cối, chúng sanh và các loài thú đã kêu gào thảm thiết.

5797. Sau khi nhìn thấy sự bạo tàn xuất hiện, báo hiệu sự tiêu hoại của giáo pháp, bị chấn động bảy vị Tỳ-khưu, chúng tôi khi ấy đã suy nghĩ rằng:

5798. "Không có giáo pháp, đối với chúng ta là đã đủ với cuộc sống rồi. Chúng ta hãy đi vào khu rừng lớn và gắn bó với lời dạy của đấng Chiến Thắng."

5799. Khi ấy, chúng tôi đã nhìn thấy ngọn núi cao chót vót ở trong khu rừng. Chúng tôi đã leo lên ngọn núi ấy bằng chiếc thang và đã làm chiếc thang rơi xuống.

5800. Khi ấy, vị trưởng lão của chúng tôi đã giáo huấn rằng: "Sự xuất hiện của đức Phật là điều hy hữu, đức tin là điều khó đạt thì [chúng ta] đã đạt được, và giáo pháp còn sót lại là ít ỏi.

5801. Các cơ hội đã qua đi và rơi vào biển cả khổ đau vô tận. Do đó, việc thực hành nên được thực hiện trong khi lời dạy của bậc Hiền Trí vẫn còn tồn tại."

5802. Vị trưởng lão ấy đã trở thành bậc A-la-hán, vị kế tiếp khi ấy là bậc Bất lai, những vị khác được gắn bó với thiện giới đã đi đến thế giới của chư thiên.

5803. Vị vượt qua luân hồi đã Niết-bàn, và chỉ một vị ở cõi Tịnh Cư thiên. Còn tôi, Pukkusāti, Sabhiya, Bāhiya là tương tợ như nhau.

5804. Và luôn cả Kumārakassapa nữa, chúng tôi đã tái sanh ở nơi này nơi khác. Được thương tưởng bởi đấng Gotama, chúng tôi đã được giải thoát khỏi sự trói buộc của luân hồi.

5805. Tôi đã được sanh ra ở thành Kusinārā, giữa những người Mallā. Ngay khi tôi còn ở trong bào thai, mẹ của tôi bị chết và đã được đưa lên giàn hỏa thiêu. Từ nơi ấy, tôi đã được rơi xuống.

5806. Được rơi xuống ở nơi đống củi, do đó tôi được nổi danh là Dabba.[1] Với năng lực của việc hành trì Phạm hạnh, vào lúc bảy tuổi tôi đã được giải thoát.

5807. Do quả báo của cơm sữa, tôi đã đạt được năm yếu tố. Do sự chửi mắng vị có lậu hoặc đã được đoạn tận, tôi đã bị vu cáo nhiều lần bởi những kẻ xấu.[2]

5808. Giờ đây, tôi đã vượt qua cả hai điều thiện và ác. Sau khi đạt được sự an tịnh tuyệt đối, tôi sống không còn lậu hoặc.

5809. Tôi đã phân bố chỗ trú ngụ và đã làm cho các vị có sự hành trì tốt đẹp được vui vẻ. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

5810. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5811. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

---

[1] Nghĩa của từ *dabba* là củi, gỗ.

[2] Có hai câu chuyện được ghi lại ở phần câu chuyện dẫn nhập của 2 điều *Saṅghādisesa* 8 và 9 ở tạng Luật.

5812. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Dabba Mallaputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Dabba Mallaputta" là phần thứ tư.

535. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KUMĀRAKASSAPA
(*Kumārakassapattherāpadānaṃ*)

5813. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Lãnh Đạo, bậc Anh Hùng tên Padumuttara, vị hữu ích của tất cả thế gian đã hiện khởi.

5814. Lúc bấy giờ, tôi đã là vị Bà-la-môn được nổi tiếng, thông suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang tiến hành việc nghỉ ngơi giữa ngày.

5815. Ngài đang công bố về bốn sự thật, đang giác ngộ chúng sanh luôn cả chư thiên, đang tán dương vị đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay ở nơi đám đông dân chúng.

5816-17. Khi ấy, có tâm hoan hỷ, tôi đã thỉnh mời đức Như Lai và đã trang hoàng mái che bằng những tấm vải có nhiều màu sắc khác nhau, được sáng chói bởi nhiều loại châu báu. Tại nơi ấy, tôi đã chăm lo bữa ăn đến Ngài cùng với hội chúng. Tôi đã cung cấp bữa ăn có hương vị tối thắng đa dạng trong bảy ngày.

5818. Sau khi cúng dường Ngài cùng các vị Thinh văn bằng những bông hoa có nhiều màu sắc khác nhau, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5819. Khi ấy, đấng Hiền Trí cao quý với thiên hướng thực hành hạnh bi mẫn đã nói rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người Bà-la-môn cao quý này, có khuôn mặt và con mắt của những đóa hoa sen.

5820. [Người này] tràn ngập niềm phỉ lạc và hưng phấn, có lông tóc dựng đứng, có mắt mở to tỏ lộ nụ cười, có lòng khao khát giáo pháp của Ta.

5821. [Người này] đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân của Ta với thiện ý hướng đến một điều: Vị ấy phát nguyện về vị thế ấy là bản thể của vị thuyết giảng hay.

5822. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5823. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kumārakassapa.

5824. Do nhờ tác động của các loại bông hoa cùng vải vóc đã được trang hoàng và của các loại châu báu, người ấy sẽ thành tựu tư cách đứng đầu trong số các vị thuyết giảng hay."

5825. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5826. Giống như vũ công ở giữa sân khấu, trong khi quay cuồng ở không gian của các cõi, tôi đã hạ sanh vào bụng của con nai cái và đã trở thành nai [đực], con của con nai tên Sākha.

5827. Lúc bấy giờ, khi tôi nhập thai là thời điểm trừng phạt xảy đến. Mẹ tôi đã bị con nai Sākha ruồng bỏ và đã đi đến nương tựa vào [nai chúa] Nigrodha.

5828. Lúc bấy giờ, nhờ vào con nai chúa ấy, mẹ tôi đã được thoát khỏi sự chết. Sau khi đã được ban cho mạng sống, mẹ tôi đã giáo huấn tôi như vầy:

5829. "Con nên phục vụ chỉ riêng Nigrodha, chớ có sống thân cận với Sākha. Thà bị chết ở nơi Nigrodha còn tốt hơn nếu phải sống cùng Sākha."

5830. Được chỉ dạy bởi con nai đầu đàn ấy, tôi cùng mẹ và những con nai khác cũng như vậy, đã đi đến trú ngụ ở cõi trời Đẩu-suất đáng yêu, rồi đã đi đến nơi cư trú khác cũng có chỗ ở tương tợ như thế.

5831. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5832. Giờ đây, tôi đã được sanh vào gia tộc triệu phú ở thành Rājagaha. Mẹ của tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình khi đã mang thai.

5833. Biết được mẹ tôi có thai, các vị đã đưa mẹ tôi đến gặp Devadatta. Vị ấy đã nói rằng: "Các người hãy trục xuất Tỳ-khưu-ni xấu xa này."

5834. Giờ đây, [mẹ tôi] cũng đã được đấng Chiến Thắng, bậc Hiền Trí Vương thương xót. Được an toàn, mẹ đã sanh ra tôi tại tu viện của các Tỳ-khưu-ni.

5835. Biết được điều ấy, đức vua xứ Kosala đã nuôi dưỡng tôi. Và do việc có phẩm hạnh từ lúc nhỏ, tôi có tên là Kassapa.

5836. So sánh với vị Mahākassapa (Kassapa lớn), tôi là Kumārakassapa (Kassapa thiếu niên). Tôi đã lắng nghe điều đã được đức Phật thuyết giảng rằng xác thân là tương tợ tổ mối.

5837. Do đó, tâm của tôi đã được giải thoát không còn chấp thủ mọi thứ. Tôi đã cảm hóa được đức Vua Pāyāsi và đã đạt được vị thế tối thắng.

5838. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5839. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5840. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kumārakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kumārakassapa" là phần thứ năm.
(Dứt tụng phẩm thứ hai mươi bốn).

536. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BĀHIYA (*Bāhiyattherāpadānaṃ*)

5841. Trước đây một trăm ngàn kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Padumuttara, là vị có hào quang chói lọi, đứng đầu tam giới.

5842. Tôi đã lắng nghe đấng Hiền Trí đang tán dương đức hạnh của vị Tỳ-khưu có thắng trí nhạy bén. Với tâm phấn chấn, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

5843. Lúc bấy giờ, sau khi dâng cúng vật thí đến bậc Hiền Trí cùng các đệ tử trong bảy ngày, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã phát nguyện vị thế ấy.

5844. Do đó, đức Phật đã chú nguyện cho tôi rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem, người Bà-la-môn này đã quỳ xuống cạnh bàn chân của Ta với ánh mắt và khuôn mặt được tịnh tín.

5845. Có làn da mỏng manh màu trắng, có thân hình được mang sợi dây quàng vai vàng chói, có môi đỏ như là trái bimba được treo lơ lửng, có răng màu trắng sắc bén.

5846. [Người này] có dồi dào năng lực về đức hạnh, có thân hình vươn cao, là nguồn nước về các hạnh lành, có khuôn mặt nở rộ niềm phỉ lạc.

5847. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có thắng trí nhạy bén. Trong ngày vị lai sẽ có bậc Đại Hùng tên là Gotama.

5848. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bāhiya."

5849. Khi ấy, vô cùng hớn hở tôi đã đứng dậy. Tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Hiền Trí đến hết cuộc đời. Mệnh chung, tôi đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình.

5850. Dầu trở thành vị thiên nhân hay là nhân loại, do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi được sung sướng. Tôi đã luân hồi và đã thọ hưởng sự thành đạt.

5851. Lần khác nữa, trong khi giáo pháp của đấng Anh Hùng Kassapa đang đi đến hoại diệt, [bảy vị chúng tôi] đã leo lên đỉnh ngọn núi và đã gắn bó vào lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5852. Là những người thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng, có giới trong sạch, có trí tuệ, mệnh chung từ nơi ấy, năm người chúng tôi đã đi đến thế giới của chư thiên.

5853. Sau đó, Bāhiya tôi đã được sanh ra ở kinh thành Bhārukaccha. Từ nơi ấy, tôi dùng thuyền lao vào khu vực biển cả ít có sự an toàn.

5854. Do đó, sau khi ra đi một vài ngày, chiếc thuyền đã bị vỡ tan. Khi ấy, tôi đã rơi vào khu vực có cá dữ, khủng khiếp, gây ra sự kinh hoàng.

5855. Khi ấy, tôi đã ra sức và đã tự vượt qua được đại dương. Tôi đã đến được bến tàu Suppāra quý báu, lờ đờ, run lẩy bẩy.

5856. Tôi đã khoác lên y phục vỏ cây và đã đi vào làng để khất thực. Khi ấy, dân chúng ấy đã hớn hở nói rằng: "Vị A-la-hán này đã ngự đến nơi đây.

5857. Sau khi hậu đãi người này với cơm ăn, nước uống, vải vóc, giường nằm và thuốc men chữa bệnh, chúng ta sẽ được an lạc."

5858. Khi ấy, được họ tôn kính và cúng dường, tôi đã có được lợi lộc về các vật dụng cần thiết. Tôi đã khiến họ có sự suy nghĩ một cách không đúng đắn rằng: "Tôi là vị A-la-hán."

5859. Vì thế, sau khi biết được tâm của tôi, vị thiên nhân [trong số bảy vị] trước đây đã quở trách rằng: "Ngươi không biết phương pháp và đường lối, làm sao ngươi có thể trở thành bậc A-la-hán?"

5860. Bị quở trách bởi vị ấy, bị chấn động, khi ấy tôi đã hỏi rằng: "Các bậc tối thượng nhân A-la-hán ở trên đời là những ai? Các vị này ở đâu?"

5861. "Ở tại Sāvatthi là cung điện của xứ Kosala, có đấng Chiến Thắng là bậc có trí tuệ dồi dào, có sự sáng suốt bao la cao quý. Là người con trai dòng Sakya, là bậc A-la-hán, không còn lậu hoặc, Ngài thuyết giảng giáo pháp đưa đến sự thành tựu phẩm vị A-la-hán."

5862. Lúc bấy giờ, sau khi lắng nghe lời nói của vị này, tôi vô cùng sung sướng và sửng sốt tợ như người ăn xin đã đạt được của chôn giấu. Tôi đã có tâm phấn chấn để được yết kiến bậc A-la-hán tối thượng, có hình dáng tốt đẹp, có hành xứ không giới hạn.

5863. Lúc bấy giờ, tôi đã rời khỏi nơi ấy, [nghĩ rằng:] "Khi nào tôi [sẽ] nhìn thấy đấng Chiến Thắng, con người cao quý, bậc có khuôn mặt không vết bẩn?" Tôi đã đi đến khu rừng đáng yêu tên Vijita và đã hỏi những người Bà-la-môn rằng: "Bậc đem lại niềm hân hoan cho thế gian ở nơi đâu?"

5864. Do đó, họ đã nói rằng: "Bậc được tôn vinh bởi chư thiên và nhân loại đã đi vào thành phố với ý định tìm kiếm vật thực. Nếu mong mỏi diện kiến bậc Hiền Trí, ngươi hãy mau mau đi đến và hãy lễ bái nhân vật cao cả ấy."

5865. Do đó, tôi đã mau chóng đi đến kinh thành Sāvatthi. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang đi đó đây vì mục đích vật thực, không thèm khát, không ham hố.

5866. Có bình bát ở tay, mắt không ước vọng, như là đang phân phát sự bất tử, có khuôn mặt mang vẻ sáng lạn của mặt trời, tợ như chỗ ngụ của điều may mắn.

5867. Tôi đã đi đến gặp Ngài và đã nói lời nói này: "Bạch đấng Gotama, xin Ngài hãy là chốn nương nhờ cho kẻ đã bị lầm lạc vào con đường sai trái."

5868. Bậc Hiền Trí tối thượng đã nói rằng: "Ta đang đi loanh quanh để

khất thực, nhằm mục đích tế độ chúng sanh, không phải là lúc thuyết pháp cho ngươi."

5869. Khi ấy, khát khao về giáo pháp, tôi đã liên tục cầu xin đức Phật. Ngài đã thuyết giảng cho tôi giáo pháp thâm sâu về đường lối của Không tánh.

5870. Sau khi lắng nghe giáo pháp của Ngài, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc. Tôi là người có tuổi thọ đã tận cùng. Ôi, bậc Đạo Sư quả là đấng có lòng thương xót!

5871. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5872. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5873. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

5874. Vị Trưởng lão Bāhiya Dārucīriya đã giải thích như thế. Vị ấy đã bị té ngã vào đống rác bởi con bò cái đã bị quỷ nhập vào.

5875. Bậc đại trí đã thuật lại cuộc sống trước đây của bản thân. Vị anh hùng ấy đã viên tịch Niết-bàn tại kinh thành Sāvatthi.

5876. Bậc Ẩn Sĩ tối thượng, trong khi đi ra khỏi thành phố, đã nhìn thấy vị Bāhiya trí tuệ ấy mặc y phục vỏ cây có sự tái sanh đã xa lìa.

5877. Tợ như ngọn cờ của đức vua đã bị đổ xuống, bậc đã được rèn luyện bị ngã ở trên đất, có tuổi thọ đã hết, có phiền não đã lìa, đã là vị thực hành lời dạy của đấng Chiến Thắng.

5878. Do đó, bậc Đạo Sư đã bảo các vị Thinh văn nhiệt tình với giáo pháp rằng: "Các người hãy khiêng lên, đưa đi, rồi hỏa thiêu thi thể của bậc Phạm hạnh.

5879. Các người hãy xây dựng ngôi bảo tháp. Vị đại trí ấy đã Niết-bàn. Vị này là vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có thắng trí nhạy bén, là người thực hành theo lời dạy của Ta.

5880. Nếu một ngàn câu kệ chỉ chứa đựng những từ vô ý nghĩa, một [phần tư] câu kệ vẫn là tốt hơn [nếu] người đã nghe điều ấy được an tịnh.[3]

5881. Nơi nào nước, đất, lửa và gió không trụ vững, nơi ấy đạo đức không chiếu sáng, mặt trời không rực sáng, nơi ấy không có mặt trăng tỏa sáng, nơi ấy bóng tối không được biết đến.

5882. Và khi nào vị Bà-la-môn hiền trí đã tự thân biết được với sự sáng suốt, thì được giải thoát khỏi sắc, khỏi vô sắc, khỏi lạc và khỏi khổ", đấng Bảo Hộ, bậc Hiền Trí, đấng Nương Nhờ Của Tam Giới đã nói như thế.

Đại đức Trưởng lão Bāhiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bāhiya" là phần thứ sáu.

---

[3] *Dh.* v. 101.

537. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KOṬṬHITA (*Koṭṭhitattherāpadānaṃ*)

5883. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5884. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5885. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5886. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5887. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5888. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5889. Khi ấy, tôi là người Bà-la-môn ở tại Haṃsavatī, thông suốt các bộ Vệ-đà. Tôi đã đi đến bậc Ưu Tú Cao Cả Của Chúng Sanh và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5890-91. Khi ấy, đấng Anh Hùng ấy đã thiết lập vào vị thế tối thắng đối với vị Thinh văn có hành xứ về sự hiểu biết đã được rạch ròi, và là vị rành rẽ về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã cung cấp vật thực đến đấng Chiến Thắng Cao Quý cùng các vị Thinh văn trong bảy ngày.

5892. Sau khi khoác lên bậc Đại Dương Của Giác Ngộ cùng với các đệ tử bằng các tấm vải, tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5893. Do đó, bậc Cao Cả Của Thế Gian đã nói rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem vị Bà-la-môn cao thượng này, vị có ánh sáng từ lòng đóa hoa sen phát ra, đã cúi mình ở bàn chân của Ta.

5894. Với đức tin ấy, với sự dứt bỏ và với sự lắng nghe giáo pháp, người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu hàng đầu của đức Phật.

5895. Sau khi đã được sung sướng ở mọi nơi và sau khi đã luân hồi ở cõi này cõi khác, trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

5896. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5897. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Koṭṭhita."

5898. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ, có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm từ ái, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời.

5899. Do quả thành tựu của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5900. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5901. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5902. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không đi đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc khéo hành trì.

5903. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc khéo hành trì.

5904. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được tái sanh trong gia tộc Bà-la-môn có tài sản lớn lao ở thành phố Sāvatthi.

5905. Người mẹ tên là Candavatī, người cha của tôi tên là Assalāyana. Và đức Phật đã hướng dẫn cha tôi về sự thanh tịnh toàn diện.

5906. Khi ấy, được tịnh tín tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình ở đấng Thiện Thệ. Thầy chỉ dạy là vị Moggallāna, thầy tế độ là vị xuất thân từ bà Sārī.[4]

5907. Khi các sợi tóc đang được cạo, tà kiến đã được chặt đứt tận gốc. Và trong khi đang quấn y ca-sa, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5908. Và sự hiểu biết của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ và về phép biện giải là đã được phân giải; vì thế, đấng Cao Cả Của Thế Gian đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

5909. Được vị Upatissa[5] hỏi, tôi đã giải thích không bị lầm lẫn. Vì thế, tôi đã là vị đứng đầu về các pháp phân tích trong giáo pháp của đấng Toàn Giác.

5910. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5911. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5912. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mahākoṭṭhita đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mahākoṭṭhita" là phần thứ bảy.

---

[4] Vị xuất thân từ bà Sārī, ám chỉ Ngài Sāriputta, con trai (*putta*) của bà Sārī.

[5] Upatissa là tên gọi của Ngài Sāriputta lúc còn tại gia. (ND)

538. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO URUVELAKASSAPA
(*Uruvelakassapattherāpadānaṃ*)

5913. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5914. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5915. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5916. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5917. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5918. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5919. Khi ấy, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành ở tại Haṃsavatī, tôi đã đi đến gặp đấng Quang Đăng Của Thế Gian và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5920. Khi ấy, Ngài đang thiết lập vị Thinh văn, là bậc đại nhân, có hội chúng lớn vào vị thế tối thắng. Tôi đã lắng nghe và đã trở nên hoan hỷ.

5921. Tôi đã thỉnh mời đấng Chiến Thắng vĩ đại cùng với đoàn tùy tùng đông đảo. Cùng với một ngàn vị Bà-la-môn, tôi đã dâng cúng vật thí.

5922. Sau khi dâng cúng cuộc đại thí, tôi đã đảnh lễ đấng Lãnh Đạo rồi đã đứng ở một bên. Được mừng rỡ, tôi đã nói lời nói này:

5923. "Bạch đấng Anh Hùng, với đức tin của con ở Ngài và với công đức của việc làm hướng thượng, mong sao con luôn có được hội chúng đông đảo khi sanh ra ở nơi này, nơi khác."

5924. Khi ấy, với âm điệu ngọt ngào được rống lên bởi loài voi, được hót lên bởi loài chim Karavīka, bậc Đạo Sư đã nói với hội chúng rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người Bà-la-môn này.

5925. [Người này] có màu da vàng chói, có cánh tay lực lưỡng, có khuôn mặt và ánh mắt như đóa hoa sen, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ, có niềm tin vào đức hạnh của Ta.

5926. Người này phát nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu có âm thanh của loài sư tử. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

5927. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5928. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự

giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kassapa."

5929. Trước đây chín mươi hai kiếp, đã có đấng Đạo Sư, bậc Vô Thượng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Phussa, không có vị tương tợ, không có ai sánh bằng.

5930. Và sau, khi đã tiêu diệt tất cả sự tăm tối, đã tháo gỡ mối rối rắm lớn lao, trong lúc làm hài lòng thế gian luôn cả chư thiên, Ngài đã đổ cơn mưa bất tử.

5931. Chính vào lúc ấy, chúng tôi đã là hàng hậu duệ của đức vua ở thành Bārāṇasī. Tất cả ba anh em chúng tôi đều được thân cận đối với đức vua.

5932. Chúng tôi có cơ thể và dáng vóc của vị anh hùng, có sức mạnh, không bị đánh bại ở chiến trường. Khi ấy, vùng biên địa bị dấy loạn, vị lãnh chúa đã nói với chúng tôi rằng:

5933. "Này các con, hãy đi đến vùng biên địa, hãy càn quét lực lượng lục lâm, hãy làm cho vương quốc của ta được thanh bình, rồi hãy quay trở về và trình báo."

5934. Do đó, chúng tôi đã nói rằng: "Nếu bệ hạ có thể ban đấng Lãnh Đạo cho chúng con về việc hộ độ, do việc đó, chúng con sẽ làm tốt nhiệm vụ cho bệ hạ."

5935. Do đó, chúng tôi đã đạt được điều ân huệ. Được phái đi bởi vị quân vương, chúng tôi đã làm cho vùng biên địa buông khí giới và đã đi đến gặp đức vua lần nữa.

5936. Chúng tôi đã thỉnh cầu đức vua về việc hộ độ bậc Đạo Sư, đấng Lãnh Đạo Thế Gian, bậc Hiền Trí Anh Hùng; và sau khi đã đạt được [thỉnh cầu], chúng tôi đã cung phụng Ngài cho đến hết cuộc đời.

5937. [Chúng tôi đã dâng cúng] các tấm vải vô cùng giá trị, các vị nệm thượng hạng, các chỗ nằm ngồi đáng yêu và các dược phẩm có lợi ích.

5938. Sau khi dâng cúng đến bậc Hiền Trí cùng với hội chúng các phẩm vật được phát sanh đúng pháp của chúng tôi, chúng tôi là những người có giới, có lòng bi mẫn, có tâm gắn bó với sự tu tập.

5939. Chúng tôi đã luôn luôn phục vụ đấng Lãnh Đạo với tâm từ ái. Khi bậc Cao Cả Của Thế Gian ấy Niết-bàn, chúng tôi đã cúng dường tùy theo năng lực.

5940. Mệnh chung từ nơi ấy, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, đã thọ hưởng sự an lạc lớn lao ở tại nơi ấy; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

5941. Giống như người làm trò ảo thuật ở sân khấu biểu diễn nhiều hình thức, tương tợ như thế, trong khi xoay vần ở hiện hữu, tôi đã là vị chúa tể xứ Videha.

5942-43. Có thiên hướng tà kiến theo lời nói của đạo sĩ lõa thể tên Guṇa,

tôi đã bước lên đạo lộ đi địa ngục. Tôi đã không chấp nhận lời khuyên nhủ của người con gái của tôi là Rujā. Trong khi được chỉ dạy theo nhiều cách thức bởi đấng Phạm thiên Nārada, tôi đã từ bỏ tà kiến ác xấu.

5944. Sau khi đã làm tròn đủ mười đường lối về nghiệp [thiện] một cách đặc biệt, tôi đã từ bỏ xác thân và đã đi đến cõi trời như là [đi đến] nhà của chính mình.

5945. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn]. Tôi đã được sanh ra trong đại gia tộc Bà-la-môn ở thành phố Bārāṇasī thịnh vượng.

5946. Bị hãi sợ về sự chết, sự bệnh và sự già, tôi đã từ bỏ tài sản lớn lao, trong lúc tầm cầu đạo lộ Niết-bàn, tôi đã xuất gia ở những đạo sĩ tóc bện.

5947. Khi ấy, hai người em trai của tôi đã xuất gia cùng với tôi. Tôi đã tạo dựng khu ẩn cư ở tại Uruvelā và đã cư ngụ [ở đó].

5948. Kassapa là tên theo gia tộc và là người cư trú ở Uruvelā, do đó, đã có sự định đặt tên cho tôi là Uruvelakassapa.

5949. Người em trai của tôi ở lân cận khu vực Nādī có tên là Nādīkassapa, và [người em trai] ở lân cận khu vực Gayā có tên là Gayākassapa.

5950. Người [em trai] nhỏ nhất có hai trăm, người em trai giữa có ba trăm, tôi có năm trăm đệ tử không thiếu sót, tất cả đều đi theo [sự hướng dẫn của] tôi.

5951. Khi ấy, đức Phật đã đi đến gặp tôi và đã thực hiện đối với tôi những phép kỳ diệu nhiều loại khác nhau. Đấng Cao Cả Của Thế Gian, bậc Điều Phục Nhân đã hướng dẫn cho tôi.

5952. Cùng nhóm tùy tùng một ngàn người, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu theo lối "được gọi đến". Cùng với tất cả các vị ấy, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

5953-54. Các vị ấy và luôn cả nhiều người đệ tử khác đã tháp tùng theo tôi. Và tôi có khả năng để chỉ dạy. Do đó, trong sự hiện diện của đại chúng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng. Ôi, việc tôn kính đã được thực hiện ở đức Phật đã có quả báo sanh lên cho tôi!

5955. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5956. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

5957. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uruvelakassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uruvelakassapa" là phần thứ tám.

539. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO RĀDHA (*Rādhattherāpadānaṃ*)

5958. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.

5959. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5960. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5961. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5962. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5963. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5964. Khi ấy, là người Bà-la-môn thông suốt về chú thuật ở tại Haṃsavatī, tôi đã đi đến gặp bậc Quý Nhân ấy và đã lắng nghe việc thuyết giảng giáo pháp.

5965. Được tự tin ở nơi các hội chúng, đấng Đại Hùng, bậc Hướng Đạo đang tuyên bố vị Tỳ-khưu có tài biện giải ở vào vị thế tối thắng.

5966. Khi ấy, sau khi thể hiện sự tôn kính đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã quỳ xuống đê đầu ở chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy.

5967. Do đó, đức Thế Tôn, vị có ánh sáng tợ như khối vàng đã nói với tôi bằng giọng nói thu hút, [có khả năng] mang đi các phiền não và ô nhiễm rằng:

5968. "Mong sao ngươi có sự an vui, sống thọ. Mong sao ước nguyện được thành tựu cho ngươi. Sự tôn kính đã được ngươi thể hiện đến Ta cùng hội chúng thật vô cùng rộng lớn.

5969. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

5970. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên gọi là Rādha.

5971. Được hoan hỷ về chủng tử đức hạnh của ngươi, người con trai dòng Sakya, bậc Nhân Ngưu, đấng Lãnh Đạo ấy sẽ tuyên bố [ngươi là] vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải."

5972. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ, có niệm, có tuệ, định tĩnh. Với tâm từ ái, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng từ đó cho đến hết cuộc đời.

5973. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

5974. Và tôi đã cai quản thiên quốc ba trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương năm trăm lần.

5975. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã được sung sướng ở tất cả các nơi.

5976. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbajja,[6] trong gia tộc Bà-la-môn không được sung túc, bị thiếu thốn về y phục và thức ăn.

5977. Tôi đã dâng lên một muỗng thức ăn đến vị Sāriputta như thế ấy. Đến khi già nua và lớn tuổi, khi ấy tôi đã đi đến tu viện.

5978. Là người già cả yếu đuối không có thể lực, các vị không ai cho tôi xuất gia. Vì thế, khi ấy tôi đã trở nên thê thảm, cơ thể bị xuống sắc, có sự sầu muộn.

5979. Sau khi nhìn thấy, đấng Đại Bi, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói với tôi rằng: "Này con trai, lý do gì khiến ngươi lại bị khổ đau vì sầu muộn. Hãy trình bày nỗi khổ đau đã sanh lên ở tâm của ngươi."

5980. "Bạch đấng Anh Hùng, con không đạt được sự xuất gia trong giáo pháp khéo được thuyết giảng của Ngài. Vì thế, con trở nên thê thảm vì sầu muộn. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy là nơi nương nhờ [của con]."

5981. Khi ấy, bậc Hiền Trí tối thượng đã triệu tập các vị Tỳ-khưu lại và đã hỏi rằng: "Những vị nào nhớ được hành động hướng thượng của người này, những vị ấy hãy nói lên."

5982. Khi ấy, vị Sāriputta đã nói rằng: "Con nhớ được hành động của người này. Trong khi con đang đi khất thực, ông đã bảo dâng cúng một muỗng thức ăn đến con."

5983. "Lành thay! Lành thay! Này Sāriputta, ngươi quả là người biết ơn. Ngươi hãy cho người Bà-la-môn lớn tuổi này xuất gia. Người này sẽ là chủng tử tốt."

5984. Do đó, tôi đã đạt được sự xuất gia và sự tu lên bậc trên với lời tuyên ngôn hành sự. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc.

5985. Vì tôi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí một cách nghiêm chỉnh, do đó, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải.

5986. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

5987. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

---

[6] Một tên gọi khác của thành Rājagaha. (ND)

5988. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Rādha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Rādha" là phần thứ chín.

540. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO MOGHARĀJA (*Mogharājattherāpadānaṃ*)

5989. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hiền Trí, đấng hiểu biết về toàn bộ thế giới, bậc Hữu Nhãn đã hiện khởi.[7]

5990. Là bậc giáo giới, là vị làm cho hiểu rõ, là vị giúp cho tất cả chúng sanh vượt qua, được thiện xảo trong việc thuyết giảng, đức Phật đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5991. Bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh cũng đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

5992. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và trống vắng các vị ngoại đạo.

5993. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai hảo tướng.

5994. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

5995. Lúc bấy giờ, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Haṃsavatī. Bị vướng bận trong sự quán xuyến công việc của người khác, tài sản riêng của tôi là không có gì.

5996. Trong khi cư ngụ tại gian nhà nghỉ chân có nền đất đã được sửa soạn, tôi đã đốt lên ngọn lửa ở tại nơi ấy [khiến] nền đất ấy đã trở nên đen và cứng.

5997. Khi ấy, đấng Bảo Hộ, bậc giảng giải về bốn sự thật, đã tán dương vị Thinh văn là vị mặc y thô xấu ở hội chúng.

5998. Hoan hỷ về đức hạnh đó của vị ấy, tôi đã quỳ xuống ở đức Như Lai và đã phát nguyện vị thế tối thượng là vị đứng đầu trong số các vị mặc y thô xấu.

5999. Do đó, đức Thế Tôn Padumuttara đã nói với các vị Thinh văn rằng: "Các ngươi hãy nhìn xem người nam có y phục thô xấu và thân hình gầy ốm này.

6000. [Người này] với khuôn mặt tịnh tín và có sự phỉ lạc, được sở hữu tài sản về đức tin, có lông dựng đứng sanh lên ở cơ thể, được mừng rỡ, không cử động, có nhúm bông Sāla.

6001. Người này phát nguyện vị thế ấy của vị Tỳ-khưu có được đạo binh về sự chân thật và có thiên hướng về hình tướng của vị mặc y thô xấu ấy."

6002. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã quỳ xuống đê đầu ở đấng Chiến Thắng. Tôi đã thực hiện việc làm tốt đẹp trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng cho đến hết cuộc đời.

---

[7] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Mogharājā, số 35, trang 81.

6003. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6004. Do hành động đốt nền đất ở gian nhà nghỉ chân, tôi đã bị thiêu đốt, bị khổ đau về cảm thọ ở địa ngục một ngàn năm.

6005. Do phần dư sót của nghiệp ấy, trong năm trăm kiếp sống, dầu đã được may mắn sanh ra làm người, tôi đã bị đóng dấu từ lúc mới sanh.

6006. Tôi đã bị nhiễm bệnh phong cùi luôn cả năm trăm kiếp sống. Do tác động của nghiệp ấy, tôi đã trải qua khổ đau lớn lao.

6007. Ở vào kiếp Bhadda này, với tâm ý tịnh tín, tôi đã làm hài lòng vị có danh vọng tối cao bằng món thức ăn.

6008. Do tính chất đặc biệt của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6009. Khi đạt đến lần hiện hữu cuối cùng, tôi đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ. Khi cha tôi băng hà, tôi đã được kế thừa vương quốc rộng lớn.

6010. Bị bệnh phong cùi chế ngự, tôi không đạt được sự vui sướng và sự an lạc. Vì sự sung sướng về vương quốc là rỗng không, cho nên tôi là Mogharājā.[8]

6011. Sau khi nhìn thấy sự xấu xa của thân thể, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Tôi đã đi đến làm học trò của vị Bà-la-môn cao cả tên Bāvarī.

6012. Cùng với đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo nhân loại. Tôi đã hỏi đấng Anh Hùng ấy là vị [có khả năng] khuất phục người đối đáp một câu hỏi khôn khéo.

6013. Thế giới này, thế giới khác, thế giới Phạm thiên, luôn cả thế giới chư thiên không biết rõ quan điểm của Ngài, của vị Gotama có danh vọng.

6014. "Bằng cách nào Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân này?" Là người có mục đích, tôi đã đi đến với người có sự thấy biết vượt trội như vậy bằng câu chất vấn.

6015. "Này Mogharāja, hãy luôn luôn có niệm. Ngươi hãy suy xét thân này là không. Sau khi dẹp bỏ tà kiến về tự ngã,[9] như vậy ngươi có thể vượt trội Thần chết.

6016. Thần chết không nhìn thấy người đang suy xét về thân này là như thế." Đức Phật, người thầy thuốc chữa tất cả các loại bệnh đã giảng cho tôi như vậy.

6017. Với sự chấm dứt của câu kệ, tôi có râu tóc đã được cạo bỏ, có sự mặc lên tấm vải ca-sa, tôi đã trở thành vị Tỳ-khưu A-la-hán như thế.

6018. Bị hành hạ bởi căn bệnh, tôi đã không cư ngụ trong các trú xá thuộc về hội chúng, [nghĩ rằng:] "Chớ để trú xá bị dơ bẩn", tôi đã bị hành hạ bởi các cơn bệnh về gió.

---

[8] Mogharājā nghĩa là "vị vua (*rājā*) rỗng không (*mogha*), *rajja* là vương quốc, vương quyền."

[9] Xem phần nói về Tùy ngã kiến, *Paṭisambhidāmagga* I (*Phân tích đạo* I), *TTPV*, tập 37, trang 266-281.

6019. Sau khi đã đem về từ đống rác, từ bãi tha ma và từ các đường lộ, từ đó tôi đã làm nên y hai lớp và tôi đã mặc y thô xấu.

6020. Hoan hỷ về đức hạnh ấy của tôi, bậc Thầy Thuốc Vĩ Đại, đấng Hướng Đạo đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị mặc y thô xấu.

6021. Có sự đoạn tận thiện và ác, đã được dứt bỏ mọi cơn bệnh, tợ như ngọn lửa không còn nhiên liệu, tôi đã Niết-bàn không còn lậu hoặc.

6022. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6023. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6024. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Mogharāja đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Mogharāja" là phần thứ mười.

Phần tóm lược

Vị Kaccāna, vị Trưởng lão Vakkali, vị có tên là Mahākappina, vị Dabba, vị có tên là Kumāra, vị Bāhiya, vị Koṭṭhita có năng lực, vị Uruvelakassapa, vị Rādha và bậc trí tuệ Mogharājā. Ở đây có ba trăm và luôn cả sáu mươi hai câu kệ đã được gộp chung lại.

Phẩm Kaccāna là phẩm thứ năm mươi bốn.

LV. PHẨM BHADDIYA
(*BHADDIYAVAGGO*)

541. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LAKUṆṬAKABHADDIYA
(*Lakuṇṭakabhaddiyattherāpadānaṃ*)

6025. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6026. Vào lúc bấy giờ, tôi là con trai nhà triệu phú có đại tài sản ở tại Haṃsavatī. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện của hội chúng.

6027. Khi ấy, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Lãnh Đạo ấy đang thuyết giảng giáo pháp. Ngài đã tán dương vị Thinh văn ưu tú trong số các vị có giọng nói ngọt ngào.

6028. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ. Tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư và đã phát nguyện vị thế ấy.

6029. Khi ấy, đức Phật, đấng Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: "Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6030. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6031. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Bhaddiya."

6032. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6033. Trước đây chín mươi hai kiếp, bậc Lãnh Đạo Phussa, vị khó tiếp cận, khó chinh phục, đấng Chiến Thắng Tối Thượng của tất cả thế gian đã hiện khởi.

6034. Là vị hội đủ tánh hạnh, cao thượng, ngay thẳng, có sự huy hoàng, là người tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã giải thoát cho nhiều người khỏi sự trói buộc.

6035. Tôi đã là con chim cu cu cườm ở khu rừng Nandārāma. Tôi sống ở cành cây xoài gần hương thất của Ngài.

6036. Khi ấy, sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Tối Thượng, bậc Xứng Đáng Cúng Dường đang đi khất thực, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã hót lên với tiếng hót ngọt ngào.

6037. Khi ấy, tôi đã đi đến khu vườn của đức vua và đã gắp lấy chùm xoài chín muồi có màu da vàng chói rồi đã dâng đến bậc Toàn Giác.

6038. Khi ấy, biết được tâm của tôi, bậc Đại Bi Mẫn, đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo đã nhận lấy bình bát từ tay của vị thị giả.

6039-40. Với tâm hớn hở, tôi đã dâng cúng chùm xoài đến bậc Đại Hiền Trí. Sau khi đặt vào bình bát, tôi đã chắp hai cánh lại, đồng thời hót lên với tiếng hót ngọt ngào, quyến rũ, êm tai, vui vẻ nhằm mục đích cúng dường đức Phật. Rồi tôi đã bay về tổ và nằm xuống.

6041. Khi ấy, tôi đã có tâm hoan hỷ, có thiên hướng yêu mến đức Phật. Có con chim ưng với tâm ý xấu xa đã đi đến và đã giết chết tôi.

6042. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã thọ hưởng sự sung sướng lớn lao ở cõi trời Đẩu-suất. Do nhờ tác động của nghiệp ấy, tôi đã đi đến nhập vào thai của loài người.

6043. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6044. Ngài đã làm chói sáng giáo pháp, đã khuất phục các ngoại đạo xấu xa, đã huấn luyện những người đáng được huấn luyện, và đã Niết-bàn cùng các vị Thinh văn.

6045. Khi đấng Cao Cả ấy của thế gian đã Niết-bàn, được tịnh tín, nhiều người tạo nên ngôi bảo tháp nhằm mục đích cúng dường đến đức Phật, đến bậc Đạo Sư.

6046. Họ bàn thảo như vầy: "Chúng ta sẽ tạo nên ngôi bảo tháp bảy do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Đại Ẩn Sĩ."

6047. Khi ấy, tôi đã là vị thống lãnh quân đội của đức vua của xứ Kāsi [tên] là Kiki. Tôi đã nói đến việc giảm thiểu kích thước ở ngôi bảo tháp.

6048. Khi ấy, do lời nói của tôi, họ đã xây dựng ngôi bảo tháp một do-tuần được trang hoàng bằng bảy loại châu báu dành cho bậc Anh Hùng của nhân loại.

6049. Do nghiệp ấy đã được thực hiện hoàn tất và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6050. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở tại kinh thành Sāvatthi.

6051. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sửng sốt. Sau khi xuất gia không lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6052. Do hành động tôi đã làm về kích thước của ngôi bảo tháp, tôi đã được sanh ra có thân hình thấp bé, đáng bị khinh thường.

6053. Sau khi cúng dường bậc Ẩn Sĩ tối thượng với giọng hát ngọt ngào, tôi đã thành tựu bản thể hàng đầu trong số các vị Tỳ-khưu có giọng nói ngọt ngào.

6054. Do việc dâng cúng trái cây và sự tưởng nhớ đến đức hạnh của đức Phật, tôi được thành tựu quả vị Sa-môn, tôi sống không còn lậu hoặc.

6055. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6056. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6057. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lakuṇṭakabhaddiya[1] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Lakuṇṭakabhaddiya" là phần thứ nhất.

542. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KAṄKHĀREVATA
(*Kaṅkhārevatattherāpadānaṃ*)

6058. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6059. Ngài có hàm sư tử, có giọng nói của Phạm thiên, có âm điệu của loài chim thiên nga và tiếng trống, có sự bước đi hùng dũng của loài rồng, có ánh sáng vượt trội mặt trăng và mặt trời.

6060. Bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng là có thiền chứng lớn lao, có sức mạnh lớn lao. Bậc Đại Bi, đấng Bảo Hộ là có sự xua đi màn tăm tối lớn lao.

6061. Có lần nọ, đấng Cao Cả của tam giới ấy, bậc Toàn Giác, đấng Hiền Trí, vị hiểu biết về thiên hướng của chúng sanh, trong lúc đang huấn luyện cho nhiều người đáng được huấn luyện, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp.

6062. Trong lúc tán dương ở hội chúng về vị anh hùng có thiền chứng, thỏa thích về thiền, an tịnh, không bị chộn rộn, đấng Chiến Thắng đã làm cho dân chúng được hoan hỷ.

6063. Khi ấy, tôi đã là vị Bà-la-môn thông suốt các bộ Vệ-đà ở thành Haṃsavatī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, được hoan hỷ tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

6064. Lúc bấy giờ, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo đã chú nguyện ở giữa hội chúng rằng: "Này Bà-la-môn, ngươi hãy hoan hỷ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6065. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên là Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6066. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Revata."

---

[1] *Lakuṇṭakabhaddiya* nghĩa là "vị tên Bhaddiya thấp lùn (*lakuṇṭaka*)."

6067. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6068. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya, được thành tựu gia tộc Sát-đế-lỵ sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao.

6069. Vào lúc đức Phật đã thuyết giảng giáo pháp ở Kapilavatthu, khi ấy, được tịnh tín ở đấng Thiện Thệ, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6070. Tôi đã có nhiều sự hoài nghi về điều được phép và không được phép, ở việc này việc nọ. Sau khi thuyết giảng về giáo pháp tối thượng, đức Phật đã hướng dẫn tất cả các điều ấy.

6071. Do đó, tôi đã vượt qua luân hồi và tôi sống luôn luôn được thỏa thích trong sự an lạc của thiền. Khi ấy, đức Phật, sau khi nhìn thấy tôi, Ngài đã nói điều này:

6072. "Bất cứ điều hoài nghi nào ở nơi đây hoặc ở cõi khác, do sự hiểu biết của chính mình hoặc do sự hiểu biết của người khác, những vị nào có thiền chứng, có sự tinh cần, đang thực hành Phạm hạnh, dứt bỏ tất cả những hoài nghi ấy."

6073. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não của tôi.

6074. Do đó, sau khi nhìn thấy tôi được thỏa thích trong thiền, đức Phật, vị đã đi đến tận cùng của thế giới, bậc Hiền Trí, đấng Đại Trí đã tuyên bố tôi là đứng đầu trong số các vị Tỳ-khưu có thiền chứng.

6075. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6076. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6077. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kaṅkhārevata[2] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kaṅkhārevata" là phần thứ nhì.

543. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVALĪ (*Sīvalittherāpadānaṃ*)

6078. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6079. Giới của vị ấy là không thể đo lường, định được sánh với kim cương, trí tuệ cao quý là không thể ước lượng, và sự giải thoát là không có tương đương.

---

[2] *Kaṅkhārevata* nghĩa là "vị Revata có sự hoài nghi (*kaṅkhā*)."

6080. Ở cuộc hội họp của loài người, chư thiên, các loài rồng và các đấng Phạm thiên, được đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn, bậc Lãnh Đạo đã thuyết giảng giáo pháp.

6081. Được tự tin ở nơi các hội chúng, Ngài đã thiết lập vị Thinh văn có lợi lộc nhiều, có phước báu rạng ngời vào vị thế tối thắng.

6082. Khi ấy, tôi đã là vị Sát-đế-lỵ ở thành phố tên là Haṃsā. Tôi đã nghe được lời nói ấy của đấng Chiến Thắng [nói] về nhiều đức hạnh của vị Thinh văn.

6083. Tôi đã thỉnh mời và đã cung cấp vật thực đến Ngài cùng với các vị Thinh văn trong bảy ngày. Sau khi cúng dường cuộc đại thí, tôi đã phát nguyện vị thế ấy.

6084. Khi ấy, sau khi nhìn thấy tôi khom mình ở bàn chân, bậc Nhân Ngưu, đấng Đại Hùng với âm điệu dịu dàng đã nói lời nói này.

6085. Do đó, có ước muốn được nghe lời nói của đấng Chiến Thắng, đám đông người gồm có chư thiên, a-tu-la, càn-thát-bà và các đấng Phạm thiên có đại thần lực.

6086. Luôn cả các vị Sa-môn và Bà-la-môn đã chắp tay lên lễ bái rằng: "Bạch đấng Siêu Nhân, xin kính lễ Ngài. Bạch đấng Tối Thượng Nhân, xin kính lễ Ngài.

6087. Bạch đấng Đại Hiền Trí, cuộc đại thí đã được vị Sát-đế-lỵ dâng cúng đến Ngài trọn bảy ngày, xin Ngài hãy chú nguyện quả báo cho vị ấy, [chúng tôi] có ước muốn được nghe."

6088-89. Khi ấy, đức Thế Tôn đã nói rằng: "Các ngươi hãy lắng nghe lời nói của Ta. Sự cúng dường đã khéo được thiết lập ở đức Phật vô lượng, ở hội chúng, ai là người thông báo rằng chính việc cúng dường ấy là có quả báo vô lượng? Và luôn cả người có của cải dồi dào này cũng phát nguyện vị thế tối thượng rằng:

6090. 'Giống như vị Tỳ-khưu Sudassana là có lợi lộc trong số các vị có lợi lộc dồi dào, mong rằng ta cũng có thể được tương tợ y như thế', [người này] sẽ đạt được điều ấy trong ngày vị lai.

6091. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6092. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Sīvali."

6093. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6094. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

6095. Lúc bấy giờ, tôi đã bị bận rộn với việc buôn bán, là người được cảm tình và còn được mong mỏi nữa của một gia đình nọ ở tại thành Bandhumatī.

6096. Khi ấy, có hội đoàn nọ đã thực hiện bữa ăn lớn lao vô cùng nổi tiếng đến bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī.

6097. Và khi cuộc đại thí được hoàn tất, họ đã dâng cúng món bánh tổng hợp. Trong lúc tìm kiếm, người ta vẫn không nhìn thấy sữa đông tươi và luôn cả mật ong nữa.

6098. Khi ấy, tôi đã cầm lấy sữa đông tươi ấy luôn cả mật ong rồi đã đi đến nhà của người chủ công việc. Trong lúc tìm kiếm vật ấy, họ đã nhìn thấy tôi.

6099. Dầu họ đã xuất ra đến một ngàn nhưng vẫn không nhận được hai món ấy. Do đó, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Việc này sẽ không là chuyện nhỏ.

6100. Giống như tất cả những người này tôn trọng đức Như Lai, thì ta cũng sẽ thể hiện sự tôn kính ở nơi đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng."

6101. Khi ấy, sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã nghiền nát sữa đông và mật ong chung lại rồi đã dâng cúng đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.

6102. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6103. Lần khác nữa, tôi đã trở thành vị vua có danh vọng lớn lao ở thành Bārāṇasī. Khi ấy, bị bực mình đối với quân thù, tôi đã cho thực hiện sự ngăn chặn ở cổng thành.

6104. Khi ấy, mọi người cùng với các quân lính đã bị ngăn cản và đã bị canh giữ bảy ngày. Sau đó, do kết quả của việc ấy, tôi đã thường xuyên bị rơi vào địa ngục.

6105. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở thành Koliya. Và mẹ của tôi là Suppavāsā, cha là Mahāli người xứ Licchavī.

6106. Do nghiệp phước thiện khi là vị Sát-đế-lỵ và do tác động của việc ngăn chặn cổng thành, tôi đã sống bảy năm trong bụng mẹ, chịu khổ đau.

6107. Trong bảy ngày, tôi đã bị mê man ở cửa [sanh ra], gánh chịu sự khổ đau lớn lao. Mẹ của tôi đã bị vô cùng đớn đau như thế do việc bày tỏ sự đồng tình [về quyết định ngăn chặn cửa thành trong bảy ngày].

6108. Được đức Phật thương tưởng, tôi đã được sanh ra an toàn. Ngay vào ngày được hạ sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6109. Thầy tế độ của tôi là vị Sāriputta và vị Moggallāna có đại thần lực. Trong khi đang xuống tóc, bậc Đại trí đã chỉ dạy cho tôi.

6110. Khi các sợi tóc đang được cạo, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Chư thiên, các loài rồng và nhân loại đem lại cho tôi các vật dụng.

6111. Việc tôi đã hoan hỷ cúng dường đến đấng Bảo Hộ Padumuttara và đấng Hướng Đạo Vipassī với các vật dụng một cách đặc biệt.

6112. Do đó, với tính chất đặc biệt của các nghiệp ấy, tôi đạt được lợi lộc dồi dào và thượng hạng ở mọi nơi, ở rừng rú, ở làng mạc, ở sông nước, ở đất liền.

6113. Vào lúc đấng Hướng Đạo ra đi nhằm mục đích thăm viếng vị Revata, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã ra đi cùng với ba mươi ngàn vị Tỳ-khưu.

6114. Khi ấy, bậc Đại Trí, đấng Đại Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng đã có các vật dụng được chư thiên đem lại vì sự lợi ích cho tôi.

6115. Được tôi phục vụ, đức Phật đã đi đến và thăm viếng Revata. Sau đó, Ngài đã đi đến Jetavana và đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

6116. Bậc Đạo Sư, nguồn lợi ích của tất cả thế gian, đã tán dương tôi ở các hội chúng rằng: "Này các Tỳ-khưu, trong các đệ tử của Ta, Sivalī là vị đứng đầu trong số các vị có được lợi lộc."

6117. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6118. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6119. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīvalī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīvalī" là phần thứ ba.

544. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAṄGĪSA (*Vaṅgīsattherāpadānaṃ*)

6120. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6121. Cũng giống như sóng ở biển cả, tợ như các vì sao ở bầu trời, tương tợ như thế, lời giảng dạy của Ngài được tô điểm bằng các vị A-la-hán.

6122. Ngài đứng đầu chư thiên, các hàng a-tu-la, các loài rồng và nhân loại. Ngài là bậc tối thượng ở giữa dân chúng có đông đảo các vị Sa-môn và Bà-la-môn.

6123. Đấng Chiến Thắng, vị đã đi đến tận cùng của thế giới, đang chiếu sáng thế gian bằng các tia sáng. Ngài đang đánh thức những đóa hoa sen xứng đáng được dẫn dắt bằng ngôn từ.

6124. Bậc Tối Thượng Nhân được hội đủ bốn pháp tự tín, có sự sợ hãi và quyến luyến đã được dứt bỏ, đã đạt đến sự bình an, có lòng tự tín.

6125. Đấng Cao Cả Của Thế Gian chứng tỏ vị thế hùng tráng cao quý và toàn bộ nền tảng của bậc đã được giác ngộ, không có tự trách cứ về bất cứ điều gì.

6126. Trong khi Ngài là bậc như thế ấy đang rống lên tiếng rống không chút hãi sợ của loài sư tử, không có người nào phản bác lại, dầu là thiên nhân, hoặc loài người, hay là đấng Phạm thiên.

6127. Trong khi thuyết giảng giáo pháp cao quý, trong khi giúp cho [nhân loại],

luôn cả chư thiên vượt qua, bậc tự tín ở nơi các hội chúng [đã] chuyển vận bánh xe Chánh pháp.

6128. Sau khi tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị có tài biện giải được công nhận là tốt lành về nhiều đức hạnh, Ngài đã thiết lập vị ấy vào vị thế tối thắng.

6129. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở thành Haṃsavatī, là người Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, là người hiểu biết về tất cả các bộ Vệ-đà, là vị chúa tể của việc tranh cãi, là bậc có sự tiêu diệt người đối đáp.

6130. Tôi đã đi đến gặp đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe về sự thuyết giảng giáo pháp ấy. Được thỏa thích với đức hạnh của vị Thinh văn, tôi đã đạt được niềm phỉ lạc cao quý.

6131. Tôi đã thỉnh mời đấng Thiện Thệ là niềm vui thích của thế gian cùng với hội chúng. Sau khi cung cấp vật thực trong bảy ngày, khi ấy tôi đã khoác lên [các vị] với những tấm vải.

6132. Tôi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [Ngài]. Được sự cho phép, tôi đã chắp tay lại, đứng ở một bên, mừng rỡ, tôi đã ngợi ca đấng Chiến Thắng Tối Thượng rằng:

6133. "Bạch đấng tranh luận [dũng mãnh] tợ loài beo, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Tối Thượng Nhân, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Cao Cả của tất cả thế gian, con kính lễ Ngài! Bạch đấng làm cho không còn hãi sợ, con kính lễ Ngài!

6134. Bạch đấng khuấy động Ma vương, con kính lễ Ngài! Bạch đấng có sự tiêu diệt tà kiến, con kính lễ Ngài! Bạch đấng ban cho sự thanh tịnh và an lạc, con kính lễ Ngài! Bạch đấng tạo sự nương nhờ, con kính lễ Ngài!

6135. Ngài đang là đấng Bảo Hộ cho những ai không người bảo hộ, là người ban phát sự không sợ hãi cho những ai bị hãi sợ, là vùng đất nghỉ ngơi của chúng sanh, là nơi nương nhờ cho những ai tầm cầu sự nương tựa."

6136. Sau khi ngợi ca đấng Toàn Giác có đức hạnh lớn lao như thế, v.v... Tôi đã nói rằng: "Con sẽ đạt đến số phận của vị Tỳ-khưu tranh luận dũng cảm."

6137-38. Khi ấy, đức Thế Tôn, bậc có tài biện giải không giới hạn đã nói rằng: "Được tịnh tín, người này đã tự tay mình chăm lo bữa ăn đến đức Phật cùng với [các] Thinh văn trong bảy ngày và đã ngợi ca đức hạnh của Ta. Người này ước nguyện vị thế của vị Tỳ-khưu là người tranh luận dũng cảm.

6139. Trong thời vị lai xa xăm, người này sẽ đạt được điều ước nguyện ấy sau khi đã thọ hưởng sự thành tựu ở cõi trời và cõi người không phải là ít.

6140. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6141. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Vaṅgīsa."

6142. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, đức Như Lai bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

6143. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất.

6144. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được tái sanh vào gia đình du sĩ ngoại đạo. Và đến lúc tôi đã được bảy tuổi tính từ lúc sanh.

6145. Tôi đã trở thành người hiểu biết tất cả các bộ Vệ-đà, được tự tin trong nghệ thuật về tranh luận, là vị chúa tể của các nhà tranh luận, có sự thuyết giảng hay, đánh bại các nhà tranh luận khác.

6146. Vaṅgīsa nghĩa là "Được sanh ra ở xứ Vaṅga" hoặc là "Vị chúa tể về lời nói." Được đồng tình bởi thế gian, tên của tôi đã là Vaṅgīsa.

6147. Vào lúc tôi đạt đến sự hiểu biết, tôi đã đứng đầu trong lớp trẻ. Khi ấy tôi đã nhìn thấy vị Sāriputta ở thành Rājagaha đáng yêu.

(**Dứt tụng phẩm thứ hai mươi lăm**).

6148. Trong lúc đi đó đây để khất thực, vị ấy tay ôm bình bát, khéo thu thúc, mắt không láo liên, có lời nói cân nhắc, có tầm nhìn xuống một cán cày.

6149. Sau khi nhìn thấy vị ấy, tôi đã trở nên sửng sốt và đã tức thời nói lên câu kệ văn vẻ, thuận theo tâm ý được sáng tác tại chỗ.

6150. Vị ấy đã nói với tôi về đấng Đạo Sư, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Của Thế Gian. Khi ấy, bậc anh hùng ấy đã nói cho tôi câu trả lời.

6151. Vị ấy đã nói về lời giảng dạy có sự xa lìa tham ái, khó hiểu thấu, cao thượng. Với các sự hiểu biết rõ ràng, tôi đã trở nên hoan hỷ với vị như thế ấy. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [vị Sāriputta] và đã nói rằng: "Xin Ngài hãy cho tôi xuất gia."

6152. Do đó, bậc Đại Trí tuệ ấy đã đưa tôi đến gặp đức Phật tối thượng. Tôi đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân [Ngài], rồi đã ngồi xuống gần bên bậc Đạo Sư.

6153. Bậc Tối Thượng trong số những người tranh luận đã nói với tôi rằng: "Này Vaṅgīsa, ngươi biết được điều gì, có tài nghệ gì?" Và tôi đã nói với Ngài rằng: "Con có biết."

6154. "Với tài nghệ đặc biệt của ngươi, nếu ngươi có khả năng thì hãy cho biết về cái sọ người đã chết bị quăng bỏ ở trong rừng cũng đã mười hai năm."

6155. "Xin vâng." Khi tôi đồng ý, Ngài đã chỉ cho thấy ba cái sọ người. Tôi đã cho biết rằng đã đạt đến địa ngục, loài người và cõi trời.

6156. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo đã chỉ cho thấy cái sọ của đức Phật Độc Giác. Do đó, tôi đã bị thất bại và tôi đã cầu xin sự xuất gia.

6157. Sau khi xuất gia, tôi ngợi ca đức Thiện Thệ ở nơi này nơi khác. Do đó, các vị Tỳ-khưu ở đây than phiền về tôi là "Nhà sáng tác thơ ca."

6158. Do đó, nhằm mục đích tìm hiểu, đức Phật, bậc Hướng Đạo đã nói với tôi rằng: "Những câu kệ này đã được suy nghĩ [trước đây] hay là [vừa mới] nảy sanh theo sự việc?"

6159. "Bạch đấng Đại Hùng, con không phải là nhà sáng tác thơ ca, chúng [vừa mới] nảy sanh theo sự việc." "Này Vaṅgīsa, như thế thì ngươi hãy ngợi ca về Ta theo sự việc."

6160. Khi ấy, tôi đã ngợi ca đấng Anh Hùng, bậc Ẩn Sĩ tối thượng với những câu kệ theo sự việc. Khi ấy, được hoan hỷ về tôi, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế đứng đầu.

6161. Do tâm sáng láng, tôi đã vượt trội các vị tốt lành khác. Do điều ấy, tôi đã bị tác động, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6162. "Không tìm thấy bất cứ vị nào khác là vị đứng đầu trong số các vị có tài biện giải như là vị Tỳ-khưu Vaṅgīsa này. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thế."

6163. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

6164. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6165. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6166. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vaṅgīsa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vaṅgīsa" là phần thứ tư.

545. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NANDAKA (*Nandakattherāpadānaṃ*)

6167. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6168. Đấng Siêu Nhân, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã ngự đến [thế gian], có cả chư thiên vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh.

6169. Đấng Chiến Thắng đạt được danh vọng cao cả, có sự vinh quang, được mang lại sự ca ngợi về tiếng thơm, được cúng dường, được nổi tiếng ở khắp mọi phương của toàn thể thế gian.

6170. Ngài đã vượt lên trên sự nghi hoặc, đã vượt qua hẳn sự lưỡng lự, đã được tròn đủ về tâm ý và sự suy tư, đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

6171. Bậc Vĩ Nhân là người đã làm sanh lên con đường chưa được hiện khởi, đã công bố điều chưa được công bố và đã biết điều chưa được biết.

6172. Là người biết về đạo lộ, hiểu rõ về đạo lộ, bậc Nhân Ngưu ấy đã nói về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ, bậc Đạo Sư là đấng cao quý tối thượng trong số những người điều khiển xe.

6173. Khi ấy, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo thuyết giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những sanh mạng bị chìm đắm trong vũng lầy mê muội.

6174. Trong lúc tán dương vị Thinh văn được công nhận là đứng đầu trong việc giáo giới các Tỳ-khưu-ni, bậc Đại Hiền Trí đã tuyên bố về vị thế tối thắng.

6175. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Tôi đã thỉnh mời đức Như Lai cùng với hội chúng, và sau khi đã chăm lo bữa ăn, tôi đã phát nguyện vị thế tối thượng ấy.

6176. Khi ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ, bậc Đại Ẩn Sĩ đã nói với tôi rằng: "Mong rằng ngươi được an lạc và trường thọ, ngươi sẽ đạt được điều ước nguyện ấy.

6177. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6178. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandaka."

6179. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6180. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi.

6181. Sau khi nhìn thấy đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành phố, tôi đã có tâm ý sửng sốt. Vào lúc tiếp nhận tu viện Jeta, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

6182. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau đó, có sự luân hồi đã được vượt qua, tôi đã được chỉ dạy bởi đấng Toàn Tri.

6183-84. Theo sự yêu cầu, tôi đã thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho các Tỳ-khưu-ni. Được chỉ dạy bởi tôi, tất cả năm trăm vị Ni ấy không thiếu người nào đã trở thành các bậc Vô lậu. Khi ấy, được hoan hỷ, bậc có sự lợi ích lớn lao đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng trong số các vị giáo giới các Tỳ-khưu-ni.

6185. Việc làm đã được thực hiện ở một trăm ngàn kiếp đã cho tôi nhìn thấy quả báo tại đây. Như là tốc độ của mũi tên khéo được bắn ra, tôi đã thiêu đốt các phiền não [của tôi].

6186. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6187. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6188. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nandaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nandaka" là phần thứ năm.

546. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KĀḶUDĀYI (*Kāḷudāyittherāpadānaṃ*)

6189. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6190. Bậc Đạo Sư là đấng cao quý trong số các đấng Lãnh Đạo, là bậc hiểu biết về thiện hạnh và ác hạnh, là đấng Chiến Thắng, là bậc ghi nhớ ân nghĩa, là bậc biết được hậu quả, Ngài giúp cho các sanh mạng gắn bó vào niềm tin.

6191. Có thiên hướng về lòng trắc ẩn, Ngài phân định bằng trí tuệ biết được tất cả. Có sự tích lũy về đức độ vô biên, Ngài thuyết giảng về giáo pháp cao quý.

6192. Có lần nọ, bậc Đại Anh Hùng ấy thuyết giảng giáo pháp ngọt ngào bao gồm bốn sự thật ở cuộc hội họp gồm dân chúng vô số kể.

6193. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý có sự tốt đẹp ở phần đầu phần giữa và phần cuối ấy, đã có sự lãnh hội giáo pháp của hàng trăm ngàn sanh mạng.

6194. Khi ấy, trái đất đã gây ra tiếng động và các đám mây mưa đã gào thét. Chư thiên, Phạm thiên, nhân loại và các a-tu-la đã thể hiện hành động tán thán:

6195. "Ôi, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư! Ôi, sự thuyết giảng giáo pháp! Ôi, đấng Chiến Thắng đã tiếp độ những kẻ bị chìm đắm trong đại dương của hiện hữu!"

6196. Trong khi nhân loại, chư thiên và Phạm thiên sanh lên nỗi niềm bày tỏ như thế, đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình.

6197. Khi ấy, được sanh ra trong gia đình vị quan cận thần ở tại Haṃsavatī, tôi đã là người đáng mến, đáng nhìn, có dồi dào về tài sản và lúa gạo.

6198. Tôi đã đi đến tu viện Haṃsa và đã đảnh lễ đức Như Lai ấy. Tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào và đã thể hiện hành động tôn kính đến vị như thế ấy.

6199. Tôi đã quỳ xuống ở cạnh bàn chân [Ngài] và đã nói lời nói này: "Bạch đấng Hiền Trí, vị đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình đã được Ngài ngợi khen.

6200. Bạch đấng Anh Hùng, con sẽ là vị như thế ấy trong giáo pháp của đức Phật tối thượng." Khi ấy, đấng Đại Bi đang rưới lên tôi bằng [dòng nước] bất tử.

6201. Ngài đã nói với tôi rằng: "Này con trai, hãy đứng dậy, ngươi sẽ đạt

được điều ước nguyện ấy. Sao lại không có kết quả sau khi đã thể hiện hành động tôn kính đến đấng Chiến Thắng?

6202. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6203. [Người này] sẽ trở thành Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Udāyi."

6204. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái, tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

6205. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6206. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình vị quan đại thần của vị lãnh chúa Suddhodana ở tại thành Kapilavatthu đáng yêu.

6207. Vào lúc đấng Nhân Ngưu Siddhattha đã được sanh ra ở tại khu rừng Lumbinī đáng yêu vì lợi ích và vì sự an lạc của tất cả thế gian.

6208. Tôi đã được sanh ra đúng vào ngày hôm ấy. Cùng với Ngài ấy, tôi đã lớn lên, trở thành người bạn yêu dấu, được cảm tình, có học thức, rành rẽ về lề lối.

6209. Đến khi hai mươi chín tuổi, trong lúc ra đi, Ngài đã xuất gia. Sau khi trải qua sáu năm, Ngài đã trở thành đức Phật, đấng Hướng Đạo.

6210. Sau khi đã chiến thắng Ma Vương cùng với đạo quân binh, sau khi đã làm cho các lậu hoặc bị quăng bỏ, sau khi đã vượt qua đại dương của hiện hữu, Ngài đã trở thành đức Phật [ở thế gian], luôn cả chư thiên.

6211. Ngài đã đi đến nơi có tên là Isi [Patana] và đã hướng dẫn nhóm năm vị. Sau đó, đức Thế Tôn đã đi đến nơi này, đã đi đến nơi khác và đã hướng dẫn.

6212. Khi ấy, trong lúc đang huấn luyện những người đáng được huấn luyện, trong lúc tiếp cận [thế gian] cùng với chư thiên, đấng Chiến Thắng ấy đã đi đến ngọn núi Māgadha và đã cư ngụ ở tại nơi ấy.

6213. Khi ấy, được phái đi bởi vị lãnh chúa Suddhodana, tôi đã đi đến, đã gặp đấng Thập Lực, đã xuất gia và đã trở thành vị A-la-hán.

6214. Khi ấy, tôi đã cầu xin bậc Đại Ẩn Sĩ và đã thuyết phục Ngài đi đến Kapila. Sau đó, tôi đã trở lại thành phố và đã tạo được niềm tịnh tín cho đại gia tộc.

6215. Được hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ấy ở hội chúng đông đảo đã tuyên bố tôi là vị đứng đầu trong số các vị tạo niềm tịnh tín cho các gia đình.

6216. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6217. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6218. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kāḷudāyi đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kāḷudāyi" là phần thứ sáu.

547. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO ABHAYA (*Abhayattherāpadānaṃ*)

6219. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

6220. Đức Như Lai giúp cho người an trú vào việc đi đến nương nhờ, giúp cho người an trú vào giới, vào mười đường lối tối thượng về [thiện] nghiệp.

6221. Đấng Đại Hùng ấy ban cho người quả vị Sa-môn tối thượng. Tương tợ y như thế, Ngài ban phát tám sự thể nhập [thiền] và ba minh.

6222. Bậc Tối Thượng Nhân giúp cho chúng sanh gắn bó vào sáu thắng trí. Bậc Bảo Hộ ấy ban cho người bốn pháp phân tích.

6223. Sau khi nhìn thấy người có khả năng giác ngộ, dầu [ở xa] vô số do-tuần, đấng Điều Phục Nhân trong phút chốc vẫn đi đến gặp và hướng dẫn.

6224. Lúc bấy giờ, tôi đã là con trai của vị Bà-la-môn ở thành Haṃsavatī, là người thông suốt tất cả các bộ Vệ-đà, được công nhận về [khả năng] giảng giải.

6225. Được thiện xảo về ngôn từ và tự tin về từ đồng nghĩa, là người rõ về cú pháp, hiểu biết về nghi lễ, rành rẽ về việc kết hợp âm điệu thi ca.

6226. Trong khi đi bộ lang thang, tôi đã đi đến tu viện Haṃsa. Tôi đã nhìn thấy bậc hàng đầu trong số các vị đang thuyết giảng, được đám đông dân chúng ái mộ.

6227. Trong khi Ngài đang thuyết giảng giáo pháp không bị ô nhiễm, [dầu] có sự hiểu biết trái nghịch, tôi đã đi đến và đã lắng nghe những lời nói không bị bợn nhơ của Ngài.

6228. Tôi đã không nhìn thấy lời đã được nói ra của bậc Hiền Trí ấy là bị lặp lại, lạc đề, hoặc không có ý nghĩa; do đó tôi đã xuất gia.

6229. Trong thời gian không bao lâu, được tự tin về tất cả các học thuật, tôi đã được công nhận bởi tập thể là vị thông thạo về lời dạy của đức Phật.

6230. Khi ấy, tôi đã sáng tác bốn câu kệ có sự diễn tả khéo léo. Tôi đã ngợi ca bậc Cao Cả của tam giới và tôi đã diễn giảng ngày này qua ngày khác:

6231. "Bạch đấng Đại Hùng, Ngài không bị ái luyến trong khi sống trong luân hồi [đầy] sự kinh hãi. Vì lòng bi mẫn, Ngài đã không Niết-bàn; do đó, bậc Hiền Trí là đấng Bi Mẫn.

6232. Người nào dầu còn là phàm nhân mà đã không bị sự chi phối của phiền não, có sự nhận biết mình, được gắn liền với niệm; do đó, người này là không thể nghĩ bàn.

6233. Đối với người nào các phiền não ở trạng thái ngủ ngầm đã trở nên yếu ớt, đã bị thiêu đốt bởi ngọn lửa trí tuệ mà không bị cạn kiệt, điều ấy là kỳ diệu.

6234. Vị nào là thầy của tất cả thế gian và thế gian tôn kính như thế đối với vị nào, cũng tương tợ như vậy, vị nào là thầy dạy của thế gian, thế gian là xu hướng theo vị ấy."

6235. Trong khi tán dương đấng Toàn Giác như thế, v.v... Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp đến hết cuộc đời, từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời.

6236. Kể từ khi tôi đã tán dương đức Phật cho đến một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc tán dương.

6237. Ở thế giới chư thiên, tôi đã cai quản vương quốc rộng lớn và vùng địa phận. Là đấng Chuyển Luân Vương, tôi đã thường xuyên thọ hưởng vương quốc rộng lớn.

6238. Tôi [đã] được sanh ra ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc tán dương.

6239. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc tán dương.

6240. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi là con trai của đức Vua Bimbisāra ở tại kinh thành Giribbajja và có tên là Abhaya.

6241. Sau khi rơi vào sự ảnh hưởng của bạn xấu, tôi đã bị mê muội vì ngoại đạo. Được phái đi bởi [Giáo chủ] Nātaputta, tôi đã đi đến gặp đức Phật tối thượng.

6242. Tôi đã hỏi câu hỏi khôn khéo và đã lắng nghe lời giảng giải xuất chúng. Tôi đã xuất gia, chẳng bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6243. Sau khi tán dương đấng Chiến Thắng Cao Quý, tôi được ca ngợi vào mọi lúc. Với thân hình và khuôn mặt có hương thơm ngát, tôi đã đạt được sự an lạc.

6244. Tôi có được tuệ sắc bén, tuệ vi tiếu, tuệ nhẹ nhàng và tuệ vĩ đại. Tương tợ y như thế,[3] và tôi có tài biện giải đa dạng, nhờ vào tác động của nghiệp ấy.

6245. Với tâm tịnh tín, sau khi ngợi ca danh xưng [của đức Phật] Padumuttara, đấng Tự Chủ, không người sánh bằng, tôi [đã] không đi đến khổ cảnh trong một trăm ngàn kiếp nhờ vào quả báo của nghiệp ấy.

6246. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa

[3] Xem phần nói về Giảng về tuệ, *Paṭisambhidāmagga* II (*Phân tích đạo* II), *TTPV*, tập 38, trang 187-191.

sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6247. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6248. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Abhaya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Abhaya" là phần thứ bảy.

548. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO LOMASAKAṄGIYA

(*Lomasakaṅgiyattherāpadānaṃ*)

6249. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6250. Lúc bấy giờ, tôi và luôn cả Candana đã xuất gia trong giáo pháp và đã làm tròn đầy bổn phận trong giáo pháp cho đến phút cuối của cuộc đời.

6251-52. Từ nơi ấy chết đi, cả hai chúng tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất. Tại nơi ấy, chúng tôi đã vượt trội những vị còn lại về mười chi phần là sắc, v.v... về các điệu vũ, các lời ca và các khúc tấu nhạc. Chúng tôi đã sống cho đến hết tuổi thọ và đã trải qua sự an lạc lớn lao.

6253. Sau khi mệnh chung từ nơi ấy, Candana đã đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã trở thành người con trai dòng Sakya ở thành Kapilavatthu.

6254. Vào lúc được thỉnh cầu bởi Trưởng lão Udāyi, vì lòng thương tưởng đối với các vị dòng Sakya, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến thành Kapila.

6255. Khi ấy, các vị dòng Sakya vô cùng tự cao, không biết về hạnh lành của đức Phật, chấp nhất về sanh chủng, không tôn trọng, nên không cúi chào đấng Toàn Giác.

6256. Biết được ý định của họ, đấng Chiến Thắng đã đi kinh hành ở trên không trung, đã đổ mưa xuống tương tợ Thần mưa, đã phát cháy như là ngọn lửa.

6257. Ngài đã làm cho nhìn thấy sắc thân vô song rồi lại biến mất, chỉ là một biến thành nhiều, rồi đã biến thành mỗi một mình trở lại.

6258. Ngài đã thị hiện bóng tối và ánh sáng theo nhiều cách. Sau khi đã tạo ra điều kỳ diệu, bậc Hiền Trí đã hướng dẫn các quyến thuộc.

6259. Liền khi ấy, có đám mây lớn khắp bốn châu lục đã đổ mưa. Chính vào khi ấy, đức Phật đã thuyết giảng chuyện *Bổn sanh* "Vessantara."

6260. Khi ấy, tất cả các vị Sát-đế-lỵ ấy đã tiêu diệt sự tự hào khởi lên do sanh chủng. Họ đã đi đến nương nhờ đức Phật. Khi ấy, [đức Vua] Suddhodana đã nói rằng:

6261. "Bạch đấng có tuệ bao la, bạch đấng Toàn Nhãn, đây là lần thứ ba cha đảnh lễ các bàn chân của Ngài, vào lúc đản sanh Ngài đã làm rung động trái đất, và vào lúc bóng cây Jambu đã không rời bỏ Ngài."

6262. Khi ấy, sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, với tâm ý sửng sốt, tôi đã xuất gia ở ngay tại nơi ấy và đã sống là người phụng dưỡng mẹ.

6263. Khi ấy, vị Thiên tử Candana đã đi đến gặp tôi và đã hỏi về cách thức tóm tắt và giải rộng của bài *Kinh Bhaddekaratta*.[4]

6264. Khi ấy, bị thúc đẩy bởi vị ấy, tôi đã đi đến gặp đấng Lãnh Đạo loài người. Sau khi lắng nghe bài *Kinh Bhaddekaratta*, tôi đã chấn động và đã trở thành người nhiệt tình với khu rừng.

6265. Khi ấy, tôi đã hỏi mẹ về việc tôi sẽ sống mỗi một mình ở trong rừng. Mẹ của tôi đã ngăn cản rằng: "Con là mảnh mai." Khi ấy, tôi đã nói với mẹ rằng:

6266. "Bằng ngực, con sẽ đẩy lùi cỏ dabba, cỏ kusa, cỏ poṭakila, cỏ usīra, cỏ muñja và cỏ babbaja trong khi thực hành hạnh độc cư."[5]

6267. Khi ấy, tôi đã đi vào trong rừng. Tôi đã nhớ lại lời dạy của đấng Chiến Thắng, về sự giáo giới bài *Kinh Bhaddekaratta* và tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6268. Hiển nhiên, người ta có thể tưởng nhớ quá khứ nhưng không thể mong mỏi tương lai, vì việc quá khứ ấy đã được từ bỏ và việc tương lai là chưa đến.

6269. Và người nào nhìn thấy rõ pháp hiện tại ở nơi này, ở nơi kia, sau khi biết được điều ấy là không dời đổi, không lay chuyển, người ấy có thể tiến bộ.

6270. Người nào đang nhiệt tâm với phận sự trong chính ngày hôm nay, có thể biết được Tử thần vào ngày mai. Nếu không, [sẽ] không có sự chạm trán với Tử thần cùng với đạo quân binh đông đảo.

6271. Quả vậy, bậc Hiền Trí nói về vị đang sống có sự nhiệt tâm như thế, đêm ngày không biếng nhác, là vị được an tịnh, là "Người hiền một đêm."

6272. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6273. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6274. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Lomasakaṅgiya đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Lomasakaṅgiya" là phần thứ tám.

---

[4] *M.* III. 187, *Kinh Nhất dạ Hiền giả* (*Bhaddekarattasuttaṃ*), số 131.

[5] Câu kệ này được thấy trong *Thag.* v. 27.

549. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VANAVACCHA
(*Vanavacchattherāpadānaṃ*)

6275. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6276. Lúc bấy giờ, tôi đã xuất gia trong giáo pháp của đức Phật ấy. Tôi đã thực hành Phạm hạnh đến hết cuộc đời và đã chết đi từ nơi ấy.

6277. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6278. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã trở thành con chim bồ câu ở trong khu rừng. Tại nơi ấy, có vị Tỳ-khưu đầy đủ đức hạnh cư ngụ, luôn luôn thỏa thích với thiền.

6279. Vị anh hùng vĩ đại luôn luôn có tâm từ ái, có lòng bi mẫn, có vẻ mặt hoan hỷ, là vị có hành xả, rành rẽ về các tâm vô lượng.

6280. [Vị ấy] có sự suy tầm không bị chướng ngại, có thiên hướng về sự lợi ích cho tất cả chúng sanh. Không bao lâu sau, tôi đã có được niềm tin ở vị Thinh văn ấy của đấng Thiện Thệ.

6281. Khi ấy, tôi đây đã đi đến ở cạnh bàn chân của vị ấy đang ngồi. Có lần nọ, vị ấy cho thức ăn, và có một lần thuyết giảng giáo pháp.

6282. Khi ấy, tôi đã phục vụ người con trai của đấng Chiến Thắng với lòng yêu thương bao la. Từ nơi đó chết đi, tôi đã đi đến cõi trời như là đã đi về nhà của chính mình sau cuộc hành trình ở xứ lạ.

6283. Mệnh chung từ cõi trời, tôi đã hạ sanh vào loài người nhờ vào nghiệp phước thiện. Tôi đã từ bỏ gia đình và đã xuất gia một cách mau chóng.

6284. Tương tợ y như thế, sau khi trở thành vị Sa-môn, đạo sĩ khổ hạnh, Bà-la-môn, du sĩ ngoại đạo, tôi đã sống ở trong rừng hàng trăm [kiếp sống].

6285. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, ở thành Kapilavatthu đáng yêu có người Bà-la-môn Vacchagotta. Tôi đã nhập thai ở người vợ của ông ta.

6286. Khi tôi đã nhập thai, mẹ của tôi [là sản phụ] đã có niềm khao khát và đã có quyết định về việc cư ngụ ở rừng vào lúc gần được lâm bồn.

6287. Do đó, mẹ đã sanh ra tôi ở bên trong khu rừng đáng yêu. Khi tôi đang ra khỏi bào thai, mọi người đã đỡ lấy tôi bằng tấm y ca-sa.

6288. Sau đó, Vương tử Siddhattha, biểu tượng của gia tộc Sakya đã được sanh ra. Tôi đã trở thành người bạn yêu quý của vị ấy, được tin tưởng, vô cùng tự hào.

6289. Khi con người ưu tú của chúng sanh đang ra đi sau khi đã từ bỏ danh vọng vĩ đại, tôi cũng đã xuất gia và đã đi đến núi Hy-mã-lạp.

6290. Tôi đã nhìn thấy vị [Mahā] Kassapa là người thuyết giảng về pháp

giũ bỏ, có sự cư ngụ ở rừng, vị đáng được tôn kính. Tôi đã được nghe về sự hiện khởi của đấng Chiến Thắng và tôi đã đi đến gặp đấng Điều Phục Nhân.

6291. Trong lúc giảng giải về mọi ý nghĩa, Ngài đã thuyết giảng giáo pháp cho tôi. Sau đó, tôi đã xuất gia và cũng đã quay về lại khu rừng.

6292. Tại nơi ấy, trong khi sống không xao lãng, tôi đã chạm đến sáu thắng trí. Ôi, điều lợi ích đã được đạt thành tốt đẹp cho tôi, tôi đã được người bạn tốt thương tưởng!

6293. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6294. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6295. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vanavaccha[6] đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vanavaccha" là phần thứ chín.

550. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO CŪḶASUGANDHA
(*Cūḷasugandhattherāpadānaṃ*)

6296. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên [dòng dõi Bà-la-môn].

6297. Ngài đầy đủ các tướng phụ, có ba mươi hai hảo tướng, được bao quanh bởi quầng ánh sáng, được bao trùm bởi mạng lưới hào quang.

6298. Là người làm cho thoải mái tương tợ mặt trăng, là nguồn tạo ra ánh sáng tợ như mặt trời, là người dập tắt [lửa phiền não] như là cơn mưa, là kho chứa của đức hạnh ví như biển cả.

6299. Với giới như là trái đất, với định như là núi Hy-mã-lạp, với tuệ tợ như bầu trời, không bị dính mắc giống như làn gió.

6300. Vào lúc bấy giờ, tôi được sanh ra tại thành Bārāṇasī trong đại gia tộc có tài sản và lúa gạo dồi dào, có sự tích lũy nhiều loại châu báu khác nhau.

6301. Vào lúc đấng Lãnh Đạo Thế Gian đang ngồi cùng đoàn tùy tùng đông đảo, tôi đã đi đến gần và đã lắng nghe giáo pháp tợ như cao lương mỹ vị có sự thu hút tâm ý.

6302. Ngài có ba mươi hai hảo tướng, như là mặt trăng có chòm tinh tú, được đầy đủ các tướng phụ tợ như cây sāla chúa đã được trổ hoa.

---

[6] *Vanavaccha* nghĩa là "vị có sự cư ngụ (*vaccha*) ở rừng (*vana*)."

6303. Ngài phát ra xung quanh mạng lưới hào quang tợ như ngọn núi vàng cháy rực, được bao quanh bởi quầng ánh sáng tợ như mặt trời có các tia sáng.

6304. Đấng Chiến Thắng Cao Quý có khuôn mặt vàng chói tợ như tảng đá có viên ngọc ma-ni, có trái tim tràn đầy lòng bi mẫn cùng với đức hạnh như là biển cả.

6305. Và đấng Anh Hùng, bậc Hiền Trí có danh tiếng lẫy lừng ở thế gian tợ như ngọn núi tối thượng Sineru, đã được lan rộng với sự vinh quang tương tợ bầu trời.

6306. Đấng Lãnh Đạo có tâm không bị ràng buộc với tất cả các nơi như là làn gió. Bậc Hiền Trí thứ bảy là sự nâng đỡ đối với tất cả chúng sanh tợ như trái đất.

6307. Ngài không bị vấy bẩn bởi thế gian, giống như hoa sen không bị lấm lem bởi nước. Ngài chiếu sáng như là khối lửa có sự đốt cháy những lùm cây ngoại giáo.

6308. Ngài là người tiêu diệt chất độc phiền não ở tất cả các nơi như là phương thuốc chữa bệnh. Ngài được trang sức bằng hương thơm của đức hạnh, tợ như viên đá nghiền nát hương liệu.

6309. Đấng Chiến Thắng là kho chứa của các đức hạnh tợ như biển cả [là nơi chứa đựng] đối với các loại châu báu, là người mang đi các phiền não và ô nhiễm tợ như con sông Sindhu đối với những dãy rừng.

6310. Với sự tiêu diệt đạo binh của Ma vương, Ngài như là người chiến sĩ lực lưỡng có sự chiến thắng. Ngài là vị chúa tể của các loại châu báu, là các chi phần đưa đến giác ngộ, tợ như đấng Chuyển Luân Vương.

6311. Ngài là người thầy thuốc về cơn bệnh sân hận tương tợ vị y sĩ vĩ đại. Ngài là người mổ xẻ mụt nhọt tà kiến giống như phẫu thuật viên hạng nhất.

6312. Khi ấy, được loài người và chư thiên kính trọng, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, Ánh Mặt Trời Của Nhân Loại, đấng Chiến Thắng ấy thuyết giảng giáo pháp ở các hội chúng.

6313. Ngài đã chỉ dạy như vầy: "Sau khi dâng cúng vật thí thì trở nên có tài sản lớn lao, nhờ vào giới đi đến nhàn cảnh, và do sự tham thiền đạt đến Niết-bàn."

6314. Toàn thể các hội chúng lắng nghe sự thuyết giảng có phẩm vị cao cả ấy, có sự tốt đẹp ở phần đầu, phần giữa và phần cuối, như là cao lương mỹ vị, có chất bổ dưỡng lớn lao.

6315. Sau khi lắng nghe giáo pháp có vị ngọt tuyệt vời, tôi được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Tôi đã đi đến nương nhờ đức Thiện Thệ và đã tôn kính Ngài đến hết cuộc đời.

6316. Khi ấy, tôi đã lau chùi nền đất ở hương thất của bậc Hiền Trí bằng chất thơm được sanh lên từ bốn loại [bông hoa] vào tám ngày trong một tháng.

6317. Tôi đã ước nguyện về trạng thái có hương thơm ở thân thể bị mùi khó chịu. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã chú nguyện về việc đạt được cơ thể có hương thơm rằng:

6318. "Người nào lau chùi nền đất của hương thất bằng chất thơm một lần, do kết quả của nghiệp ấy, được sanh lên ở nơi này nơi khác.

6319. Ở tất cả các nơi, người nam này sẽ có được thân hình có hương thơm ngạt ngào. Sau khi được gắn liền với hương thơm của đức hạnh, [người này] sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

6320. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6321. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn. Khi tôi đang trú ở trong bào thai, mẹ của tôi đã trở thành người có hương thơm ở cơ thể.

6322. Và vào lúc tôi rời khỏi lòng mẹ, khi ấy, thành Sāvatthi đã tỏa ra như là được tẩm bằng tất cả các loại hương thơm.

6323. Và có cơn mưa bông hoa thơm ngát làm thích ý, với các hương thơm của cõi trời và có các hương trầm có giá trị cao đã thổi đến liền khi ấy.

6324. Và ở ngôi nhà tôi đã được sanh ra, chư thiên đã tẩm hương thơm ngôi nhà ấy bằng mọi thứ hương thơm, bằng hương trầm và các bông hoa.

6325. Và vào lúc tôi còn trẻ, hiền thiện, đang ở vào giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, khi ấy, đấng Điều Phục Nhân đã hướng dẫn Sela cùng nhóm tùy tùng.

6326. Cùng với tất cả những người ấy, Ngài đã ngự đến thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy năng lực ấy của đức Phật, tôi đã xuất gia.

6327. Sau khi làm cho phát triển bốn pháp: Giới, định, tuệ và sự giải thoát vô thượng, tôi đã thành tựu sự đoạn tận các lậu hoặc.

6328. Và vào lúc tôi đã được xuất gia, vào lúc tôi trở thành vị A-la-hán, và vào lúc tôi sẽ Niết-bàn, khi ấy sẽ có cơn mưa hương thơm.

6329. Hương thơm ở cơ thể của tôi luôn luôn vượt trội các loại hương trầm, hương campaka và hương sen vô cùng giá trị, tương tợ như thế ấy, khi tôi đi nơi này nơi khác, tôi tỏa ra hương thơm át hẳn tất cả các loại hương thơm khác về mọi phương diện.

6330. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6331. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6332. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Cūḷasugandha đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Cūḷasugandha" là phần thứ mười.
Phẩm Bhaddiya là phẩm thứ năm mươi lăm.

Phần tóm lược

Vị Bhaddiya, vị Trưởng lão Revata, và vị Sīvalī có lợi lộc lớn lao, vị Vaṅgīsa, vị Nandaka, và luôn cả vị Kāḷudāyi, và tương tợ là vị Abhaya, vị Lomasa, vị Vanavaccha, và vị Sugandha đã được thực hiện là thứ mười. Ở đây, có ba trăm câu kệ và mười sáu câu thêm vào đó nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

Phẩm tên Kaṇikāra, phẩm về vị dâng cúng trái cây, phẩm về vị dâng cúng cỏ, phẩm Kaccāna và phẩm Bhaddiya. Và các câu kệ này đã được tính đếm ở đây là chín trăm và tám mươi bốn. Có năm trăm năm mươi ký sự đã được giảng giải. Cùng với các câu kệ tóm lược, đây là sáu ngàn hai trăm câu kệ và mười tám câu thêm vào đó nữa.

LVI. PHẨM YASA
(*YASAVAGGO*)

551. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO YASA (*Yasattherāpadānaṃ*)

6333. Chỗ cư ngụ của tôi đã được hóa hiện ra ở gần biển cả, có hồ nước đã khéo được hóa hiện ra, được líu lo bởi loài ngỗng đỏ.[1]

6334. [Hồ nước] được che phủ bởi các cây mạn-đà-la, bởi các đóa sen xanh và sen đỏ. Và con sông chảy qua nơi ấy có bến nước cạn xinh xắn làm thích ý.

6335. [Dòng sông] chứa đầy dẫy những cá và rùa, đông đúc với nhiều loại chim khác nhau, náo nhiệt bởi các chim công và chim cò cùng với những loài dơi và loài chim sáo, v.v...

6336. Và ở đây có các loài sống ở sông như là các con chim bồ câu, các loài ngỗng trời, các con ngỗng đỏ, các chim le le, các con chim cu, các loài pampaka và các con jīvaṃjīvaka.

6337. [Dòng sông] có các chim thiên nga, chim cò làm ầm ĩ, có nhiều chim cú và loài piṅgala, được đầy đủ bảy loại châu báu, với bãi cát có ngọc ma-ni và ngọc trai.

6338. Tất cả các cây đều làm bằng vàng được tỏa ra với nhiều hương thơm khác loại. Chúng thắp sáng chỗ trú ngụ ngày và đêm vào mọi thời điểm.

6339. Sáu mươi ngàn loại nhạc cụ được phát ra âm thanh sáng chiều. Mười sáu ngàn người nữ luôn luôn quây quần bên tôi.

6340. Tôi đã rời khỏi nơi cư ngụ [đi đến gặp] đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã đảnh lễ bậc Có Danh Vọng Lớn Lao ấy.

6341. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, tôi đã thỉnh mời Ngài cùng hội chúng. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian Sumedha trí tuệ ấy đã chấp nhận.

6342. Sau khi thực hiện việc thuyết giảng giáo pháp cho tôi, bậc Đại Hiền Trí đã giải tán. Tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã đi về chỗ cư ngụ của tôi.

6343. Tôi đã thông báo với nhóm tùy tùng rằng: "Vào buổi sáng, đức Phật sẽ đi đến chỗ ngụ [này]." Khi ấy, tất cả đã tụ hội lại [đáp rằng]:

6344. "Điều lợi ích cho chúng tôi đã được chúng tôi thành đạt khéo léo là chúng tôi sống thân cận với ngài. Chúng tôi cũng sẽ cúng dường đến bậc Đạo Sư là đức Phật tối thượng."

---

[1] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Sabbadāyaka, số 399, trang 330.

6345. Sau khi sắp đặt thức ăn và nước uống, tôi đã thông báo về thời gian. Đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngự đến cùng với một trăm ngàn vị có năng lực.

6346. Tôi đã thực hiện việc tiếp đón với các loại nhạc cụ có đủ năm yếu tố. Bậc Tối Thượng Nhân đã ngồi xuống chiếc ghế làm toàn bằng vàng.

6347. Khi ấy, ở phía trên đã có chiếc lọng làm toàn bằng vàng. Có những cái quạt quạt gió đến hội chúng Tỳ-khưu vô thượng.

6348. Tôi đã làm thỏa mãn hội chúng Tỳ-khưu với cơm ăn nước uống dồi dào. Tôi đã dâng cúng đến hội chúng Tỳ-khưu mỗi vị một xấp vải đôi.

6349. Sau khi ngồi xuống ở nơi hội chúng Tỳ-khưu, vị Thọ Nhận Các Vật Hiến Cúng mà mọi người gọi là "Sumedha" đã nói lên lời kệ này:

6350. "Người nào đã làm thỏa mãn Ta và tất cả các vị này với cơm ăn nước uống, Ta sẽ tán dương người ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

6351. Người này sẽ sướng vui ở thế giới chư thiên một ngàn tám trăm kiếp và sẽ trở thành đấng Chuyển Luân Vương một ngàn lần.

6352. Người này sanh lên chốn nào, là bản thể thiên nhân hay nhân loại, có chiếc lọng làm toàn bằng vàng sẽ che cho người ấy.

6353. Vào ba mươi ngàn kiếp [về sau này], bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

6354. Là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, [người này] sẽ biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc và sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc.

6355. [Người này] sẽ ngồi xuống ở hội chúng Tỳ-khưu và sẽ rống lên tiếng rống của loài sư tử. Nhiều người cầm chiếc lọng ở giàn hỏa thiêu, và [người này] bị thiêu ở bên dưới chiếc lọng."

6356. Trạng thái Sa-môn đã được tôi đạt đến, các phiền não đã được tôi thiêu đốt. Dầu ở mái che hoặc ở gốc cây, sự run sợ không được biết đến ở tôi.

6357. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo sự dâng cúng mọi thứ.

6358. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6359. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6360. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Yasa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Yasa" là phần thứ nhất.

552. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NADĪKASSAPA
(*Nadīkassapattherāpadānaṃ*)

6361. Nhân dịp đức Thế Tôn Padumuttara, bậc Trưởng Thượng Của Thế Gian như thế ấy đang hành hạnh khất thực, tôi đã cầm lấy trái cây đầu mùa danh tiếng hạng nhất và đã dâng cúng đến bậc Đạo Sư.

6362. Do nghiệp ấy, tôi trở thành vị chúa của chư thiên, bậc trưởng thượng của thế gian, là vị ưu tú của nhân loại, tôi đã từ bỏ hơn thua và đã đạt đến vị thế bất động.

6363. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây đầu mùa.

6364. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6365. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6366. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Nadīkassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Nadīkassapa" là phần thứ nhì.

553. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO GAYĀKASSAPA
(*Gayākassapattherāpadānaṃ*)

6367. Vào lúc bấy giờ, tôi mặc y da dê, mang túi vật dụng. Tôi đã cầm lấy gói trái táo và đã mang về khu ẩn cư.

6368. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn, đấng Chiến Thắng là đơn độc không người thứ hai. Trong khi đang làm cho sáng tỏ vào mọi thời điểm, Ngài đã đi đến khu ẩn cư của tôi.

6369. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, tôi đã đảnh lễ vị có sự hành trì tốt đẹp. Bằng cả hai bàn tay, tôi đã nâng lên trái táo và đã dâng cúng đến đức Phật.

6370. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái táo.

6371. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6372. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6373. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Gayākassapa đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Gayākassapa" là phần thứ ba.

554. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO KIMBILA (*Kimbilattherāpadānaṃ*)

6374. Khi đấng Bà-la-môn toàn hảo Kakusandha Niết-bàn, tôi đã cầm lấy tràng hoa salala và đã cho thực hiện mái che.

6375. Trong khi đi đến cõi trời Đạo-lợi, tôi đã đạt được tòa lâu đài hạng nhất. Tôi rực rỡ hơn chư thiên khác; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

6376. Và vào ban ngày hoặc vào ban đêm, trong khi đi kinh hành và trong khi đứng, tôi được bao phủ bởi các bông hoa salala; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

6377. Việc tôi đã cúng dường đức Phật là ngay trong kiếp này, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6378. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6379. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6380. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Kimbila đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Kimbila" là phần thứ tư.

555. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO VAJJIPUTTA (*Vajjiputtattherāpadānaṃ*)

6381. Đức Thế Tôn có ngàn ánh hào quang, đấng Tự Chủ, vị không bị đánh bại sau khi xuất ra khỏi sự độc cư đã ra đi về việc khất thực.

6382. Có được nắm tay trái cây, tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu và đã đi đến gần Ngài. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng cúng trái cây savaṇṭa.

6383. Kể từ khi tôi đã dâng cúng trái cây trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng trái cây.

6384. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6385. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6386. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Vajjiputta đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Vajjiputta" là phần thứ năm.

556. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA (*Uttarattherāpadānaṃ*)

6387. Đấng Toàn Giác tên Sumedha có ba mươi hai hảo tướng. Có ước muốn độc cư, đức Thế Tôn đã đi đến núi Hy-mã-lạp.[2]

6388. Sau khi đã đi sâu vào núi Hy-mã-lạp, đấng Bi Mẫn Cao Cả, bậc Hiền Trí, đấng Tối Thượng Nhân đã xếp chân thế kiết-già rồi đã ngồi xuống.

6389. Khi ấy, tôi đã là người nắm giữ pháp thuật, là vị du hành ở không trung. Sau khi cầm lấy cây chỉa ba được thực hiện khéo léo, tôi đi ở trên không trung.

6390. Đức Phật chói sáng ở trong khu rừng giống như ngọn lửa ở trên đỉnh núi, tợ như mặt trăng ngày rằm, như là cây sāla chúa được trổ hoa.

6391. Hào quang của đức Phật vượt ra khỏi chóp đỉnh của khu rừng và tỏa rộng giống như là màu sắc ngọn lửa của cây sậy, sau khi nhìn thấy tôi đã làm cho tâm được tịnh tín.

6392. Trong khi chọn lựa, tôi đã nhìn thấy bông hoa kaṇikāra có hương thơm của cõi trời. Sau khi cầm lấy ba bông hoa, tôi đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

6393. Khi ấy, do nhờ năng lực của đức Phật, ba bông hoa của tôi [xoay ngược lại] có các cuống hoa ở bên trên và các cánh hoa ở bên dưới, tạo thành bóng râm che cho đức Phật.

6394. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

6395. Tại nơi ấy, có cung điện được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được biết [với tên] là "kaṇikārī", có chiều dài sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

6396. [Cung điện] có một ngàn cột trụ chống có màu lục, với một trăm mái tròn được trang hoàng với những ngọn cờ. Có một trăm ngàn tháp nhọn đã hiện diện ở cung điện của tôi.

6397. Có những chiếc ghế bành làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni và cũng làm bằng hồng ngọc nữa, luôn cả ngọc pha lê [hiện ra] ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào theo ước muốn.

6398. Và có chiếc giường vô cùng giá trị được trải loại nệm bông gòn có một phần lông rái cá và được gắn liền với chiếc gối.

---

[2] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Tikaṇikārapupphiya, số 501, trang 448.

6399. Khi nào tôi ước muốn việc ra đi, thì sau khi rời khỏi nơi cư ngụ và trong lúc thực hiện cuộc du hành cùng với chư thiên, tôi dẫn đầu hội chúng chư thiên.

6400. Tôi đứng ở phía bên dưới là bông hoa, ở phía bên trên của tôi xung quanh một trăm do-tuần có mái che được phủ bằng các bông hoa kaṇika.

6401. Có sáu mươi ngàn nhạc công đã phục vụ sáng chiều. Họ thường xuyên vây quanh tôi ngày đêm không biếng nhác.

6402. Ở tại nơi ấy, tôi sướng vui với các điệu vũ, các lời ca, các tiếng chũm chọe và các khúc tấu nhạc, với niềm sướng vui của việc giải trí. Tôi vui thích theo sự mong muốn này mong muốn khác.

6403. Lúc bấy giờ, ở tại nơi ấy, tôi đã ăn, tôi đã uống, tôi vui thích ở cõi trời Tam Thập. Được gần gũi với các đám nữ nhân, tôi vui thích ở lâu đài tuyệt hảo.

6404. Và tôi đã cai quản thiên quốc năm trăm lần. Và tôi đã trở thành đấng Chuyển Luân Vương ba trăm lần. Lãnh thổ vương quốc là bao la, không thể đo lường bằng phương diện tính đếm.

6405. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi nhận lãnh của cải lớn lao, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6406. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới trong bản thể thiên nhân và loài người, tôi không biết đến cõi tái sanh khác; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6407. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và luôn cả Bà-la-môn, tôi không biết đến gia tộc hạ tiện; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6408. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, kiệu khiêng và cỗ xe kéo, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6409. Về đám tôi trai, bầy tớ gái và các nữ nhân đã được trang điểm, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6410. Về y phục làm bằng tơ lụa, bằng sợi len, bằng chỉ lanh và bằng bông vải, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6411. Về vải vóc mới, trái cây tươi, thức ăn mới lạ có phẩm vị cao sang, tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6412. "Ngài hãy nhai món này, ngài hãy ăn món này, ngài hãy nằm ở chiếc giường này", tôi đạt được tất cả mọi thứ này; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6413. Tôi được tôn vinh ở tất cả các nơi, danh vọng của tôi được thăng tiến, tôi luôn luôn có phe cánh đông đảo, luôn luôn có hội chúng không bị chia rẽ.

6414. Tôi không biết đến sự lạnh [và] sự nóng, sự bực bội không được biết đến. Sự khổ sở thuộc về tâm ở trái tim của tôi không được biết đến.

6415. Sau khi có được làn da màu vàng ròng, tôi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi không biết đến việc tàn tạ sắc thân; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6416. Sau khi mệnh chung ở thế giới chư thiên, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, tôi đã được sanh ra trong nhà đại bá hộ vô cùng sang trọng ở thành phố Sāvatthi.

6417. Sau khi từ bỏ năm phần dục lạc, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Vào lúc bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

6418. Sau khi nhận biết đức hạnh [của tôi], đức Phật, bậc Hữu Nhãn đã cho tu lên bậc trên, tôi là vị trẻ tuổi xứng đáng được cúng dường; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6419. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi là thiện xảo về định, đã đạt đến sự toàn hảo về các thắng trí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6420. Tôi đã thành tựu các pháp phân tích, là vị rành rẽ về các nền tảng của thần thông, đã đạt đến sự toàn hảo về các pháp; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6421. Việc tôi đã cúng dường đức Phật trước đây ba mươi ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

6422. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6423. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6424. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttara đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttara" là phần thứ sáu.

557. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO UTTARA KHÁC

(*Apara-uttarattherāpadānaṃ*)

6425. Khi bậc Bảo Hộ Thế Gian, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Siddhattha Niết-bàn, tôi đã tập hợp quyến thuộc của tôi lại và tôi đã cúng dường Xá-lợi.

6426. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường Xá-lợi trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường Xá-lợi.

6427. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6428. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6429. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Uttara khác đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Uttara khác" là phần thứ bảy.

558. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO BHADDAJI (*Bhaddajittherāpadānaṃ*)

6430. Lúc bấy giờ, tôi đã lội xuống hồ nước đã bị nhiều con voi sử dụng, và vì lý do đói [bụng], tôi [đã] nhổ lên củ sen ở tại nơi ấy.[3]

6431. Vào thời điểm ấy, đức Thế Tôn danh hiệu Padumuttara là vị Phật mặc y màu đỏ [đang] di chuyển ở trên không trung.

6432. Khi ấy, trong khi Ngài đang phất phơ các lá y may từ vải bị quăng bỏ, tôi đã nghe được tiếng động. Trong khi chú ý ở phía bên trên, tôi đã nhìn thấy đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

6433. Trong khi đứng ngay tại nơi ấy, tôi đã thỉnh cầu đấng Lãnh Đạo Thế Gian rằng: "Xin đức Phật, bậc Hữu Nhãn, vì lòng thương tưởng hãy thọ lãnh mật ong cùng với các củ sen, sữa, bơ lỏng và rễ sen của con."

6434. Do đó, đấng Bi Mẫn, bậc Đạo Sư có danh vọng lớn lao đã ngự xuống. Bậc Hữu Nhãn vì lòng thương tưởng đã thọ nhận vật thực của tôi. Sau khi thọ nhận, bậc Toàn Giác đã thực hiện lời tùy hỷ đến tôi rằng:

6435. "Này người có đại phước, mong rằng ngươi được an lạc. Mong rằng cảnh giới tái sanh được thành tựu cho ngươi. Do việc dâng cúng củ sen này, ngươi sẽ đạt được sự an lạc lớn lao."

6436. Sau khi nói lên điều ấy, đấng Toàn Giác tên Padumuttara, bậc Toàn Giác, đấng Chiến Thắng đã cầm lấy thức ăn rồi đã ra đi bằng đường không trung.

6437. Sau đó, tôi đã cầm lấy củ sen và đã đi về lại khu ẩn cư của mình. Sau khi đã treo củ sen ở trên cây, tôi đã tưởng nhớ lại việc dâng cúng của mình.

6438. Khi ấy, có cơn gió lớn đã nổi lên và đã làm lay chuyển khu rừng. Bầu trời đã gào thét và sấm sét đã nổ ra.

6439. Sau đó, tia sét đánh xuống đã giáng vào đầu của tôi. Khi ấy, trong khi bị khuỵu xuống tôi đây đã lìa đời ở tại nơi ấy.

6440. Được gắn liền với nghiệp phước thiện, tôi đã đi đến cõi trời Đẩu-suất. [Khi] thân thể của tôi bị ngã xuống, tôi sướng vui ở thế giới chư thiên.

6441. Có tám mươi sáu ngàn nữ nhân đã được trang điểm hầu cận sáng tối; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

---

[3] Ký sự này tương tợ Ký sự về Trưởng lão Bhisadāyaka, số 483, trang 425.

6442. Sau khi đi đến sự sanh ra ở loài người, tôi luôn luôn được sung sướng, tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

6443. Là người được thương tưởng bởi vị Trời Của Chư Thiên như thế ấy, [tôi có] tất cả các lậu hoặc đã được đoạn tận, giờ đây không còn tái sanh nữa.

6444. Kể từ khi tôi đã dâng cúng rễ sen trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng củ sen.

6445. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6446. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6447. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Bhaddaji đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Bhaddaji" là phần thứ tám.

559. KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO SĪVAKA (*Sīvakattherāpadānaṃ*)

6448. Khi bậc Đại Ẩn Sĩ Vipassī đang đi về việc tìm kiếm [vật thực]. Tôi đã nhìn thấy bình bát trống trơn và tôi đã để đầy sữa kem.

6449. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thực trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của sữa kem.

6450. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi đực [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

6451. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

6452. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Đại đức Trưởng lão Sīvaka đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Sīvaka" là phần thứ chín.

Tóm lược của phẩm này

Vị Yasa, vị Nadīkassapa, vị Gayākassapa, vị Kimbila, vị Vajjiputta, hai vị Uttara, vị Bhaddaji và luôn cả vị Sīvaka tối thượng.

Phẩm Yasa là phẩm thứ năm mươi sáu.

TRƯỞNG LÃO KÝ SỰ ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

D. TRƯỞNG LÃO NI KÝ SỰ
(*THERĪ APADĀNAṂ*)

I. PHẨM SUMEDHĀ
(*SUMEDHĀVAGGO*)

1. KÝ SỰ VỀ SUMEDHĀ (*Sumedhāpadānaṃ*)

1. Vào thời đức Thế Tôn Koṇāgamana, chúng tôi gồm ba người bạn gái[1] thân thiết đã dâng cúng trú xá ở tại chỗ cư ngụ mới là tu viện của hội chúng.

2. Chúng tôi đã tái sanh mười lần, trăm lần, ngàn lần, mười ngàn lần ở các cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói.

3. Chúng tôi đã có đại thần lực ở cõi trời thì ở cõi người có điều gì để nói. Tôi đã là hoàng hậu, là báu vật nữ nhân trong số bảy loại báu vật.

4. Ở nơi này, do phước thiện đã được tích lũy, Dhanañjānī, Khemā và tôi nữa, ba người đã là hậu duệ của các gia tộc vô cùng giàu có.

5. Sau khi tạo lập tu viện được xây dựng khéo léo và được trang hoàng về mọi phương diện, chúng tôi đã dâng đến hội chúng có đức Phật đứng đầu và [chúng tôi] đã được hoan hỷ.

6. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, ở các cõi trời và cũng y như thế ở giữa loài người, tôi đều đạt được phẩm vị cao quý.

7. Ngay trong kiếp này, trong số các vị đang thuyết giảng, đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

8. Khi ấy, đức vua của xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, vị chúa tể của nhân loại đã là người hộ độ cho bậc Đại Ẩn Sĩ.

9. Bảy người con gái của đức vua đã là những nàng công chúa khéo được nuôi dưỡng. Được vui thích trong việc hộ độ đức Phật, các nàng đã thực hành Phạm hạnh [của người thiếu nữ].

10. Là bạn của những cô [công chúa] ấy, tôi đã khéo chuyên chú vào các giới, đã dâng cúng các vật thí một cách cung kính, và đã thực hành phận sự dầu chỉ là người tại gia.

11. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

---

[1] Sumedhā và hai người bạn gái là Dhanañjanī và Khemā được đề cập ở phần dưới.

12. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

13. Là người đã được thành tựu thiện nghiệp, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

14. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và của các vị vua cai quản các lãnh thổ.

15. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và ở giữa loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều kiếp sống.

16. Nhân ấy, nguồn sanh khởi ấy, căn nguyên ấy, sự chăm chỉ ấy trong giáo pháp, sự liên kết đầu tiên ấy, việc Niết-bàn ấy là do sự thỏa thích trong giáo pháp.

17. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu[2] đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

18. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

19. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sumedhā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sumedhā" là phần thứ nhất.

2. KÝ SỰ VỀ MEKHALĀDĀYIKĀ (*Mekhalādāyikāpadānaṃ*)[3]

20. Tôi đã là người cho thực hiện ngôi bảo tháp của đức Thế Tôn Siddhattha. Tôi đã dâng cúng sợi dây thắt lưng đến công trình xây dựng dành cho bậc Đạo Sư.

21. Và khi ngôi đại bảo tháp đã hoàn tất, được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng cúng thêm sợi dây thắt lưng đến bậc Hiền trí, đấng Bảo Hộ Thế Gian.

22. Kể từ khi tôi đã dâng cúng sợi dây thắt lưng trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc xây dựng ngôi bảo tháp.

23. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

24. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

25. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[2] *Kāmabhavādayo sabbe nava bhavā mayā samūhatā* (*ApA*. 295) = Toàn bộ 9 hữu như là dục hữu, (sắc hữu, vô sắc hữu), v.v... đã được tôi xóa sạch.

[3] *Mekhalādāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng sợi dây thắt lưng."

Tỳ-khưu-ni Mekhalādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Mekhalādāyikā" là phần thứ nhì.

3. KÝ SỰ VỀ MAṆḌAPADĀYIKĀ (*Maṇḍapadāyikāpadānaṃ*)[4]

26. Mái che dành cho đấng Hiền Trí Koṇāgamana đã được tôi cho thực hiện. Và tôi đã thường xuyên dâng cúng y đến đức Phật, bậc Quyến Thuộc Của Thế Gian.

27. Bất cứ xứ sở, phố chợ, kinh thành nào tôi đi đến, ở tại tất cả các nơi ấy tôi đều được tôn vinh; điều này là quả báo của nghiệp phước thiện.

28. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

29. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

30. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được [tôi] đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Maṇḍapadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Maṇḍapadāyikā" là phần thứ ba.

4. KÝ SỰ VỀ SAṄKAMANATTHĀ (*Saṅkamanatthāpadānaṃ*)[5]

31. Trong lúc đức Thế Tôn Vipassī, bậc Tối Thượng của thế gian như thế ấy đang bước đi trên đường, đang tiếp độ chúng sanh.

32. Tôi đã bước ra khỏi nhà, cúi mình và nằm dài xuống. Bậc Thương Tưởng, đấng Bảo Hộ Thế Gian đã bước lên đỉnh đầu của tôi.

33. Sau khi bước lên đầu [của tôi], đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ra đi. Do sự tịnh tín ấy ở trong tâm, tôi đã sanh lên cõi trời Đẩu-suất.

34. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

35. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

36. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Saṅkamanatthā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Saṅkamanatthā" là phần thứ tư.

---

[4] *Maṇḍapadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng mái che."

[5] *Saṅkamanatthā* nghĩa là "người nữ thành lập con đường đi."

5. KỲ SỰ VỀ NAḶAMĀLIKĀ (*Naḷamālikāpadānaṃ*)[6]

37. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Sí điểu[7] cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

38. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sậy và đã cúng dường đến đấng Tự Chủ.

39. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Sí điểu, tôi đã đi đến cõi Tam Thập.

40. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi đã khiến cho tâm của tôi bị chấn động, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

41. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường bông hoa trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường bông hoa.

42. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

43. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

44. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

45. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Naḷamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Naḷamālikā" là phần thứ năm.

6. KỲ SỰ VỀ EKAPIṆḌAPĀTADĀYIKĀ (*Ekapiṇḍapātadāyikāpadānaṃ*)[8]

46. Ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần tôi đã khiến [người] đưa tôi đi [du ngoạn].

47. Khi ấy, tôi đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Dầu đã đạt được vị thế xứng đáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện!

48. Có lẽ ta sẽ đi đến địa ngục là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối với ta là không có sự hoài nghi [nữa]."

49. Tôi đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này: "Tâu vị Sát-đế-lỵ, xin hãy ban cho thiếp một vị Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo về vật thực."

---

[6] *Naḷamālikā* nghĩa là "người nữ có tràng hoa sậy."

[7] *Kinnara, kinnarī*: Loài nhân điểu nam hoặc nữ, có thân người đầu chim. (ND)

[8] *Ekapiṇḍapātadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng một phần vật thực."

50. Vị đại vương đã ban cho tôi [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vị ấy, tôi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng.

51. Sau khi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng, tôi đã thoa dầu thơm, rồi đã che đậy lại bằng xấp vải đôi có giá trị đến một ngàn.

52. Đối với tôi, tôi [sẽ] ghi nhớ cảnh tượng này đến hết cuộc đời. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

53. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của ba mươi vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo như ước muốn.

54. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi thành tựu kết quả, tôi luân hồi ở nhiều cõi.

55. Tôi đã được giải thoát khỏi tất cả các điều trói buộc. Đối với tôi, các sự liên quan đến tái sanh đã xa lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

56. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

57. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

58. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

59. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Ekapiṇḍapātadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ekapiṇḍapātadāyikā" là phần thứ sáu.

7. KÝ SỰ VỀ KAṬACCHUBHIKKHĀDĀYIKĀ (*Kaṭacchubhikkhādāyikāpadānaṃ*)[9]

60. Trong khi bậc Đạo Sư tên Tissa đang đi khất thực, tôi đã nâng lên muỗng vật thực và đã dâng cúng đến đức Phật tối thượng.

61. Sau khi thọ lãnh, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Đạo Sư, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đứng ở đường lộ, đã thực hiện lời tùy hỷ [phước báu] đến tôi:

62. "Sau khi bố thí muỗng vật thực, con sẽ đi đến cõi trời Đạo-lợi. Con sẽ làm chánh hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương.

63. Con sẽ làm chánh hậu của năm mươi đấng Chuyển Luân Vương. Con sẽ luôn luôn thành tựu tất cả các điều ước nguyện ở trong tâm.

64. Sau khi thọ hưởng sự thành đạt, con sẽ xuất gia không có [tài sản] gì. Sau khi biết toàn diện về tất cả các lậu hoặc, con sẽ Niết-bàn không còn lậu hoặc."

---

[9] *Kaṭacchubhikkhādāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng muỗng vật thực."

65. Nói xong điều ấy, đấng Toàn Giác Tissa, bậc Trí Tuệ, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian đã bay lên không trung, tợ như loài thiên nga chúa ở trên bầu trời.

66. Đối với tôi, sự bố thí cao quý là đã được bố thí tốt đẹp, sự thành công trong việc cống hiến là đã được cống hiến tốt đẹp. Sau khi bố thí muỗng vật thực, tôi đã đạt đến vị thế không bị lay chuyển.

67. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây chín mươi hai kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng vật thực.

68. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

69. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

70. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Kaṭacchubhikkhādāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Kaṭacchubhikkhādāyikā" là phần thứ bảy.

8. KÝ SỰ VỀ SATTUPPALAMĀLIKĀ (*Sattuppalamālikāpadānaṃ*)[10]

71. Ở thành phố Aruṇavatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Aruṇavā. Tôi đã là người vợ của vị vua ấy. Tôi [thường] bảo [người] đưa tôi đi đó đây.

72. Sau khi nhận được bảy đóa sen xanh có hương thơm của cõi trời, tôi đã ngồi xuống ở nơi cao quý của tòa lâu đài, và ngay khi ấy đã suy nghĩ như vầy:

73. "Với bảy đóa hoa này được gắn ở đầu của ta thì ta có được gì? Điều cao quý đối với ta là được vươn đến trí tuệ của đức Phật tối thượng."

74. Trong lúc chờ đợi đấng Toàn Giác, tôi đã ngồi xuống ở gần cánh cửa lớn [nghĩ rằng]: "Khi nào đấng Toàn Giác ngự đến, ta sẽ cúng dường đến bậc Đại Hiền Trí."

75. Nổi bật, chói sáng, y như con sư tử là vua của các thú rừng, đấng Chiến Thắng được tháp tùng bởi hội chúng Tỳ-khưu đã đi đến ở trên đường lộ.

76. Sau khi nhìn thấy hào quang của đức Phật, tôi đã trở nên mừng rỡ, có tâm ý phấn khởi. Tôi đã mở cửa ra và đã cúng dường đến đức Phật tối thượng.

77. Bảy đóa hoa sen xanh đã được phân tán ra ở trên không trung. Chúng tạo thành hình mái che và nằm yên ở trên đỉnh đầu của đức Phật.

78. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Sau khi làm cho tâm được tịnh tín vào điều ấy, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

79. Chúng hình thành tấm che màu xanh thẫm ở trên đầu của tôi, tôi tỏa ra hương thơm của cõi trời; điều này là quả báo của bảy đóa sen xanh.

---

[10] *Sattuppalamālikā* nghĩa là "người nữ có bảy đóa hoa sen xanh."

80. Lúc bấy giờ, vào một lần nào đó trong khi tôi được tập thể quyến thuộc dẫn đi, hết thảy nhóm người của tôi đều được khoác lên [một] màu xanh thẫm.

81. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của bảy mươi vị Thiên vương. Sau khi trở thành vị nữ hoàng ở khắp mọi nơi, tôi [đã] luân hồi ở cõi này cõi khác.

82. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương. Tất cả đều thuận theo tôi, tôi đã có lời nói hợp lý.

83. Màu da của tôi chính là [màu] của hoa sen xanh và còn tỏa ra hương thơm nữa. Tôi không biết đến làn da xấu xí; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

84. Được thiện xảo về các nền tảng của phép thần thông, được thích thú trong việc tu tập các chi phần đưa đến giác ngộ, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

85. Được thiện xảo trong các sự thiết lập về niệm, có các hành xứ về thiền định, được gắn bó với các sự nỗ lực đúng đắn; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

86. Tôi có sự tinh tấn, có khả năng tiến hành các phận sự là điều kiện đưa đến sự an ổn khỏi các điều ràng buộc, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

87. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây ba mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc dâng cúng bông hoa.

88. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

89. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

90. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sattuppalamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sattuppalamālikā" là phần thứ tám.

9. KÝ SỰ VỀ PAÑCADĪPIKĀ (*Pañcadīpikāpadānaṃ*)[11]

91. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Haṃsavatī. Là người tầm cầu sự tốt đẹp, tôi đi từ tu viện này đến tu viện khác.

92. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề.

93. Sau khi thiết lập tâm cung kính, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy:

[11] *Pañcadīpikā* nghĩa là "người nữ có năm ngọn đèn."

94. "Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thị hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy."

95. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiếu sáng tất cả các phương.

96. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn.

97. Sau khi được đặt quanh chỗ ngồi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ấy, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên.

98. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

99. Tại nơi ấy, có cung điện đã khéo được kiến tạo dành cho tôi gọi tên là "Ngũ Đăng", có chiều cao là sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

100. Xung quanh tôi có vô số ngọn đèn chiếu sáng. Cho đến cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn.

101. Sau khi ngồi xuống với mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thấy ở bên trên, bên dưới và chiều ngang, tôi đều nhìn thấy tất cả bằng mắt.

102. Ngay cả khi tôi mong muốn nhìn thấy những sự việc tốt đẹp hoặc xấu xa thì không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở các núi non.

103. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương.

104. Mỗi khi tôi tái sanh dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn quây quần xung quanh tôi và chiếu sáng.

105. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nhắm lại.

106. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

107. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn giữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ, không già, không chết.

108. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên.

109. Trong lúc tôi tham thiền ở mái che hoặc ở gốc cây, ở các tòa nhà lớn hoặc ở các hang động và ở nơi trống vắng, có năm ngọn đèn chiếu sáng tôi.

110. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

111. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

112. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

113. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

114. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Pañcadīpikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Pañcadīpikā" là phần thứ chín.

10. KÝ SỰ VỀ UDAKADĀYIKĀ (*Udakadāyikāpadānaṃ*)[12]

116. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là cô gái đội nước.[13] Tôi sống nhờ vào việc đội nước. Nhờ vào việc ấy, tôi nuôi dưỡng các đứa trẻ.

117. Và tôi không có gì xứng đáng để dâng cúng đến phước điền vô thượng. Tôi đã đi đến bể chứa và đã cung cấp nước.

118. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi. Ở nơi ấy, có cung điện đã được kiến tạo khéo léo, đã được hóa hiện ra dành cho tôi do [công đức của] việc đội nước.

119. Khi ấy, chính tôi là người đứng đầu của một ngàn tiên nữ, tôi luôn luôn cai quản tất cả các nàng ấy cùng với mười khu vực.

120. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của năm mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của hai mươi đấng Chuyển Luân Vương.

121. Tôi [đã] luân hồi trong hai cảnh giới, ở bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước.

122. Cho dù ở đỉnh núi hoặc ở ngọn cây, ở trên không trung và ở trên mặt đất, khi nào tôi ước muốn về nước thì tôi đạt được ngay lập tức.

123. Không có phương nào là không có mưa, và không bị nóng bức hoặc bị thiêu đốt; sau khi biết được ý định của tôi, đám mây lớn [sẽ] đổ mưa xuống.

124. Lúc bấy giờ, vào một lần nào đó trong khi tôi được tập thể quyến thuộc dẫn đi, khi nào tôi muốn mưa thì khi ấy đám mây lớn đổ mưa xuống.

125. Sự nóng nực hoặc bực bội không được biết đến ở cơ thể của tôi, và bụi bặm không có ở trên thân thể của tôi; điều này là quả báo của việc bố thí nước.

126. Hiện nay, do tâm ý thanh tịnh, các ác pháp đã lìa, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

---

[12] *Udakadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng nước."

[13] Từ *udakahārikā* được dịch sát nghĩa là người vận chuyển nước (đội, gánh, mang, vác, v.v...).

127. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc bố thí nước.

128. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

129. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

130. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Udakadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Udakadāyikā" là phần thứ mười.

Tóm Lược Của Phẩm Này

Vị Ni Sumedhā, cô gái dâng dây nịt, dâng cúng mái che và con đường đi, cô gái có tràng hoa sậy, cô gái thí vật thực, muỗng [thức ăn], và cô gái dâng cúng đóa sen xanh, cô gái dâng các ngọn đèn, và luôn cả cô gái bố thí nước. Các câu kệ ngôn đã được tính đếm ở đây là một trăm câu kệ ngôn và ba mươi câu thêm vào đó nữa.

Phẩm Sumedhā là phẩm thứ nhất.

II. PHẨM MỘT LẦN TRAI GIỚI
(*EKUPOSATHIKAVAGGO*)

11. KÝ SỰ VỀ EKUPOSATHIKĀ (*Ekuposathikāpadānaṃ*)[1]

131. Ở thành phố Bandhumatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Bandhumā. Vào ngày trăng tròn, vị ấy thực hành bát quan trai giới.

132. Vào lúc bấy giờ, tôi đã là cô nô tỳ đội nước ở tại nơi ấy. Sau khi nhìn thấy đoàn quân cùng với đức vua, khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy:

133. "Ngay cả đức vua cũng đã buông bỏ vương quyền và thực hành bát quan trai giới, chắc hẳn việc làm ấy là có quả báo khiến đám đông người hứng thú."

134. Sau khi suy xét chín chắn về cảnh giới khổ đau và sự nghèo khó, tôi đã tự làm cho tâm được hoan hỷ và đã thực hành bát quan trai giới.

135. Tôi đã thực hành bát quan trai giới theo lời dạy của đấng Chánh Đẳng Giác. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

136. Tại nơi ấy, có cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi, phía bên trên vươn cao một do-tuần, được kề cận với ngôi nhà mái nhọn quý giá, được trang hoàng với các chỗ nằm ngồi.

137. Một trăm ngàn tiên nữ luôn luôn kề cận tôi. Tôi luôn luôn vượt trội và rực rỡ hơn các vị thiên nhân khác.

138. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi bốn vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của sáu mươi ba đấng Chuyển Luân Vương.

139. Có được màu da vàng chói, tôi luân hồi ở các cảnh giới. Tôi là người cao quý ở tất cả các nơi; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

140. Về phương tiện di chuyển bằng voi, phương tiện di chuyển bằng ngựa, phương tiện di chuyển bằng xe và kiệu khiêng, tôi cũng đều đạt được tất cả [các] điều ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

141. Khi ấy, ngay cả vật làm bằng vàng, làm bằng bạc, làm bằng ngọc pha lê, luôn cả vật làm bằng hồng ngọc, tôi đều đạt được tất cả.

142. Các tấm mền làm bằng tơ lụa, bằng sợi len và bông vải, cùng với các tấm vải có giá trị cao, tôi đều đạt được tất cả.

143. Thức ăn, nước uống, vật để nhai, vải vóc và các chỗ nằm ngồi, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

---

[1] *Ekuposathikā* nghĩa là "người nữ có một lần thực hành bát quan trai giới."

144. Hương thơm cao quý, tràng hoa, bột phấn thơm, dầu thoa, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

145. Ngôi nhà mái nhọn, tòa lâu đài, mái che, tòa nhà dài, hang động, tôi đều đạt được tất cả [các] thứ ấy; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

146. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đầy nửa tháng, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

147. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

148. Kể từ khi tôi đã thực hiện việc làm ấy trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của bát quan trai giới.

149. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

150. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Ekuposathikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ekuposathikā" là phần thứ nhất.

12. KÝ SỰ VỀ SALALAPUPPHIKĀ (*Salalapupphikāpadānaṃ*)[2]

151. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Sí điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đấng Nhân Ngưu, vị Trời Của Chư Thiên đang đi kinh hành.

152. Sau khi hái xuống bông hoa salala, tôi đã dâng lên đức Phật tối thượng, [nói rằng:] "Bạch đấng Đại Hùng, thỉnh Ngài ngửi bông hoa salala có hương thơm của cõi trời."

153. Sau khi thọ nhận, đấng Toàn Giác Vipassī, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Đại Hùng đã ngửi [bông hoa ấy], trong khi ấy tôi đang chăm chú nhìn.

154. Tôi đã chắp tay lên và đã đảnh lễ đấng Tối Thượng Nhân. Sau khi làm cho tâm của mình được tịnh tín, từ nơi ấy tôi đã đi lên ngọn núi.

155. Kể từ khi tôi đã dâng cúng bông hoa trước đây chín mươi mốt kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của việc cúng dường đức Phật.

156. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

157. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

158. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Salalapupphikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Salalapupphikā" là phần thứ nhì.

---

[2] *Salalapupphikā* nghĩa là "người nữ có bông hoa salala".

13. KÝ SỰ VỀ MODAKADĀYIKĀ (*Modakadāyikāpadānaṃ*)[3]

159. Ở thành phố Bandhumatī, tôi đã là người nữ tỳ đội nước. Là người vận chuyển nước, tôi đã ra đi sau khi nhận lấy phần [nước] của mình.

160. Ở đường lộ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn có tâm thanh tịnh, định tĩnh. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã dâng ba cục thịt vò viên.

161. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, tôi đã không đi đến đọa xứ chín mươi mốt kiếp.

162. Sau khi đã làm thành tựu điều ấy, tôi đạt được mọi thứ. Sau khi cúng dường ba cục thịt vò viên, tôi đã đạt đến vị thế không bị lay chuyển.

163. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

164. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

165. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Modakadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Modakadāyikā" là phần thứ ba.

14. KÝ SỰ VỀ EKĀSANADĀYIKĀ (*Ekāsanadāyikāpadānaṃ*)[4]

166. Lúc bấy giờ, tôi đã là cô thiếu nữ ở tại thành phố Haṃsavatī. Mẹ và luôn cả cha của tôi, họ đều đã đi làm công việc.

167. Vào lúc mặt trời ở chính ngọ, tôi đã nhìn thấy vị Sa-môn đang đi dọc theo đường lộ nên tôi đã xếp đặt chỗ ngồi.

168. Sau khi xếp đặt chỗ ngồi bằng nhiều loại lông cừu, v.v... rồi với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tôi đã nói lời nói này:

169. "Mặt đất bị nóng bỏng, bị thiêu đốt, mặt trời đã đứng ở chính ngọ, và các cơn gió ngưng thổi, vậy là lúc ngài hãy nghỉ ở đây.

170. Thưa bậc đại hiền trí, đây là chỗ ngồi đã được sắp xếp dành cho ngài. Vì lòng thương tưởng, xin ngài hãy ngồi xuống chỗ ngồi của con."

171. Với tâm ý thanh tịnh, vị Sa-môn được rèn luyện chu đáo đã ngồi xuống ở tại nơi ấy. Tôi đã nhận lãnh bình bát của vị ấy và đã dâng cúng không chút sai sót.

172. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

173. Tại nơi ấy, tôi có cung điện đã khéo được xây dựng, đã khéo được

---

[3] *Modakadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng thịt vò viên".

[4] *Ekāsanadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng một chỗ ngồi".

hóa hiện ra với chỗ ngồi, có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

174. Cũng vào khi ấy, tôi có các ghế dài nhiều kiểu làm bằng vàng, làm bằng ngọc ma-ni, làm bằng ngọc pha lê, và làm bằng hồng ngọc nữa.

175. Các ghế dài của tôi khéo được trải lót với các tấm nệm bằng len dệt, với nhiều loại tấm trải bằng tơ dệt có đính các viên ngọc, và với các tấm trải viền ren ở một bên.

176. Khi nào tôi ước muốn sự ra đi với mục đích giải trí nô đùa, điều ước nguyện của tôi là tôi ra đi bằng chiếc ghế dài thù thắng của tôi.

177. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của bảy mươi đấng Chuyển Luân Vương.

178. Trong khi luân hồi ở cõi này cõi khác, tôi đã đạt được tài sản lớn lao. Đối với tôi không có sự thiếu hụt về của cải; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

179. Tôi [đã] luân hồi ở hai cảnh giới, trong bản thể chư thiên và nhân loại. Tôi không còn biết đến các cõi khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

180. Tôi [đã] được sanh ra ở hai gia tộc, Sát-đế-lỵ và cả Bà-la-môn nữa. Ở mọi nơi, tôi đều thuộc gia đình thượng lưu; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

181. Tôi không biết đến tâm sân hận và sự bực bội của tâm. Tôi không biết đến việc tàn tạ dung nhan; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

182. Các nữ tỳ hầu hạ tôi, nhiều người bị gù lưng, bị chảy nước dãi. Tôi đã [được ẳm bồng] di chuyển từ hông này đến hông khác; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

183. Luôn luôn có các cô này tắm [cho tôi], các cô kia chăm lo thức ăn, các cô khác làm cho tôi vui thích, các cô nọ thoa dầu thơm [cho tôi]; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

184. Trong lúc tôi sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, chiếc ghế dài biết được ý định của tôi hiện diện kề bên.

185. Đây là kiếp sống cuối cùng của tôi, là lần hiện hữu cuối cùng trong sự luân chuyển. Hiện nay, tôi đã từ bỏ vương quốc và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

186. Kể từ khi tôi đã dâng cúng vật thí trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của một chỗ ngồi.

187. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

188. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

189. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Vị Tỳ-khưu-ni Ekāsanadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ekāsanadāyikā" là phần thứ tư.

15. KÝ SỰ VỀ PAÑCADĪPADĀYIKĀ (*Pañcadīpadāyikāpadānaṃ*)[5]

190. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ở thành phố Haṃsavatī. Có sự tầm cầu thiện pháp, tôi [đã] đi từ tu viện này đến tu viện khác.

191. Vào một ngày thuộc hạ huyền, tôi đã nhìn thấy cội cây Bồ-đề tối thượng. Tại đó, sau khi làm cho tâm được tịnh tín, tôi đã ngồi xuống ở gốc cây Bồ-đề.

192. Sau khi thiết lập tâm cung kính, tôi đã chắp tay lên ở đầu và bày tỏ lòng hoan hỷ. Ngay khi ấy tôi đã suy nghĩ như vầy:

193. "Nếu đức Phật có đức hạnh vô lượng, không người sánh bằng, xin cội Bồ-đề này hãy thị hiện thần thông, hãy chói sáng cho tôi thấy."

194. Cùng với điều suy nghĩ của tôi, ngay khi ấy cội Bồ-đề đã phát sáng, đã biến thành vàng toàn bộ và đã chiếu sáng tất cả các phương.

195. Tôi đã ngồi xuống tại nơi ấy, ở gốc cây Bồ-đề bảy ngày đêm. Khi đạt đến ngày thứ bảy, tôi đã thực hiện việc cúng dường các ngọn đèn.

196. Sau khi được đặt quanh chỗ ngồi, năm ngọn đèn đã phát sáng. Khi ấy, các ngọn đèn của tôi đã phát sáng cho đến khi mặt trời mọc lên.

197. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

198. Tại nơi ấy, cung điện đã được kiến tạo khéo léo dành cho tôi được gọi là "Ngũ Đăng", có chiều cao sáu mươi do-tuần, chiều rộng ba mươi do-tuần.

199. Xung quanh tôi có vô số ngọn đèn chiếu sáng. Cho đến cung điện của chư thiên cũng sáng rực bởi ánh sáng của các ngọn đèn.

200. Sau khi ngồi xuống mặt quay về hướng khác, nếu tôi muốn nhìn thấy ở bên trên, bên dưới và chiều ngang, tôi đều nhìn thấy tất cả bằng mắt.

201. Ngay cả khi tôi mong muốn nhìn thấy những việc tốt đẹp hoặc xấu xa thì không có gì che đậy được việc ấy, dầu ở các cây cối hoặc ở các núi non.

202. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của tám mươi vị Thiên vương. Tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của một trăm đấng Chuyển Luân Vương.

203. Mỗi khi tôi nhập thai bào, dầu là cảnh giới chư thiên hoặc loài người, có một trăm ngàn ngọn đèn chiếu sáng ở xung quanh tôi.

---

[5] *Pañcadīpadāyikā* nghĩa là "người nữ dâng cúng năm ngọn đèn". Câu chuyện này tương tợ câu chuyện số 9 của *Pañcadīpikā* (người nữ có năm ngọn đèn).

204. Sau khi mệnh chung từ thế giới chư thiên, tôi đã tái sanh vào bụng mẹ. Trong khi đi vào bụng mẹ và trụ lại, mắt của tôi không nhắm lại.

205. Một trăm ngàn ngọn đèn là kết quả của nghiệp phước thiện, chúng chiếu sáng ở nhà bảo sanh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

206. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã gìn giữ tâm ý. Tôi đã chạm đến Niết-bàn là trạng thái mát mẻ, không già, không chết.

207. Bảy tuổi tính từ khi sanh, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Sau khi biết được đức hạnh [của tôi], đức Phật Gotama đã cho tôi tu lên bậc trên.

208. Trong lúc sinh sống ở mái che, ở gốc cây, hoặc ở ngôi nhà trống vắng, luôn luôn có ngọn đèn chiếu sáng; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

209. Thiên nhãn của tôi được thanh tịnh, tôi được thiện xảo về định, được thành tựu các thắng trí và các pháp toàn hảo; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

210. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Hữu Nhãn, con là Pañcadīpā có toàn bộ nguồn nhiên liệu đã cạn, có các phận sự đã được làm xong, không còn các lậu hoặc, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

211. Kể từ khi tôi đã dâng cúng ngọn đèn trước đây một trăm ngàn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của năm ngọn đèn.

212. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

213. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

214. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Vị Tỳ-khưu-ni Pañcadīpadāyikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Pañcadīpadāyikā" là phần thứ năm.

16. KÝ SỰ VỀ SĀLAMĀLIKĀ (*Sālamālikāpadānaṃ*)[6]

215. Khi ấy, tôi đã là loài Kim Sí điểu cái ở bờ sông Candabhāgā. Tôi đã nhìn thấy đức Phật, bậc Vô Nhiễm, đấng Tự Chủ, bậc Không Bị Đánh Bại.

216. Với tâm tịnh tín, với ý vui mừng, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã chắp tay lên. Tôi đã cầm lấy tràng hoa sāla và đã cúng dường đến bậc Tự Chủ.

217. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân xác Kim Sí điểu, tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

218. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của ba mươi sáu vị Thiên vương. Điều ước nguyện trong tâm của tôi là được tái sanh theo ước muốn.

---

[6] Ký sự này tương tợ Ký sự về Naḷamālikā, số 5, trang 534.

219. Tôi đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của mười đấng Chuyển Luân Vương. Sau khi thành tựu kết quả, tôi luân hồi ở nhiều cõi.

220. Điều tốt lành của tôi đã được tìm thấy, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Hiện nay, tôi là bậc xứng đáng sự cúng dường ở trong giáo pháp của người con trai dòng dõi Sakya [Thích-ca].

221. Hiện nay, với tâm ý đã được thanh tịnh, các ác pháp đã không còn, tất cả các lậu hoặc đã cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

222. [Kể từ khi] tôi đã cúng dường đến đức Phật trước đây chín mươi bốn kiếp, tôi không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của tràng hoa sāla.

223. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

224. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

225. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Vị Tỳ-khưu-ni Sālamālikā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sālamālikā" là phần thứ sáu.

17. KÝ SỰ VỀ MAHĀPAJĀPATIGOTAMĪ (*Mahāpajāpatigotamī-apadānaṃ*)[7]

226. Một thời, bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân trú tại thành Vesāli, khu Đại Lâm, ở ngôi nhà mái nhọn, trong giảng đường xinh xắn.

227. Khi ấy, người dì ruột của đấng Chiến Thắng là Tỳ-khưu-ni Mahāgotamī đã cư ngụ tại tu viện của Tỳ-khưu-ni được xây dựng ở tại nơi ấy, trong thành phố đáng yêu.

228. Khi đang ở nơi thanh vắng cùng với năm trăm vị Tỳ-khưu-ni đã được giải thoát, có điều suy tầm đã khởi đến tâm của vị Ni ấy như vầy:

229. "Ta sẽ không thể chứng kiến sự viên tịch Niết-bàn của đức Phật, hoặc của hai vị Tối thượng Thinh văn, của Rāhula, Ānanda và Nanda.

230. Trước khi có thể buông bỏ thọ hành rồi thành tựu Niết-bàn, ta cần được đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Đại Ẩn Sĩ cho phép."

231. Sự suy tầm của năm trăm vị Tỳ-khưu-ni cũng như thế, chính điều suy tầm này cũng đã khởi đến các vị Ni như là Khemā, v.v...

232. Khi ấy, đã có sự lay động của trái đất, tiếng trống của cõi trời đã vang lên. Các thiên nhân cư ngụ ở Ni viện đã bị dày vò bởi sầu muộn. Tại nơi ấy, trong khi than vãn với niềm bi mẫn họ đã tuôn rơi những giọt nước mắt.

---

[7] *Mahāpajāpatigotamī* nghĩa là "người nữ lãnh tụ vĩ đại thuộc dòng họ Gotama".

233. Cùng với các vị [thiên nhân] ấy, các vị Tỳ-khưu-ni bạn đã đi đến gặp bà Gotamī. Họ đã quỳ xuống, đê đầu ở bàn chân và đã nói lời nói này:

234. "Thưa Ni sư, chúng tôi đã tưới nước ở tại nơi ấy rồi đã đi đến nơi thanh vắng. Trái đất có sự vững chãi đã bị lay động, tiếng trống của cõi trời đã được vang lên, và những tiếng than khóc đã được nghe đến. Bà Gotamī, chẳng lẽ có sự việc gì hay sao?"

235. Khi ấy, bà Gotamī đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm. Các vị Ni ấy cũng đã kể lại mọi việc theo như đã được suy tầm:

236. "Thưa Ni sư, thưa vị có sự hành trì tốt đẹp, nếu Niết-bàn tối thắng thù diệu được bà thích thú thì tất cả chúng tôi cũng sẽ Niết-bàn với sự chấp thuận của đức Phật.

237. Chúng tôi sẽ cùng nhau rời khỏi ngôi nhà và rời khỏi luôn cả sự hiện hữu, chúng tôi sẽ cùng nhau đi đến thành phố Niết-bàn tối thượng."

238. Bà Gotamī đã nói rằng: "Ta sẽ nói gì đây đối với những người đang đi đến Niết-bàn?" Khi ấy, bà Gotamī cùng với tất cả các vị Ni ấy đã rời khỏi chỗ cư ngụ của các Tỳ-khưu-ni.

239. "Xin chư thiên đang ngự tại trú xá hãy thông cảm cho ta. Đây là sự nhìn thấy Ni viện lần cuối cùng của ta.

240. Nơi nào sự già hoặc sự chết, sự gần gũi với những gì không yêu thích, sự xa lìa với những gì yêu thích là không có, thì ta nên đi đến nơi ấy là nơi không bị tạo tác."

241. Nghe được lời nói ấy, những vị Tỳ-khưu-ni của đấng Thiện Thệ có tham ái chưa được xa lìa bị dằn vặt bởi sầu muộn nên đã than vãn rằng: "Than ôi, chúng tôi có phước báu kém cỏi.

242. Trú xứ này của các Tỳ-khưu-ni thiếu vắng các vị ấy [sẽ] trở nên trống không. Các vị Tỳ-khưu-ni của đấng Chiến Thắng [sẽ] không còn được nhìn thấy, ví như các vì sao không còn được nhìn thấy vào ban ngày.

243. Bà Gotamī đi đến Niết-bàn cùng với năm trăm vị tương tợ như sông Gaṅgā cùng với năm trăm dòng sông chảy về biển cả."

244. Sau khi nhìn thấy bà Gotamī đang đi ở trên đường, các nữ cư sĩ thành tín đã đi ra khỏi nhà, rồi đã quỳ xuống ở hai bàn chân [của bà] và đã nói điều này:

245. "Hỡi vị có tài sản vĩ đại, xin người hoan hỷ. Xin chớ lìa bỏ chúng con [trở thành] không người bảo hộ. Xin người chớ quyết định Niết-bàn", họ đã than van ầm ĩ như thế.

246. Nhằm mục đích xóa đi nỗi sầu muộn của họ, bà Gotamī đã nói với giọng nói ngọt ngào rằng: "Này các con, than khóc đã đủ rồi, hôm nay đây là thời điểm vui cười của các con.

247. Khổ đã được ta biết toàn diện, nhân của khổ đã được ta dứt bỏ, sự diệt tận đã được ta tác chứng, và Đạo cũng đã được ta thực hành khéo léo."

Dứt tụng phẩm thứ nhất.

248. Bậc Đạo Sư đã được ta phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được ta thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

249. Vì mục đích nào ta đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được ta đạt đến.

250. Này các con, đức Phật và Chánh pháp không bị thiếu sót của Ngài vẫn còn tồn tại vào thời điểm Niết-bàn của ta, chớ có khóc than cho ta.

251. Koṇḍañña, Ānanda, Nanda, v.v..., vị Rāhula chiến thắng còn tại tiền, hội chúng là được an lạc, hòa hợp, còn đối với các ngoại đạo thì niềm kiêu hãnh đã bị tiêu tan.

252. Danh tiếng của dòng tộc Okkāka với sự tiêu diệt Ma vương đã được giương cao. Này các con, chẳng phải chính lúc này là thời điểm cho mục đích Niết-bàn của ta hay sao?

253. Điều ước nguyện của ta được nung đúc từ lâu, hôm nay được thành tựu. Này các con, giờ đây là thời điểm của những tiếng trống vui mừng, việc gì với những giọt nước mắt của các con?

254. Nếu có lòng thương mến đối với ta, và nếu có lòng bi mẫn, tất cả các con hãy thể hiện sự tinh tấn kiên cố cho sự tồn tại của Chánh pháp.

255. Khi được ta thỉnh cầu, đấng Toàn Giác đã ban cho sự xuất gia một cách lưỡng lự. Do điều đó, ta đã hoan hỷ như thế nào thì các con hãy thuận theo điều ấy như thế."

256. Sau khi dặn dò như thế, bà Gotamī dẫn đầu các vị Tỳ-khưu-ni đã đi đến đảnh lễ đức Phật, rồi đã nói lời nói này:

257. "Bạch đấng Thiện Thệ, con là mẹ của Ngài. Và bạch đấng Anh Hùng, Ngài là cha của con. Bạch đấng Bảo Hộ, Ngài là người ban cho niềm an lạc trong Chánh pháp. Bạch Ngài Gotama, con đã được sanh ra bởi Ngài.

258. Bạch đấng Thiện Thệ, hình hài và thân xác này của Ngài đã được lớn mạnh là nhờ con. Còn Pháp thân không thể phê phán của con đã được tăng trưởng là nhờ vào Ngài.

259. Nhờ con, Ngài đã được uống nước sữa làm dịu đi sự khao khát trong chốc lát. Nhờ Ngài, con cũng đã được uống chính dòng sữa giáo pháp thanh tịnh vô cùng tận.

260. Bạch đấng Đại Hiền Trí, trong việc dưỡng nuôi chăm sóc của con, Ngài không có nợ nần. Mong sao cho các phụ nữ có lòng mong mỏi con trai có thể đạt được người con trai như thế này.

261. Mẹ của các vị vua như đức Vua Mandhātu, v.v... là ở trong biển cả của hiện hữu. Này con trai, ta đã bị chìm đắm, nhờ Ngài ta đã vượt qua khỏi đại dương của hiện hữu.

262. Đối với hàng phụ nữ, danh xưng 'Hoàng hậu mẹ của đức vua' là dễ dàng đạt được. Còn danh xưng 'Người mẹ của đức Phật' là đạt được vô cùng khó khăn.

263. Và bạch đấng Anh Hùng, nhờ Ngài con đã đạt được điều ước nguyện ấy của con. Với con toàn bộ điều ấy dầu nhỏ bé hay lớn lao đều đã được tròn đủ.

264. Con muốn từ bỏ xác thân này, con muốn viên tịch Niết-bàn. Bạch đấng Anh Hùng, bậc Lãnh Đạo, vị Đoạn Tận Khổ Đau, xin Ngài hãy cho phép con.

265. Xin Ngài hãy duỗi ra [hai] bàn chân mềm dịu như hoa sen được điểm tô bằng những cây căm bánh xe và các ngọn cờ, con sẽ thể hiện sự tôn kính đến Ngài với lòng yêu mến đối với người con trai.

266. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài hãy thể hiện rõ ràng thân thể tợ như khối vàng; sau khi thực hiện việc chiêm ngưỡng thân thể của Ngài, con sẽ đi về chốn an tịnh."

267. Đấng Chiến Thắng đã khiến cho người dì nhìn thấy thân thể được thành tựu ba mươi hai tướng trạng và được điểm tô với những hào quang xinh xắn trông giống như ánh mặt trời non trẻ từ đám mây chiều.

268. Sau đó, bà Gotamī đã đê đầu ở lòng bàn chân được in dấu hình bánh xe, trông tợ như đóa hoa sen nở rộ có ánh sáng của mặt trời buổi bình minh.

269. "Con xin đảnh lễ đấng Mặt Trời Của Nhân Loại, vị tiêu biểu của dòng dõi mặt trời. Đây là lần tử biệt cuối cùng của con, con không gặp Ngài nữa rồi.

270. Bạch đấng Cao Cả Của Thế Gian, hàng nữ nhân gây nên mọi điều xấu xa rồi chết đi. Và bạch đấng Thể Hiện lòng bi mẫn, nếu con có điều sai trái gì xin Ngài tha thứ.

271. Và bạch đấng Nhân Ngưu, con đã liên tục cầu xin sự xuất gia cho hàng phụ nữ, trong việc này nếu con có điều sai trái xin Ngài hãy thứ tha điều ấy.

272. Bạch đấng Đại Hùng, các Tỳ-khưu-ni đã được con dạy dỗ với sự cho phép của Ngài. Bạch đấng Chúa Tể về kham nhẫn, trong trường hợp này nếu có vấn đề huấn luyện kém cỏi, xin Ngài hãy thứ tha điều ấy."

273. [Đức Phật đáp lại rằng:] "Này người có đức hạnh là vật trang điểm, có thể kham nhẫn những điều gọi là không thể kham nhẫn thì còn có việc gì? Ta sẽ nói điều gì hơn nữa đối với bà là người đang tiến đến Niết-bàn?

274. Khi hội chúng Tỳ-khưu của Ta là thanh tịnh không khiếm khuyết đang tiến bước để ra khỏi thế gian này, ví như quầng trăng ra đi vào lúc rạng đông sau khi nhìn thấy sự biến mất dần của các vì thiên thể."

275. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã hướng vai phải nhiễu quanh đấng Chiến Thắng cao cả, trông giống như các vì sao theo gót mặt trăng di chuyển xung quanh núi Sumeru. Sau đó họ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân [đức Phật], rồi đứng lên chiêm ngưỡng khuôn mặt [của Ngài].

276. "Mắt chưa có sự thỏa mãn đối với việc nhìn ngắm Ngài, tai chưa có sự thỏa mãn đối với việc được [nghe] Ngài thuyết giảng, chỉ riêng một mình tâm của con đã đạt được sự thỏa mãn ấy nhờ vào hương vị của giáo pháp.

277. Bạch đấng Cao Quý Của Loài Người, trong khi Ngài tuyên thuyết ở

hội chúng, những người nào nhìn thấy khuôn mặt của Ngài là vị đánh đổ sự kiêu căng của những người đối chất, những người ấy là hữu duyên.

278. Bạch đấng có lóng [tay chân] dài, những người nào sẽ khom mình ở bàn chân xinh đẹp có gót chân nhô ra, bạch bậc Thượng Đức, những người ấy cũng là hữu duyên.

279. Bạch đấng Thượng Nhân, những người nào sẽ lắng nghe những lời nói ngọt ngào, vui vẻ, tiêu diệt lỗi lầm và có lợi ích của Ngài, những người ấy cũng là hữu duyên.

280. Bạch đấng Đại Hùng, với sự nhiệt tâm trong việc lễ bái bàn chân [Ngài], con đã vượt qua khu rừng rậm luân hồi nhờ vào lời thiện thuyết của đấng Quang Vinh, con là hữu duyên với Ngài."

281. Sau đó, vị Ni có hạnh kiểm tốt đẹp ấy cũng đã thông báo đến hội chúng Tỳ-khưu. Và sau khi đảnh lễ các vị Rāhula, Ānanda, Nanda, bà đã nói điều này:

282-83. "Mẹ nhờm gớm cái xác thân tợ như chỗ trú của rắn độc, là chỗ ngụ của bệnh tật, bị chồng chất khổ đau, là chốn lai vãng của sự già và sự chết, đầy dẫy nhiễm ô và tội lỗi, bị lệ thuộc vào người khác, không năng động. Vì thế, mẹ muốn Niết-bàn. Này các con trai, hãy thông cảm [cho mẹ]."

284. Vị Nanda và bậc Hiền thiện Rāhula có sầu muộn đã lìa, không còn lậu hoặc, bền vững, không bị lay động, chắc chắn, kiên quyết, đã suy xét về lẽ tự nhiên rằng:

285. "Thật là xấu hổ cho [xác thân] bị tạo tác, chao đảo, không có lõi, tương tợ như cây chuối, giống như trò xảo thuật hay ảo ảnh, ngắn ngủi, không bền vững.

286. Ngay cả bà Gotamī này, đối với đấng Chiến Thắng là người dì, là người nuôi dưỡng đức Phật, rồi cũng đi đến sự tử vong; tất cả pháp hữu vi là vô thường."

287. Và lúc bấy giờ, Ngài Ānanda, vị có lòng thương mến đối với đấng Chiến Thắng, là bậc Hữu học, đã bị dằn vặt vì sầu muộn. Tại đó, trong khi tuôn trào những giọt lệ, vị ấy rên rỉ nỗi tiếc thương:

288. "Hỡi ôi! Bà Gotamī đi đến chốn thanh tịnh. Hiển nhiên, chẳng bao lâu nữa đức Phật cũng đi đến tịch diệt ví như ngọn lửa hết nguồn nhiên liệu."

289. Bà Gotamī đã nói với vị Ānanda đang than vãn ấy như vầy: "Này vị sâu sắc như biển cả về việc nghe [học hỏi]. Này vị nhiệt tâm trong việc hầu cận đức Phật.

290. Này con trai, chớ miệt mài thương tiếc khi thời điểm cười vui đã đến đối với con. Này con trai, nơi nương nhờ của ta là Niết-bàn đã đến.

291. Này con yêu, được cầu khẩn bởi con, [đức Phật] đã cho phép sự xuất gia đến chúng tôi. Này con trai, chớ có phiền muộn, sự nỗ lực của con là có kết quả.

292. Đạo lộ ấy thậm chí không được nhìn thấy bởi các vị ngoại đạo sư trước đây, lại được biết đến bởi những bé gái hiền thiện bảy tuổi.

293. Này vị hộ trì giáo pháp của đức Phật, [giờ là] lần nhìn thấy cuối cùng của con. Này con trai, nơi nào khi đã đi đến là không được nhìn thấy thì ta đi đến nơi ấy."

294. Có lần nọ, đấng Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian bị hắt hơi trong khi đang thuyết giảng giáo pháp, khi ấy với lòng thương tưởng tôi đã nói lời mong mỏi rằng:

295. "Bạch đấng Đại Hùng, xin Ngài hãy sống thọ. Bạch bậc Đại Hiền Trí, xin Ngài hãy tồn tại trọn kiếp. Vì lợi ích của tất cả thế gian, xin Ngài hãy là vị Thiên Thần Bất Lão."

296. Với tôi là người nữ có lời nói như thế về điều ấy, đức Phật ấy đã nói điều này: "Này Gotamī, chư Phật không nên được tôn vinh như thế, giống như cách bà đã tôn vinh."

297. "Bạch đấng Toàn Tri, vậy thì các đấng Như Lai là nên được tôn vinh như thế nào? Chư Phật là không nên được tôn vinh như thế nào? Được hỏi, xin Ngài hãy giảng cho con về điều ấy."

298. "Bà hãy nhìn xem các vị đệ tử là có sự hòa hợp, có sự ra sức tinh tấn, có tính khẳng quyết, có sự nỗ lực mạnh mẽ một cách bền bỉ; ấy là sự tôn vinh chư Phật."

299. Từ nơi ấy, sau khi đi về Ni viện, chỉ có một mình tôi đã suy nghiệm rằng: "Đấng Bảo Hộ, vị đi đến tận cùng tam giới, hài lòng về tập thể có sự hòa hợp.

300. Vậy thì ta sẽ Niết-bàn, ta chớ chứng kiến sự băng hoại ấy." Sau khi suy nghĩ như thế, tôi đã diện kiến bậc Đệ Nhất Ẩn Sĩ.

301. Tôi đã thông báo thời điểm viên tịch Niết-bàn của tôi đến bậc Hướng Đạo. Do đó, Ngài đã đồng ý rằng: "Này Gotamī, bà hãy biết lấy thời điểm."

302. "Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

303. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

304. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật."

305. "Này Gotamī, những kẻ ngu có khuynh hướng không chú tâm và trì trệ trong việc lãnh hội giáo pháp, bà hãy thị hiện thần thông vì lợi ích cho sự từ bỏ tà kiến của những kẻ ấy."

306. Khi ấy, với sự cho phép của đức Phật, bà Gotamī đã quỳ xuống [đảnh lễ] đấng Toàn Giác rồi đã bay lên không trung và đã thị hiện nhiều loại thần thông.

307-08. Là một, bà đã trở thành nhiều, và tương tợ như thế là nhiều trở thành một. Bà đã hiện ra, biến mất, đi xuyên qua vách tường, xuyên qua ngọn núi không bị chướng ngại. Bà cũng đã chìm vào trong trái đất. Bà đã đi ở trên nước mà không làm chao động như là ở trên đất liền.

309. Khi ấy, bà đã di chuyển với thế kiết-già tương tợ như loài chim ở trên không trung. Bằng thân, bà đã thể hiện sự tác động đến tận chỗ ngụ của đấng Phạm thiên.

310. Sau khi đã làm ngọn núi Sineru thành cây cán lọng và đã làm đại địa cầu thành cái lọng che, bà đã xoay ngược lại đến tận gốc rễ. Trong khi cầm [lọng che], bà đã đi kinh hành ở hư không.

311. Và bà đã làm thế gian mù mịt khói đúng vào lúc mọc lên của sáu mặt trời. Bà đã gây rối ren bằng những tràng hoa rực lửa như là thế gian vào lúc hoại kiếp.

312. Về tảng đá khổng lồ Mucalinda, núi Meru, núi Mandāra và núi Daddara, bà đã nắm lấy toàn bộ bằng một nắm tay như là [nắm lấy] những hạt cải.

313. Với đầu ngón tay bà đã che khuất mặt trời cùng với mặt trăng. Bà đã nắm giữ một ngàn mặt trăng và mặt trời như là [nắm giữ] tràng hoa đội đầu.

314. Bà đã nắm giữ nước của bốn bể bằng một bàn tay, đã làm đổ mưa trận mưa lớn có hình dáng của đám mây đen vào lúc tận thế.

315. Bà đã biến hóa thành đấng Chuyển Luân Vương cùng với tùy tùng ở bề mặt của không trung. Bà đã khiến cho nhìn thấy loài Kim Sí điểu, loài voi và loài sư tử đang gầm rống.

316. Chỉ một mình, bà đã biến hóa thành hội chúng Tỳ-khưu-ni vô số kể, sau đó lại làm cho biến mất chỉ còn một mình, rồi đã nói với bậc Hiền Trí rằng:

317. "Bạch đấng Đại Hùng, bạch bậc Hữu Nhãn, người dì của Ngài là người nữ thực hành theo lời dạy của Ngài và đã đạt được lợi ích cho bản thân, giờ [xin] đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

318. Sau khi thị hiện nhiều thể loại thần thông, vị Ni ấy đã từ bề mặt của không trung đáp xuống đảnh lễ đấng Quang Đăng Của Thế Gian rồi đã ngồi xuống ở một bên.

319. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đây đã được một trăm hai mươi tuổi tính từ lúc sanh. Bạch đấng Anh Hùng, chừng ấy là vừa đủ. Bạch đấng Lãnh Đạo, con sẽ Niết-bàn."

320. Khi ấy, toàn thể hội chúng ấy vô cùng sửng sốt đã chắp tay lên nói rằng: "Thưa Ni sư, làm thế nào bà đã trở thành vị có thần thông và sự nỗ lực không thể sánh bằng?"

321. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp đã hiện khởi.

322. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī trong gia đình vị quan cận thần được đầy đủ mọi thứ tiện nghi, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản.

323. Có lần nọ, tôi đã dẫn đầu nhóm nữ tỳ cùng người cha với đoàn tùy tùng đông đảo đi đến đấng Nhân Ngưu ấy.

324. Tợ như vị [Thiên vương] Vāsava đang làm mưa, đấng Chiến Thắng, bậc Không Còn Lậu Hoặc, rực rỡ với quầng hào quang giống như mặt trời của mùa thu, đang làm đổ xuống cơn mưa pháp.

325. Sau khi nhìn thấy, tôi đã làm cho tâm được tịnh tín và đã lắng nghe [giáo pháp] khéo được thuyết giảng của đấng Lãnh Đạo Nhân Loại ấy trong khi Ngài đang thiết lập vị Tỳ-khưu-ni Mātucchā vào vị thế hàng đầu.

326. Sau khi lắng nghe, tôi đã dâng cúng đại thí và nhiều vật dụng trong bảy ngày đến bậc Tối Thượng Nhân như thế ấy cùng với hội chúng [của Ngài].

327. Tôi đã nằm dài xuống ở bàn chân [Ngài] và đã phát nguyện vị thế ấy. Sau đó, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói với đoàn tùy tùng đông đảo rằng:

328. "Người nữ nào đã chăm lo bữa ăn đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng trong bảy ngày, Ta sẽ tán dương người nữ ấy. Các người hãy lắng nghe Ta nói.

329. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

330. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Gotamī.

331. Người nữ này sẽ là người dì nuôi dưỡng mạng sống của vị Phật ấy và sẽ đạt được vị thế hạng nhất trong số các Tỳ-khưu-ni kỳ cựu."

332. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, tôi đã hộ độ đấng Chiến Thắng bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời, sau đó đã từ trần.

333. Được sanh lên giữa chư thiên thuộc cõi Đạo-lợi có các sự dồi dào về mọi dục lạc, tôi đã vượt trội các vị [trời] khác về mười phương diện:

334. Là các sắc, các thinh, các hương, các vị và các xúc, luôn cả tuổi thọ và sắc đẹp, sự an lạc và luôn cả danh tiếng nữa.

335. Với ưu thế như thế ấy, tôi đã nổi bật và sáng chói. Tôi đã là hoàng hậu yêu dấu của vị Trời Đế-thích ở tại nơi ấy.

336. Trong khi trôi nổi luân hồi, bị dời chuyển dưới tác động của nghiệp, tôi đã được sanh ra ở trong ngôi làng dân nô lệ thuộc lãnh địa của đức vua xứ Kāsi.

337. Khi ấy, có không dưới năm trăm người nô lệ cư ngụ ở nơi ấy. Tại đó, người nào là đứng đầu của tất cả [nhóm người], tôi đã trở thành vợ của người ấy.

338. Năm trăm bậc Tự chủ đã đi vào làng để khất thực. Sau khi nhìn thấy các vị ấy, tôi cùng với tất cả quyến thuộc đã vui mừng.

339. Chúng tôi cùng với những người chồng đã xây dựng năm trăm cốc liêu, đã hộ độ trong bốn tháng, đã dâng cúng ba y và đã trở nên hoan hỷ.

340. Từ nơi ấy chết đi, chúng tôi cùng với những người chồng đã đi đến cõi

trời Đạo-lợi. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, chúng tôi đã được sanh ra ở thành phố Devadaha.

341. Cha của tôi là Añjana thuộc dòng Sakya, mẹ của tôi là [Hoàng hậu] Sulakkhaṇā. Sau đó, tôi đã đi đến nhà [làm vợ] của [đức Vua] Suddhodana ở thành Kapilavatthu.

342. Những người còn lại đã được sanh vào gia tộc Sakya, đã đi đến nhà [làm vợ] của các vị dòng Sakya. Là ưu việt trong số tất cả, tôi đã là người bảo mẫu của đấng Chiến Thắng.

343. Người con trai của tôi sau khi lìa bỏ ra đi đã trở thành đức Phật, bậc Hướng Đạo. Về sau, tôi đã xuất gia cùng với năm trăm vị [công nương].

344-45. Cùng với các công nương dòng Sakya, tôi đã chạm đến sự an lạc của Niết-bàn. Khi ấy, những người nào đã là chồng của chúng tôi trong cuộc sống trước đây, những người cùng thực hiện phước báu, những người đã tạo ra thời điểm trọng đại, được đấng Thiện Thệ thương tưởng những người ấy đã chạm đến phẩm vị A-la-hán.

346. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni kia đã ngự lên bề mặt của không trung. Có đại thần lực, các vị Ni đã chói sáng như là các vì sao đã được quần tụ lại.

347. Các vị Ni đã thị hiện nhiều loại thần thông, tương tợ như những thợ vàng khéo được huấn luyện đã làm ra nhiều mẫu mã trang sức đối với kim loại vàng đã được chế biến.

348. Khi ấy, các vị Ni đã thị hiện các phép lạ đa dạng nhiều loại và đã làm hoan hỷ bậc Hiền Trí, vị Thuyết Giảng hàng đầu, cùng với đồ chúng.

349. Sau khi từ không trung đáp xuống, các vị Ni đã đảnh lễ bậc Ẩn Sĩ tối thượng. Được sự cho phép của đấng Tối Thượng Nhân, các vị Ni đã ngồi xuống đúng theo vị thế [nói rằng]:

350. "Ôi! Bạch đấng Anh Hùng, bà Gotamī là người có lòng từ mẫn đối với tất cả chúng con. Được sống nhờ vào những phước báu của Ngài, chúng con đã đạt được sự đoạn tận các lậu hoặc.

351. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

352. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

353. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

354. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

355. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

356. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và về phép biện giải được phát hiện và được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

357. Bạch đấng Lãnh Đạo, Ngài đã hành xử đối với chúng con bằng các tâm từ ái. Bạch đấng Đại Hiền Trí, xin Ngài cho phép về việc Niết-bàn đến tất cả [chúng con]."

358. Đấng Chiến Thắng đã nói rằng: "Khi các nàng nói: 'Chúng con sẽ Niết-bàn' như thế thì Ta còn nói điều gì nữa. Vậy thì giờ đây, các nàng hãy suy nghĩ về thời điểm của các nàng."

359. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni ấy đứng đầu là Gotamī, v.v... đã đảnh lễ đấng Chiến Thắng. Rồi các vị Ni ấy đã từ chỗ ngồi ấy đứng dậy và đã ra đi.

360. Bậc Anh Hùng ấy, vị Lãnh Đạo Cao Cả Của Thế Gian cùng với đại chúng đông đảo đã cùng đi theo người dì cho đến tận cổng.

361. Khi ấy, bà Gotamī đã cúi xuống ở các bàn chân của đấng Quyến Thuộc Thế Gian, là sự đảnh lễ bàn chân lần cuối cùng với tất cả các vị Ni kia.

362. "Đây là lần nhìn thấy đấng Bảo Hộ Thế Gian lần cuối cùng của con. Con sẽ không còn nhìn thấy lại khuôn mặt của Ngài là nguồn phát sanh lên sự bất tử.

363. Và bạch đấng Anh Hùng, [đây] không phải là sự đảnh lễ của con ở bàn chân vô cùng mềm mại của Ngài. Bạch đấng Cao Cả Của Thế Gian, con sẽ sờ nắn [chúng]; hôm nay con đi đến nơi an tịnh.

364. Có gì với sắc tướng này của Ngài khi pháp đã được thấy đúng theo bản thể? Toàn bộ sắc tướng này chỉ là hữu vi, không được thoải mái, là tạm bợ."

365. Sau khi đi về tu viện Tỳ-khưu-ni của mình cùng với các vị Ni ấy, bà Gotamī đã xếp chân bán già ngồi xuống ở trên chỗ ngồi cao nhất.

366. Khi ấy, các nữ cư sĩ mến chuộng Phật pháp ở tại nơi ấy, sau khi nghe được tin tức về bà ấy, đã đi đến đảnh lễ ở bàn chân [của bà].

367. Bị dằn vặt vì sầu muộn, họ đã đấm vào ngực bằng những bàn tay. Rồi giống như là các dây leo bị chặt đứt gốc rễ, họ đã ngã xuống ở trên đất trong khi nức nở tiếng khóc lóc thảm thương rằng:

368. "Hỡi người ban bố sự nương nhờ, hỡi người bảo hộ, xin người đừng từ bỏ chúng con mà đi đến nơi an tịnh. Toàn thể người nữ chúng con quỳ xuống đê đầu thỉnh cầu [người]."

369. Trong khi xoa đầu của người nữ cư sĩ có sự nỗ lực cao nhất, có tín tâm, có trí tuệ trong số ấy, bà Gotamī đã nói lời nói này:

370. "Này các con, thôi đủ rồi bởi vì thất vọng là sự xoay vần theo mưu kế của Ma vương. Tất cả pháp hữu vi là vô thường, sự chia lìa và sự tử vong là không chừng đổi."

371. Sau đó, bà ấy đã giã từ những người nữ ấy rồi đã thể nhập thiền tối thượng bậc thứ nhất, thứ nhì, thứ ba và luôn cả bậc thứ tư.

372. Tương tợ như thế, theo tuần tự bà đã thể nhập [các bậc thiền] không gian xứ, thức xứ, vô sở hữu, phi tưởng.

373. Bà Gotamī đã thể nhập các bậc thiền theo chiều nghịch về lại bậc thiền thứ nhất, rồi từ đó tiến đến bậc thứ tư.

374. Từ đó, bà đã xuất ra và đã Niết-bàn, tợ như ngọn lửa của cây đèn cạn dầu. Đã có sự chuyển động dữ dội của trái đất, sét đã giáng xuống từ bầu trời.

375. Các tiếng trống đã được vang lên, chư thiên đã than vãn, và cơn mưa bông hoa từ bầu trời đã đổ xuống trái đất.

376. Ngọn núi chúa Meru cũng đã rung động tương tợ như người vũ công ở giữa sàn nhảy. Chính vì sầu muộn, biển cả đã có sự gào thét vô cùng thảm thiết.

377. Vào giây phút ấy, chư thiên, các long vương, các a-tu-la và đấng Phạm thiên bị chấn động đã thốt lên rằng: "Các pháp hữu vi quả thật là vô thường, theo như thế ấy vị Ni này đã đi đến sự hoại diệt.

378. Và các vị Ni nào là những người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư đã tháp tùng vị Ni này, các vị Ni ấy cũng không còn chấp thủ, như là ngọn lửa của cây đèn đã bị lụi tàn."

379. Và đã có sự than vãn rằng: "Chao ôi! Các sự hội tụ có sự chia lìa là điểm kết thúc. Chao ôi! Tất cả pháp hữu vi là vô thường. Chao ôi! Cuộc sống có sự tiêu hoại là điểm kết thúc."

380. Sau đó, chư thiên và đấng Phạm thiên [đã] tiến hành công việc thuận theo pháp thế gian, thích hợp thời điểm, rồi đã đi đến gần vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ.

381. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã bảo Ngài Ānanda là vị có sự học ví như biển cả rằng: "Này Ānanda, hãy đi thông báo đến các Tỳ-khưu về việc Niết-bàn của mẹ."

382. Khi ấy, Ngài Ānanda, không còn nét hân hoan,[8] mắt đẫm lệ, đã nói với giọng nói nghẹn ngào rằng: "Hỡi chư Tỳ-khưu, hãy cùng nhau đi đến.

383. Hỡi chư Tỳ-khưu là các đệ tử của đấng Thiện Thệ đang ngụ ở các hướng Đông, Nam, Tây, Bắc, xin hãy lắng nghe lời nói của tôi.

384. Bà Gotamī ấy, người đã ra sức nuôi dưỡng xác thân cuối cùng của đấng Hiền Trí, đã đi đến nơi an tịnh như là vì sao vào lúc ló dạng của mặt trời.

385. Sau khi đã thiết lập danh xưng cho vị Ni đã ngự đến Niết-bàn là 'Người Mẹ của đức Phật', đấng Lãnh Đạo, dầu là bậc Ngũ Nhãn, cũng không nhìn thấy nơi nào là nơi [bà] đã đi đến.

386. Vị nào có niềm tin vào đấng Thiện Thệ, và vị nào yêu quý bậc Đại Hiền Trí, xin vị đệ tử của đấng Thiện Thệ hãy thể hiện sự tôn kính đối với người mẹ của đức Phật."

387. Sau khi nghe được điều ấy, các vị Tỳ-khưu thậm chí từ quốc độ vô cùng xa xôi đã nhanh chóng đi đến, một số vị là nhờ vào năng lực của đức Phật, một số vị là được rành rẽ về các phép thần thông.

---

[8] "*Ānando nir-ānando*" là phép chơi chữ, không thể diễn tả bằng tiếng Việt.

388. Ở trong ngôi nhà mái nhọn cao quý đáng yêu, toàn bộ làm bằng vàng sáng chói, các vị đã cùng nhau sắp đặt chiếc giường nhỏ là nơi bà Gotamī an nghỉ.

389. Bốn vị [trời] hộ trì thế gian ấy đã cùng nhau gánh vác bằng những bả vai. Chư thiên còn lại như là [vua Trời] Sakka, v.v... đã cùng nhau khiêng các ngôi nhà mái nhọn.

390. Toàn bộ đã có đến năm trăm ngôi nhà mái nhọn có màu sắc như ánh mặt trời vào mùa thu đều đã được tạo nên bởi vị Trời Vissakamma.

391. Toàn thể các vị Tỳ-khưu-ni ấy đã được đặt nằm trên những chiếc giường được nâng lên đặt ở vai của chư thiên rồi được tuần tự rước đi.

392. Có mái che đã che phủ toàn bộ bề mặt của không trung. Mặt trăng, mặt trời, cùng các vì sao đã được ghi dấu hiệu bằng vàng.

393. Vô số ngọn cờ đã được dựng lên, các tấm màn hoa đã được trải rộng. Từ trên không trung những đóa hoa sen đã rơi xuống, ở trên mặt đất là bông hoa đã được vun cao.

394. Mặt trăng và mặt trời được nhìn thấy và các vì sao lấp lánh. Và mặt trời dầu đã đi đến chính ngọ nhưng không làm cho nóng bức, tợ như là mặt trăng vậy.

395. Chư thiên đã cúng dường bằng các hương thơm ở cõi trời, những tràng hoa thơm ngát, các khúc nhạc, những điệu vũ và các bản đồng ca.

396. Và các vị long vương, chư thiên và các Phạm thiên tùy theo khả năng, tùy theo sức lực đã cúng dường người mẹ của đức Phật đã Niết-bàn đang được rước đi.

397. Toàn bộ các vị Ni đệ tử của đấng Thiện Thệ đã tịch diệt là được rước đi ở phía trước, bà Gotamī, người đã nuôi dưỡng đức Phật, được kính trọng, đã được rước đi ở phía sau.

398. Chư thiên và nhân loại cùng với các long vương, a-tu-la, Phạm thiên là ở phía trước, đức Phật cùng các vị Thinh văn đi ở phía sau nhằm mục đích tôn vinh người mẹ.

399. Lễ viên tịch Niết-bàn của đức Phật đã là như thế nào chứ không được như thế này, lễ viên tịch Niết-bàn của bà Gotamī đã là vô cùng phi thường.

400. Ở lễ Niết-bàn của đức Phật, đức Phật không hiện diện [chỉ có] các vị Tỳ-khưu. Ở lễ Niết-bàn của bà Gotamī có đức Phật, cũng như có các vị Sāriputta, v.v...

401. Các vị ấy đã thực hiện các giàn hỏa thiêu được làm bằng tất cả các loại vật thơm, được rải rắc các loại bột phấn thơm, rồi đã hỏa thiêu bà ở nơi đó.

402. Các phần còn sót lại đã được đốt cháy toàn bộ, toàn bộ phần còn lại là các hạt xương. Và khi ấy, Ngài Ānanda đã nói lời nói khơi dậy nỗi chấn động:

403. "Bà Gotamī đã đi đến sự yên nghỉ, và thi thể của bà ấy đã được thiêu đốt. Tôi e rằng sự Niết-bàn của đức Phật sẽ là không lâu."

404. Sau đó, được đức Phật khuyên bảo vị Ānanda ấy đã dâng lên đấng Bảo Hộ các Xá-lợi của bà Gotamī đã được đặt vào trong bình bát của bà ấy.

405-06. Sau khi đã nâng lên các Xá-lợi bằng bàn tay, vị Đệ Nhất Ẩn Sĩ đã nói rằng: "So sánh với thân cây to lớn có lõi đang đứng thẳng, giống cây nào dầu có tầm vóc lớn hơn vẫn bị ngã xuống bởi vì tính chất vô thường, tương tợ như thế, bà Gotamī của hội chúng Tỳ-khưu-ni đã viên tịch Niết-bàn.

407. Ôi! Quả là ngạc nhiên đối với Ta! Ngay cả trong sự Niết-bàn của người mẹ chỉ còn lại phần nhỏ về Xá-lợi, và không có sự sầu muộn hay than vãn.

408. Không có sự sầu khổ ở những người khác. Bà ấy có biển cả luân hồi đã được vượt qua, có sự bực bội đã lìa, được trạng thái mát mẻ, đã Niết-bàn tốt đẹp.

409. Bà đã là vị thông thái có tuệ vĩ đại, và tương tợ như thế ấy, bà là vị có tuệ bao quát, là vị kỳ cựu trong số các Tỳ-khưu-ni. Này các Tỳ-khưu, các ngươi hãy ghi nhận như thế.

410. Bà Gotamī đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

411. Bà đã biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, đối với bà ấy không còn tái sanh nữa.

412. Bà ấy đã có được trí hoàn toàn thanh tịnh về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải; vì thế không nên sầu muộn.

413. Giống như đối với ngọn lửa cháy sáng hủy hoại luôn cả chiếc búa sắt [nhưng khi] đã được dập tắt theo tuần tự thì nơi đi đến cũng không được biết.

414. Tương tợ như vậy, đối với những người đã được giải thoát đúng đắn, có sự vượt qua dòng lũ ràng buộc của các dục lạc, đã đạt được vị thế bất động thì không còn cảnh giới tái sanh nào để nhận biết nữa.

415. Do đó, các ngươi hãy là hòn đảo của chính bản thân, có hành xứ là các sự thiết lập niệm. Sau khi tu tập bảy chi phần giác ngộ, các ngươi sẽ làm chấm dứt sự khổ đau."

Vị Tỳ-khưu-ni Mahāpajāpatigotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Mahāpajāpatigotamī" là phần thứ bảy.

18. KÝ SỰ VỀ KHEMĀ (*Khemāpadānaṃ*)

416. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi.

417. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với nhiều loại châu báu, tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao.

418. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niềm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng.

419. Và tôi cũng đã yêu cầu mẹ cha, rồi đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo cùng với các vị Thinh văn và đã cung ứng vật thực trong bảy ngày.

420. Và khi bảy ngày đã trôi qua, đấng Điều Phục Nhân đã thiết lập vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có đại trí tuệ vào vị thế tối thắng.

421. Được hoan hỷ sau khi lắng nghe điều ấy, tôi đã thể hiện sự tôn kính đến bậc Đại Ẩn Sĩ ấy lần nữa rồi đã nằm dài xuống và đã phát nguyện vị thế ấy.

422. Do đó, đấng Chiến Thắng ấy đã nói với tôi rằng: "Điều phát nguyện của nàng [sẽ] được thành tựu. Sự tôn kính đã được nàng thực hiện ở nơi Ta cùng với hội chúng là có quả báo vô lượng.

423. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

424. Nàng sẽ có tên là Khemā, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, và sẽ đạt được vị thế tối thắng."

425. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

426. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

427. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

428. Từ nơi ấy chết đi [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và các vị vua cai quản các lãnh thổ.

429. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi trong nhiều kiếp.

430. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī là vị có ánh mắt thu hút, vị thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

431. Tôi đã đi đến gặp bậc Lãnh Đạo Thế Gian, đấng Điều Phục Nhân ấy. Sau khi lắng nghe giáo pháp cao quý, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

432. Sau khi thực hành Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Anh Hùng ấy mười ngàn năm, tôi đã gắn bó vào thiền tập, có sự nghe nhiều [học rộng].

433. Là vị thiện xảo về các biểu hiện của duyên [tùy thuận sanh khởi], có niềm tự tín ở bốn sự thật, là người khôn khéo, là vị thuyết giảng hay, là người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư.

434. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, là tiên nữ có danh tiếng. Tại nơi ấy, tôi đã vượt trội những người khác nhờ vào quả báo của việc thực hành Phạm hạnh.

435. Ở bất cứ nơi nào tôi được sanh ra, tôi đều có nhiều của cải, nhiều tài sản, là người có sự sáng suốt, có sắc đẹp, và có luôn cả hội chúng đã được rèn luyện nữa.

436. Do nghiệp ấy có sự gắn bó với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, tất cả các sự thành tựu của tôi đều đạt được dễ dàng và là các niềm yêu quý của tâm.

437. Thậm chí ở bất cứ nơi đâu tôi sanh đến, bất cứ người nào là chồng của tôi đều không khinh miệt tôi nhờ vào quả báo tu tập của tôi.

438. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Koṇāgamana, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

439. Khi ấy, tôi là hậu duệ của một gia đình vô cùng giàu có ở tại Bārāṇasī. Dhanañjāni, Sumedhā và tôi nữa là ba người.

440. Là những người cộng sự trong việc bố thí trước đây và là những người tạo lập, chúng tôi đã xác định trú xá là của hội chúng, rồi đã dâng cúng tu viện đến hội chúng.

441. Từ nơi ấy chết đi, tất cả chúng tôi đã đi đến cõi Đạo-lợi, đã đạt được tư cách cao tột về danh vọng, và tương tợ y như thế ở giữa loài người.

442. Chính ở vào kiếp này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

443. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

444. Tôi đã là người con gái lớn nhất của vị ấy, được nổi danh là Samaṇī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng cao cả, tôi đã xin xuất gia.

445-46. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

447. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

448. Tôi, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Kuṇḍalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

449. Có lần nọ, đấng Mặt Trời Của Nhân Loại ấy thuyết giảng giáo pháp tuyệt vời. Sau khi lắng nghe bài *Kinh Mahānidāna*[9] tôi đã học thuộc lòng bài kinh ấy.

450. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

451. Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi là người con gái vui tính, đáng mến, đáng yêu của đức Vua Madda ở tại kinh thành Sāgalā.

452. Cùng với sự việc đã được sanh của tôi là trong kinh thành ấy đã có

[9] Xem *D.* II. 55, *Kinh Đại duyên* (*Mahānidānasuttaṃ*), số 15.

sự thái bình. Vì thế, tên "Khemā" đã được sanh lên cho tôi phát xuất từ công đức [ấy].

453. Khi đạt đến tuổi thanh xuân, tôi được tô điểm bởi sắc đẹp và sự mặn mà, khi ấy người cha đã dâng tôi cho đức Vua Bimbisāra.

454. Tôi đã là người nữ vô cùng yêu quý của vị [vua] ấy. Thích thú trong việc trau chuốt xác thân, tôi đã không tỏ ra rộng lượng đối với những lời nói về sự xấu xa của các sắc thân.

455. Khi ấy, với sáng kiến nhằm giúp đỡ cho tôi, đức Vua Bimbisāra đã ngợi khen về Veḷuvana [Trúc Lâm], và đã bảo các ca sĩ ca hát cho tôi nghe rằng:

456. "Chúng tôi quan niệm rằng: 'Người nào chưa nhìn thấy Veḷuvana đáng yêu, chốn ngụ cư của đấng Thiện Thệ, thì người ấy chưa nhìn thấy [vườn hoa] Nandana [của cõi trời].

457. Người nào đã nhìn thấy Veḷuvana là [vườn hoa] hoan lạc Nandana của nhân loại, người ấy đã nhìn thấy [vườn hoa] Nandana vô cùng hoan lạc của vị Thiên vương.'

458. Chư thiên sau khi rời [vườn hoa] Nandana ngự xuống mặt đất và đã nhìn thấy Veḷuvana đáng yêu thì vô cùng sửng sốt và không còn tiếc nuối nữa.

459. [Veḷuvana] đã được sanh lên do phước báu của đức vua, được làm đẹp nhờ vào phước báu của đức Phật, có ai là người thuật lại một cách trọn vẹn về tổng thể các đức tính tốt đẹp của khu vườn ấy?"

460. Sau khi nghe được sự thành công của khu rừng ấy, đối với tôi là có sự quyến rũ vào tai. Lúc bấy giờ, có lòng mong muốn nhìn thấy khu vườn ấy tôi đã trình lên đức vua.

461. Và khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã sốt sắng ra lệnh cho đoàn tùy tùng đông đảo đưa tôi đi để nhìn xem khu vườn ấy [và đã nói với tôi rằng]:

462. "Hỡi nàng là của cải vĩ đại, nàng hãy đi, hãy nhìn xem khu rừng đem lại sự bổ ích cho cặp mắt, là nơi luôn luôn chói sáng với sự vinh quang, được rực rỡ với hào quang của đấng Thiện Thệ."

463. Và vào lúc đấng Hiền Trí đã đi vào kinh thành Giribbaja để khất thực, đúng vào lúc ấy tôi đã đi đến để nhìn thấy khu rừng.

464. Khi ấy, khu rừng cây trải dài ấy[10] được rì rào tiếng vo ve của ong vò vẽ các loại, được phối hợp với tiếng rù rù của loài chim cu, được nhảy múa bởi đám chim công.

465. [Khu rừng cây] có ít tiếng động, không bị phân tán, được điểm tô bằng các đường kinh hành khác nhau, được rải rác với các cụm liêu cốc, được nổi bậc với các hành giả cao quý.

466. Trong khi dạo quanh, tôi đã suy nghĩ rằng: "Mắt ta có được thành

[10] Dịch theo các bản *Pāḷi* của Thái Lan, Miến Điện, PTS: *Tadā taṃ phullapivinaṃ...*

quả." Cũng tại nơi ấy, tôi đã nhìn thấy vị Tỳ-khưu trẻ gắn bó [thiền tập] và đã suy gẫm rằng:

467. "Vị này ở vào độ tuổi rất trẻ và được phú cho dáng vóc dễ thương như là mùa xuân lại chịu ở trong khu rừng dẫu cho là đáng yêu như vầy.

468. Ngồi ở gốc cây, đầu cạo, đắp y hai lớp, tham thiền, quả nhiên vị Tỳ-khưu này đã từ bỏ khoái lạc sanh lên từ đối tượng [bên ngoài].

469. Phải chăng con người vô cùng hiền thiện này nên thọ hưởng [ngũ] dục cho thoải mái với cuộc đời tại gia, sau này về già mới nên thực hành giáo pháp?"

470. Sau khi biết được rằng "Suññaka" là hương thất, là chỗ ngụ của đấng Chiến Thắng, tôi đã đi đến gần và đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng tợ như mặt trời đang mọc lên.

471. [Tôi đã nhìn thấy đấng Chiến Thắng] ngồi mỗi một mình một cách an lạc, đang được quạt bởi người nữ quý phái. Sau khi nhìn thấy tôi đã suy gẫm như vầy: "Bậc Nhân Ngưu này không có quê kệch."

472. Người thiếu nữ ấy có diện mạo [sáng] như vàng, có khuôn mặt và đôi mắt như đóa sen, có môi đỏ, có răng màu hoa nhài, có sự thu hút con tim và ánh mắt.

473. Có đôi tai lấp lánh khuyên vàng, có ngực dạng bầu bầu, có eo thon, có mông đẹp, có đùi thân chuối và có đồ trang sức xinh xắn.

474. Với chiếc áo khoác ngoài lên đôi vai gợi tình, với y phục tinh khiết màu xanh, được sở hữu tính chất phụ nữ với hình dáng [nhìn] không thể nào thỏa mãn.

475. Sau khi nhìn thấy nàng ấy, tôi đã suy nghĩ như vầy: "Ôi, nàng này tuyệt đẹp, ta chưa từng nhìn thấy trước đây bằng [cặp] mắt này."

476. Kế đó, bị chế ngự bởi sự già, nàng ấy [trở nên] có dung nhan tàn tạ, khuôn mặt chảy dài, răng sứt mẻ, đầu bạc, miệng có nước dãi, dơ dáy.

477. [Nàng ấy] có tai bị co rút, mắt trắng [đục], bộ ngực xấu xí đong đưa, tất cả các bộ phận cơ thể bị nhăn nheo chảy xệ, thân thể nổi đầy gân.

478. [Nàng ấy] có lưng bị còng, có gậy là bạn, vô cùng nhợt nhạt, gầy còm, trong lúc run rẩy bị té nhào, chốc chốc lại bị hụt hơi.

479. Do đó, tôi đã có sự chấn động, kinh ngạc, lông dựng đứng: "Thật là xấu hổ cho xác thân bất tịnh là nơi mà những kẻ ngu hứng thú!"

480. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy [tôi có] tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Thiện Thệ với tâm phấn chấn đã nói lên những lời kệ này:

481. "Này Khemā, hãy nhìn xem thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu.

482. Nàng hãy tu tập tâm cho được chuyên nhất khéo tập trung về đề mục bất mỹ, niệm hãy được hướng đến thân, nàng hãy có nhiều sự nhàm chán.

483. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy. Nàng hãy lìa bỏ sự mong muốn về thân ở bên trong lẫn bên ngoài.

484. Và nàng hãy tu tập về vô tướng, hãy dứt bỏ ngã mạn ngủ ngầm. Từ đó, có được sự lãnh hội về ngã mạn nàng sẽ sống thanh tịnh.

485. Những người bị đắm nhiễm ái dục rơi vào dòng chảy, tương tợ như con nhện sa vào mạng lưới được tạo nên bởi chính nó, sau khi cắt đứt luôn cả điều ấy, xuất gia, từ bỏ dục lạc, trở thành những người vô tư lự."

486. Kế đó, sau khi biết được tôi có tâm đã được sẵn sàng, đấng Điều Phục Nhân đã thuyết giảng bài *Kinh Mahānidāna*[11] nhằm hướng dẫn cho tôi.

487. Sau khi lắng nghe bài kinh tuyệt vời ấy, tôi đã tưởng nhớ về quá khứ. Tôi được an tịnh ngay khi đang đứng tại nơi ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh.

488. Ngay khi ấy, tôi đã cúi xuống ở nơi bàn chân của bậc Đại Hiền Trí nhằm mục đích bày tỏ tội lỗi, và đã nói lời nói này:

489. "Bạch đấng Toàn Tri, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Hành Bi Mẫn, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Đã Vượt Qua Luân Hồi, con kính lễ Ngài! Bạch đấng Ban Cho Sự Bất Tử, con kính lễ Ngài!

490. Con đã lao theo sự nắm bắt tà kiến, bị lầm lạc trong ái dục, nhờ vào Ngài với phương pháp đúng đắn con đã được dẫn dắt, được thỏa thích trong sự rèn luyện.

491. Do việc không nhìn thấy các bậc Đại Hiền Trí như thế ấy, các chúng sanh không có phước phần phải gánh chịu khổ đau lớn lao trong biển cả luân hồi.

492. Vào lúc con đã không nhận ra Ngài là chốn nương nhờ của thế gian, là bậc không dục vọng đã đạt đến tận cùng của sự chết, là sự lợi ích cận kề, con xin bày tỏ lỗi lầm ấy.

493. Bị đắm say xác thân, con đã không đến gần bậc có lợi ích lớn, vị có sự bố thí cao quý, hoài nghi là: 'Không có lợi ích', con xin bày tỏ lỗi lầm ấy."

494. Khi ấy, trong lúc rưới rắc sự bất tử đến tôi, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thắng, vị có giọng nói vang ngọt ngào, đã nói rằng: "Này Khemā, hãy đứng lại!"

495. Khi ấy, sau khi đã đê đầu đảnh lễ và đã thực hiện việc nhiễu quanh vị ấy, tôi đã ra đi. Sau khi nhìn thấy đấng quân vương, tôi đã nói lời nói này:

496. "Ôi, vị khuất phục kẻ thù, phương pháp đúng đắn này đã được suy tính bởi bệ hạ. Do ước muốn nhìn thấy khu rừng mà bậc Hiền Trí, vị ban phát Niết-bàn, đã được nhìn thấy.

497. Tâu bệ hạ, nếu ngài vui thích thiếp sẽ xuất gia trong giáo pháp của vị như thế ấy. Nhờ vào lời nói của bậc Hiền Trí, thiếp đã nhàm chán sắc thân."

Dứt tụng phẩm thứ nhì.

---

[11] Xem *D.* II. 55, *Kinh Đại duyên* (*Mahānidānasuttaṃ*), số 15.

498. Khi ấy, vị lãnh chúa ấy đã chắp tay lên và nói rằng: "Này Hiền thê, trẫm cho phép nàng. Cầu chúc sự xuất gia được thành tựu đến nàng."

499. Và sau khi xuất gia, khi ấy đã được nửa tháng, sau khi nhìn thấy sự sáng lên của ngọn đèn và sự diệt tắt, tôi có tâm bị chấn động.

500. Nhàm chán tất cả các hành, được rành rẽ về biểu hiện của duyên [tùy thuận sanh khởi], sau khi đã vượt qua bốn dòng nước lũ,[12] tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

501. Tôi đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và tôi cũng đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

502. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

503. Trí tuệ hoàn toàn thanh tịnh của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải, là được thành tựu trong giáo pháp của đức Phật.

504. Tôi được thiện xảo về các [pháp] thanh tịnh, tự tin trong vấn đề tranh luận, biết về phương thức của Vi diệu pháp, và đã đạt được năng lực ở giáo pháp.

505. Sau đó, được đức Vua [Pasenadi], chủ quản xứ Kosala hỏi các câu hỏi khôn khéo về vấn đề vật thực, tôi đã giải thích đúng theo bản thể.

506. Sau đó, vị vua ấy đã đi đến gặp đấng Thiện Thệ và đã hỏi lại. Các điều ấy đã được tôi giải thích như thế nào thì đức Phật đã giải thích y như thế ấy.

507. Đấng Chiến Thắng, bậc Tối Thượng Nhân hoan hỷ về đức hạnh ấy đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng là "Vị đứng đầu các vị có đại tuệ" trong số các vị Tỳ-khưu-ni.

508. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

509. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

510. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Khemā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Khemā" là phần thứ tám.

19. KÝ SỰ VỀ UPPALAVAṆṆĀ (*Uppalavaṇṇāpadānaṃ*)

511. Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā được đạt đến sự toàn hảo về thần thông, đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư rồi đã nói lời nói này:

512. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con xin trình rằng con đã vượt qua sự tái sanh luân hồi, đã đạt được vị thế bất động, con đã cạn kiệt tất cả khổ đau.

[12] Tứ bộc: Dục bộc, hữu bộc, kiến bộc, vô minh bộc.

513. Cho đến nhóm người có lòng tịnh tín vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, và con có lỗi lầm đối với những ai, mong rằng họ hãy tha thứ ở trước mặt đấng Chiến Thắng.

514. Bạch đấng Đại Hùng, con xin trình rằng trong khi luân chuyển ở vòng luân hồi, nếu con có điều lầm lỗi xin Ngài tha thứ cho điều sai trái ấy."

515. "Nàng cũng nên phô bày thần thông cho những người hành theo giáo pháp của Ta được thấy. Hôm nay nàng hãy cắt đứt sự hoài nghi cho cả tứ chúng."

516. "Bạch đấng Đại Hùng, bậc Trí Tuệ, đấng Quang Minh, con là con gái của Ngài, con đã làm được nhiều công việc khó làm và vô cùng khó làm.

517. Màu da của con chính là màu của hoa sen, tên gọi Uppala là theo tên gọi của hoa sen. Bạch đấng Đại Hùng, con là nữ Thinh văn của Ngài. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài].

518. Trong nhiều trăm lần tái sanh, Rāhula và luôn cả con nữa đã được sanh ra trong cùng một dòng tộc do ý muốn tương tợ nhau.

519. Có sự sanh ra cùng nhau trong nhiều lần tái sanh của con. Trong kiếp sống cuối cùng được thành tựu, cả hai lại có dòng tộc khác nhau.

520. Và người con trai tên là Rāhula, người con gái tên gọi Uppala. Bạch đấng Anh Hùng, xin hãy nhìn xem thần thông của con, con sẽ thị hiện năng lực đến bậc Đạo Sư."

521. Vị Ni đã đặt bốn đại dương ở trong lòng bàn tay, tương tợ như vị y sĩ Jīvaka Komārabhacca đã đổ dầu vào bàn tay.

522. Vị Ni đã bứng trái đất lên rồi đặt ở trong lòng bàn tay, tương tợ như người thiếu niên trẻ tuổi đã nhổ lên cọng cỏ muñja nhiều màu sắc.

523. Vị Ni đã đưa bàn tay tợ như vũ trụ che ở đỉnh đầu và đã làm đổ xuống giọt mưa nhiều màu sắc thành nhiều đợt.

524. Vị Ni đã biến mặt đất thành cái cối giã, đã biến hạt cát thành thóc lúa, đã biến ngọn núi Sineru thành cái chày, rồi đã giã nát tương tợ như cô thiếu nữ [giã lúa gạo].

525. "Con là con gái của đức Phật tối thượng có tên gọi là Uppala, đã có được năng lực về các thắng trí, là người thực hành theo lời dạy của Ngài.

526. Bạch đấng Hữu Nhãn, sau khi đã thực hiện và đã phô bày vô số phép biến hóa đến vị Lãnh Đạo Thế Gian, sau khi công bố tên và dòng họ, con xin đảnh lễ ở bàn chân [của Ngài].

527. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về thần thông, về thiên nhĩ giới, và đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

528. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

529. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế

về phép biện giải là được trong sạch, không bợn nhơ vào quyền năng của bậc Đại Ẩn Sĩ.

530. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều việc làm hướng thượng của con đến các đấng Chiến Thắng cao cả trong quá khứ một cách trực tiếp hoặc gián tiếp là nhằm mục đích về Ngài.

531. Bạch đấng Hiền Trí, thiện nghiệp nào của con đã được con làm tròn đủ, xin Ngài hãy nhớ lại. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi con là mục đích về Ngài.

532. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi tránh xa những nơi không xứng đáng, trong khi từ bỏ tánh hạnh xấu, mạng sống quý báu đã được từ bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

533. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã bố thí mười ngàn *koṭi*, và mạng sống của con đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài."

534. Khi ấy, vô cùng sửng sốt, tất cả đã chắp tay lên ngay ở đầu và đã nói rằng: "Thưa Ni sư, làm thế nào Ni sư có được sự nỗ lực về thần thông không thể sánh bằng?"

535. Trước đây một trăm ngàn kiếp, khi ấy tôi là con gái của Long vương có tên là Vimalā, được công nhận là tốt lành trong số những người con gái.

536. Có vị chúa rồng là loài rồng khổng lồ, được tịnh tín với giáo pháp của đấng Chiến Thắng, nên đã thỉnh mời đấng Đại Quyền Lực Padumuttara cùng với các vị Thinh văn.

537. [Vị ấy đã cho chuẩn bị] mái che làm bằng châu báu, ghế dài làm bằng châu báu, và vật dụng làm bằng châu báu được rắc rải các hạt cát châu báu.

538. Và vị ấy đã cho chuẩn bị đường đi được trang hoàng với các ngọn cờ bằng châu báu. Trong khi được vang lên bởi các nhạc cụ, vị ấy đã đi ra tiếp rước bậc Toàn Giác.

539. Được tháp tùng bởi tứ chúng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã ngồi xuống ở chỗ ngồi cao nhất trong cung điện của vị chúa rồng.

540. Vị Long vương có danh tiếng vĩ đại đã dâng lên thức ăn nước uống vật thực cứng, vật thực mềm có giá trị lớn lao vô cùng quý báu.

541. Sau khi thọ thực, đấng Toàn Giác đã rửa bình bát theo khuôn phép, rồi đã nói lời tùy hỷ đến vị Long vương có đại thần lực.

542. Sau khi nhìn thấy đấng Toàn Tri một cách trọn vẹn, người con gái có danh vọng lớn lao của vị Long vương đã được tịnh tín đối với bậc Đạo Sư, và tâm đã được gắn liền chặt chẽ với ý.

543. Và sau khi biết được tâm của tôi, bậc Đại Hùng, đấng Lãnh Đạo Padumuttara vào giây phút ấy đã bảo vị Tỳ-khưu-ni thị hiện thần thông.

544. Được tự tin, vị Tỳ-khưu-ni ấy đã thị hiện nhiều loại thần thông. Được hoan hỷ, tràn đầy niềm phấn khởi, tôi đã nói với bậc Đạo Sư điều này:

545. "Bạch đấng Anh Hùng, con cũng đã nhìn xem loại thần thông này nhưng với tâm vui mừng khác. Làm thế nào nàng ấy đã được vô cùng tự tin về thần thông?"

546. "Người con gái có đại thần lực của Ta là chánh thống, được sanh ra từ miệng, là người thực hành theo giáo pháp của Ta, vô cùng tự tin về thần thông."

547. Sau khi lắng nghe lời nói của đức Phật, khi ấy tôi đã ước nguyện như vầy: "Mong sao cho tôi cũng được vô cùng tự tin về thần thông như thế ấy."

548. Được hoan hỷ, với tâm vui mừng, tôi đã đạt đến ý nghĩ cao quý rằng: "Bạch đấng Lãnh Đạo, mong sao trong tương lai xa vời con sẽ là như thế ấy."

549. Ở chiếc ghế dài làm bằng ngọc ma-ni tại mái che sáng ngời, tôi đã làm hài lòng đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng bằng cơm ăn và nước uống.

550. Tôi đã cúng dường đấng Lãnh Đạo Thế Gian đóa hoa sen xanh cao quý của loài rồng tên là Aruṇa [nguyện rằng]: "Mong sao cho tôi có được màu da như thế này."

551. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

552. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào loài người, tôi đã dâng vật thực được đậy lại bằng những đóa sen xanh đến đấng Tự Chủ.

553. Trước đây chín mươi mốt kiếp đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị có ánh mắt thu hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp.

554. Khi ấy, là con gái của người triệu phú ở kinh thành Bārāṇasī, tôi đã thỉnh mời đấng Toàn Giác, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.

555. Sau khi dâng cúng đại thí và đã cúng dường những đóa sen xanh đến đấng Hướng Đạo, tôi đã ước nguyện về sự xinh đẹp của làn da chỉ bằng tâm ý.

556. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

557. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

558. Tôi đã là người con gái thứ hai của vị [vua] ấy có tên là Samaṇagutta. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

559-60. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

561. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

562. Tôi, Khemā có trí tuệ, Paṭācārā, Kuṇḍalā, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

563. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

564. Từ nơi ấy chết đi, được sanh vào giữa loài người, trong đại gia tộc, tôi đã dâng đến vị A-la-hán tấm vải màu vàng mịn màng quý giá.

565. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã được sanh vào gia tộc dòng Bà-la-môn ở trong thành Ariṭṭha, là con gái của Tiriṭavaccha, có nét quyến rũ, tên là Ummādantī.

566. Từ nơi ấy chết đi, được sanh ra vào gia đình nọ không được giàu có lắm ở trong quốc độ, khi ấy tôi đã chăm sóc lúa sāli.

567. Sau khi nhìn thấy vị Độc Giác Phật, tôi đã dâng năm trăm hạt cốm được che đậy bởi những đóa hoa sen [và đã ước nguyện] năm trăm người con trai.

568. Sau khi dâng cúng mật ong đến đấng Tự Chủ, tôi đã ước nguyện về những người con trai ấy.[13] Từ nơi ấy chết đi, tôi đã được sanh ra ở trong lòng đóa hoa sen ở trong rừng.

569. Tôi đã trở thành chánh hậu của đức vua xứ Kāsi, được tôn vinh kính trọng. Tôi đã sanh ra năm trăm vị hoàng tử không thiếu [một vị].

570. Khi đạt được tuổi thanh niên, những người con trai ấy trong lúc chơi giỡn cuộc vui ở trong nước đã nhìn thấy đóa hoa sen bị rụng cánh, họ đã trở thành các vị Lãnh Đạo Độc Giác.

571. Không có những người con trai cao quý ấy, tôi đây có sự sầu muộn. Chết đi, tôi đã được sanh ra ở ngôi làng nhỏ tại sườn núi Isigili.

572-73. Khi ấy, tôi đã lớn lên, có con cái. Và tôi đã mang món cháo cho những người con trai và cả người chồng nữa. Trong khi đi tôi đã nhìn thấy tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi vào làng để khất thực, và đã tưởng nhớ lại những người con trai. Khi ấy, bầu sữa tôi đã tiết ra ngoài bởi lòng thương yêu những người con trai của tôi.

574. Sau đó, được tịnh tín tôi đã tự tay mình dâng món cháo đến các vị ấy. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đạt đến vườn hoa Nandana ở cõi Tam Thập.

575. "Bạch đấng Đại Hùng, con đã trải qua an lạc khổ đau, đã luân hồi cõi này cõi khác, và mạng sống đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài."

576. Như vậy là đã có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Khi đạt đến cuộc sống cuối cùng, tôi đã được sanh ra ở thành Sāvatthi.

577. Tôi đã có được sự thành tựu về tất cả các dục lạc ở trong gia đình triệu phú có đại tài sản, được rực rỡ bởi nhiều loại châu báu khác nhau, được an vui, được chu cấp như thế ấy.

---

[13] *Tepi patthesuṃ* = Các vị ấy cũng đã ước nguyện (?), vì thế đã dịch theo tạng Thái Lan: *Patthesiṃ tesu puttesu.*

578. Tôi đã được kính trọng, được tôn vinh, được nể vì, được cung kỉnh như thế ấy, được thành tựu vẻ xinh đẹp của dáng vóc, được trọng vọng ở các gia đình.

579. Và tôi đã được ao ước vô cùng mãnh liệt bởi những người có sắc tướng, giàu có, sang trọng, và được ao ước bởi hàng trăm người con trai nhà triệu phú.

580. Sau khi từ bỏ gia đình, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Không đầy nửa tháng, tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

581. Sau khi đã hóa hiện bằng thần thông thành chiếc xe bốn ngựa, tôi đã đảnh lễ ở bàn chân của đức Phật, đấng Bảo Hộ Thế Gian, bậc Quang Vinh.

582. "Hỡi vị Tỳ-khưu-ni, sau khi đi đến tột đỉnh của việc đã được phát triển toàn diện, nàng một mình đứng ở gốc cây sāla. Và này người có phẩm chất về sắc đẹp, nàng không có người thứ nhì, nàng không hãi sợ lũ ngu dốt trong số những kẻ tồi bại hay sao?"[14]

583. "Cho dầu là trăm ngàn kẻ tồi bại như ngươi có đi đến nơi đây, ta cũng không chao động sợi lông, ta cũng không bối rối. Này Ma vương, ngươi chỉ một mình, ta không hãi sợ ngươi."

584. "Hỡi nàng, ta sẽ biến mất hoặc ta sẽ đi vào trong bụng của nàng. Dẫu ta đang đứng ở ngay giữa lông mày, nàng vẫn không nhìn thấy ta."

585. "Các nền tảng của thần thông đã khéo được tu tập ở trong tâm, có được năng lực. Này ông bạn, ta đã được thoát khỏi mọi sự trói buộc, ta không sợ hãi ngươi."

586. "Các dục như là gươm giáo, các uẩn như là cái thớt. Điều ngươi đã gọi là sự thích thú trong các dục, thì giờ đây ta đã có được sự không thích thú [trong các dục] ấy."

587. "Sự vui thích đã được phá hủy ở tất cả các nơi. Khối đống mê mờ đã được phá tan. Này ác nhân, ngươi hãy biết như thế. Này tử thần, người đã bị đánh bại."

588. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo, ở giữa các chúng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng là "Vị đứng đầu trong số các vị Ni có thần thông."

589. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

590. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

591. Trong phút chốc, hàng ngàn người từ các nơi dâng lên y phục, đồ ăn khất thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi.

---

[14] Các câu kệ từ 581-87 được thấy ở *Trưởng lão Ni kệ* (*Therīgāthā*), Chương XI, Mười hai kệ, miêu tả cuộc đối thoại giữa Ma vương và vị Trưởng lão Ni.

592. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

593. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

594. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Uppalavaṇṇā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Uppalavaṇṇā" là phần thứ chín.

20. KÝ SỰ VỀ PAṬĀCĀRĀ (*Paṭācārāpadānaṃ*)

595. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

596. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, tôi đã được thừa hưởng lạc thú lớn lao.

597. Tôi đã đi đến bậc Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, với niềm tịnh tín sanh khởi tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng.

598. Sau đó, đấng Lãnh Đạo đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni có sự tự tin về các điều được phép hoặc không được phép và khiêm tốn như thế ấy, là đứng đầu trong số các vị Ni thông suốt về Luật.

599. Khi ấy, với tâm hoan hỷ, có sự mong muốn về vị thế ấy, tôi đã thỉnh mời đấng Thập Lực, vị Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng.

600. Sau khi đã dâng vật thực trong bảy ngày, tôi đã dâng cúng ba y, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã nói lời nói này:

601. "Bạch đấng Anh Hùng, vị Ni đã được Ngài tán dương vào tám ngày trước đây. Bạch đấng Lãnh Đạo, nếu được thành tựu con sẽ trở thành như vị Ni ấy."

602. Khi ấy, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này cô gái hiền thục, chớ lo ngại, hãy yên tâm. Trong thời vị lai xa xôi, nàng sẽ đạt được điều mong ước ấy.

603. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

604. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Paṭācārā."

605. Khi ấy, tôi đã được hoan hỷ. Với tâm từ mẫn, tôi đã phục vụ đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng từ đó cho đến hết cuộc đời.

606. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

607. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi, đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

608. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

609. Tôi đã là người con gái thứ ba của vị [vua] ấy, được nổi danh là Bhikkhunī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

610-11. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

612. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

613. Tôi, Uppalavaṇṇā, Khemā, Bhikkhunī hiền thục, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

614. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

615. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi.

616. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã bị tác động của sự suy tầm. Sau khi gặp người đàn ông quê mùa, tôi đã bỏ đi cùng với người ấy.

617. Tôi đã sanh ra một người con trai, đứa thứ nhì còn ở trong bụng của tôi. Khi ấy, tôi đã ước muốn mãnh liệt rằng: "Ta sẽ gặp lại cha mẹ."

618. Người chồng của tôi đã không bằng lòng. Khi ấy, trong lúc người ấy đi vắng, mỗi một mình tôi đã rời khỏi ngôi nhà để đi đến kinh thành Sāvatthi.

619. Sau đó, người chồng của tôi đã đi đến và đã gặp tôi ở trên đường lộ. Khi ấy, có cơn gió vô cùng khủng khiếp sanh lên do nghiệp của tôi đã ào tới.

620. Và có trận mưa lớn đã xuất hiện vào lúc lâm bồn của tôi. Khi ấy, người chồng đã ra đi vì mục đích [tìm] củi gỗ [để sưởi ấm] và đã bị chết bởi con rắn.

621. Khi ấy, do đau đớn vì đã sanh đẻ không người bảo hộ, tôi đã trở nên khốn khổ. Trong khi đi đến chỗ trú ngụ của gia đình, tôi đã nhìn thấy con sông cạn bị tràn ngập.

622. Sau khi ẵm lấy đứa bé tôi đã lội qua, và còn mỗi một đứa ở bờ bên kia. Tôi đã đặt đứa con trai thơ dại nằm xuống vì việc mang đứa kia sang.

623. Tôi đã quay trở lại. Có con chim ưng đã tha đi đứa nhỏ đang kêu khóc và dòng nước đã cuốn trôi đứa kia; tôi đây đã bị xâm chiếm bởi sầu muộn.

624. Sau khi đi đến thành Sāvatthi, tôi đã nghe rằng những người thân đã

chết. Khi ấy, bị dằn vặt bởi nỗi sầu muộn, bị xâm chiếm bởi nỗi sầu muộn lớn lao, tôi đã nói rằng:

625. "Cả hai người con trai đã lìa đời, chồng của tôi đã bị chết ở trên đường, mẹ cha và người em trai đã được thiêu chung ở một giàn hỏa táng."

626. Khi ấy, trở nên ốm yếu, vàng vọt, không người bảo hộ, tâm ý thê lương, trong lúc đi quanh quẩn đó đây tôi đã nhìn thấy đấng Điều Phục Nhân.

627. Sau đó, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này con gái, chớ khóc than, hãy bình tâm. Con hãy tìm kiếm lại chính mình. Sao con lại buồn đau một cách vô ích?

628. Không có những người con trai, không có người cha, cũng không có những người thân trong việc bảo vệ. Đối với người đã bị khuất phục bởi sự chết, sự bảo vệ ở những người thân là không có."[15]

629. Sau khi lắng nghe lời nói ấy của bậc Hiền Trí, tôi đã chứng đạt quả vị thứ nhất. Sau khi xuất gia không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

630. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

631. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

632. Sau đó, trong sự hiện diện của đấng Toàn Tri, tôi đã học toàn bộ về Luật cùng tất cả phần chi tiết và đã trình bày đúng theo như thế.

633. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng rằng: "Chỉ mỗi một mình Paṭācārā là đứng đầu trong số các vị Ni thông suốt về Luật."

634. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

635. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

636. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

637. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

638. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Paṭācārā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Paṭācārā" là phần thứ mười.

---

[15] *Dh.* v. 288.

Tóm lược của phẩm này

Vị Ni Ekuposathikā, luôn cả vị Ni Salala, rồi vị Ni Modaka, vị Ni Ekāsana, vị Ni Pañcadīpa, vị Ni Sālamālikā, vị Ni Gotamī, vị Ni Khemā, vị Ni Uppalavaṇṇā, Tỳ-khưu-ni Paṭācārā, [tổng cộng] là năm trăm câu kệ ngôn và chín câu nữa cũng được thêm vào đó.

Phẩm Một lần Trai giới là phẩm thứ nhì.

III. PHẨM KUṆḌALAKESĪ
(*KUṆḌALAKESĪVAGGO*)

21. KÝ SỰ VỀ KUṆḌALAKESĀ (*Kuṇḍalakesāpadānaṃ*)

639. Trước đây một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp, đấng Lãnh Đạo đã hiện khởi.

640. Khi ấy, tôi đã được sanh ra tại Haṃsavatī trong gia đình triệu phú được rạng rỡ bởi vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao.

641. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe lời giảng pháp. Sau đó, có niềm tịnh tín sanh khởi, tôi đã đi đến nương tựa vào đấng Chiến Thắng.

642. Khi ấy, đấng Đại Bi tên Padumuttara đã thiết lập Tỳ-khưu-ni Subhā vào vị thế tối thắng trong số các vị Ni có thắng trí nhạy bén.

643. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và đã dâng cúng vật thí đến bậc Đại Ẩn Sĩ, rồi đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã phát nguyện vị thế ấy.

644. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Này cô gái hiền thục, điều nào đã được nàng ước nguyện toàn bộ điều ấy sẽ được thành tựu. Hãy được an lạc, hãy được Niết-bàn.

645. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

646. Nàng sẽ là Bhaddā Kuṇḍakesā, nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp."

647. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

648. Từ nơi ấy chết đi, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

649. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

650. Từ nơi ấy chết đi, [sanh lên] ở giữa loài người tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua có quyền lực và của các vị vua có lãnh thổ.

651. Tôi đã thọ hưởng sự thành công ở giữa chư thiên và nhân loại, tôi đã được an vui ở trong mọi nơi, tôi đã luân hồi vô số [đại] kiếp.

652. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi

đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

653. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

654. Tôi đã là người con gái thứ tư của vị [vua] ấy được nổi danh là "Bhikkhudāsī". Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

655-56. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

657. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

658. Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, thêm vào tôi, Kisāgotamī, Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

659. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

660. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú thịnh vượng. Rồi đến lúc tôi đã ở vào lứa tuổi thanh xuân.

661. Sau khi nhìn thấy kẻ trộm đang bị dẫn đi để xử tử, tôi đã bị luyến ái với gã. Do đó, cha của tôi đã giải cứu gã ấy khỏi cái chết bằng ngàn đồng tiền.

662. Sau khi biết được tâm ý của tôi, cha đã ban gã ấy cho tôi. Tôi đã trở nên thân thiết, vô cùng yêu thương, gắn bó đối với gã ấy.

663. Vì lòng tham đối với các đồ trang sức của tôi, gã nghịch thù ấy có ý định gây tội, đã đưa [tôi] đến ngọn núi có vực thẳm Kẻ Trộm và đã nghĩ đến việc giết chết [tôi].

664. Khi ấy, trong lúc bảo vệ mạng sống của mình, tôi đã cúi lạy, nghiêm chỉnh chắp tay lại với người chồng và đã nói lời nói này:

665. "Thưa tướng công, vàng vòng ngọc trai ngọc bích này có nhiều, xin chàng hãy tự mang đi tất cả. Và hãy thông báo rằng thiếp là 'nô tỳ'".[1]

666. "Này người đẹp, nàng phải chết. Chớ than vãn nhiều quá. Và ta biết chắc rằng không giết thì tài sản không mang đi được."

667. "Kể từ khi thiếp ghi nhớ được bản thân, kể từ khi thiếp đạt được sự hiểu biết, và thiếp biết chắc rằng không ai khác được yêu thương hơn là chàng.

668. Xin chàng hãy đến, thiếp sẽ ôm lấy chàng và sẽ nhiễu quanh chàng. Và giờ đây không còn có sự gần gũi nào giữa thiếp và chàng nữa."

---

[1] Xem Bổn sanh "Nàng Sulasā" (*Sulasājātakaṃ*) số 419, TTPV, tập 32. (ND)

669. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ có sự cẩn thận nhiều bề cũng là khôn ngoan.

670. Không hẳn trong mọi trường hợp người nam là khôn ngoan. Người nữ cân nhắc điều lợi ích một cách mau chóng cũng là khôn ngoan.

671. Quả nhiên, một cách nhẹ nhàng và mau chóng, tôi đã suy nghĩ mưu kế. Giống như bộ lông [giết chết] con thú, khi ấy tôi đã giết chết gã Sattuka như thế.

672. Và người nào không mau chóng nhận ra điều lợi ích đã bị vuột mất, người có trí kém cỏi ấy sẽ bị giết như là kẻ trộm ở hẻm núi.

673. Và người nào thật mau chóng nhận ra điều lợi ích đã bị vuột mất, [người ấy] thoát khỏi sự quấy rối của kẻ thù, giống như tôi và Sattuka vào lúc ấy vậy.

674. Khi ấy, tôi đã quăng gã Sattuka ấy vào hóc núi, rồi đã đi đến gặp những người [ngoại đạo] mặc vải trắng và đã xuất gia.

675. Và khi ấy, sau khi đã nhổ lên toàn bộ những sợi tóc của tôi bằng nhíp,[2] họ đã cho tôi xuất gia và đã chỉ dạy giáo lý không có gián đoạn.

676-77. Tôi đã học xong [giáo lý] ấy từ họ. Tôi đã ngồi xuống mỗi một mình và đã suy xét về [giáo lý] ấy. Có con chó tha bàn tay người đã bị đứt lìa và đã đánh rơi ở cạnh tôi rồi bỏ chạy. Sau khi nhìn thấy cảnh tượng [ấy], tôi đã nhặt lấy bàn tay có đầy dòi bọ ấy.

678. Sau khi từ chỗ ấy đứng dậy, bị chấn động, tôi đã hỏi những người đồng đạo. Họ đã nói rằng: "Những vị Tỳ-khưu dòng Sakya biết rõ ý nghĩa ấy."

679. [Nghĩ rằng:] "Ta sẽ hỏi ý nghĩa ấy", tôi đây đã đi đến các vị Thinh văn của đức Phật. Sau khi đón nhận tôi, các vị ấy đã đi đến bên đức Phật tối thượng.

680. Và đấng Lãnh Đạo ấy đã thuyết pháp cho tôi về: "Uẩn, xứ, giới, đề mục bất mỹ, vô thường, khổ não, vô ngã."

681-82. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, tôi đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. Sau đó, được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã yêu cầu sự xuất gia và sự tu lên bậc trên. Khi ấy, đấng Lãnh Đạo ấy đã nói rằng: "Này cô gái hiền thục, hãy đến!" Khi ấy, tôi đã được tu lên bậc trên. Tôi đã nhìn thấy một ít nước.

683. Với sự rửa sạch bàn chân, tôi đã biết được là có sự tiêu hoại với nước. Khi ấy, tôi đã tự suy xét rằng: "Tất cả các hành cũng là tương tợ như thế."

684. Do đó, tâm tôi đã được giải thoát trọn vẹn không còn chấp thủ. Khi ấy, đấng Chiến Thắng đã tuyên bố tôi là đứng đầu trong số các vị Ni có thắng trí nhạy bén.

685. Là người thực hành theo lời dạy của bậc Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

686. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

---

[2] Sau khi đã được nhổ sạch, những sợi tóc mọc lại bị xoắn nên có biệt hiệu là Kuṇḍalakesā (tóc xoắn).

687. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

688. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các điều trói buộc đã được tôi đạt đến.

689. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là bao la, trong sạch ở giáo pháp của đức Phật tối thượng.

690. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

691. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

692. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Bhaddā Kuṇḍalakesā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Bhaddā Kuṇḍalakesā" là phần thứ nhất.

22. KÝ SỰ VỀ KISĀGOTAMĪ (*Kisāgotamī-apādānaṃ*)

693. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

694. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở một gia đình nọ trong [thành] Haṃsavatī. Tôi đã đi đến và đã nương nhờ vào bậc Quý Nhân ấy.

695. Và tôi đã lắng nghe giáo pháp ngọt ngào của vị ấy bao gồm bốn sự thật, có phẩm vị tối thắng, đưa đến sự an lạc và tịnh lặng của vòng luân hồi.

696. Và khi ấy, trong khi thiết lập vị Tỳ-khưu-ni mặc y thô vào vị thế tối thắng, đấng Anh Hùng, bậc Tối Thượng Nhân đã khen ngợi.

697. Sau khi đã làm sanh lên niềm phỉ lạc không nhỏ nhoi, sau khi lắng nghe đức hạnh của vị Tỳ-khưu-ni, tôi đã làm công việc phục vụ đến đức Phật tùy theo khả năng, tùy theo sức lực.

698. Tôi đã quỳ xuống ở bậc Hiền Trí Anh Hùng ấy và đã ước nguyện vị thế ấy. Lúc đó, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo đã nói lời tùy hỷ về sự lợi ích của vị thế [ấy] rằng:

699. "Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

700. [Người nữ này] sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Gotamī."

701. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã

chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

702. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

703. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

704. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī, là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

705. Tôi đã là người con gái thứ năm của vị [vua] ấy, được nổi danh với tên là Dhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

706-07. Cha đã không cho phép chúng tôi. Khi ấy, là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ ngay tại nhà trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

708. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

709. Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Kuṇḍalā, tôi, luôn cả Dhammadinnā và Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

710. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

711. Và trong kiếp cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú bị lâm cảnh khốn cùng, không tài sản, bị khánh tận, và tôi đã được gả vào gia đình có tài sản.

712. Ngoại trừ người chồng, những người còn lại giễu [tôi] là "Nữ nhân không tài sản." Và đến khi tôi có con trai, khi ấy tôi đã được cảm tình của tất cả.

713. Vào lúc đứa bé trai hiền hậu ấy có cơ thể mềm mại, được nuôi dưỡng trong sung sướng, được yêu quý như chính mạng sống của tôi đã đi đến cõi chết.

714. Bị dằn vặt bởi sầu muộn, có vẻ mặt thê lương, mắt đẫm lệ, miệng khóc than, tôi đã bồng ẵm thi thể đã chết. Trong lúc than vãn, tôi đã đi lang thang.

715. Khi ấy, tự nhận định [sự việc] một mình tôi đã đi đến vị Đệ Nhất Lương Y và đã nói rằng: "Thưa ông, xin ông hãy cho thuốc đem lại sự sống cho con tôi."

716. Đấng Chiến Thắng, bậc rành rẽ về phương thức huấn luyện, đã nói rằng: "Những người chết không được tìm thấy ở tại ngôi nhà nào thì nàng hãy mang lại hạt cải từ nơi [ngôi nhà] ấy."

717. Khi ấy, tôi đã đi ở trong thành Sāvatthi, và đã không đạt được ngôi nhà như thế ấy. Do đó, tôi đã đạt được trí nhớ rằng: "Hạt cải ở đâu, từ nơi đâu?"

718. Sau khi đã quăng bỏ thây chết, tôi đã đi đến đấng Lãnh Đạo Thế Gian. Sau khi nhìn thấy tôi từ rất xa, vị có âm giọng ngọt ngào đã nói rằng:

719. "Và người nào đã sống trăm năm không nhìn thấy sự sanh diệt, cuộc sống một ngày là tốt hơn đối với người đang nhìn thấy sự sanh diệt.[3]

720. Không phải là quy luật thuộc về ngôi làng, không phải là quy luật thuộc về phố chợ, quy luật này cũng không phải thuộc về một gia đình mà thuộc về tất cả thế gian luôn cả chư thiên; quy luật ấy chính là tính chất vô thường."

721. Sau khi lắng nghe lời kệ này, tôi đây đã làm cho pháp nhãn được thanh tịnh. Sau đó, được hiểu rõ Chánh pháp, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

722. Trong khi đã được xuất gia như thế, trong khi gắn bó vào giáo pháp của đấng Chiến Thắng, trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

723. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

724. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

725. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

726. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

727. Trí tuệ của tôi về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

728. Sau khi mang về từ đống rác, từ mộ địa và thậm chí từ đường lộ, từ đó tôi đã thực hiện y hai lớp và đã mặc y thô.

729. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo ở giữa các chúng đã thiết lập [tôi] vào vị thế tối thắng trong việc mặc y thô.

730. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

731. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

732. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[3] *Dh.* v. 113.

Tỳ-khưu-ni Kisāgotamī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Kisāgotamī" là phần thứ nhì.

23. KÝ SỰ VỀ DHAMMADINNĀ (*Dhammadinnāpadānaṃ*)

733. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

734. Khi ấy, tôi đã ở trong một gia đình nọ tại thành Haṃsavatī. Tôi đã là người nữ làm thuê cho người khác, cẩn trọng, gìn giữ tánh hạnh.

735. Sujāta, vị Thinh văn hàng đầu của đức Phật Padumuttara, đã rời khỏi trú xá đi khất thực.

736. Là người nữ đội nước, khi ấy trong lúc cầm lấy bầu nước đang đi, tôi đã nhìn thấy vị ấy. Được tịnh tín, tôi đã tự tay mình dâng [vị ấy] món bánh ngọt.

737. Sau khi thọ lãnh, vị ấy đã ngồi xuống ngay tại nơi ấy và đã thọ dụng. Sau đó, tôi đã đưa vị ấy về nhà và đã dâng vật thực đến vị ấy.

738. Do đó, người chủ của tôi hoan hỷ đã nhận làm con dâu của mình. Tôi đã cùng với người mẹ chồng đi đến và đã đảnh lễ bậc Toàn Giác.

739. Khi ấy, Ngài đã tán dương và đã thiết lập vị Tỳ-khưu-ni là vị thuyết giảng giáo pháp vào vị thế tối thắng. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã hoan hỷ.

740. Tôi đã thỉnh mời đức Thiện Thệ, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, rồi đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện vị thế ấy.

741-42. Sau đó, với giọng có âm điệu đều đều vang vang, đấng Thiện Thệ đã nói với tôi rằng: "Này người thiếu nữ hiền thục là người dâng vật thực, được vui thích trong việc hộ độ Ta cùng với hội chúng, được gắn bó trong việc lắng nghe Chánh pháp, với tâm ý được tăng trưởng về đức hạnh, nàng hãy hoan hỷ, nàng sẽ đạt được kết quả của điều nguyện ước.

743. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

744. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Dhammadinnā."

745. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

746. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

747. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

748. Khi ấy, có vị quân vương là đức vua xứ Kāsi tên Kikī ở tại kinh thành Bārāṇasī là người hộ độ của bậc Đại Ẩn Sĩ.

749. Tôi đã là người con gái thứ sáu của vị [vua] ấy được nổi danh là Sudhammā. Sau khi lắng nghe giáo pháp của đấng Chiến Thắng Cao Cả, tôi đã xin xuất gia.

Dứt tụng phẩm thứ ba.

750-51. Cha đã không cho phép chúng tôi. Là những người con gái của đức vua khéo được nuôi dưỡng có sự cư ngụ cùng với gia đình, chúng tôi đã thực hành Phạm hạnh của người thiếu nữ trong hai chục ngàn năm, không xao lãng. Được hoan hỷ, bảy người con gái đã vui thích trong việc hộ độ đức Phật.

752. Samaṇī, Samaṇaguttā, Bhikkhunī, Bhikkhudāsikā, Dhammā, luôn cả Sudhammā nữa và Saṅghadāsikā là thứ bảy.

753. Khemā, Uppalavaṇṇā, Paṭācārā, Kuṇḍalā, Gotamī, tôi và luôn cả Visākhā là thứ bảy [vào thời hiện tại].

754. Do các nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

755. Và vào kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự dồi dào về tất cả các dục lạc.

756. Vào lúc đạt đến sắc đẹp và đức hạnh ở vào thời đầu của tuổi thanh xuân, khi ấy tôi đã đi đến gia tộc khác [làm vợ] và đã sống thọ hưởng lạc thú.

757. Sau khi đi đến đấng Nương Nhờ Của Thế Gian và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp, chồng của tôi đã đạt đến quả vị Bất lai, có trí giác ngộ hoàn hảo.

758. Khi ấy, tôi đã thuyết phục vị ấy rồi đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

759. Khi ấy, vị nam cư sĩ ấy đã đi đến tôi và đã hỏi về các tuệ thâm sâu và khôn khéo. Tôi đã giảng giải về tất cả các điều ấy.[4]

760. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng: "Ta không nhìn thấy vị Tỳ-khưu-ni nào khác là vị thuyết giảng giáo pháp như là vị Ni này.

761. Này các Tỳ-khưu, Dhammadinnā là vị Ni sáng trí, các ngươi hãy ghi nhớ như thế." Được đấng Lãnh Đạo thương xót, tôi đã trở thành vị Ni trí tuệ như thế.

762. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

763. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

---

[4] Xem thêm *M.* I. 299, *Tiểu kinh Phương quảng* (*Cūlavedallasuttaṃ*), số 44.

764. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

765. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

766. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

767. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

768. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Dhammadinnā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Dhammadinnā" là phần thứ ba.

24. KÝ SỰ VỀ SAKULĀ (*Sakulāpadānaṃ*)

769. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

770. Vì sự tấn hóa, vì sự lợi ích, vì sự an lạc của tất cả chúng sanh, đấng Siêu Nhân, bậc cao quý trong số các vị đang thuyết giảng đã sanh ra ở thế gian gồm cả thiên giới.

771. Đã đạt đến danh vọng cao tột, đấng Chiến Thắng có sự vinh quang, có được sự tán dương ca ngợi. Ngài được tôn vinh, được nổi danh ở tất cả các phương của toàn thể thế gian.

772. Ngài đã vượt lên trên sự hoài nghi, đã vượt qua sự lưỡng lự, đã tròn đủ tâm tư, đã đạt đến quả vị Toàn giác tối thượng.

773. Là người khai mở con đường chưa được khai mở, đấng Tối Thượng Nhân đã nói đến điều chưa được nói đến và đã nhận thức điều chưa được nhận thức.

774. Đấng Nhân Ngưu là vị biết được đạo lộ, là vị rành mạch về đạo lộ, là vị thuyết về đạo lộ. Được thiện xảo về đạo lộ, đấng Đạo Sư là cao quý tối thượng trong số các bậc Điều Ngự (người điều khiển xe).

775. Đấng Đại Bi, bậc Đạo Sư, vị Lãnh Đạo đã thuyết giảng giáo pháp. Ngài tiếp độ những chúng sanh [đang] bị đắm chìm trong đầm lầy ái dục.

776. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī, là niềm hoan hỷ của dòng Sát-đế-lỵ. Và tôi đã có sắc đẹp tuyệt vời, có tài sản, được yêu quý và có sự vẻ vang.

777. Là người con gái vô cùng xinh đẹp của vị Đại vương Ānanda, và cũng là người em gái khác mẹ của vị [Phật] tên Padumuttara.

778. Được tháp tùng bởi các người con gái của đức vua, được trang điểm

với tất cả các đồ trang sức, tôi đã đi đến đấng Đại Hùng và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp.

779. Chính vào khi ấy, bậc Thầy của thế gian ấy ở giữa các chúng đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni có thiên nhãn và đã thiết lập vị Ni ấy vào vị thế tối thắng.

780. Sau khi lắng nghe điều ấy, được mừng rỡ tôi đã dâng cúng vật thí đến bậc Đạo Sư. Và sau khi cúng dường đến bậc Toàn Giác, tôi đã ước nguyện về thiên nhãn.

781. Do đó, bậc Đạo Sư đã nói với tôi rằng: "Này người thiếu nữ vui vẻ, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện. Điều đã khéo được mong muốn này là quả báo của các việc dâng cúng đèn và giáo pháp.

782. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

783. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Sakulā."

784. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

785. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên Kassapa, thuộc dòng dõi, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

786. Khi ấy, tôi đã là nữ du sĩ ngoại đạo có hạnh độc hành. Sau khi đi lang thang để khất thực, tôi đã nhận được một số lượng dầu thắp.

787. Sau khi thắp sáng ngọn đèn với số [dầu] đó, với tâm ý trong sạch tôi đã phục vụ ngôi bảo tháp của đấng Tối Thượng Nhân trọn cả đêm.

788. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

789. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra thì có các ngọn đèn lớn chiếu sáng ở chính tại các nơi ấy khi tôi đi đến.

790. Nếu tôi muốn, tôi [có thể] nhìn thấy ngọn núi sau khi đã vượt lên xuyên qua bức tường, xuyên qua tảng đá; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn.

791. Tôi có cặp mắt trong ngần và tôi chói sáng với danh vọng, lại còn có đức tin và trí tuệ nữa; điều này là quả báo của việc dâng cúng đèn.

792. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình Bà-la-môn có nhiều tài sản và lúa gạo, được hài lòng, được đức vua tôn trọng.

793. Được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được trang điểm với tất cả các đồ trang sức, đứng ở cửa sổ, tôi [đã nhìn thấy] đấng Thiện Thệ ở lối đi vào thành.

794. Tôi đã nhìn thấy Ngài đang chói sáng với danh vọng, được trọng vọng bởi chư thiên và nhân loại, được hội đủ các tướng mạo phụ, được điểm tô bằng những tướng mạo chính.

795. Với tâm phấn chấn, với ý vui mừng, tôi đã xin xuất gia. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

796. Là người thực hành theo lời dạy của đấng Đạo Sư, tôi có năng lực về các thần thông, về thiên nhĩ giới, tôi biết được tâm của người khác.

797. Tôi biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh. Sau khi đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc, tôi đã được thanh tịnh, hoàn toàn không ô nhiễm.

798. Bậc Đạo Sư đã được tôi phục vụ, lời dạy của đức Phật đã được tôi thực hành, nhiệm vụ nặng nề đã được đặt xuống, lối dẫn đi tái sanh đã được xóa tan.

799. Vì mục đích nào tôi đã rời khỏi gia đình, xuất gia vào đời sống không gia đình, mục đích ấy tức là sự đoạn tận tất cả các sự trói buộc đã được tôi đạt đến.

800. Do đó, đấng Đại Bi, bậc Tối Thượng Nhân đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng "Sakulā là vị Ni đứng đầu trong các vị Ni có thiên nhãn."

801. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

802. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

803. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sakulā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sakulā" là phần thứ tư.

25. KÝ SỰ VỀ NANDĀ - MỸ NHÂN CỦA XỨ SỞ
(*Nandājanapadakalyāṇī-apadānaṃ*)

804. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

805. Là vị giáo giới, vị làm cho hiểu rõ, vị hành xử đối với tất cả chúng sanh, là thiện xảo trong việc chỉ dạy, đức Phật đã giúp cho nhiều chúng sanh vượt qua.

806. Là bậc Thương Tưởng, đấng Bi Mẫn, vị tầm cầu sự lợi ích cho tất cả chúng sanh, Ngài đã an trú vào ngũ giới cho tất cả các ngoại đạo đã đi đến.

807. Như thế, được tô điểm với các vị A-la-hán có được năng lực như thế ấy, [thế gian] đã không bị rối loạn và không có các ngoại đạo.

808. Bậc Đại Hiền Trí ấy cao năm mươi tám *ratana* (mười bốn mét rưỡi) tợ như cây cột trụ bằng vàng, có ba mươi hai quý tướng.

809. Cho đến khi ấy, tuổi thọ được biết là một trăm ngàn năm. Trong khi tồn tại như thế, Ngài đã giúp cho nhiều người vượt qua.

810. Khi ấy, tôi đã được sanh ra ở tại Haṃsavatī, trong gia đình triệu phú được rạng rỡ với vô số loại châu báu, được đầy đủ với những lạc thú lớn lao.

811. Tôi đã đi đến đấng Đại Hùng ấy và đã lắng nghe thuyết giảng giáo pháp bất tử, có phẩm vị tối thắng, làm rõ về chân lý tuyệt đối.

812. Khi ấy, được tịnh tín, tôi đã thỉnh mời đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng và đã tự tay mình dâng cúng đại thí đến vị ấy.

813. Tôi đã quỳ xuống đê đầu đến bậc Anh Hùng, đấng Lãnh Đạo Thế Gian cùng với hội chúng, tôi đã ước nguyện vị thế tối thắng trong số các Tỳ-khưu-ni có thiền chứng.

814. Khi ấy, bậc Điều Phục Những Ai Chưa Được Điều Phục, đấng Nương Nhờ Của Ba Cõi, vị Chúa Tể, bậc Nhân Báo đã chú nguyện rằng: "Nàng sẽ đạt được điều đã khéo được ước nguyện ấy.

815. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

816. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Nandā."

817. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

818. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

819. Mệnh chung từ nơi ấy, tôi đã đi đến cõi trời Dạ-ma, từ đó đã đi đến cõi trời Đẩu-suất, và từ đó đến cõi Hóa Lạc Thiên, rồi từ đó đến cõi Tha Hóa Tự Tại.

820. Do mãnh lực của nghiệp ấy, ở bất cứ nơi nào tôi sanh ra, tôi đều đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các vị vua ở chính tại các nơi ấy.

821. Mệnh chung từ nơi ấy [sanh] vào thân nhân loại, tôi đã được thiết lập vào ngôi chánh hậu của các đấng Chuyển Luân Vương và các vị vua cai quản các lãnh thổ.

822. Tôi đã thọ hưởng sự thành đạt ở giữa chư thiên và loài người, đã được an vui ở tất cả các nơi, và đã luân hồi qua nhiều đại kiếp.

823. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, tôi đã là người con gái hoàn hảo của đức Vua Suddhodana tại thành phố tên là Kapila.

824. Nhìn thấy [tôi] có nét đẹp vô cùng rạng rỡ, gia đình ấy đã trở nên vui vẻ; vì thế tôi có tên là "Nandā" (vui vẻ). Tôi đã được công nhận là xinh đẹp.

825. Và cũng ở trong thành phố đáng yêu ấy, tôi đã được nổi danh là "Mỹ nhân" trong số tất cả các thiếu nữ, ngoại trừ Yasodharā.

826. Người anh trai đầu là đấng Cao Cả của tam giới, cũng vậy, người út là vị A-la-hán. Mỗi một mình tôi là người tại gia, tôi đã bị mẹ quở trách rằng:

827. "Này con, được sanh trong gia tộc dòng Sakya (Thích-ca), con là em gái của đức Phật. Con cũng không còn có Nanda nữa, việc gì con lại ở tại gia?

828. Tuổi trẻ có sự già là nơi cư ngụ, xác thân được xem là bất tịnh, sức khỏe cũng có cơn bệnh là điểm cuối cùng, mạng sống có sự chết là nơi chấm dứt.

829. Sắc thân này của con dầu là xinh đẹp, được yêu dấu như là mặt trăng, quyến rũ, có sự trang điểm của những đồ trang sức tợ như được gắn liền với sự rạng rỡ.

830. [Sắc thân này của con] được gộp chung lại thuần sự tinh túy của thế gian, là sự đem lại chất vị cho những con mắt, là sự sản xuất ra danh thơm của các điều phước thiện, là niềm vui của gia tộc Okkāka.

831. Vào thời gian chẳng bao lâu nữa, sự già sẽ ngự trị. Này cô gái trẻ, hãy từ bỏ gia đình. Này cô gái hoàn hảo, hãy thực hành giáo pháp."

832. Được vui thích với sắc đẹp và tuổi thanh xuân, sau khi nghe lời nói của người mẹ, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình bằng thân chứ không phải bằng tâm.

833. Và với sự cố gắng lớn lao, mẹ [tôi đã] nói để thuyết phục tôi gắn bó vào việc tham thiền, nhưng tôi đã không năng nổ về việc ấy.

834. Do đó, bậc Đại Bi, đấng Chiến Thắng đã nhìn thấy tôi có lòng khao khát về các dục, và đối với tôi ý nghĩa của sự nhàm chán về xác thân là qua lộ trình của mắt.

835. Bằng năng lực tự thân, Ngài đã làm hiện ra người phụ nữ lộng lẫy, đáng nhìn, rất dễ thương, vô cùng xinh đẹp hơn hẳn luôn cả tôi.

836. Sau khi nhìn thấy người nữ có thân thể vô cùng kinh ngạc ấy, tôi đã sửng sốt. Và tôi đã suy nghĩ về sự lợi ích thuộc về nhân gian đối với con mắt rằng: "Có quả báo đến ta."

837. [Tôi đã nói rằng:] "Này em yêu dấu, hãy đến với chị đây. Có cần gì em hãy nói với chị. Hãy nói với chị về gia đình, tên, dòng họ của em nếu em ưng ý."

838. [Cô gái đáp:] "Này chị yêu dấu, không phải là lúc hỏi han. Hãy cho em tựa vào lòng. Tay chân của em như là chìm xuống. Chị hãy ru em ngủ một chốc."

839. Sau đó, nàng có đôi mắt xinh đẹp ấy đã kê đầu vào hông của tôi rồi đã thiếp đi. Có con nhện vô cùng ghê rợn đã rơi xuống ở trán của nàng.

840. Cùng với sự rơi xuống của con nhện ấy, mụn nhọt đã nổi lên. Chúng đã rò rỉ, vỡ ra và toàn thân là mủ và máu.

841. Và khuôn mặt đã bị nứt nẻ, thi thể có mùi hôi thối. Toàn thân bị trương lên, đổi sang màu tím và thối rửa.

842. Với tất cả các chi thể bị run rẩy, chốc chốc lại bị hụt hơi, nàng ấy trong khi cảm nhận sự khổ đau của mình đã than vãn một cách thê lương rằng:

843. "Em bị khổ sở vì nỗi đau đớn, và các cảm thọ được chạm đến, em bị đắm chìm trong nỗi khổ đau lớn lao. Này cô bạn gái, chị hãy là nơi nương nhờ của em".

844. "Vẻ đẹp ở khuôn mặt của cô đâu rồi? Lỗ mũi cao của cô đâu rồi? Làn môi màu đỏ của trái cây bimba tuyệt hảo của cô, khuôn mặt của cô đã đi đâu rồi?

845. Gương mặt tợ như mặt trăng đâu rồi? Chiếc cổ ba ngấn đã đi đâu rồi? Và các lỗ tai run rẩy lung linh của cô đã đi đến tình trạng thay đổi rồi.

846. Bộ ngực có hình dáng đóa hoa sen còn dạng chồi tợ như bầu nước đã trở thành thi thể hôi thối, bị phân rã, có mùi khó chịu.

847. Eo thon, mông đầy đặn bị sưng lên, có sự lở lói và độc hại, trở thành nơi chứa đầy vật không trong sạch; ôi, xác thân là không vĩnh viễn!

848. Toàn bộ nguồn gốc của thân thể là có mùi hôi thối, có sự hãi sợ, như là bãi tha ma kinh hoàng, lại là nơi mà những kẻ ngu hứng thú!"

849. Lúc bấy giờ, sau khi nhìn thấy tôi có tâm bị chấn động, đấng Đại Bi, bậc Lãnh Đạo Thế Gian, người anh trai của tôi, đã nói lên những lời kệ này:

850. "Này Nandā, hãy nhìn thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối. Em hãy tu tập tâm về đề mục bất mỹ [tử thi] trở thành chuyên nhất, khéo được tập trung.

851. Thân này như thế nào thì xác kia như vậy, xác kia như thế nào thì thân này như vậy, [là vật] có mùi khó chịu hoặc hôi thối lại được hứng thú đối với những kẻ ngu.

852. Trong khi xem xét xác thân này như thế đêm ngày không mệt mỏi, từ đó với niệm với tuệ sau khi đã nhàm chán thì em sẽ nhìn thấy."

853. Do đó, sau khi nghe được các lời kệ khéo thuyết, tôi đã bị vô cùng chấn động. Đứng tại chỗ ấy, trong lúc quán sát tôi đã đạt được phẩm vị A-la-hán.

854. Ngồi xuống ở bất cứ nơi nào, tôi luôn luôn có mục đích chính là thiền. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập tôi vào vị thế tối thắng.

855. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

856. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

857. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Nandā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Nandā" là phần thứ năm.

26. KÝ SỰ VỀ SOṆĀ (*Soṇāpadānaṃ*)

858. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

859. Khi ấy, tôi đã được sanh ra trong gia đình triệu phú, được hạnh phúc, được tôn vinh, yêu quý. Tôi đã đi đến bậc Hiền Trí cao quý ấy và đã lắng nghe lời nói ngọt ngào.

860. Đấng Chiến Thắng đã tán dương vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có sự ra sức tinh tấn. Sau khi nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ và tôi đã thể hiện sự thành kính đến bậc Đạo Sư.

861. Khi ấy, tôi đã đảnh lễ bậc Toàn Giác và đã ước nguyện vị thế ấy. Đấng Đại Hùng đã nói lời tùy hỷ rằng: "Ước nguyện của nàng sẽ được thành tựu.

862. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

863. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Soṇā."

864. Nghe được điều ấy, tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

865. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại tôi đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

866. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, tôi đã được sanh vào gia đình triệu phú sung túc, thịnh vượng, có tài sản lớn lao ở trong kinh thành Sāvatthi.

867. Và khi đã đạt đến tuổi thanh xuân, tôi đã đi đến nhà người chồng và đã sanh ra mười người con trai, hết thảy đều có vóc dáng hoàn hảo.

868. Và tất cả bọn chúng đều được nuôi dưỡng trong sung sướng, có sự thu hút ánh mắt của mọi người. Ngay cả đối với những kẻ nghịch thù, chúng cũng được ưa thích. Chúng được yêu mến còn hơn cả tôi nữa.

869. Sau đó, với sự không mong muốn của tôi, người chồng ấy của tôi được khích lệ bởi mười người con trai, đã xuất gia trong giáo pháp vị Trời Của Chư Thiên.

870. Khi ấy, còn mỗi một mình tôi đã suy xét rằng: "Đã đủ cho cuộc sống của ta là kẻ bị chồng và những người con trai bỏ rơi, lại già cả và thảm thương.

871. Ta cũng sẽ đi đến nơi nào mà người chồng của ta đã đạt đến." Sau khi suy xét như thế, tôi đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

872. Và sau đó, các vị Tỳ-khưu-ni đã để tôi ở lại tu viện của các Tỳ-khưu-ni như thế, rồi đã đi [nghe] giáo giới, [bảo rằng:] "Bà hãy đun nóng nước."

873. Khi ấy, tôi đã đem nước lại đổ vào trong nồi, sau đó đặt ở bếp lửa, rồi đã ngồi xuống. Do đó tâm đã được định tĩnh.

874. Sau khi nhìn thấy các uẩn là vô thường, là khổ não và là vô ngã, tôi đã cắt đứt tất cả các lậu hoặc và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

875. Khi ấy, các vị Tỳ-khưu-ni đã quay lại và đã hỏi về nước nóng. Sau khi chú nguyện vào bản thể của lửa, tôi đã đun nóng nước một cách mau chóng.

876. Ngạc nhiên, các vị Ni ấy đã trình lại sự việc này đến đấng Chiến Thắng Cao Quý. Sau khi nghe điều ấy, được hoan hỷ, đấng Bảo Hộ đã nói lên lời kệ này:

877. "Và người nào đã sống trăm năm, lười biếng, có sự tinh tấn thấp thỏi, cuộc sống một ngày của người đang ra sức tinh tấn một cách bền bỉ là tốt hơn."[5]

878. Được hài lòng với sự thực hành tốt đẹp của tôi, đấng Đại Hùng, bậc Đại Hiền Trí ấy đã nói tôi là đứng đầu trong số các vị Ni có sự ra sức tinh tấn.

879. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

880. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

881. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Soṇā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Soṇā" là phần thứ sáu.

27. KÝ SỰ VỀ BHADDĀKĀPILĀNĪ (*Bhaddākāpilānī-apadānaṃ*)

882. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

883. Khi ấy, ở tại Haṃsavatī có người triệu phú tên là Videha có rất nhiều châu báu. Tôi đã là vợ của người ấy.

884. Có lần nọ, người ấy cùng nhóm tùy tùng đã đi đến đấng Mặt Trời Của Nhân Loại và đã lắng nghe giáo pháp đưa đến sự diệt tận tất cả khổ đau của đức Phật.

885. Đấng Lãnh Đạo đã ngợi khen vị Thinh văn đứng đầu trong số các vị thuyết về sự giũ bỏ (pháp Đầu-đà). Sau khi lắng nghe, chồng tôi đã dâng cúng vật thí đến đức Phật như thế ấy trong bảy ngày.

886-87. Chồng tôi, trong khi làm hội chúng vui vẻ đã quỳ xuống đê đầu ở bàn chân và đã ước nguyện vị thế ấy. Chính vào khi ấy, đấng Cao Quý Của Loài Người vì lòng thương tưởng đến người triệu phú, đã nói những lời kệ này: "Này con trai, ngươi sẽ đạt được vị thế đã ước nguyện rồi ngươi hãy Niết-bàn.

888. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, thuộc dòng dõi, xuất thân gia tộc Okkāka sẽ xuất hiện ở thế gian.

---

[5] *Dh.* v. 112.

889. Ngươi sẽ trở thành nam Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là Kassapa."

890. Nghe được điều ấy, chồng tôi đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái chồng tôi đã chăm sóc đấng Chiến Thắng, bậc Hướng Đạo bằng các vật dụng cho đến hết cuộc đời.

891. Vị [Phật] ấy đã làm chói sáng giáo pháp, đã chế phục các ngoại đạo, đã hướng dẫn những ai đáng được hướng dẫn, rồi đã Niết-bàn cùng các vị Thinh văn.

892-93. Khi đấng Cao Cả Của Thế Gian ấy đã Niết-bàn, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Sư, chồng tôi đã tập hợp các bạn bè quyến thuộc, rồi cùng với những người ấy đã cho xây dựng ngôi bảo tháp làm bằng châu báu cao bảy do-tuần, chói sáng như là trăm ánh hào quang, được tỏa rộng ra như là bông hoa sāla chúa.

894. Tại nơi ấy, chồng tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chiếc đĩa nhỏ bằng chính bảy loại châu báu, chúng đang chói sáng như là ngọn lửa của cây sậy.

895. Chồng tôi đã cho đổ đầy với dầu thơm rồi đã cho thắp sáng các ngọn đèn tại nơi ấy, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ, đấng Bi Mẫn của mọi sanh linh.

896. Chồng tôi đã cho thực hiện bảy trăm ngàn chậu đầy đặn, được chứa đầy với thuần các loại châu báu, nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ.

897. Ở giữa của mỗi nhóm tám chậu là những vật giá trị như vàng được chất đống. Chúng sáng rực với màu sắc tợ như ánh mặt trời vào mùa thu.

898. Chiếu sáng ở bốn cửa là các vòm cổng làm bằng châu báu. Chiếu sáng là những tấm ván xinh xắn làm bằng châu báu được dựng đứng.

899. Chói sáng là các lẵng hoa khéo tạo ra được đặt vòng quanh. Chói sáng là các cờ xí bằng châu báu được dựng đứng.

900. Và ngôi bảo tháp làm bằng ngọc quý này khéo được tô màu, khéo được thực hiện, sáng rực với màu sắc tợ như mặt trời vào lúc hoàng hôn.

901. Ngôi bảo tháp có ba bệ thờ. Chồng tôi đã chất đầy một bệ với đá màu vàng, một bệ với đá màu đỏ và một bệ với đá màu đen.

902. Sau khi đã cho thực hiện việc cúng dường đáng yêu như thế ấy đến bậc Thuyết Giảng Cao Quý, chồng tôi đã dâng cúng vật thí đến hội chúng tùy theo năng lực cho đến hết cuộc đời.

903. Sau khi đã cùng với người triệu phú ấy thực hiện toàn bộ những việc phước báu ấy cho đến hết cuộc đời, tôi đã đi đến nhàn cảnh cùng với chính người ấy.

904. Sau khi đã thọ hưởng sự thành công ở bản thể chư thiên rồi nhân loại, tôi đã luân hồi cùng với chính người ấy như là hình bóng với xác thân vậy.

905. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī, vị có ánh mắt thu hút, bậc thấy rõ tất cả các pháp đã hiện khởi.

906. Khi ấy ở tại Bandhumatī, người này là vị Bà-la-môn được công nhận là tốt lành, dồi dào về việc thâu đạt kiến thức, và đã bị lâm vào cảnh vô cùng khó khăn về tài sản.

907. Cũng vào khi ấy, với tâm ý tương đồng, tôi đã là nữ Bà-la-môn [vợ] của người ấy. Có lần, người Bà-la-môn cao quý ấy đã đi đến bậc Đại Hiền Trí.

908. [Đức Phật] ngồi ở đám người đang thuyết giảng về vị thế bất tử. Sau khi nghe pháp, được hoan hỷ người ấy đã dâng cúng một tấm vải choàng.

909. Quay về lại nhà với một mảnh vải, người ấy đã nói với tôi điều này: "Nàng hãy tùy hỷ việc phước lớn lao, tấm vải choàng đã được dâng đến đức Phật."

910. Khi ấy, được hài lòng xiết bao, tôi đã chắp tay lên nói lời tùy hỷ rằng: "Phu quân à, tấm vải choàng là đã khéo được dâng đến đức Phật tối thượng như thế ấy."

911. Được an vui, trở nên gắn bó, trong khi luân hồi cõi này cõi khác, người ấy đã trở thành đức vua, vị lãnh chúa ở thành phố Bārāṇasī đáng yêu.

912. Khi ấy, tôi trở thành chánh hậu của người ấy, là tối cao trong đám nữ nhân. Tôi đã được cảm tình rất mực của người ấy do sự yêu mến trước đây của chồng.

913. Sau khi nhìn thấy tám vị Lãnh Đạo Độc Giác đang đi quanh để khất thực, người ấy đã trở nên hoan hỷ và đã dâng vật thực vô cùng giá trị.

914. Sau khi thỉnh mời lần nữa, người ấy đã thực hiện mái che bằng châu báu. Lọng che bằng vàng [rộng] trăm cánh tay đã được những người thợ rèn kiến thiết.

915. Sau khi đã hướng dẫn tất cả các Ngài ấy tiến vào các chỗ ngồi bằng vàng, được tịnh tín, người ấy đã tự tay mình dâng cúng vật thí đến các Ngài ấy.

916. Khi ấy, tôi cũng đã dâng cúng vật thí ấy cùng với đức vua xứ Kāsi. Tôi đã được sanh ra ở Bārāṇasī lần nữa, tại ngôi làng nhỏ ngoại thành.

917. [Sanh ra] ở trong gia đình giàu có thịnh vượng, người ấy được an lạc, có em trai. Tôi đã là người vợ vô cùng chung thủy của người anh cả.

918. Sau khi nhìn thấy vị Phật Độc Giác, người em gái của chồng tôi đã dâng phần cơm đến vị ấy, và đã thuật lại khi chồng tôi đi đến.

919. Chồng tôi không hoan hỷ với việc dâng cúng. Do đó, tôi đã lấy lại phần cơm ấy từ bình bát rồi đã trao cho chồng. Chồng tôi đã dâng cúng [phần cơm ấy] một lần nữa đến chính vị Phật ấy.

920. Khi ấy, tôi đã quăng bỏ đi phần cơm ấy và đã độc ác đối với đức Phật. Tôi đã dâng bình bát ấy chứa đầy bùn đến vị Phật như thế ấy.

921. Về vật cho cũng như việc nhận giống như là vật không trong sạch và đóa hoa sen, khi ấy tôi đã nhìn khuôn mặt có tâm bình thản và đã vô cùng chấn động.

922. Sau khi nhận lại bình bát, tôi đã làm sạch bằng chất thơm, rồi với tâm tịnh tín, tôi đã chứa đầy với bơ lỏng và đã dâng lên một cách cung kính.

923. Ở bất cứ nơi đâu tôi được sanh ra, tôi đều có sắc xinh đẹp do sự bố thí và có mùi hôi do lời nói và do thái độ không phải phép đối với đức Phật.

924. Lần khác, khi ngôi bảo tháp của đấng Chiến Thắng Kassapa đang được hoàn tất, được hoan hỷ, tôi đã dâng cúng phiến ngói cao quý bằng vàng.

925. Tôi đã tẩm phiến ngói ấy bằng hương thơm sanh lên từ bốn nguồn. Tôi đã được thoát khỏi khuyết điểm về mùi hôi thối và đã được thành tựu tốt đẹp về toàn bộ các phần thân thể.

926. [Chồng tôi] đã cho thực hiện bảy ngàn cái đĩa bằng chính bảy loại châu báu, được chứa đầy bơ lỏng và hàng ngàn tim đèn.

927. Với tâm ý thanh tịnh, sau khi đã đặt [tim đèn] vào và thắp sáng, người ấy đã xếp thành bảy hàng nhằm mục đích cúng dường đến bậc Bảo Hộ Thế Gian.

928. Khi ấy, tôi cũng có phần đóng góp đặc biệt trong việc phước thiện ấy. Người ấy đã được sanh ra ở xứ Kāsi lần nữa, được nổi danh là Sumitta.

929. Tôi đã là vợ của người ấy, được an vui, được gắn bó, được yêu quý. Khi ấy, người ấy cũng đã dâng đến vị Hiền Trí Độc Giác tấm vải choàng bền chắc.

930. Tôi đã hoan hỷ về việc bố thí tối thượng và cũng đã có phần trong việc ấy. Vị ấy cũng đã sanh ra lần nữa trong quốc độ Kāsi thuộc dòng dõi Koliya.

931. Khi ấy, cùng với năm trăm người con trai dòng Koliya, người ấy đã hộ độ năm trăm vị Phật Độc Giác.

932. Và sau khi đã làm hài lòng [chư Phật Độc Giác] trong ba tháng, người ấy đã dâng ba y. Khi ấy, đi theo lộ trình của nghiệp phước thiện, tôi đã là vợ của người ấy.

933. Từ nơi ấy chết đi, người ấy đã trở thành vị vua tên là Nanda có danh tiếng vĩ đại. Tôi cũng đã trở thành chánh hậu của người ấy, có sự thành tựu về tất cả các điều dục lạc.

934. Và khi ấy, người ấy đã trở thành vị lãnh chúa Brahmadatta. Khi ấy, những người con trai của bà Padumavatī đã trở thành các bậc Hiền Trí Độc Giác.

935. Người ấy đã hộ độ năm trăm vị không thiếu vị nào cho đến hết cuộc đời. Chư Phật Độc Giác đã cư ngụ tại vườn hoa của đức vua rồi đã Niết-bàn và người ấy đã cúng dường.

936. Và sau khi cho xây dựng các ngôi bảo tháp, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Sau khi tu tập các vô lượng [tâm], chúng tôi đã đi đến cõi Phạm thiên.

937. Từ nơi ấy chết đi, người ấy đã khéo được sanh ra tại Mahātittha [tên] là Pipphalāyana, mẹ là Sumanadevī, cha là người Bà-la-môn dòng tộc Kosiya.

938. Tôi đã là người con gái của vị Bà-la-môn Kapila, mẹ là Sucīmatī, ở tại kinh thành Sāgalā trong xứ sở Madda.

939. Sau khi tạo ra tôi với hình tượng bằng vàng khối, người cha đã gả tôi cho bậc trí Kassapa là người đã kiêng cữ các dục.

940. Lần nọ, con người có lòng bi mẫn ấy đã đi xem xét công việc làm. Sau khi nhìn thấy các sinh vật bị những loài như là quạ, v.v... ăn thịt, người ấy đã bị động tâm.

941. Và tôi ở nhà, sau khi nhìn thấy những cây mè mọc lên trong sự thiêu đốt của ánh nắng mặt trời và loài sâu bọ bị các con quạ ăn thịt, khi ấy tôi đã có sự động tâm.

942. Lúc bấy giờ, con người trí tuệ ấy đã xuất gia. Tôi đã xuất gia theo vị ấy. Tôi đã sống theo hạnh du sĩ ngoại đạo trong năm năm.

943. Đến khi bà Gotamī, người nuôi dưỡng đấng Chiến Thắng đã được xuất gia, khi ấy tôi đã đi theo bà ấy và đã được chỉ dạy bởi đức Phật.

944. Trong thời gian không bao lâu tôi đã thành tựu phẩm vị A-la-hán. Ôi, tính chất bạn hữu tốt lành đối với vị Kassapa vinh quang!

945. Kassapa là con trai, là người thừa tự của đức Phật, khéo được định tĩnh, nhìn thấy được cõi trời và địa ngục, và là vị đã biết được đời sống trước đây.

946. Rồi [vị ấy] đã đạt đến sự diệt tận của sự sanh, là vị hiền trí được hoàn hảo về thắng trí, với ba sự hiểu biết ấy trở thành vị Bà-la-môn có tam minh.

947. Tương tợ như thế ấy, Bhaddā Kāpilānī là vị Ni có tam minh, có sự dứt bỏ tử thần, mang thân mạng cuối cùng sau khi đã chiến thắng Ma vương cùng với đạo quân binh.

948. Sau khi nhìn thấy điều tai hại ở thế gian, cả hai chúng tôi đã xuất gia. Chúng tôi đây có các lậu hoặc đã cạn kiệt, đã được huấn luyện, đã có được trạng thái mát mẻ, đã được Niết-bàn.

949. Các phiền não của tôi đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], tôi sống không còn lậu hoặc.

950. Quả vậy, tôi đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

951. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được tôi đắc chứng; tôi đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Bhaddākāpilānī đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Bhaddākāpilānī" là phần thứ bảy.

28. KÝ SỰ VỀ YASODHARĀ (*Yasodharāpadānaṃ*)

952. Vào một thuở nọ, đấng Lãnh Đạo Nhân Loại đang ngự tại một sườn núi cao quý ở thành Rājagaha đáng yêu, trù phú.[6]

[6] Các câu kệ từ 952-57 không thấy ở tạng Thái Lan và PTS.

953. Khi đang cư ngụ tại trú xứ đáng yêu của các Tỳ-khưu-ni ở trong thành phố ấy, đã có suy nghĩ như vầy khởi đến vị Tỳ-khưu-ni Yasodharā rằng:

954. "Nanda, Rāhula hiền thiện và tương tợ y như thế, [hai] vị tối thượng Thinh văn, Đại vương Suddhodana và bà Pajāpatī Gotamī.

955. Cùng các vị Đại trưởng lão đã đạt thắng trí, và các Trưởng lão Ni có đại thần lực, các vị ấy đã ngự đến nơi an tịnh không còn lậu hoặc, như là tim của cây đèn hết nhiên liệu.

956. Và luôn cả ta nữa cũng sẽ đi đến vị thế an toàn ngay trong khi đấng Lãnh Đạo Thế Gian còn hiện tiền." Trong khi xem xét tuổi thọ của mình, vị Ni đã suy nghĩ như thế.

957. Sau khi xem xét thọ hành sẽ đi đến sự hoại diệt trong chính ngày hôm ấy, vị Ni đã cầm lấy bình bát và y rồi đã rời khỏi chốn tịnh cư của mình.

958. Vị Ni có đại thần lực, có đại trí tuệ ấy đã dẫn đầu một trăm ngàn vị Tỳ-khưu-ni đi đến bậc Toàn Giác.

959. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, vị Ni ấy đã ngồi xuống ở một bên và đã nói lời nói này với bậc Đạo Sư là vị có dấu hiệu bánh xe:

960. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã bảy mươi tám tuổi. Giai đoạn cuối cùng của tuổi tác đang tiến đến. Con đã đạt đến ngay ở sườn dốc, con xin thưa rõ.

961. Sự tiêu hoại của con đã chín muồi, mạng sống của con còn chút ít. Rời bỏ Ngài, con sẽ ra đi. Sự nương nhờ của bản thân đã được con thực hiện.

962. Chính ở thời điểm cuối cùng, sự chết chặn đứng tuổi thọ. Bạch đấng Đại Hùng, hôm nay vào ban đêm con sẽ thành tựu Niết-bàn.

963. Bạch đấng Hiền Trí, [Niết-bàn] là nơi không có sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết. Bạch đấng Anh Hùng, nơi nào khi đã đi đến là không còn được nhìn thấy thì con đi đến nơi ấy.

964. Bạch đấng Hiền Trí, cho đến nhóm người của bậc Đạo Sư ngồi chung ở nơi đây, [nếu] nhận biết lỗi lầm [nào của tôi], xin quý vị hãy tha thứ ở trước mặt.

965. Và sau khi đã xoay vần trong vòng luân hồi, nếu có điều sai trái của con đối với Ngài, bạch đấng Đại Hùng, con xin thưa rõ, xin Ngài hãy tha thứ lỗi lầm cho con."

966. Sau khi lắng nghe lời nói của vị Ni ấy, đấng Hiền Trí Vương đã nói điều này: "Ta sẽ nói điều gì hơn về nàng là người đang đi đến Niết-bàn?

967. Và nàng cũng nên thị hiện thần thông cho các vị hành theo giáo pháp của Ta được thấy. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ về giáo pháp cho tất cả các chúng."

968. Sau khi lắng nghe lời nói của bậc Hiền Trí ấy, vị Tỳ-khưu-ni Yasodharā ấy đã đảnh lễ đấng Hiền Trí Vương ấy và đã nói lời nói này:

969. "Bạch đấng Anh Hùng, con là Yasodharā, ở tại gia là người vợ của Ngài. Được sanh ra trong gia tộc Sakya, con đã duy trì phận sự của người nữ.

970. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, con là người đứng đầu, là người chủ quản tất cả.

971. Là người có được sắc đẹp, tánh tình và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng con.

972. Con đứng đầu một ngàn thiếu nữ ở trong cung của người con trai dòng Sakya. Các cô ấy cùng vui buồn giống nhau tợ như chư thiên ở [vườn hoa] Nandana.

973. Con đã vượt lên trên lãnh vực dục tình, được khẳng định về mặt thể hình, không có người tương đương về sắc đẹp ngoại trừ đấng Lãnh Đạo Thế Gian."

974. Sau khi đã nói như thế, v.v... Yasodharā, với sự cho phép của đức Phật, đã bay lên không trung và đã thị hiện vô số thần thông.

975. [Yasodharā đã thị hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu.[7]

976. Và đuôi công là cái hồ ở phía Nam nhưng các cánh chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là mắt, núi Meru là chóp đỉnh.

977. Ngọn núi của bầu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phẩy cây jambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], vị Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

978. Tương tợ y như thế, vị Ni đã thị hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị Trời Sakka.

979. "Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharā đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Con đã che khuất một ngàn thế giới bằng đóa sen nở rộ."

980. Và sau khi hóa hiện ra vóc dáng của đấng Brahma, vị Ni đã thuyết giảng giáo pháp về Không tánh. "Bạch đấng Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, con là Yasodharā xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài].

981. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

982. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

983. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

984. Sự gặp gỡ đối với chư Phật là các đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã được Ngài nhìn thấy rõ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, có nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài.

985. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được con tích lũy là nhằm mục đích về Ngài.

---

[7] *Jambudīpa*: Bán đảo Ấn Độ.

986. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài.

987. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi*[8] lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

988. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

989. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí con nhằm mục đích vật thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

990. Con đã từ bỏ nhiều ngàn *koṭi* mạng sống. Con từ bỏ mạng sống của con, [nghĩ rằng:] 'Ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi.'

991. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho cơ thể, nhiều vải vóc các loại, các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài.

992. Con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và con gái là đã được dứt bỏ.

993. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

994. Về việc Ngài bảo con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất', con không nhìn thấy sự bất bình của con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng.

995. Bạch đấng Đại Hùng và con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, ở nhiều hình thức trong sự luân hồi là nhằm mục đích về Ngài.

996. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khổ đau, con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài.

997. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau.

998. Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác.

999. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của con là nhằm mục đích về Ngài. Con là nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp."

1000. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpaṅkara đã hiện khởi.

1001. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

---

[8] Một *koṭi* là mười triệu.

1002. Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vị Bà-la-môn tên Sumedha và đã sửa soạn con đường của đấng Toàn Tri đang đi đến.

1003. Vào thời điểm ấy, con đã là người thiếu nữ xuất thân Bà-la-môn tên Sumittā. Con đã đi đến cuộc tụ hội.

1004. Con đã cầm tám nắm hoa sen nhằm mục đích cúng dường đến bậc Đạo Sư. Con đã nhìn thấy vị ẩn sĩ được nổi bật ở giữa đám người.

1005. Sau khi nhìn thấy con người đang ngồi khoác áo vỏ cây vô cùng đáng yêu quyến rũ đang ngồi, khi ấy con đã nghĩ rằng: "Mạng sống của ta là có kết quả."

1006. Khi ấy, con đã nhìn thấy sự nỗ lực ấy của vị ẩn sĩ là có được kết quả. Do nghiệp quá khứ, tâm của con cũng đã tịnh tín vào đấng Toàn Giác.

1007. Con đã có tâm tịnh tín hơn nữa đối với vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng. [Con đã nói rằng:] "Này vị ẩn sĩ, tôi không nhìn thấy vật nào khác nên được dâng cúng, tôi cho ông các đóa hoa.

1008. Này vị ẩn sĩ, hãy là của ông năm nắm, hãy là của tôi ba nắm. Này vị ẩn sĩ, như thế sự thành tựu hãy là bằng nhau đối với mục đích giác ngộ của Ngài."

Dứt tụng phẩm thứ tư.

1009. Sau khi cầm lấy các đóa hoa, vị ẩn sĩ ở giữa đám người đã cúng dường đến bậc Đại Ẩn Sĩ có danh tiếng vĩ đại đang đi đến nhằm mục đích giác ngộ.

1010. Bậc Đại Hiền Trí Dīpaṅkara, đấng Đại Hùng đã nhìn thấy ở giữa đám người và đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng rằng:

1011. "Này vị đại ẩn sĩ, [người nữ này] sẽ có tâm tương đương, có nghiệp tương đương, có hành động tương đương, sẽ trở thành người vợ do nghiệp báo đối với mục đích của ngươi.

1012. [Người nữ này] có dáng nhìn xinh đẹp, vô cùng đáng yêu, vui vẻ, có lời nói đáng mến, sẽ trở thành người vợ yêu quý, người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy.

1013. Cũng giống như các người chủ gìn giữ cái rương của cải, người nữ này sẽ hộ trì như thế ấy đối với các thiện pháp.

1014. Trong khi thương tưởng đến ngươi đây, [người nữ này] sẽ làm tròn đủ các pháp toàn hảo, sẽ đạt được quả vị giác ngộ tương tợ như con sư tử phá vỡ cái chuồng."

1015. Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, con đã là người có hành động như vậy.

1016. Tại nơi ấy, con đã có tâm tịnh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được.

1017. Con đã trải qua lạc và khổ ở các cõi trời và ở loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã sanh ra trong gia tộc Sakya.

1018. Con có sắc đẹp, có của cải, có danh vọng và giới hạnh tương tợ như thế. Con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng về các điều lành.

1019. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không có, con sống không sợ hãi.[9]

1020. Con đã nhàm chán các sự luân hồi và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Sau khi xuất gia cùng với một ngàn người hầu cận, con không có gì.

1021. Sau khi từ bỏ gia đình, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi chưa đạt đến nửa tháng, con đã đạt được bốn sự thật.

1022. Nhiều người, không phải một, đem lại y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả.

1023. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1024. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1025. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1026. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tịnh, con nhận lãnh mọi sự thành tựu.

1027. Nàng ấy bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị đại ẩn sĩ. Họ có sự thành tựu về bạn hữu. Vị thế Niết-bàn là không còn tạo tác.

1028. "Quá khứ, hiện tại và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn, con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

Tỳ-khưu-ni Yasodharā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Yasodharā" là phần thứ tám.

29. KÝ SỰ VỀ MƯỜI NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI (*Dasabhikkhunīsahassāpadānaṃ*)

1029. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian tên là Dīpaṅkara đã hiện khởi.

1030. Đấng Đại Hùng, bậc Hướng Đạo Dīpaṅkara đã chú nguyện cho Sumedha và Sumittā có trạng thái hạnh phúc và khổ đau tương tợ như nhau.

1031. Trong lúc nhìn thấy [thế gian] cùng với chư thiên và trong lúc đi đó đây ở [thế gian] luôn cả cõi trời, chúng con đã đi đến nơi tụ hội vào dịp tuyên dương của hai người ấy [và đã nói rằng]:

---

[9] Kế tiếp có 20 câu kệ được thấy ở tạng Thái Lan, Miến Điện, PTS, nhưng không thấy ở tạng Sri Lanka. Vì nội dung không có gì đặc sắc nên không thêm vào.

1032. "Trong lần tụ hội ở ngày vị lai, xin ngài hãy là chồng của tất cả chúng tôi. Hết thảy tất cả sẽ là những người vợ vui vẻ, có lời nói đáng yêu của ngài."

1033. Bạch đấng Đại Hiền Trí, tất cả chúng con có bố thí với trì giới, và tham thiền đã khéo được tu tập. Và mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu.

1034. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ điều gì đã được ao ước [như là] hương thơm, vật thoa, tràng hoa, đèn, vật làm bằng châu báu, tất cả đã được buông bỏ.

1035. Bạch đấng Đại Hiền Trí, và luôn cả nghiệp nào khác đã được thực hiện cũng như sự thụ hưởng thuộc về nhân loại, mọi thứ thuộc về chúng con đã được buông bỏ từ lâu rồi.

1036. Trong khi luân hồi nhiều kiếp sống, chúng con đã làm được nhiều phước báu. Chúng con đã thọ hưởng quyền thế và đã luân hồi cõi này cõi khác.

1037. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng ở trong cung của người con trai dòng Sakya, chúng con đã được sanh ra trong nhiều gia tộc khác nhau, là những mỹ nhân có ái dục và sắc đẹp.

1038. Chúng con đã đạt đến danh vọng cùng với lợi lộc tột đỉnh, được tôn vinh, được tất cả tôn trọng, luôn luôn được cung cấp các lợi lộc về cơm ăn nước uống.

1039. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Khi chưa đạt đến nửa tháng, tất cả chúng con đã đạt được Niết-bàn.

1040. Nhiều người đem lại mọi thứ lợi lộc về cơm ăn nước uống, y phục và chỗ nằm ngồi. Chúng con luôn luôn được tôn kính cúng dường.

1041. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là những con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1042. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1043. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Mười ngàn vị Tỳ-khưu-ni, đứng đầu là Yasodharā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về mười ngàn vị Tỳ-khưu-ni" là phần thứ chín.

30. KÝ SỰ VỀ MƯỜI TÁM NGÀN VỊ TỲ-KHƯU-NI
(*Aṭṭhārasabhikkhunīsahassāpadānaṃ*)

1044. Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni xuất thân dòng Sakya đứng đầu là Yasodharā đã đi đến gặp đấng Toàn Giác.

1045. Tất cả mười tám ngàn vị Ni đều có đại thần lực. Trong khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí, các vị Ni trình rõ đúng theo năng lực rằng:

1046. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự sanh, sự già, sự bệnh và sự chết đã được cạn kiệt. Bạch đấng Lãnh Đạo, chúng con đã đi đến vị thế bất tử, an tịnh, không còn lậu hoặc.

1047. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nếu có điều sai trái gì trước đây của tất cả chúng con vì không biết là lỗi lầm, bạch đấng Hướng Đạo, xin Ngài hãy tha thứ cho chúng con."

1048. "Là những người thực hành theo giáo pháp của Ta, các nàng cũng nên thị hiện thần thông. Và hãy chặt đứt sự nghi ngờ đã có cho tất cả các chúng."

1049. "Bạch đấng Đại Hùng, là những vị Ni danh tiếng, vui vẻ, có dáng vóc đáng yêu, bạch đấng Đại Hùng, tất cả đã là vợ của Ngài lúc còn tại gia.

1050. Bạch đấng Anh Hùng, trong số một trăm chín mươi sáu ngàn phụ nữ ở nhà của Ngài, chúng con là những vị đứng đầu, là những người chủ quản tất cả.

1051. Là những người có được sắc đẹp, tánh tình và đức hạnh, ở vào tuổi thanh xuân, có lời nói đáng yêu, tất cả chư thiên cũng như loài người đều quý trọng [chúng con].

1052. Khi ấy, tất cả mười tám ngàn vị Ni đều xuất thân dòng Sakya, một ngàn vị Ni có danh tiếng là những vị đứng đầu, là những người chủ quản.

1053. Bạch đấng Đại Hiền Trí, [các cô ấy] đã vượt qua dục giới, đã được an trú vào sắc giới. Không có gì tương đương với sắc đẹp của một ngàn cô ấy."

1054. Sau khi đảnh lễ bậc Toàn Giác, các vị Ni đã phô bày thần thông đến bậc Đạo Sư. Các vị Ni cũng đã thị hiện đại thần lực với nhiều hình thức khác loại.

1055. [Các vị Ni đã thị hiện] cơ thể tương đương với bầu vũ trụ, đầu là [đảo] Kuru ở về phía Bắc, hai cánh là hai hòn đảo, thân mình là đảo Jambu.

1056. Và đuôi công là cái hồ ở phía Nam nhưng các lông chim là các cành lá khác nhau, mặt trăng và mặt trời là cặp mắt to, núi Meru là chóp đỉnh.

1057. Ngọn núi của bầu vũ trụ là mỏ chim. Trong lúc phe phẩy cây jambu cùng với cội rễ [làm cây quạt], các vị Ni đã đi đến và đảnh lễ đấng Lãnh Đạo Thế Gian.

1058. Tương tợ y như thế, các vị Ni đã thị hiện hình dáng con voi, con ngựa, ngọn núi và biển cả, rồi mặt trăng, mặt trời, núi Meru và vóc dáng của vị trời Sakka.

1059. "Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là các vị Yasodharā xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]. Bạch vị Anh Hùng, bạch đấng Lãnh Đạo Của Nhân Loại, chúng con đã được hoàn thành nhờ vào quyền uy của Ngài.

1060. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1061. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1062. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1063. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thấy rõ. Nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài.

1064. Bạch bậc Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại thiện nghiệp trước đây của chúng con. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài.

1065. Bạch đấng Đại Hùng, sau khi đã tránh xa những nơi không thích hợp và đã ngăn trừ điều không giới hạnh, mạng sống đã được chúng con hy sinh là nhằm mục đích về Ngài.

1066. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích làm vợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

1067. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con vì sự hỗ trợ [kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

1068. Bạch đấng Đại Hiền Trí, Ngài đã bố thí chúng con nhằm mục đích vật thực [cho kẻ khác] nhiều ngàn *koṭi* lần. Chúng con không có bất bình về điều ấy là nhằm mục đích về Ngài.

1069. Chúng con đã từ bỏ nhiều ngàn *koṭi* mạng sống. Chúng con đã từ bỏ các mạng sống, [nghĩ rằng:] 'Chúng ta sẽ thực hiện sự giải thoát khỏi nỗi sợ hãi.'

1070. Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con không cất giấu các đồ trang sức được dùng cho phụ nữ, cùng nhiều vải vóc các loại và các vật dụng của phụ nữ là nhằm mục đích về Ngài.

1071. Chúng con đã dứt bỏ tài sản, lúa gạo, các ngôi làng và các phố chợ. Bạch đấng Đại Hiền Trí, các ruộng vườn, những người con trai và những người con gái đã được dứt bỏ.

1072. Bạch đấng Đại Hùng, không thể đếm được những con voi, ngựa, trâu, bò, luôn cả các nữ tỳ và tớ gái đã được dứt bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

1073. Về việc Ngài bảo chúng con rằng: 'Ta sẽ cho vật thí đến người hành khất', chúng con không nhìn thấy sự bất bình của chúng con trong khi Ngài bố thí vật thí tối thượng.

1074. Bạch đấng Đại Hùng, chúng con đã trải qua nhiều khổ đau khác loại không thể đếm được, và ở sự luân hồi với nhiều hình thức là nhằm mục đích về Ngài.

1075. Bạch đấng Đại Hiền Trí, đạt được sung sướng chúng con không vui thích và không có tâm bực bội trong những khổ đau, chúng con được quân bình trong mọi trường hợp là nhằm mục đích về Ngài.

1076. Theo lộ trình mà bậc Toàn Giác [quá khứ] đã khẳng định về pháp [giải thoát], thì đấng Đại Hiền Trí đã đạt đến sự giác ngộ sau khi trải qua an lạc và khổ đau.

1077. Bạch đấng Phạm Thiên, bậc Toàn Giác, đấng Lãnh Đạo Thế Gian Gotama, Ngài với chúng con đã có nhiều lần gặp gỡ với các đấng Bảo Hộ Thế Gian khác.

1078. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài. Chúng con là những nữ tỳ của Ngài trong lúc Ngài tầm cầu Phật pháp."

1079. Vào thuở bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn kiếp, bậc Đại Anh Hùng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Dīpaṅkara đã hiện khởi.

1080. Sau khi đã thỉnh mời đức Như Lai, những người ở khu vực vùng biên địa làm sạch sẽ con đường đi đến của Ngài với tâm hoan hỷ.

1081. Vào thời điểm ấy, người ấy đã là vị Bà-la-môn tên Sumedha, và đã sửa soạn con đường của đấng Toàn Tri đang đi đến.

1082. Vào thời điểm ấy, tất cả chúng con đã có xuất thân là Bà-la-môn. Chúng con đã mang đến cuộc tụ hội những đóa hoa mọc trên đất liền và dưới nước.

1083. Vào lúc ấy, đức Phật Dīpaṅkara, bậc Đại Hùng có danh tiếng vĩ đại ấy đã chú nguyện cho vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng.

1084. Trong khi tuyên dương hành động của vị ẩn sĩ có tâm ý hướng thượng ấy, quả đất [đã] lay chuyển, gào thét, rung động cùng với thiên giới.

1085. Các tiên nữ và loài người, luôn cả chúng con cùng với chư thiên đã dâng lên phẩm vật cúng dường khác nhau rồi đã ước nguyện.

1086. Đức Phật tên Jotidīpa [Dīpaṅkara] đã chú nguyện cho các vị ấy rằng: "Những điều đã được ước nguyện vào ngày hôm nay sẽ trở thành hiện thực."

1087. Ấy là điều đức Phật đã chú nguyện cho chúng con trước đây vô lượng kiếp. Trong khi tùy hỷ lời nói ấy, chúng con đã là những người hành động như thế.

1088. Tại nơi ấy, chúng con đã có tâm tịnh tín đối với việc làm đã được thực hiện tốt đẹp ấy. Chúng con đã sanh vào bản thể trời và người với số lần không thể đếm được.

1089. Chúng con đã trải qua an lạc và khổ đau ở các cõi trời và loài người. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã sanh ra trong gia tộc Sakya.

1090. Chúng con có sắc đẹp, có của cải, do đó có danh vọng và giới hạnh. Chúng con có sự thành tựu vẹn toàn thân thể, được vô cùng kính trọng ở các gia đình.

1091. Lợi lộc, danh vọng, cung kính, sự hội tụ của các pháp thế gian và tâm bị khổ não là không có, chúng con sống không sợ hãi.

1092. Khi ấy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra ở trong kinh thành của

đức Vua [Suddhodana]. Và đấng Anh Hùng đã chỉ ra việc hỗ trợ trước đây của các vị Sát-đế-lỵ:

1093-94. "Người nữ nào là hữu ân, người nữ nào cùng chung vui sướng khổ đau, người nữ nào nói lời hữu ích và người nữ nào có lòng thương tưởng, thời hãy thực hành pháp thiện hạnh, chớ thực hành ác hạnh ấy. Người thực hành giáo pháp thọ hưởng an lạc ở đời này và đời sau."

1095. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đạt đến nửa tháng, chúng con đã chạm đến bốn sự thật.

1096. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi tợ như các làn sóng của biển cả.

1097. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1098. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1099. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

1100. Như vậy là có khổ đau đa dạng và thành công nhiều hình thức. Được đạt đến trạng thái thanh tịnh, chúng con nhận lãnh mọi sự thành tựu.

1101. Những nàng nào bố thí chính bản thân mình vì mục đích phước báu của vị Đại Ẩn Sĩ là có sự thành tựu về bạn hữu, còn vị thế Niết-bàn là không còn tạo tác.

1102. "Quá khứ, hiện tại và vị lai đã được cạn kiệt, tất cả nghiệp của chúng con đã được cạn kiệt. Bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân [Ngài]."

1103. "Ta sẽ nói điều gì hơn nữa về các nàng là những người đang tiến đến Niết-bàn? Bởi vì các nàng đã đạt được vị thế bất tử, [là cảnh giới mà] sự tạo tác và điều sai trái đã được tịnh lặng."

Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni, đứng đầu là Yasodharā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni có Yasodharā đứng đầu" là phần thứ mười.

Phẩm Kuṇḍalakesī là phẩm thứ ba.

Tóm lược của phẩm này

Vị Ni Kuṇḍalā, vị Ni Kisāgotamī, luôn cả vị Ni Dhammadinnā, vị Ni Sakulā, vị Ni Nandā cao quý, vị Ni Soṇā, vị Ni Bhaddākāpilānī, vị Ni Yasodharā, mười ngàn Tỳ-khưu-ni và mười tám ngàn vị Ni, [tổng cộng] là bốn trăm bảy mươi sáu câu kệ cả thảy.

IV. PHẨM SÁT-ĐẾ-LỴ
(*KHATTIYĀVAGGO*)

31. KÝ SỰ VỀ CÁC TỲ-KHƯU-NI ĐỨNG ĐẦU LÀ YASAVATĪ
(*Yasavatīpamukhabhikkhunīnaṃ apadānaṃ*)

1104. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con xin trình rằng, tất cả các hữu của chúng con đã được cạn kiệt, mối liên hệ với sự tái sanh của chúng con đã được mở ra, và các lậu hoặc của chúng con không còn.

1105. Bạch đấng Đại Hiền Trí, bất cứ thiện nghiệp nào trước đây đã được ước nguyện tốt đẹp [và] vật dụng đã được bố thí là nhằm mục đích về Ngài.

1106. Bạch đấng Đại Hiền Trí, vật dụng đã được bố thí đến các vị Phật, đến các vị Phật Độc Giác, và đến các vị Phật Thinh Văn là nhằm mục đích về Ngài.

1107. Bạch đấng Đại Hiền Trí, hành động cao cả hoặc tầm thường đến các vị Tỳ-khưu đã được ước nguyện tốt đẹp, hành động khởi đầu này đây cho việc [sanh vào] các gia tộc thượng lưu đã được thực hiện.

1108. Sự thành tựu của nghiệp được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch, trong khi vượt trội loài người chúng con đã được sanh vào gia tộc Sát-đế-lỵ.

1109. Trong sự sanh ra và trong việc làm đã được thực hiện, và luôn cả trong sự tái sanh cùng với nhau, chúng con đã được sanh ra chung với nhau trong [kiếp sống] cuối cùng, có xuất thân gia tộc Sát-đế-lỵ.

1110. Bạch đấng Đại Hùng, có sắc đẹp, có của cải, được tôn vinh bằng các lợi lộc và sự kính trọng, chúng con ở trong kinh thành như là ở [vườn hoa] Nandana của chư thiên.

1111. Chúng con đã nhàm chán và đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong vài ngày, tất cả chúng con đã đạt được Niết-bàn.

1112. Nhiều người đem đến cho chúng con y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi, chúng con luôn luôn được kính trọng tôn vinh.

1113. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1114. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1115. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật."

Mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni công nương dòng Sát-đế-lỵ đứng đầu là Yasavatī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về mười tám ngàn vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu là Yasavatī" là phần thứ nhất.

32. KÝ SỰ VỀ CÁC VỊ TỲ-KHƯU-NI THIẾU NỮ BÀ-LA-MÔN (*Brahmaṇakaññābhikkhunīnaṃ apadānaṃ*)

1116. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, tám mươi bốn ngàn vị Ni xuất thân gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, là thuộc về Ngài trước đây.

1117. Bạch đấng Đại Hiền Trí, nhiều thiếu nữ đã được sanh ra trong gia tộc thương buôn và nô lệ, là chư thiên, loài rồng và Kim Sí điểu, thuộc bốn châu lục, là thuộc về Ngài trước đây.

1118. Có một số đã được xuất gia, nhiều vị có sự nhìn thấy sự thật. Còn chư thiên, Kim Sí điểu, loài rồng sẽ được giác ngộ trong ngày vị lai.

1119. Sau khi thọ hưởng danh vọng, sau khi đạt đến thành công toàn diện, tất cả đã đạt được niềm tịnh tín ở Ngài, sẽ được giác ngộ trong ngày vị lai.

1120. Bạch đấng Đại Hùng, bạch đấng Hữu Nhãn, chúng con là những người con gái của các Bà-la-môn, xuất thân gia tộc Bà-la-môn, chúng con xin đảnh lễ ở bàn chân của Ngài là vị đang xem xét chúng con.

1121. Tất cả các hữu đã được phá hủy, ái dục cội nguồn đã được thủ tiêu, các khuynh hướng ngủ ngầm đã được chặt đứt, các sự tạo tác đem lại phước báu đã được xé tan.

1122. Chúng con có tất cả các hành xứ về định, tương tợ như thế về khả năng thể nhập. Nhờ thiền, chúng con sẽ luôn luôn sống với sự thỏa thích trong giáo pháp.

1123. Lối dẫn đến tái sanh, vô minh, và luôn cả các pháp còn tạo tác đã được quăng bỏ. Bạch đấng Lãnh Đạo, xin Ngài cho phép [chúng con] đi đến vị thế khó nhìn thấy vô cùng."

1124. "Các nàng là nguồn hỗ trợ cho Ta, là người đã có sự thực hành dài lâu. Tất cả các nàng hãy cắt đứt sự hoài nghi của bốn [chúng] rồi hãy đi đến Niết-bàn."

1125. Sau khi đảnh lễ ở bàn chân của bậc Hiền Trí và đã thực hiện sự biến hóa thần thông, một số vị Ni thị hiện ánh sáng, còn một số khác thị hiện bóng tối.

1126. Các vị Ni thị hiện mặt trăng, mặt trời và biển cả có cả loài cá. Các vị thị hiện dãy núi Sineru và giống cây san hô [thuộc cõi trời].

1127. Với thần thông, các vị Ni làm cho nhìn thấy cung trời Đạo-lợi, Dạ-ma, Đẩu-suất, các vị trời có uy lực lớn lao ở cõi Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại.

1128. Một số vị Ni làm cho nhìn thấy con đường kinh hành vô cùng giá

trị của đấng Phạm thiên. Và sau khi biến hóa thành hình dáng của đấng Phạm thiên, các vị Ni thuyết giảng giáo pháp về Không tánh.

1129. Sau khi đã thực hiện sự biến hóa khác nhau và đã phô bày thần thông đến bậc Đạo Sư, tất cả đã trình bày năng lực và đã đảnh lễ ở bàn chân của bậc Đạo Sư.

1130. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, chúng con có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, chúng con có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1131. Chúng con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1132. Bạch đấng Đại Hùng, trí của chúng con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1133. Bạch đấng Đại Hiền Trí, sự gặp gỡ đối với các đấng Lãnh Đạo Thế Gian trước đây đã được chúng con nhìn thấy rõ. Nhiều hành động hướng thượng của chúng con là nhằm mục đích về Ngài.

1134. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại nghiệp thiện đã được chúng con thực hiện. Bạch đấng Đại Hùng, phước báu đã được tích lũy bởi chúng con là nhằm mục đích về Ngài."

1135. Trước đây một trăm ngàn kiếp, có bậc Đại Hiền Trí Padumuttara. Thành phố tên Haṃsavatī là chỗ cư ngụ của gia đình đấng Toàn Giác.

1136. Sông Gaṅgā luôn luôn chảy qua cửa khẩu của thành Haṃsavatī. Bị khuấy rối bởi dòng sông, các vị Tỳ-khưu ấy không có được đường đi.

1137. Các vị ấy không có được đường đi đã hai ngày, ba ngày và luôn cả bảy ngày, sau đó là một tháng, thậm chí bốn tháng đã được tròn đủ.

1138. Khi ấy, bậc ưu tú của loài người đã là viên quan lại tên là Jaṭila. Sau khi nhìn thấy các vị Tỳ-khưu bị ngăn trở, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gaṅgā.

1139. Khi ấy, người đã cho xây dựng cây cầu ở sông Gaṅgā với một trăm ngàn, và đã cho xây dựng ngôi trú xá của hội chúng ở bờ sông bên này.

1140. Những người đàn bà luôn cả đàn ông cùng các gia đình thượng và hạ lưu, họ đã góp phần bằng nhau cho cây cầu và ngôi trú xá của vị ấy.

1141. Với tâm ý vui mừng, chúng con và những người khác ở thành phố và ở các quốc độ là những người thừa tự các việc làm của vị ấy.

1142. Những người đàn bà, đàn ông, thiếu niên và luôn cả nhiều thiếu nữ, họ đã rải cát cho cây cầu và ngôi trú xá.

1143. Sau khi làm việc quét dọn con đường, họ đã thực hiện các lá phướn, các chum đầy [nước], các cây cờ, nhang thắp, bột phấn, tràng hoa là việc tôn kính đến bậc Đạo Sư.

1144. Sau khi cho thực hiện cây cầu và ngôi trú xá, người đã thỉnh mời đấng Hướng Đạo, rồi đã dâng cúng đại thí, và đã ước nguyện quả vị Toàn giác.

1145. Bậc Đại Hiền Trí, đấng Đại Hùng Padumuttara, bậc giúp cho tất cả các chúng sanh vượt qua đã nói lời tùy hỷ đến vị Jaṭila rằng:

1146. "Khi một trăm ngàn kiếp đã trôi qua sẽ là kiếp Bhadda, [người này] sau khi trải qua kiếp này kiếp khác sẽ đạt đến quả vị Giác ngộ.

1147. Những người đàn ông và đàn bà nào đã thực hiện công việc hỗ trợ bằng tay, trong tương lai dài lâu tất cả sẽ gặp lại nhau."

1148. Do kết quả của nghiệp ấy và do các nguyện lực của tác ý, những người nữ tỳ ấy của Ngài đã được sanh lên cung điện của chư thiên.

1149. Trong khi thọ hưởng sự sung sướng vô lượng thuộc về cõi trời và vô lượng thuộc về nhân loại một thời gian dài, chúng con đã luân hồi cõi này cõi khác.

1150. Trong một trăm ngàn kiếp về trước, sự thành tựu của nghiệp đã được thể hiện tốt đẹp, chúng con được trẻ đẹp ở giữa loài người rồi ở cung trời cao quý.

1151. Chúng con liên tục thọ lãnh trọn vẹn sự thành tựu của nghiệp đã khéo được thể hiện về sắc đẹp, của cải, danh vọng, luôn cả tiếng tăm và sự kính trọng.

1152. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, chúng con đã được sanh ra trong gia tộc Bà-la-môn, có tay chân mềm mại, ở trong cung của người con trai dòng Sakya.

1153. "Bạch đấng Đại Hiền Trí, thậm chí trong mọi thời điểm chúng con cũng không nhìn thấy quả đất là không được trang hoàng, chúng con không nhìn thấy đầm lầy và mặt đất là bị ô nhiễm.

1154. Trong khi sống tại gia, chúng con có được sự tôn trọng trong mọi thời điểm. Do năng lực của nghiệp trước đây, người ta luôn luôn đem lại cho chúng con mọi thứ.

1155. Sau khi từ bỏ gia đình, chúng con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chúng con đã được thoát khỏi đạo lộ luân hồi, có tham ái đã được lìa bỏ.

1156. Từ nơi kia từ nơi nọ, người ta luôn luôn đem lại cho chúng con hàng ngàn y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi."

1157. Các phiền não của chúng con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], chúng con sống không còn lậu hoặc.

1158. Quả vậy, chúng con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1159. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được chúng con đắc chứng; chúng con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-ni thiếu nữ Bà-la-môn trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về tám mươi bốn ngàn vị Tỳ-khưu-ni" là phần thứ nhì.

33. KÝ SỰ VỀ UPPALADĀYIKĀ (*Uppaladāyikāpadānaṃ*)[1]

1160. Ở thành phố Aruṇavatī, có vị Sát-đế-lỵ tên là Aruṇa. Con đã là người vợ của vị vua ấy. Có một lần con đã khiến [người] đưa con đi [du ngoạn].

1161. Khi ấy, con đã đi đến nơi thanh vắng và ngồi xuống, con đã suy nghĩ như vầy: "Dầu đã đạt được vị thế xứng đáng, nhưng không điều lành nào đã được ta thực hiện!

1162. Có lẽ ta sẽ đi đến địa ngục là nơi vô cùng nóng bức, khổ sở, có dáng vẻ rùng rợn, vô cùng khiếp đảm; điều này đối với ta là không có sự hoài nghi [nữa]."

1163. Sau khi suy nghĩ như thế và sau khi đã làm cho tâm được mừng rỡ, con đã đi đến gặp đức vua và đã nói lời nói này:

1164. "Tâu bệ hạ, chúng thiếp là phụ nữ luôn luôn đi theo sau người nam. Tâu vị Sát-đế-lỵ, xin hãy ban cho thiếp một vị Sa-môn. Thiếp sẽ chăm lo về vật thực."

1165. Khi ấy, đức vua đã ban cho con [một] vị Sa-môn có [các] giác quan đã được tu tập. Sau khi nhận lấy bình bát của vị ấy, con đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng.

1166. Sau khi đã đặt đầy [bình bát] với vật thực thượng hạng, con đã đậy lại bằng tấm vải lớn trị giá một ngàn và đã dâng lên với tâm ý hớn hở.

1167. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1168. Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn vị Trời Đế-thích. Con đã được thiết lập vào ngôi hoàng hậu của một ngàn đấng Chuyển Luân Vương.

1169. Vương quyền của địa phận là bao la, vô lượng về phương diện tính đếm. Từ đó, quả báo của nghiệp ấy còn có nhiều hình thức đa dạng khác nữa.

1170. Màu da của con chính là màu của hoa sen, con là người nữ đẹp vô cùng, có dáng nhìn xinh xắn, được thành tựu toàn vẹn về cơ thể, được sanh vào nơi quyền quý, có sự lộng lẫy.

1171. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã được sanh ra trong gia tộc Sakya, đứng đầu một ngàn nữ nhân của người con trai của [đức Vua] Suddhodana.

1172. Nhàm chán cuộc sống tại gia, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Chưa đến đêm thứ bảy, con đã đạt được bốn sự thật.

1173. Con không thể nào ước lượng được số lượng y phục, vật thực, thuốc men và chỗ nằm ngồi; điều này là quả báo của món vật thực.

---

[1] *Uppaladāyikā* có ý nghĩa là "người nữ dâng cúng hoa sen xanh."

1174. Bạch đấng Hiền Trí, xin Ngài nhớ lại việc làm tốt đẹp trước đây của con. Bạch đấng Đại Hùng, nhiều thứ đã được con buông bỏ là nhằm mục đích về Ngài.

1175. Kể từ khi con đã dâng cúng vật thí trước đây ba mươi mốt kiếp, con không còn biết đến khổ cảnh; điều này là quả báo của món vật thực.

1176. Con nhận biết hai cảnh giới là bản thể chư thiên và nhân loại, con không biết đến cảnh giới nào khác; điều này là quả báo của món vật thực.

1177. Con được sanh vào gia tộc thượng lưu, có đại sảnh đường, có tài sản lớn lao, con không biết đến gia tộc nào khác; điều này là quả báo của món vật thực.

1178. Sau khi luân hồi cõi này cõi khác, được thúc đẩy bởi nhân tố trong sạch con không nhìn thấy điều không vừa ý; [điều này] là quả báo đã được thực hiện với tâm hoan hỷ.

1179. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1180. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1181. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1182. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1183. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1184. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Uppaladāyikā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Uppaladāyikā" là phần thứ ba.

34. KÝ SỰ VỀ SIGĀLAMĀTĀ (*Sigālamātāpadānaṃ*)[2]

1185. Trước đây một trăm ngàn kiếp, vị Lãnh Đạo, đấng Chiến Thắng tên Padumuttara, bậc Thông Suốt Về Tất Cả Các Pháp đã hiện khởi.

1186. Khi ấy, con đã được sanh ra tại Haṃsavatī, trong gia đình vị quan cận thần được rạng rỡ với châu báu khác loại, sung túc, thịnh vượng, có đại tài sản.

1187. Sau khi cùng với người cha dẫn đầu đám đông người đi đến và lắng nghe giáo pháp của đức Phật, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

---

[2] *Sigālamātā* nghĩa là "Mẹ của Sigāla".

1188. Sau khi xuất gia, con đã lánh xa nghiệp ác do thân. Sau khi từ bỏ sở hành xấu xa về lời nói, con đã thanh lọc sự nuôi mạng sống.

1189. Con được tịnh tín với đức Phật, có sự tôn sùng giáo pháp và hội chúng. Con được gắn bó với việc lắng nghe Chánh pháp và có lòng khao khát về việc nhìn thấy đức Phật.

1190. Khi ấy, con đã nghe về vị Tỳ-khưu-ni đứng đầu trong số các vị Ni có khuynh hướng về đức tin. Sau khi ước nguyện vị thế ấy, con đã làm tròn đủ Tam học. Do đó, đấng Thiện Thệ với khuynh hướng thuận theo lòng bi mẫn đã nói với con rằng:

1191. "Đức tin của người nào đối với đức Như Lai là không bị lay chuyển, khéo được thiết lập, và giới của người nào là tốt đẹp, tương xứng với bậc Thánh, được ngợi khen.

1192. Người nào có niềm tịnh tín vào hội chúng, có bản thể chính trực và có sự nhận thức, người ta nói về vị ấy là 'kẻ không nghèo', đời sống của vị ấy là không vô ích.

1193. Vì thế, người sáng suốt, trong khi ghi nhớ lời dạy của chư Phật, hãy gắn bó vào đức tin, vào giới, vào niềm tịnh tín và vào việc nhận thức giáo pháp."

1194. Sau khi lắng nghe điều ấy, được hoan hỷ con đã hỏi về điều phát nguyện của con. Khi ấy, đấng Hướng Đạo tối cao, vô lượng, đã chú nguyện rằng:

1195. "Này người thiện nữ, được tịnh tín vào đức Phật, nàng sẽ đạt được điều đã ước nguyện ấy. Vào một trăm ngàn kiếp về sau này, bậc Đạo Sư tên Gotama, xuất thân gia tộc Okkāka, sẽ xuất hiện ở thế gian.

1196. Nàng sẽ trở thành nữ Thinh văn của bậc Đạo Sư, là người thừa tự giáo pháp của vị [Phật] ấy, là chánh thống, được tạo ra từ giáo pháp, có tên là 'Mẹ của Sigālaka".

1197. Nghe được điều ấy, con đã trở nên hoan hỷ. Khi ấy, với tâm từ ái con đã phụng sự đấng Chiến Thắng, bậc Lãnh Đạo với các sự hành đạo cho đến hết cuộc đời.

1198. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1199. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy các châu báu lớn lao.

1200. Người con trai của con tên Sigālaka là thích thú vào con đường sái quấy. Trong khi lao theo việc nắm giữ tà kiến, nó có sự nhiệt thành với việc cúng dường các phương hướng.[3]

1201. Trong khi đi vào thành phố để khất thực, đức Phật, bậc có sự giáo huấn, sau khi nhìn thấy nó đang lễ bái các phương hướng khác nhau, đấng Hướng Đạo đã thiết lập Sigālaka vào đạo lộ.

---

[3] Xem *D.* 31, *Kinh Thi-ca-la-việt* (*Sigālasuttaṃ*).

1202. Trong khi Ngài đang thuyết giảng giáo pháp, âm điệu của Ngài đáng kinh ngạc. Đã có sự lãnh hội giáo pháp của hai *koṭi* người nam và người nữ.[4]

1203. Khi ấy, con đã đi đến đám đông và đã lắng nghe lời thuyết giảng của đức Thiện Thệ. Con đã đạt đến quả vị Nhập lưu và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1204. Có lòng khao khát về việc nhìn thấy đức Phật, sau khi tu tập pháp tùy niệm ấy trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1205. Con luôn thường xuyên đi đến nhằm mục đích chiêm ngưỡng đức Phật. Con nhìn không biết chán diện mạo có sự hoan hỷ ở đôi mắt.

1206. Con sống, không biết chán với sắc thân cao quý, được hiện hữu với tất cả các pháp toàn hảo, được phân bố với mọi sự tốt lành, là nơi chứa đựng các điều may mắn.

1207. Hoan hỷ về đức hạnh ấy, đấng Chiến Thắng đã thiết lập con vào vị thế tối thắng: "Mẹ của Sigālaka là vị có khuynh hướng về đức tin hạng nhất."

1208. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1209. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1210. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1211. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1212. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1213. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Sigālamātā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sigālamātā" là phần thứ tư.

35. KÝ SỰ VỀ SUKKĀ (*Sukkāpadānaṃ*)

1214. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là vị Thấy Rõ Tất Cả Các Pháp.

1215. Khi ấy, con đã được sanh ra trong một gia đình nọ tại thành Bandhumatī. Sau khi lắng nghe giáo pháp của bậc Hiền Trí, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

---

[4] Hai *koṭi* là 20 triệu.

1216. Là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, tài biện giải cũng như thế, là vị thuyết giảng hay, và cũng là người thực hành theo lời dạy của đấng Chiến Thắng.

1217. Khi ấy, con đã thực hiện việc thuyết pháp có nhiều lợi ích cho dân chúng. Từ nơi ấy chết đi, con đã đạt đến cõi trời Đẩu-suất, có được danh tiếng.

1218. Trước đây ba mươi mốt kiếp, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi ở thế gian, bậc Chiến Thắng Sikhī cao quý, chói sáng với danh tiếng như là ngọn lửa.

1219. Khi ấy, con cũng đã xuất gia. Là vị rành rẽ về lời dạy của đức Phật, con đã làm rạng rỡ những lời giảng của đấng Chiến Thắng, sau đó cũng đã đi đến cõi Đạo-lợi.

1220. Trước đây ba mươi mốt kiếp, đấng Lãnh Đạo tên Vessabhū có đại trí tuệ đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế.

1221. Sau khi xuất gia, thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đấng Chiến Thắng. Sau khi đi đến thành phố chư thiên xinh đẹp, con đã thọ hưởng lạc thú lớn lao.

1222. Trong kiếp Bhadda này, đấng Chiến Thắng Tối Thượng Kakusandha, bậc Nhân Báo đã hiện khởi. Và cũng vào lúc ấy, con đã được sanh ra tương tợ y như thế.

1223. Sau khi xuất gia, con đã làm rạng rỡ quan điểm của bậc Hiền Trí cho đến hết tuổi thọ. Từ nơi ấy chết đi, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi tợ như đi đến chỗ ngụ của mình.

1224. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo Koṇāgamana, bậc Nương Nhờ Của Thế Gian, là đấng Tối Thượng Của Tất Cả Chúng Sanh.

1225. Cũng vào khi ấy, sau khi xuất gia trong giáo pháp của bậc như thế ấy, là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, con đã làm rạng rỡ lời dạy của đấng Chiến Thắng.

1226. Chính ở trong kiếp này, đã hiện khởi đấng Tối Thượng Nhân Kassapa, là con mắt của thế gian, không dục vọng, bậc đã đi đến tận cùng của sự chết.

1227. Con cũng đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng của loài người ấy, có Chánh pháp đã được học tập, là tự tin trong việc chất vấn.

1228. Có giới tốt đẹp, có sự khiêm tốn và rành rẽ về Tam học (giới, định, tuệ). Con đã nhiều lần thực hiện việc thuyết pháp đem lại điều lợi ích cho đến hết cuộc đời.

1229. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1230. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Giribbaja, trong gia đình triệu phú, thịnh vượng, có sự tích lũy châu báu lớn lao.

1231. Vào lúc ấy, được tháp tùng bởi một ngàn vị Tỳ-khưu, đấng Lãnh Đạo Thế Gian đã đi vào thành Rājagaha, và đã được ca ngợi bởi vị có ngàn mắt (Trời Sakka):

1232. "Là bậc đã chế ngự cùng với các vị đã được chế ngự, là bậc đã giải thoát cùng với các vị đã được giải thoát trước đây là các đạo sĩ tóc bện, đức Thế Tôn có màu da tợ như vàng đã đi vào thành Rājagaha."[5]

1233. Sau khi nhìn thấy oai lực ấy của đức Phật và sau khi lắng nghe sự tích lũy về đức hạnh, con đã làm cho tâm được tịnh tín ở đức Phật và đã cúng dường Ngài tùy theo năng lực.

1234. Và vào thời điểm khác, trong sự hiện diện của vị Ni Dhammadinnā, con đã rời khỏi gia đình và đã xuất gia vào đời sống không gia đình.

1235. Trong khi các sợi tóc đang được cạo, con đã tham thiền về các phiền não. Sau khi xuất gia không bao lâu, con đã học xong toàn bộ giáo pháp.

1236-37. Sau đó, con đã thuyết giảng giáo pháp ở hội chúng đông người. Trong khi giáo pháp đang được thuyết giảng, đã có sự lãnh hội giáo pháp của nhiều ngàn người. Sau khi biết được điều đó, có vị dạ-xoa đã vô cùng ngạc nhiên. Vô cùng tịnh tín đối với con, vị dạ-xoa đã đi quanh thành Giribbaja [thông báo rằng]:

1238. "Trời ơi! Những người dân ở Rājagaha đã làm gì như là đã uống [say] mật ong mà không đi đến vị Ni Sukkā đang thuyết giảng về vị thế bất tử?

1239. Và việc ấy là không nên cưỡng lại, việc ấy là có hương vị ngọt ngào. Những người có trí tuệ nghĩ đến 'việc uống' [giáo pháp ấy] tợ như người lữ hành nghĩ đến đám mây [che nắng]."

1240. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1241. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1242. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1243. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1244. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1245. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

---

[5] Việc này được đề cập ở *Luật Đại phẩm*, Chương 1.

Tỳ-khưu-ni Sukkā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Sukkā" là phần thứ năm.
Dứt tụng phẩm thứ năm.

36. KÝ SỰ VỀ RŪPANANDĀ (*Rūpanandāpadānaṃ*)

1246. Trước đây chín mươi mốt kiếp, đã hiện khởi đấng Lãnh Đạo tên Vipassī, là vị Có Ánh Mắt Thu Hút, là bậc Hữu Nhãn về tất cả các pháp.

1247. Khi ấy, con đã được sanh ra ở Bandhumatī, trong gia tộc lớn, sung túc, thịnh vượng, có sắc đẹp, được yêu quý và xứng đáng sự tôn vinh của dân chúng.

1248. Con đã đi đến đấng Đại Hùng, bậc Lãnh Đạo Thế Gian Vipassī. Sau khi lắng nghe giáo pháp, con đã đi đến nương nhờ vào bậc Lãnh Đạo Của Nhân Loại.

1249. Con đã thu thúc trong các giới. Và khi đấng Tối Thượng Nhân Niết-bàn, con đã cúng dường chiếc lọng che bằng vàng ở bên trên ngôi bảo tháp Xá-lợi.

1250. Là người nữ có sự xả bỏ đã được mở ra, có giới hạnh cho đến hết cuộc đời, con đã mệnh chung từ nơi ấy. Sau khi từ bỏ thân nhân loại, con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1251-52. Khi ấy, con đã hưởng thụ mười điều thừa thải là: Các sắc, các thinh, các hương, các vị, các xúc, cùng với tuổi thọ, sắc đẹp, sung sướng, danh vọng và quyền uy là tương tợ y như thế. Con đã vượt trội, con đã huy hoàng.

1253. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra ở thành Kapila, là con gái của Khemaka dòng Sakya, được nổi danh với tên là Nandā.

1254. Sắc đẹp tuyệt trần là tên hiệu công nhận về vẻ yêu kiều của con. Khi đạt đến tuổi thanh xuân, con đã được điểm tô với sắc đẹp mặn mà.

1255. Khi ấy, sự tranh chấp giữa các vị dòng Sakya về việc của con đã trở nên vô cùng trầm trọng. Do đó, cha đã khiến [con] xuất gia: "Chớ để dòng Sakya bị hủy hoại."

1256. Sau khi xuất gia, nghe rằng đức Như Lai, bậc Tối Thượng Nhân là người có sự chỉ trích về sắc thân, tự hào về sắc đẹp của mình con đã không đến [gặp Ngài].

1257. E ngại về việc diện kiến đức Phật, con cũng không đi về việc giáo giới. Khi ấy, bằng phương kế, đấng Chiến Thắng đã đưa [con] đến gặp Ngài.

1258. Nhờ vào thần thông, bậc Rành Rẽ Về Đạo Lộ đã thị hiện ra ba người phụ nữ có sắc đẹp tương tợ tiên nữ, còn trẻ tuổi, bị già và bị chết.

1259. Sau khi nhìn thấy ba người nữ ấy, bị vô cùng chấn động, không còn tham ái ở xác thân, con đã ổn định, đã nhàm chán hiện hữu. Khi ấy, bậc Lãnh Đạo đã nói với con rằng:

1260. "Này Nandā, hãy xem xét thân thể bệnh hoạn, bất tịnh, hôi thối đang tiết ra, đang rò rỉ lại được hứng thú đối với những kẻ ngu.

1261. Nàng hãy tu tập tâm được chuyên nhất, khéo tập trung về đề mục bất mỹ [tử thi], thân này như thế nào thì xác kia như vậy.

1262. Trong khi quán xét xác thân này như thế, đêm ngày không mệt mỏi, sau đó với tuệ của chính mình nàng hãy nhàm chán rồi an trú."

1263. Trong khi con đây đang sống không xao lãng ở nơi đây một cách đúng đắn, thân xác này đã được nhìn thấy bên trong lẫn bên ngoài đúng theo thực thể.

1264. Khi ấy, con đã nhàm chán về thân và con đã ly tham nội phần. Con không xao lãng, không vướng bận, an tịnh, Niết-bàn.

1265. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1266. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1267. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1268. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1269. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1270. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Rūpanandā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Rūpanandā" là phần thứ sáu.

37. KÝ SỰ VỀ AḌḌHAKĀSĪ (*Aḍḍhakāsī-apadānaṃ*)

1271. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

1272. Khi ấy, sau khi xuất gia trong giáo pháp của vị Phật ấy, con đã thu thúc trong Giới bổn (*Pātimokkha*) và ở năm giác quan.

1273-74. Là người có sự tri túc trong vật thực và còn được gắn bó trong việc tỉnh thức nữa, trong khi sống con có thiền tập được gắn bó. Với tâm ác xấu, con đã mắng nhiếc vị Tỳ-khưu-ni có lậu hoặc đã được xa lìa. Và khi ấy, con đã nói rằng: "Đồ kỹ nữ". Do ác nghiệp ấy, con đã bị nung nấu ở địa ngục.

1275. Do phần dư sót của chính nghiệp ấy, con đã bị sanh ra trong gia đình kỹ nữ, đa phần bị phụ thuộc vào người khác cho đến cuộc sống cuối cùng.

1276. Do quả báo của việc thực hành Phạm hạnh, con đã được sanh ra ở xứ Kāsi trong gia đình triệu phú. Con đã có sự thành tựu về sắc đẹp như là cô tiên nữ ở giữa chư thiên.

1277. Sau khi nhìn thấy con là [xinh xắn] đáng nhìn, họ đã sắp xếp con vào thân phận gái điếm ở trong kinh thành Giribbaja vì quả báo về sự mắng nhiếc của con.

1278. Con đây sau khi lắng nghe lời thuyết giảng Chánh pháp của đức Phật tối thượng, con đã xuất gia vào đời sống không gia đình; con đã đạt được cuộc sống trước đây.

1279. Sau đó, trong khi đi đến gặp đấng Chiến Thắng vì mục đích tu lên bậc trên, con đã nghe rằng các kẻ vô lại đứng chặn ở trên đường, và con đã đạt được sự tu lên bậc trên bằng sứ giả.[6]

1280. Tất cả các nghiệp đã được cạn kiệt, và tương tợ như thế về phước thiện và điều ác xấu. Con đã vượt qua tất cả các sự luân hồi, và thân phận gái điếm đã được quăng bỏ.

1281. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1282. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1283. Bạch đấng Đại Hùng, trí của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ như thế về phép biện giải là được thành tựu trong sự hiện diện của Ngài.

1284. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1285. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1286. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Aḍḍhakāsī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Aḍḍhakāsī" là phần thứ bảy.

38. KÝ SỰ VỀ PUṆṆĀ (*Puṇṇāpadānaṃ*)

1287. [Trong giáo pháp] của đức Thế Tôn Vipassī, Sikhī, Vessabhū, Kakusandha, và như thế ấy [trong giáo pháp] của bậc Hiền Trí Koṇāgamana.

[6] Việc này được đề cập ở *Luật Tiểu phẩm*, Chương 10.

1288. Và trong giáo pháp của đức Phật Kassapa, sau khi xuất gia, con đã là vị Tỳ-khưu-ni thành tựu về giới, cẩn trọng, có các giác quan được thu thúc.

1289. Là người nghe nhiều [học rộng], thông thạo giáo pháp, là người vấn hỏi các ý nghĩa của giáo pháp, là người học tập và lắng nghe các pháp, là người phục vụ [bậc Đạo Sư].

1290. Trong khi thuyết giảng ở giữa dân chúng, con đã ở trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Với sự học rộng ấy, hạnh tốt, con đã tự cao.

1291. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, con đã được sanh ra tại kinh thành Sāvatthi trong nhà của Anāthapiṇḍika, [con] của người nữ tỳ lo việc đội nước.

1292. Đi đội nước, con đã nhìn thấy vị Bà-la-môn Sotthiya bị khổ sở vì lạnh ở trong nước. Sau khi nhìn thấy vị ấy, con đã nói điều này:

1293. "Là người nữ đội nước, tôi ở trong sự lạnh lẽo, tôi đã thường xuyên lội xuống nước. Tôi sợ hãi vì nỗi lo về hình phạt của những người chủ, bị khổ sở vì nỗi lo về sự sai trái của lời nói.

1294. Này người Bà-la-môn, ngài sợ hãi điều gì khiến ngài đã thường xuyên lội xuống nước? Với các bộ phận của cơ thể đang run rẩy, ngài tự biết sự lạnh là kinh khủng."

1295. "Này cô Puṇṇikā, quả nhiên trong khi cô biết lại còn chất vấn ta là người đang thực hiện việc tốt và đang cản ngăn điều ác đã làm.

1296. Này cô, người nào dầu già hoặc còn trẻ thực hiện nghiệp ác, do việc tắm gội bằng nước [người ấy] được thoát khỏi nghiệp ác."

1297. Con đã nói cho người đang lội ra [khỏi nước] về đạo lộ hội đủ pháp và ý nghĩa. Và sau khi biết được điều ấy, bị chấn động, người ấy đã xuất gia và đã trở thành vị A-la-hán.

1298. Do việc con đã được sanh ra ở gia đình nô bộc làm tròn đủ một trăm [người] không thiếu hụt, vì việc đó tên của con là Puṇṇā. Những người [chủ] ấy đã cho con trở thành người tự do.

1299. Nhờ vào điều ấy, con đã làm cho người triệu phú được hoan hỷ và con đã xuất gia vào đời sống không gia đình. Trong thời gian không bao lâu, con đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1300. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1301. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1302. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

1303. Do việc tu tập, con trở thành vị Ni có đại trí tuệ; và do việc nghe, con

trở thành vị Ni thông thái. Việc bị sanh ra trong gia tộc hạ tiện do ngã mạn chính là vì nghiệp không bị tiêu hoại.

1304. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1305. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1306. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Puṇṇā trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Puṇṇā" là phần thứ tám.

39. KÝ SỰ VỀ AMBAPĀLĪ (*Ambapālī-apadānaṃ*)

1307. Vị có vòng hoa đội đầu được phát ra hào quang là bậc Đại Hiền Trí tên Phussa. Con đã là người em gái của vị ấy. Con đã được sanh ra trong gia tộc Sát-đế-lỵ.

1308. Sau khi lắng nghe giáo pháp của vị ấy, với tâm tư trong sạch, con đã dâng cúng đại thí và đã ước nguyện sự thành tựu về sắc đẹp.

1309. Trước đây ba mươi mốt kiếp, đã hiện khởi bậc Quang Đăng Của Thế Gian, đấng Chiến Thắng, vị Lãnh Đạo Thế Gian Sikhī, bậc Nương Nhờ Của Tam Giới.

1310. Khi ấy, con xuất thân gia tộc Bà-la-môn ở trong thành Aruṇa xinh đẹp. Bị sân hận, con đã cho người nguyền rủa vị Tỳ-khưu-ni có tâm giải thoát rằng:

1311-12. "Cô chính là gái điếm, không có hạnh kiểm, là kẻ làm bại hoại giáo pháp của đấng Chiến Thắng." Con đã cho người mắng nhiếc như thế. Do hành động xấu xa ấy, con đã đi đến địa ngục khắc nghiệt, bị thọ lãnh khổ đau cùng cực. Từ nơi ấy chết đi, con đã được sanh ra giữa loài người, là nữ đạo sĩ khổ hạnh.

1313. Con đã bị buộc làm thân phận gái điếm mười ngàn kiếp sống. Do việc ác ấy con đã không được giải thoát, như là đã thọ dụng chất độc xấu xa vậy.

1314. Con đã rèn luyện Phạm hạnh trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng Kassapa. Do kết quả của nghiệp ấy, con đã được sanh ra ở cõi trời Đạo-lợi.

1315. Khi đạt đến kiếp sống cuối cùng, con đã là người được hóa sanh. Con đã được sanh ra ở giữa cành cây xoài, vì thế con là "Ambapālī".

1316. Được tùy tùng với nhiều *koṭi* sanh mạng, con đã xuất gia trong giáo pháp của đấng Chiến Thắng. Con đã đạt đến vị thế bất động, được tồn tại, là chánh thống của đức Phật.

1317. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và sự thanh tịnh về nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1318. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1319. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

1320. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1321. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1322. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Ambapālī trước mặt đức Thế Tôn đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Ambapālī" là phần thứ chín.

40. KÝ SỰ VỀ PESALĀ (*Pesalāpadānaṃ*)

1323. Ở vào kiếp Bhadda này, trong số các vị đang thuyết giảng đã hiện khởi đấng cao quý tên là Kassapa, có danh tiếng vĩ đại, là thân quyến của đấng Phạm thiên.

1324. Con đã được sanh ra trong gia đình cư sĩ tại kinh thành Sāvatthi. Sau khi nhìn thấy đấng Chiến Thắng Cao Quý ấy, con đã lắng nghe lời thuyết giảng.

1325. Sau khi đi đến nương tựa vào vị Anh Hùng ấy, con đã thọ trì các giới. Có lần nọ, bậc Đại Hùng ấy ở tại cuộc tụ hội của đám đông dân chúng.

1326. Đấng Nhân Ngưu đã công bố quả vị Chánh đẳng giác của mình: "Về các pháp trước đây chưa từng được nghe, về khổ, v.v...

1327. [Pháp] nhãn, trí, tuệ, minh và ánh sáng đã có cho Ta." Sau khi lắng nghe điều ấy, con đã học và đã vấn hỏi các vị Tỳ-khưu.

1328. Do nghiệp ấy đã được thực hiện tốt đẹp và do các nguyện lực của tác ý, sau khi từ bỏ thân nhân loại con đã đi đến cõi trời Đạo-lợi.

1329. Và trong kiếp sống cuối cùng hiện nay, được sanh ra trong đại gia đình triệu phú con đã đi đến đức Phật và đã lắng nghe Chánh pháp bao gồm các sự thật.

1330. Sau khi xuất gia chẳng bao lâu, trong khi suy xét về ý nghĩa của các sự thật, con đã quăng bỏ tất cả các lậu hoặc và đã thành tựu phẩm vị A-la-hán.

1331. Bạch đấng Đại Hiền Trí, con đã có năng lực về các loại thần thông và thiên nhĩ giới, con đã có năng lực về trí biết tâm của người khác.

1332. Con biết được đời sống trước đây, thiên nhãn được thanh tịnh, tất cả các lậu hoặc đã được cạn kiệt, giờ đây không còn tái sanh nữa.

1333. Trí tuệ của con về ý nghĩa, về pháp, về ngôn từ, và tương tợ y như thế về phép biện giải là trong sạch, không bợn nhơ, nhờ vào sự tác động của đức Phật tối thượng.

1334. Các phiền não của con đã được thiêu đốt, tất cả các hữu đã được xóa sạch. Sau khi cắt đứt sự trói buộc như là con voi cái [đã được cởi trói], con sống không còn lậu hoặc.

1335. Quả vậy, con đã thành công mỹ mãn, đã thành tựu tam minh, đã thực hành lời dạy của đức Phật trong sự hiện tiền của đức Phật tối thượng.

1336. Bốn [tuệ] phân tích, tám giải thoát và sáu thắng trí đã được con đắc chứng; con đã thực hành lời dạy của đức Phật.

Tỳ-khưu-ni Pesalā đã nói lên những lời kệ này như thế ấy.

"Ký sự về Trưởng lão Ni Pesalā" là phần thứ mười.

Phẩm Sát-đế-lỵ là phẩm thứ tư.

Tóm lược của phẩm này

Các vị Ni dòng Sát-đế-lỵ, luôn cả các vị Ni dòng Bà-la-môn, tương tợ như thế là vị Ni Uppaladāyikā, vị Ni Sigālamātā, vị Ni Sukkā, vị Ni vô cùng xinh đẹp [Rūpanandā], vị Ni Aḍḍhakāsikā, vị Ni Puṇṇā, vị Ni Ambapālī và vị Ni Pesalā ấy là mười. Ở đây, có hai trăm câu kệ ngôn và thêm vào bốn mươi hai câu nữa.

Giờ là phần tóm lược của các phẩm

[Bốn phẩm] Sumedhā, Ekūposathā, Kuṇḍalakesī, Khattiyā được gộp chung lại có một ngàn ba trăm bốn mươi bảy kệ ngôn. Cùng với các câu kệ của phần tóm lược đã được tính đếm bởi các bậc trí là một ngàn ba trăm năm mươi bảy câu kệ cả thảy.

KÝ SỰ VỀ TRƯỞNG LÃO NI ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.

TẬP APADĀNA ĐƯỢC ĐẦY ĐỦ.